VIÊN GIÁC

SỐ NR 186

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỴ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

PL. 2.555 NĂM THỨ 33 - THÁNG 12 NĂM 2011; JAHRGANG 33, DEZEMBER 2011 - AUSGABE IN VIETNAMESISCH

Con Rồng Cháu Tiên - Cát Đơn Sa

Xuân Nhâm Thìn 2012

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Thư Tòa Soạn

Báo Viên Giác sau hơn 30 năm nhìn lại

Kính thưa quý độc giả,

Chắc hẳn quý vị cũng thừa nhận rằng: Báo Viên Giác là một tờ báo Phật Giáo lâu đời nhất được xuất bản tại Đức, suốt hơn 30 năm qua không gián đoạn và không bị chi phối bởi nhiều sự kiện khác nhau như: sự tiến bộ của Internet hay số người đọc tiếng Việt ít đi. Thế nhưng, Viên Giác cho đến nay đã ra đời được 186 số cộng thêm 6 số bộ cũ, thành 192 số trong vòng 32 đến 33 năm liên tục như vậy. Quả là một sự đóng góp không ngừng nghỉ cho tiếng nói tự do của người Việt tại xứ người. Sở dĩ có được những thành quả ấy là căn cứ vào những yếu tố sau đây:

Ban Biên Tập Báo Viên Giác gồm những nhà văn, nhà báo, nhà giáo, nhà thơ, nhà bình luận, bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ... họ đã đóng góp trực tiếp bằng cách viết bài gởi về báo Viên Giác hay qua E-mail của chùa. Nhiều bài viết nghiên cứu về tôn giáo, lịch sử rất có giá trị và bài được đăng trên báo Viên Giác hầu hết là những sáng tác mới. Đây là món ăn tinh thần rất bổ ích cho mọi người, mà ban biên tập và những người cộng tác xa gần đã thể hiện được thiện tâm, thiện chí ấy và hầu như chùa không phải trả một thù lao nào cả. Vì đa phần những vị cộng tác cho báo Viên Giác đều là những người Phật tử và những người thường quan tâm đến nền văn hóa Việt Nam.

Độc giả là nhân tố quyết định để tờ báo còn tồn tại hay không thể tiếp tục nữa. Nếu độc giả không ủng hộ bằng cách đóng góp tịnh tài thường xuyên hàng năm; hoặc giả phản hồi những ý kiến dầu hay, hoặc dở của mỗi kỳ báo được in ra, thì Ban Biên Tập cũng không thể nào chỉ điều hành một đầu máy chạy bon bon phía trước, mà phía sau không kéo theo được những toa tàu hữu dụng. Phải nói rằng độc giả không phải dễ tính: vì người thích mục này, kẻ thích mục kia; người thích văn người này, kẻ thích văn người nọ. Vấn đề ở đây là vị chủ bút có bổn phận điều hòa nguồn máy sinh động ấy. Đây không phải là việc dễ làm.

Những vị quảng cáo trên báo Viên Giác và những độc giả ủng hộ thường xuyên cũng là những yếu tố quyết định cho việc sống còn của tờ báo. Nếu không nhờ vào sự quảng cáo của các cơ sở thương mại, làm ăn của bà con đang sinh sống tại Đức trên tờ báo Viên Giác thì chùa cũng thâm thủng một phần về chi phí ấn loát. Vì số tiền 20 Euro (hay 30 Euro ở ngoài nước Đức) ủng hộ của quý vị cũng chỉ vừa trả đủ cho việc in, ấn, tem thư, giấy mực. Vì Viên Giác không phải là tờ báo thương mại chuyên nghiệp như những tờ báo khác. Chỉ mong quý vị hiểu và hoan hỉ ủng hộ thêm.

Khâu quan trọng khác nữa thuộc về phạm vi văn phòng. Đó là: đánh máy, xem lại bài vở, layout, gởi báo đi v.v... Tuy thấy nhàn nhã như vậy. Vì mỗi hai tháng Viên Giác mới xuất bản một lần; nhưng nhân viên văn phòng của chùa làm việc không nghỉ tay; ngày này qua ngày nọ; tháng này qua tháng kia; năm này qua năm nọ. Quả là năng lực phi thường của những vị đã đóng góp tại văn phòng chùa trong mấy chục năm nay. Thư ký phải nghe điện thoại liên tục, từ việc báo nhận trễ, báo bị thất lạc, báo không đến v.v... rồi nào là sai tên, trường hợp trong một chung cư có nhiều người Việt ở. Văn phòng phải lo cho trên dưới 5.000 địa chỉ như vậy, không là vấn đề đơn thuần.

Những bìa báo, những bản tin, những hình ảnh v.v... là những đóng góp của những họa sĩ; nhiếp ảnh gia, những người đưa tin... Tất cả đều tự nguyện và không điều kiện. Trong sự đóng góp nầy cũng có những vị không là Phật tử, mà là tín đồ của những tôn giáo khác.

Chỉ ngần ấy việc bên trên thôi, để tờ báo có thể tồn tại và phát triển trong suốt hơn 30 năm qua, quả là điều không đơn giản chút nào. Người sáng lập chủ nhiệm, chủ bút vào toàn Ban Biên Tập Báo Viên Giác chỉ biết niệm ân Tam Bảo. Vì nếu không có ngoại lực vô hình thì Viên Giác khó mà tồn tại lâu dài được như vậy. Thứ đến xin cám ơn tất cả những vị độc giả xa gần cũng như

https://tieulun.hopto.org

tất cả những khâu vừa nêu trên, nếu không được như vậy thì Viên Giác khó mà tồn tại và phát triển cho đến ngày nay.

Con đường phía trước còn dài, chẳng biết là Viên Giác sẽ còn tiếp tục được bao nhiêu năm nữa. Vì thế hệ của những người trong Ban Biên Tập đa phần là những người đã lớn tuổi; họ thuộc về thế hệ giữ gìn truyền thống cũ. Chỉ mong thế hệ thứ hai, thế hệ hiện đại đang cầm giữ những chức vụ chủ chốt tại các cơ quan công quyền, thương mại, y tế v.v... ở các nước sở tại, mà thế hệ nầy được nuôi lớn và trưởng thành nên cố gắng đóng góp bài vở, kinh nghiệm chuyên môn của mình v.v... thì sự duy trì tờ báo mới khởi sắc được.

Việc tranh đấu cho một đất nước Việt Nam hoàn toàn tự do, tự chủ; trong đó kể cả tự do Tôn Giáo là bổn phận của tất cả mọi người con dân nước Việt đang sống tại ngoại quốc nầy. Vì không ai có thể ban tặng cho ta sự tự do mà chính chúng ta phải tạo ra sự tự do ấy. Mỗi năm đến ngày 30 tháng 4; ông bà, cha mẹ chỉ cần nhắc nhở lại cho con cháu của chúng ta nghe để biết rằng: lý do nào mà chúng ta phải tỵ nạn ở ngoại quốc; chỉ chừng ấy thôi thiết nghĩ cũng đã đủ để hâm nóng bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, khi ý thức của họ đã lên cao.

Nhìn lại lịch sử Phật Giáo Ấn Độ, Trung Hoa, Tây Tạng, Nhật Bản, Mông Cổ, Đại Hàn, Việt Nam v.v... chúng ta vững tin một điều rằng: không có một chế độ độc tài nào đàn áp Tôn Giáo mà có thể tồn tại lâu dài với lòng dân. Vì chính nhân dân ở thế bị thống trị sẽ tự nói lên nguyện vọng của họ; còn chúng ta những người ở ngoại quốc; nơi có tự do tuyệt đối; nên hỗ trợ cho họ để hoàn thành nhiệm vụ của một người dân tự do dân chủ.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong hay ngoài nước vẫn là một thực thể của một Tôn Giáo có một giá trị truyền thống lâu dài có tính cách kế thừa mấy ngàn năm lịch sử Phật Giáo nước nhà. Do vậy không thể trong một thời gian ngắn mà những người cầm quyền Cộng Sản dùng những thủ đoạn như: mua chuộc, lợi dưỡng, áp chế, trấn áp, chụp mũ, vu khống mà có thể thành công được. Vì những việc làm ném đá giấu tay ấy chỉ là trò hề cho trẻ con; còn người lớn không ai quan tâm đến những việc làm vô đạo đức ấy.

Trong thời gian qua Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ở trong và ngoài nước luôn bị những hệ lụy nhất định nào đó từ bên trong ra hay bên ngoài vào. Tất cả chỉ là những thử thách với tâm Bồ Tát của mọi người con Phật, không có gì có thể làm cho chúng ta thoái chí nãn lòng cả. Ai trong chúng ta lại chăng hiểu pháp duyên sanh và sự thành, trụ, hoại, không của một giai đoạn nào đó trên cõi thế nầy. Do vậy chẳng có gì để lạc quan và bi quan cả.

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu và Chi Bộ Đức quốc và Hội Phật Tử VNTN vẫn bước đi những bước thật chậm, thật vững qua sự tu học của tự thân mỗi người trong Giáo Hội hay những thành quả đạt được qua các kỳ Thọ Bát Quan Trai, Phật Thất, Tu Gieo Duyên, Sám Hối, sinh hoạt Thanh Thiếu Niên, Tổ Chức Gia Đình Phật Tử, làm Từ Thiện Xã Hội, xây dựng cơ sở chùa chiền và củng cố nội bộ cũng như của tổ chức. Đó là những thành quả nhất định mà người Phật tử cần nung nấu lửa tin yêu nầy ở trong lòng của mọi người để hộ trì Tam Bảo.

Nhìn những hình ảnh của những nhà cai trị độc tài Bắc Phi Châu hay Trung Âu đã lần lượt ra đi. Vì lý do nầy hay lý do khác. Chỉ có lòng dân và ý thức trách nhiệm lên cao thì họ mới có thể tạo ra những thế cờ tự do như vũ bão ấy được. Mong rằng những người Việt ở trong và ngoài nước cũng sớm chung lưng đâu cật với nhau để đấu tranh cho sự toàn vẹn lãnh thổ, lãnh hải với người Trung Cộng và nhất là ý thức vùng lên, chặn đứng những sự tham nhũng, bất công, bạo tàn đang xảy ra tại quê hương chúng ta hay khắp nơi trên thế giới này.

Cuộc đời và sự sống không dừng lại ở nơi đây, mà ngọn lửa ấy vẫn luôn được tiếp diễn để nuôi sống bao tâm hồn và làm chất liệu dưỡng sinh cho một thế hệ kế thừa. Có như vậy chúng ta mới không hổ thẹn là con cháu của Tiên Rồng vốn có mấy ngàn năm văn hiến.

Kính chúc quý độc giả có một năm mới Dương Lịch 2012 được nhiều thắng duyên trong cuộc sống hằng ngày và luôn luôn nhớ về cội nguồn dân tộc của chúng ta.

Mong được như vậy.

● ***Ban Biên Tập Báo Viên Giác***

https://tieulun.hopto.org

Giáo Hội Phật Giáo
Việt Nam Thống Nhất Liên Châu
VĂN PHÒNG ĐIỀU HỢP
Chùa Pháp Hoa

20 Butler Ave, Pennington, SA 5013 - Australia
Tel: 08.84478477 – Fax: 08.82401758 –
Email: phaphoanamuc@yahoo.com

BẢN LÊN TIẾNG

Về Việc Tăng Ni Tây Tạng Tự Thiêu Phản Đối Chính Sách Đàn Áp Tôn Giáo và Tiêu Diệt Văn Hóa Tây Tạng Của Chính Quyền Cộng Sản Trung Quốc

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: Đức Đạt Lai Lạt Ma Đời Thứ 14 và Cộng Đồng Phật Giáo Tây Tạng

Kính bạch Đức Đạt Lai Lạt Ma & Đức Karmapa
Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni Phật Giáo Tây Tạng,
Kính thưa chư Phật tử và nhân dân Tây Tạng,

Từ tháng 3 năm 2011 đến nay, đã có tới 12 vị Tăng, Ni Tây Tạng, phát đại nguyện tự thiêu, lấy thân mình làm ngọn đuốc thắp sáng lương tri chính quyền Cộng Sản Bắc Kinh, kêu gọi sự quan tâm của nhân loại yêu chuộng công lý và hòa bình đối với chính sách đàn áp tôn giáo và tiêu diệt văn hóa Tây Tạng của chính quyền Cộng Sản Trung Quốc.

Qua các sự kiện trên, chúng tôi, Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu (gồm bốn tổ chức Giáo Hội Úc châu, Âu châu, Hoa Kỳ và Canada), nhận định rằng:

- Kể từ khi chính quyền Cộng Sản Trung Quốc dùng bạo lực quân sự xâm chiếm Tây Tạng buộc Đức Đạt Lai Lạt Ma phải lưu vong tại Ấn Độ vào năm 1959 đến nay, chưa bao giờ tình trạng đàn áp và tiêu diệt văn hóa Phật Giáo Tây Tạng của chính quyền Bắc Kinh lên đến mức khốc liệt như hiện nay: chùa chiền bị bao vây, Tăng Ni bị kiểm soát, sách nhiễu, đàn áp, tù đày, giết chóc, văn hóa bị biến chất, giống nòi bị pha tạp, môi trường thiên nhiên và xã hội bị ô nhiễm;

- Mặc dù, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã nhiều lần công bố trước dư luận quốc tế về lập trường chỉ muốn cho Tây Tạng được tự trị trong một số lãnh vực, đặc biệt là về Phật Giáo và văn hóa, và Ngài cũng đã bày tỏ công khai về thái độ từ bi bất bạo động và ước muốn được chính quyền Cộng Sản Trung Quốc đối thoại trong tinh thần tương kính và hiểu biết lẫn nhau để tìm giải pháp ôn hòa cho Tây Tạng, chính quyền Cộng Sản Bắc Kinh vẫn không khoan nhượng, không thật tâm đối thoại, mà ngược lại ngày càng thẳng tay đàn áp một cách thô bạo hơn;

- Đã từng kinh qua thảm nạn bị đàn áp tôn giáo và đã từng có hàng mấy chục Tăng Ni, Phật tử tự thiêu để đánh thức lương tri những người cầm quyền dưới chế độ độc tài gia đình trị của Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào những năm đầu thập niên 1960 của thế kỷ trước, và dưới chế độ độc tài toàn trị của Cộng Sản Việt Nam trong suốt 36 năm qua; Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam không khích lệ sự tự thiêu nhưng nhận thức tự thiêu là hành động phát nguyện hy sinh cá nhân một cách bi tráng và trong tinh thần hòa bình, khoan dung của người con Phật đối trước bạo lực của các chính thể độc tài.

Từ những nhận định trên, toàn thể Tăng, Ni và Phật tử Việt Nam thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Liên Châu đồng tâm lên tiếng:

- Toàn tâm hậu thuẫn cho Đức Đạt Lai Lạt Ma và Tăng, Ni cũng như nhân dân Tây Tạng trong công cuộc vận động cho một đất nước Tây Tạng tự trị trong một số lãnh vực bằng tinh thần từ bi bất bạo động;

- Nhất tâm cầu nguyện cho chư Tăng, Ni đã đem thân mình làm ngọn đuốc cảnh tỉnh chính quyền Cộng Sản Bắc Kinh và nhân loại trước thảm nạn Phật Giáo Tây Tạng bị đàn áp và tiêu diệt văn hóa, được siêu thăng Phật Quốc và thành tựu đại nguyện;

- Phản đối chính sách đàn áp thô bạo của chính quyền Cộng Sản Trung Quốc đối với Phật Giáo và nhân dân Tây Tạng và yêu cầu chính quyền Cộng Sản Bắc Kinh chấm dứt tức khắc chính sách tàn ác đó, đồng thời mở đối thoại thật sự với đại diện của Đức Đạt Lai Lạt Ma và chính phủ Tây Tạng Lưu Vong;

- Thiết tha kêu gọi Liên Hiệp Quốc, các Chính phủ, các Quốc hội, các Cơ quan nhân quyền quốc tế và nhân loại yêu chuộng công lý, tự do và hòa bình hãy lên tiếng can thiệp để chính quyền Cộng Sản Trung Quốc chấm dứt ngay tức khắc việc đàn áp tôn giáo, vi phạm nhân quyền và tiêu diệt văn hóa Tây Tạng.

Thành tâm kính chúc Đức Đạt Lai Lạt Ma Đời Thứ 14, chư tôn đức Tăng, Ni và Phật tử Tây Tạng thành tựu đại nguyện.

Phật lịch 2555, ngày 15 tháng 11 năm 2011

Giáo Hội PGVNTNHN tại Úc Đại Lợi–Tân Tây Lan
HT. Thích Như Huệ, Hội Chủ Điều Hành,
Đương kim Chánh Văn Phòng Điều Hợp (ấn ký)

Giáo Hội PGVNTN Âu Châu
HT. Thích Minh Tâm, Chủ tịch HĐĐH (ấn ký)

Giáo Hội PGVNTN Hoa Kỳ
HT. Thích Tín Nghĩa, Quyền Chủ tịch HĐĐH (ấn ký)

Giáo Hội PGVNTN Hải Ngoại Canada
HT. Thích Bổn Đạt, Chủ tịch HĐĐH (ấn ký)

https://tieulun.hopto.org

Tự Tánh Tam Bảo Viên Ngọc Minh Châu

• **TKN Thích Nữ Chân Liễu**

Các vị Tổ khi xưa tu đắc đạo nhưng thân còn tại thế. Vì muốn hóa độ dễ dàng hơn, các Ngài thường vẽ ra hình tượng các vị Bồ Tát, để diễn tả các pháp tu, để khuyên dạy và giáo hóa chúng sanh. Người thế gian nếu chấp những hình tượng Bồ Tát đều là linh tượng, thánh tượng theo thần quyền, có thể ban phước giáng họa, cầu nguyện van xin, thì không lợi ích gì cho con đường tu tập bản thân. Chẳng những vậy, điều cố chấp này còn làm cho con người yếu hèn, sanh tâm ỷ lại, thêm tâm ích kỷ, ham muốn lợi riêng cho bản thân mình, gia đình mình. Rồi từ đó, con người sống cuộc đời với tâm tranh chấp hơn thua, đấu tranh và đau khổ triền miên.

Khi vô thường đến cướp mất người thân yêu, hay là chính bản thân đứng trước cửa tử, lúc bấy giờ tâm con người bất an, đau đớn, hoảng loạn, kêu cứu, giờ phút đó không biết rơi vào cảnh giới xấu tốt nào, địa ngục hay thiên đàng, Phật ở đâu, Bồ Tát ở đâu, sao không thấy? Làm sao giữ được bình tĩnh để ra đi an lành trong giờ phút đó? Câu hỏi này chúng ta cần phải tìm cho được giải đáp ngay bây giờ, trong lúc thần thức còn sáng suốt, tâm trí còn ổn định. Sanh tử sự đại. Đó mới là sự cần thiết quan trọng bậc nhất.

Trong các chùa chiền, tự viện, tu viện, tôn tượng trang nghiêm được an trí bên cạnh Đức Phật Bổn Sư Thích Ca, vị Bồ Tát thân đắp cà sa, hình tướng một vị tăng xuất thế, tay phải cầm tích trượng, tay trái nâng viên ngọc minh châu tỏa sáng. Đó là hình ảnh tôn tượng đại bi, đại nguyện, đại thánh, đại từ, bổn tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát. Ngài phát đại nguyện: **Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật.** Tâm nguyện Bồ Tát không muốn an hưởng Niết Bàn khi thấy chúng sanh còn quá nhiều đau khổ.

Địa: sâu dầy, chắc cứng, kiên cố, sâu kín, tối tăm.

Tạng: chứa đầy đủ, không hạn định, không đo lường.

Trong đạo Phật, Địa Tạng hàm ý đại địa bao la, tượng trưng cho tạng thức và căn tánh con người có thể dung chứa tất cả thiện ác, tốt xấu, có chân thật, có giả dối. Tâm con người có địa ngục và tâm con người cũng có niết bàn.

HÌNH TƯỚNG TRANG NGHIÊM VỊ TĂNG XUẤT THẾ (TỰ TÁNH TĂNG BẢO - THANH TỊNH)

Tinh thần mạnh mẽ vô úy, lý tưởng vị tha của một vị hình tướng xuất gia, luôn dấn thân để cứu độ chúng sanh đang chịu khổ cảnh địa ngục kinh hoàng bởi vô minh. Hình ảnh thân đắp cà sa, gương mặt đôn hậu từ ái, lòng đại từ đại bi cao cả, là tấm gương sáng cho tất cả chúng sanh, tượng trưng cho "Tăng Bảo", một trong ba ngôi tam bảo quí hiếm. Tăng bảo là người tu xuất gia, là kho chứa châu báu diệu pháp, mồi ngọn đuốc từ bi trí tuệ nơi Đức Thế Tôn, đem lợi lạc cho chúng sinh, mở sáng trí tuệ cho người tu học Phật.

Mặc dù sống trong nhà phiền não, nhưng người xuất thế tục gia được người đời tin tưởng, là bậc thầy chỉ đường vượt qua rừng u minh tăm tối. Tâm từ bi độ lượng bao dung của người tu, như thửa ruộng hạnh phúc an vui cho cuộc đời. Những lời thuyết pháp của Tăng bảo có sức mãnh liệt phá tan những vọng tâm, vọng tưởng sâu kín tận trong tâm thức của những người đang mê ngủ với thú vui tạm bợ, làm cho họ thức tỉnh.

Thân đắp cà sa có ý nghĩa kham nhẫn, sống đời phạm hạnh thanh tịnh và còn là sức mạnh của giới pháp, ngăn ngừa những tội lỗi của ác pháp. Chiếc áo cà sa che chở cho người tu trong cuộc sống xã hội đầy tham vọng, sân hận và si mê. Người xuất thế tục gia có nghị lực mạnh mẽ phát triển các thiện pháp, tự giải thoát cho bản thân, phát tâm hạnh Bồ Tát vì người, không phải chuyện dễ dàng ai cũng làm được.

Trong 37 phẩm trợ đạo, đức Phật dạy người tu cần phải có sức mạnh của Ngũ Căn (Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ), gọi là **"Ngũ Lực" gồm có:**

1. Tín Lực: Sức mạnh của sự tin tưởng vào chánh pháp không thối chuyển.

2. Tấn Lực: Sức mạnh của sự tinh tấn, quyết tâm thành tựu phạm hạnh trên đường tu.

3. Niệm Lực: Sức mạnh của tâm niệm, luôn ghi nhớ xa rời điều ác, giữ giới trong sạch.

4. Định Lực: Sức mạnh của sự quán sát tâm và tập trung vào thiền định, an nhiên tự tại.

5. Tuệ Lực: Sức mạnh của sự sáng suốt, trí tuệ mạnh mẽ đi đến bờ giác ngộ.

Tu là ở nơi nội tâm có chánh tín sáng suốt và tư duy thanh tịnh, không phải ở hình tướng bên ngoài. Con người dù thân còn tại gia nhưng tâm xuất gia đều có thể thực hành "Ngũ Lực" mạnh mẽ và phát hạnh nguyện Bồ Tát như người xuất gia đắp y giải thoát vậy.

Tu là noi theo hạnh nguyện Bồ Tát Địa Tạng, thấy được trong tâm địa con người có nghiệp lành, có nghiệp dữ, có tốt có xấu, có địa ngục, có niết bàn và có tự tâm tự tánh "Tăng Bảo" thanh tịnh. Từ đó có thể tự tu, tự giác ngộ giải thoát cho chính bản thân và mọi người hữu duyên, như hạnh nguyện của người xuất gia đắp y giải thoát vậy.

Người biết cách tu, phải tự lực, tự giác ngộ, tự chuyển đổi tâm địa của chính bản thân, đến khi hoàn toàn không một tạp niệm nào sinh khởi nữa, tức là địa ngục đã trống không, lúc đó được giải thoát.

https://tieulun.hopto.org

Đó chính là **Tự Tánh "Tăng Bảo" thanh tịnh**, mà ai ai cũng có.

TÍCH TRƯỢNG PHÁ CỬA ĐỊA NGỤC: CHÁNH PHÁP (TỰ TÁNH PHÁP BẢO - CHÂN CHÁNH)

Địa ngục không nhất thiết khi con người chết đi mới thấy, địa ngục ở ngay cõi đời ngũ trược ác thế. Địa ngục sanh ly tử biệt, địa ngục tù giam cấm cố tra tấn, địa ngục bịnh hoạn, đau đớn, rên xiết. Thật là quá nhiều địa ngục ngay trước mắt, con người phải chịu đền trả quả báo gây tạo ra nhiều đời nhiều kiếp trong lục đạo luân hồi.

Bồ Tát Địa Tạng tay cầm Tích Trượng biểu dương sức mạnh của **Chánh Pháp.** Năng lực của Tích Trượng hay Thiền Trượng là tâm đại từ đại bi của Bồ Tát, dùng chánh pháp chuyển hóa tâm địa con người đầy tham lam, hận thù, đố kỵ, si mê mù quáng có thể thức tỉnh kịp thời. Như những cánh hoa sen nở thơm tho thanh khiết, kết tụ của sự giác ngộ giải thoát, hoa sen đều từ gốc bùn tanh. Mục đích của người tu là phải có chánh pháp, hiểu tận tường thấu đáo, thực hành đúng theo lời Phật dạy. Chánh pháp chính là hiệu quả của **"Tích Trượng phá cửa địa ngục",** là gậy vàng đập tan gông cùm xiềng xích trói buộc của địa ngục phiền não đau khổ.

Xuất gia hay tại gia đều có thể tự tu theo pháp "lục độ ba la mật", trang nghiêm thân tướng với bố thí, trì giới, kham nhẫn, tinh tấn, thiền định và trí tuệ, để đạt tự tánh "Pháp Bảo" chân chánh. Từ đó phát sanh trí tuệ, phá vỡ cửa địa ngục vô minh nhiều kiếp luân hồi, tâm luôn hướng về Bồ Tát hạnh để cứu khổ chúng sinh. Người tu theo con đường chân chính của Đức Phật chỉ dạy, sống trong chánh pháp được an lạc hạnh phúc. Dù chưa thành Phật, chưa an hưởng niết bàn, nhưng ở mọi cảnh giới đều có thể tự độ và độ tha như hạnh nguyện Bồ Tát Địa Tạng. Còn sống trên đời, còn khỏe mạnh, con người nên dành nhiều thì giờ vào việc tu học, tự quán sát, tự soi vào tâm địa chính bản thân, bởi vì Phật dạy thân người khó được và được thân người là dễ tu nhất.

Trên đường tu học đạo, con người thường phải trải qua nhiều chông gai thử thách. Nào trùng độc, rắn dữ, cám dỗ của ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thùy), tiền của, sắc đẹp, danh lợi, ăn uống, ngủ nghỉ, ngày tháng rong chơi, ai nói gì cũng tin, ai bảo làm gì cũng nghe theo. Những thứ tà pháp đó dẫn dắt con người lạc vào con đường tà đạo đầy bóng tối tội lỗi. Chánh pháp là cứu cánh tận diệt tội lỗi, dứt trừ thói quen tạo nghiệp đua đòi và nhiều tật xấu tiềm ẩn trong kho tàng tâm thức con người. Khi hiểu tận tường giáo pháp trong kinh điển, thực hành và suy ngẫm thấu đáo lời Phật dạy, chuyển hóa tâm địa si mê sâu nặng trong tàng thức và tâm ích kỷ mù quáng, con người thức tỉnh kịp thời, đó là giải thoát.

Đức Phật dạy: *"Phải luôn luôn quán chiếu nội tâm, thúc liễm vọng tâm vọng thức để tự giác ngộ. Tâm làm chủ mọi hành động, mọi nghiệp lực. Tâm là địa ngục, tâm cũng là niết bàn. Con người phải hứng chịu mọi quả báo an lạc hay đau khổ do chính mình tạo ra. Chính tự thân mới có đủ năng lực đưa mình ra khỏi địa ngục đau khổ mà thôi".*

Địa Tạng là tâm địa sâu kín chân thật của con người, khi thức tỉnh biết tàm quí, sám hối tội lỗi, chấm dứt nghiệp dữ. Chuyển hóa, sửa đổi tâm niệm xấu ác thành thiện lành chính là con đường giải thoát ra khỏi luân hồi, tam đồ ác đạo: địa ngục, ngạ quỉ, súc sinh. Hiểu được đạo lý như vậy thì rất có lợi lạc cho việc tu nhân, tích phước, kiệm đức, cứu người giúp đời. Người đời có thể che giấu được tâm tốt hay xấu với người xung quanh, nhưng không gạt được tâm địa của chính mình.

Nhận ra được chân lý sống, con người biết dùng chánh pháp làm phương tiện thanh lọc những tư tưởng ô nhiễm bám vào tâm thức nhiều đời nhiều kiếp. Thực hành lời Phật dạy, suy tư và tinh tấn phát huy định lực tự thân, vững bước tu tập cho đến khi đạt được **Tự Tánh "Pháp Bảo" chân chánh,** thân tâm được tự tại giải thoát khỏi cảnh giới địa ngục.

VIÊN NGỌC MINH CHÂU - TRÍ TUỆ (TỰ TÁNH PHẬT BẢO - SÁNG SUỐT)

Bồ Tát Địa Tạng tay nâng viên ngọc Minh Châu, tượng trưng cho vật thể vô cùng quí giá, ánh sáng của ngọc Minh Châu có thể soi sáng trong bóng tối vô minh. Hình tượng Phật và Bồ Tát thường được diễn tả những tia hào quang, chiếu sáng xung quanh đầu hay toàn thân, chính là nghĩa đó.

Theo kinh sách, ánh sáng mang ý nghĩa là trí tuệ cao tột và sự sáng suốt thanh tịnh của những bậc giác ngộ siêu phàm, các vị chứng chánh đẳng chánh giác mới có được. Chư Phật, Chư Bồ Tát và Chư Tổ đắc đạo được người đời tin tưởng, là bậc thầy chỉ đường, cứu giúp con người vượt qua rừng u minh tăm tối. Con người nhờ được chỉ dẫn, cố gắng tìm cho ra viên ngọc Minh Châu tượng trưng cho trí tuệ sáng ngời của tự tâm.

Viên ngọc Minh Châu tiêu biểu cho Phật tánh sáng suốt bất sanh bất diệt của con người mà ai cũng có. Trí tuệ cũng do từ bản tâm tự lực con người thanh tịnh mà được. Muôn pháp đều ở tại tâm, tùy tâm biến hiện.

Viên ngọc Minh Châu là ý nghĩa sự tỉnh thức giác ngộ của Phật tánh có công năng chiếu rọi vào sâu tận tâm địa của con người, vượt lên trên tất cả sự thấy biết của phàm phu. Nhưng con người vì sống trong sáu cõi luân hồi nhiều đời nhiều kiếp mê mờ nên không thấy được cái quí giá của tự thân, cứ lo mãi tìm Phật, cầu Bồ Tát bên ngoài.

Người có được ý chí mạnh mẽ, phát huy tinh thần tự giác, sống không chọn ăn ngon mặc sang, không hơn thua tranh chấp, biết sợ nhân quả, hiểu rõ vô thường, thân này trăm năm rồi cũng tan rã. Nếu tất cả những đòi hỏi của con người biết tùy theo khả năng và chỉ là phương tiện cần thiết, biết đủ cho cuộc sống, thì đạt được sự tự do và giải thoát khỏi sự trói buộc ngục tù của lòng tham sân si.

"Phật Bảo" là một trong ba ngôi báu của Tự Tánh Tam Bảo sáng suốt nhất, là kho chứa đựng châu báu rạng ngời và cao cả nhất. **Tinh thần của đạo Phật không chấp nhận sự dựa dẫm, ỷ lại vào các hiện tượng linh thiêng huyền bí hay cầu nguyện vì lòng tham lam và ích kỷ.** Người tu theo Phật phải có ý chí cương quyết phá tan mọi cám dỗ của danh lợi, không bị sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) trói buộc, tìm cho được tự tánh "Phật Bảo" sáng suốt của tự tâm. **Tâm mê là chúng sanh, tâm giác là Phật. Tâm mê ở địa ngục, tâm giác ở niết bàn.**

Trong Kinh Kim Cang, Lục Tổ Huệ Năng ngộ được Tự Tâm Tự Tánh Tam Bảo sẵn có nơi tự thân mỗi người:

https://tieulun.hopto.org

Bất ưng trụ sắc sanh tâm
Bất ưng trụ thanh hương
vị xúc pháp sanh tâm,
Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.

Nghĩa là: Con người không chấp giữ bất cứ việc gì cho riêng mình, đừng thấy sắc sanh phân biệt thương ghét, đừng vì cao lương mỹ vị mất cảnh giác, đừng vì lợi dưỡng sung sướng sanh tâm tham đắm. Không có chỗ dính mắc thì không có địa ngục khổ đau phiền não, tâm được nhẹ nhàng an lành giải thoát. Tâm "vô sở trụ" là tâm bồ đề, là ngọc Minh Châu sáng ngời trí tuệ. Đó chính là **Tự Tánh "Phật Bảo" sáng suốt,** dù sống ở cảnh giới nào cũng được an vui tự tại.

Tóm lại, Bồ Tát Địa Tạng một tay nắm vững tích trượng **(Từ Bi),** một tay nắm chắc viên ngọc **(Trí Tuệ),** không phải là vị thần linh, và không có khả năng phá cửa địa ngục cứu chúng sanh theo nghĩa đen, bởi vì như vậy trái với luật nhân quả và hiểu như vậy kinh Bát Nhã gọi là vọng tưởng điên đảo.

Bồ Tát Địa Tạng biểu trưng **Chánh Tín** đủ hai yếu tố: **Từ Bi và Trí Tuệ.** Người tu theo lời Phật dạy cần có chánh tín. Không có chánh tín, con người sẽ dựa vào thần quyền, dựa vào tha lực, nghĩ rằng tiền của, tài sản có thể mua chuộc được thần linh, và cầu nguyện Bồ Tát Địa Tạng cứu vớt sau khi chết. Cho nên người mê tín không quan tâm đến chánh pháp, suốt đời chỉ lo hơn thua tranh đấu, tạo nghiệp, chứ không sớm biết tu tâm dưỡng tánh, dừng nghiệp và chuyển nghiệp. Từ đó, con người sẽ rơi vào trầm luân đau khổ của sanh tử không thoát ra được.

Người sáng suốt biết quan tâm đến chánh pháp, sớm thức tỉnh, rốt ráo thanh lọc thân tâm, vun bồi công đức, dụng công tu tập càng nhiều thì minh tâm kiến tánh càng sớm đạt thành. Thấy được **Phật Pháp Tăng tự tâm** tức là hằng sống trong **Tự Tánh Tam Bảo.**

TỰ TÁNH PHẬT BẢO:

Viên ngọc Minh Châu quí hiếm, là trí tuệ viên mãn, là Phật tánh sáng suốt, có công năng phá trừ vô minh và đạt chánh đẳng chánh giác.

TỰ TÁNH PHÁP BẢO:

Tích trượng Chánh Pháp nặng ngàn cân, là sức mạnh từ bi chân chánh vô úy của các pháp, có công năng tự giải thoát khỏi địa ngục đau khổ của thân tâm.

TỰ TÁNH TĂNG BẢO:

Tướng xuất gia và Tâm thanh tịnh. Tuy sống tại thế gian, nhưng Tâm xuất gia, hành Bồ Tát đạo, tự độ độ tha, chính là các vị chân tu thật học, một lòng không thối chuyển.

Khi mê mờ: Chúng con khổ - nguyện xin cứu khổ.
Khi giác ngộ: Chúng con khổ - nguyện xin tự độ.

NAM MÔ U MINH GIÁO CHỦ BỔN TÔN
ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT

TKN Thích Nữ Chân Liễu
(11.11.2011)
thichnuchanlieu@gmail.com

Chiều cuối năm nhớ bạn

Có ai về thăm lại quê xưa
Gởi cho tôi một cành hoa dại
Mười bảy năm tôi chưa về lại
Con nước trôi còn nhớ chân cầu

Đám bạn bè giờ biết ra sao
Kẻ lây lất quê nhà lận đận
Người đáy biển mồ hoang mả lạnh
Giấc mộng đời theo bóng thiên di

Tôi một lần bỏ nước ra đi
Con én lạc bên trời biển rộng
Ngày chờ đợi từng tia hy vọng
Đêm nằm mơ một sớm quay về

Ai có về bên ấy thăm quê
Cho tôi nhắn tin người bạn học
Em có ghé trường xưa cỏ mọc
Nhặt giùm tôi chút ấu thơ vàng

Chiều cuối năm ngồi nhớ miên man
Mây viễn xứ thương hoài cố quận
Cho tôi ngủ một lần trong mộng
Giữa đồi sim tím ngắt năm nào

Cho tôi về dù chỉ chiêm bao
Đứng hát giữa sân trường đại học
Bài ca đó những chiều chủ nhật
Của một thời tuổi trẻ xôn xao

Cho tôi gào hai tiếng Tự Do
Khi đất nước qua thời nô lệ
Từ da thịt đau thương của mẹ
Có hương thơm tỏa bốn phương trời.

● Trần Trung Đạo

https://tieulun.hopto.org

Tìm hiểu Tánh Không

Đức Đạt Lai Lạt Ma
Hoang Phong chuyển ngữ

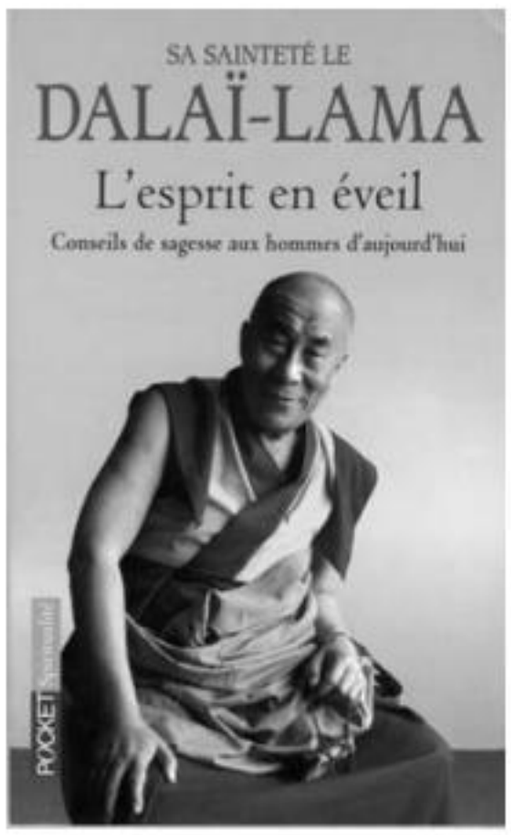

Lời giới thiệu: *Bài chuyển ngữ dưới đây trích từ một quyển sách của Đức Đạt Lai Lạt Ma mang tựa đề "Tâm Thức Giác Ngộ, Những lời khuyên Trí tuệ cho con người ngày nay" (L'Esprit en Eveil, Conseils de Sagesse aux hommes d'aujourd'hui, nxb Presses du Chatelet, 2009. Phiên bản tiếng Anh: In My Own Words, nxb Hay House, 2008). Phần chuyển ngữ gồm toàn bộ một chương ngắn (chương 10, tr. 141-151) nêu lên một trong các khái niệm đặc thù và quan trọng nhất của Phật giáo, đó là khái niệm về Tánh Không (Sunyata - Vacuité - Emptiness).*

Khoa học là sự hiểu biết về thế giới hiện tượng bên ngoài và các ứng dụng của sự hiểu biết ấy. Đấy là cách định nghĩa của khoa học ngày nay. Thế nhưng cũng có một lãnh vực hiểu biết khác, thiết lập trên nguyên tắc tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu khác, đặc biệt liên hệ đến các hiện tượng bên trong *(tức nội tâm)*, và được ứng dụng vào các hiện tượng như tri thức hay tâm thức chẳng hạn. Cả hai khoa nghiên cứu trên đây đều nhắm vào một mục đích chung là làm thế nào để mang lại sự toại nguyện và niềm hạnh phúc cho con người, và đấy cũng là những mối bận tâm sâu xa nhất của họ. Đối tượng và phương pháp của cả hai ngành nghiên cứu đó đều do chính con người sáng tạo, do đó chúng nhất thiết trực tiếp liên hệ đến họ. Một khoa học gia nghiên cứu các hiện tượng bên ngoài cũng không khác gì với hình ảnh của một người đang mưu cầu hạnh phúc, vì tri thức cũng liên hệ mật thiết đến họ, dù cho họ có thành thạo trong lãnh vực này hay không. Ngược lại, bất cứ một người nào khi hướng về lãnh vực tâm linh và hằng quan tâm đến tri thức hoặc thiền định, thì nhất định sớm muộn gì cũng phải đối đầu với lãnh vực vật chất *(có nghĩa là mặc dù chỉ quan tâm đến các hiện tượng nội tâm thế nhưng trên thực tế cũng không thể gạt sang một bên sự tìm hiểu lãnh vực vật chất)*. Giữa hai phương pháp tiếp cận đó *(đối với tâm linh và vật chất)*, không có một phương pháp nào có thể gọi là hoàn toàn để có thể đứng vững một mình. Nếu như một trong hai phương cách có thể đứng vững một cách độc lập được, thì nào có cần đến sự hỗ trợ của phương cách kia.

Tính cách ngẫu biến của các hiện tượng

Nền tảng triết học hay cách nhìn của Phật giáo đối với các hiện tượng đều hướng vào tính cách ngẫu biến *(hay ngẫu nhiên, bất định, bất ngờ..., contingency)* của chúng. Đề cập đến khái niệm ngẫu biến của mọi hiện tượng cũng có nghĩa là nêu lên tính cách tương liên và tương kết giữa mọi vật thể *(interdependence)*, tức sự hiện hữu của chúng nhất thiết phải lệ thuộc vào một thứ gì khác. Đối với một hiện tượng vật chất, người ta có thể xác định là nó hiện hữu nhờ vào các thành phần cấu tạo ra nó, đối với một hiện tượng cấu hợp phi-vật-chất thì sự hiện hữu của nó được chỉ định hoặc bởi chính tính cách liên tục của nó, hoặc bởi một thể dạng nào đó của sự liên tục ấy *(thí dụ một hiện tượng tâm thần luôn liên hệ đến sự liên tục của nó đối với thời gian hoặc những thể dạng hiển lộ hay biểu lộ của nó trên dòng liên tục ấy)*. Vì thế, các hiện tượng dù thuộc bên trong *(tức tâm thần)* hoặc bên ngoài *(tức vật chất)* thì trong bất cứ trường hợp nào chúng cũng không thể hiện hữu độc lập với các thành phần *(đối với các hiện tượng vật chất)* hay các thể dạng hiển hiện của chúng *(đối với các hiện tượng tâm thần)*.

Đối với bất cứ một hiện tượng nào, dù có cố sức tìm đủ mọi cách để xác định sự hiện hữu của chúng, thì ta cũng không thể phát hiện được bất cứ một dấu vết nhỏ nhoi nào chứng minh cho tính cách xác thực của sự hiện hữu ấy - tức là không có một mảnh vụn nhỏ nhoi nào của bất cứ một thứ gì để có thể dùng ngón tay mà trỏ vào đấy hầu chứng minh sự hiện hữu của một hiện tượng -, vì thế ta có thể kết luận rằng một hiện tượng nhất thiết chỉ hiện hữu qua sự phỏng đoán của tâm thức *(đây là một nguyên tắc khá quan trọng cần ghi nhớ, vì nó sẽ giúp theo dõi cách phủ nhận sự hiện hữu của "cái ngã" được trình bày trong các phần dưới đây)*.

Mọi hiện tượng không hàm chứa bất cứ một sự hiện thực độc lập nào bên ngoài tâm thức đứng ra để phỏng đoán về sự hiện hữu của chúng *(tức là mọi hiện tượng chỉ hiện hữu qua sự phỏng đoán của tâm thức)*, do đó *tánh không (vacuité, emptiness)* có nghĩa là không có bất cứ một sự hiện hữu tự chủ nào bên ngoài sự phỏng đoán của tâm thức. Vì lý do sự hiện hữu của các vật thể không mang tính cách tự phát *(tự nhiên, tự tác tạo hay tự hình thành...)* mà luôn luôn phải lệ thuộc vào vô số điều kiện, và mỗi khi các điều kiện thay đổi thì các vật thể cũng biến đổi theo. Do đó các hiện tượng chỉ hiển hiện tùy thuộc vào một số điều kiện nào đó, và đồng thời cũng tùy thuộc vào một số điều kiện khác để chấm dứt và không còn hiện hữu nữa. Thế nhưng chính sự vắng mặt đó của mọi sự hiện hữu tự tại, không lệ thuộc vào bất cứ một nguyên nhân hay điều kiện nào, lại là cơ sở giúp cho các hiện tượng có thể biến đổi được, chẳng hạn như sự hiển hiện hay sự đình chỉ của nó, v.v... *(nhờ vào tánh không tức sự vắng mặt của mọi sự hiện hữu nội tại nên các hiện tượng mới có thể biến đổi được, có nghĩa là nếu một hiện tượng hàm chứa một sự hiện hữu tự tại, bất biến và trường tồn thì nó không còn khả năng nào để biến đổi được nữa)*.

Thiết nghĩ cũng nên so sánh giữa sự giải thích khoa học về vai trò của một chủ thể đứng ra quan sát tức là người "tham dự" *(tức nhà khoa học đứng ra quan sát)* và quan điểm của Phật giáo theo đó các hiện tượng quan sát không những đơn thuần chỉ là những hình ảnh tâm thần, những phóng ảnh hay sự quán thấy của tâm thức,

https://tieulun.hopto.org

mà chúng không thể nào hiện hữu bên ngoài tâm thức được, *(câu này có nghĩa là những gì do một khoa học gia quan sát hay mô tả lệ thuộc vào chủ thể tức là nhà khoa học, những gì do tâm thức quán nhận nhất thiết là những hình ảnh tâm thần và bắt buộc phải lệ thuộc vào tâm thức và không thể hiện hữu bên ngoài tâm thức được)*. Tâm thức và vật chất là hai thứ khác nhau, tâm thức giữ vai trò nắm bắt và chỉ định vật chất bằng một tên gọi. Điều đó có nghĩa là đối với tất cả mọi hiện tượng và không có một ngoại lệ nào, và dù cho chúng chỉ là những tạo tác hay những biểu lộ đơn thuần của tâm thức và không hàm chứa một thực thể riêng biệt nào, thì nhất thiết phương cách hiện hữu của chúng cũng đều bắt buộc phải lệ thuộc vào sự vận hành tối hậu của tâm thức, giúp cho tâm thức phỏng đoán ra sự hiện hữu của chúng. Vì thế nên người ta cũng có thể gọi tâm thức là một thứ "chủ thể phỏng đoán". Tóm lại phương cách hiện hữu của mọi hiện tượng cũng hoàn toàn khác biệt với "chủ thể phỏng đoán" giữ vai trò phỏng đoán ra chúng, thế nhưng đồng thời thì sự hiện hữu của chúng cũng lại trực tiếp lệ thuộc vào chính "chủ thể *(đã)* phỏng đoán" ra chúng. Tôi có cảm giác là quan điểm ấy có thể xem như tương đồng với những gì do khoa khọc giải thích liên hệ đến một chủ thể quan sát *(tức khoa học gia)*. Mặc dù có sự khác biệt trên phương diện thuật ngữ, thế nhưng thật rõ ràng là có một sự trùng hợp trên phương diện ý nghĩa.

Bản chất đích thật của mọi hiện tượng

Thoạt nhìn thì các khái niệm về sự ngẫu biến và tánh không được trình bày trên đây có vẻ như hoàn toàn mâu thuẫn với nhau. Thế nhưng, nếu phân tích sâu xa hơn thì người ta cũng sẽ hiểu rằng các hiện tượng đều hiển hiện hay hiện hữu trong một khung cảnh hoàn toàn lệ thuộc vào nhau, và chính vì sự hiện hữu lệ thuộc đó mà các hiện tượng từ bản chất đều mang tính cách trống không *(mọi hiện tượng chỉ có thể hiện hữu bằng cách lệ thuộc vào nhau, bên ngoài sự lệ thuộc đó ra thì sẽ không có một hiện tượng nào có thể hiện hữu hay hiển hiện ra được, đặc tính ấy gọi là tánh không của mọi hiện tượng)*. Do đó người ta có thể xác định rằng sự *ngẫu biến (ngẫu nhiên, bất định, bất ngờ - contingency)* và *tánh không* được thiết lập trên một cơ sở duy nhất chung cho nhau, mặc dù chúng cho thấy hai sắc thái khác nhau *(vừa bất định và biến đổi lại vừa trống không, tức có nghĩa là một hiện tượng luôn bất định nên không để lại "phía sau" một thứ gì cả ngoại trừ sự trống không, do đó ngẫu biến - contingency - và tánh không - emptiness - cũng chỉ là một)*. Trên phương diện bề ngoài thì hai bộ mặt đó trái ngược nhau *(trống không và sự kiện bất định hay ngẫu biến)*, thế nhưng trên một bình diện sâu xa hơn, cả hai lại tỏ ra ăn khớp và bổ túc cho nhau *(xin nhắc thêm là tánh không chẳng có nghĩa là không có gì hết mà đúng hơn là các hiện tượng luôn bất định và biến động và nhất thiết không hàm chứa một bản chất cố định và bất biến nào, vì thế nên tánh không hay bản chất biến động liên tục ấy của mọi hiện tượng cũng "ăn khớp" hay "trùng hợp" với tính cách ngẫu biến bất định của mọi hiện tượng. Thế nhưng cũng cần nhắc thêm là sự ngẫu biến đó của mọi hiện tượng cũng phải lệ thuộc vào quy luật tượng liên - interdependence - tức sự tạo tác do điều kiện mà có hay là lý duyên khởi, và tất nhiên còn phải thuận theo quy luật nguyên nhân hậu quả nữa)*.

Phương cách theo đó mọi hiện tượng hiển hiện khác hẳn với phương cách mà chúng hiện hữu thật sự. Khi tâm thức nắm bắt phương cách hiển hiện của các hiện tượng *(tức là sự tạo tác do điều kiện mà có)* thì nó cứ nghĩ đấy là một sự hiện hữu đích thực để bám chặt vào ý nghĩ ấy hay khái niệm cá biệt ấy, và chính đấy là nguyên nhân mang lại sự sai lầm. Vì khái niệm hay ý nghĩ đó hoàn toàn lầm lẫn ngay từ cấp bậc nắm bắt đối tượng, nên được xem là hoàn toàn trái ngược với cách hiện hữu đích thật của hiện tượng, và cả với chính hiện thực nữa. Sở dĩ có sự lệch lạc hay trái ngược xảy ra giữa "những gì đúng thật" và "những gì hiển hiện" là vì các hiện tượng, tuy trên thực tế hoàn toàn không hàm chứa bất cứ một thực thể cá biệt nào, thế nhưng vẫn hiện ra với một tâm thức bình thường *(tức một tâm thức không quen suy luận về bản chất của hiện thực)* như là hàm chứa một sự hiện hữu tự chủ, mặc dù chúng không hề mang đặc tính ấy *(nói cách khác, tâm thức của một người không tu tập sẽ không quán nhận được bản chất đích thực của mọi hiện tượng và xem những gì hiển hiện ra trước mắt đều "đúng" như thế và " thật" như thế, và tất cả đều hàm chứa một sự "hiện hữu độc lập và tự tại", thế nhưng thật ra thì đấy chỉ là những hình ảnh luôn chuyển động và biến đổi tương tự như ảo giác, chúng liên tục hiện ra và mất đi với một tốc độ mau hay chậm mà thôi)*.

Cũng thế, trên thực tế tuy rằng các vật thể đều lệ thuộc vào các nguyên nhân *(tạo ra chúng)* và đều mang tính cách vô thường, bất định, luôn gánh chịu sự đổi thay, thế nhưng chúng vẫn hiển hiện ra có vẻ như là trường tồn và bất biến. Vì thế mà một thứ gì đó dù thuộc vào thể loại khổ đau thế nhưng vẫn được xem là một nguồn hạnh phúc *(thí dụ "hạnh phúc lứa đôi" mang bản chất lo buồn và kéo theo những khổ đau mênh mông, thế nhưng vẫn được xem là một nguồn hạnh phúc)*, hoặc một thứ gì đó trên thực tế là sai, thế nhưng vẫn hiển hiện ra như là đúng thật *(thí dụ thấy có một lớp nước trên mặt đường dưới sức nóng của ánh nắng mặt trời)*. Sự mâu thuẫn giữa phương cách hiện hữu và phương cách hiển hiện của mọi hiện tượng thường là một chủ đề suy tư mang lại nhiều sự quán xét thật tinh vi. Sự mâu thuẫn giữa "những gì đúng thật" và "những gì hiển hiện" thường tạo ra đủ mọi thứ sai lầm. Thật ra thì những gì vừa được trình bày trên đây cũng hết sức gần với khái niệm về sự khác biệt giữa phương cách hiển hiện và sự hiện hữu của một số hiện tượng mà các khoa học gia từng nêu lên *(thí dụ bản chất của ánh sáng là năng lượng, thế nhưng hình thức năng lượng đó có thể hiển hiện dưới dạng các hạt ánh sáng gọi là foton hoặc dưới dạng các làn sóng, và tùy theo các tần số khác nhau mà các làn sóng mang các màu sắc khác nhau. Bản chất của mọi hiện tượng là tánh không, thế nhưng từ bản chất tánh không đó đã phát sinh và hình thành đủ mọi thể dạng chuyển động và bất định để tạo ra cả một thế giới vô thường chung quanh chúng ta, trong đó kể cả tư duy và xúc cảm thuộc vào nội tâm của chúng ta nữa)*.

Một cách tổng quát, khi đã thấu triệt được ý nghĩa của tánh không và sự bất định *(contingency)* của mọi hiện tượng là gì thì lại càng khiến chúng ta tin tưởng vững chắc hơn vào quy luật nguyên nhân hậu quả. Theo quy luật đó các nguyên nhân và điều kiện khác nhau sẽ

https://tieulun.hopto.org

mang lại các hậu quả, có thể là tích cực hay tiêu cực, thế nhưng luôn luôn tương quan với chúng. Nhờ sự hiểu biết đó chúng ta sẽ biết quan tâm hơn đến các nguyên nhân và ý thức hơn đến tính cách đa dạng của các điều kiện khác nhau. Nếu chúng ta đạt được một sự hiểu biết đúng đắn về tánh không hoặc đã quen thuộc với sự quán nhận về khái niệm đó, thì chúng ta sẽ tránh bớt được những thể dạng méo mó tâm thần, chẳng hạn như sự bám víu, hận thù, v.v..., sở dĩ những thể dạng lệch lạc đó có thể xảy ra là vì sự quán nhận của chúng sai lầm - sai lầm ở đây có nghĩa là không phân biệt được một cách minh bạch sự khác biệt giữa "những gì đúng thật" và "những gì hiển hiện". Thí dụ, khi quan sát một vật thể nào đó, nhờ kinh nghiệm chúng ta có thể nhận thấy các cảm nhận của mình thay đổi tùy theo tình trạng tâm thức của mình trong lúc đó *(thí dụ trước một vật thể, một con người hay một bối cảnh nào đó, chúng ta phát lộ những xúc cảm khác nhau tùy theo tâm thức của mình lúc đó đang vui hay đang buồn, đang lo nghĩ hay thảnh thơi)*. Mặc dù đối tượng quan sát lúc nào cũng là một, thế nhưng nếu tâm thức đang trong trạng thái bình lặng thì phản ứng của mình cũng sẽ kém mãnh liệt hơn so với lúc tâm thức đang bị tràn ngập bởi những cảm xúc thật mạnh, chẳng hạn như sự giận dữ. Phương cách hiện hữu đích thật của mọi hiện tượng, hay nói một cách tổng quát hơn là nguyên tắc của sự hiện hữu, tất cả đều là tánh không. Nếu đã hiểu được điều đó thì sau này mỗi khi nhận thấy tính cách mâu thuẫn của các thể dạng bên ngoài nơi mọi hiện tượng, thì tức khắc ta cũng sẽ nhận thấy ngay sự sai lầm của mình trong cách quán nhận lệch lạc về các thể dạng đó. Kết quả mang lại là tất cả những méo mó ảnh hưởng đến tâm thức của mình, chẳng hạn như hận thù, bám víu, v.v..., phát sinh từ khái niệm lầm lẫn trên đây và từ những ảo giác do bản chất mâu thuẫn của mọi hiện tượng tạo ra, sẽ mất đi sức tác động của chúng.

Người ta có thể nêu lên thắc mắc sau đây: các cường độ khác nhau của tri thức *(consciousness)* hay tâm thức *(spirit)* phát sinh khi chúng nắm bắt một đối tượng *(phản ứng mạnh hay yếu của tri thức hay tâm thức trước một đối tượng quan sát)*, sẽ xảy ra như thế nào? Sở dĩ các cấp bậc nắm bắt của tri thức mang nhiều cường độ khác nhau là vì chúng tương quan với các cấp bậc tinh tế khác nhau của năng lực nội tâm khích động tri thức hướng vào đối tượng. Các cấp bậc tinh tế khác nhau cũng như các sức mạnh khích động khác nhau của tri thức làm phát sinh ra tác động hướng tri thức vào đối tượng, sẽ quyết định các cấp bậc nắm bắt khác nhau cho tri thức. Cần phải suy tư về sự liên hệ giữa tri thức nội tâm và thế giới vật chất bên ngoài, vì điều này thật hết sức quan trọng. Nhiều triết gia Đông Phương, nhất là các triết gia Phật giáo, thường nêu lên khái niệm về bốn thành phần: đất, nước, lửa và khí, hoặc nếu kể thêm vào đó thành phần không gian thì tất cả sẽ phải là năm *(Đức Đạt Lai Lạt Ma chủ trương phải có năm thành phần, vì phải cần có không gian để chứa đựng và chuyển tải các thành phần kia)*. Bốn thành phần căn bản - đất, nước, lửa và khí - phải được hỗ trợ bởi không gian, đó là thành phần giúp cho bốn thành phần căn bản có thể hiện hữu và vận hành. Không gian - tức *không trung* hay *"ê-te" ("ether" - không gian "tinh khiết")* - được xem như cơ sở cần thiết giúp cho sự vận hành của tất cả các thành phần khác có thể xảy ra được.

Năm thành phần có thể phân chia thành hai thể loại: năm thành phần thuộc bên ngoài và năm thành phần thuộc bên trong *(thế giới của hiện thực bên ngoài và thế giới nội tâm)*, và giữa hai hai thể loại bên ngoài và bên trong ấy luôn luôn có một sự liên kết chặt chẽ. Theo một số kinh sách Phật giáo, chẳng hạn như *Kinh Thời Luân* (*Kalachakra Tantra*), thì thành phần không gian hay "ê-te" *(không trung)* không phải là một sự trống không tuyệt đối và không hàm chứa bất cứ một thứ gì cả, mà trái lại không gian được xem là cấu tạo bởi các "hạt vi thể trống không". Các hạt vi thể trống không này làm cơ sở giúp cho sự tiến hóa *(hay hình thành)* cũng như sự tan biến của bốn thành phần kia *(đất nước, lửa và khí)* có thể xảy ra được. Bốn thành phần này phát xuất từ cơ sở không gian và cũng sẽ quay trở lại để hội nhập với cơ sở ấy. Quá trình của sự tan biến trên đây xảy ra theo thứ tự như sau: đất, nước, lửa và khí, và quá trình của sự hình thành thì theo thứ tự như sau: khí, lửa, nước, đất. Khái niệm này sẽ dễ hiểu hơn nếu được chỉ định bằng các thuật ngữ như chất cứng (đất), chất lỏng (nước), hơi nóng (lửa) và năng lực (khí). Bốn thành phần được tạo tác từ các hạt vi thể trống không theo thứ tự từ thật tinh tế đến thô thiển, và sau đó lại tan biến vào các hạt vi thể trống không theo thứ tự từ cấp bậc thô thiển nhất đến cấp bậc tinh tế nhất *(xin chú ý hai quá trình trên đây cũng trùng hợp với hai quá trình một của cái chết và một của sự tái sinh)*. Không gian hay các hạt vi thể trống không là cơ sở góp phần giúp cho toàn bộ các quá trình đó có thể xảy ra.

Thiền định về tánh không

Để có thể ý thức được sự kiện tất cả các hiện tượng ảo giác đều không khác nhau trên phương diện tánh không, thì nhất thiết phải tập trung sự suy tư thẳng vào tánh không. Khi nào việc luyện tập thiền định *(thông thường)* nhằm mục đích rèn luyện tâm thức và cải thiện sự chú tâm bắt đầu mang lại kết quả, thì khi ấy ta mới có thể khởi sự luyện tập về tánh không *(có nghĩa là trước hết phải tập luyện tâm thức và sự chú tâm, sau đó mới đủ khả năng để thiền định về tánh không)*.

Đối với các phép thiền định thông thường về tánh không thì không nhất thiết phải trừu tượng hóa bằng tư duy các thể dạng bên ngoài của đối tượng, thế nhưng riêng đối với các phép luyện tập "tan-tra" thì nhất thiết phải trừu tượng hóa từ trong tâm thức thể dạng bên ngoài của các đối tượng.

Có hai phương pháp giúp thực hiện các phép tu tập "tan-tra" này: phương pháp thứ nhất là chúng ta làm cho tất cả các thể dạng bên ngoài *(tức những gì hiển hiện)* tan biến hết *(trong tâm thức)* và sau đó thì thiền định về tánh không, phương pháp thứ hai thì ngược lại phải thiền định về tánh không trước và sau đó mới làm cho tất cả các thể dạng bên ngoài của các vật thể tan biến.

Đến đây, chúng ta thử giải thích thật ngắn gọn quá trình thiền định đích thật về tánh không. Đối với quá trình này, thật hết sức quan trọng phải nhận định được những gì mà sự hiện hữu của chúng cần phải được phủ nhận. Các học phái Phật giáo lớn đều chấp nhận các tiền đề gọi là "bốn dấu ấn của Phật giáo" *(có thể xem thêm "Khái niệm về bốn dấu ấn trong Phật giáo" của Hoang*

https://tieulun.hopto.org

Phong trên các trang Thư Viện Hoa Sen, Quảng Đức, báo Viên Giác...). Bốn tiền đề đó như sau:

* Tất cả những gì phát sinh từ các nguyên nhân đều vô thường.
* Tất cả các hiện tượng ô nhiễm *(có nghĩa là cấu hợp)* đều là khổ đau.
* Tất cả mọi hiện tượng đều không có cái ngã và đều mang đặc tính của tánh không.
* Chỉ có thể dạng vượt thoát khỏi khổ đau (còn gọi là niết-bàn) mới đúng là sự an bình.

Muốn thiền định về tánh không thì trước hết cũng phải hiểu là thứ tánh không nào phải đem ra để thiền định, nói cách khác tức là vật thể nào mà sự hiện hữu của nó cần phải đem ra để phủ nhận. Nếu không xác định được đối tượng của sự phủ nhận là gì thì chúng ta cũng sẽ không hình dung ra được hình bóng phát sinh từ sự khiếm khuyết của nó. Để thực hiện việc ấy, trước hết nên suy tư về chính bản thân mình, đấy cũng là cách thực tế nhất *(tức thiền định về tánh không của sự hiện hữu của chính mình)*.

Chúng ta vẫn thường phát biểu thật tự nhiên như sau: "*tôi* làm, *tôi* ăn, *tôi* ở lại đây",... Vậy ta thử tìm hiểu xem "cái tôi" - hay cái "chính tôi" ấy - hiển hiện ra trong tâm thức mình như thế nào, và sau đó cố gắng tìm hiểu về "cái tôi" ấy trong các trường hợp khác nhau. Chẳng hạn như khi ta hình dung trở lại sự bất an xảy ra trong tâm thức khi có một người nào đó khiển trách ta một cách bất công, hoặc nhớ lại sự vui thích khi có người tán tụng mình hết lời. Trong lúc các xúc cảm đó xảy ra thì tâm thức ta vô cùng dao động, thế nhưng ta vẫn cứ cảm thấy một cách thật minh bạch "cái tôi" hay cái "chính tôi".

Mỗi khi cái "chính tôi" hiển hiện ra trong tâm thức mình, thì hãy nghĩ ngay là nó có phải là một thứ gì khác với thân xác và tâm thức của mình hay không, và nó có phải là một thực thể độc lập hay không? Các thể dạng "chính tôi" hay "cái tôi" hiển hiện ra một cách hết sức sinh động và ta ngỡ rằng có thể dùng ngón tay để trỏ vào nó, để chạm vào nó như là một thành phần độc lập với thân xác và cả tâm thức của chính mình. Cái "chính tôi" là một thứ phóng tưởng tâm thần sai lầm lớn lao nhất có thể xảy ra: vậy những gì mà ta cần phải phủ nhận chính là "cái tôi" ấy.

Tóm lại đấy là phương thức tiến hành quan trọng nhất và tiên khởi nhất, tức phải xác định thật đúng những gì phải phủ nhận *(phép thiền định về tánh không bắt đầu trước hết bằng cách phủ nhận cái "tôi" của chính mình)*.

Điểm quan trọng thứ hai là nêu lên thí dụ giả sử như sự hiện hữu của "cái tôi" hay của "cái ngã" của tôi có thật và mang tính cách tự chủ, thì trong trường hợp đó ta phải tự hỏi xem "cái tôi" ấy hòa nhập để trở thành một với thân xác và tâm thức, hay ngược lại nó là một thứ gì hoàn toàn khác biệt với thân xác và tâm thức, bởi vì không có phương thức hiện hữu thứ ba nào ngoài hai phương thức trên đây.

Tóm lại nếu cho rằng "cái tôi" hiện hữu như một thực thể độc lập, thì bắt buộc ta phải chọn một trong hai giả thiết như sau: hoặc nó hòa nhập với thân xác và tâm thức để tạo ra một nhất thể, và trong trường hợp đó nhất định nó phải trùng hợp với các cấu hợp, hoặc nó là một thứ gì khác *(không liên hệ gì với thân xác và tâm thức)*, bởi vì không có phương thức hiện hữu nào khác hơn.

Vậy điểm quan trọng thứ hai là: hoặc "cái tôi" là một thành phần nằm chung trong các cấu hợp *(ngũ uẩn)*, hoặc nó phải tuyệt đối khác hẳn.

Đến đây chúng ta nên suy tư về ý nghĩ như sau: nếu "cái tôi" và các cấu hợp kết hợp lại để trở thành nhất thể, thì "cái ngã" cũng phải nhất thể và đồng thời thân xác và tâm thức cũng bắt buộc phải nhất thể theo *(không thể có một thành phần cấu hợp nằm chung trong một nhất thể, nếu đã là nhất thể thì tất cả phải nhất thể)*, và tất cả sẽ được xem chung như là "cái ngã". Ngược lại, nếu "cái ngã" khác với các cấu hợp, và nếu các cấu hợp là những thứ tổng hợp phức tạp thì "cái ngã" cũng sẽ phải là một thứ tổng hợp phức tạp như thế.

Sau đó chúng ta lại suy tư thêm như sau: nếu như "cái ngã" hay "cái tôi" độc lập ấy hiện hữu như một thực thể riêng biệt và hoàn toàn khác với các cấu hợp, thì trong trường hợp đó "cái ngã" phải là một thứ gì đó xác thực *(hữu hình, có thể "sờ mó" được - tangible)*, dù cho các cấu hợp *(trước đây từng kết hợp với nó)* đã tan biến hết. Thế nhưng thật ra thì không đúng như thế.

Phương cách lý luận trên đây cho thấy chúng ta không thể nào tìm ra được một "cái tôi" trong số các cấu hợp.

Hơn nữa sự suy luận trên đây còn giúp chúng ta khám phá ra "cái tôi" hay "cái ngã" độc lập từng hiển hiện ra trong tri thức mình thật ra chỉ là một khái niệm sai lầm, một thứ phóng tưởng của tâm thức. Trên thực tế, nó không hề hiện hữu.

Hãy nêu lên một thí dụ, vào lúc nhá nhem khi hừng đông hay hoàng hôn, một người nào đó trông thấy một con rắn và hoảng sợ, thế nhưng thật ra thì đấy chỉ là một cuộn dây thừng. Hình ảnh con rắn chỉ hiện hữu trong tâm thức của người đang hoảng sợ, đối tượng bên ngoài - tức là sợi dây thừng - không hề hàm chứa một thứ cảm tính nào về sự hiện hữu đích thật của một con rắn *(không có "con rắn" nào kết hợp với cuộn dây thừng, cũng không có "cái tôi" nào kết hợp với thân xác và tâm thức - tức ngũ uẩn - của một cá thể)*.

Trường hợp tương tự như trên đây cũng xảy ra đối với các cấu hợp. Mặc dù chúng ta có cảm giác nhận thấy hình bóng nào đó của một "cái ngã" trong số các cấu hợp và có vẻ như nó thoát ra từ chính các cấu hợp ấy, thế nhưng trên thực tế trong các cấu hợp không hề chất chứa bất cứ một mảnh vụn nhỏ nhoi nào của bất cứ một thứ gì có thể xác định như là một "cái ngã". Những gì vừa trình bày cũng tương tự như thí dụ về con rắn và sợi dây thừng trên đây, có nghĩa là con rắn không hề hiện hữu một cách thực sự, nó chỉ là một phóng ảnh đơn thuần của tâm thức *(con rắn cuộn tròn ở bên trong tâm thức, không nằm bên cạnh cuộn dây thừng)*.

Cũng tương tự như thế, dù cho chúng ta có cảm giác nhận diện được hay nắm bắt được một cá thể con người hoàn toàn khác biệt với các cấu hợp tạo ra cá thể ấy, thế nhưng trên thực tế chúng ta không thể nào xác nhận

https://tieulun.hopto.org

được sự hiện hữu của cá thể ấy một cách đích thật bằng cách căn cứ vào các cấu hợp: chẳng qua đấy chỉ là một thứ nhãn hiệu dán lên trên các cấu hợp mà thôi *(khi nhìn vào một con người thì cái cá thể của con người ấy được tạo dựng ra trong tâm thức mình, đối tượng bên ngoài chỉ là một sự kết hợp của ngũ uẩn, cũng tương tự như con rắn được tạo dựng trong tâm thức, bên ngoài là cuộn dây thừng)*. Vì thế không có một thực chất cá biệt nào hàm chứa trong đối tượng phân tích, và chúng ta lại quay trở lại tình trạng trước đây *(tức là không tìm thấy "cái ngã" hay "cái tôi" nào trong các cấu hợp khi đem các cấu hợp ra để phân tích, "cái ngã" hay "cái tôi" ấy chỉ là một phóng ảnh đơn thuần của tâm thức)*.

Đối với các thể dạng khác nhau của một đối tượng, thì nếu chúng ta nhìn chúng *(đơn thuần)* trên phương diện đối tượng thì giữa chúng không có gì khác biệt nhau *(đấy chỉ là những thể dạng luôn biến động)*. Sự khác biệt chỉ phát sinh trong tâm thức đứng ra giữ vai trò cảm nhận, tức thuộc vào phía chủ thể *(đối tượng là đối tượng, chính tâm thức giữ vai trò chủ thể để phán đoán và diễn đạt sự khác biệt giữa các thể dạng của đối tượng)*. Khi chúng ta đặt cái tên "con rắn" cho cuộn dây thừng thì đấy là một ý nghĩ sai lầm. Khi mặt trời lên cao, chúng ta nhìn thấy rõ đối tượng quan sát, và chúng ta gạt bỏ sự phán đoán sai lầm trước đây nhờ vào một phương cách vững chắc hơn của sự nhận thức *(cognition)*, tức dựa vào một loại tri thức khác.

Cái nhãn hiệu "con rắn" áp đặt cho cuộn dây thừng có thể gây ra tai hại *(sự hoảng hốt)*. Thế nhưng trong trường hợp cái nhãn hiệu ấy là một cá thể con người, và dù cho cá thể con người ấy không phải là một thực thể khách quan đi nữa, thế nhưng nếu chúng ta cứ gán cho các cấu hợp *(tạo ra cá thể ấy)* các đặc tính của một con người, thì cũng không hề hấn gì cả. Chẳng qua vì không có một thể loại tri thức nào đủ sức để loại trừ sự sai lầm đó *(có những thể loại hay phương cách khác nhau của sự nhận thức giúp phân biệt dễ dàng giữa cuộn dây thừng và con rắn, thế nhưng nếu muốn phân biệt giữa ngũ uẩn và cá thể con người thì vô cùng khó khăn, lý do là không có một thể loại tri thức nào khả dĩ thích nghi để giúp phát hiện được sự phân biệt đó. Muốn đạt được khả năng tri thức ấy người tu tập phải phát huy được Trí tuệ)*.

Dầu sao đi nữa, dù cho chúng ta thực hiện được sự hiểu biết khả dĩ giúp chúng ta chấp nhận sự kiện cá thể con người hoàn toàn không hề hiện hữu đi nữa, thế nhưng các kinh nghiệm bản thân *(sẵn có từ trước)* của chúng ta sẽ hiện ra để chống lại sự quán thấy đó. Tóm lại người ta chỉ có thể xác nhận sự hiện hữu của cá thể con người bằng cách duy nhất là nhờ vào thể loại tri thức chủ quan - tức loại tri thức giữ vai trò dán các nhãn hiệu. Đấy cũng chính là lý do giải thích tại sao mọi vật thể chỉ hiện hữu bằng tên gọi mà thôi. Chẳng qua vì không hề có một sự hiện thực khách quan nào cả *(câu kết luận gợi lên cho chúng ta chủ thuyết căn bản của Duy Thức học)*.

*** Vài lời lạm bàn của người dịch:**

Khái niệm về bản chất tánh không của mọi hiện tượng là một trong những khái niệm đặc thù và quan trọng nhất của Phật giáo. Khái niệm đó bao hàm thật nhiều lãnh vực triết học, chẳng hạn như Triết học siêu hình (Metaphysic), Triết học về sự Hiểu biết (Epistemology), Hiện tượng học (Phenomenology)... Tất cả mọi hiện tượng *(dharma)* dù thuộc lãnh vực vật chất hay phi-vật-chất đều không hề hàm chứa một sự hiện hữu tự tại nào. ***Thật rõ ràng chúng ta có thể "sờ mó" được các vật thể, "theo dõi" được các biến cố, "hình dung" và "mô tả" được các hình ảnh tâm thần, cũng như "cảm nhận" được các xúc cảm trong tâm thức, thế nhưng Đức Phật lại nói tất cả những thứ ấy "không thật" và đấy chỉ là "ảo giác", và bản chất đích thật của chúng là "tánh không"***.

Hầu hết các khoa học gia, học giả và triết gia Tây phương quan tâm đến Phật giáo đều tỏ ra kinh ngạc và sửng sốt trước ***khám phá thật táo bạo và siêu việt*** trên đây của Đức Phật. Thật vậy, khái niệm về tánh không của mọi hiện tượng thật hết sức khó để thấu triệt, vì nó vượt lên trên sự hiểu biết và trí thông minh thông thường. Suốt trên dòng tiến hóa của nền văn minh nhân loại và kể cả trong thế giới ngày nay, chưa hề có một hệ thống tư tưởng, triết học hay tôn giáo nào nêu lên khái niệm đó, ngoại trừ Phật giáo.

Muốn thấu triệt được khái niệm về tánh không của sự hiện hữu dù chỉ thuộc lãnh vực lý luận và phân tích cũng phải suy tư lâu dài và tập trung tâm thức thật mạnh. Sự hiểu biết đó gồm có nhiều cấp bậc khác. Trong bài thuyết giảng trên đây Đức Đạt Lai Lạt Ma cho biết là dù cho ta đạt được sự hiểu biết tánh không bằng lý luận và chấp nhận "cá thể con người" hay "cái ngã" không hiện hữu đi nữa, thế nhưng kinh nghiệm sống chi phối bởi hiện thực chung quanh luôn hiện ra để chống lại sự quán nhận đó, vì thế dù cho chúng ta hiểu được "vô ngã" là gì thế nhưng chúng ta lúc nào cũng cảm thấy "chính mình" và "người khác", "cái này" và "cái kia", "cái tốt" và "cái xấu", "cái đúng" và "cái sai"...

Vì thế thiết nghĩ có lẽ chúng ta nên vượt lên trên những gì thuộc vào kinh nghiệm bản thân lâu đời của mình đối với thế giới hiện tượng, hầu loại bỏ những chướng ngại cản trở sự quán nhận tánh không tuyệt đối của sự hiện hữu. Khi nào chúng ta cảm nhận được cái tánh không đó một cách trực tiếp và tự nhiên, không còn bị cản trở bởi bất cứ một xung năng nào của nghiệp lực hay một sức mạnh nào phát sinh từ tác động bản năng, thì khi đó chúng ta mới có thể tự nhận là mình nắm bắt được bản thể trống không của sự hiện hữu trong thế giới này.

Tuy nhiên, trên phương diện thực tế và thực dụng, dù chỉ quán nhận được khái niệm về tánh không của mọi hiện tượng ở một cấp bậc nào đó cũng đủ để biến nó trở thành một liều thuốc hóa giải cực mạnh, hầu giúp chúng ta loại bỏ được mọi sự bám víu vào những ảo giác trong thế giới này cũng như trong tâm thức của chính mình.

Hoang Phong chuyển ngữ
(Bures-Sur-Yvette, 01.09.2011)

https://tieulun.hopto.org

Cái Ta
lăng xăng gây ra đau khổ

*** Đoàn Văn Thông**

(Tiếp theo Viên Giác 185)

KHỔ ĐAU PHÁT SINH LÀ DO CHÍNH MÌNH

Trước hết ta hãy tìm hiểu lần nữa ý nghĩa của đoạn Thánh Kinh vừa nêu trên đã nói lên ý nghĩa gì?

Khi phân tích sâu xa từng câu của đoạn Kinh ấy ta sẽ thấy ẩn ý nằm trong câu: "*Ai là kẻ đã gây nên tội lỗi khiến anh ta bị mù từ lúc mới ra đời*". Để có thể giải đáp được thắc mắc trên, chỉ còn cách là ta thử quay về quá khứ của người ấy. Quá khứ ở đây không phải là lúc người ấy còn là hài nhi mà là khoảng thời gian rất xa trước thời gian hình thành hài nhi. Hay nói rõ hơn là *Kiếp đời trước đó của người ấy* đã gây ra tội lỗi nào đó. Và chính tội lỗi ấy đã khiến cho y hiện nay phải trả quả báo đui mù ngay từ lúc chào đời.

Chính Chúa Jesus đã thấy rõ điều đó nên ngài thường nhắn nhủ các môn đồ rằng:

"*Các ngươi chớ lầm lạc: không ai có thể kiêu ngạo Chúa Trời- Vì ai gieo giống chi thì sẽ phải gặt lấy giống ấy... Con người luôn luôn phải chịu hậu quả của chính mình...*" (Gieo và Gặt: 5:13 6:18)

Trong Thiên Apocalypse, câu thứ 10- Chương 13 có viết: "Kẻ nào cầm tù kẻ khác thì rồi cũng bị kẻ khác cầm tù lại- *Kẻ nào sử dụng gươm đao thì sẽ chết vì gươm đao...*".

Hay câu: "*Kẻ nào gieo sự bất công sẽ gặp điều tai họa*" (Châm ngôn 22.8)

Hoặc những câu sau đây: "*Kẻ nào đào hầm thì sẽ rơi xuống hầm đó - Kẻ nào lăn đá, đá đó sẽ trở lại đè nó* (Châm ngôn 26:27)

Những ai tìm điều ác, tất sự ác sẽ đến với họ (Châm ngôn 11:27)

Qua những câu trên, trích dẫn từ trong Thánh Kinh, chúng ta có thể thấy rõ ý Chúa thuyết giảng cho chúng ta rằng: **Tội lỗi mà ta đã phải gánh chịu, phải cưu mang là do chính ta đã gây ra chớ không phải là do ai khác.** "*Ai gieo giống chi thì phải gặt lấy giống ấy*". "*Việc mình làm thì mình phải gánh lấy hậu quả*". "*Con người luôn luôn phải chịu hậu quả do chính mình gây ra*".

Những lời rao giảng của Chúa Jesus đã khiến chúng ta nhớ lại trong Kinh Phật Giáo cũng đã từng nói tới sự kiện luân hồi quả báo. Lời Kinh thường nhấn mạnh vào những hậu quả do con người gây ra. Như trong Khế Kinh có đoạn như sau:

"*Nhìn cuộc sống hiện tại của người nào đó, ta có thể biết cuộc sống quá khứ của người đó. Cũng từ tình trạng cuộc sống hiện tại của người ấy mà ta có thể biết được tương lai của người đó ra sao?*".

Ở đây, quá khứ và tương lai không những là trong cuộc sống của người đó ở kiếp hiện tại mà còn ở kiếp quá khứ và kiếp đời tương lai hay kiếp sau nữa.

Trên cõi đời có những người đói khổ lầm than, tàn tật, sống kiếp đọa đày, bò lê dưới đất chớ không thể đi đứng được, cuộc sống của họ không khác gì một con vật. Nhưng cũng có những kẻ suốt đời sung sướng, giàu sang, luôn có kẻ hầu người hạ...

Tại sao thế gian lại có những sự kiện trái nghịch đầy tính cách vô lý bất công như thế? Nguyên nhân nào đã khiến người kia bị thương tật, khốn cùng? Và vì lý do nào khiến người này được sung sướng an vui giàu có?

Kinh sách Ấn Độ cổ xưa đã giải thích nguyên nhân phát sinh những sự kiện trên mà ta thấy hai mẫu người vừa kể. Cái nguyên nhân ấy chính là do những hành động, việc làm của họ từ kiếp đời trước đó của họ hay từ tiền kiếp của họ mà ra. Người mà hiện nay tàn tật khổ đau là do kiếp trước đã làm việc xấu ác khiến người khác phải chịu khổ đau cùng cực thì kiếp này phải nhận lấy "nghiệp quả" mà chính mình đã gây ra cho kẻ khác trước đó.

Người mà hiện nay ta thấy sung sướng giàu sang là do kiếp đời trước đó người ấy đã làm những điều phước thiện, tốt lành như giúp đời cứu người. Có thể nói đây là một sự kiện có tính cách "phản hồi" tự nhiên giống như định luật khoa học. Như định luật Newton chẳng hạn: "*Mỗi tác động gây nên đều phát sinh một lực phản hồi và tương đương*". Nghĩa là khi ta gây ra một tác động, một hành động nào đó thì tự nhiên sẽ có một lực phát sinh phản hồi trở lại... Mà lực phản hồi ấy cũng có tác động tương đương với lực tác động mà ta đã tạo nên. Nói theo thuyết luân hồi quả báo thì khi ta làm việc thiện ta sẽ nhận được sự tốt lành. Khi ta làm ác, ta sẽ nhận sự ác đến với ta. Sự lành hay sự ác mà ta nhận đó tương đương với sự thiện hay ác mà ta đã làm.

Từ những hiểu biết đầy tính cách khoa học, tự nhiên ấy mà ta có thể hiểu rõ nguyên nhân đã gây nên sự khổ đau hay hạnh phúc.

Trên cõi thế gian này, có vô số người đã sống trong khổ đau tuyệt vọng. Những khổ đau tuyệt vọng của họ hoặc liên hệ tới xác thân hay liên hệ tới tinh thần. Từ những khổ đau ấy, họ đã kêu gào oán than cũng như thắc mắc rằng:

"*Tại sao những khổ đau cùng cực ấy lại đến với tôi mà không đến với người khác? Tại sao tôi lại phải chịu những khổ đau đày đọa như thế? Tại sao tôi phải chịu sự bất công nơi cõi thế gian này? ...*".

Từ hàng nghìn năm qua, vẫn có vô số người không thể nhận thức ra được nguyên nhân nào đã khiến con người luôn chịu buồn chán, tuyệt vọng, khổ đau?

Chỉ những ai vô tình hay may mắn, hoặc để tâm tìm kiếm và đọc những đoạn Kinh cổ xưa như vừa trích dẫn trên thì có thể phần nào hiểu rõ được một cách tổng quát về nguyên nhân của sự khổ đau mà thôi.

Đại cương thì khi sống trên đời, mỗi hành động việc làm của ta tốt hay xấu luôn luôn sẽ mang lại hậu quả tương ứng. Hậu quả ấy sẽ tác động vào bản thân ta ngay trong cuộc đời hiện tại hay tương lai, và tương lai ấy có khi là ở kiếp đời kế tiếp của ta. Biết được như vậy thì khi trông thấy những người bị dị tật, nghèo khổ, khốn

https://tieulun.hopto.org

cùng, khổ đau nghiệt ngã... ta sẽ không còn quá ngạc nhiên vì sao đều là con người cả mà lại có người sung sướng, mạnh khỏe, giàu sang hạnh phúc, nhưng lại có người đói rách, tàn tật, khổ đau?

Tuy nhiên những gì vừa trình bày trên về nguyên nhân sâu xa gây khổ đau cho con người thì dù sao những điều tiết lộ, giải thích chỉ thấy trong các kinh sách như vừa kể mà thôi, còn bằng chứng thật sự thì hiếm thấy, cho nên vẫn còn vô số người không tin.

May mắn thay, ngay tại quốc gia nổi tiếng văn minh tiên tiến là nước Mỹ đã xuất hiện một nhân vật lạ lùng. Con người kỳ diệu này đã chứng thực nhiều sự kiện liên hệ tới những vấn đề trình bày trên.

Người ấy là ai ?

NGUYÊN NHÂN SÂU XA TỪ TIỀN KIẾP

Người ấy chính là Edgar Cayce, một người Mỹ (sinh năm 1877, mất năm 1945 tại Tiểu bang Kentucky), đã có khả năng kỳ diệu lạ lùng là dùng khoa thôi miên để đi vào tiềm thức của người bị khổ đau về thân xác hay khổ đau về tinh thần... để truy tìm nguyên nhân gây ra những khổ đau và tật bệnh.

Theo ông Cayce thì tiềm thức của mỗi con người tích chứa vô số mọi hình ảnh, sự kiện của những kiếp đời nối tiếp của họ. Nên khi khơi dậy tiềm thức họ thì ông Cayce, trong giấc ngủ thôi miên sẽ hòa vào những giai đoạn thời gian, hình ảnh sự kiện qua những kiếp đời của người ấy, nhờ đó mà ông truy nguyên ra được nguyên nhân nào mà giờ đây người ấy bị khổ đau sầu thảm, tật bệnh, đau thương.

Gia đình ông Cayce là một gia đình Thiên Chúa giáo thuần thành. Nhưng từ ngày ông có được khả năng vừa kể thì ông đã để ra rất nhiều thì giờ đọc bộ Thánh Kinh (Bible). Ông đọc rất kỹ hầu tìm những sự kiện có liên quan tới việc của ông đang theo đuổi. Ông Cayce có một người bạn rất ham nghiên cứu sách vở, tài liệu Đông phương cũng như Tây phương, đó là ông Lammers. Ông này luôn khuyến khích ông Cayce hãy làm những gì mà ông may mắn có. Ông nói: "Truy tìm căn nguyên của sự khổ đau ở con người là một việc làm rất quan trọng và tốt lành. Khi ta có khả năng đi ngược thời gian để tìm về quá khứ xa xăm của đời người nào đó tức là ta đi vào thời gian mà kinh sách Ấn Độ, Phật Giáo từ hàng nghìn năm trước gọi là Tiền Kiếp".

Khi nghe ông Cayce bảo rằng: *Tội lỗi và khổ đau luôn đi liền với nhau như bóng với hình*... thì ông Lammers đã hết lòng khích lệ việc làm của ông Cayce và nói rõ cho ông Cayce biết thêm như sau:

"Sự kiện về khổ đau mà con người phải chịu phần lớn là do điều mà Phật Giáo gọi là *Quả Báo Luân Hồi* cũng giống như Chúa Jesus đã từng rao giảng: *Ai gieo giống chi thì sẽ gặt lấy giống ấy*" vậy.

Cũng theo ông Lammers thì Chúa Jesus đã truyền dạy cho 12 vị tông đồ kỳ cựu của ngài nhiều điều mà những điều đó có khi không rao giảng cho quần chúng bên ngoài vì theo ngài, những điều đó quá cao siêu đối với những người dân hầu như vô học vào thời ấy, nếu thuyết giảng cho họ nghe thì nhiều người chưa chắc đã tin hay hiểu được, trái lại còn báng bổ, tránh xa, không nghe... Ví dụ như thuyết Luân Hồi Quả Báo. Ông Lammers còn nói thêm rằng: Sở dĩ ngày nay ta hiếm thấy sự kiện Chúa rao giảng về luân hồi mà chỉ thấy qua những ẩn dụ, ẩn ngữ mà thôi là vì qua nhiều thế kỷ dài phần chánh giáo của ngài đã phần nào bị biến đổi qua những diễn đạt hay phiên dịch của những người chưa chắc là đã sống cùng thời với ngài.

Nhờ những lời nói đầy khích lệ và thuyết phục của ông Lammers mà ông Cayce yên tâm hăng hái tiếp tục việc làm của mình và giúp giải tỏa vô số những khổ đau cho biết bao người đến tìm ông xin cứu giúp.

Thời đó, nhiều y bác sĩ Mỹ và báo chí đã theo dõi cách chữa trị kỳ lạ của ông Cayce.

Theo ông Cayce thì những chứng bệnh thông thường chỉ cần chữa trị theo y học, qua thuốc men là đủ. Tuy nhiên có những bệnh nan y hay những thương tật, dị tật... làm đau khổ cả đời người mà y học bó tay thì cần phải đi sâu vào tận cùng gốc gác gây ra sự cố mới có thể biết được. Muốn thế ông nghĩ là chỉ có cách tận dụng khoa thôi miên thì mới mong đi vào tận cùng sâu thẳm của bệnh tật mà thôi.

Ông Cayce cho hay là khi nguyên nhân sâu thẳm gây ra chứng bệnh được biết rõ thì tự nhiên người bệnh không còn bị những cơn đau hành hạ họ nữa, họ không còn bị những khổ đau sầu thảm giày vò họ mà trái lại dần dần tự nhiên thuyên giảm một cách lạ lùng... Ông thường nói: "*Tật bệnh và tâm linh liên quan mật thiết với nhau*". Cũng như: "*Khổ đau và tội lỗi luôn đi đôi với nhau*".

Cũng theo ông Cayce thì mặc dầu y khoa xưa nay giúp nhiều trong việc chẩn bệnh và trị bệnh, nhưng việc chẩn đoán và điều trị cũng như dụng cụ, kiến thức và cả thuốc men chữa trị thường bị giới hạn, không hoàn hảo như mọi người đã nghĩ. Giới y học chỉ tìm hiểu giải thích nguyên nhân bệnh nhưng chỉ nửa chừng chớ không thể giải đáp hoàn toàn rốt ráo nguyên nhân. Tại sao người này bị bệnh mà người kia không? Tại sao có những người mắc phải những chứng bệnh mà giới y học đành bó tay không chữa được? Và tự nhiên sau đó người ấy lại hết bệnh? Tại sao căn bệnh nào đó chữa được rồi thì trên thế giới lại phát sinh loại bệnh khác? Tại sao?

Để trả lời thắc mắc trên, lý thuyết y học cho rằng đó là sự lờn thuốc, sự ngẫu biến, ... nhưng giải thích đó vẫn chưa ổn...

Ông Cayce cho rằng: Bệnh tật không bao giờ ngưng phát sinh cả. Nhất là loại bệnh nan y khó chữa. Lý do là những căn bệnh ấy có nguyên nhân sâu xa kỳ bí. Có thể gọi đó là *những chứng bệnh thuộc nghiệp báo*.

Bao lâu con người còn tham, sân, si, mê mờ, gian dối, xấu xa, tàn ác... thì những loại bệnh khó biết nguyên nhân và khó chữa vẫn còn xuất hiện. Ông Cayce thường dùng kết luận sau đây khi nói về phương thức chữa trị của ông như sau:

"*Bệnh tật, khổ đau đối với con người chính là sự phản ứng của những tác động từ luật nhân quả báo ứng mà ra...*

Nói rõ hơn thì: Sự khổ đau của con người không phải tự nhiên mà phát sinh, cũng không phải do rủi ro hay do ai xếp đặt mà chính là do những hành động, tội lỗi mà người ấy đã làm, đã gây ra, hoặc ngay trong hiện tại hay là từ những kiếp đời trước đó của họ".

https://tieulun.hopto.org

TRUY TÌM NGUYÊN NHÂN ĐỂ CHỮA TRỊ

Việc chữa trị tật bệnh của ông Cayce có vô số điều kỳ diệu đã được lưu lại trong 14.000 hồ sơ hiện đang lưu trữ ở Trung tâm Chữa bệnh của ông Cace tại Virginia Hoa Kỳ.

Ngày nay nhiều y bác sĩ khắp thế giới thường đến tham quan Trung tâm chữa bệnh của ông Cayce tại Virginia Beach, Hoa Kỳ, để tham khảo những tài liệu và những trường hợp chữa trị bệnh của ông Cayce. Nhiều sự kiện được ghi lại cẩn thận nơi các hồ sơ lưu trữ. Ví dụ một nữ bệnh nhân mỗi khi ăn thì sổ mũi, dị ứng, khiến mồ hôi, nước mũi ràn rụa, người mệt lã không chịu được. Điều đó đã gây đau khổ cho bà ta gần mấy chục năm. Nhờ thôi miên, ông Cayce đã khám phá ra rằng: Kiếp đời trước đó của bà này là một nhà bào chế thuốc. Bà đã dùng nhiều chất hóa học để pha chế ra nhiều thứ thuốc khác nhau để chữa nhiều thứ bệnh. Mặc dầu thuốc không chữa được lành bệnh mà còn gây độc cho nhiều người, nhưng vì quá đau đớn vì tật bệnh hành hạ nên vô số người đã mua thuốc của bà ta với hy vọng được lành. Hành động xấu xa, gian dối, độc ác ấy đã tác động ngược lại vào ngay xác thân bà ở kiếp này khiến bà bị chứng bệnh lạ lùng làm cho bà ngày nào cũng đau đớn, khốn khổ, khó chịu với các chứng dị ứng lạ lùng như vừa kể.

Một người đàn ông khác bị khổ đau vì chứng Suyễn kinh niên khiến thường xuyên cảm thấy ngộp ngạt, khó thở. Ông Cayce đã khám phá ra nguyên nhân bệnh của người này phát sinh từ những hành động từ tiền kiếp của ông ta. Lúc ấy ông là người có vai vế trong vùng ông ở. Ông đã áp bức, đày đọa làm cho nhiều người đau khổ vô cùng... Ngày nay chứng khó thở đến với ông khiến ông lúc nào cũng khốn khổ, lo âu, ngột ngạt. Căn bệnh tương ứng với những gì ông đã gây ra cho người khác ở thời quá vãng.

Trường hợp một thầy dạy nhạc bị mù từ lúc mới sinh ra đời. Ông này có tiền nhưng rất đau khổ vì luôn luôn mong ước được sáng mắt để trông thấy những điều mà đồng loại đã thấy. Ông Cayce đã áp dụng phương thức thôi miên đi vào quá khứ xa xăm của người nhạc sĩ và biết được rằng tiền kiếp ông này là một tù trưởng ở xứ Ba Tư rất hung ác, ông thường dùng dùi sắt nung đỏ đâm vào mắt của các tù nhân để họ không thể bỏ trốn. Nghiệp báo trở lại tác động lên ông ta vào kiếp này khiến cho ông bị mù ngay từ lúc mới chào đời. Sự kiện vừa kể rất phù hợp với lời dạy của Chúa Jesus: "*Mắt đền mắt, Răng đền răng...*" hay câu kinh Phật Giáo: "*Muốn biết quá khứ ta đã gieo Nhân gì thì hãy nhìn hiện tại ta đã nhận Quả gì?*".

Từ những tài liệu về các trường hợp chữa trị bệnh tật, khổ đau của ông Cayce, sau này nhiều nhà nghiên cứu đã chọn lọc và đúc kết thành những đề tài riêng biệt rất có giá trị. Ví dụ như tác giả Gina Cerminara đã viết cuốn Many Mansion (dịch giả Nguyễn Hữu Kiệt đã dịch sang tiếng Việt nhan đề là *Những bí ẩn của cuộc đời*. Nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành- 1988) trong đó ông trình bày phân tích những trường hợp khổ đau về thể xác và tinh thần mà vô số người đã phải gánh chịu trong cuộc đời họ với những nguyên nhân sâu xa lạ lùng mà ông Edgar Cayce đã khám phá ra từ phương thức chữa trị của ông. Qua cuốn sách đó, độc giả biết rõ những loại khổ đau mà con người nhận lấy chính là những quả báo. Ví dụ như quả báo về xác thân có thể mang lại cho người nào đó thân hình xấu xí, dáng thể dị kỳ hay con người đẹp đẽ, dáng vóc oai phong. Tài liệu chữa bệnh của ông Cayce cho biết trường hợp một người đàn bà bị vẹo cột sống và chân bị què khiến bà ta vô cùng đau khổ. Ông Cayce khám nghiệm qua phương thức thôi miên đã biết được bà ta ở kiếp đời trước đó thuộc dòng dõi vua Palatius, bà thường xem những cuộc giác đấu giữa tù nhân và thú dữ. Trong khi tù nhân bị thú dữ cắn chết hay xé xác một cách đau đớn, dã man thì bà lại vui đùa cười cợt một cách thích thú. Quả báo đến với bà ở kiếp này là tật bệnh khổ đau lên thân xác bà như vừa kể khiến bà mỗi khi đi đứng thường rất khó khăn cả thân mình như vặn vẹo gãy gập rất khó coi... *Vô số trường hợp cho thấy khổ đau và tội lỗi liên quan nhau bóng với hình*. Từ đó tạo ra những tác động tương ứng mà ta thường gọi là quả báo hay nhân quả. Ví dụ như quả báo do sự chế nhạo – như trường hợp vừa kể trên: khi ta cười cợt, nhạo báng trên khổ đau của kẻ khác- thì tới giai đoạn nào đó, chính ta lại là kẻ bị kẻ khác nhạo báng cười cợt trên khổ đau sầu muộn của ta.

Nhờ phương thức chữa trị của ông Cayce mà những thắc mắc về những khổ đau liên quan tới cha mẹ, anh em, hôn nhân vợ chồng, nghề nghiệp, công danh, tiền bạc, của cải, sức khỏe, tật bệnh v.v... được giải thích tường tận. Tại sao cặp vợ chồng người kia đối xử với nhau như kẻ thù khiến cả hai khổ đau buồn chán? Tại sao người mẹ kia lại đau khổ vì con? Tại sao người con kia lại mến thương chăm sóc cha mẹ ân cần đến như thế? Tại sao đứa con kia lại đối xử hết sức dã man, khốn nạn đối với cha mẹ mình như thế? Tại sao người con kia lại khổ đau vì người cha của mình? Tại sao cô kia cứ mãi bám theo, cứ yêu say đắm một người đàn ông không ra gì? Tại sao cháu bé này mới sinh ra đã bị câm, bị lùn, hay bị cụt chân tay? Tại sao cô gái kia sinh ra lại đẹp đẽ như tiên giáng trần mà người nọ thì lại có gương mặt xấu xí như quỷ sứ yêu tinh?

Tất cả đều có nguyên nhân sâu xa mà ngay trong cuộc sống hiện tại nhiều khi ta không thể tìm nguyên nhân để giải thích. Một ví dụ điển hình mà ông Cayce từng nêu ra để giải thích, đó là một gia đình nọ, có cô con gái bỏ nhà ra đi. Cô đến lập nghiệp tại một tỉnh khác xa cách cha mẹ anh em. Người không biết rõ nguyên nhân sâu xa thì cho rằng cô gái ấy đã bỏ cha mẹ, anh em, bỏ nhà mà đi, cô gái ấy hành động sai lầm, bậy bạ... Nhưng nếu phân tích sâu xa theo phương cách của ông Cayce thì phải chăng cô gái ấy khi tách rời gia đình, cha mẹ chính là vì "đã hết nghiệp" với gia đình đó rồi, không còn phải để cho cha mẹ phải lo lắng cưu mang nuôi dưỡng nữa... Nhưng đối với cuộc đời thì người con luôn nghĩ khác vì phần lớn đều nghĩ rằng cô gái ấy tách rời gia đình như vậy là hành động sai lầm, xấu xa, đáng trách...

Theo kinh nghiệm của ông Cayce qua vô số lần tìm nguyên nhân và chữa trị những loại bệnh lạ thì có nhiều trường hợp những chứng bệnh gây khổ đau mà nguyên nhân khổ đau thường hết sức sâu xa kỳ bí. Nguồn gốc có khi là từ những kiếp đời trước đó của những người mà hiện nay họ đang đau khổ về xác thân hay về tinh thần.

(Còn tiếp)

https://tieulun.hopto.org

Bản giác

Ts. Lâm Như Tạng

(tiếp theo VG 183)

D - NHƯ LAI TẠNG
I-KHẢO SÁT HAI

b/-Huân Tập Thanh Tịnh

Đoạn trên nói Nhân tức chỉ Vô Minh, Duyên tức nói về vọng cảnh, nói Tướng Tâm tức nói về Sáu Nhiễm Tâm. Như thế tiến trình của nhân duyên hoàn tịnh diễn biến từ nhân Nhân đến Quả xoay quanh ba mục đích chính sau đây:

b1/ Nhân Vô Minh diệt thì ba nhiễm Tâm bất tương ưng diệt.

b2/ Duyên cảnh giới diệt, ba Nhiễm Tâm tương ưng diệt.

b3/ Ba Bất Tương Ưng và ba Tương Ưng diệt tức là Tướng của Tâm bặt dứt, không sanh, sạch làu. Đó là Niết Bàn.

"Nghĩa huân tập của Vọng Tâm có hai loại. Hai loại ấy là gì?

b4/ Một là huân tập của Phân Biệt Sự Thức.

"Đây là nương nơi chúng sanh phàm phu và Nhị Thừa mà nói, vì họ chán khổ sanh tử cho nên tùy theo khả năng riêng của từng người mà dần dần hướng lên Đạo Vô Thượng".

Phân biệt sự Thức chính là Ý thức. Tức là Thức của Ý. Theo giáo nghĩa của Khởi Tín Luận thì Ý Thức có ba nghĩa chính. Nương vào ngũ căn mà phân biệt ngoại cảnh, nắm bắt ngoại cảnh, nó có tên là Phân Ly Thức. Theo nghĩa thông duyên mọi cảnh, cả trong lẫn ngoài, và nắm giữ chủng chủng sự tướng, nó có tên là Phân Biệt Sự Thức. Khi nghĩa của nó chỉ giới hạn trong vai trò chấp trước Ngã Ái mà khởi hoặc tạo nghiệp thì nó mới đích thực là Ý Thức. Đó là một tên gọi khác của Thức Tương Tục.

Còn Ý là chỉ chung cho hoạt động của Năm Thức: Nghiệp Thức, Chuyển Thức, Hiện Thức, Trí Thức và Tương Tục Thức. Năm thức nầy có tên chung là Ý, hay còn gọi là Ngũ Ý.

Phân biệt sự thức huân tập vô minh, khiến cho vô minh loãng bớt chất bất tịnh của nó phần nào, do đó mới có hiện tượng chúng sanh đang mê mờ, đến một thời điểm nào đó tự nhiên quay đầu trở lại mà hướng theo đường thiện tu hành. Đây là động cơ phát tâm của Nhị Thừa và Bồ Tát Thập Tín.

b5/ Hai là huân tập của Ý.

"Đây là nương vào Bồ Tát mà nói, vì hàng Bồ Tát phát tâm dõng mãnh, mau đạt đến Niết Bàn".

Ở đây cả Ngũ Ý đều cộng tác vào nên động cơ rất mạnh. Do đó mà sự phát tâm dõng mãnh hơn bội phần, khiến mau đạt đến Niết Bàn hơn. Đây là trường hợp của Tam Hiền và Thập Thánh, tức Bồ Tát các cấp: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng và Thập Địa.

Như trên đã phân giải về huân tập của Vọng Tâm, có cạn, có sâu, có thô, có tế khác nhau.

Sau đây phân giải về huân tập của Chân Như có sự bất đồng về nghiệp dụng.

"Nghĩa huân tập của Chân Như có hai loại. Hai loại ấy là gì? - Một là huân tập tự thể tướng - Hai là huân tập của dụng.

- Huân tập của Tự thể tướng là từ vô thủy đến nay sẵn đủ Pháp vô lậu, có đủ nghiệp bất tư nghì làm tánh của cảnh giới. Nương vào hai nghĩa huân tập thường hằng ấy, có đủ năng lực nên khiến chúng sanh chán khổ sanh tử, cầu an lạc Niết Bàn, tự tin vào chính mình sẵn có pháp Chân Như cho nên phát tâm tu hành".

Nói về "Tự Thể Tướng" và "Dụng" ở đây liên quan đến "Tự Thể Tướng Dụng" trong phần đầu Lập Nghĩa của luận nầy. Tự thể tướng dụng, nghĩa là thể riêng, tướng riêng và dụng riêng của Nhất Tâm. Tự Thể Tướng có nghĩa là Tự Tướng và Tự Thể Nhất Tâm. Dụng chính là tự dụng của Nhất Tâm. Tự Tướng của Nhất Tâm chính là Như Lai Tạng. Cho nên mới nói "cụ vô lậu pháp" nghĩa là sẵn đủ pháp Vô Lậu. Tự Dụng của Nhất Tâm là sanh khởi các Pháp lành thế gian và xuất thế gian. Cho nên ở đây nói "bị hữu bất tư nghì nghiệp" nghĩa là có đủ nghiệp bất tư nghì. Tự tướng của Nhất Tâm thì sẵn đủ tánh công đức Vô Lậu, còn Tự Dụng của Nhất Tâm thì có đủ Nghiệp Bất Tư Nghì, cả hai hợp chung lại thì thành Tánh của cảnh giới. Tánh nầy nơi loài vô tình thì gọi là Pháp Tánh (Tánh các Pháp), ở nơi Hữu Tình thì gọi là Phật Tánh.

Chính nương vào hai nghĩa "sẵn đủ Pháp vô lậu" của Tự Tướng và "có đủ Nghiệp bất tư nghì" của Tự Dụng vì cả hai đều thường hằng cho nên có đủ sức mạnh khiến chúng sanh chán khổ sanh tử cầu an lạc Niết Bàn.

Mặt khác, huân tập của Tự thể tướng và Tự dụng tuy cùng mục đích là xóa tan vô minh, nhưng nghĩa huân tập của Tự thể tướng hoàn toàn hướng nội, còn nghĩa huân tập của Tự dụng nặng về mặt biểu hiện ra bên ngoài.

Đến đây đã làm sáng tỏ đường nét chính yếu sự huân tập của Chân Như. Làm sáng tỏ được nghĩa Chân Như huân tập thì mới xây dựng được Giáo Nghĩa Như Lai Tạng. Đó là Giáo Nghĩa mới của trường Phái Khởi Tín, tổng hợp hai nghĩa Tánh và Tướng. Luận đưa ra câu hỏi và trả lời để làm sáng tỏ vấn đề như sau:

"Hỏi: Nếu quả thật như vậy thì tất cả chúng sanh đều có Chân Như và đều huân tập đồng đều như nhau. Tại sao có người tin kẻ không, và có vô lượng sai biệt, trước sau khác nhau? Đáng lẽ tất cả phải đồng thời tự biết mình có pháp Chân Như, siêng tu phương tiện, để rồi cùng nhập Niết Bàn như nhau mới phải?".

"Đáp: Chân Như vốn chỉ có một, nhưng Vô Minh thì có vô lượng vô biên. Tánh riêng của Vô Minh vốn đã sai khác ngay từ trong bản chất. Cho nên có dày mỏng khác nhau. Các phiền não hạng nặng, nhiều hơn số cát sông Hằng, đều nương nơi Vô Minh mà sanh khởi khác nhau. Các phiền não hạng thường là Ngã Kiến và Ngã Ái cũng đều nương nơi Vô Minh mà sanh khởi khác nhau. Tất cả các phiền não nhiều như vậy, đều nương nơi Vô Minh sanh khởi trước sau không đồng và có vô lượng sai biệt. Chỉ có Phật mới biết được. Lại nữa, pháp của chư Phật có nhân có duyên. Nhân duyên phải đầy đủ thì sự việc mới thành tựu. Ví như tánh lửa trong thân cây là nhân chánh của lửa, nếu không có người biết dùng phương pháp để lấy lửa ra, bảo cây tự cháy là điều không thể có được".

Phần giải thích trên ta nhận thấy hàm chứa hai ý:

https://tieulun.hopto.org

- Một là chúng sinh tất cả đều có Chân Như, nhưng vì sức huân tập bên trong của Vô Minh căn bản có dày mỏng khác nhau, cho nên căn cơ chúng sanh có kẻ lanh người chậm. Kẻ tin người không tin.

- Hai là dù cho sức huân tập bên trong của Vô Minh ngang nhau, nhưng các phiền não tạo thành bởi sức huân tập ấy có Thô có Tế khác nhau, cho nên sự tu chứng có chậm có mau không đồng.

Phiền não hạng nặng đây là nói về ba loại Nhiễm Tâm Bất Tương Ưng. Phiền não hạng thường là ba loại tương ưng, trong đó có Ngã Kiến và Ngã Ái.

Luận Khởi Tín viết tiếp: "Chúng sanh cũng vậy. Tuy có sức huân tập của chánh nhân, nhưng nếu không gặp chư Phật, chư Bồ Tát cùng các bậc thiện tri thức và lấy đó làm duyên mà có thể tự mình dứt trừ phiền não để vào Niết Bàn, thì đó là điều không thể có được. Còn nếu tuy có sức ngoại duyên, nhưng Tịnh Pháp bên trong chưa có sức huân tập thì cũng không thể rốt ráo chán khổ sanh tử và cầu vui Niết Bàn được".

"Nếu nhân duyên đầy đủ, nghĩa là nếu tự mình có sức huân tập bên trong, lại được đại nguyện từ bi của chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ thì mới sanh khởi được cái Tâm chán khổ, tin có Niết Bàn, tu tập căn lành. Nhờ có tu tập căn lành, thành thục rồi mới gặp được chư Phật, chư Bồ Tát chỉ bày giáo hóa, đem lại lợi ích mừng vui và mới có thể hướng thẳng đến đạo Niết Bàn mà tiến tới".

Đoạn luận trên nói đến lý Nhân Duyên. Nói đến Nhân Duyên phải kể đủ ba yếu tố là Chánh Nhân, Duyên Nhân và Liễu Nhân. Theo thí dụ lấy lửa từ thân cây thì Tánh lửa là Chánh Nhân, phương tiện cọ xát là Duyên Nhân. Khi có đủ cả hai thì mới có lửa tóe ra. Lửa tóe ra đó là Liễu Nhân.

Cũng như thế Chân Như trong Tâm chúng sanh là Chánh Nhân. Sự giáo hóa của chư Phật, chư Bồ Tát và các phương pháp tu hành là Duyên Nhân. Khi có đủ cả hai thì Phật Tánh mới hiển lộ, thành tựu đạo Niết Bàn. Đây là Liễu Nhân.

Luận giải thích tiếp: "Huân tập của Dụng tức là sức làm ngoại duyên cho chúng sanh. Ngoại Duyên như vậy có vô lượng nghĩa. Nói gọn có hai nghĩa. Hai nghĩa ấy là gì?

Một là Duyên Sai Biệt. Hai là Duyên Bình Đẳng.

Duyên Sai Biệt ví như có chúng sanh nương nơi chư Phật, chư Bồ Tát, từ khi mới bắt đầu phát tâm cầu đạo cho đến khi thành Phật. Trong khoảng thời gian đó, dù chỉ nghĩ đến hay chính mình được thấy chư Phật, chư Bồ Tát hiện ra. Hoặc làm bà con cha mẹ, hoặc làm người giúp việc, hoặc làm người bạn tâm giao, hoặc làm kẻ oán thù, hoặc hiện ra bốn nhiếp pháp. Cho đến bất cứ công việc gì khác nữa, nhiều đến vô lượng, cốt để kết duyên, nhờ sinh khởi sức huân tập đại bi mà khiến chúng sanh tăng trưởng được căn lành. Dù thấy dù nghe đều được lợi ích".

"Duyên sai biệt nầy có hai thứ: Một là duyên gần, vì mau được độ. Hai là duyên xa, vì lâu xa mới được độ. Hai duyên gần và xa nầy lại còn chia thành hai loại. Hai loại ấy là gì? Một là duyên Tăng trưởng hành nghiệp. Hai là duyên Thọ đạo.

Duyên bình đẳng là tất cả chư Phật chư Bồ Tát đều nguyện độ thoát tất cả chúng sanh, huân tập một cách tự nhiên và thường hằng, không lúc nào xả bỏ. Do sức Bi Trí đồng thể, cho nên tùy theo điều mình thấy nghe mà ứng hiện ra việc làm. Đây là điều Kinh dạy: chúng sanh nương nơi Tam Muội mới được bình đẳng thấy được chư Phật".

Đoạn trên ta gặp những từ như "Huân Tập của Dụng", "Duyên sai biệt", "Duyên Bình đẳng"... Xin giải rõ thêm: Huân tập của Dụng là tùy theo cơ cảm riêng của từng chúng sanh mà ứng hiện ra, đem lại lợi lạc cho chúng sanh. Như sự thị hiện của Bồ Tát Quan Âm chẳng hạn. Hễ có cảm là có ứng hiện, cho nên mới gọi đó là nghiệp bất khả tư nghì. Nếu cơ cảm đó từ Phân Biệt Sự Thức phát ra thì Nghiệp dụng ứng lại là các Hóa Thân sai khác của Phật hiện ra theo từng loài mà cứu độ. Đó gọi là Duyên sai biệt. Nếu cơ cảm do từ Nghiệp Thức phát ra thì Nghiệp dụng ứng lại là Báo Thân Phật hiện ra để cứu độ. Đây gọi là Duyên Bình Đẳng.

Duyên Sai Biệt có nhiều hình thức thiên sai vạn biệt, không thể kể hết, nhưng nếu phân loại ta sẽ thấy có năm loại sau đây:

* Nương vào tình thương để nhiếp hóa
* Nương vào công việc để giúp ích
* Nương vào tình nghĩa để gây thông cảm
* Nương vào hận thù để bẻ gãy hận thù
* Nương vào bốn Nhiếp Pháp (Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự) để hòa đồng mọi mặt.

Dù bằng cách nào đi nữa thì động cơ chính vẫn không ngoài lòng Đại Bi bình đẳng của chư Phật chư Bồ Tát.

Từ khi phát tâm đến khi đắc quả mà nói, nếu thời gian ấy mau thì gọi là Duyên Gần, nếu thời gian ấy lâu thì gọi là Duyên Xa.

Câu Kinh sau đây nói lên Duyên Tăng Trưởng: "Ta nay ra đời khai thị cho tất cả chúng sanh, khiến ai chưa tin, sanh khởi lòng tin; ai đã tin rồi, khiến lòng tin tăng trưởng".

Duyên Thọ Đạo là tất cả chúng sanh cuối cùng rồi ai cũng sanh trưởng được lòng tin, không trừ một ai.

Tổng kết lại, khi nói Duyên Bình Đẳng là từ chư Phật mà nói. Còn nói Duyên Sai Biệt là đứng từ phía chúng sanh mà nói.

Những đoạn Luận trên là thuyết minh riêng rẽ hai loại huân tập của Chân Như là: Huân Tập của Tự Thể Tướng và Huân Tập của Tự Dụng.

Tiếp theo là tổng hợp cả hai nghĩa thành sự huân tập của một Chân Như duy nhất đó là giáo nghĩa Như Lai Tạng của Luận Khởi Tín.

Luận viết tiếp: "Huân tập của Thể và Dụng nói trên lại còn chia ra hai loại. Hai loại ấy là gì?

- Một là chưa tương ưng. Tức như phàm phu, Nhị Thừa và Bồ Tát sơ phát tâm. Vì dùng sức huân tập của Ý và Ý Thức, rồi nương vào sức của tín tâm mà tu hành cho nên chưa đạt được Tâm Vô Phân Biệt để cùng tương ưng với Thể, chưa đạt được sự tu hành Nghiệp Tự Tại để cùng tương ưng với Dụng.

- Hai là đã tương ưng. Tức như Bồ Tát Pháp Thân đã đạt được Tâm Vô Phân Biệt và cùng tương ưng với Trí Dụng của chư Phật. Cho nên chỉ nương vào Pháp Lực mà tu hành một cách tự nhiên, huân tập Chân Như mà diệt trừ Vô Minh".

Hàng Bồ Tát đã rốt ráo là vì nương vào chính tự thân của Chân Như, đã thành tựu được Trí Vô Phân Biệt, tương ưng với Trí và Dụng của chư Phật, tức với Tự Thể Tướng Dụng của Chân Như. Khi nói nương vào Pháp Lực là nói lấy Chân Trí soi vào Chân Lý. Nói Nghiệp Tự Tại, nói tu hành một cách tự nhiên là nói đã tu chứng đến tự tại vô ngại, làm thế nào cũng không rời khỏi Chân Như

https://tieulun.hopto.org

tự thân. Như thế gọi là Chân Như đã hiển lộ và Vô Minh đã trừ xong.

Đó là hiển lộ Pháp Thân Như Lai. Hay hiển lộ Như Lai Tạng nói theo Khởi Tín Luận.

"Lại nữa, từ vô thủy đến nay, nhiễm pháp huân tập không dứt, nhưng đến khi thành Phật thì dứt. Tịnh pháp huân tập thời cho đến tận cùng đời vị lai cũng không dứt. Nghĩa ấy thế nào? Là vì Pháp Chân Như hằng thường huân tập thời vọng tâm tiêu diệt, Pháp Thân hiển hiện ra mà dấy khởi huân tập của dụng, cho nên Vô Minh tiêu diệt".

Sở dĩ Chân Như được tôn quí là xuyên qua nghiệp dụng bất tư nghì của nó. Luận về sức huân tập của Nhiễm Pháp và Tịnh Pháp, hai bên thường đắp đổi nhau mà huân tập qua lại, tạo nên mười Pháp Giới: Tứ Thánh (Thinh Văn - La Hán), Duyên Giác (Bích Chi Phật), Bồ Tát và Phật, Lục Phàm (địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, A-tu-la, nhân gian, Thiên Thượng).

Nhiễm Pháp vô thủy nhưng hữu chung. Tịnh Pháp thì vô thủy, vô chung. Vì nhân ô nhiễm và vô minh nương vào Chân Như mà sanh khởi. Như vậy thời Chân Như là vô thủy của vô thủy vậy. Do sức huân tập của Chân Như mà vô minh bị trừ dứt sạch mới thành Phật. Do đó nên nói Nhiễm Pháp sẽ dứt nhưng Tịnh Pháp thời thường hằng.

Đến đây đã luận giải xong về Sanh Diệt Môn, bao gồm Nhân Duyên sanh diệt, Tướng sanh diệt và Nhiễm Tịnh tương tư.

c/- Như Lai Tạng

"Tự Thể Tướng của Chân Như: Tất cả phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật đều có như nhau, không thêm không bớt. Không phải trước sanh, không phải sau diệt, rốt ráo thường hằng. Ngay trong bản chất, tự tánh đầy đủ tất cả công đức. Sở dĩ Tự Tánh ấy có nghĩa đại trí tuệ quang minh, có nghĩa biến chiếu Pháp Giới, có nghĩa chân thật thức trí, có nghĩa tự tánh thanh tịnh tâm, có nghĩa Thường Lạc Ngã Tịnh, có nghĩa thanh lương bất biến tự tại, đầy đủ mọi nghĩa của Pháp Phật là bất ly, bất đoạn, bất dị, bất khả tư nghì, nhiều hơn số cát sông Hằng, đầy đủ tất cả, không thiếu một nghĩa cỏn con nào, nên gọi là Như Lai Tạng, cũng gọi là Như Lai Pháp Thân".

Đoạn trên nói đến Đại Trí Tuệ Quang Minh, nghĩa là ánh sáng của trí tuệ to lớn suốt soi trong vắt (còn gọi là Chân Thể của Tỳ Lô Giá Na). Biến chiếu Pháp Giới, đem thật Trí mà soi vào lý thì không lý nào mà không thấu triệt. Đem quyền Trí mà soi xét vật thì không vật nào mà không rọi đến tận cùng. Đây là Trí Bát Nhã: Thật tướng, quán chiếu và phương tiện, chân thật thức tri. Tự Tánh Như Lai xa lìa nhiễm ô.

Thường Lạc Ngã Tịnh là bốn đức của Niết Bàn:

* Cùng tột ba đời mà không đổi là Thường.
* Ở trong khổ mà tự tại là Lạc.
* Trong sanh tử mà không bị trôi lăn là Ngã.
* Tùy duyên chuyển biến mà không bị nhiễm ô bởi thế gian là Tịnh.

Tại sao lại Thanh Lương bất biến tự tại? Đó là vĩnh viễn xa lìa não nhiệt là Thanh Lương. Trải qua Sanh Trụ Dị Diệt mà không bị chi phối là bất biến. Không bị nghiệp trói buộc là tự tại.

Như Lai Tạng không khác Chân Thể của Chân Như nên nói là Bất Ly. Nó tương tục từ vô thủy đến vô chung nên nói là bất đoạn. Nó đồng đẳng nhất vị với Chân Như nên nói là bất dị. Tánh và tướng thông nhau, lý và sự rỗng suốt, Một và Nhiều không ngại nhau, Nhiễm và Tịnh không hai nên nói là Bất Khả Tư Nghì.

Từ "Nhất Pháp Giới Đại Tổng Tướng" đến Sanh Diệt Môn, Chân Như Môn, Tánh, Tướng, Dụng v.v... Luận chủ đều qui kết vào Như Lai Tạng. Nói chung Tâm Chúng Sanh hàm chứa tất cả Pháp Nhiễm Tịnh, Hữu Lậu, Vô Lậu, Hữu Vi, Vô Vi v.v... Đó là ý nghĩa của Như Lai Tạng.

Luận tự đặt ra câu hỏi để giải thích rõ thêm những ý nghĩa nêu trên.

- Hỏi: "Trước nói Chân Như, tự thể của nó bình đẳng, xa lìa mọi tướng, vì sao ở đây lại nói thể ấy có các công đức nhiều như vậy?".

- Đáp: "Tuy nó quả thật có các công đức ấy, nhưng chúng không có tướng sai khác, tất cả đều nhất vị bình đẳng cùng một Chân Như duy nhất".

Nghĩa ấy thế nào?

* Vì không phân biệt, vì lìa tướng phân biệt cho nên không hai.

Lại vì nghĩa gì mà nói chúng có sai biệt?

* Đó là nương vào Tướng Sanh Diệt của Nghiệp Thức mà nói để hiển thị.

Hiển thị thế nào?

* Tất cả các Pháp vốn dĩ chỉ do một Tâm, không hề có Niệm, nhưng vì có vọng niệm, bất giác niệm khởi mà thấy có các cảnh giới, cho nên nói là Vô Minh.

Tánh của Tâm không khởi Niệm, đó là nghĩa Đại Trí Tuệ Quang Minh .

Nếu Tâm dấy khởi cái Thấy, thời có cái mà Tâm không thấy. Tánh của Tâm xa lìa cái thấy, đó là nghĩa Biến Chiếu Pháp Giới.

Nếu Tâm có động, tức không phải tri thức chân thật, không có tự tánh, chẳng phải Thường, chẳng phải Lạc, chẳng phải Ngã, chẳng phải Tịnh, mà là nhiệt não suy biến, không phải tự tại, cho đến có đủ tất cả Vọng nhiễm nhiều hơn số cát sông Hằng.

Nếu Tâm dấy khởi cái Thấy, mà lại chỉ thấy những vật trước mặt có thể Niệm được, tức còn thiếu những vật không thấy. Tịnh Pháp với vô lượng công đức như vậy, tức là Nhất Tâm. Nó lại không có cái Bị Niệm cho nên đầy đủ Thanh Tịnh, gọi là Pháp Thân, kho chứa Như Lai".

Có ba nhận xét về đoạn trên:

* Các công đức ấy có thật nhưng không có Tướng Sai Biệt vì tất cả đều đồng đẳng nhất vị và đều là Chân Như duy nhất, xa lìa Tướng Phân Biệt.

* Vì nương vào Tướng Nghiệp mà nói lên các công đức ấy có khác nhau.

* Tướng của Nghiệp Thức có bao nhiêu ô nhiễm thì đối lại Tướng của Chân Như có bấy nhiêu Công Đức Thanh Tịnh. Như khởi niệm là Vô Minh thì ngược lại không khởi niệm là Đại Trí Tuệ Quang Minh. Khởi Kiến thì không thấy cùng khắp hết được, ngược lại không khởi Kiến là Biến Chiếu Pháp Giới v.v...

Như Lai Tạng chính là Nhất Tâm mà tất cả chúng sinh đều có không vì nơi Thánh mà có thêm, hay nơi Phàm Phu mà bớt đi.

Vấn đề được đặt ra là làm thế nào để tách nó ra khỏi Vô Minh, lôi ra khỏi kho chứa A-Lại-Ya vì trong đó Nhiễm Pháp và Tịnh Pháp đang quấn lấy nhau. Làm như thế là để cho Nghiệp Dụng tự nhiên của Như Lai Tạng tự hiển hiện ra.

Chư Phật đã dạy phương cách "tách biệt" ấy như sau:

(còn tiếp)

https://tieulun.hopto.org

Ý niệm và thực tại
Chân đế và Tục đế

• Thiền Sư **U Sīlānanda**
• Cư sĩ **Liễu Pháp** chuyển ngữ

Đây là bài pháp thoại của ngài Thiền Sư Sayadaw U Sīlānanda vào ngày 10 tháng 8 năm 1989 trong một khóa tu thiền; bài này do Theikdi & Maureen O'Brien ghi lại bằng Anh ngữ, hiệu đính và đăng trong Dhamma Bell Newsletter (Số 3, Mùa Hè 2008, Như Lai Thiền Viện, San Jose, CA; www.Tathagata.org). Ngài Thiền Sư U Sīlānanda (1927-2005) là Viện Trưởng Viện Đại Học International Theravāda Buddhist Missionary University of Yangon, Miến Điện; ngài cũng là Thiền Sư Trưởng Như Lai Thiền Viện, San Jose, CA và tác giả nhiều cuốn sách tiếng Miến và tiếng Anh trong đó có cuốn "The Four Foundations of Mindfulness" (Tứ Niệm Xứ). Ngài đã đi giảng dạy Phật Pháp nhiều nơi, đặc biệt là về kinh Đại Niệm Xứ và Vi Diệu Pháp tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đại Hàn, Âu Châu, Mễ Tây Cơ và Tích Lan.

Khoảng chừng 3 ngày trước khóa tu này, một ngôi nhà ngay bên kia đường trước thiền viện bị phá hủy. Chỉ có một người làm công việc phá hủy này. Ông ta dùng một máy lớn, giống như xe máy kéo cày với bộ càng bằng sắt và cuối bộ càng thì có một cái thùng với nhiều móng nhọn. Ông ta sử dụng cái máy mạnh mẽ này để phá hủy ngôi nhà, và chỉ trong vòng một giờ tất cả đều được san bằng trên mặt đất. Trong khi Sư nhìn xem ngôi nhà bị phá hủy - thực sự Sư bị hấp dẫn về cái khả năng của cái máy – thì ý tưởng về ý niệm và thực tại đến trong tâm của Sư. Trước khi ngôi nhà bị phá hủy, có ngôi nhà ở đó. Chúng ta nhìn ngôi nhà, từng phần một của ngôi nhà bị đập bể xuống, trước hết là mái nhà và các bức tường, rồi tất cả mọi thành phần khác. Khi việc phá hủy đã xong, ngôi nhà không còn nữa, tuy nhiên những thành phần làm thành ngôi nhà vẫn còn đó, không ở đúng vị trí của ngôi nhà mà nằm trên mặt đất. Những thành phần của ngôi nhà vẫn còn đó và cũng là những thứ đó, nhưng ở một khoảnh khắc thì có ngôi nhà, ở một khoảnh khắc khác thì ngôi nhà không còn nữa. Trong trường hợp này, cái mà ta gọi là ngôi nhà thực sự không hiện hữu khi bị tách rời khỏi các thành phần của nó, như mái nhà, các bức tường, các cửa ra vào, các cửa sổ, sàn nhà và các thành phần khác. Như vậy, cái mà ta gọi là ngôi nhà chỉ là một ý niệm, tạo ra bởi con người để mà dùng như qui ước với nhau. Tương tự, cái có thực là các thành phần của ngôi nhà chứ không phải là chính ngôi nhà. Nếu ta đi xa hơn trong phép loại suy này, chính những thành phần của ngôi nhà cũng không có thực vì chúng cũng chỉ được tạo nên do những hạt phân tử vật chất cực nhỏ. Và như vậy, những vật thực có trong ngôi nhà chính là những hạt phân tử nhỏ nhất của vật chất; những hạt tử của gỗ, hạt tử của kim loại, hạt tử của sơn và những hạt tử vật chất khác. Cái thực có trong cái mà ta gọi là ngôi nhà chỉ là những hạt tử của vật chất và không phải là thành phần của ngôi nhà, cũng chẳng phải là chính ngôi nhà nữa. Tuy nhiên vì sự tiện lợi trong cách truyền đạt, đối thoại, trao đổi với nhau mà chúng ta nói: "Đó là ngôi nhà" hoặc "Chúng ta sống trong một ngôi nhà". Chúng ta không nói rằng chúng ta sống trong một cái gì có mái, tường, sàn nhà, cửa ra vào, cửa sổ và v.v... Chúng ta sống trong thế giới qui ước và như vậy chúng ta phải dùng những từ ngữ để chỉ những vật nào đó.

Như vậy hôm nay Sư sẽ nói về Ý Niệm và Thực Tại. Một ví dụ khác có thể là chiếc xe ô tô. Xe ô tô là cái gì? Phải chăng sườn xe là xe ô tô? Phải chăng tay lái là xe? Phải chăng những bánh xe là xe? Phải chăng các chỗ ngồi là xe? Nếu ta hỏi kiểu này hoặc tách rời các thành phần của xe ra từng cái một thì ta mất đi sự chỉ định chiếc xe. Xe chẳng còn là xe khi bị tách rời khỏi các bộ phận của nó. Theo thực tại thì chẳng có xe, chỉ có các thành phần của xe. Cũng như trên, chính những thành phần cũng không phải là thực tại; chúng là ý niệm và thực tại là những hạt phân tử của vật chất tạo nên tất cả các thành phần. Như vậy, ta nói một ý niệm chẳng có sự hiện hữu riêng. Ý niệm chỉ có trong tâm ta. Chúng ta nhìn thấy một vật gì đó, suy nghĩ về nó rồi dựng nên một ý niệm và đặt cho nó một cái tên. Ví dụ, khi ta gọi vật có mái, tường, v.v... là ngôi nhà, ngôi nhà không có sự hiện hữu riêng biệt. Chỉ có các thành phần của ngôi nhà có sự hiện hữu, vì khi ta tách rời các thành phần ra từng cái một thì chẳng có ngôi nhà nữa.

Cũng cùng một cách như vậy, những ý niệm không có sự hiện hữu riêng. Nhưng sau khi nhìn vật có thực trong cái mà ta gọi là ý niệm, chúng ta nghĩ đến vật nào đó trong tâm rồi nảy sinh ra những ý niệm này. Tuy nhiên tâm vận hành nhanh đến nỗi ta không nhận thức được khoảng thời gian suy nghĩ đó, giữa sự thấy và sự nảy sinh ra ý niệm. Khi ta mới bắt đầu tập đọc khi còn nhỏ, ta phải đánh vần một chữ trước khi có thể đọc chữ đó. Giả sử chữ đó là "nhà"; khi còn nhỏ ta đánh vần "n-h-a, nha huyền nhà" rồi mới đọc "nhà". Khi ta càng ngày càng quen thuộc với chữ, ta không cần phải đánh vần mà đọc nó ngay. Như vậy, nếu có ai hỏi ta có điều gì như là suy nghĩ giữa sự thấy chữ và đọc chữ, ta có thể nói là "không, tôi chỉ đọc chữ đó và không phải suy nghĩ điều gì cả". Nhưng thực sự nếu không suy nghĩ về chữ đó thì không thể đọc được nó. Như vậy có khoảng thời gian suy nghĩ giữa sự thấy và nảy ra ý niệm. Khoảng thời gian ngắn đến nỗi ta không biết tới nó. Cũng như vậy, vì tâm vận hành quá nhanh thứ thế - kinh sách có nói rằng hằng tỷ tư tưởng có thể sinh và diệt trong một chớp mắt hay tiếng bật của hai ngón tay - cái mà ta thực sự thấy, thấy bằng mắt, là thực tại, và rồi ta nghĩ rằng mình thấy cái ý niệm bằng mắt của mình. Như thế, chuyện ta thấy sự vật chỉ là ảo giác; chúng ta thấy hình thể, chúng ta thấy sắc tướng. Khi ta nhìn các ngón tay của mình, chúng ta nghĩ mình thấy các ngón tay; ta thấy một ngón tay như là một vật thon và dài. Nhưng cái mà ta thấy với mắt mình thực sự là những dữ kiện có thể nhìn thấy được trong vật mà ta gọi là ngón tay, đó là những hạt tử vật chất có thể thấy được bằng mắt của chúng ta. Như vậy, cái mà ta thấy khi nhìn vào ngón tay mình là những phần vật chất có thể thấy được bằng mắt, những hạt tử vật chất cực nhỏ. Sau khi thấy chúng, chúng ta dựng nên hình thể hay sắc tướng trong tâm và chúng ta nói mình thấy một ngón tay - một ngón tay với hình thể, với sắc tướng. Như thế, cái mà ta thực sự thấy với mắt mình

https://tieulun.hopto.org

là dữ kiện thấy được trong ngón tay. Nhưng tâm vận hành quá nhanh và ta quá quen thuộc với việc dựng lên những ý niệm này cho đến nỗi chúng ta cũng chẳng biết được rằng mình thấy những dữ kiện có thực thấy được bằng mắt và không thấy những ý niệm.

Chúng ta hãy lấy thêm vài ví dụ nữa.

Đôi khi ta thấy một đàn kiến làm thành một đường từ quãng xa. Khi nhìn từ xa, ta nghĩ rằng có một đường thực sự, một đường kiến nối liền nhau. Nhưng khi đi gần lại, ta thấy có khoảng hở giữa con kiến này đến con kiến khác. Khi đến gần hơn nữa, ta không thấy có đường nào cả mà tất cả chỉ là những con kiến riêng lẻ đang di chuyển. Chẳng có đường gì cả, nhưng ta nghĩ rằng mình thấy một đường liên tục.

Một ví dụ khác: một bao cát. Sư không biết ở xứ này những võ sĩ quyền Anh thực tập với vật gì - một bao cát hay dụng cụ gì khác. Nhưng ở xứ của Sư, họ dùng bao cát. Giả sử có một bao cát treo từ trần nhà, và nếu ta chọc thủng một lỗ ở bao cát, rồi đẩy bao cát đi hướng này, hướng kia, rồi ta thấy có một dây cát di chuyển từ chỗ này qua chỗ kia. Thực sự, chẳng có đường cát, dây cát nào cả, chỉ có những hạt cát ở chỗ này và ở chỗ kia. Và nếu ta nhìn gần, nhìn kỹ, như trong trường hợp đàn kiến, chúng ta sẽ thấy chỉ có những hạt cát riêng biệt, chẳng có sợi cát, dây cát nào cả. Thực sự là chúng ta thấy những hạt cát riêng biệt, nhưng chúng ta nghĩ rằng mình thấy cát liên tục trong hình dáng một dây hay một sợi.

Và các bạn đã từng thấy dây thừng. Dây thừng được làm bằng gì? Làm bằng những sợi thừng gồm nhiều thứa nhỏ. Những thứa rất nhỏ được cuộn lại với nhau đã tạo nên dây thừng. Như vậy cái mà ta đang thấy khi nhìn dây thừng không phải là dây thừng mà là những thứa thừng riêng biệt ở trong đó. Người ta nói rằng thấy mới tin, nhưng ở đây thấy lại là lừa dối. Cái mà ta thấy chỉ là lừa dối. Nó không có thực.

Một ví dụ khác có thể là dễ thuyết phục hơn: vòng lửa. Một người nào đó cầm một cành cây được đốt cháy và quay một vòng làm thành một vòng lửa, rồi thì chúng ta nghĩ rằng mình thấy một vòng lửa. Nhưng tất cả chúng ta đều biết chẳng có vòng lửa, nhưng chỉ có màu sắc của lửa ở nhiều nơi khác nhau trên cái đường vòng. Nhưng chúng ta vẫn nghĩ rằng chúng ta thấy một vòng lửa. Điều đó là tại vì tâm vận hành nhanh cho đến nỗi ta biết lửa ở những điểm khác nhau, ví như khi lửa đang ở điểm cao nhất của vòng ta thấy nó; rồi lửa di chuyển qua một vị trí khác, ta thấy nó. Và rồi tâm nối liền lửa ở các điểm lại với nhau và tạo nên một vòng liên tục. Chúng ta nói chúng ta thấy một vòng lửa, nhưng thực sự chúng ta không thấy vòng lửa, chỉ thấy lửa ở nhiều điểm khác nhau. Chúng ta nghĩ mình thấy vòng lửa vì tâm ta tạo nên vòng lửa đó. Như thế, trong vòng lửa có cái gì thực? Lửa ở nhiều điểm khác nhau: chỉ có điều này có thực, không phải là toàn diện cái vòng. Toàn diện cái vòng là ý niệm, cái tên ta gọi sự hiển hiện của lửa nối liền với nhau trên một đường nào đó. Như vậy, những gì ta tưởng mình thấy luôn luôn là ý niệm, và không phải là thực tại. Thực tại phải được tách ra khỏi những ý niệm này. Nói một cách khác, chúng ta phải xuyên thủng lớp vỏ bên ngoài của ý niệm này để mà đi vào cốt lõi của thực tại. Chúng ta có thể thấy ý niệm khắp mọi nơi, bởi vì chúng ta sống trong thế giới của ý niệm, một thế giới của qui ước. Một cuốn sách là một ý niệm. Một cái đồng hồ là một ý niệm. Một chúng sanh là một ý niệm. Một người đàn ông là một ý niệm. Một người đàn bà là một ý niệm. Mọi vật chúng ta thấy, chúng ta bắt gặp, mọi vật chúng ta dùng đều là ý niệm.

Cái có thực trong một chúng sinh là tâm (V*1) và sắc (V*2) - hay là ngũ uẩn (V*3). Cái gì có thực trong một người đàn ông? Tâm và sắc. Cái gì có thực trong một người đàn bà? Tâm và sắc. Nếu chúng ta trung thực, chỉ trong khi thiền tập thì chúng ta mới thấy đàn ông, đàn bà là tâm và sắc. Nhưng khi ra khỏi thiền, khi trở về với đời sống thường nhật, chúng ta vẫn xem họ là đàn ông, đàn bà. Như vậy, chúng ta luôn luôn dùng ý niệm khi truyền đạt, nói chuyện với nhau. Chúng ta không nói "Tôi thấy *nāma (danh)* và *rūpa (sắc)*", nhưng chúng ta nói "Tôi thấy một người đàn ông" hay ", hay "Tôi thấy một người đàn bà", "Tôi thấy một chúng sinh", v.v... Có hai loại ý niệm: danh ý niệm và vật ý niệm. Danh ý niệm có nghĩa là những tên đặt để cho sự vật. Trong tiếng Pāli, danh ý niệm được gọi là *paññatti* vì nó làm cho sự vật được biết đến. Và những sự vật mang những tên này hay sự chỉ định này được gọi là vật ý niệm bởi vì chúng được biết đến do danh ý niệm. Như vậy, với hầu hết mọi sự vật, có hai loại: danh ý niệm và vật ý niệm. Một ngôi nhà, cái tên "ngôi nhà" hay chữ "ngôi nhà", là danh ý niệm. Và những vật được biểu thị bằng chữ "ngôi nhà" hay vật mà ta gọi là một ngôi nhà là vật ý niệm. Cái tên hay chữ "người đàn ông" là danh ý niệm và chúng sinh mà ta gọi là người đàn ông là vật ý niệm. Chúng ta có thể hiểu rằng với hầu hết mọi vật, có hai loại ý niệm: danh ý niệm và vật ý niệm. Tất cả hai loại đều là ý niệm, không phải là thực tại.

Theo Phật Giáo, ý niệm được chấp nhận như là một loại sự thực. Tuy nhiên ý niệm không có sự hiện hữu riêng của nó; mặc dầu ý niệm không có sự hiện hữu theo thực tại tối hậu (V*4), ý niệm vẫn còn được biết đến như là một loại sự thực: một sự thực qui ước (V*5). Bởi vì chúng ta sống trong một thế giới qui ước và không thể tránh được những qui ước, chúng ta phải dùng chữ nghĩa qui ước để truyền đạt với nhau. Như vậy, ý niệm được chấp nhận như là một loại sự thực: sự thực tương đối hay sự thực qui ước.

Bởi vì chúng ta sống trong một thế giới qui ước, chúng ta phải cẩn thận khi áp dụng sự hiểu biết của mình về thực tại tối hậu, nhất là sự hiểu biết về thực tại tối hậu đến với chúng ta trong khi thực tập thiền Minh Sát (*Vipassanā*). Đôi khi người ta đi quá trớn và nói chúng ta cũng giống như cây cỏ, đất đá vì chúng ta cũng gồm có tứ đại, do đó chúng ta cũng như là cây cỏ, đất đá - hay nói tương tự như vậy. Tuy nhiên, chúng ta phải thật cẩn trọng đừng đi quá xa, bởi vì chúng ta sống trong một thế giới qui ước và không thể đi ngược lại. Chúng ta không nên để sự hiểu biết về thực tại tối hậu đi quá xa. Đó là điều rất quan trọng.

Chúng ta nên hiểu biết cái gì là ý niệm và cái gì là thực tại bởi vì khi chúng ta thực tập thiền Minh Sát, chúng ta đối đầu với những gì có thực - thực tại tối hậu. Thực tại là gì? Thực tại được định nghĩa như là những gì chúng ta có thể biết được qua kinh nghiệm của chính mình.

https://tieulun.hopto.org

Như chúng ta đã thấy ở phần trên, ngôi nhà, chiếc xe, người đàn ông, người đàn bà không phải là thực tại, nhưng có Tâm (Danh) và Thân (Sắc) trong con người. Danh gồm có Tâm và các Tâm Sở, và Sắc có 28 loại, và mỗi thứ chúng ta đều có thể thấy được qua thiền tập. Những thực tại này phải được tách ra khỏi các ý niệm. Như vậy con người là một ý niệm, nhưng chúng ta tách ra khỏi con người cái thực tại, đó là tâm và thân, và như thế cái thực tại tâm và thân được tách ra khỏi ý niệm con người.

Theo Phật Pháp, có bốn thực tại như thế. Bốn thực tại này được gọi là thực tại tối hậu (Chân Đế) bởi vì có thực tại khác nữa, thực tại qui ước hay thực tại chế định, đó là ý niệm. Bốn thực tại tối hậu được giảng dạy trong Phật Pháp là tâm, tâm sở, sắc và Niết-bàn (*Nibbāna*). Chúng giống như là những hạt tử nhỏ nhất của vật chất (V*6). Bạn có thể chia nhỏ một thành phần ra những hạt tử nhỏ nhất và phần nhỏ nhất đó, không còn phân chia được nữa, là cái gì giống như thực tại. Khi bạn thấy một chúng sinh, bạn có thể chia nhỏ ra những thành phần cấu tạo, đó là thân và tâm và rồi thì tâm có thể chia thành tâm vương (còn gọi là thức, consciousness) và các tâm sở, v.v... Tâm vương là một thực tại tối hậu, tâm sở là thực tại tối hậu thứ hai, sắc là thực tại tối hậu thứ ba và Niết-bàn là thực tại tối hậu thứ tư. Theo Phật Pháp, chỉ có bốn thứ này là có thực và tất cả mọi thứ khác chỉ là ý niệm hay ảo giác. Trong bốn thứ thực tại tối hậu này, ba thứ đầu có sự hiện hữu riêng - hoặc ta có thể nói rằng tâm thực sự hiện hữu, tâm sở thực sự hiện hữu và sắc thực sự hiện hữu. Chúng tự mình có sự hiện hữu riêng. Khi ta nói một cái gì hiện hữu, có nghĩa là vật đó có ba giai đoạn hiện hữu: sinh khởi, tồn tại và hoại diệt hay chết đi. Giai đoạn tồn tại còn gọi là giai đoạn lão hóa bởi vì ngay sau khi sinh khởi thì bắt đầu lão hóa. Ba thực tại tối hậu đầu tiên đều có 3 giai đoạn hiện hữu này. Vì thế chúng được gọi là thực tại tối hậu. Nếu bạn tập trung vào một trong những thực tại này - tư tưởng, tâm và các tâm sở, như là sự tức giận, sự dính mắc hay sự chú tâm hay trí tuệ - bạn sẽ thấy chúng mới khởi sinh rồi hoại diệt. Và giữa sinh và diệt có giai đoạn tồn tại.

Tuy nhiên, ý niệm thì không có những giai đoạn hiện hữu như thế. Chúng ta không thể nói khi nào ý niệm khởi sinh và khi nào nó hoại diệt. Quả thực, một ý niệm không sinh khởi và như vậy cũng không hoại diệt, nhưng nó có vẻ như là có sinh ra và có vẻ như là có hoại diệt. Cũng tương tự, vì cái ta gọi là ý niệm không có sự hiện hữu riêng, ta không thể nói ý niệm sinh khởi trong lúc này và hoại diệt trong một lúc khác. Như thế những ý niệm được nói là không có sự hiện hữu riêng của mình. Ý niệm chỉ ở trong tâm, nhưng tâm và tâm sở có sự hiện hữu thực sự; tâm và tâm sở chúng ta có thể kinh nghiệm được, có thể thấy được bằng thiền quán. Khi thiền tập, chúng ta theo dõi tư tưởng của mình, như vậy khi theo dõi tư tưởng, ta tập trung trên thực tại, đó là tâm. Những tư tưởng này đến rồi đi, đến rồi đi, như thế chúng có sự hiện hữu riêng. Chúng đến vào một thời điểm nào đó rồi không còn nữa – chúng hoại diệt. Cùng một cách như thế, khi bạn tập trung trên sự dính mắc hay sự tức giận, bạn đang có đối tượng là một thực tại. Sự tức giận không tồn tại mãi, sự dính mắc không tồn tại mãi. Trong khi bạn theo dõi nó, nó biến mất, và như thế bạn có kinh nghiệm cá nhân về sự dính mắc hay sự tức giận hoặc những vật khác khởi sinh, tồn tại và biến mất. Như vậy, chúng được gọi là thực tại tối hậu. Và vật chất cũng có sự hiện hữu riêng. Tuy nhiên kinh sách nói rằng sắc (phần vật chất) hiện hữu 17 lần dài hơn một chặp tâm hay chặp tư tưởng (V*7). Như thế, 17 chặp tâm bằng tuổi thọ của sắc; chúng đến rồi đi thật nhanh lẹ.

Trong 28 loại sắc chỉ có một loại sắc có thể thấy được bằng mắt của chúng ta. Các loại sắc kia không thấy được bằng mắt ta mà thấy được bằng tâm ta. Cái gì thấy được bằng mắt ta thì gọi là sắc tướng; thực ra đó là vật thấy được hay dữ kiện thấy được bằng mắt. Ví dụ khi ta nhìn một cuốn sách, cái mà ta thấy chỉ là phần vật chất thấy được trong cuốn sách. Nói một cách khác, cái ta thấy là màu sắc. (Thực ra, chỉ có màu sắc là mắt mới thấy được, các thứ khác thì mắt ta không thấy được). Trong thực tế, không có cách tách rời khỏi dữ kiện thấy được và các phần vật chất khác. Đó là lý do tại sao ta nói một cuốn sách, ý niệm của một cuốn sách, không có sự hiện hữu riêng của nó. Chỉ có những dữ kiện thấy được trong vật ta gọi là "cuốn sách" mới có sự hiện hữu riêng của chúng và chỉ hiện hữu trong 17 chặp tư tưởng. Như vậy, trong khi thực tập thiền Minh Sát, chúng ta cố gắng thấy thực tại tối hậu.

Khi thực tập thiền Minh Sát, chúng ta cố gắng thấy thực tại tối hậu hơn là những ý niệm. Đối tượng của thiền Vipassanā là thực tại tối hậu: tâm và sắc hay ngũ uẩn. Ta có thể gọi các thực tại tối hậu này là ngũ uẩn hay là tâm và sắc, cũng giống nhau. Trong bước đầu thiền tập, chúng ta không thể tránh sao cho khỏi thấy hoặc biết những ý niệm. Chúng ta đã sống và xử lý với những ý niệm này nhiều năm, quá lâu cho đến nỗi nay không thể ra khỏi hẳn những ý niệm này. Khi tinh tấn thiền tập, chúng ta cố gắng chú tâm ở hơi thở hay ở sự chuyển động của bụng, lúc khởi đầu chúng ta không thể chỉ thấy đơn thuần yếu tố gió trong hơi thở hoặc đơn thuần sự chuyển động cũng là kết quả của yếu tố gió ở bụng. Chúng ta sẽ thấy cả hai thứ lẫn lộn. Tuy nhiên khi mức định của chúng ta khá hơn và càng ngày càng khá hơn thì chúng ta sẽ có thể thấy thực tại tối hậu, hoàn toàn tách khỏi những ý niệm. Chỉ khi nào chúng ta thấy thực tại, chúng ta mới có thể nói mình hành thiền Minh Sát. Nếu chúng ta không thấy thực tại, thiền Minh Sát của chúng ta chưa phải là thiền Minh Sát thực sự, mặc dầu chúng ta có thể nói mình đang thực tập thiền Minh Sát. Tuy nhiên thiền Minh Sát thực sự chỉ đến khi ta thấy thực tại. Đó là lý do tại sao bạn có thể thực tập thiền *Samatha* (Thiền Chỉ) hoặc thiền *Vipassanā* (Thiền Minh Sát) trên hơi thở. Khi bạn thực tập Thiền Chỉ trên hơi thở, bạn lấy hơi thở như một vật gì đó – ví dụ bạn sẽ thấy hơi thở ra vào lỗ mũi như cây bút chì hay một cái que đi ra đi vô ở mũi. Và bạn sẽ đếm và v.v... Như thế bạn lấy ý niệm làm đối tượng. Nếu bạn tập thiền với dĩa *kasina*, bạn nhìn vào dĩa và rồi cố ghi nhớ nó; như vậy cái bạn nhìn trong khi tập với dĩa *kasina* là ý niệm. Và rồi bạn đưa ý niệm vào tâm mình hoặc bạn ghi nhớ ý niệm này rồi tiếp tục cho đến khi đạt được các tầng thiền *jhāna,* đối tượng là ý niệm, không phải là thực tại. Nhưng khi thực tập thiền Minh Sát trên hơi thở, bạn cố gắng thấy bản chất của hơi thở - thay vì hình thể hay tướng của hơi thở. Như Sư đã có nói, hơi thở là yếu tố gió, hoặc yếu tố không khí, vì thế nó có đặc tính căng phồng hay nó có bản chất chuyển động. Đó là lý do tại sao Sư nói cố gắng chú tâm trên bản chất của hơi thở hơn là hình tướng của hơi thở. Trong giai đoạn khởi đầu,

https://tieulun.hopto.org

chẳng có ai có thể tập trung vào riêng bản chất mà thôi, tuy nhiên điều đó chẳng có sao cả.

Một lần nữa, có hai loại sự thực trên thế giới được Phật Pháp chấp nhận: một là sự thực bề ngoài hay sự thực qui ước và sự thực kia là sự thực tối hậu. Một sự thực bề ngoài được gọi là sự thực qui ước hay ý niệm (tiếng Pāli là *paññatti*) và có thể có nhiều loại ý niệm, nhưng nói ngắn gọn thì chúng ta có hai loại ý niệm: danh ý niệm và vật ý niệm. Danh ý niệm là tên gán cho một vật nào đó, và vật ý niệm là vật được chỉ định bằng danh ý niệm. Và với hầu hết mọi vật, ta có hai loại ý niệm này, nhưng với cái tên của thực tại tối hậu ta chỉ có một ý niệm, đó là danh ý niệm. Ví dụ, sự tức giận là một tâm sở, vì thế sự tức giận là thực tại tối hậu. Nhưng chữ hay tên "sự tức giận" là ý niệm: một danh ý niệm. Như thế, trong trường hợp này, chúng ta không có cả hai danh ý niệm và vật ý niệm, nhưng chúng ta chỉ có danh ý niệm và thực tại tối hậu. Khi ta nói *Nibbāna (Niết-bàn)*, chữ hay tên Nibbāna là danh ý niệm, nhưng Nibbāna tự nó không phải là một vật ý niệm mà là một thực tại. Và khi hành thiền Vipassanā, chúng ta đối đầu với thực tại tối hậu.

Trong bốn thực tại tối hậu, chúng ta chỉ đương đầu với ba thực tại đầu khi hành thiền Minh Sát bởi vì Niết-bàn không phải là đối tượng của thiền Minh Sát. Thiền Minh Sát cố gắng thấy sự vô thường, sự khổ và bản chất vô ngã của mọi sự vật. Và Niết-bàn là đối nghịch với vô thường và khổ, vì thế Niết-bàn không thể trở thành đối tượng của thiền Minh Sát. Khi hành thiền Minh Sát, chúng ta đương đầu với ba thực tại: tâm, tâm sở và sắc hay vật chất. Khi ta theo dõi tư tưởng, ta đang đương đầu với tâm. Khi ta đang nhận biết các tâm sở như tức giận, hiểu biết, tin tưởng, cố gắng... thì ta đang đương đầu với thực tại tối hậu thứ hai – các tâm sở. Khi ta theo dõi hơi thở hay chuyển động của bụng hoặc là khi ta đụng chạm hay bước đi trong chánh niệm thì ta đang đương đầu với thực tại tối hậu thứ ba - sắc hay vật chất. Khi hành thiền Minh Sát, ta đương đầu với ba thực tại tối hậu đầu tiên. Nếu chúng ta hoàn toàn thành công - một trăm phần trăm thành công – thì chúng ta sẽ chứng được thực tại tối hậu thứ tư, đó là Niết-bàn, được mô tả như là chấm dứt hết mọi khổ đau.

Như vậy, bằng sự thực tập thiền Minh Sát, mong bạn có thể thực sự thấy được ba thực tại tối hậu đầu tiên qua vô thường, khổ và vô ngã và cuối cùng có thể đạt đến giai đoạn chứng ngộ Niết-bàn hay an lạc vĩnh cửu thực thụ.

Tác giả: Thiền Sư **U Sīlānanda**
Dịch giả: Cư sĩ ***Liễu Pháp***
(Minnesota 11.12.2011)

Không

Tụng Tâm Kinh Bát Nhã,
Vang dội một tiếng Không!
Một tiếng Không mênh mông
Bao trùm trên tất cả!
Tất cả đều tan rã,
Tất cả trong nhân duyên.
Tất cả đều vẹn nguyên,
Tất cả trong như thị.
Đất trời vẫn hùng vĩ,
Cuộc sống vẫn thăng hoa,
Tâm Kinh vẫn chỉ ra
Một tiếng Không vang dội.

Hoàng Quốc Hùng
(Luân Đôn-Vương Quốc Anh)

Chú thích: **V*** *là những chú thích của dịch giả.*

- V*1: Theo Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*), tâm (còn gọi là tâm vương, *citta*) có 4 loại: tâm thuộc Dục giới (54 tâm), tâm thuộc Sắc giới (15 tâm), tâm thuộc Vô Sắc giới (12 tâm) và tâm Siêu thế (40 tâm). Tâm không thể hiện hữu ngoài các tâm sở. Tâm sở (còn gọi là tâm sở hữu, *Cetasika*) là những gì liên hợp với tâm, là các trạng thái tâm, đồng phát sinh và đồng hoại diệt với tâm, cùng có chung một đối tượng và chung một căn với tâm. Có 52 tâm sở, trong đó có Thọ và Tưởng và 50 tâm sở còn lại được gọi chung là Hành (Sankhāra); tâm sở quan trọng nhất là Tác ý (*Cetanā*) là một trong 7 tâm sở phổ thông nhất gọi là bảy tâm sở Biến Hành.

- V*2: Sắc (*rūpa*): Sắc trong sắc pháp bao gồm 28 sắc là 4 sắc tứ đại và 24 sắc y đại sinh; sắc trong nội sắc là mắt, tai, mũi, luỡi, thân; sắc nói chung là phần vật chất, là sắc trong danh sắc, là thân trong thân tâm.

- V*3: Ngũ uẩn (Pañcakkhandhas) là năm nhóm hay năm thành phần cấu tạo chúng sinh, năm thành phần mà con người vì vô minh cứ bám víu vào (*upādānakkhanda*; groups of clinging). Uẩn có nghĩa là nhóm tập khởi một cách phức tạp, tùy thuộc vào nhau, chồng chất lên nhau mà sinh khởi. Ngũ uẩn gồm sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và và thức uẩn. Thức (*viññāna*) đồng nghĩa với tâm, thường được dùng khi nói đến ngũ uẩn; tâm thì thường được dùng khi nói đến các loại tâm khác nhau.

- V*4: Thực tại tối hậu hay thực tại trừu tượng, còn gọi là Chân đế (*paramattha-sacca*, ultimate truth). Có bốn thực tại như thế, bao gồm tất cả những gì tại thế và siêu thế. Tâm, tâm sở, sắc (chúng sinh) là tại thế; Niết-bàn là siêu thế.

- V*5: Sự thực qui ước (*vohāra-sacca*, conventional truth) còn gọi là Tục đế (*sammuti-sacca*, commonly accepted truth).

- V*6: Hạt tử vật chất nhỏ nhất - ở Ấn Độ vào thời Đức Phật, danh từ *paramānu* tương đương với nguyên tử ở thời hiện đại. Một hạt bụi nhỏ thấy qua làn ánh sáng được gọi là ratharenu; một paramānu bằng 1/46,656 phần của một ratharenu, nhỏ nhất không còn phân chia được nữa.

https://tieulun.hopto.org

Vua Milinda vấn đạo

Bản Anh ngữ : **Tỳ Kheo Pesala**
Bản Việt ngữ : **Cư sĩ Liễu Pháp**

(Tiếp theo VG 185)

Chương 15

Những Vấn Đề Khó Xử

71. Bố thí của Bồ Tát Vessantara

"Bạch ngài Nāgasena, phải chăng tất cả các vị Bồ Tát đều bố thí vợ con của mình hay chỉ có Bồ Tát Vessantara làm như vậy?"

"Thưa vâng, tất các vị đều làm vậy"

"Nhưng vợ và con có hoan hỉ về việc họ là phẩm vật bố thí?"

"Các bà vợ thì hoan hỉ, nhưng các con còn nhỏ dại thì không"

"Nhưng phải chăng đó là một việc làm xứng đáng nếu các con hoảng sợ và la khóc khi bị dẫn đi?"

"Vâng, đó là một việc làm xứng đáng. Cũng như một người mong muốn một phước báu phải chở một người tàn tật trên một chiếc xe bò và vì vậy phải làm bò kéo xe bị đau đớn; cũng như một vị vua phải đánh thuế cao để làm việc thật ích lợi cho dân. Tương tự như thế, tuy có thể tạo nên sự thống khổ cho một số người, kẻ bố thí sẽ được tái sinh ở các cõi trời. Tâu Đại Vương, có sự bố thí nào mà không nên làm?"

"Bạch ngài Nāgasena, có đến mười loại phẩm vật không nên được bố thí, những phẩm vật mà đem bố thí thì dẫn đến tái sanh thành thù nghịch: bố thí chất say, bố thí hội liên hoan, bố thí đàn bà, bố thí đàn ông, bố thí hình ảnh khêu gợi, bố thí khí giới, chất độc, gông cùm hay dụng cụ tra tấn, gà trống và lợn đực hoặc cân đo lường sai hoặc máy tính sai chạy"

"Bần tăng không hỏi về các phẩm vật bố thí mà người đời không chấp thuận. Bần tăng xin hỏi có phẩm vật bố thí nào mà không nên cho nếu người nhận xứng đáng được nhận"

"Bạch ngài, thế thì không có phẩm vật nào mà lại không nên bố thí. Khi đã thấm nhuần Phật Pháp, có người bố thí cả trăm ngàn, hoặc là ngai vàng hoặc là mạng sống của họ"

"Thế thì tại sao Đại Vương lại chỉ trích sự bố thí của Bồ Tát Vessantara khắc nghiệt như vậy? Phải chăng đôi khi có trường hợp một người mắc nợ phải bán con hoặc dùng con làm con tin? Cũng giống như vậy, ngài Vessantara đã dùng con mình làm con tin cho tương lai thành tựu toàn giác của ngài"

"Nhưng tại sao, thay vào đó, ngài lại không bố thí chính bản thân mình?"

"Bởi vì người ta không xin bản thân ngài. Bố thí cái gì khác người ta không xin là điều không hợp lẽ. Thêm nữa, Vessantara đã biết rằng người Bà-la-môn không thể giữ con mình làm nô lệ lâu được vì ngài đã thấy trước nhiều năm; vả lại, ông nội của các con của ngài sẽ trả tiền chuộc để đón cháu trở về"

"Bạch ngài Nāgasena, ngài đã phá tan tiếng đồn đãi ra từng mảnh vụn. Từng lời kinh đã được ngài bảo vệ khi ngài giảng giải tinh thần của lời kinh. Quả là như thế và Trẫm xin chấp nhận lời của ngài".

72. Tu khổ hạnh

"Phải chăng tất cả các vị Bồ Tát đều tu khổ hạnh hay chỉ một mình Bồ Tát Gotama?"

"Chỉ có Bồ Tát Gotama tu khổ hạnh. Có những sự khác biệt giữa các vị Bồ Tát trong bốn phương diện: xuất thân từ giai cấp gia đình nào (chiến sĩ hoặc là tu sĩ), thời gian để phát triển ba-la-mật, tuổi thọ của kiếp sống và chiều cao của sắc thân. Nhưng không có sự khác biệt về đạo hạnh và trí tuệ giữa các vị Bồ Tát. Chính vì để phát triển trí tuệ cho chín muồi mà Bồ Tát Gotama đã phải trải qua giai đoạn tu khổ hạnh"

"Thế thì, bạch ngài Nāgasena, tại sao Đức Phật đã tiến tu khi trí tuệ của Ngài còn chưa đủ chín muồi? Tại sao Ngài không đợi cho trí tuệ chín muồi trước đã rồi sau đó mới đi xuất gia?"

"Tâu Đại Vương, khi Đức Bồ Tát thấy đàn bà nằm ngủ la liệt trong hậu cung, Ngài cảm thấy ghê tởm và nhàm chán. Khi cảm nhận tâm của Ngài đầy nhàm chán, Ma Vương nói rằng 'Bảy ngày nữa, ngài sẽ trở nên một vị Quốc Vương cai trị toàn thế gian'. Nhưng mặc dầu Ngài nghe như thanh sắt nung đỏ xuyên qua tai, Ngài cảm thấy lo sợ. Thêm vào đó, Ngài nghĩ rằng 'Đừng để ta bị chư thiên và người chê trách như là kẻ không nghề và không phương tiện. Ta hãy là người hoạt động và luôn luôn nghiêm túc' Và như thế Ngài đi vào khổ hạnh để mong phát triển trí tuệ"

"Bạch ngài Nāgasena, khi Đức Bồ Tát đang đi tu khổ hạnh, Ngài có nghĩ rằng 'Phải chăng có con đường nào khác để đạt đạo xứng đáng hơn chăng?'. Có phải Ngài lúc đó đang lẫn lộn không biết con đường nào là đúng?"

"Tâu Đại Vương, có đến 25 điều kiện trở ngại làm cho tâm yếu đuối: sự nóng giận, sự oán thù, tính đạo đức giả, tính tự hào, tính ganh tị, tính tham lam, sự lừa gạt, sự phản bội, tính cứng đầu, tính ngang bướng, sự kiêu hãnh, tính khinh người, sự khoe khoang, sự coi thường, sự uể oải, sự hôn trầm, sự lười biếng, thân cận bạn xấu, háo sắc, đắm thanh, đắm hương, đắm vị, đắm xúc, sự đói, sự khát và sự bất mãn. Và chính vì sự đói khát chi phối thân thể mà tâm Ngài không hướng thẳng vào sự tiêu hủy dòng ô nhiễm *(āsava)* – [*V 15.72]. Và Đức Bồ Tát đã trải qua nhiều A tăng tỳ kiếp để tìm sự nhận thức Tứ Diệu Đế, thế thì làm thế nào mà Ngài lại có thể lẫn lộn về con đường giáo pháp được? Mặc dầu như thế, Ngài nghĩ rằng 'có lẽ chẳng có con đường nào khác để đạt được trí tuệ?'. Trước đó, khi còn mới sinh ra có một tháng, Đức Bồ Tát đã đạt bốn tầng thiền định khi Ngài thiền tập dưới cây táo trong khi cha của Ngài đang xới đất".

---

*[*V 15.72] āsava, là dòng ô nhiễm gồm 4 sự đầu độc của nhục dục, tham sống, tà kiến và vô minh.*

https://tieulun.hopto.org

"Bạch ngài Nāgasena, thật là hay, Trẫm xin chấp nhận lời của ngài dạy: Đức Bồ Tát tu khổ hạnh trong khi Ngài đang phát triển trí tuệ".

73. Sức mạnh của ác nghiệp

"Bạch Đại Đức, giữa thiện nghiệp và ác nghiệp, cái nào mạnh hơn?"

"Thưa Đại Vương, thiện nghiệp mạnh hơn"

"Đó là điều Trẫm không thể tin được bởi vì những kẻ làm ác thì thấy quả báo ngay trong đời này khi họ bị trừng phạt về tội đã phạm (*E 15.73), tuy nhiên có chăng người nào cúng dường cho các vị trong Tăng đoàn đi khất thực hoặc người nào giữ giới nhịn ăn mà nhận được quả tốt ngay trong cuộc đời này?"

"Tâu Đại Vương, có sáu trường hợp như vậy. Có kẻ nô lệ tên là Punnaka cúng dường vật thực cho ngài Sāriputta, liền được cử trong cùng ngày đó làm chức vụ giữ kho giàu sang và vinh hạnh. Có bà mẹ của Gopāla bán tóc của mình để mua vật thực cúng dường ngài Mahā Kaccāyana, đã trở thành Hoàng hậu vua Udena. Một bà giúp việc tên là Suppiyā cắt thịt chân mình để cúng dường cho một vị Tỳ kheo bị bệnh, nhưng sáng hôm sau vết cắt ở chân đã lành ngay. Nàng nô lệ Mallikā dâng bánh phần ăn của nàng cho Đức Bồ Tát, ngay trong ngày hôm đó đã trở thành Hoàng hậu của vua Kosala. Người bán hoa Sumana dâng cúng tám cụm hoa lài cho Đức Thế Tôn, đã trở nên rất giàu có. Người Bà-la-môn Ekasātaka cúng dường Đức Thế Tôn mảnh vải che thân độc nhất, được phước quả là đồ dùng loại nào cũng có tám cái".

"Bạch ngài Nāgasena, như thế ngài chỉ tìm thấy tất cả là sáu trường hợp?"

"Tâu Đại Vương, đúng vậy"

"Thế thì ác nghiệp mạnh hơn thiện nghiệp. Bởi vì Trẫm đã thấy nhiều người bị xâu đầu vào cọc vì tội ác của họ, và trong chiến trận mà đại tướng Bhaddasāla phù trợ hoàng tộc Nanda, chống lại vua Chandagutta, có đến tám mươi thây ma nhảy múa, bởi vì người ta nói rằng khi có sự giết chóc lớn lao như vậy thì những thây người cụt đầu nổi dậy và nhảy múa trên chiến trường. Và tất cả những người đó đã bị tiêu hoại vì quả của ác nghiệp. Nhưng khi vua Pasenadi của Kosala cúng dường cho các vị đi khất thực hậu hĩ không ai bằng thì thử hỏi nhà vua có nhận được giàu có, vinh quang hay hạnh phúc ngay trong cùng một kiếp sống?"

"Tâu Đại Vương, không có như vậy"

"Như thế thì chắc chắn ác nghiệp phải mạnh hơn thiện nghiệp?"

"Tâu Đại Vương, cũng giống như hạt lúa xấu chín ngay trong một hoặc hai tháng, nhưng hạt lúa tốt chỉ chín vàng sau năm hoặc sáu tháng, các thiện nghiệp chỉ chín muồi sau một thời gian dài. Hơn thế nữa, quả của thiện nghiệp và ác nghiệp sẽ được thấy trong kiếp sau, nhưng bởi vì ác nghiệp bị chê trách nên đã có luật lệ trừng phạt những ai tạo ác nghiệp; nhưng người ta thường không tưởng thưởng người làm việc thiện. Nếu giả sử rằng có luật lệ để tưởng thưởng người làm việc thiện thì như thế thiện nghiệp có lẽ sẽ có quả ngay trong kiếp sống này".

"Thật hay, bạch ngài Nāgasena, từng điểm một, ngài đã khôn khéo gỡ rối thật tài tình. Câu hỏi của Trẫm từ một quan điểm tầm thường đã được ngài làm sáng tỏ với ý nghĩa siêu việt."

74. Chia xẻ phước báu

"Phải chăng tất cả thân quyến đã quá vãng có thể được chia xẻ phước báu của việc thiện?"

"Không phải thế. Chỉ có những ai sinh ra làm ma quỷ đói sống nhờ phước báu của người khác mới có thể chia xẻ phước báu. Những kẻ sinh ra trong trong địa ngục, cõi thiên, súc vật và quỷ đói mà sống nhờ chất nôn mửa, hoặc loài quỷ đói khát, hoặc quỷ đói tham lam thì chẳng hưởng được bất cứ một lợi ích nào"

"Thế thì những sự cúng dường như vậy đều vô ích bởi vì người được cho chẳng nhận được lợi ích gì cả"

"Tâu Đại Vương, không phải thế, sự cúng dường không phải là vô ích mà cũng chẳng phải là không có kết quả vì người cúng dường nhận được lợi ích từ đó"

"Xin ngài cho biết lý do để thuyết phục Trẫm về điều đó"

"Nếu có người nào chuẩn bị thức ăn và mang đến cho người bà con nhưng bà con không nhận quà đó, phải chăng món quà đó bị huỷ bỏ đi?"

"Thưa không, bạch Đại Đức, người mang quà đến sẽ nhận lãnh".

"Tâu Đại Vương, cũng giống như vậy, người cúng dường cho các vị đi khất thực sẽ được hưởng lợi lộc"

"Thế thì phải chăng quả của việc làm bất thiện có thể chia xẻ được?"

"Tâu Đại Vương, đó không phải là một câu hỏi mà Đại Vương nên hỏi. Đại Vương sẽ hỏi bần tăng tiếp là tại sao không gian là vô cùng, không giới hạn, tại sao chim và người có hai chân mà con dê lại có bốn chân!"

"Trẫm không hỏi câu này để quấy rầy ngài, nhưng có nhiều người trên thế gian này hư hỏng hoặc không có mắt trong đầu của họ"

"Mặc dầu ta có thể trồng lúa với nước trong thùng, nhưng không thể dùng nước biển. Một việc làm bất thiện không thể chia xẻ với người không làm và không đồng tình với việc đó. Người ta chuyển nước đi xa bằng ống dẫn nước, nhưng không thể chuyển đá cùng một cách như thế. Sự bất thiện là điều tồi tàn còn thiện là điều cao cả."

"Xin ngài cho một ví dụ"

"Nếu một giọt nước nhỏ mà rơi trên mặt đất thì thử hỏi nước đó có chảy đi mười hoặc mười hai dặm?"

"Bạch ngài, chắc chắn là không, giọt nước chỉ ảnh hưởng đến chỉ một điểm nơi nó rơi xuống?"

"Tại sao vậy?"

"Bởi vì giọt nước quá nhỏ bé, ít ỏi"

"Thưa Đại Vương, cũng giống như vậy, sự bất thiện là một điều không tốt và bởi vì sự nhỏ bé của nó chỉ ảnh hưởng tới người hành nghiệp bất thiện và không thể chia xẻ với ai khác được. Nhưng nếu có một đám mây mưa mạnh mẽ đổ ào xuống thì thử hỏi nước có lan tràn khắp nơi?"

"Bạch Đại Đức, chắc chắn là vậy, nước sẽ lan tràn đến cả mười hoặc mười hai dặm"

(*E 15.73) *Khi thấy những người tạo nghiệp xấu bị trừng phạt, nhà vua vội kết luận họ đang trả quả; điều này không đơn giản như vậy. Hãy xem lại Vấn đề khó xử số 8 trong đó có nói: "Không ai có thể đoan chắc nghiệp quả lớn hoặc nhỏ, nặng hoặc nhẹ, ngoài sự soi sáng của Đức Phật..."*

https://tieulun.hopto.org

"Tâu Đại Vương, cũng giống như vậy, thiện là điều cao cả và to lớn nên có thể chia xẻ cho chư thiên và con người"

"Bạch ngài Nāgasena, tại sao sự bất thiện lại bị giới hạn như thế và sự hành thiện lại có ảnh hưởng sâu rộng hơn?"

"Tâu Đại Vương, bất cứ ai cúng dường, giữ giới luật và nhịn ăn thì người đó được vui sướng, bình an, và nhờ được bình an, tâm thiện của người đó càng phát triển nhiều hơn nữa. Giống như một hồ nước sâu mà một khi nước chảy đi một bên thì nước quanh hồ liền đầy trở lại. Thưa Đại Vương, cũng giống như vậy, nếu giả sử một người chia xẻ cho kẻ khác hết tất cả phước báu đã làm đến cả trăm năm thì tâm thiện của người đó càng phát triển nhiều hơn nữa. Nhưng, thưa Đại Vương, một người hành nghiệp ác sẽ trở nên ân hận và tâm người đó không tránh khỏi suy nghĩ về ác nghiệp, người đó sẽ buồn rầu, bất an, khốn khổ và vì thất vọng có thể hủy hoại thân mình. Tâu Đại Vương, cũng như một giọt nước rơi xuống một con sông khô cạn, chẳng làm thay đổi gì cho nước sông mà chỉ bị cuốn hút đi ngay tại điểm rơi xuống. Đó là tại sao sự bất thiện tồi tàn và nhỏ hẹp".

75. Chiêm bao

"Chiêm bao là gì và ai nằm mộng?"

"Chiêm bao là dấu hiệu xuyên qua tiến trình của tâm và có sáu loại người thấy chiêm bao. Người thì do chất gió trong cơ thể tác động, người thì do mật, người thì do đàm, người thì do ảnh hưởng của chư thiên, người thì do thói quen riêng của mình và có người thì do linh cảm. Tuy nhiên chỉ có chiêm bao do lý do cuối là có thật [V*15 75], còn chiêm bao do các lý do trước đó là đều không có thật"

"Khi một người nằm mộng, người đó đang thức tỉnh hay là đang ngủ?"

"Chẳng phải thức mà cũng chẳng ngủ. Người đó ngủ như "giấc ngủ con khỉ", nghĩa là nửa ngủ nửa thức".

76. Chết yểu hay chết thọ

"Bạch Đại Đức Nāgasena, phải chăng tất cả chúng sinh chết đúng tuổi thọ hay là có người chết yểu?"

"Tâu Đại Vương, cả hai trường hợp. Giống như trái trên cây, có trái thì rụng xuống khi đã chín muồi, có trái thì rơi xuống vì gió, vì sâu bọ, côn trùng; cũng như thế, có chúng sinh chết khi hết tuổi thọ, có chúng sinh thì chết yểu."

"Nhưng bạch ngài, tất cả những chúng sanh chết yểu, cho dù là còn trẻ hoặc già, đều đã đạt đến tuổi thọ đã định trước cho họ. Không có cái gì gọi là chết yểu, chết non".

"Tâu Đại Vương, có bảy loại chết yểu cho những người, mặc dù chưa đến hết tuổi thọ, vẫn chết sớm; đó là chết vì đói, vì khát, vì rắn cắn, vì chất độc, vì lửa, vì chết đuối, vì khí giới. Và có tám cách chết: do gió, mật, đàm, chất nước hỗn hợp trong cơ thể, nhiệt độ thay đổi, sự căng thẳng của hoàn cảnh, yếu tố bên ngoài và *nghiệp.* Và trong mọi lý do trên chỉ có chết do *nghiệp* mới có thể gọi là hết tuổi thọ, ngoài ra đều là chết yểu"

"Bạch ngài Nāgasena, ngài nói là có chết yểu, xin ngài cho một lý do khác về chết yểu"

"Tâu Đại Vương, một ngọn lửa mạnh dập tắt khi nhiên liệu đã cháy hết chứ không dập tắt trước đó vì lý do gì khác thì được nói là dập tắt đúng thời. Cũng giống vậy, một người chết khi tuổi già mà không có tai nạn gì thì được nói là chết khi hết tuổi thọ. Nhưng trong trường hợp ngọn lửa bị dập tắt do một cơn mưa lớn, người ta không thể nói là là lửa tắt đúng thời; cũng như vậy, bất cứ người nào chết do một lý do nào khác ngoài *nghiệp* thì gọi là chết yểu."

77. Phép lạ nơi thi thể hỏa táng của các vị A-la-hán

"Phải chăng có phép lạ nơi thi thể hỏa táng (*cetiya*) của tất cả mọi vị A-la-hán?"

"Không phải tất cả mà chỉ có vài trường hợp thôi. Có phép lạ khi có sự chú nguyện trong 3 trường hợp sau đây: chú nguyện của vị A-la-hán khi ngài còn sống; chú nguyện của chư thiên hoặc chú nguyện của vị thiện trí thức có nhiều tín tâm. Nếu không có sự chú nguyện như thế thì sẽ không có phép lạ cho dù ngài A-la-hán có thần thông. Tuy nhiên có phép lạ hay không thì người ta cũng có đức tin sau khi biết về đạo hạnh trong sạch và cao cả của vị A-la-hán".

78. Phải chăng ai cũng có thể đắc đạo ?

"Có phải tất cả những ai thực hành đạo pháp chân chính đều đắc đạo hay là có một số không đắc đạo?"

"Có một số chúng sinh không thể đắc đạo được cho dù họ có thực tập đúng cách, như là súc vật, ngạ quỷ, kẻ có tà kiến, kẻ lường gạt, kẻ phạm tội giết mẹ, giết cha, kẻ giết A-la-hán, kẻ phạm tội ly gián chia rẽ tăng đoàn, kẻ làm Đức Như Lai chảy máu, kẻ giả dạng mặc áo sa môn, kẻ bỏ đạo và tham gia ngoại đạo, kẻ cưỡng hiếp tỳ khưu ni, kẻ che giấu một tội lỗi đòi hỏi sự hội họp của Tăng đoàn, kẻ bị thiến hoặc kẻ lưỡng tính nam nữ. Trẻ em dưới bảy tuổi cũng không thể đắc đạo được."

"Lý do gì mà một trẻ em dưới bảy tuổi không thể đắc đạo được? Một trẻ em có tâm trong sạch phải sẵn sàng để giác ngộ đạo pháp"

"Thưa Đại Vương, một trẻ em dưới bảy tuổi có thể cảm thấy ái dục với những gì dẫn đến ái dục, có thể cảm thấy sân hận với những gì dẫn đến sân hận, có thể bị rơi vào những sự lừa dối và nếu có thể phân biệt được thiện và bất thiện thì may ra mới có thể đạt đạo. Tuy nhiên, tâu Đại Vương, tâm của một trẻ em dưới bảy tuổi thì còn yếu ớt mà ý niệm Niết Bàn thì nặng nề thâm sâu. Vì thế, thưa Đại Vương, mặc dầu thực hành chân chính, một trẻ em dưới bảy tuổi không thể đắc đạo được".

79. Sự an lạc của Niết Bàn

"Phải chăng Niết Bàn là hoàn toàn an lạc hay có phần đau khổ trong đó?"

"Niết Bàn là hoàn toàn an lạc"

[V*15 75] *Cắt nghĩa sơ lược theo kinh Vi Diệu Pháp: Khi ngủ mà ngủ chưa sâu – ý thức chưa chìm vào hữu phần tâm (bhavangacitta) – nên còn nửa tỉnh, nửa mê. Khi đó, nếu ngũ căn bị ngũ trần tác động mạnh thì có thể tỉnh lại và nhận biết, đó là đang có chiêm bao. Chiêm bao không do tâm tạo ra, không do nó tự tạo; chiêm bao như bóng soi trong gương, có hình sắc được tạo tác, chiêm bao là bóng soi của hình sắc trong gương và hình sắc có thể đã được tạo tác trong quá khứ. Những người có tâm vô tư hoặc người ít có hoạt động về ý thức hoặc người có thiền định cao, có tâm tỉnh thức, chánh niệm thì ít có thấy chiêm bao.*

https://tieulun.hopto.org

"Nhưng điều đó Trẫm không thể chấp nhận được. Những ai đi tìm kiếm Niết Bàn thì phải tu khổ hạnh, nỗ lực về thân và tâm, không ăn sái giờ, ngủ ít, thu thúc các căn và xa lìa của cải, gia đình và bạn bè. Những người an lạc thì hưởng thụ lạc thú của các căn, nhưng ngài ngăn chận những lạc thú đó và như vậy họ cảm thấy khó chịu và đau khổ cả thân và tâm"

"Tâu Đại Vương, *nibbāna* không có đau khổ; cái ngài gọi là đau khổ không phải là Niết Bàn. Quả là đúng khi nói rằng đi tìm kiếm Niết Bàn thì có kinh nghiệm khổ đau, nhưng sau đó thì kinh nghiệm được sự an lạc thuần khiết của Niết Bàn. Bần tăng sẽ nói lý do về điều này. Tâu Đại Vương, có chăng sự an lạc như sự an lạc được có chủ quyền tối cao của các vị vua?"

"Bạch ngài, có"

"Sự an lạc đó có trộn lẫn với đau khổ hay không?"

"Thưa không"

"Thế thì tại sao khi các vùng biên giới nổi loạn, các vị vua phải rời cung điện, đi qua các vùng đất lồi lõm, bị muỗi mòng chích rất khó chịu, bị gió nóng và tham dự các trận chiến cam go có thể nguy hiểm đến tính mạng?"

"Bạch ngài Nāgasena, đó không phải là sự an lạc của chủ quyền tối cao mà chỉ là giai đoạn đầu trong việc đeo đuổi sự an lạc đó. Chỉ sau khi thắng trận, giữ được chủ quyền toàn vương quốc thì mới hưởng thụ sự an lạc của chủ quyền tối cao. Và bạch ngài, sự an lạc đó không trộn lẫn với đau khổ "

"Thưa Đại Vương, cũng giống như vậy, Niết Bàn là sự an lạc thuần khiết và không có trộn lẫn với đau khổ".

80. Mô tả Niết Bàn

"Bạch ngài Nāgasena, có thể dùng ví dụ để chỉ rõ hình dạng, cỡ lớn hoặc thời hạn của Niết Bàn hay không?"

"Không thể được, chẳng có cái gì khác giống như Niết Bàn."

"Thế thì có chăng thuộc tính nào của Niết Bàn tìm thấy trong những vật khác mà có thể đem ra làm ví dụ?"

"Có thể được"

"Như là hoa sen không thể bị dính ướt với nước, Niết Bàn không bị bôi nhọ bởi ô nhiễm.

"Giống như nước, Niết Bàn làm dịu cơn sốt của phiền não ô nhiễm và dập tắt sự khát khao của tham ái.

"Giống như y dược, Niết Bàn bảo vệ chúng sanh khỏi bị nhiễm độc vì những ô nhiễm, chữa trị đau khổ và nuôi dưỡng như mật hoa.

"Như đại dương không chứa xác chết, Niết Bàn không có ô nhiễm; như đại dương không thay đổi vì tất cả các dòng sông chảy ra biển, Niết Bàn cũng không thay đổi vì tất cả chúng sanh nhập Niết Bàn, đó là nơi chốn cho các chúng sanh cao cả (các vị A-la-hán) và được trang hoàng với các đợt sóng trí tuệ và tự do.

"Giống như thực phẩm nuôi dưỡng đời sống, Niết Bàn chấm dứt sự già và chết; Niết Bàn làm tăng trưởng sức mạnh tinh thần của chúng sanh, mang lại vẻ đẹp của đạo hạnh, xóa bỏ đi phiền não ô nhiễm và đẩy xa cực nhọc đau khổ.

"Giống như hư không, Niết Bàn không sinh ra, không tàn hoại, không mất đi chỗ này và sinh khởi chỗ khác, không ai thắng nổi, không ai trộm cắp được, không dính mắc vào bất cứ thứ gì, là nơi đi lại của các bậc Thánh, tự do như chim bay trong hư không, không có gì ngăn ngại, vô hạn, không có chỗ cuối cùng.

"Giống như ngọc ma ni, Niết Bàn làm thành tựu sở nguyện, tạo nên hoan hỉ và an lạc.

"Giống như chiên đàn màu đỏ, Niết Bàn khó tìm thấy, hương thơm không gì so sánh bằng và tất cả người và thánh đều ca ngợi.

"Như bơ lỏng được nhận biết nhờ các thuộc tính đặc biệt của nó, Niết Bàn cũng có các thuộc tính đặc biệt; bơ lỏng có hương thơm dịu ngọt thì Niết Bàn có hương của đạo hạnh; như bơ lỏng có vị ngon, Niết Bàn có vị ngon của giải thoát.

"Giống như đỉnh núi, Niết Bàn cao tột, không di chuyển được, ô nhiễm không xâm nhập vào được, không có chỗ cho ô nhiễm có thể sinh sản và là nơi chẳng có ưa thích hoặc thành kiến".

81. Thấy rõ Niết Bàn

"Bạch Đại Đức, ngài nói Niết Bàn không phải là quá khứ, cũng chẳng phải hiện tại hoặc là tương lai, Niết Bàn không sinh khởi, cũng chẳng phải là không sinh khởi và không được tạo nên. Trong trường hợp đó, phải chăng người thấy được Niết Bàn là thấy một cái gì đã được tạo ra, hoặc là người đó tự mình tạo ra Niết Bàn trước rồi mới thấy nó?"

"Tâu Đại Vương, chẳng có trường hợp nào nói trên mà đúng cả. Tuy nhiên, Niết Bàn hiện hữu"

"Bạch ngài Nāgasena, xin ngài đừng trả lời câu hỏi mà lại làm cho nó tối tăm! Xin hãy làm cho sáng tỏ và giải thích nó. Đây là một điểm mà người ta lúng túng và lạc lõng hoài nghi. Xin hãy bẻ gãy mũi tên nhắm vào sự bấp bênh này"

"Tâu Đại Vương, ý niệm về Niết Bàn có thực, ai mà thực hành đúng và thấu hiểu đúng giáo pháp của Đấng Chiến Thắng thì người đó thấy được Niết Bàn bằng trí tuệ của mình.

"Và làm thế nào để biểu lộ Niết Bàn? Bằng sự giải thoát khỏi phiền não và nguy hiểm, bằng thanh tịnh và êm dịu. Như một người, sợ hãi khủng khiếp khi bị rơi vào giữa quân địch, sẽ được nhẹ nhõm và an lạc khi đã thoát khỏi đến một nơi an toàn; hoặc như là một người bị rớt xuống một hang dơ bẩn, sẽ cảm thấy dễ chịu và sung sướng sau khi được ra khỏi hang và tắm rửa sạch sẽ; hoặc như là một người bị kẹt trong đám cháy rừng, sẽ cảm thấy bình tĩnh và tươi mát sau khi đến được nơi an toàn. Ta nên coi sự sợ hãi khủng khiếp trên như là sự lo lắng sinh khởi qua nhiều lần sinh, lão, bệnh, tử; ta nên nhìn vào sự dơ bẩn trên mà thấy sự lợi lộc, danh dự và danh tiếng chẳng thơm tho gì cả; ta nên coi sức nóng và sự cháy bỏng trên như là ba thứ lửa dục vọng, sân hận và si mê.

"Và bằng cách gì mà người thực hành chân chính thấy rõ được Niết Bàn? Người đó phải nắm bắt được bản chất tuần hoàn của mọi pháp và trong đó chỉ thấy sinh, lão, bệnh, tử; người đó không thấy gì là lạc thú và thích hợp với phần nào cả. Không thấy gì cả ở đó để mà cầm giữ, như một cục sắt nóng đỏ, tâm người đó trôi qua bất mãn và một cơn sốt giữ chặt cơ thể; thất vọng và không nơi nương tựa, người đó trở nên ghê tởm những kiếp sống lặp đi lặp lại. Và với ai mà thấy sự khủng khiếp của kiếp sống luân hồi thì có tư tưởng này phát sinh: 'Trong lửa cháy dữ dội là bánh xe luân hồi của kiếp sống đầy đau khổ và tuyệt vọng. Nếu chỉ có thể chấm dứt bánh xe luân hồi này thì sẽ được an bình, tuyệt diệu biết mấy; ngừng nghỉ mọi hành nghiệp, chối bỏ sự dính mắc, phá

https://tieulun.hopto.org

bỏ tham lam, không tham đắm ái dục, ngừng nghỉ tất cả, *nibbāna!'*

"Từ đó tâm của người nhập vào trạng thái không còn hữu [*V 15.81.1]. Rồi thì người tìm được an bình, rồi tâm người hoan hỉ nghĩ rằng 'Cuối cùng đã tìm thấy nơi nương tựa!'. Người nỗ lực đi theo con đường giáo pháp để dứt bỏ hành nghiệp, tìm tòi, phát triển con đường và nhờ đó đạt được mục đích. Trên con đường đến đích, người đã vận dụng chánh niệm, tinh tấn và hoan hỉ; và từ sự nhắc đi nhắc lại ý tưởng đó (ghê tởm hành nghiệp, [*V15.81.2] đã chuyển hóa bánh xe luân hồi sanh tử, người chận đứng được chu kỳ đó. Người chận đứng được bánh xe luân hồi sinh tử được gọi là thấy rõ *nibbāna* ".

82. Niết Bàn ở đâu?

"Bạch ngài Nāgasena, có một nơi nào Niết Bàn được cất giữ?"

"Không có, tuy vậy Niết Bàn hiện hữu. Như chẳng có nơi nào mà lửa được cất giữ, tuy nhiên lửa có thể được tạo nên do sự cọ xát hai que gỗ khô".

"Nhưng có chăng một nơi nào mà người ta có thể đứng và thấy rõ Niết Bàn?".

" Có chứ; nơi đó là đạo hạnh; dựa trên đạo hạnh và với trí tuệ thì bất cứ ở đâu, dù ở Scythia, Bactria hoặc ở Trung Hoa, Tây tạng hay Kashmir, Gandhāra, ở đỉnh núi cao hoặc ở cõi trời cao nhất, người thực tập đúng theo giáo pháp cũng thấy được Niết Bàn".

"Bạch ngài Nāgasena, ngài đã giảng dạy về Niết Bàn, cắt nghĩa về sự thấy rõ Niết Bàn, ngài đã tán dương các đức tính của đạo hạnh, chỉ dẫn con đường chân chính để thực hành, dâng cao biểu ngữ của Phật Pháp, thiết lập Phật Pháp như là nguyên tắc dẫn đầu, và những ai có mục đích chính đáng, thực hành tinh tấn thì phải có kết quả!" .

(còn tiếp)

---

*[*V 15.81.1] Hữu là trở thành (Becoming, Bhavati) trong Thập Nhị Nhân Duyên (Paticca Samuppàda). Khi Hữu không còn thì Sanh cũng ngừng nghỉ.*

*[*V15.81.2] Đây là hành nghiệp (mental formations, sankhāra), là phản ứng được xem là 'tự động' do lạc thọ (tạo tham ái) và khổ thọ (tạo sân hận) đem lại. Người không thực tập thiền quán (Thiền Tứ Niệm Xứ) có phản ứng sau sự diễn tiến của cảm thọ. Phản ứng này do Vô Minh; trong Thập Nhị Nhân Duyên, vô minh sinh hành, hành sinh thức, thức sinh thân-tâm, thân-tâm sinh sáu căn, sáu căn sinh xúc, xúc sinh cảm thọ, cảm thọ sinh tham sân, tham sân sinh thủ (dính mắc), thủ sinh hữu, hữu sinh sanh, sanh sinh già, bệnh, chết với mọi thứ đau khổ. Nếu vô minh bị diệt tận thì hành sẽ không sinh khởi; nếu hành ngưng nghỉ thì thức không sinh khởi, v.v... và sanh ngưng nghỉ thì mọi thứ đau khổ chấm dứt.*

Em mãi là Xuân

mưa có xuống thêm thiên hình vạn trạng
giữa thiên thanh bạch nhựt cũng buồn tênh!
em có đi... lòng cơ hồ quạnh vắng
em có về... ờ cuộc lữ chênh vênh!

gạt nước mưa tìm trong vùng sương bóng
dáng em cười muôn thuở vẫn thanh tân
vẫn như xưa, vẫn cao vời trang trọng
có vì nhau, xin được gọi cố nhân?

nắng có lên để soi lòng chiêu niệm
tình có phai theo năm tháng phôi phai?
dang tay hứng sương vương chiều gió quyện
lòng si mê theo hương phấn liêu trai!

em tinh khôi trên tinh cầu tỉnh thức
em ngọc ngà trong cõi tục tha nhân
không dính mắc, sống an bần lạc đạo
không vương sầu, đời vẫn thế phù vân!

hương nắng mới, thơm như hương bát nhã
như lòng từ bao phủ cả nhân gian
nên vô ưu trên môi người hành giả
luôn mỉm cười đầy cao cả bình an

em là ai mà nhân gian sùng bái?
cả hương hoa, cả đào thắm mai vàng
cả muôn loài từ núi rừng quan tái
cũng tìm về để chiêm ngưỡng dung nhan!

em hỡi em muôn ngàn lời từ ái
cũng ngọt bùi như đôi lứa tình nhân,
rồi chia tay, cuối chu kỳ trở lại
chẳng hẹn hò... vì em mãi là xuân.

● tùy anh

https://tieulun.hopto.org

Đạo Phật và tôi

Con đường đi tìm trí huệ

Kính tặng Prof. Phùng Quang Lộc, vị Thầy tài ba đã thổi vào tâm trí tôi nhiều kiến thức mà tôi đã và đang nuôi dưỡng.

• **Bùi Thế Trường**

Mục đích: Làm sao cố đạt được cái tâm thanh tịnh, để có được cái trí huệ như các chư Phật.

Đối tượng: Nên cần quan tâm đến các yếu tố gây trở ngại và ảnh hưởng mạnh đến trí huệ phát sinh như: vọng niệm, chấp thủ và phân biệt chấp trước, nếu muốn đạt mục đích sau cùng là có được cái tâm thanh tịnh.

Kinh Hoa Nghiêm có ghi lời Phật dạy: "tất cả chúng sinh đều có những khả năng và trí huệ y như Đức Phật, nhưng lại không có khả năng nào và hoàn toàn khác hẳn đối với chư Phật". Tại sao?, là vì do các yếu tố gây trở ngại như vọng niệm là ý niệm không thực có và huyễn hoặc, và chấp thủ là cho ý niệm tự cho là của mình và ôm giữ chặt không buông, hay có ý nghĩ phân biệt chấp trước là mang cái ý nghĩ nào giống mình thì chấp nhận, còn khác mình thì chẳng thèm để ý và bát bỏ, nên tất cả đều che lấp mất cái khả năng trên và kết quả là không giống như Chư Phật. Vậy muốn tu theo đạo Phật, muốn giống như Chư Phật, thì nên theo đúng lời chỉ dạy của Đức Phật thì ta phải giải trừ và buông bỏ mọi vọng niệm và mọi chấp thủ hay mọi ý nghĩ phân biệt trong ta.

Tại sao cần loại bỏ các yếu tố gây trở ngại để làm gì? Để được có cái tâm thanh tịnh và khi đạt được tâm thanh tịnh đó là ta cảm nhận ta có một sự an lạc thật sự. Sau một thời gian tu luyện lâu dài khi đã đạt được tâm thanh tịnh, ta sẽ có cái trí huệ phát sinh. Khi sự kiện trên đã có, thì ta có được trạng thái gọi là ngộ hay giác ngộ. Giác ngộ cũng có mức độ cao thấp, lâu hay mau tùy theo kết quả của sự đạt được tâm thanh tịnh sâu hay cạn do quá trình tu luyện cố gắng mỗi ngày. Lúc đó ta có thể thấy rõ nhiều vấn đề để giải quyết trong đời sống hằng ngày thuộc phạm vi hữu hình và đi xa hơn được cảm nhận trong phạm vi vô hình có được sau một thời gian dài tu luyện. Khi đó người có trí huệ sẽ biết về hiện tại, quá khứ cũng như tương lai của chính mình và của mọi pháp chung quanh, đồng thời thấy rõ một cách xuyên suốt về chân lý của luật nhân quả.

Nếu con người không có sự giác ngộ thì dễ bị tạo lỗi lầm chồng chất gọi là tạo nghiệp khổ. Tất cả mê hoặc và nghiệp khổ là con đường dẫn đến lục đạo luân hồi. Muốn thoát khỏi chúng là nhờ có giác. Có giác ta mới có nhận thức thế nào gọi là đúng hay gọi là sai, sai thì tránh, đúng thì phải theo nên không tạo nghiệp, không sống trong và hành động trong mê hoặc. Phá mê khai ngộ là chân lý quan trọng mà chúng ta cần nhớ và luôn thức tỉnh để nhớ và thực hành. Chúng ta cũng biết có được trí huệ khi có được từ giới và từ định. Khi lòng không thanh tịnh, khi tâm còn mê hoặc, khi tâm chưa được định, thì không bao giờ có trí huệ. Khi phiền não còn, khi kiến tư còn thì tâm thanh tịnh không còn. Khi dứt sạch kiến tư phiền não, mê hoặc, ta được tâm thanh tịnh, ta có được cái trí huệ, cũng gọi là cái chính giác, gọi là đắc lậu tận thông. Nếu những điều kiện trên không có đủ để tạo cái chính giác, thì cái giác có được gọi không phải là chánh, mà danh từ dùng để chỉ cho nó là "tà tri tà kiến".

Mục đích tối thượng của sự tu luyện theo Phật giáo là gì? Đó là đạt đến cái trí tuệ gọi là trí tuệ vô thượng. Tiếng Ấn gọi là "Anuttara–Sanyak-sambhodi" là trí tuệ của sự hoàn hảo tối thượng, trong nhà Phật gọi là "Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác". Cái trí tuệ vô thượng nầy, theo Đức Phật, là một phần cốt yếu trong chân tính của mọi người mà ai cũng có sẵn, chớ không phải là cái mà con người không có và cần phải vay mượn hay thủ đắc cho kỳ được. Nhưng sở dĩ, con người tự mình không thấy cái trí tuệ vô thượng đó, là vì do sự vô minh dày đặc che lấp. Vậy nên làm sao phá vỡ cái vô minh đó, là thấy được cái cốt yếu của cái chân tính sẵn có nơi con người, cũng giống như con nhộng cần cắn phá ổ kén để thấy bầu trời thênh thang ngỏ hầu khi được trở thành bướm để bay lượn trong không gian bao la mênh mông đó.

Tại sao phải cần có trí huệ vô thượng? Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Phật chỉ dạy, với trí huệ vô thượng thì con người có khả năng nhất là hoán chuyển khổ đau thành phúc lạc, nên vì có trí huệ vô thượng, con người có ít hay không có những nghiệp quả xấu, do bởi do nhân là ý hay hành được trí huệ soi sáng giúp ta thấy đâu là sai, đường nào là đúng, để ta đi, và đi đúng, mà kết quả là hưởng được niềm vui, hay gọi là có được sự an lạc thật sự. Nếu không có nó, ta sẽ đi sai đường và chuốc lấy sự khổ đau ray rứt khôn nguôi. Đức Phật bảo: "Vô minh là nguyên nhân của sự đau khổ, còn trí huệ là nguồn gốc của sự an lạc và hanh phúc".

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, có nói về mục tiêu của việc tu hành là tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng và tâm giác. Tâm thanh tịnh thì tâm không có mọi tham luyến, vì nếu có sự tham luyến bất cứ hình thức hay mức độ nào, đều làm cho tâm bị ô nhiễm. Khi tâm ô nhiễm là mất đi tâm thanh tịnh. Khi bị sống trong nghịch cảnh, người không tốt quanh ta, họ nói xấu hay trêu chọc hay dựng chuyện hại ta, họ gây nơi ta gây lòng oán hờn tức giận thì tức nhiên tâm ta bị ô nhiễm, mà kết quả hiển nhiên là tâm không được thanh tịnh. Khi sống trong môi trường mà xung quanh không phải là người, là những thú vật nhỏ và lớn, làm ta không hài lòng, do bởi ta có lòng khinh chúng là loài côn trùng, loài thú hoang dại. Sự không hài lòng như thế làm tâm bị nhiễm ô, kết quả tức nhiên tâm không được thanh tịnh. Nói tóm lại, dù hoàn cảnh nào, dù gặp bất cứ duyên tốt hay xấu, hài lòng hay không, thì tâm luôn không bị ngoại cảnh làm ô nhiễm, thì đó là đạt được cái công phu của bực chân tu.

Còn tâm bình đẳng là sao? là đối với người hay vật, kể cả con dế, ta không coi ta hơn chúng, hay chúng là thú vật nhỏ thấp, mà xem ta và chúng cũng giống ngang nhau như ta. Hay đối với những người, có căn cơ thấp kém, ta không nên có tư tưởng phân biệt cao thấp, mà coi họ với ta cùng ngang nhau. Vì sao? Vì tất cả chúng ta trong nhiều đời nhiều kiếp, đều đi qua tất cả pháp giới, từ giới nhỏ nhất như con giun, con kiến; đến giới ngạ quỷ, súc sanh, các nơi đó chúng ta đã sống và đã trải qua. Nay được may mắn làm thân người, vì do căn cơ cao thấp, vì do tiền căn chưa trả hết, nên đối với con

https://tieulun.hopto.org

người, con vật hay con dế, con kiến, tất cả đ ều là đồng loại với ta từ muôn kiếp, nên phải coi họ giống như ta, bình đẳng như ta. Được vậy là ta đạt được cái tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng là Tâm của Phật. Tâm của Phật là chân tâm. Đó là chân lý.

Tâm giác ngộ ra sao? Nếu không có chút nào cái tâm giác ngộ nơi ta, thì ta cứ mãi mãi đọa lạc trôi nổi trong luân hồi. Trên con đường đến cái trí huệ được phát sinh là do tâm thanh tịnh, kết hợp với trì giới và thiền định, thì mỗi chặng đường, tại mỗi nơi mỗi ngả, mỗi khúc, ta luôn tự kiểm chứng nơi tâm ta xem tâm giác của ta đáp ứng như thế nào, đúng sai ra sao. Trên con đường đó, nếu có sai bao nhiêu, ta phải sửa chữa bấy nhiêu, luôn luôn cải thiện cho tốt hơn, nếu không làm thế, thì làm gì có được cái tâm giác chân chính. Chính cái tâm giác chân chính, nó giúp ta nhận thấy được quả báo nhãn tiền.

Yếu tố cần cho sự thanh tịnh là gì? Thanh tịnh là một yếu tố để có được cái trí huệ. Tuy nhiên, nó không phải là một yếu tố ắt có và đủ. Nó lại tùy thuộc vào 2 yếu tố then chốt khác, đó là giới, định rồi mới đến tuệ. Ba yếu tố nầy là ba ẩn số của một phương trình, chúng liên quan mật thiết nhau, thông nhau như bình thông nhau. Một yếu tố tốt thì 2 yếu tố kia cũng được tốt. Trái lại, và ngược lại. Nghĩa là khi trì giới không tuân thủ đúng giới luật thì thanh tịnh không có, và huệ chẳng hiện. Nghĩa là huệ hiển lộ khi 2 giới kia được tu luyện thuần thục sau một thời gian dài. Bởi vì trì giới là phương tiện giúp hành giả mau đạt tâm ổn định và sự thanh tịnh. Còn thiền định thì giúp hành giả trong lộ trình tiến tới để mau đạt cái trí huệ. Nên tất cả giáo lý kinh điển của Đức Phật, gồm ba tạng kinh như kinh Tạng, Luận, Luật đều lấy 3 yếu tố trên làm nền tảng, làm mốc để nhắm tới là thiền định, trì giới và định tuệ. Và khi một điều đạt được thì đạt được cả ba điều. Dĩ nhiên, không thể nói rằng đạt được sự thanh tịnh tốt, khi sự trì giới thiếu sót, hay thiền định chưa được tiến bộ. Vì tính chất như bình thông nhau nên bất cứ sự chểnh mảng của một hay hai yếu tố đều kéo lùi mọi cố gắng đạt được của những cái khác. Sự thanh tịnh được thành tựu khi 2 yếu tố kia cũng thành tựu viên mãn.

Cái quan trọng nhất của tâm thanh tịnh là cho những ai có chân trí tuệ, có tín tâm thanh tịnh sẵn có trong họ như là bẩm sinh, thì đầu óc họ thanh tịnh, không suy nghĩ loạn xạ, buông bỏ hết mọi duyên, không cần trì tụng kinh nữa, chỉ cần một câu niệm Phật, họ đạt đạo gọi là vô thượng đạo, không ai theo kịp.

Mục đích của các tông phái Phật giáo ra sao? Thế nên tất cả các tông phái của Phật giáo cũng nhắm đạt được cái đích của 3 điều trên. Như Thiền Tông, giúp nhìn thấy cái chân tính trong sáng của mình và thức tỉnh con người để mau đạt được giác ngộ, đó là "minh Tâm kiến Tính". Mật tông đòi hỏi mức tu luyện tâm trí cao hơn, nên cần phải có trình độ tu tập cao, cho một số ít người có đủ điều kiện. Tịnh Độ Tông là làm sao cho tâm trí luôn được tịnh hóa nghĩa là thanh tịnh và thức tỉnh. Về sự tu tập thì giữa Mật Tông và Tịnh Độ cũng có sự khác biệt ở chỗ nầy: Tịnh Độ dạy ta tu luyện tâm trí thanh tịnh qua việc tránh xa mọi ô trược; trái lại, Mật Tông thì dạy chúng ta tịnh hóa tâm trí ngay tại giữa ô trược dù bị nhận chìm trong ô trược nhưng không bị nhiễm ô bởi ô trược, giống như các giống sen vươn lên từ bùn lầy, mà lại cho bông tỏa ngát hương thơm, đến đỗi bùn lầy hôi thúi, trong thời gian được trồng sen mùi hôi thúi của bùn cũng mất hết. Còn các tông phái khác như Thiên Thai Tông, Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông thì hầu hết các Tông nầy đều học và hành giáo lý của Đức Phật để sửa chữa mọi sai lầm về tâm, về ý và về hành cho đúng theo lời chỉ dạy của Đức Phật.

Còn mục đích các hình tượng trong các chùa chiền nhắn gởi chúng sinh điều gì? Sau đây là vấn đề cần biết, bởi vì có Tỳ kheo luôn luôn tỏ ra chống đối mọi lễ bái, ngay cả các nghi lễ đó đã có vào thời Đức Phật hiện tiền. Bởi lẽ, nếu không có Tín thì làm sao đạt được cái Nguyện và Hạnh. Tín không cao thì không đủ Nguyện. Không đủ Nguyện thì Hạnh không đủ có. Tu hành không Hạnh thì đừng tu là tốt hơn. Tỳ kheo đã quên hẳn điều trên và đó là một sự thất bại. Tôi đã xem trên internet, thấy mà tội nghiệp cho Tỳ kheo nầy. Ngay cái bản thân gọi là Tỳ kheo mà cái hạnh tối thiểu cần có của Tỳ kheo là như nhẫn nhục, khiêm cung, v.v... cũng không có lại còn tỏ ra quá nhiều ngã chấp chưa cải thiện gì hết mà lại lên lớp dạy Đạo Phật trên net. Bởi lẽ, dưới chế độ CS, họ biến mọi tôn giáo thành công cụ phục vụ ý đồ của đảng, hôm nay họ là công an, ngày mai là tỳ kheo hay thành cái chi chi. Họ đã phá mọi hình tượng cho là không giá trị, mê tín, cố gây hoang mang, cố đánh mất mọi niềm tin...

Vậy trong Đạo Phật hình tượng mang ý nghĩa gì?

- Tượng Đức Phật tượng trưng cho sự giác ngộ viên mãn là tròn đầy không thiếu sót, là chân tâm là giác ngộ nguyên thủy.

- Bồ Tát Quán Âm, tượng trưng cho lòng từ bi bao la, là lòng bi tâm và từ ái bao la vô tận.

- Bồ Tát Đại thế Chí tượng trưng cho đại trí tuệ.

- Bồ Tát Văn Thù tượng trưng cho trí tuệ cao xa, và lòng quan minh chánh đại.

CHÚC MỪNG

Nhận được Hồng Thiệp của Ông Bà Ngọc-Tuấn và Thu-Cúc Nguyễn ở Köln, làm lễ Vu Quy cho con là

NGỌC-THU-VÂN NGUYỄN

đẹp duyên cùng

OLIVER GRZYBOWSKI

con của Ông Bà Lothar và Chariklia Grzybowski ở Erkrath

Hôn lễ sẽ được cử hành tại chùa Bảo Quang, Hamburg ngày thứ Bảy 26.11.2011 vào lúc 10 giờ.

Chúng tôi chúc mừng hai gia đình có Rể Thảo & Dâu Hiền và chúc hai trẻ Ngọc-Thu-Vân và Oliver Trăm Năm Hạnh Phúc.

* Hòa Thượng Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác, Hannover.

https://tieulun.hopto.org

- Bồ Tát Phổ Hiền tượng trưng cho tâm đại nguyện thực hành giáo lý của Đức Phật là tâm bi, tâm hiếu và trí huệ.

Chư Phật và các vị Bồ Tát là những vị không những làm ta kính trọng ngưỡng mộ trọn vẹn mà còn là mục tiêu mà ta cố gắng theo đuổi nhằm tới để đạt được cái phúc lạc hoàn hảo nhất.

Về tranh hay tượng thì tranh tượng Đức Phật tượng trưng cho Phật Bảo, còn tranh tượng Bồ Tát tượng trưng cho Tăng Bảo. Kinh sách tượng trưng cho Pháp bảo. Việc ngắm tranh hay tượng của Chư Phật hay các vị Bồ Tát là giúp ta nhớ những giáo lý cao siêu mà các Ngài đã truyền dạy, và tự mình cố gắng làm theo gương các Ngài. Tất cả những hình thức hiển bày trên nhắc ta là mọi điều quý báu đều có trong bản thân, và chúng ta phải cố gắng làm cho chúng được sáng tỏ bằng cách giải trừ vô minh, đạt giác ngộ. Đến đây thì chúng ta mới hiểu rõ câu nói với ý nghĩa đầy thâm thúy: Chúng ta quy y Phật là không phải chúng ta muốn được an trú cửa Phật, hay trong Ngài, mà quy y Phật là phải từ bỏ cái tâm vô minh và quay về nương tựa Phật tánh vốn có của mình dù ta ở đâu, bất cứ nơi nào. Đó là quy y tự tánh của mình. Đó là tự tánh Giác ngộ vốn sẵn có. Đó là quay lưng lại với tâm vô minh mà nương tựa vào tâm giác ngộ. Nên các tranh hay tượng của Chư Phật hay các vị Bồ Tát là điểm tựa của tinh thần Giác ngộ đích thực mà ta cần phải có được cho chính ta, nhắc nhở ta luôn nhớ trở về sự giác ngộ. Bởi lẽ, Đức Phật thường nhắc nhở: "Hãy tự đốt đuốc lên mà đi". Chính các ngài đã dạy ta, trao lại cho ta những tri kiến tối cần để ta tự giải quyết cho chính ta như tránh khỏi đau khổ, phiền não, hay vọng niệm để sau cùng có được những phúc lạc trong cái tâm đầy thanh tịnh. Nhờ thế, chúng ta mới quỳ lạy Đức Phật, vì Ngài đã quá thương chúng sinh, Ngài phải bỏ ra 49 năm trường, rày đây mai đó, giảng dạy hoài cho chúng sinh, hầu mong chúng sinh thoát khỏi vòng luân hồi khổ não. Nhưng chúng sinh vẫn quên lời dạy của Ngài nhiều hơn là nhớ và tiếp tục ngụp lặn trong bể trầm luân. Đối với tôi, tôi cho rằng, chân hạnh phúc của mỗi người là khi được xây dựng trên nền móng vững chắc của tâm thanh tịnh, thì lúc đó ai thực hiện được cái tâm thanh tịnh đó chính là người hạnh phúc nhất và an lạc nhất.

Muốn có được cái tâm thanh tịnh, ta cần hiểu các vấn đề về tâm. Vậy chân tâm là gì? Hiểu đạo Phật là làm sao hiểu về cái chân tính hay chân tâm. Chân tâm là tâm chân thật, trong sạch, không ô nhiễm bởi ý tưởng xấu. Tu theo Đạo Phật là làm sao đạt tới việc chứng ngộ chân tâm hay chân tính. Nên ngươi tu sĩ cần phải an trụ chân tâm của mình. Đó là cách làm cho tâm của mình luôn luôn ở trong trạng thái yên lặng, an ổn và thanh thản, bình an. Là làm cho tâm mình không bị ảnh hưởng bởi ngoại cảnh, không bị điên đảo vì bên ngoài, không bị ray rứt xáo trộn từ bên trong. Đức Phật bảo tất cả chúng sinh đều có Phật tánh hay chân tính hoặc chân tâm và trí huệ vô thượng, vì thế không có sự khác biệt giữa các chúng sinh trên đời nầy. Sở dĩ có sự khác biệt giữa mọi người là vì con ngươi không nhận ra cái chân tính, không nhận ra cái chân tánh là bởi do vô minh che lấp. Thế nên, Đức Phật chỉ dạy là làm sao nhận ra cái chân tánh để thấy cái trí tuệ nội tại, đó là cái hoàn hảo, tối thượng của con người. Vì nếu không có trí tuệ thì mọi nhận thức, mọi ý kiến, cùng mọi hành vi đều hầu hết sai lầm, nên tự chuốc lấy khổ đau. Vì có được trí huệ, thì ta giải quyết mọi vấn đề trong ta và xung quanh ta một cách hoàn hảo, hưởng nhiều niềm vui vì trí huệ là nguồn gốc của phúc lạc. Trái ngược vô minh là cội nguồn mọi đau khổ.

Đức Phật hay các vị Bồ Tát không nói đến mọi sự thông minh của chúng sanh, vì nó vốn không xuất phát từ tâm thanh tịnh, mà nó xuất phát từ sách vở, nhà trường. Dù những người đó rất thông minh và khôn ngoan, như những khoa học, những triết gia, những lãnh tụ tôn giáo. Nhưng Đức Phật không xem tri kiến của họ là sự giác ngộ đích thực, bởi vì tâm họ chứa nhiều hay chưa giải trừ nhiều phiền não, họ còn chấp thủ chấp trước, chấp ngã, chấp vào điều phải trái đúng sai của người khác, chấp những gì không giống y mình, lại còn có nhiều tham sân si và kiêu ngạo, kênh kiệu. Đó là những tri kiến biện thông trí biện luận để được thông suốt, không phải là trí huệ chân thật. Tất cả nói lên là họ chưa đạt được cái tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh chưa đạt được, thì mọi tri kiến của họ vẫn mãi mãi không phải là những tri kiến chân chính hay là những giác ngộ chân chính. Đó là tri kiến biện.

Nên cái trí huệ chân thật trong nhà Phật có được là do từ giới và từ định. Nếu tâm không định, lòng không thanh tịnh, và sao lãng việc trì giới, thì không có cái trí tuệ. Có thể thấy phần nào trong cái tâm thanh tịnh là trong đó không có những tư tưởng riêng tư phiền não. Trong Kinh Kim Cang có ghi một câu cần nhớ: "Tín Tâm Thanh Tịnh, tắc sanh thực tướng". Bây giờ, xin nhìn vào cuộc đời của Đức Phật, ta học được những gì? Không đạo tràng buông bỏ mọi ngã chấp, chỉ đi khất thực để sống, ngũ dục và lục trần đều buông bỏ sạch, danh lợi không nhiễm hóa đều buông bỏ sạch, vạn duyên đều buông xuống, suốt đời thuyết pháp để giúp chúng sinh thoát khỏi cái vô minh, để thoát khỏi vòng sinh tử, như thế mới có tâm thanh tịnh. Trong kinh cũng có câu: "Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến" là "cảnh hiện tùy tâm, cảnh biến tùy theo thức", nghĩa là tâm có thể chuyển cảnh giới, vạn pháp. Như thế, cái tâm thật sự quan trọng biết dường nào, còn tâm thanh tịnh không nhiễm ô lại quan trọng nhất trong đời của mỗi người. Nếu sự thông minh của chúng sanh được xuất phát từ tâm thanh tịnh, thì chúng sanh đó có nhiều trí huệ hơn, nhiều giác ngộ cao hơn, gặt hái nhiều thành tựu chân thật hơn.

Khi tâm thanh tịnh có, thì trí huệ hiện ra, đồng thời phiền não bớt đi. Khi phiền não càng bớt đi, thì trí tuệ càng gia tăng, nên sự thanh tịnh cũng gia tăng theo.

Tóm lại, phiền não và thanh tịnh là tỉ lệ nghịch, khi cảm thấy cái trí tuệ nhiều hay ít, sáng láng nhiều hay ít, thì sự phiền não càng lúc càng giảm đi đến tối thiểu. Sau một thời gian tu luyện lâu dài, người tu có thể giải quyết nhiều vấn đề trong cuộc đời nầy và thấy được hay cũng giải quyết được nhiều việc ngoài thế gian. Việc ngoài thế gian chỉ dành cho Đức Phật hay các vị Bồ Tát.

Làm sao hàng phục được vọng tâm? Vọng tâm là mặt trái của chân tâm như đồng tiền có hai mặt. Nó được gọi là vọng khi ý tưởng sai lạc, mọi sự sai lầm, tham sân si, mọi chấp thủ, chấp ngã, chấp trước, thường xuyên hiện diện kích động. Muốn cho vọng tâm được hàng phục ta, nghĩa là đầu hàng (surrender) ta, ta cần dứt khoát phải buông xả bỏ. Muốn buông xả thì ta hiểu và nhớ lời Đức Phật dạy: tất cả các Pháp đều không thật, pháp đó gồm cả người và mọi sự vật. Vì không thật, nên phải bỏ. Khi

https://tieulun.hopto.org

phải buông bỏ hết, nên lòng ham muốn lại bớt đi. Khi lòng ham muốn bớt đi hay không còn, thì vọng tâm cũng lắng động xuống để rồi tự tan biến, và tâm trở nên thanh tịnh. Hãy nhìn ra biển cả, thấy sóng ba đào. Sóng là vọng tâm. Sóng: có lúc có, lúc không, vô chừng, lúc to, lúc nhỏ, vô thường lúc yên, lúc nổi. Sóng ba đào có khi có gió, biển lại động, biển càng động, sóng càng to. Khi hết gió, thì biển hết động mặt biển bằng phẳng là lúc mọi vọng tâm bị buông xả hết, thì sóng trở thành nước biển. Sóng tượng trưng cho vọng tâm, nước biển là chân tâm. Vì thế, khi thấy sóng ba đào, gợi ta nhớ đến sự điên đảo, do vô minh che lấp, do mọi chấp có hay chấp không, chấp ngã, chấp pháp hiện diện, và một khi tất cả những thứ trên không còn nữa, biến thành không, là lúc biển lặng, thì đó chính là lúc ta được tâm thanh tịnh. Nếu trong nhà Phật gọi sóng là Thể. Thể của sóng có thể thay đổi hình dạng khác nhau, nhưng bản chất của sóng là nước lại không thay đổi. Nước lại được gọi là Tánh. Tánh có được khi có sự thanh tịnh. Thể và Tánh là một, nhưng lại khác nhau về trạng thái. Thế mới biết tâm thanh tịnh quan trọng dường nào. Chỉ có tâm thanh tịnh mới trị dứt khoát cái vọng tâm.

Còn Pháp là gì? Là tất cả những gì có hình dáng, mà ta thấy được, biết được, gọi là pháp. Pháp là tất cả mọi sự vật từ tinh thần, đến vật chất, từ hữu hình đến vô hình, như ta, người, chúng sanh, kiếp sống v.v... đều gọi là pháp. Vì sao gọi pháp là không? Vì tất cả đều do duyên hợp mà thành. Vì do duyên hợp nên bản thể của chính nó vốn là không, là chính nó không có tự thể, gọi là vô ngã. Vì là vô ngã nên nó không có tự tánh. Vì không có tự tánh, nên gọi nó là không.

Viết đến đây, nếu tôi ngừng tại đây, là tôi phạm lỗi nặng, vì tôi tạo sự hiểu lầm cho quý vị về ý nghĩ chấp không. Quý vị hỏi, ngã là ta, là tôi, tại sao lại chấp không? Thân tôi là không vì thân tôi là do tứ đại hợp thành. Nên không tự thể, không tự tánh, nên gọi là không. Nhưng tôi thấy thân tôi có, rờ thấy nó, tại sao gọi là không? Thân có gọi là tạm có, chớ không phải thật có. Có là do khi đủ duyên hợp lại. Khi hết duyên, khi duyên tan đi, thân nầy trở về cát bụi. Nghĩa xa hơn, khi Đức Phật bảo, là khi mình còn mê, còn quá nhiều vô minh thì không nên coi Phật Pháp là không quan trọng, coi như không có, mà phải coi luôn là chúng luôn có mặt, mà ta cần phải nghe, phải học, phải thực hành để hết cơn mê, để hết vô minh, và được giác ngộ. Trái lại, khi đã hết mê rồi, được giác ngộ rồi, thì không cần giữ đến Pháp nữa, nghĩa là cũng không cần coi Pháp là Có nữa. Cụ thể nhất, quý vị muốn qua sông, quý vị cần bè hay ghe. Qua được bên kia sông rồi, nên bỏ bè hay ghe đi. Nếu chấp Có, nghĩa là bất cứ đi đâu ở bờ sông mình qua được, cũng mang bè hay đội ghe trên lưng, thì tự xét coi có trở ngại hay không? Đức Phật bảo: "Không nên chấp pháp và những gì không phải là pháp". Này các Tỳ kheo, "giáo Pháp của ta cũng giống như chiếc bè, chánh Pháp còn nên xả bỏ, huống chi là những gì không phải là Chánh Pháp".

Yếu tính tự tánh có được của các Chư Phât. Từ đó chúng ta mới hiểu thật sâu rằng Đức Phật và các vị Bồ Tát thuyết pháp hoàn toàn là xuất phát từ tự tánh, từ chân tâm, chứ không phải là do lời nói của một người nào đó. Những lời nói như thế là chân thật, không phải tùy tiện mà nói. Khác với phàm phu khi họ nói với cái ngã của họ, cho nên họ nói không thật chân thật. Vì chư Phật, Bồ Tát đều vô ngã, ngay cả trong thâm tâm của các vị cũng không có cái gọi là kiến giải, không có ý niệm về ngã, không chấp tướng, chấp chúng sanh, thọ giả. Các vị thuyết pháp từ tự tánh, là thuyết pháp chân thật. Nếu lời thuyết pháp xuất phát từ tâm ý thức, gọi là ý thức của cá nhân, thì lời nói của thuyết pháp đó không thể tin được. Đó là bài học lớn nhất để ta suy ngẫm giữa các chân tu và phàm phu, với những kẻ mượn lớp áo tu hành trong xã hội đang băng hoại hiện tại.

Kết luận:

Tóm lại, là làm sao phải có được cái tâm thanh tịnh. Hạnh phúc thay cho những ai có được cái tâm thanh tịnh đó hiện hữu ít hay nhiều, lâu hay mau trong họ. Họ sẽ tự cảm nhận cái giá trị thật sự qua sự chỉ dạy của Đức Phật và các vị Bồ Tát khi đạt được cái tâm thanh tịnh. Việc cảm nhận đó giống như ai có uống nước thì mới cảm nhận cái vị của nước. Khi chúng ta buông xả tất cả, buông bỏ hết tất cả, ta có được tâm thanh tịnh. Khi tâm được thanh tịnh, có nghĩa là quá trình trì giới và quá trình thiền định đã đạt đến mức tối hảo trên con đường tu tập. Tâm càng thanh tịnh thì mọi mê vọng, tham sân si, tà kiến và kiêu ngạo biến đi. Từ đó trí huệ phát khởi. Nhờ có trí huệ mà ta mới tự giải thoát được trọn vẹn chính ta một cách thật sự và trọn vẹn ý nghĩa nhất. Như thế trạng thái đạt đạo đó được gọi là như thị, như thị!

(Mùa Đông, Miệt dưới, 2011)

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ Bà LÊ THỊ HAI
tức là TẾ HÒA ĐƯỜNG ở Tân Hiệp Mỹ Tho
Sanh ngày 25 tháng Giêng năm 1921
Mất ngày 18 tháng 10 năm 2011
nhằm ngày 22 tháng 9 năm Tân Mão
Thượng thọ 90 tuổi

Tang lễ cử hành tại Nghĩa Trang Bad Iburg
theo truyền thống Phật Giáo

Chúng tôi thành kính chia buồn cùng tang quyến.
Cầu nguyện Hương Linh Cụ Bà sớm siêu thăng về cõi Vĩnh Hằng

Anh chị em ở Bad Iburg và Vùng Phụ Cận:

Lý Vĩnh Sanh,	Ngô Thoại Bình	Thanh	+ Phương
Lương Ngọc Diệp	Lê Hồng Sơn	Phương	+ Hưng
Lý Hương	Oanh + Cang	Nga	+ Hạ
Phạm Muội	Hùng + Ngọc	Nghĩa	+ Thu
Trần Anh Dũng	Gđ. Huỳnh Trung	Phất	+ Nhâm
Trần Vĩnh Thắng	Bình + Vân	Dung	+ Sáu

Âu Xuân Lan.

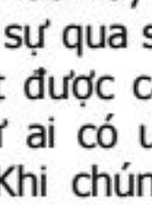

https://tieulun.hopto.org

Sớ Táo Quân

NH. (Ngọc Hoàng)
Hôm trước nghe báo cáo
Rằng: bữa nay có Táo về trình
Vậy hãy mau mở cửa thiên đình
Để đón tiếp Táo Quân hạ giới!

TQ. (Táo Quân)
Muôn tâu Ngọc Hoàng !
Thần vừa về tới
Lập tức vào ngay
Sớ Tân Mão Táo mang theo đây
Xin lần lượt tâu lên Ngọc Đế.

Khởi đầu xin kể
Thời sự năm Châu
Kế đến xin tâu
Vấn đề nước Việt
Cuối cùng sớ viết
Sinh hoạt nhà chùa
Giờ táo lượt sơ
Chuyện về nước Mẽo
Lâu nay vỗ béo
Nuôi nấng chú Ba
Giờ mới nhận ra
Nuôi ong tay áo
Ngoài mặt hảo hảo
Ra vẻ nhân từ
Bên trong giết người
Dữ hơn ác thú
Tham vọng bá chủ
Nay đã ló mòi
Dân Mỹ sẽ toi
Nếu không cách trị
Nên nhiều nghị sĩ
Khuyến cáo mọi người
Thực phẩm đồ chơi
Chứa nhiều chất độc
Kỹ thuật khoa học
Kiếm cách chĩa chôm
Một mặt om sòm
Phô trương thanh thế
Mưu dùng kinh tế
Phát triển quốc phòng
Mỹ biết tỏng tong
Khó lòng qua mặt
Bởi dính I-rắc
Nay cố rút chân
Khi Mỹ đổi sân
Bắc Kinh khó thở
Về chuyện khủng bố
Trùm Bin-la-đênh
Lúc trước bài hên
Mỹ thua mấy ván
Từ khi phân tán
Hẳn cố gầy sòng
Cứ tưởng thong dong
Chẳng ai để ý
Bất ngờ lính Mỹ
Biên giới vượt qua
Đột nhập vô nhà
Trở tay không kịp
Dù có thê thiếp
Cũng hết đường Bin
Bài xấu lật lên
Thấy ngay phú lủng
Thế là hết trốn
Chẳng kịp đưa tay
Đã bị phơ ngay
Chết không kịp ngáp
Xác cho cá mập
Làm gỏi xé phay
Thế là xong ngay
Ông trùm khủng bố!
Về mấy chế độ
Vùng Bắc Phi Châu
Độc tài từ lâu
Người dân uất ức
Đang cơn tức nước
Đến lúc vỡ bờ
Lổ nhỏ không ngờ
Làm thuyền lớn đắm
Một người can đảm
Tự đốt thân mình
Nhiều cuộc biểu tình
Tạo thành cách mạng
Ben-li hốt hoảng
Cuốn gói ra đi.
Xứ Tu-ni-di
Hoa lài thơm phức
Mùi hương ngây ngất
Lan tỏa khắp nơi
Khi đến bầu trời
Vùng kim tự tháp
Khiến dân Ai-cập
Rầm rập xuống đường
Ba-rát phải nhường
Thôi không giữ ghế
Một loạt chính thể
Cũng nổi đùng đùng
Riêng anh chàng khùng
Ly-bi xứ nọ
Hổn danh con chó
Tên Gát-đa-phi
Vì muốn ngồi lì
Ra tay đàn áp
Na-tô tới dập
Quân lính trở cờ
Khi hết thời cơ
Phải chui lỗ cống
Nuối tiếc mạng sống
Mở miệng van xin
Bởi tội tày đình
Lãnh vài viên kẹo
Xác bị lôi kéo
Thiên hạ mỉa mai
Sống quá độc tài
Chết không yên xác
Mấy tên gian ác
Nhìn cũng nhợn cơ
Kẻ muốn câu giờ
Người lo thay đổi
Tên nào nông nỗi
Tiếp tục vét vơ
Bài học đang chờ
Cáo chung nhân quả
Khi ngửi mùi lạ
Hương giống hoa lài
Mấy trự độc tài
Đâm ra hốt hoảng
Ví như Tây Tạng
Tự thiêu xuống đường
Rồi vùng Tân Cương
Phong trào chống đối
Nhiều màn thử phổi
Nhà nước Bắc Kinh
Trung Quốc gồng mình
Luôn tay chống đỡ
Nhiều nỗi lo sợ
Ám ảnh Bắc Kinh
Chưa biết sự tình
Khi nào biến động
Có thể Trung Cộng
Kiếm cớ động binh
Một khi tình hình
Bất an trong nước

NH.
Đó là sách lược
Chế độ độc tài
Xúi dân chống ngoài
Khi trong rối loạn
Những lời tiên đoán
Có thể xảy ra
Ở ngôi vị ta
Nên không tiết lộ

TQ
Táo đọc tiếp sớ
Tới chuyện Trung Đông
Cũng đang hồng hồng
Chờ bùng cơn lửa
I-răn khép cửa
Nguyên tử chế bom
Do Thái lom khom
Tìm phương động thủ
Mỹ, Anh quy tụ
Lập kế tấn công
Nếu vùng Trung Đông
I-răn ngoan cố.
Tâu qua chế độ
Độc ác Si-ri
Tổng thống nước này
Thua gì ác thú
Dân đòi dân chủ
Bắn giết không tha
Bởi thế cho nên:
Liên Đoàn Ả-Rập mới thông qua
Bản nghị quyết đưa ra trừng phạt
Mấy tên độc ác
Mắc bệnh quáng gà
Dân đập phá nhà

https://tieulun.hopto.org

Vẫn chưa nhìn thấy
Đến lúc nhà cháy
Mới chịu ló đầu
Nhưng khắp địa cầu
Hết còn chỗ trốn
Chẳng biết đần độn
Hay bởi tham lam
Điều gì đã làm
Họ không sáng mắt?

NH.
Tất cả thiện ác
Ẩn trong con người
Quyền lợi đến nơi
Chúng thường trỗi dậy
Nếu đã nhận thấy
Phải biết ngăn ngừa
Nếu không, dễ đưa
Đến nhiều thảm kịch
Nghe đồn ngân sách
Của mấy quốc gia
Thuộc Oi-rô-ba
Quá nhiều thâm thủng
Nợ như Chúa Chỏm
Có phải vậy không?

TQ.
Vụ này khó lòng
Đi vào chi tiết
Táo xin tổng kết
Sơ lược vài câu
Mấy nước Âu Châu
Nhất là Hy-lạp
Tính toán thu nhập
Chẳng biết thế nào
Lâu nay đầu vào
Xem ra thấy khoái
Đến lúc suy thoái
Lại hói đầu ra
Chính phủ kêu la
Thắt lưng buộc bụng
Thế là dân chúng
Lũ lượt xuống đường
Đức, Pháp Mạnh Thường
Ra tay nghĩa hiệp
Oi-rô chuyển tiếp
Nên thở lai rai
Nếu không, ngã đài
Nguyên do vỡ nợ
Xin tâu tiếp sớ
Thời tiết năm nay
Có lẽ đổi thay
Âm dương bộ máy
Khi thì nắng cháy
Lúc lại mưa dầm
Bảo tố quanh năm
Nhiều nơi lụt lội
Úc Châu nước nổi
Ngập hết thấy nhà
Nhật Bản xảy ra
Sóng thần động đất
Tàu thuyền bị lật
Như thể đồ chơi
Người chết khắp nơi
Nổ lò nguyên tử
Khiến cho thế giới
Nhìn thấy giật mình
Thiên hạ biểu tình
Đòi phi nguyên tử
Thiên đình xem thử
Điều chỉnh lại giùm
Để lâu tiêu tùng
Loài người ráo trọi!

NH.
Thiên đình đã nói
Chuyện đó từ lâu
Bởi quả địa cầu
Do người tàn phá
Đất liền biển cả
Sẽ mất quân bình
Trái đất vặn mình
Loài người lãnh đủ.

TQ.
Giờ xin tâu tới
Chuyện nước Việt Nam
Cái đảng gian tham
Vẫn còn ngự trị
Làm nhiều trò khỉ
Bắc chước Bắc Kinh
Thầy nói giữ tình
Trò thêm hữu nghị
Hai bên đồng chí
Không hở môi răng
Miệng cứ khoe khoang
Đảng là số một!

NH.
Ta nghe giáo dục
Thành quả đạt cao
Việt Nam tại sao
Lại lâm nghèo đói ?

TQ.
Ngọc Hoàng đã hỏi
Thần Táo xin tâu
Những tên to đầu
Học hàm, học vị
Ông này tiến sĩ
Ông nọ cử nhân
Nếu tính trăm phần
Chín mươi bằng dỏm
Kết bè kết nhóm
Chiếm chức vụ cao
Cứ loạn cào cào
Khó ai phân biệt
Bởi chúng quỷ quyệt
Bưng bít thông tin
Hệ thống cho xin
Trở thành thông lệ
Lãnh vực kinh tế
Lệ thuộc cộng Tàu
Lạm phát tăng cao
Dân càng thiếu hụt
Vay mượn ăn bớt
Nợ cứ chất chồng
Người dân rán gồng
Nuôi hai bộ máy
Một mặt đảng lấy
Nuôi đám côn đồ
Thần thánh họ Hồ
Thổi phồng tư tưởng
Trở thành biến tướng
Xã hội rối bời
Tạo ra con người
Sống chuyên lừa dối
Bên ngoài xã hội
Ra vẻ ồn ào
Cửa rộng nhà cao
Tinh thần rỗng tuếch
Hằng năm người chết
Con số tăng dần
Tuổi thọ người dân
Ngày càng rút ngắn
Môi trường quá bẩn
Y tế tồi tàn
Bệnh tật tràn lan
Nhà thương hết chỗ
Nhìn vào chế độ
Mù mịt tương lai
Hệ thống báo đài
Luôn luôn nhất nhất
Nói ra sự thật
Chúng lại không ưa
Cứ việc dối lừa
Êm xuôi hết ráo
Nhà văn nhà báo
Ngòi bút bẻ cong
Gối uốn, lưng còng
Hưởng phần ban phát
Ca tụng Đảng Bác
Thì được an thân
Bênh vực người dân
Bị gây khó dễ
Đảng muốn giữ ghế
Liên kết Bắc Kinh
Sẵn sàng cúi mình
Làm theo phương Bắc
Thay màu đổi sắc
Phát biểu huênh hoang
Mười sáu chữ vàng
Còn thêm „tứ hảo"
Nhưng rồi biển đảo
Lần lượt mất dần
Biên giới lấn sân
Núi rừng mua đứt
Trong nhiều lãnh vực
Lệ thuộc cộng Tàu
Ngày càng lún sâu
Vào vòng nô lệ
Người dân thấy thế
Tổ chức xuống đường
Công an đả thương
Bắt, khiêng, đạp mặt
Cảnh như thuộc Bắc
Thái thú Việt Nam
Bắt bớ giam cầm
Khỏi cần xử xét
Đánh người đến chết
Khi nhốt vô đồn
Chúng cứ đổ dồn
Nguyên nhân tự tử
Bản chất hung dữ
Của đám công an
Do đảng phát ban
Đứng trên luật pháp
Mới đây đàn áp
Giáo xứ Thái Hà
Xưa nói mượn nhà
Nay mưu chiếm đoạt
Giáo dân phản bác
Đảng xúi côn đồ
Đang đêm nhào vô
Hành hung đập phá
Chửi bới thóa mạ
Cả người tu hành
Một bọn lưu manh
Thật không thể tưởng
Thêm màn quá chướng
Trường hợp họ Cù
Bị chúng trả thù
Chỉ vì kiện tụng
Nên chú Ba Dũng
Cho đám sai nha
Lôi ra trước tòa
Lịch trao bảy cuốn
Làn sóng cuồn cuộn
Chống đối dâng lên
Họ cứ vờ quên
Ăng-lê phớt tỉnh
Hài kịch mang tính
Trù dập hăm he
Anh Tổng gõ đe

https://tieulun.hopto.org

Ông Nghè bị nhốt (1)
Những con cá chốt
Đội lốt quan tòa
Án móc túi ra
Luật sư hết cãi
Rằng câu „Nói phải
Cũ cải cũng nghe"
Trường hợp này e
Chẳng còn tác dụng
Bởi vì bọn chúng
Mắc bệnh điếc tai
Cứ phải quấy hoài
Nghi rằng chống báng
Nên đám đầu Đảng
Cứ việc oang oang
Chưa thấy áo quan
Chưa hàng lệ nhỏ
Đám tư bản đỏ
Đang tính đường binh
Cho con cháu mình
Đem tiền tẩu tán
Mai này rã Đảng
Sẽ sống phây phây
Táo tâu điều này
Xin trên lưu ý!

NH.
Độc tài thống trị
Cũng chỉ nhất thời
Tự do con người
Mới là điều quý
Lời Táo đề nghị
Hợp lý phần nào
Sẽ bảo Nam Tào
Ghi vào sổ bộ.

TQ.
Tiếp theo phần sớ
Nói chuyện biển Đông
Xưa Phạm Văn Đồng
Công hàm xác nhận
Trung Quốc hải phận
Hai đảo Hoàng, Trường
Nên mới có đường
Lưỡi Bò, lưỡi Cáo
Đảng xem hải đảo
Là của riêng mình
Nên Hồ Chí Minh
Đem dâng Trung Quốc
Cái tội bán nước
Đã rõ rành rành
Đảng cứ chối quanh
Rằng không trách nhiệm
Quả là nguy hiểm
Nếu thuộc cộng Tàu
Sẽ là cái ao
Tha hồ chúng vét
Ngư dân nước Việt
Chắc phải bó tay
Lâm cảnh „cối xay
Gà què ăn quẩn"
Chuyện „vũ như cẩn" (2)
Bầu cử Cái Bang
Hùng, Dũng, Trọng, Sang
Bốn tay đầu nậu
Đứng đầu bộ sậu
Thập tứ nhân bang (3)
Được đám Đảng Đoàn
Đưa lên giữ ghế
Quyết làm kinh tế
Cái kiểu Vi-xi
Giống như thời kỳ
Dép râu nón cối
Vậy mà Hà Nội
Bịp được nhiều người
Lắm kẻ nghe lời
Tán gia bại sản
Người dân chán ngán
Dư luận bất bình
Nghĩ tới mưu sinh
Tương lai đen tối.
Thêm một chuyện mới
Về chuyện đầu tư
Lúc đầu tưởng hư
Nhưng rồi có thật
Đó là sách luật
Đã được in ra
Trên đề tiếng Hoa
Dưới là Việt ngữ
Bị thiên hạ chửi
Văn hóa thuộc Tàu
Thêm chuyện như sau
Gọi là đại hội
Thực phẩm nóng hổi
Tổ chức Vũng Tàu
Cờ đỏ ngũ sao
Bỗng nhiên thành lục
Chẳng biết thêm một
Mang ý nghĩa gì
Nhiều người đâm nghi
Chắc là nước Việt
Nên nhiều bài viết
Lên mạng toàn cầu
Dân Việt lo âu
Sợ thành tỉnh lẻ.
Ít dòng xin kể
Người Việt hải ngoài
Nhân vụ Hoa Lài
Lại càng hứng chí
Từ Úc, Âu, Mỹ
Rầm rập xuống đường
Khí thế biểu dương
Hướng về quốc nội
Lớp trẻ tiếp nối
Thế hệ cha anh
Ngọn lửa đấu tranh
Truyền qua ngọn đuốc
Nhằm đưa đất nước
Dân Chủ Tự Do
Người dân ấm no
Đói nghèo lui bước
Hàng năm tổ chức
Văn nghệ khắp nơi
Giúp đỡ những người
Thương binh, quả phụ
Thuộc chế độ cũ
Việt Nam Cộng Hòa
Tình nghĩa sâu xa
Đền ơn khi trước.
Sau đây tóm lược
Sinh hoạt nhà Chùa
Phật sự chẳng thua
Những năm về trước
Đều đặn các đợt
Tổ chức ngày rằm
Lễ chính hàng năm
Vu Lan, Phật Đản
Rồi như nắng hạn
Bỗng gặp mưa rào
Phật Tử đón chào
Cung nghinh Phật Ngọc
Những khóa tu học
Tổ chức mỗi năm
Người nơi xa xăm
Cũng về tham dự
Nói qua đến xứ
Sờ-ri Lan-ca
Hội Đồng Tăng Già
Mời trao giải thưởng
Cho hai Hòa Thượng
Như Điển, Minh Tâm
Có công nhiều năm
Hoằng truyền Phật đạo
Phát huy Phật Giáo
Rộng khắp Âu Châu
Thần Táo xin tâu
Để Ngọc Hoàng rõ
Táo có bức họa
Kính tặng thiên đình
Sau khi Đa-phi
Hồn lìa khỏi xác
Hẳn được Các-mác
Cho nhập gia đình
Đầu tiên Lê-nin
Đón cười hớn hở
Xít-ta-lin mở
Chai rượu chúc mừng
Họ Mao uốn lưng
Chào ông Đại Tá
Chí Minh vội vã
Chào chú Đa-phi
Sa-đam bắt tay
Mừng ngày tái ngộ
Hít-le ái mộ
Áp mặt, ôm lưng
Bôn-bốt quá mừng
Nhào ra yết kiến
Nhật Thành hiện diện
Đang đứng phía sau
Đa-Phi cúi đầu
Xin chào tất cả
Đây bức hí họa
Xin dâng Thiên Đình
Thỉnh thoảng xem hình
Để không quên mặt!

NH.
Cười, ha... ha... ha...
Bức tranh đặc sắc
Ý tưởng tuyệt vời
Thay mặt nhà Trời
Cảm ơn thần Táo
Rồi ta sẽ bảo
Treo giữa thiên đình
Thần Tiên dễ nhìn
Mọi người thưởng thức!

TQ.
Táo xin chấm dứt
Bởi sớ đã dài
Thần xin bái bai
Lui về hạ giới
Hẹn cuối năm tới
Trở lại thiên đình
Mang sớ Nhâm Thìn
Về tâu Ngọc Đế
Kính chúc ngọc thể
Sức khỏe dồi dào
Năm mới trước sau
Mọi điều như ý.
Ngọc Hoàng vạn tuế....

- ***Trần Thế Thi***

(1) "Ông Nghè", là người có học vị Tiến Sĩ ngày xưa.
(2) "Vũ như Cẩn" lái là "vẫn như cũ".
(3) Mười bốn người trong Bộ chính trị đảng CSVN.

https://tieulun.hopto.org

Nhâm Thìn

muốn biết thuận hạp - khắc kỵ như thế nào ?

(Nhâm Thìn từ 23.01.2012 đến 09.02.2013)

• **Hàn Lâm NGUYỄN PHÚ THỨ**

Sau khi năm **Tân Mão** chấm dứt, thì đến năm **Nhâm Thìn** được bàn giao từ giờ giao thừa bắt đầu giữa đêm chủ nhựt, 22.01.2012 để cầm tinh đến 24 giờ đêm 09.02.2013. Năm Nhâm Thìn này thuộc hành Thủy và mạng Trường Lưu Thủy tức Nước chảy dòng lớn, năm này thuộc Dương, có can Nhâm thuộc mạng Thủy và có chi Thìn thuộc mạng Thổ. Căn cứ theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của Ngũ Hành, thì năm này "Chi khắc Can" tức Đất khắc Trời. Bởi vì: "Mạng Thổ = Thìn khắc mạng Thủy = Nhâm (mạng Thổ tức Đất được khắc xuất, mạng Thủy tức Trời bị khắc nhập). Do vậy, năm này mặc dù bị khắc kỵ, nhưng tổng quát nó không bị ảnh hưởng xấu nhiều như năm Trời khắc Đất giống như các năm: Giáp Tuất (1994), Nhâm Ngọ (2002), Mậu Tý 2008 đã qua. Được biết năm Thìn vừa qua là năm Canh Thìn thuộc hành Kim, nhằm ngày thứ bảy, 05.02.2000 đến 23.01.2001.

Căn cứ theo Niên Lịch Cổ Truyền Á Đông xuất hiện được minh định quảng bá từ năm thứ 61 của đời Hoàng Đế bên Tàu, bắt đầu năm 2637 trước Công Nguyên, cho nên chúng ta lấy 2637 + 2012 = 4649, rồi đem chia cho 60 thì có kết quả Vận Niên Lục Giáp thứ 77 và số dư 29 năm bắt buộc rơi vào Vận Niên Lục Giáp thứ 78 bắt đầu từ năm 1984 cho đến năm 2043. Do vậy, năm Nhâm Thìn 2012 này là năm thứ 29 của Vận Niên Lục Giáp 78.

Năm Nhâm Thìn có người thắc mắc, muốn biết năm này tuổi ảnh hưởng vận mạng như thế nào? Vậy chúng ta thử phân tách năm Nhâm Thìn, thì thấy ba việc phải làm như sau:

1.- Đối với Mạng ảnh hưởng như thế nào?

Bởi vì, năm Nhâm Thìn thuộc mạng Thủy sẽ đưa đến thuận hạp hay khắc kỵ với mọi người như thế nào?

Xin trích dẫn như dưới đây:

- **Những người có tuổi Cùng mạng Thủy như**: Bính Tý (1936 - 1996...), Đinh Sửu (1937 - 1997...), Giáp Thân (1944 - 2004...), Ất Dậu (1945 - 2005...), Nhâm Thìn (1952 - 2012...), Quý Tỵ (1953 - 2013...), Bính Ngọ (1906 - 1966...), Đinh Mùi (1907 - 1967...), Giáp Dần (1914 - 1974...), Ất Mão (1915 - 1975...), Nhâm Tuất (1922 - 1982...) và Quý Hợi (1923 - 1983...).

Xem như tương hòa với năm Nhâm Thìn bởi vì có cùng mạng Thủy cho nên năm này có đời sống an cư & lạc nghiệp sẽ gia tăng, phát triển về mọi mặt một cách bình thường, vì không bị khắc kỵ. Phàm ở trên đời, nếu có đời sống ổn định bình thường, thì xem như tương sanh tốt đẹp.

Tuy nhiên, những người có mạng Âm Thủy như tuổi: Đinh Sửu, Ất Dậu, Quý Tỵ, Đinh Mùi, Ất Mão và Quý Hợi, thì tốt hơn những người có mạng Dương Thủy như tuổi: Bính Tý, Giáp Thân, Nhâm Thìn, Bính Ngọ, Giáp Dần và Nhâm Tuất. Bởi vì, theo luật Dương Âm lần lượt trưởng tiêu, không khác ngọn thủy triều lên xuống hoặc có không rồi không có hay nói khác đi là Sắc Không rồi Không Sắc. Vì thế: "Dương Âm tương ngộ tất ứng" còn "Dương ngộ Dương và Âm ngộ Âm bất ứng". Phương pháp này áp dụng cho tất cả các tuổi, để chúng ta thực hành sau này.

- **Những người có tuổi mạng Hỏa như**: Bính Dần (1926 - 1986...), Đinh Mão (1927 - 1987...), Giáp Tuất (1934 - 1994...), Ất Hợi (1935 - 1995...), Mậu Tý (1948 - 2008...), Kỷ Sửu (1949 - 2009...), Bính Thân (1956 - 2016...), Đinh Dậu (1957 - 2017...), Giáp Thìn (1904 - 1964...), Ất Tỵ (1905 - 1965...), Mậu Ngọ (1918 - 2078...) và Kỷ Mùi (1919 - 1979...).

Những người có tuổi mạng Hỏa gặp năm Nhâm Thìn thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thủy khắc mạng Hỏa". Bởi vì, mạng Thủy được khắc xuất và mạng Hỏa bị khắc nhập, cho nên những người có mạng Hỏa năm này xấu tổng quát, không thể thực-hiện gì kết quả tốt đẹp. Trường hợp này, giống như những người có: mạng Thủy gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Kim và mạng Kim gặp năm mạng Hỏa.

- **Những người có tuổi mạng Thổ như**: Canh Tý (1900 - 1960...), Tân Sửu (1901 - 1961...), Mậu Thân (1908 - 1968...), Kỷ Dậu (1909 - 1969...), Bính Thìn (1916 - 1976...), Đinh Tỵ (1917 - 1977...), Canh Ngọ (1930 -1990 ...), Tân Mùi (1931 - 1991...), Mậu Dần (1938 - 1998...), Kỷ Mão (1939 - 1999...), Bính Tuất (1946 - 2006...) và Đinh Hợi (1947 - 2007...).

Những người có tuổi mạng Thổ gặp năm Nhâm Thìn thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thổ khắc mạng Thủy". Bởi vì, mạng Thổ được khắc xuất và mạng Thủy bị khắc nhập, cho nên những người có mạng Thổ, năm này mặc dù bị khắc kỵ, nhưng tổng quát nó không bị ảnh hưởng xấu nhiều,

https://tieulun.hopto.org

vì những người đó có mạng khắc kỵ với năm và cũng không có lợi bằng những người có mạng Thủy cùng năm mạng Thủy đã dẫn. Trường hợp này, giống như người có: mạng Thủy gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Mộc và mạng Mộc gặp năm mạng Thổ.

- Những người có tuổi mạng Kim như:
Giáp Tý (1924 - 1984...), Ất Sửu (1925 - 1985...), Nhâm Thân (1932 - 1992...), Quý Dậu (1933 - 1993...), Canh Thìn (1940 - 2000...), Tân Tỵ (1941 - 2001...), Giáp Ngọ (1954 - 2014...), Ất Mùi (1955 - 2015...), Nhâm Dần (1962 - 2022...), Quý Mão (1963 - 2023...), Canh Tuất (1910 - 1970...) và Tân Hợi (1911 - 1971...).

Những người có tuổi mạng Kim gặp năm Nhâm Thìn thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Kim sanh mạng Thủy". Bởi vì, mạng Kim bị sanh xuất và mạng Thủy được sanh nhập, cho nên những người có mạng Kim, mặc dù được tương sanh, nhưng năm nay bị sanh xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thâu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có: mạng Thủy gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Thổ và mạng Thổ gặp năm mạng Kim.

- Những người có tuổi mạng Mộc như:
Mậu Thìn (1928 - 1988...), Kỷ Tỵ (1929 - 1989...), Nhâm Ngọ (1942 - 2002...), Quý Mùi (1943 - 2003...), Canh Dần (1950 - 2010...), Tân Mão (1951 - 2011...), Mậu Tuất (1958 - 2018...), Kỷ Hợi (1959 – 2019...), Nhâm Tý (1912 - 1972...), Quý Sửu (1913 - 1973...), Canh Thân (1920 - 1980...) và Tân Dậu (1921 - 1981...).

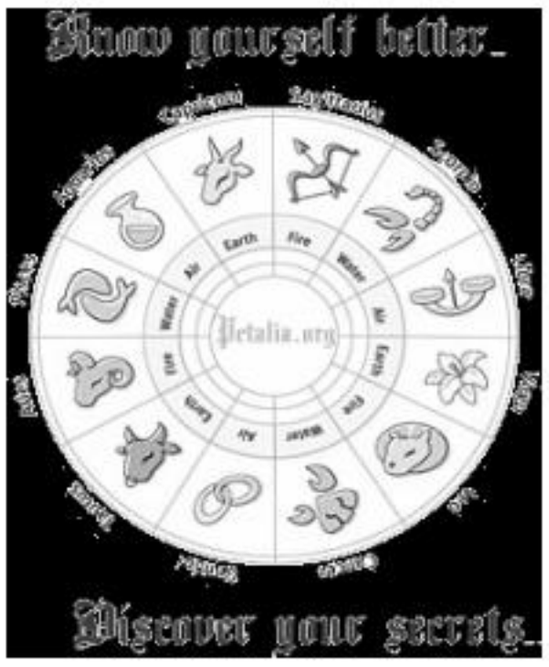

Những người có tuổi mạng Mộc gặp năm Nhâm Thìn thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thủy sanh mạng Mộc". Bởi vì, mạng Thủy bị sanh xuất và mạng Mộc được sanh nhập, cho nên những người có mạng Mộc năm này tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như người có: mạng Thủy gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa và mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc.

2.- Đối với Thiên Can ảnh hưởng như thế nào?:
- Năm Nhâm gặp can Giáp Ất:
Năm này là năm có Can là Nhâm, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Giáp Ất thuộc mạng Mộc, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thủy sanh mạng Mộc". Bởi vì, mạng Thủy bị sanh xuất và mạng Mộc được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Mộc xem như tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như những người có: mạng Thủy gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa và mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc.

- Năm Nhâm gặp can Bính Đinh:
Năm này là năm có Can là Nhâm, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Bính Đinh, thuộc mạng Hỏa, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thủy khắc mạng Hỏa". Bởi vì, mạng Thủy được khắc xuất và mạng Hỏa bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Hỏa, xem như là năm xấu tổng quát, không thể thực hiện gì kết quả như ý. Trường hợp này, giống như những người có: mạng Thủy gặp năm mạng Thổ - mạng Thổ gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Kim và mạng Kim gặp năm mạng Hỏa.

- Năm Nhâm gặp can Mậu Kỷ:
Năm này là năm có Can là Nhâm, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Mậu Kỷ, thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thổ khắc mạng Thủy". Bởi vì, mạng Thổ được khắc xuất và mạng Thủy bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Thổ, dù bị tương khắc, nhưng được khắc xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thâu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Thủy gặp năm mạng Thủy. Trường hợp này, giống như người có: mạng Thủy gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Mộc và mạng Mộc gặp năm mạng Thổ.

- Năm Nhâm gặp can Canh Tân:
Năm này là năm có Can là Nhâm, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Canh Tân thuộc mạng Kim, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Kim sanh mạng Thủy". Bởi vì, mạng Kim bị sanh xuất và mạng Thủy được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Kim dù được tương sanh, nhưng bị sanh xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thâu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc cũng được tương sanh, vì "mạng Mộc sanh mạng Hỏa như đã dẫn. Trường hợp này, giống như người có: mạng Thủy gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Thổ và mạng Thổ gặp năm mạng Kim.

- Năm Nhâm gặp can Nhâm Quý:
Năm này là năm có Can là Nhâm, thuộc mạng Thủy và những người có tuổi Can là Nhâm Quý thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì có cùng mạng Thủy, thì xem như tương hòa, cho nên năm này có đời sống an cư & lạc nghiệp sẽ gia tăng, phát triển về mọi mặt một cách bình thường, vì không bị khắc kỵ. Phàm ở trên đời, nếu có đời sống ổn định bình thường, thì xem như tương sanh tốt đẹp.

3.- Đối với Địa Chi ảnh hưởng như thế nào?
- Năm Thìn gặp Chi Hợi Tý :
Năm này có Chi là Thìn thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Hợi và Tý thuộc mạng Thủy, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thổ

https://tieulun.hopto.org

khắc mạng Thủy". Bởi vì, mạng Thổ được khắc xuất và mạng Thủy bị khắc nhập, cho nên năm này những người có mạng Thủy, xem như là năm xấu tổng quát, không thể thực hiện gì kết quả như ý. Trường hợp này, giống như những người có: mạng Thổ gặp năm mạng Mộc - mạng Mộc gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Hỏa và mạng Hỏa gặp năm mạng Thủy.

- Năm Thìn gặp Chi Thìn Tuất Sửu Mùi:

Năm này có Chi là Thìn thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Thìn Tuất Sửu và Mùi tức Tứ Mộc thuộc mạng Thổ, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, có cùng mạng Thổ, thì xem như tương hòa, cho nên năm này có đời sống an cư & lạc nghiệp sẽ gia tăng, phát triển về mọi mặt một cách bình thường, vì không bị khắc kỵ. Phàm ở trên đời, nếu có đời sống ổn định bình thường, thì xem như tương sanh tốt đẹp.

- Năm Thìn gặp Chi Dần Mão:

Năm này có Chi là Thìn thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Dần và Mão thuộc mạng Mộc, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Mộc khắc mạng Thổ". Bởi vì, mạng Mộc được khắc xuất và mạng Thổ bị khắc nhập, nhưng những người mạng Thổ được khắc xuất, xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thâu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Mộc gặp năm mạng Mộc. Trường hợp này, giống như người có: mạng Thổ gặp năm mạng Thủy - mạng Thủy gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Kim và mạng Kim gặp năm mạng Mộc.

- Năm Thìn gặp Chi Tỵ Ngọ:

Năm này có Chi là Thìn thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Tỵ và Ngọ thuộc mạng Hỏa, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Hỏa sanh mạng Thổ". Bởi vì, mạng Hỏa bị sanh xuất và mạng Thổ được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Hỏa, dù được tương sanh, nhưng bị sanh xuất xem như bị tiêu hao tổng quát, vì chỉ cho ra mà chẳng thâu được nguồn lợi nào đáng kể và không bằng những người có mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc cũng được tương sanh, vì "mạng Mộc sanh mạng Hỏa" như đã dẫn. Trường hợp này, giống như người có: mạng Thổ gặp năm mạng Kim - mạng Kim gặp năm mạng Thủy - mạng Thủy gặp năm mạng Mộc và mạng Mộc gặp năm mạng Hỏa.

- Năm Thìn gặp Chi Thân Dậu:

Năm này có Chi là Thìn thuộc mạng Thổ, những người có Địa Chi Thân và Dậu thuộc mạng Kim, theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì theo luật thuận hạp hay khắc kỵ của ngũ hành, thì "mạng Thổ sanh mạng Kim". Bởi vì, mạng Thổ bị sanh xuất và mạng Kim được sanh nhập, cho nên năm này những người có mạng Kim xem như tổng quát rất tốt, thuận lợi, tiến triển về mọi mặt để đưa đến thành công như ý. Trường hợp này, giống như những người có: mạng Thổ gặp năm mạng Hỏa - mạng Hỏa gặp năm mạng Mộc. Mạng Mộc gặp năm mạng Thủy và mạng Thủy gặp năm mạng Kim.

Để tạm kết thúc bài này, tôi xin kính chúc tất cả quý bà con đồng hương bước sang năm mới Nhâm Thìn 2012 được: An Khang Thịnh Đạt - Công Thành Danh Toại - Tâm Thân Thường Lạc và Phúc Thọ Khương Ninh.

(Trích dẫn tác phẩm Tử Vi & Địa Lý Thực Hành của Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ)

Hãy cứu sơn hà

Mẹ (*) không có những đứa con bội nghĩa
Mẹ không nuôi toàn một lũ vong ân
Vừa vô thần, vừa bán nước, hại dân;
Vừa tàn nhẫn triệt tiêu bao tôn giáo.
Đứa trâng tráo, hô hào điều gian xảo;
Đứa tào lao, lãnh đạo rước ngoại xâm;
Đứa đào mồ, quật mả: gây hờn căm;
Đứa ác hiểm dìm thanh niên vực thẳm.
Người chết thảm giữa trùng dương thăm thẳm,
Mang trong tim chuyến vượt biển kinh hoàng,
Tội tình chi, hồn vất vưởng lang thang?
Vì bọn chúng cần phi tang tội ác!
Mẹ không có những thằng con biếng nhác
Sống ngông cuồng, bệ rạc những mưu mô
Vất cháu con vào tuyệt lộ lao nô
Đưa đất nước vô Con Đường Đẫm Máu.
Dân thảm não, Mẹ gọi ai: "TRANH ĐẤU!
Tỉnh đi con! Hãy bỏ Cộng, về hàng
Cho đất Cha tươi sáng màu Xuân sang
Hãy cách mạng huy hoàng trang sử Việt!
Phải cương quyết! Phải vùng lên tiêu diệt!
Chẳng còn chi nuối tiếc lũ Việt gian
Chẳng còn chi con theo đóm ăn tàn
Kẻ nội gián rước voi dày mả Tổ"
Gom quân đội, công an: châm ngòi nổ
Nổi Lửa lên từng góc phố, con đường
Gọi mười phương, chín hướng một chính trường:
Đem no ấm, tự do cho dân hưởng!
Mẹ chỉ có những đứa con cao thượng:
Biết yêu thương tổ quốc và đồng bào;
Biết công lao giữ nước của anh hào;
Biết tỉnh táo đứng cùng dân chiến tuyến.
Nước nguy biến! Mẹ gọi ai: "Phải tiến!
Lời Diên Hồng: QUYẾT CHIẾN rộn ràng vang!
Dậy mà đi! Các con phải sẵn sàng!
*Đừng hát mãi những nhập nhằng! Thương nữ!**
Con hãy thức, giục hiền nhân quân tử
Tụ về đi! Khởi nghĩa dựng lại cờ!
Đừng chần chờ! Đừng ấm ớ, thờ ơ
Đừng ngủ nữa! Con ơi! Kìa CHÍNH NGHĨA!"

• Ý Nga

https://tieulun.hopto.org

Ngày Tết nói chuyện

Phúc Lộc Thọ

• **Nguyễn Tiến Văn**

Có lẽ con người là con vật duy nhất trong muôn loài có được ý thức về tự thân tức là nhận biết ra vị trí của chính mình trong vũ trụ [(1)]. Vì vậy người xưa nói rằng: *"Nhân linh ư vạn vật"* (con người linh thiêng hơn muôn vật).

Chữ "linh" trong lối chữ Nho tượng hình và biểu ý gồm bộ "vũ" là mưa, hợp với ba chữ "khẩu," tức nhiều cái miệng cầu khấn, cùng với dưới là chữ "vu" có nghĩa là người thầy pháp tức ông đồng bà cốt làm việc thông thương giữa người thời nguyên thủy bộ lạc và trời đất. Linh thiêng là lối đọc trệch đi của chữ "linh thính" tức là nghe ra sự cộng thông của xã hội nông nghiệp cầu khấn mưa cho vụ mùa tốt tươi với cõi tự nhiên. Như vậy là với con người nguyên thủy sự tôn trọng nhất được dành cho đời sống và nền tảng của đời sống là trời đất, không thể tách lìa với hoạt động kinh tế cụ thể của cộng đồng. Mọi thứ linh thiêng khác, tách lìa với khung cảnh tự nhiên và kích thước đích thực của đời sống con người chỉ là sự tha hóa và đồi trụy của tầng lớp thống trị hay quyền lực thế.

Ý thức về tự thân, về cộng đồng, và về trời đất tức khung cảnh sống chính là cái mốc đánh dấu con người vượt thoát khỏi lối sống bản năng, hồn nhiên và im lìm của muôn loài; sự vượt thoát ấy từ cõi hỗn độn (chaos) sang một trật tự vũ trụ (cosmos) của không và thời gian. Cách nay hơn 100 năm thuyết tương đối của Albert Einstein lần đầu tiên (1905) dùng vật lý toán học để chứng minh sự tương tục không gian - thời gian trong một trường thống nhất và mở ra một kỷ nguyên mới để con người khám phá không gian và đặt định những lý thuyết về hình thành vũ trụ vô tận nhưng có những chiều kích và hạn độ minh bạch, có thể tính toán được, có thể hiểu được bằng bộ óc của tiểu vũ trụ (microcosmos) là con người nhỏ nhoi nhưng có ý thức. Đó là phép lạ linh thiêng và huyền bí nhất, cũng là sự nhiệm mầu tự nhiên, đời thường nhất.

Một trong những cảm thức nền tảng nhất của con người là cảm thức về thân phận của mình mà vị sáng lập Phật giáo là Đức Thích Ca đã tóm gọn trong chân lý thứ nhất (Đệ nhất Diệu đế) tức *"Đời là bể khổ,"* với vòng khung "sinh, lão, bệnh, tử" (sinh ra, già nua, ốm đau, và chết đi). Tuy nhiên, chính nhờ có đau khổ mới nảy sinh ý thức. Lầm than và vinh quang chỉ là hai mặt không thể tách lìa của kiếp người. Có đau khổ mới biết thương yêu (từ bi) và mới có được nỗ lực giải thoát khỏi khổ đau (giác ngộ). Từ bi được dịch sang tiếng Anh bằng từ "compassion" có nghĩa là "cùng đau khổ với". Giác ngộ được dịch là "enlightenment" có nghĩa là "đem vào sáng tỏ". Ngày nay khoa nhân học và khảo cổ học thường nhận ra một cộng đồng sinh vật là thuộc cõi người hay còn ở cõi thú là nhờ dấu vết của việc thờ kính hoặc ma chay cho người chết; đánh mốc cho sự ý thức về cái chết và thời gian ngắn ngủi sống với nhau trên cõi đời, qua những nấm mộ từ thời tiền sử.

Nấm mộ hoặc hài cốt dù được bảo tồn trong dạng nào cũng là những vật hữu hình, nhưng còn những tình tự, những ước mơ, những nguyện vọng thì sao, ai nào thấy được. Những cái đó chúng ta chỉ còn cách tìm hiểu một cách gián tiếp qua ngôn ngữ, văn bản, hoặc trong những tranh vẽ, tượng khắc bằng gỗ hay bằng đá, bằng kim loại.

Tranh khắc gỗ (mộc bản) truyền thống của dân tộc ở làng Đông Hồ (Bắc Ninh) hoặc ở phố Hàng Trống (Hà Nội) thường được sản xuất và bán trong dịp Tết ở các chợ cho dân chúng mua về trang hoàng ngày xuân như để bộc lộ những ao ước, nguyện vọng mộc mạc suốt năm: mùa màng tốt tươi, đồng ruộng thảnh thơi, trâu no lợn mập, gà vịt béo tốt, gái trai đầy đủ, vinh hoa phú quý, sống lâu trăm tuổi. Bên cạnh đó là sự ghi khắc những sinh hoạt vui chơi như ngồi trâu thổi sáo, hái dừa, đánh ghen; những thẩm mỹ nghệ thuật và văn học như tranh tố nữ, cầm kỳ thi họa, mai lan trúc cúc, tranh Kiều, tranh Lục Vân Tiên; những tranh danh nhân lịch sử như Bà Trưng, Bà Triệu, Ngô Quyền, Trần Quốc Tuấn...; và những tín ngưỡng dân gian như tranh ngũ hổ, tranh đạo nội Tam phủ, Tứ phủ, Bà Chúa Thượng ngàn, Bà Mẫu Thoải v.v...

Một trong những bộ tranh thờ và được trí tuệ dân gian lưu giữ phổ biến nhất là bộ tranh *Tam đa*, tức bộ *Phúc, Lộc, Thọ*. Tam đa và Ngũ phúc là hai công thức quy kết ngắn gọn quan niệm bình dân về ước vọng hạnh phúc đời này.

Ngũ phúc (năm điều phước, tức tốt lành) là: phú (giàu), quý (sang), thọ (sống lâu), khang (mạnh khoẻ), và ninh (an toàn).

Trong Kinh thi tức Thi kinh là bộ sách do Khổng Tử và các đệ tử san định, sưu tập và dẫn giải 305 bài gồm phong dao bình dân (phong) cũng như những ca từ của giới quý tộc (nhã và tụng) của các nước nhỏ từ 2500 năm trước ở Trung Quốc, thì Ngũ phúc gồm: phú (giàu có); an ninh (yên lành); thọ (sống lâu); du hảo đức (có đức tốt); và khảo chung mệnh (vui, hết tuổi trời).

Tam đa (ba cái nhiều) là tài (tiền), lộc (ơn vua), và tử tôn (con cháu). Một lối sắp xếp khác là tử (con trai), tài (tiền), và thọ (sống lâu). Tuy nhiên cách gọi phổ biến nhất vẫn là: phúc hoặc phước (những sự tốt lành), lộc (ơn vua, ơn trời đất), và thọ (sống lâu).

Như thế chúng ta thấy rằng bộ Tam đa chỉ là sự rút gọn của bộ Ngũ phúc. Hai thành tố bị giản lược là khang và ninh tức là sức khỏe và an toàn có thể nhập vào với thành tố thọ vì phải có sức khỏe thì mới sống lâu được, và có lộc thì sẽ có yên lành.

Quan niệm Phúc (tốt lành) gần như lại mở rộng đến mức độc chiếm, đi tiên phong trước cả Lộc và Thọ, vì tốt lành là phải có cả sang cả sống lâu. Quan niệm Phúc cũng bị nhòe và đồng hóa với Phú (giàu có) vì

[(1)] *Thiều Chửu (1942), Hán Việt tự điển, Bản in lại của Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1999, tr. 128. "Xưa đi nay lại gọi là vũ, như nói vũ trụ suốt gầm trời. Vũ là nói về khoảng hư không (không gian); trụ là nói về khoảng thì giờ (thời gian) nghĩa là không gì là không bao quát hết cả ở trong đó vậy".*

https://tieulun.hopto.org

trong thời xưa phong kiến làm sao có thể giàu có nếu không được hưởng lộc thánh ơn vua và an toàn trong phép nước. Phú và Tài cũng có thể thay thế cho nhau khi xã hội sử dụng đồng tiền trong trao đổi thay cho hiện vật.

Quan niệm Lộc chuyển hóa từ ơn mưa móc của trời đất tự nhiên, của thần thánh, sang triều đình quân chủ, rồi trở thành lương bổng triều đình, địa vị xã hội, giai cấp kinh tế.

Quan niệm Thọ có tính cách cá nhân cũng dần dà thay thế cho quan niệm về tử tôn tức là có con trai và cháu trai đích tôn nối dõi khi chế độ gia trưởng và đạo hiếu giảm bớt tính cách độc tôn chuyên trị. Sống lâu là hưởng thụ tuổi trời trong đời mình. Có con trai và cháu đích tôn nối dõi là kéo dài thọ mạng của họ hàng, dòng giống.

Theo sách Bách khoa thư Văn hóa Cổ điển Trung Quốc [2] thì: "Trong ba ngôi sao Phúc, Lộc, Thọ thì sao Thọ xuất hiện sớm nhất. Đời cổ gọi sao này là Nam cực lão nhân, cai quản vận nước dài hay ngắn, sau đó chuyển biến chuyên cai quản về tuổi thọ của loài người, nhờ vậy gọi là Thọ tinh (sao Thọ) và lập miếu thờ tự. Sao Lộc là thần xuất hiện sau đời Đường Tống. Theo sách [Tân] Đường thư chép, Thứ sử Dương Thành [ở] Đạo châu[,] triều Đức tông nhờ trị dân có đạo đức, người ở đó lập đền thờ; đó là Phúc thần bản địa. Đến đời Nguyên, Minh bị lầm là người Hán Võ đế, phong tục tế lễ phổ biến khắp thiên hạ, sau đó coi như chuyên giữ về Lộc. Tế lễ Phúc thần đã có nguồn gốc từ rất sớm trong dân gian, nhưng nhiều truyền thuyết khác nhau, có người mượn hoa văn chữ "Phúc" thành hình con dơi bằng cách hài âm tượng trưng cho cát tường. Có người cho Chân Võ đại đế là Phúc thần. Dân gian lại có thuyết "Thiên quan tứ phúc" [quan trời ban phước]. Nhân đó gần đây dần dần nhất trí coi "Thiên quan" là Phúc thần, cùng phối hợp với hai thần Lộc, Thọ. Đến đây hình tượng ba ngôi sao ba thần Phúc Lộc Thọ mới chính thức xác lập". (tr. 768).

Thọ tinh, đời cổ có hai nghĩa: một chữ tinh tú trên trời thuộc Nhị thập bát tú tức sao Giác và Cang ở phương Đông; một chỉ sao Nam cực lão nhân ở Tây cung. Nghĩa thứ nhất chỉ dùng trong thiên văn học, chẳng qua vì đó là sao đứng đầu các sao nên có tên là Thọ. Còn đến đời Tần và sau đó dựng nên các miếu thờ Thọ tinh thì đây là Nam cực lão nhân. Hình tượng Thọ tinh được thờ gần đây đều có dáng một ông tóc trắng, chống cây trượng cong queo với trán cao đầu dài.

Thọ tinh bổn mệnh: bổn mệnh một người thuộc năm tháng ngày theo can chi 60 Giáp Tý. Người ta sùng bái tế lễ Thọ tinh trong ngày bổn mệnh ấy để cầu bình an. (tr.724).

'Tài thần: Thần chiêu tài tiến bảo [gọi tiền dâng của báu] được dân gian Trung quốc cung phụng. Tục thờ thần tài là Triệu Công Minh, cũng gọi là Triệu nguyên soái, Triệu huyền đàn. Tương truyền là người Chung Nam Sơn, tu hành đắc đạo, có thể trừ tà khử bệnh, cầu tiền bạc trong buôn bán. Dân gian cũng chia Văn Võ tài thần: Võ tài thần tức Triệu Công Minh, hình tượng đầu đội mũ sắt, một tay giơ roi sắt, một tay cầm ngọc quý, mặt đen râu rậm, cỡi trên cọp đen, mặc nhung y; Văn tài thần là Phạm Lãi thời Xuân thu – Chiến quốc. Phạm giúp Câu Tiễn phá Ngô rồi cỡi thuyền nhẹ ra biển, đổi tên tuổi, buôn bán giàu có, hiệu là Đào Chu công [ông đồ gốm], người làm nghề buôn bán phần nhiều sùng bái ông. Ngoài ra còn có nơi thờ Quan Đế [Quan Vũ, tức Quan Vân Trường] làm tài thần, lại có nơi thờ Ngũ lộ thần làm tài thần. (tr.764).

Theo tài liệu trong sách Dân gian thần tượng [3] thì Phúc thần hay Phúc tinh là Tuế tinh (sao Thái tuế chủ về năm) trong 28 tinh tòa, tức Mộc tinh, 12 năm quay hết một vòng quanh mặt trời. Nhân cách hóa sao này là Thứ sử ở Đạo châu là Dương Thành xin vua tha thuế cho dân nên được gọi là Phúc thần của địa phương, sau lan ra toàn quốc. Còn Lộc thần là do Lộc tinh – căn cứ vào một trong 8 sách của bộ Sử ký do Tư Mã Thiên soạn cách đây 2000 năm là "Thiên quan thư" thì Lộc tinh là vì sao thứ 6 trong tinh tòa Văn xương quan, chuyển quản về công danh lợi lộc. Nhân cách hóa là Trương Viễn Tiêu là người sống đời Ngũ đại ở Mi sơn tỉnh Tứ Xuyên, tu tiên đắc đạo ở núi Thanh Thành trừ được tai họa cho dân. Có thuyết khác lại cho rằng thần tượng "Trương tiên tống tử" là Hậu Thục Hoàng đế tên là Mạnh Sưởng bên cạnh tượng thờ có một em bé để ban con cho người cầu xin. Nếu giàu có là giấc mơ của mọi người, nhất là nông dân, thì quan lộc công danh là giấc mơ của toàn thể lớp người học trò sĩ tử, và sống lâu là hy vọng của toàn thể loài người. Thọ thần hay Thọ tinh gốc từ hai chòm sao Giác và Cang, xưa nhất trong hai 28 chòm sao nên gọi là Thọ. Người ta cho rằng Thọ tinh xuất hiện thì thiên hạ thái bình, nếu không thì có đao binh nên từ đời Chu, đời Tần nhà nước đều chủ trì điển lễ trọng đại tế tự, mãi tới đời Minh mới không có quy định đó. Thọ tinh nhân cách hóa là một ông già tức Nam cực tiên ông, mắt mi từ thiện, đầu hói và nhọn, râu dài, cầm gậy và trái đào.

Nói chung ước mơ của dân gian là từ ngàn xưa, sự nhân cách hóa và gán ghép cho các nhân vật lịch sử là về sau, với chủ ý kiểm soát của triều đình phong kiến hoặc tô vẽ của giới văn nhân nho sĩ áp đặt lên dục vọng hồn nhiên của nhân dân. Chúng ta không nên bị huyễn hoặc và lệ thuộc vào những thêu dệt xuyên tạc của đời sau.

Phúc Lộc Thọ là những nguyện vọng của người dân xuyên qua suốt lịch sử nên có giá trị của những biểu tượng (symbols) hoặc nói theo tâm lý chiều sâu của Carl Gustav Jung thì đó là những sơ tượng, những nguyên mẫu (archetypes) của con người đại đồng ở muôn thuở muôn nơi. Qua quan niệm hoàng đế hay quân vương là người cai quản chư thần và có thể dùng bằng sắc để phong thần trong toàn quốc. Các quan niệm này do đó bị lịch sử hóa và nhân cách hóa thành những nhà tu đạo giáo đắc đạo thành tiên hoặc những văn quan, võ tướng chịu sự sai phái của Thiên tử (con trời). Cung điện trên trời của Ngọc hoàng Thượng đế và thập điện Diêm vương dưới địa phủ đều chỉ là phóng chiếu theo mô thức

---

[2] *Nguyễn Tôn Nhan (biên soạn), Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2002, tr.768.*

[3] *Tôn Kiến Quân (chủ biên), Dân gian thần tượng (2001), là sách chú giải các tranh và tượng thờ của dân gian Trung Quốc, Thiên Tân nhân dân xuất bản xã, Thiên Tân, Trung Quốc, tr. 100-117.*

https://tieulun.hopto.org

của triều đình phong kiến mà thôi. Qua trên 2500 năm của lịch sử thành văn, những biểu tượng và nguyên mẫu ấy mang một lớp sơn phết của phong kiến nhưng cốt lõi vẫn là những khát vọng có thực và tha thiết của con người.

Tính tượng trưng của các biểu tượng còn có thể thấy trong cách hài âm: Phúc là điều lành, hài âm với phúc là bụng (to), với bức là con dơi. Chữ Phúc còn được dán ngược tại cửa nhà để quan trên trời trông xuống thuận chiều mà ban bố. Lộc là ân thánh của trời đất, triều đình hài thanh với Lộc là hươu nai, hoặc Lộc là chồi non nên giao thừa và ngày Tết dân chúng có tục lệ đi hái lộc tức cành cây non và đến đình chùa miếu xin ban ơn. Trong tục này ngày xưa đưa con người tiếp giáp với cây cỏ ngày xuân và là dịp cho trai gái hẹn hò gặp gỡ trong khung cảnh tự nhiên. Tuy nhiên, ngày nay khi con người quá đông đúc và cây cỏ quá thiếu hụt thì sự lạm dụng tục hái lộc đầu xuân có thể gây ra sự phá hoại môi sinh – lầm hiểu ý nghĩa tượng trưng của nó, không khéo trở thành giặc. Tốt nhất nên chuyển thành tập tục trồng cây non trong dịp xuân, nhất là với giới trẻ thanh niên, học sinh. Thọ là sống lâu nên hình ảnh vị tiên ông râu dài cầm trái đào có lông tơ và có khía tượng trưng cho cơ quan sinh dục của phái nữ cũng như đầu hói và cây gậy tượng trưng cho cơ quan sinh dục của phái nam. Âm dương hài hòa là thọ mạng bền lâu. Còn Thần tài và Thổ địa cũng là những biến thiên và rút gọn nhất của tam tinh Phúc Lộc Thọ, vốn đã thường được kết hợp chung trong một bức tranh. Tài thần gồm cả hai ban văn võ nhưng khi hết thời của triều đình phong kiến (Trung Quốc sau Cách mạng Tân Hợi 1911 và Việt Nam sau biến cố thoái vị của vua Bảo Đại năm 1945) thì Thần tài chủ yếu chỉ là một ông tiên hay ông quan tay cầm đồng tiền hay đĩnh bạc hình thoi như con thuyền ban xuống cho người cầu khấn.

Ước mơ rất hồn nhiên của người bình dân nước ta có gắn bó hiện thực với cuộc sống cụ thể hàng ngày của kiếp này, đời này. Dân Việt Nam không mơ ước viển vông đến một cõi Thiên đàng, đến một đời sau không ai kiểm chứng được như trong những tôn giáo độc thần. Dân Việt căn bản không chấp nhận hy sinh hạnh phúc trong tầm tay để chết tuẫn đạo cho một cõi không tưởng hay dùng thuốc an thần bằng một lời hứa hẹn bất tử mơ hồ trong đời sau cõi chết. Giấc mơ đó thể hiện rõ rệt trong mâm cúng ngày Tết của người dân gồm trái na tức mãng cầu (trong cách phát âm Nam bộ được đồng hóa với "mãn cầu" tức thỏa đáp sự mong mỏi), trái dừa (phát âm đồng hóa với "vừa" đủ), trái đu đủ (tức đầy "đủ"), và trái xoài (đồng hóa với "xài" tức tiêu dùng). Việc này cũng đồng nghĩa với lời cầu nguyện của Jesus: "Xin cho hàng ngày dùng đủ" trong Kinh Lạy cha; cũng như thành ngữ "Tri túc tiện túc" (biết đủ tức là đủ) của nhà Nho chấp nhận "An phận thủ thường" (yên với phần số, giữ cái thường hằng).

Không lạ gì khi ngân hàng tư nhân đầu tiên ở Sài Gòn (Tín Nghĩa Ngân Hàng) trước 1975 đã chọn ông thần tài làm biểu tượng và khu buôn bán sầm uất nhất của người Việt ở nước ngoài mang tên Sài Gòn Nhỏ (Little Saigon) ở tiểu bang California, Hoa Kỳ cũng mang tên và trưng bày cả tượng của ba vì sao ước mơ: Phúc Lộc Thọ •

Ô hay! Xuân đã về rồi
Riêng tôi sống với nụ cười đắng cay
Xuân ơi ta đếm từng ngày
Nhớ thương quê mẹ đong đầy giọt châu
Lệ rơi theo nước qua cầu
Trôi vào biển cả, sông sâu xứ người
Hẹn em khi đất nước yên vui

Ngày ấy toàn dân cất tiếng cười
Đôi bờ Nam Bắc đánh lùi cộng nô
Đuổi luôn lũ giặc Tàu Ô
Giết dân, chiếm đất cơ đồ nước Nam
Bây giờ xuân mới reo vang

Hoa xuân nở rộ tưng bừng
Gió xuân giao động nhịp nhàng bay xa
Cờ vàng phất phới hoan ca
Tiếng xuân reo bản tình ta với mình... !
Quê người tôi vững lòng tin
Cái mùa xuân đó trữ tình trong tôi
Tiếng xuân lặng lẽ qua rồi
Lòng tôi lại thấy bồi hồi nhớ thương
Thương cho đám trẻ bụi đường
Buồn cho nước Việt thê lương nghèo nàn
Dân nghèo nhà nước chẳng màn
Miễn sao cán bộ túi tràn tiền đô
Nhục thay một lũ côn đồ
Buôn dân, bán nước đội mồ Hồ Mao
Xuân về chẳng có hoa đào
Tiếng xuân vọng mãi lắng vào hồn tôi!

• tiểu long hà

https://tieulun.hopto.org

Năm Thìn
nói chuyện Rồng, chuyện Tết

• **Thị Tâm Ngô Văn Phát**

Chuyện Rồng:

Tuổi Thìn Rồng ở Thiên Đình
Hô phong hoán võ ẩn mình trên mây

Năm nay (2011) là năm Tân Mão, con Mèo đang chuẩn bị bàn giao giấy tờ cho con Rồng tiếp tục cầm trịch nhân gian vì năm tới là năm Nhâm Thìn.

Rồng đứng hàng đầu trong Tứ Linh (Long-Lân-Quy-Phụng), nhưng lại đứng hàng thứ năm trong một Giáp mười hai con vật. Rồng chỉ là con vật huyền thoại chớ không có thật. Mỗi nơi, người dân ở đó theo trí óc tưởng tượng phác họa ra hình dáng con Rồng cũng như thú tánh của nó hiền hay dữ mỗi khác nhau.

Ở Tây Phương, Rồng được coi như là một con vật tàn bạo, gây ra nhiều tai họa cho nhân gian nên dân chúng rất ghê sợ. Huyền sử nước Hung kể chuyện Rồng thường hay vào các cung điện bắt các Công chúa đem về làm vợ v.v...

Ở Á Đông, trái lại con Rồng được dân chúng kính nể tôn thờ. Người Tàu, tuy kính nể Rồng nhưng vẫn coi Rồng là loài thú hung dữ nhứt trong các loài thú. Nhưng dù có hung dữ thế nào đi nữa nó phải luôn luôn thần phục ông vua Tàu, vì vị này là Thiên Tử, con Trời?

Còn ở Việt Nam, do huyền thoại con Rồng cháu Tiên nên Rồng được xem như là biểu tượng của nhà vua. Do đó hình dáng nhà vua được gọi là ***Long nhan***; áo nhà vua mặc gọi là ***Long bào***; giường nhà vua nằm gọi là ***Long sàng***; thuyền vua, trước mũi có bong đầu rồng, sau lái đuôi rồng gọi là ***Long châu***; xe vua và đoàn tùy tùng gọi là ***Long giá*** v.v... và v.v. Nói tóm lại cái gì thuộc về nhà vua thì gọi là Long với ẩn ý vừa quyền huy vừa kính trọng.

Ngoài ra người Việt ngày xưa cũng lấy tên Rồng để đặt tên các địa danh như Long An, Vĩnh Long, Long Xuyên, Long Biên, Hạ Long, Cửu Long v.v...

Viết tới đây tôi nhớ tới Cù Lao Rồng, nằm giữa sông Tiền Giang, bên này là tỉnh lỵ Định Tường có chợ Mỹ Tho, bên kia là xã Tân Thạch. Người ta nói rằng khi nhìn từ trên cao xuống toàn thể Cù Lao thấy nó có hình dáng như môt con Rồng. Thời kỳ Pháp thuộc, người dân truyền miệng nhau đồn đãi rằng một ngày nào đó khi khí thiêng sông nước hòa hợp nhau, Rồng sẽ chuyển mình vùng vẫy thì sẽ có một Thánh Nhân như Thánh Gióng Phù Đổng Thiên Vương xuất hiện lãnh đạo toàn dân đánh Tây Phục Quốc. Có người mách bảo cho Tây biết nên Tây nó sợ nó mới trấn yểm địa linh này bằng cách đưa những người bị bệnh cùi sang đó an trí. Lúc nhỏ học ở Mỹ Tho, tôi và các bạn học thường rủ nhau lội qua Cù Lao Rồng để hái trái bần ăn. Bên đó có rất nhiều dơi quạ và khỉ, từ bên bờ sông dọc theo cầu tàu Hải Quân trước dinh Tỉnh Trưởng nhìn qua thấy dơi đậu ngược đầu và khỉ chuyền qua chuyền lại trên những cây bần để tìm những trái bần chín ăn. Thời Đệ Nhứt và Đệ Nhị Cộng Hòa Miền Nam, ông Đạo Dừa trụ tại Cù Lao Rồng nổi tiếng này.

Năm tới là năm Thìn, Rồng thiêng Việt Nam sẽ ở trên Thiên Đình, ẩn mình trong mây luôn luôn sẵn sàng phun lửa đốt cháy rụi những tên cộng sản tham quan ô lại, nhứt là mười bốn (14) tên bạo chúa tập thể trong Bộ Chánh Trị mà Hồ Chí Minh gọi họ là những người đầy tớ của dân, nhưng thật ra là chủ nhân ông của dân, rất tàn ác với dân gấp trăm ngàn lần hơn cảnh chị Dậu trong tác phẩm "Tắt Đèn" của nhà văn Ngô Tất Tố thời kỳ Pháp thuộc, ngược lại rất hèn với giặc Tàu cộng!

Chuyện Rồng hay Long thì dài nói hoài không hết, tôi xin ngừng nơi đây để nói về chuyện Tết.

Chuyện Tết:

Pháo nổ đì đùng ngoài ngõ
Trong nhà đèn cháy tỏ đón Xuân sang

Ở Việt Nam, Tết nhằm mùa Xuân nên mọi nhà, mọi người đều chuẩn bị đến đêm Giao Thừa đón mùa Xuân mới, sau đó đi chùa lễ Phật hái lộc đầu năm, hoặc đi nhà thờ lễ Chúa xin ban phúc lành.

Còn ở Tây Phương hay bên Mỹ, Tết nhằm mùa Đông tuyết rơi đầy đường, băng đóng đầy ngõ, người lớn tuổi chỉ biết ngồi nhà ngậm ngùi ăn Tết đón cả Xuân lẫn Đông sang! Những năm trước đây, mặc dù nêu không, pháo không, câu đối cũng không, lòng thì trống rỗng, tâm luôn tưởng nhớ cố hương, nhưng mọi người vẫn phải ăn Tết. Nhà nào cũng cố gắng đi đến các tiệm Á Đông mua cho được nào mứt, củ kiệu, bánh tét, bánh chưng và nhứt là phải

https://tieulun.hopto.org

mua cho đủ bộ trái cây để chưng trên bàn thờ như trái Thơm, Mảng cầu, Đu đủ và Xoài. Thế là trọn năm yên chí lớn, trong nhà lúc nào cũng Thơm tho, và luôn Cầu Đủ Xài chớ không ham làm giàu. Cuộc sống tha phương của những người lớn tuổi nó giản dị như thế đấy!

Nhưng năm nay, theo tin loan báo trên mạng thì trái cây và thực phẩm tươi, khô cũng như đông lạnh được các tiệm Á Đông nhập cảng từ Tàu cộng hay Việt cộng phần lớn đều bị nhiễm trùng. Bằng chứng vừa mới đây, Cơ Quan An Toàn Thực Phẩm và Dược phẩm Mỹ (FDA) không cho nhập cảng 27 lô hàng mà phần lớn là thực phẩm đã được chế biến sản xuất từ Việt Nam vì thiếu an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng. Vì vậy một số người sợ nên không dám mua các thức ăn nhập cảng mà chỉ mua những thức ăn do các chùa hay những người đang sống tại nơi sản xuất.

Chúng ta, những người Việt tỵ nạn cộng sản ở hải ngoại được ăn hai cái TẾT trong một năm: TẾT TÂY và TẾT TA.

Tết Tây đến trước Tết Ta độ một tháng. Như ngày Mùng Một Tết Nhâm Thìn sắp đến nhằm ngày thứ Hai 23.01.2012. Ta ăn Tết Tây là **„ăn theo"** hay nói theo lối bình dân là **„ăn có"** để cùng chung vui với người bản xứ, nơi định cư, quê hương thứ hai của chúng ta vì thành ngữ Việt Nam có câu: *„Nhập gia tùy tục, đáo giang tùy khúc"*.

Còn TẾT TA mới thật là cái Tết cổ truyền của riêng người Việt Nam, dù ta có quốc tịch Mỹ, Anh, Pháp hay Đức...

Lời cuối:

Người Việt Nam tỵ nạn cộng sản đang sống tại Đức, cũng như trên khắp thế giới đang lo chuẩn bị đón thêm một cái Tết cổ truyền năm Nhâm Thìn. Mỗi lần Tết đến là mỗi lần nhắc nhở cho người Việt tha phương nhớ đến quê Cha đất Tổ:

Đón Tết quê người
Xin nhớ đến quê cha nghèo khổ
Chào Xuân đất khách
Hãy thương về đất tổ lao lung (*)

Đúng vậy, ngày nào mà tập đoàn cộng sản còn thống trị đất nước, ngày đó **Quê Cha Còn Nghèo Khổ, Đất Tổ còn Lao Lung!**

Sang năm Nhâm Thìn, tôi xin chúc quý độc giả một năm mới dồi dào sức khỏe, gặp nhiều thuận duyên trong cuộc sống hiện tại, đoàn kết đấu tranh loại bỏ chế độ cộng sản độc tài buôn dân bán nước, tham nhũng bóc lột để thực hiện cho được ***Tự Do - Dân Chủ*** thì **Quê Cha Sẽ Không Còn Nghèo Khổ; Đất Tổ Mới Hết Lao Lung! ./.**

Ghi chú :

(*) Hai câu đối trên là của Chi Hội PTVNTN tại Frankfurt &VPC)

Em đi tìm công lý ở nơi nao ?

Tiếng khóc em thảm thiết
Cứa vào thịt da
Em, người con gái mất cha!
Uất ức, đau thương trùm lên mặt phố!

Ôi, cha em, một kiếp đời khốn khổ
Bị đánh tử thương ngay giữa công đường
Bởi bàn tay của những kẻ ngông cuồng
Mang mũ áo nhân danh pháp luật!

Em mải miết đi tìm sự thật
Cái Thiện vời xa, cái Ác trên đầu
Nụ cười thơ ngây của cô bé ngày nào
Bỗng tắt lịm. Vì oan khiên, tủi nhục!

Anh đã thấy dáng em tuyệt vời trong mùa hè sôi sục
Với chiếc áo dài màu trắng thướt tha
Em đã gào lên "Hoàng Sa – Trường Sa!"
Mặt Hồ Gươm cũng nghiêng theo tà áo!

Hà Nội giờ đây nhố nhăng, huyên náo
Mùa thu đã ra đi cùng với yên lành
Nước Hồ Gươm đã hết trong xanh
Khi nước mắt em và bạn bè nhỏ xuống!

Hôm nay
Anh lại thấy hình em chít vòng tang trắng
Nỗi đau về cào xé tim em
Em cô đơn rảo bước lặng im
Mang khát vọng đi tìm công lý...

Nhưng công lý nào đây, giữa bầy ma quỷ?
Phận dân đen, đâu phải phận con người!

Anh thương em nhiều, nhiều lắm em ơi,
Thổn thức lòng anh, ngổn ngang suy nghĩ
Ai cho em ngày mai hái những cành hoa của tình yêu, công lý
Cắm lên mộ cha và lên mảnh đất này
Cho Hà Nội thu về tay ấm lại cầm tay?

• **Lê Diễn Đức – RFA Blog © 2011**
(Mến tặng Trịnh Kim Tiến)

https://tieulun.hopto.org

Con Rồng cháu Tiên

• **Nhựt Trọng**

Tổ quốc và Dân tộc Việt Nam chúng ta đã có một chiều dài lịch sử hơn bốn ngàn năm văn hiến và cũng có một nguồn cội thiêng liêng, trong sáng là *Con Rồng cháu Tiên.*

Không còn bao lâu nữa, chúng ta sẽ tiễn đưa năm Tân Mão đi vào vòng quay của "chu kỳ sáu mươi năm" và đón chào Tân Niên Nhâm Thìn trở về ngự trị thế gian. Dòng giống Rồng Tiên sẽ hội ngộ cùng với con Rồng đương nhiệm. Xin chí tâm nguyện cầu cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc, cho mọi người dân Việt khắp nơi sẽ gặp nhiều hanh thông trong năm mới. Như thường lệ, chúng tôi xin viết đôi dòng, đóng góp vào tờ báo Viên Giác để góp lời tiễn cựu nghinh tân và xin kính gởi đến quý Chư Tôn Đức Tăng, Ni, đến tất cả bạn bè thân hữu, cũng như quý độc giả lời chúc mừng Xuân mới tốt đẹp nhứt.

Là con dân của mẹ Việt Nam, hẳn rằng không ai có thể quên được những kỷ niệm đầm ấm, thân thương trong thời gian còn trên ghế nhà trường tiểu học, ngân nga bài tập đọc vỡ lòng qua sử tích: "Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ, sanh ra một trăm người con cùng chung trong một cái bọc (nên gọi là đồng bào). Năm mươi theo cha xuống vùng biển, năm mươi theo mẹ lên núi; vì cha thuộc dòng giống Rồng còn mẹ là Tiên".

Tô đậm thêm cho bề dày lịch sử của dân tộc, các đời vua Hùng đã dày công dựng nước và giữ nước. Ông cha ta đã thành lập nên nước Văn Lang (2879 BC/Trước công nguyên); nước Nam Việt (207-111 BC). Bà Trưng (12-43 AD/Sau công nguyên), Bà Triệu (225-248), là những anh thư đã vùng lên đánh đuổi ngoại xâm, nêu cao ngọn cờ đại nghĩa. Ngô Quyền với trận Bạch Đằng Giang oai hùng (938), đánh tan quân Nam Hán, dựng nên Triều Ngô. Tiếp theo, các triều đại: Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ, Hậu Trần, Hậu Lê, Nguyễn... đã kế thừa sự nghiệp của Tổ Tiên, đánh đuổi giặc Tàu xâm lược, bảo tồn và làm rạng danh dòng giống Lạc Hồng.

Loài Rồng, một trong Tứ Linh: Long, Lân, Qui, Phụng và được xếp vào hàng thứ năm trong Thập nhị địa chi. Theo Hán văn, Long là Rồng; một loài động vật thân dài như rắn, không có chân, là một trong tám bộ chúng có thần lực biến hóa, làm mây mưa và bảo vệ bầu trời. Mùa Xuân, Rồng cất cánh bay cao, mùa Đông ngủ yên trong lòng đất. Loài Thủy Long được xem là vua của sông nước, biển cả. Đặc biệt, Phật Giáo Tây Tạng tin rằng, loài Thủy Long đang cất giữ các bộ Kinh quý báu ở Thủy cung và sẽ trao lại cho loài người khi nhân duyên hội đủ [1].

Theo truyền thống của dân tộc Việt Nam Rồng (Long) là biểu tượng của vua chúa. Hình ảnh con Rồng được trang trí tại Long cung (cung điện của vua), trước Long ngai (ghế của vua), thêu trên Long bào (áo của vua), thiết kế trên Long xa (xe của vua). Người nào được diện kiến Long nhan (gặp mặt vua) là một diễm phúc. Khi nào vua bị bịnh là Long thể bất an.

Có những điều mà ngày nay chúng ta cho là phong kiến như vua là Thiên Tử và thần dân phải khâm tuân Thánh ý! Tuy nhiên, là vua đâu phải chỉ đơn phương có cái quyền sanh sát đó, mà còn phải chu toàn trách nhiệm của mình. Vì vậy về đạo Vua tôi, trong đạo lý Tam Cương của Khổng Mạnh có ghi: Quân vi thần cương, có nghĩa là Vua phải làm giềng mối cho thần dân; dĩ nhiên phải là một minh quân! Về xã hội, quý Ngài cũng dạy câu: Phu vi thê cương, Chồng làm giềng mối cho vợ và Phụ vi tử cương, cha làm giềng mối cho con.

Dân tộc Việt Nam cũng vừa kỷ niệm 1000 Năm Thăng Long (1010-2010). Nhân dịp chào mừng năm mới Nhâm Thìn, cầm tinh con Rồng, chúng ta hãy cùng nhau ôn lại lịch sử thiêng liêng nầy:

Vua Lý Thái Tổ (974-1028), là một vị vua lừng danh của dân tộc Việt Nam, là người sáng lập nên triều Lý, lên ngôi vua năm 1010. Đặc biệt, dưới thời Lý Thái Tổ, đạo Phật rất hưng thịnh. Nhà vua coi trọng Phật giáo, tôn kính Tăng, Ni, cho xây dựng trên 300 ngôi chùa. Các bộ Kinh chủ yếu như Kim Cang, Dược Sư, Diệu Pháp Liên Hoa (Kinh Pháp Hoa)... được in và phổ biến rộng rãi.

Vua Lý Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, cha mất trước khi Vua chào đời và mẹ cũng từ trần sau khi Ngài vừa được sanh ra; một vị Tăng đã đem về nuôi dưỡng. Khi lên 8-9 tuổi, Ngài được "dưỡng phụ" cho theo học với Thiền Sư Vạn Hạnh. Nhờ những điềm lành báo trước, Thiền Sư biết rằng Lý Công Uẩn sẽ lên ngôi vua, thành lập nên Triều Lý. Vì vậy ông đã hết lòng phò tá. Khi Lê Long Đỉnh mất, Lý Công Uẩn được các quan đương triều phong lên Hoàng Đế, hiệu là Lý Thái Tổ. Vua thấy kinh đô Hoa Lư chật hẹp nên đã ra chiếu chỉ dời về La Thành. Trên đường thiên đô, Vua thấy một con Rồng vàng từ dưới biển bay lên không trung nên đổi tên La Thành là Thăng Long, tức Hà Nội bây giờ.

Dân tộc Việt Nam còn có phong tục, tập quán múa Lân, múa Rồng trong các ngày lễ hội và các ngày Tết cổ truyền. Tại các đền đài, lăng tẩm, chùa viện,... bên cạnh những hoa văn muôn màu muôn sắc, chúng ta thường thấy hình dáng những con Rồng oai vệ, thướt tha. Những tác phẩm Lưỡng Long tranh châu, Nhị Long giữ lửa là những nét đặc thù trong nền văn hóa Việt.

Nhân dịp đón mừng năm mới Nhâm Thìn, xin mời quý Vị cùng chúng tôi ôn cổ tri tân, tham khảo những từ ngữ có chữ Long trong Giáo lý Phật Đà [2]:

---

[1] *Từ Điển Phật Học của Chân Nguyên & Nguyễn Tường Bách.*
[2] *Từ Điển Phật Học Hán Việt / Nhà XB. Khoa Học Xã Hội.*

https://tieulun.hopto.org

- Long cung: Cung Vua, cũng là cung điện của Long Vương ở dưới đáy biển, do thần lực của Long Vương biến hóa ra.

- Long Hà, là tên gọi khác của sông Ni Liên Thiền, nơi Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật thả cái chén trôi ngược dòng và Ngài phát đại nguyện, thiền định tại đây cho đến khi thành chánh quả.

- Long Hoa: khi Đức Di Lặc thành Phật, Ngài ngồi dưới gốc cây có hoa như đầu Rồng, nên gọi là Long Hoa; cũng có sách cho rằng giống cây nầy mọc ở dưới Long cung nên gọi là Long Hoa.

- Long Hoa Hội: Đức Di Lặc Bồ Tát hiện đang ở trong nội cung cõi trời Đẩu Suất. Khi đủ nhân duyên và kiếp số, Ngài sẽ hạ sanh vào cõi Ta Bà và ngồi dưới gốc cây Long Hoa mà thuyết Pháp nên gọi là Long Hoa Hội hay là Pháp Hội Long Hoa.

- Long Hoa Sám Pháp, là quyển sách do Ngài Như Tịnh biên tập, nói về cách thức cầu niệm Đức Di Lặc để sám hối các tội chướng.

- Long Hoa Tam Hội: Khi Đức Di Lặc thành đạo, sẽ ngồi dưới gốc cây Long Hoa, trong vườn Hoa Lâm, mở ra ba Pháp Hội để độ cho hết thảy ba hạng chúng sanh, thượng căn, trung căn và hạ căn, nên gọi là Long Hoa Tam Hội.

- Long Nữ thành Phật: Con gái của Long Vương, năm lên 8 tuổi đã đến tu tại núi Linh Thứu và thành Phật (Kinh Pháp Hoa - Phẩm Đề Bà Đạt Đa).

- **Long Phấn Tấn Tam Muội**: Năng lực của Tam muội mau lẹ, dũng mãnh như sức mạnh của loài Rồng...

Đặc biệt, chúng ta cũng được nghe, nhiều vị Phật, Bồ Tát, Tổ Sư, cao Tăng thạc Đức trong Phật Giáo có tên với chữ đầu là Long:

- Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật: Bản địa của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

- Long Phong: Tổ Tuệ Nam Thiền Sư, trụ trì ở núi Hoàng Long, nên Pháp mạch gọi là Hoàng Long phái và gọi Đại Sư là Long Phong.

- Long Quang Vương Phật: Vua Ba Tư Nặc, nước Xá Vệ, ở chỗ của Long Quang Vương Phật, được Ngài thọ ký là một vị Bồ Tát thâm địa.

- Long Quân: Bồ Tát Na Tiên Tỳ Kheo, ra đời sau khi Đức Phật diệt độ, lập ra thuyết Phật không thuyết Pháp.

- Long Thắng: Tên khác của Bồ Tát Long Thọ.

- Long Thần: Một trong 8 bộ chúng. Các Vị Long Thần ở khắp nơi quan sát các bậc nhân giả (Kinh Pháp Hoa, Phẩm Tựa).

- Long Thần Bát Bộ: Trong 8 bộ chúng, đứng đầu là Trời và Rồng nên gọi là Thiên Long bát bộ.

- Long Thọ: Tên một vị Bồ Tát. Do Ngài được sanh ra dưới gốc cây A Chu Đà Na nên đặt tên là A Chu Đà Na. Ngài lại nhờ loài Rồng mà thành đạo, nên gọi tên là Long; còn có tên là Long Mãnh. Ngài ra đời ở vùng Nam Thiên Trúc, sau khi Phật diệt độ chừng 700 năm.

- Long Thọ nhập Long cung đem về Hoa Nghiêm Kinh: Theo truyền thuyết, Ngài Long Thọ xuất gia vào tu trong núi Linh Sơn, được một vị Tỳ Kheo trao cho Kinh điển Đại thừa, nhưng còn nhiều điều chưa thông suốt nên Ngài chu du các nước tìm cầu kinh điển, mong giúp cho người sau giác ngộ. Bồ Tát Đại Long thấy vậy thương tình, bèn mời Ngài xuống biển, trao cho vô lượng diệu Pháp và những bộ Kinh Phương Đẳng rất thâm sâu. Ngài trì tụng liên tiếp trong 90 ngày, thông hiểu rất nhiều. Sau đó, Đại Long đưa Ngài Long Thọ trở về cõi Nam Thiên Trúc để đại hoằng Phật pháp, hàng phục ngoại đạo.

- Long Tôn: Tên gọi đầy đủ là Long Chủng Tôn (Thuộc loài Rồng) là tên bản địa của Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.

- **Long Trí**: Đệ Tử của Ngài Long Mãnh. Là vị Tổ thứ 4 của Mật Tông, thọ hơn 700 tuổi, mà dung mạo vẫn như thời trai trẻ. Ngài Huyền Trang đã thân hành đến chỗ Ngài Long Trí để học Trung Quán Luận và Bách Luận trong 3 năm.

- Long Tu: Điển tích, lấy dây bằng râu Rồng để buộc vào mình mà nhảy xuống nước, càng bơi càng bị sợi dây thắc lại càng đau, khác nào lấy da trâu làm áo mặc vào người và đứng quay về hướng mặt trời. Hình ảnh nầy để ví với việc tham lợi dưỡng, chỉ có hại thân mà thôi!

- Long Tử: Rồng con ở nơi biển lớn, thường bị loài Kim xí điểu ăn thịt. Long Vương bèn thỉnh ý Đức Phật, được Phật trao cho một tấm áo cà sa; nhờ đó mà tránh được nạn khổ. (Cũng có điển tích: Ngày xưa, loài Kim xí điểu thường bắt con của các loài vật khác để ăn. Phật dạy rằng, đó là một việc ác, khuyên chừa bỏ và hứa sẽ cấp thức ăn đầy đủ cho loài chim nầy. Vì vậy, chúng ta thấy, trong nghi thức ăn quá đường khi tu Bát Quan Trai Giới có phần Thị giả bưng chén cơm ra trước sân tống thực, đọc bài: Đại Bàng Kim xí điểu, Khoáng dã Quỉ thần chúng, La sát Quỉ Từ Mẫu, Cam lồ tất sung mãn và niệm 7 lần câu chú: Án Mục Đế Tá Ha).

- Long Tượng: Các vị A La Hán tu hành dũng mãnh, có đại lực được Đức Phật gọi là Long Tượng. Voi là loài khỏe nhứt ở trên khô và Rồng thì có năng lực siêu đẳng ở dưới nước, nên gọi là Long Tượng. Cũng vậy, con ngựa khỏe đẹp được gọi là Long Mã.

- Long Vương: Là vua của loài Rồng. Theo Kinh Pháp Hoa, Phẩm Tựa, có Bát (Tám) Long Vương; Theo Kinh Đại Tạp, phẩm Tu Di Tạng, có Ngũ (Năm) Long Vương; Theo Kinh Tối Thắng thì có Thất (Bảy) Long Vương

Văn chương Việt Nam cũng có câu: Rồng bay Phượng múa, để ngợi khen những người viết chữ đẹp hay là những người khéo tay, làm nên những tác phẩm, những hoa văn thanh nhã.

Qua những phương danh, phương ngôn nói trên, chúng ta thấy năng lực, tướng tốt cũng như vẻ đẹp của loài Rồng. Chào mừng năm mới con Rồng và nhân dịp, xin nhắc lại cội nguồn dân tộc Rồng Tiên. Trong niềm tự hào, chúng ta thành tâm tưởng niệm tiền nhân, tưởng niệm những vị anh hùng, anh thư liệt nữ và cũng không quên những kẻ sĩ đã dâng hiến đời mình, góp phần bảo vệ, tô điểm giang sơn. Uy Viễn Tướng Công Nguyễn Công Trứ đã nói lên vị thế, tâm tư, hoài bão cũng như chí nguyện của sĩ phu qua bài thơ "Kẻ Sĩ" tuyệt tác:

...

Rồng mây khi gặp hội ưa duyên
Đem quách cả sở tồn làm sở dụng
Trong lăng miếu ra tài lương đống
Ngoài biên thùy rạch mũi can thương
Làm sao cho bách thế lưu phương
Trước là Sĩ sau là khanh tướng...

https://tieulun.hopto.org

Khi có đủ nhân duyên, khi cơ hội tròn đầy, khi bảng hổ đề danh chính là lúc "Rồng mây gặp hội", Kẻ Sĩ quyết đem tất cả năng lực, trí tuệ của mình ra để nơi chốn quan trường làm rạng danh người tôi trung hậu; ngoài biên thùy cũng xứng đáng là một dũng tướng kiêu hùng (văn võ song toàn)... Và trong quá trình giữ nước, bảo vệ di sản của tổ tiên, đã có không biết bao nhiêu Kẻ Sĩ vị quốc vong thân, nêu gương tiết liệt, thể hiện tấm lòng trung quân, ái quốc:

...
Phan Thanh Giản nuốt hờn qua thuốc độc
Bởi xâm lăng bóp nghẹt nước non nầy
Và Hà Nội máu hòa ba lớp đất
Thất kinh thành, Hoàng Diệu ngã trên thây!...
(Tiễn người lính Pháp về lại quê hương)

Nhắc đến tiền nhân đã dày công dựng nước và giữ nước, đã tạo nên một dải giang sơn gấm vóc như ngày nay, làm rạng danh dòng giống Lạc Hồng, chúng ta hồi tưởng đến một vài tấm gương trung liệt:

- Đinh Bộ Lĩnh, xuất thân từ một đứa trẻ chăn trâu, nhưng với tài trí thao lược, ông đã thống nhất Thập nhị Sứ Quân, được tôn là Vạn Thắng Vương và lên ngôi vua, hiệu là Đinh Tiên Hoàng Đế, lập nên triều Đinh, đóng đô ở Hoa Lư, đặt tên nước là Đại Cồ Việt.

- Lý Thường Kiệt, một vị danh tướng, một nhà chiến lược, một nhà tư tưởng dưới triều Vua Lý Thái Tổ. Ông đã đánh tan quân nhà Tống xâm lược và để lại cho đời bài thơ Nam Quốc Sơn Hà đầy hùng khí cũng như một niềm tin tất thắng:

(Tranh: Họa sĩ Vi Vi)

Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư,
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

- **Lê Lai**, đã hiên ngang liều mình cứu chúa, bảo trọng cho Bình Định Vương Lê Lợi để chiến thắng quân Minh, dựng nên Triều hậu Lê hùng mạnh. Ghi nhớ ân nghĩa đó, Vua Lê Lợi đã có di huấn, phải cúng giỗ Lê Lai một ngày trước giỗ của Vua. Vì vậy mới có câu: "Hai mươi ngày tốt, hai mốt Lê Lai, hai mươi hai Lê Lợi".

- **Trần Quốc Toản**, tuổi trẻ dư can đảm. Dốc bụng báo Hoàng ân. Cả gan binh quốc nạn. Cờ bay giặc hãi hùng. Giáo tỏa quân tan rã! Từ khi còn là một thiếu niên, vì không được vào dự Hội nghị Diên Hồng, Nhiệt huyết dâng lên cao độ, Trần Quốc Tuấn đã bóp nát trái cam đương cầm trên tay lúc nào mà không hay biết!

- **Phạm Ngũ Lão**, đang ngồi đan rổ, mà lòng miên man suy tư đến quốc sự; thậm chí khi quân của Hưng Đạo Vương dọn đường cho Vua di hành ngang qua, đã gọi mà Ông không nghe, nên bị binh lính dùng giáo nhọn đâm vào đùi!

- **Trần Bình Trọng,** "Anh hùng ngàn thu trước, Đem tấm thân bảy thước chống Sơn Hà...". Nhưng tài trai dù oanh liệt, hùm thiêng kia không địch lại bầy hồ. Khi sa cơ vào tay giặc, trước những lời chiêu dụ đường mật của quân Tàu xâm lược, Trần Bình Trọng đã khẳng khái thốt lên rằng:

...
Hễ còn sống ta là dân nước Việt
Chết ta thề làm quỉ nước Nam ta!...

Năm con Rồng lại trở về cùng với đất trời, cùng với quê hương, dân tộc Rồng Tiên, chúng ta hãy cùng nhau hồi tưởng lại những lời tiên tri trong Sấm Trạng Trình:

...
Long vỹ xà đầu khởi chiến tranh
Can qua xứ xứ khổ đao bình
Mã đề Dương cước anh hùng tận
Thân Dậu niên lai kiến thái bình.

Chu kỳ năm tháng ấy đã bao lần quay về rồi lại ra đi, chiến tranh vẫn xảy ra, gieo tang thương, khổ ải khắp nơi trên thế giới. Năm Thân Dậu, năm con gà, đã bao lần cất cao tiếng gáy báo bình minh, nhưng một nền hòa bình chân chánh chưa hiện hữu trên thế gian nầy hầu đem lại an vui, hạnh phúc cho loài người!

Vì sao vậy?! Chúng tôi xin mạo muội nhắc lại về Kinh Luận A Tì Đàm và những lời giảng dạy của Thầy Tổ cũng như quý Chư Tôn Đức Tăng, Ni: "Chính là vì con người chưa có Từ Tâm", chưa có đủ Tâm lượng từ bi.

Năm Nhâm Thìn 2012 đang đến bên thềm... Theo lời tiên tri của các chiêm tinh gia, theo thông báo của các nhà khoa học, của Cơ Quan Không Gian NASA, Hoa Kỳ, cũng như theo sự hiển nhiên trong thực tế: Thiên tai, bão lụt, bịnh khổ, nạn tai, sóng thần, chiến tranh, khủng bố... từng giờ từng phút đang xảy ra và ngày càng mãnh liệt hơn trên trái đất nầy! Mầm móng một thế chiến thứ ba có thể xảy ra bất cứ lúc nào! Và chúng ta, ai cũng hiểu, trận thế giới đại chiến thứ 3 sẽ là một cuộc chiến tranh nguyên tử, cộng với những vũ khí, những phương tiện chiến tranh vô cùng tinh vi, vô cùng độc hại sẽ gây nên những hậu quả khôn lường!

Tôi xin dừng nơi đây và là những người con Phật xin chí tâm nguyện cầu cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc. Nguyện cho những cuộc đao binh, chinh chiến tan đi, nhường chỗ cho một nền hòa bình hạnh phúc chan hòa trên khắp năm châu bốn biển. Nguyện cho mọi người đều có thêm tâm lượng từ bi và nòi giống Rồng Tiên luôn được rạng danh trên thế giới ./.

https://tieulun.hopto.org

Rồng và những mẩu chuyện về Rồng Việt Nam

• **Võ Đức Trung**

Rồng là con vật huyền thoại đứng đầu Tứ linh: *Long,* Lân, Qui, Phụng. Tuy là con vật tưởng tượng nhưng rất gần gũi với dân tộc ta. Khắp nơi trên đất nước Việt Nam, từ thành thị đến thôn quê, người ta bắt gặp nhan nhản hình ảnh con *Rồng* như một công trình mỹ thuật để trang trí bên trong hay bên ngoài đình làng, dinh thự, đền đài... dĩ nhiên chưa kể lăng tẩm, cung điện cố đô Huế.

Cũng như Kỳ Lân (con đực gọi là Kỳ, con cái gọi là Lân), là vật không có thật, được dựng lên do sự tổng hợp: mình nai, chân ngựa, đuôi bò, mặt mũi kỳ lạ dữ tợn, trên trán có một sừng duy nhứt, *Rồng* cũng được các nghệ sĩ: điêu khắc gia, họa sĩ... trình bày với những nét mỹ thuật khác nhau tùy theo óc sáng tạo phong phú của riêng từng người, nhưng lúc nào cũng có ma lực quyến rủ đập mạnh vào giác quan có tính tò mò của người thưởng ngoạn.

Theo truyền thuyết khi Kỳ Lân xuất hiện nơi nào thì nơi đó có thánh nhân ra đời, nhưng tựu trung cả hai Kỳ Lân và *Rồng* đều là hai con vật hiền lành nhân hậu nên được gọi là "nhân thú".

Riêng con *Rồng,* ngoài sự gần gũi còn mang chở một ý nghĩa đối với người Việt Nam vì gắn liền với huyền thoại *Rồng Tiên,* gắn liền với sự khai sanh tạo dựng dòng giống và công cuộc mở nước của dân tộc ta. Nó có tính cách thiêng liêng, tiêu biểu cội nguồn, từ đó làm căn bản vững chắc hướng dẫn, chỉ đạo những công tác phát triển mở mang bờ cõi, bảo vệ và duy trì sự sinh tồn, kéo dài hơn bốn ngàn năm.

Lịch sử họ Hồng Bàng, triều đại đầu tiên của nước Việt Nam có ghi về giai đoạn truyền thuyết đại khái như sau: Vua Đế Minh là cháu ba đời vua Thần Nông bên Tàu về thời thượng cổ, du hành phương Nam để quan sát địa thế và phong tục địa phương. Tại đây, nhà vua gặp một nàng tiên, cưới nàng làm vợ, sinh được một trai đặt tên là Lộc Tục. Khi Lộc Tục lớn lên, được phong làm vua phương Nam, lấy hiệu là Kinh Dương Vương, trị vì nước ta. Về sau, vua Kinh Dương Vương lấy con gái Động Đình Quân là nàng Long Nữ, sinh ra con trai là Sùng Lãm tức Lạc Long Quân, nối ngôi cha, tiếp tục trị vì. Đến lược Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai là nàng Âu Cơ, sinh ra một bọc trứng, nở ra một trăm con trai. Vua Lạc Long Quân phong cho người con trai lớn nối ngôi lấy hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây (Bắc Việt).

Huyền thoại "Bọc trứng nở trăm con" đã được cụ Trần Thế Pháp ghi lại rất chi tiết trong quyển "Lĩnh Nam Trích Quái", viết bằng chữ Hán vào thế kỷ XV. Đoạn này đã được nhiều người dịch ra Việt ngữ hoặc phỏng theo đó viết lại cho phù hợp với tính kết cấu và văn phong bây giờ. Chúng tôi xin trích một đoạn súc tích ở bài "Quốc Tổ Hùng Vương, truyền thống và công nghiệp" [(1)] của học giả Hương Giang Thái Văn Kiểm, người đã để một đời phụng sự văn chương và văn hóa Việt Nam:

"Long Quân ăn ở với Âu Cơ được một năm thì sinh đẻ một cái bọc mà cả hai người cho là điềm không lành, cho nên họ bỏ giữa đồng không mông quạnh rồi ra đi. Năm sáu ngày sau, trong bọc hiện ra 100 cái trứng, rồi từ đó xuất hiện 100 người con trai. Chúng nó nhờ linh tính mà tìm ra cha mẹ. Chúng nó tự lớn lên vùn vụt mà không cần phải cho bú. Trí tuệ và dũng cảm được phát triển tột độ. Thiên hạ kiêng nể và kính trọng. Người ta cho rằng trăm người anh em đó đều là xuất chúng và 'siêu việt'.

'Thời đó, Long Quân từ lâu đã trở về Thủy Cung. Trên đất chỉ còn mẹ Âu Cơ mà thôi. Họ muốn trở về phương Bắc, phía Lĩnh Nam và Động Đình Hồ, nhưng vừa vượt khỏi biên giới thì Hoàng đế Bắc phương cử binh sang xua đuổi họ ra khỏi biên thùy. Mẹ con Âu Cơ đều lủi thủi quay trở lại miền Nam, khấn vái Long Quân:

- Bố ơi! Bố đi đâu mà để chúng con thành côi con mẹ góa! Chúng tôi bơ vơ, buồn phiền khôn tả!

Long Quân lập tức xuất hiện và nhìn thấy vợ con bơ phờ nơi hoang dã. Âu Cơ than rằng:

- Thiếp gốc người phương Bắc, thiếp ăn ở với chàng sinh được trăm con trai. Thiếp không có đủ sức để một mình nuôi nấng dạy dỗ trăm con. Thế mà chàng đành đoạn bỏ thiếp ra đi, khiến mẹ con thiếp thành kẻ không chồng không cha, chỉ còn biết khóc than cho số phận hẩm hiu. Bây giờ thiếp xin phép chàng cho thiếp đi theo, chồng đâu vợ đó cho trọn nghĩa tào khang.

Long Quân đáp rằng:

- Ta là giống *Rồng* và thủ lãnh của hải vật. Thiếp là dòng *Tiên* chuyên sống nơi lục địa. Thủy hỏa là hai yếu tố xung khắc, rất khó mà cùng nhau sống đời. Mặc dù âm dương hợp cấu để sinh sản, nhưng dòng giống khác nhau, việc chung sống đời đời rất khó thực hiện.

Long Quân bèn ra lịnh cho 50 người con theo mẹ về miền núi, còn 50 người con còn lại thì Long Quân bảo theo ông cùng về Nam Hải. Long Quân cũng dặn dò tất cả trăm người con trai phải chăm lo cai trị các miền được giao phó và nhắn nhũ điều này:

- Dù các con lên miền núi hoặc xuôi về miền biển, lúc nào gặp nguy biến khó khăn đều phải thông báo cho nhau biết, để hỗ trợ lẫn nhau, và nhất thiết không được bỏ nhau.

Tất cả trăm người con đều vâng dạ, chia tay rồi mỗi người đi một ngã. Tổ tiên Bách Việt chính là những người đó. Riêng phần Âu Cơ và 50 con trai thì rải rác ở vùng núi Phong Châu, nay là huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây, Việt Bắc. Họ đã bầu người con dũng cảm nhất làm thủ lãnh, phong làm vua, lấy vương hiệu là Hùng Vương, tức vua Hùng.

Về sự tích này, ca dao Việt Nam có câu:

---

(1) *"Việt Nam Gấm Hoa" (Mõ Làng - Hoa Kỳ xuất bản năm 1997, trang 19-21)*

https://tieulun.hopto.org

Chàng về thiếp một theo mây
Con thơ để lại chốn này ai nuôi?

Để ý nghĩa *Rồng* và *Tiên* được đầy đủ hơn, chúng tôi xin trích một đoạn ngắn trong tác phẩm "Luận Cương về Văn Hóa Việt Nam" [(2)] của nhà văn, giáo sư Vũ Ký, một nhà nghiên cứu có uy tín, một chiến sĩ văn hóa yêu nước nhiệt tình, tác giả nhiều sách giáo khoa và văn hóa đã được đồng bào trong và ngoài nước tiếp đón với cảm tình nồng hậu:

"... Cha là *Rồng*, là dương, biểu tượng cho sức mạnh. *Rồng* chỉ là vật thần thoại nhưng trong ý nghĩa Việt Nam, *Rồng* tượng trưng cho kiêu hùng, chúa tể của biển cả mà dân Việt thuở mở nước chuyên sống về nghề chài lưới ven biển ven sông. *Rồng* từ biển bay lên trời cao là sự vượt thoát và hóa. Chữ hóa đối với người Việt là thay đổi trạng thái từ vật chất có thể cầm nắm qua trạng thái tinh thần chỉ có thể cảm thấy nhưng lại là sự thực Việt linh ứng...

Còn *Tiên* là âm,*Tiên* ở trên núi cao rừng thẳm, tượng trưng cho sự thanh khiết và vô cùng trong trinh. *Tiên* bay bổng trong vũ trụ hoa gấm, thiên nhiên. Trong ngôn ngữ Việt Nam, *Tiên* có nghĩa là tuyệt hảo, tuyệt mỹ, "đẹp như Tiên", "sướng như Tiên"... *Tiên* là thoát, chữ thoát ở đây đối với triết lý Việt là đổi thay từ trạng thái vật chất hữu hình qua trạng thái vô hình, từ vật chất đổi qua tinh thần.

"*Rồng* gặp *Tiên* là âm dương kết tụ, là sự kiêu hùng của sức mạnh trần thế kết hợp với Chân, Thiện, Mỹ ở nơi Non Bồng Nước Nhược, tức thế giới vĩnh cửu mà Thiên Chúa giáo gọi là Thiên Đàng, Phật giáo gọi là Cực Lạc. Người Việt Nam rất tự hào là *con Rồng cháu Tiên,* có nghĩa là tự hào về sự kiên cường, anh dũng của dân tộc, về sức mạnh của dân tộc, về vẻ đẹp tuyệt vời của Mẹ Việt, vẻ đẹp của tinh thần".

Quả đúng như vậy. Đã là người Việt Nam, không ai không tự hào, hãnh diện về nguồn cội *Rồng Tiên* của mình. Hai chữ *Rồng Tiên* hay *Tiên Rồng* có một sức mạnh huyền bí thiêng liêng, chỉ cá nhân mỗi người cảm nhận trọn vẹn trong sâu thẳm tâm hồn mình để trong hoàn cảnh nào đó, biểu lộ ra ngoài qua những hành động cụ thể nhằm gìn giữ, bảo vệ sự trong sáng cũng như phát huy, thăng hoa cái hào hùng, cái uy vũ của dân tộc, cái đẹp, cái tinh túy của đất nước ngày càng lẫy lừng, rực rỡ thêm.

Nhờ sức mạnh thiêng liêng tiềm ẩn ấy, nếu đi ngược dòng lịch sử, chúng ta nhận thấy biết bao nhiêu anh hùng liệt nữ với những tấm gương chói sáng hào quang, tiếp nối nhau không dứt trong sự đổi dời thường xuyên của cuộc sống, trong dòng biến dịch triền miên của lịch sử dựng nước và giữ nước. Họ đã đi vào lòng dân bằng những hy sinh xương máu bảo vệ tổ quốc với ý hướng cao đẹp tinh ròng, nòi giống *Lạc Hồng Rồng Tiên* mãi mãi trường tồn trong độc lập phồn vinh, mãi mãi hiện diện ngẫng cao đầu trong năm châu bốn biển.

Cụ Sào Nam Phan Bội Châu (1867-1940), "ông già Bến Ngự", một chí sĩ cách mạng tiêu biểu tầng lớp công dân Việt Nam giàu lòng yêu nước, kiên cường dấn thân hy sinh vì tổ quốc, đã tự hào là dòng dõi *Tiên Rồng* khi ông thốt ra, qua hồn thơ lai láng tình cảm, quyện ảnh hình tuyệt đẹp:

"Òa một tiếng non sông nức nẻ
Nòi Rồng Tiên thêm kể một người"...

Nhưng đau đớn thay, trước nghịch cảnh đất nước mất quyền tự chủ, con người có khí phách ấy luôn bị giằng xé tâm can khi hoài bão và chí lớn của mình chưa đạt thành. Sự giằng xé nội tâm đó chẳng qua vì ông tự xét thấy mình chưa làm tròn bổn phận công dân thời đất nước nghiêng ngữa, chưa xứng đáng với niềm tự hào con cháu *Rồng Tiên* :

...
Sao chẳng điếc chẳng câm cho rảnh
Sao hay mang hay gánh hoài hoài.
Chân không, sao muốn đá trời
Tay không, sao muốn lấp đồi dời non?
Lưỡi khua mỏ chẳng mòn sao nhỉ?
Ruột quay tơ chẳng biết vì sao?
Gan đồng xương sắt thế nào
Đành cho muôn đạn bắn vào bia thân.
Sao mãi mãi phong trần không đã?
Mà gan vàng da đá trơ trơ?
Nghĩ chi nghĩ vẫn nghĩ vơ
Nghĩ mình mình luống ngẩn ngơ tháng ngày...".
(Mình Với Bóng)

Niềm tự hào nào cũng phải đi đôi với trách nhiệm để ý nghĩa mới được tròn vẹn. Sự hãnh diện thuộc về dòng dõi *Tiên Rồng* cũng phải đi đôi với nghĩa vụ làm sáng chói cái xuất xứ thần linh, làm đẹp thêm mãi truyền thống huyền thoại lâu đời đó, tức bảo vệ, gìn giữ và phát triển dãy đất ông cha để lại. Vào đời nhà Lý, lúc nhà Tống xua quân xâm lấn nước ta (1076), danh tướng Lý Thường Kiệt (1019-1105) đã biểu lộ quyết tâm cao cả đó qua một bài thơ ngắn huy động lòng người cùng sự hy sinh của tướng sĩ, xem như một bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên trong lịch sử nước nhà:

"Nam quốc sơn hà, Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư"
Dịch:
"Núi sông Nam Việt, vua Nam ở
Vằng vặc sách trời chia xứ sở
Giặc dữ cớ sao phạm đến đây?
Chúng mầy nhứt định phải tan vỡ".

Bốn ngàn năm văn hiến là cả một quá trình dài liên tục đấu tranh oanh liệt, dựng nước và giữ nước chống những đợt ngoại xâm bất cứ từ đâu đến. Một ngàn năm đô hộ Tàu, gần trăm năm lệ thuộc Tây đã nói lên hùng hồn cái ý chí bất khuất cao sáng vời vợi của bao nhiêu thế hệ đi trước, tuần tự nêu những tấm gương trung liệt làm rạng rỡ núi sông chung. Khi trong nhà nghèo khó mới thấy những người con hiếu để thảo ngay. Lúc đất nước lâm nguy mới thấy những công dân khẳng khái, khí tiết. Trong những giai đoạn cực kỳ khó khăn, trầm thống của đất nước, đặc biệt khi nền độc lập tự chủ quốc gia bị đe dọa hiểm nghèo, hai chữ *Tiên Rồng,* chỉ hai chữ ngắn gọn này đã có một lực mạnh phi thường, đủ sức đánh

---

[(2)] *Trung tâm Văn hóa và Xã hội Việt Nam tại Bruxelles xuất bản năm 1995 - trang 35-36.*

https://tieulun.hopto.org

động lương tâm và lương tri con người, đủ sức vực dậy lòng yêu nước thương nhà nồng nàn, tiềm ẩn trong họ để thôi thúc, réo gọi họ đứng lên làm nghĩa vụ máu xương, góp phần tô thắm quê cha đất tổ.

Thời kỳ thực dân đô hộ, những phong trào yêu nước khắp Nam Trung Bắc nổi lên chống xâm lăng ngay từ lúc quân viễn chinh Pháp vừa đặt chân lên đất nước nhà, liên tục đến khi giành được nền độc lập năm 1945. Biết bao anh hùng liệt nữ dù hữu danh hay vô danh, đã lưu hậu thế những chiến công hiển hách gây chấn động một thời, vẫn ngân nga đến ngày nay và nhứt định còn vang vọng mãi mãi ngàn sau qua những giai thoại, huyền thoại rất xúc động.

Lịch sử chống ngoại xâm để lại rất nhiều thi ca, văn tế, câu đối và tác phẩm sáng chói, hừng hực trong khung trời văn chương nghệ thuật Việt Nam, giục giả kêu gọi người dân đoàn kết nhứt trí gạt bỏ tình riêng, hòa nhập vào sứ mạng chung cứu quốc. Và những nhóm từ *Rồng Tiên, con Rồng cháu Tiên* quả có một ma lực khơi dậy hồn sông, hồn nước, hồn đất, hồn núi, hồn núi sông, hồn đất nước, cái gốc phát xuất mọi hành động yêu nước. Ta hãy lắng nghe một trích đoạn bài "Chiêu Hồn Nước" sau đây:

"Hồn hỡi hồn! Đêm khuya canh vắng
Hồn nghe hồn có đắng hay không?
Tôi đây cũng giọt máu hồng
Cũng xương cũng thịt, con Rồng cháu Tiên.
Trông thấy cảnh mà điên mà dại
Trông thấy tình mà dại mà điên
Mà sao không thể ngồi yên
Sa câu gan ruột tôi biên mời hồn.
Hồn nghe thấy nên chồn tấc dạ
Hồn nghe xong nên khá mà về...
...
Hồn trở về cho dân tỉnh lại
Không ngu ngơ dại dại như xưa.
Không còn khó nhọc sớm trưa
Không còn nắng nắng mưa mưa dãi dầu.
Hồn trở về mau mau hồn hỡi
Hồn trở về tôi đợi tôi mong
Hồn về tô điểm non sông
Hồn về dạy dỗ con Rồng cháu Tiên...

Người xưa xót xa với cảnh mất nước, cá chậu chim lồng, đau đớn cho kiếp nạn của dòng giống, xích xiềng tròng vào cổ làm thân trâu ngựa nên trong họ hừng hực ngọn lửa tiết tháo bất khuất, dù hoàn cảnh nào vẫn giữ vững ý chí quật khởi. Ông Tú Kiên, hiệu Hy Cao, một nhà cách mạng tiền phong, người tỉnh Nghệ An (Trung Việt) có sáng tác hai bài thơ khoảng năm 1910, thời gian ông bị bắt đày Côn Đảo, lời lẽ chua cay, tinh thần cả quyết:

I

Gặp gỡ nhau đây mới biết nhau
Trông nhau càng nghĩ lại càng đau.
Văn minh Âu Mỹ ba thằng cướp
Con cháu Rồng Tiên một lũ tù.
Tài giỏi vì chưn tay có súng
Yếu hèn chỉ vị túi không xu.
Trời đương xoay tít, người đương ngủ
Giận muốn vỏ tan quả địa cầu.

II

Hiu hắt năm canh bóng nguyệt tà
Nghĩ gần thôi lại nghĩ đường xa.
Tù hai ba lượt còn ham sống
Tuổi bốn mươi năm chữa chịu già.
Tư tưởng man man trời đất hẹp
Phong trần lụi đụi tháng ngày qua.
Trót lời thề hẹn cùng non nước
Gối kiếm thâu đêm đợi tiếng gà.

Cũng trong tinh thần cao đẹp của các sĩ phu đã bền bỉ nằm gai nếm mật, vào tù ra khám, hy sinh cả một đời người mong ngày đất nước thực sự hoàn toàn độc lập, quốc thái dân an, chúng tôi xin mời độc giả lắng tai nghe những lời kêu gọi chí tình chí nghĩa, qua thân phận người dân mất tự do, lưu lạc nơi đất khách quê người, vẫn canh cánh trong lòng giữa lập thân và sự đóng góp cho tổ quốc, luôn hướng vọng về quê nhà, cổ võ mọi người đứng lên bức bỏ xích xiềng nô lệ. Bài thơ được đăng trong báo "Việt Nam Hồn" cách đây hơn nửa thế kỷ, đúng ra là vào tháng 1.1927, do chí sĩ Nguyễn Thế Truyền làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, xuất bản ở Paris. Cùng chung hoàn cảnh, chúng tôi mường tượng tác giả Thế Sự vẫn lãng đãng đâu đây cùng với chúng ta, những nạn nhân vì cộng sản phải bỏ nước ra đi, như nhắc nhở thầm gọi cộng đồng Việt Nam hải ngoại trước quốc nạn tham nhũng làm băng hoại xã hội, trước quốc nạn mất đất mất biển hiện nay:

"Mấy mươi năm nhà tan nước mất
Nỗi đắng cay chua chát trong lòng
Hỡi ơi! Dòng giống Lạc Hồng
Cớ sao chịu buộc trong vòng lửa than!
Mau mau hãy kết thành đoàn thể
Mưu thoát vòng nô lệ xót xa!...
...
Trời chung chịu đội thế ru?
Phải cho tỏ mặt trượng phu Lạc Hồng.
Mài bảo kiếm một lòng với nước
Chỉ mũi gươm một bước chớ lùi.
Cùng non, cùng nước, cùng trời
Sống thời cùng sống, chết thời cùng nhau.
Cờ khởi nghĩa năm châu năm dựng
Sống phục thù chiêng trống nổi lên
Rửa hờn cho giống Rồng Tiên
Bấy lâu đã phải mất quyền tự do! [3]

Nhiều nhà phê bình lịch sử vô tư đã khẳng quyết cộng sản Việt Nam còn nguy hiểm gấp bội lần thực dân Pháp, đã gây ra thảm trạng lạc hậu của đất nước, nay vẫn rên xiết dưới gông cùm xích sắt của độc tài đảng trị, công an sắt máu. Lời kêu gọi trên đây của một con dân nước Việt Nam ly hương nơi đất Pháp trên tám mươi năm trước vẫn còn đầy đủ giá trị một lời kêu gọi khẩn trương, cấp bách, đầy tâm huyết. Chúng tôi xin mời đồng bào hải ngoại hôm nay, trong hương khói thiêng liêng ba ngày Tết truyền thống, dành đôi phút thầm lặng

---

[3] *Trích "Thân thế và Sự nghiệp nhà Cách Mạng Nguyễn Thế Truyền" của luật gia Đặng Hữu Thụ do chính tác giả xuất bản năm 1993. Địa chỉ: 5 Boulevard des Carmes 77.000 Melun (Pháp).*

https://tieulun.hopto.org

để tâm hồn yên tĩnh nghiền ngẫm tưởng nhớ người xưa, đồng thời xác nhận thái độ cụ thể trước kiếp nạn lưu vong của chính mình và trước thực tế tai hại phũ phàng một nước Việt Nam mất tự do.

Giờ đây, chúng ta lại một lần nữa trở về với quá khứ, ôn lại thời xưa cũ không phải chỉ trong tinh thần hoài niệm, hoài cổ mà chính để nhìn thấy rõ hơn cái căn bản, cốt lõi của động lực vươn lên, của sức mạnh khai phá, vừa dũng cảm, vừa hiên ngang của những bực tiền bối. Vì thế hệ hôm nay nhìn về quá khứ để khẳng định mình là con dân của một nước Việt Nam vẻ vang ngày hôm qua và nước Việt Nam vẻ vang đó sẽ soi sáng hướng đi của những thế hệ về sau trong những ngày tháng sắp tới, cũng như của chính mình hiện tại. Nhà cách mạng quốc gia chân chính, chí sĩ Nguyễn An Ninh (1900-1943) có viết những dòng đầy tính hướng dẫn và lãnh đạo như sau lúc ông là một tay hùng biện cự phách, vùng vẫy trong trường văn trận bút thời Pháp thuộc:

"... Ca ngợi quá khứ chính là để củng cố niềm tin vào tương lai của Tổ Quốc, để từ những kinh nghiệm trong quá khứ mà tăng thêm sức mạnh thực hiện những sứ mạng mới... Người yêu nước không chỉ tự hào quá khứ vẻ vang mà phải nuôi hoài bão và chuẩn bị thắng lợi trong tương lai...".

Trong tinh thần "ôn cố" nghiêm chỉnh và hướng thượng này, chúng tôi dừng chân ở thuở khai sáng nhà Lý (1010-1225) với sự tích *"Rồng Bay" hay "Rồng Lên"* đời vua Lý Thái Tổ (1010-1028). Trong sách "Quốc Văn Giáo Khoa Thư - Lớp Dự bị, sách tập đọc và tập viết do Nha Học chính Đông Pháp giao cho các ông Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Nhuận soạn, nơi trang 34 có ghi lại sự tích này mà nhiều người trọng tuổi đều có đọc qua ít lắm cũng một lần, nay nhắc đến gợi lại biết bao nhiêu kỷ niệm buồn vui lẫn lộn về trường ốc, bè bạn, thầy cô của thời xa xưa. Bài ấy mang tựa "Vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long" như sau:

"Vua Lý Thái Tổ thấy đất Hoa Lư là chỗ nhà Đinh và nhà Lê đóng đô trước chật hẹp quá mới dời đô ra thành Đại La là nơi thủ phủ nước ta về cuối thời nội thuộc Tàu. Sử chép rằng khi *thuyền Rồng* nhà vua ra đến nơi, thì thấy một con *Rồng vàng* bay lên Trời. Nhà vua cho là điềm tốt mới đổi tên là Thăng Long nghĩa là *"Rồng Lên".* Thế là thành Thăng Long, tức là Hà Nội bây giờ, thành ra kinh đô nước Nam".

Tưởng cũng nên nhắc lại ở đây một chút sử liệu liên quan đến sự kiện lịch sử trọng đại này. Nhà Tiền Lê bắt đầu từ vua Lê Đại Hành (980-1005) chấm dứt vào đời vua Lê Long Đĩnh (1005-1009) thường được sử sách ghi là vua "Ngọa Triều", làm vua được ba đời, trị vì 29 năm trong đó vua thứ hai là Lê Trung Tông (1005) tức Lê Long Việt lên ngôi chỉ được ba ngày. Khi vua Lê Long Đĩnh băng hà, con còn bé, vã lại lòng người oán hận triều đại bạo ngược vô luân nên đình thần tôn ông Lý Công Uẩn đang giữ chức Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ lên ngôi Hoàng đế năm 1010 dựng nên cơ nghiệp nhà Lý.

Ông Lý Công Uẩn, người làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, xuất thân từ một gia đình nghèo khó. Năm lên ba tuổi được mẹ là bà Phạm Thị ký gởi cho nhà sư tên Lý Khánh Vân, cũng ở làng Cổ Pháp, làm con nuôi và được đặt tên là Lý Công Uẩn. Ông lên ngôi Hoàng đế tức vua Thái Tổ nhà Lý, trị vì 19 năm thì mất, thọ 55 tuổi.

Ngoài công việc chỉnh đốn nước nhà để an lòng dân, vốn bất mãn chán ghét nhà Tiền Lê qua hình ảnh vua "Ngọa Triều" tham dục quá độ, thường lấy chém giết làm nguồn vui, vua Lý Thái Tổ đã lưu danh hậu thế qua hai thành quả: khuyến khích, củng cố và phát huy đạo Phật và việc dời đô ra Thăng Long, khởi sự ngay trong năm 1010, Thuận Thiên nguyên niên. Trong Thiên Đô Chiếu nhân nói về *Rồng Vàng* có ghi:

"Hoàng đế Lý Thái Tổ nhân đấy đặt tên đất này là Thăng Long (Rồng bay lên) cho rằng miền đất có thế *Rồng cuộn Hổ ngồi,* muôn vật giàu thịnh tốt tươi".

Từ dạo ấy, thành Thăng Long trải qua bao nhiêu thăng trầm theo vận nước phế hưng. Tên tuổi của Thăng Long mãi khắc in trong sâu thẳm ký ức con người Việt Nam. Bà Huyện Thanh Quan, tác giả những bài thơ vần điệu và âm thanh man mác "Qua Đèo Ngang Tức Cảnh", "Chiều Hôm Nhớ Nhà"... một nhà thơ nữ nổi tiếng thời cận đại của lịch sử văn học Việt Nam, đã ghi lại những thôi thúc kỳ bí trong tâm hồn mình khi viếng thành Thăng Long qua bài thơ đường luật chan chứa tình cảm quặn xoáy con tim:

Thăng Long Thành Hoài Cổ

Tạo hóa gây chi cuộc hí trường
Đến nay thắm thoát mấy tinh sương.
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tan thương.
Ngàn năm gương cũ soi kim cổ
Cảnh đấy người đây luống đoạn trường.

Về tiểu sử tác giả, bấy lâu nay tên thật của bà cũng như của chồng là ông huyện Thanh Quan không thấy ghi trong các sách nghiên cứu văn học. Nay nhân đọc quyển "Từ Điển Nhân Vật Lịch Sử Việt Nam" [4] của hai tác giả Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế, thấy có viết về bà như sau, chúng tôi xin ghi lại để rộng đường nghiên cứu:

"Nguyễn Thị Hinh - Nữ thi sĩ, thường gọi theo chức vụ của chồng là bà Huyện Thanh Quan, không rõ năm sinh, năm mất. Quê ở phường Nghi Tàm, huyện Vĩnh Thuận (gần Hồ Tây) Hà Nội ngày nay.

"Bà có tiếng hay thơ, chồng là Lưu Nguyên Ôn, người làng Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông, từng làm tri huyện Thanh Quan. Chồng bà mất sớm, năm 43 tuổi, bà vẫn ở vậy nuôi con...".

Sự tích *"Rồng Bay"* đánh dấu sâu đậm một khúc quanh lịch sử, đặt nền tảng vững chắc tiêu biểu nền độc lập tự chủ của các triều đại tiếp nối về sau.

Lịch sử Việt Nam còn một giai thoại *"Rồng Nằm",* ý nghĩa và tầm quan trọng không kém, đưa vào nề nếp sinh hoạt thời bấy giờ, một cuộc cách mạng xã hội không ồn ào, không đổ máu nhưng hiệu quả, qua một quan niệm mới về sự bình đẳng phụng sự quốc gia, vô hình phá hủy mọi khắt khe giai tầng.

Nguyên năm 1627, nhân một chuyến về chầu chúa Nguyễn, lúc bấy giờ là Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, quan khán lý Trần Đức Hòa có dâng lên chúa một bài

---

[4] *) In lần thứ tư có sửa chữa và bổ sung (Nhà Xuất bản Văn Hóa Sài Gòn).*

https://tieulun.hopto.org

vẫn giới thiệu người con rể của mình mà theo ông nhận xét là người học rộng, thông minh, nhuần kinh sử, tinh thông lý số và có chí lớn. Người con rể này chính là ông Đào Duy Từ (1572-1634), người xã Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, sau này là phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (Bắc Trung Việt). Ông là con nhà xướng ca, cha là Đào Tá Hán nên luật lệ thời bấy giờ rất nghiêm khắc, cấm ông không được quyền ứng thí để tiến thân. Phẫn chí, ông bỏ vào Đàng Trong dưới sự cai quản của chúa Nguyễn, tìm đường lập công danh. Cuộc đời ông nhiều lận đận. Gia đình bần chật, có lúc ông phải đi chăn trâu để sống, nơi một nhà phú hộ ở gần phủ Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Chúa Sãi đọc xong bài vẫn, lập tức ra lệnh cho mời ông Đào Duy Từ đến. Sau khi nghe trình bày về những kế hoạch phòng thủ chống lại sự xâm lấn thường xuyên của chúa Trịnh, Đàng Ngoài cùng những dự án cải tổ công cuộc nội trị làm căn bản cho các đời chúa Nguyễn về sau, mở rộng lãnh thổ tiến xuống phương Nam, chúa Sãi buông lời than:

- Sao khanh đến với ta chậm lắm vậy?

Sau đó, chúa Sãi phong cho ông chức Nha uy Nội tán, tước Lộc Khê Hầu. Lúc đó ông đã 55 tuổi. Ông mất năm 1634, thọ 63 tuổi, được phong làm Phúc Thần và được lập đền thờ ở làng Phong Lộc, Quảng Bình. Đến đời Thế Tổ Cao Hoàng Đế Gia Long, ông được phong Thượng Đẳng Công Thần và được thờ ở nhà Thái Miếu.

Trong vòng tám năm trời ngắn ngủi, ông đã tận tâm giúp chúa Nguyễn và có công to lưu hậu thế như là một kiến trúc sư đề xướng và đích thân đôn đốc trông coi việc xây đắp các lũy Trường Dục ở huyện Phong Lộc, phủ Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình và lũy Nhật Lệ từ cửa biển đến núi Đâu Mâu ở Đồng Hới tức Định Bắc Trường Thành, danh xưng đời vua Thiệu Trị tức Hiến Tổ Chương Hoàng Đế (1841-1847). Chúa Nguyễn và quần thần rất kính phục ông, gọi ông bằng thầy, do đó người đương thời cũng gọi lũy Nhật Lệ là "Lũy Thầy".

Ông có tài văn võ song toàn lại nổi tiếng quý trọng, yêu nghệ thuật. Ông có soạn một bộ sách quý hiếm "Hổ Trướng Xu Cơ". Bộ này cùng với bộ "Binh Thư Yếu Lược" của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đời Trần là hai quyển sách binh thư căn bản của Việt Nam thời bấy giờ, dùng để giảng dạy, huấn luyện tướng sĩ về kỹ thuật tác chiến bảo vệ tổ quốc. Vốn xuất thân từ gia đình nghệ nhân hát xướng, chính ông đã phối hợp tuồng cổ và điệu hát chèo miền Bắc với lối hát phương Nam để sáng chế ra bộ môn nghệ thuật sân khấu Hát Bội ở Miền Nam. Ông được tôn là ông tổ của ngành này.

Riêng về bài vẫn do ông sáng tác được quan Khán lý Trần Đức Hòa dâng lên chúa Sãi, mang tên *Ngọa Long Cương Vãn,* là một bài văn gồm 136 câu thơ lục bát. Ông sáng tác bài vẫn này thuở còn hàn vi, có ý bày tỏ chí hướng và hoài bão của mình muốn đem tài trí và sở học ra giúp chúa Nguyễn. Ông sánh mình như Gia Cát Lượng Khổng Minh bên Tàu khi còn ở ẩn núi Ngọa Long (Con Rồng nằm) trước khi được Lưu Bị mời ra làm tướng. Ông Đào Duy Từ tự ví như con *Rồng Nằm* uốn khúc trong tĩnh lặng chờ thời cơ thuận tiện để xuất hiện, phất lên bay bổng.

Trong đoạn trước, chúng tôi có nói giai thoại *"Con Rồng Nằm"* đánh dấu một cuộc cách mạng xã hội thời chúa Nguyễn. Vì từ sự kiện quan Khán lý Trần Đức Hòa dâng *Ngọa Long Cương Vãn* lên chúa Sãi, nước Việt Nam có tục lệ tiến cử người hiền tài không đỗ đạt nơi khoa trường, vẫn có cơ hội tiến thân đảm đương gánh vác trọng trách quốc gia. Nói cách mạng vì đây là lần đầu tiên trong lịch sử, những ràng buộc khắt khe của xã hội phong kiến lâu đời được tháo gỡ, xóa bỏ ranh giới giữa các giai tầng, giai cấp, mở ra một xã hội mới manh nha sự bình đẳng bình quyền trong cuộc sống cũng như trong nghĩa vụ công dân.

Lịch sử Việt Nam thời cận đại còn lưu lại một giai thoại lẫy lừng tâm huyết, ghi đậm nét chiến công hiển hách chống xâm lăng trong trận hỏa công gò Đống Đa mà dân gian truyền tụng là trận *"Rồng Lửa".* Đọc sử Việt Nam, chúng ta không ai không hãnh diện về người anh hùng áo vải đất Tây Sơn, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ đại phá quân nhà Thanh vào rạng sáng ngày mùng năm Tết Kỷ Dậu (1789) tại gò Đống Đa thuộc kinh thành Thăng Long.

Nguyên lúc ấy vua Lê Chiêu Thống liên tiếp thất bại nhiều nơi, cùng với bọn quần thần thân tín chạy về vùng Hải Dương, Sơn Nam lo việc khôi phục vương quyền. Nhưng thế lực vua Lê ngày càng suy kém trầm trọng. Một mặt, nhà vua không còn được sự ủng hộ của lòng dân. Mặt khác, số lớn thuộc hạ hoặc bỏ trốn trở về sinh sống với vợ con hoặc ra hợp tác với Tây Sơn ở Bắc Hà dưới quyền của tướng Ngô Văn Sở. Năm 1788, vua Lê Chiêu Thống cùng hoàng tử sang Tàu xin cầu viện, đem quân sang giúp dựng lại cơ nghiệp nhà Lê.

Lúc bấy giờ Tổng đốc Lưỡng Quảng là Tôn Sỹ Nghị được vua Càn Long cử thống lãnh quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu và Vân Nam sang đánh nước ta. Trước khí thế vũ bão của quân Tàu, tướng Tây Sơn giữ thành Thăng Long là Ngô Văn Sở quyết định rút quân thủy bộ về mạn núi Tam Điệp, địa thế hiểm trở để lập chiến tuyến phòng thủ, đồng thời khẩn cấp báo về Phú Xuân xin chi viện.

Vua Lê Chiêu Thống rước Tôn Sỹ Nghị vào Thăng Long không gặp một sự chống cự nào và được vua nhà Thanh ban sắc phong "An Nam Quốc Vương". Tuy làm vua nhưng mọi việc đều do Tôn Sỹ Nghị quyết định cả. Vua chỉ có tước vị, không có thực quyền mà ngày nay chúng ta gọi là "bù nhìn", tỏ ra hèn hạ không còn phẩm cách và thể thống trước sự hống hách hà hiếp, cướp bóc của quân Tàu, không thua gì ở thời đô hộ xa xưa, khiến người dân oán ghét, phẫn hận tột cùng.

Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ được tin quân nhà Thanh vào đóng ở Thăng Long, liền họp các tướng sĩ bày mưu ra đánh tái chiếm. Ngài được ba quân tôn lên làm Hoàng Đế lấy hiệu là Quang Trung nhằm để tập họp, phấn khích lòng dân và quân sĩ nhất trí chống ngoại xâm, bảo vệ giữ vững bờ cõi nước nhà.

Khi đại quân do vua Quang Trung thống lãnh tiến đến núi Tam Điệp, được nghe tướng Ngô Văn Sở trình bày thế lực quân nhà Thanh, Ngài cười và phán rằng:

- Chúng nó sang chuyến này để mua cái chết. Ta thân chinh ra đây đã có kế hoạch rồi. Ta sẽ đuổi quân giặc về Tàu trong vòng mười ngày thôi.

Vua truyền lệnh cho quân sĩ ăn Tết Nguyên Đán sớm, xong bày binh bố trận, cử tướng lãnh chỉ huy các mặt trận, định ngày cuối năm xuất binh trực chỉ Bắc Hà và hẹn đến ngày mùng bảy tháng giêng vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng chiến thắng.

Thật vậy, khi chiêng trống nhà vua ầm ầm vang dội, đi đến đâu, đội quân "khuyển mã" tay sai ngoại bang

https://tieulun.hopto.org

của nhà Lê đều hoảng hốt buông khí giới bỏ chạy tán loạn. Trước khí thế thần tốc của quân Tây Sơn, binh tướng nhà Thanh lớp bị bắt xin hàng, lớp tháo chạy thoát thân. Vua Quang Trung chiến thắng vẻ vang ở các đồn Hà Hồi, Ngọc Hồi. Các đạo quân đều cấp báo đã thành công trong sứ mạng giao phó. Các tướng nhà Thanh như Đề đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sỹ Long, tả dực Trương Duy Thăng... đều tử trận. Tại gò Đống Đa, Sầm Nghi Đống bị vây hãm ngặt nghèo, không còn lối thoát, túng thế phải thắt cổ tự vận.

Tôn Sỹ Nghị nửa đêm được báo hung tin, hoảng hốt lên ngựa bỏ chạy cùng mấy tên hầu cận, không kịp mặc áo giáp. Khi vượt phao sang sông, Tôn ra lệnh chặt cầu phao cốt ngăn ngừa không cho quân Tây Sơn rượt đuổi theo khiến sông Nhị Hà đầy những xác chết của quân Thanh. Vua Lê Chiêu Thống chạy được theo Tôn Sỹ Nghị qua sông cùng bà mẹ và một ít cận thần sang Tàu và thời gian sau mất ở đó. Nhà Lê chấm dứt ở đây.

Trận Đống Đa ngày mùng năm tháng giêng Tết Kỷ Dậu (1789) đánh dấu một chiến công rạng rỡ hào quang trong chiến sử chống xâm lăng của dân tộc. Thành tích đánh đuổi quân nhà Thanh của vua Quang Trung đã được nhiều truyền thuyết dân gian tô điểm làm đẹp thêm, từ việc di chuyển quân thần tốc đêm ngày đến những công tác tiếp liệu, nuôi quân, dưỡng quân... Người đời sau còn truyền tụng chi tiết trận đánh Đống Đa như sau:

Dân chúng cư ngụ chung quanh đồn đã được các đạo quân tiên phong nhà vua ngấm ngầm chỉ thị lấy rơm rạ tẩm dầu kết thành những con cúi rơm, loại cúi rơm thường được sử dụng ở nông thôn để giữ lửa, dĩ nhiên phải to lớn hơn nhiều. Họ bí mật đem giấu chung quanh đồn, ở những địa điểm chiến thuật thiết yếu. Đến giờ tấn công, họ đốt những cúi rơm tẩm dầu khổng lồ này, vây đồn bằng lửa khiến bên trong quan quân Tàu nao núng hỗn loạn. Việc bao vây đồn bằng lửa này có lẽ là lý do khiến Sầm Nghi Đống chọn lấy cái chết. Dân gian gọi trận hỏa công này là trận *"Hỏa Long"* hay là *"Rồng Lửa"* trên đất Thăng Long.

Đến đây, chúng ta hãy cùng nhau theo gót các bực tiền bối, những di dân đầu tiên của vùng đất mới ráo hổi, còn hăn hắc mùi đất khẩn hoang vỡ ruộng ở Miền Nam. Họ phát xuất từ các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Quảng Đức hợp thành đất Ngũ Quảng. Theo các nhà nghiên cứu có uy tín, tỉnh Quảng Đức là danh xưng của Thừa Thiên-Huế ngày nay trong hai thập niên đầu của thế kỷ XIX, khác hẳn với tỉnh Quảng Đức thời Đệ Nhứt Cộng Hòa, được thành lập năm 1959 gồm vùng đất lấy ở các đơn vị Đắc Lắc, Phước Long và Lâm Đồng với tỉnh lỵ đặt tại Gia Nghĩa. Họ được sự khuyến khích của nhà cầm quyền lúc bấy giờ theo kế hoạch mở mang bờ cõi hướng về phương Nam. Nơi đây đất đai mênh mông, dân tình thưa thớt lại phì nhiêu với phù sa màu mở được sông Cửu Long trang trải tưới trọn một diện tích quyến rủ gọi mời.

Dù dùng đường bộ hay đường thủy, họ cứ lần ven theo tuyến sông rạch hay luồn lách theo lạch nước chằng chịt đan quyện nhau, mò mẫm đi riết, đi mãi khi thấy nơi nào đó có vàm sông thuận lợi, có đầm rộng vũng sâu dễ làm thủy lợi là dừng lại lên bờ, vóc tâm kiên trì khai phá. Rồi người đi trước réo gọi người đi sau, tận lực đùm bọc giúp đỡ, chia xẻ đất đai, dìu dắt trong công tác phá rừng lấp vũng và trồng trọt lúa mới, hoa màu, tạo nên một lối sống đặc thù của Miền Nam: lè phè cởi mở, bộc trực, thật thà chơn chất và rất mực hiếu khách.

Công cuộc khẩn hoang rất nhiêu khê cực nhọc vào thời buổi mọi việc đều phải dùng đến tay chân, sức lực giới hạn của con người với những công cụ thô sơ sáng tạo theo nhu cầu bức thiết đòi hỏi phải có, lại lặn hụp trong một cảnh thổ hoang sơ, giang san của thú rừng nhởn nhơ cùng khắp như cọp, beo, heo rừng, cá sấu, rắn rít... không kể muỗi mòng đỉa vắt. Bây giờ chúng ta còn nghe truyền tụng nhưng không sao hình dung hết nỗi kham khổ của họ, qua các câu ca dao:

Đến đây đất nước lạ lùng
Chim kêu cũng sợ, cá vùng cũng kinh.

hay:

Đến đây thì ở lại đây
Chừng nào bén rễ xanh cây hãy về.

Ở lại đây cho có bầu có bạn, có anh có em, càng đông chừng nào càng vui, càng tốt chừng nấy. Họ mong mỏi được kết thành đoàn lũ chế ngự thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục tùng ý chí con người và để có sức mạnh chống lại thú dữ.

Ta cũng nghe:

Rồng chầu ngoài Huế, ngựa tế Đồng Nai
Nước không trong, nước lại đục hoài
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

và:

Rồng chầu ngoài Huế
Ngựa tế Đồng Nai
Sông trong chảy lộn sông ngoài
Thương người xa xứ lạc loài tới đây.
Tới đây thì ở lại đây
Bao giờ bén rễ xanh cây hãy về.

Học giả Thái Văn Kiểm, tác giả nhiều công trình nghiên cứu công phu và giá trị suốt nửa thế kỷ cầm bút, giải thích:

"Chốn kinh kỳ có vua có *rồng,* có sông Hương núi Ngự. Vua thì ngự, *rồng thì chầu.* Chầu có nghĩa là tham dự đại triều, tiểu triều, một buổi họp long trọng của nhà vua cho nên *'rồng chầu ngoài Huế'* chỉ việc vua đóng đô ở Huế, đất cũ đã đi vào nề nếp, yên ổn vững vàng.

"Trong câu thứ hai 'Ngựa tế Đồng Nai', nhiều người giải thích ngựa chạy nước tế, tức ngựa chạy nhanh, ngựa phi nước đại (cheval au galop). Do đó, người ta suy ra khi người quân nhân từ kinh đô Huế phóng ngựa phi nước đại hướng về vùng đất mới Đồng Nai hay Nam Kỳ Lục Tỉnh gồm Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên tức phải có lý do chánh đáng mới khẩn cấp như vậy. Hoặc dẹp loạn, hoặc tiểu trừ thổ phỉ, trộm cướp quấy phá với mục đích bảo vệ sự định cư của lớp người tiên phong đầy nhiệt huyết ấy, vốn đã nhọc nhằn trong việc khẩn hoang lấn đất còn phải chịu gian khổ do sự bất ổn gây ra. Họ buông tiếng than 'nước không trong, nước lại đục hoài' để cảm thông phận mình: 'thương người xứ lạ lạc loài đến đây' ".

Vì là đất mới, mọi tổ chức hành chánh trấn dinh tuần tự tiến hành theo nhu cầu cai trị và phát triển, khác ở Trung và Bắc đã có những cơ sở lâu đời. Trường thi Gia Định có thể nói là trường thi sanh sau đẻ muộn, thành lập khoảng hai trăm năm nay, trước 1975 thuộc địa điểm của trụ sở Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, số 4 đường Duy Tân, Quận Nhứt, xây cất theo đồ án của kiến trúc sư

https://tieulun.hopto.org

Trần Phi Hùng. Cứ ba năm một lần, sĩ tử khắp Nam Kỳ Lục Tỉnh và tỉnh Bình Thuận phía cực nam Trung Kỳ khăn gói tụ hội về đây tham dự kỳ thi Hương. Nếu thi Hội và thi Đình phải ra tận kinh đô Huế, điển hình là trường hợp vị Tiến sĩ đầu tiên của Miền Nam, bậc đại công thần tuẫn quốc mà cũng là "người học trò già" Phan Thanh Giản (1796-1867).

Dù vậy, đất Đồng Nai vẫn sản sanh nhiều tên tuổi lẫy lừng trong lịch sử văn học cả nước, tuy đa số không phải là những tay khoa bảng sáng chói, xuất chúng ở khoa trường. Ca dao ở vùng đất mới này còn ngân nga đến nay:

Vĩnh Long có cặp Rồng Vàng
Nhứt Bùi Hữu Nghĩa, nhì Phan Tuấn Thần.

Hoặc:

Đồng Nai có bốn Rồng Vàng
Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi.

"Nghĩa thi" chỉ cụ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872) nổi tiếng "nhứt" về thi thơ mà Tiến sĩ Hàn Lâm Thái Văn Kiểm tóm gọn trong một nhận xét tròn đầy ý nghĩa: "Ca dao này xác định ông Nghĩa là một nhà thơ cự phách của Miền Nam về giữa thế kỷ XIX".

Tượng Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa

Chúng tôi nghĩ cũng nên nhắc lại đôi dòng về thân thế và sự nghiệp của ông, nhân dịp Xuân về hồi hướng người xưa để vinh danh một người đã làm vẻ vang đất nước và dân tộc.

Theo các tài liệu lịch sử và văn học, ông tên Bùi Quang Nghĩa, sanh năm Đinh Mão (1807), người làng Long Tuyền (Bình Thủy), trước thuộc Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh (Vĩnh Long) về sau thuộc tỉnh Cần Thơ. Ông xuất thân trong một gia đình nghèo khó. Thân sinh là Bùi Hữu Đá làm nghề chài lưới. Nội tổ là Bùi Hữu Vi, gốc người Miền Trung.

Ông hiệu Nghi Chi, được người đương thời gọi là Thủ khoa Nghĩa do ông đỗ thủ khoa kỳ thi Hương năm Ất Mùi (1835) tại trường thi Gia Định. Sau đó, ông được bổ Tri huyện Phước Long, tỉnh Biên Hòa rồi thuyên bổ Tri huyện Trà Vang thuộc tỉnh Trà Vinh hiện nay. Tại đây, ông đương đầu với bọn cường hào ác bá cấu kết với quan quyền. Vốn có tính khí cương trực lại thanh liêm công minh, ông bị quan trên tham nhũng lạm quyền cáo gian và hãm hại. Ông bị bắt giải về Gia Định chờ đợi triều đình phê chuẩn án tử hình.

May là lúc đó, vợ ông là bà Nguyễn Thị Tồn, con ông hộ trưởng Nguyễn Văn Lý ở Biên Hòa, can đảm ngồi ghe bầu, tức tốc vượt biển ra tận kinh đô Huế kêu oan. Lúc bấy giờ, cụ Phan Thanh Giản đang giữ chức Thượng Thư Bộ Lại. Bà đến tố cáo sự lộng quyền của các quan địa phương rồi thẳng đến Tam Pháp Ty khua ba hồi trống. Bà được tiếp để minh oan cho chồng. Nhờ vậy, ông Thủ khoa thoát cảnh lao tù với bản án do Tam Pháp Ty nghị xử và chính nhà vua phê chung thẩm như sau:

"Tha tội tử hình cho Bùi Hữu Nghĩa, song phải quân tiền hiệu lực, đái công thục tội".

Bà Bùi Hữu Nghĩa được bà Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức ban cho tấm biển có chạm bốn chữ vàng "Liệt Phụ Khả Gia". Bà rời kinh đô về Gia Định nhưng chẳng may nửa đường thọ bệnh mất và được ông Thủ khoa mai táng tại Tân Hiệp thuộc tổng Chánh Mỹ Thượng, trấn Biên Hòa.

Về phần ông Thủ khoa, sau khi được tha tội, ông phải sung quân đóng đồn ở Vĩnh Thông, thuộc Châu Đốc, có trách vụ tiểu trừ phiến loạn với chức Thủ Ngữ. Ít lâu sau, ông xin giải ngũ về quê quán Long Tuyền, sống đời ẩn dật, ôm ấp chí khí thanh tao cao khiết của một kẻ sĩ. Tinh thần, phong cách và tài đức của ông được đa số sĩ phu đương thời và nhân dân Miền Nam kính yêu trọng vọng. Ông thọ 65 tuổi nhằm năm Nhâm Thân (1872). Mộ ông hiện vẫn còn ở Bình Thủy (Cần Thơ).

Ông để lại đời sau nhiều bài thơ tuyệt tác. Thi tài của ông thể hiện trọn vẹn ở niềm riêng đau đớn, ở tâm sự thầm kín mang chở một chút chua chát chán chường, một chút yếm thế khinh đời. Ngoài thơ ca, văn tế, câu đối... ông còn là tác giả bản tuồng "Kim Thạch Kỳ Duyên", một tác phẩm văn chương nghệ thuật có giá trị vượt thời gian, được kẻ hậu sinh ngưỡng mộ.

Sau đây, chúng tôi xin ghi vài bài thơ của ông thể hiện một dòng thơ tiêu biểu của Miền Nam:

Bị Giam - Tỉnh Vĩnh Long

Nhượng chăng là nhượng kẻ cày voi
Lục đục thường tài cũng một mòi.
Mờ mịt bởi mây che bóng nguyệt
Âm thầm vì trống lấp hơi còi.
Kìa câu ít kỷ kinh còn tạc
Nọ kẻ thi nhân thánh hỡi roi!
Lẩn thẩn hết suy rồi đến thới
Ngày qua tháng lại bước đường thoi.
(Vần: roi, mòi, còi, roi, thoi)

Quan Công Thất Thủ Hạ Bì

Hạ Bì ngày nọ chẳng màn nào
Gương sáng chi lầm chước túng thao.
Chén rượu anh em, keo gắn chặt
Tấm son tôi chúa, đuốc chong cao.
Theo rồng dóc nhóm mây trời Hán
Xuống ngựa đâu tham bạc đất Tào.
Hai mối cang thường gồm đặng cả
Ngàn năm thơm để miệng người rao.

Sống vào buổi giao thời Việt Pháp, ông Thủ khoa không thể dửng dưng trước thời cuộc đất nước nhiễu nhương nguy hiểm. Với tinh thần yêu nước, yêu quê hương tổ quốc, thôi thúc giày vò nội tâm của một kẻ sĩ, tuy ông không trực tiếp lập những thành tích kháng chiến oanh liệt chống Pháp như những anh hùng vị quốc vong thân Trương Công Định, Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực... ông vẫn để trong lòng người cảm tình nồng hậu với những bài thi họa đả kích phái theo tân trào do Đốc phủ Tôn Thọ Tường cầm đầu để qua đó góp phần kêu gọi, thúc giục đồng bào hăng hái kết đoàn chống xâm lăng.

https://tieulun.hopto.org

Bài thơ dưới đây nói lên đầy đủ tinh thần cao quý hiếm hoi đó:

Ai khiến thằng Tây tới vậy cà?
Đất bằng bỗng chốc nổi phong ba!
Hẳn hoi ít mặt đền ơn nước
Nháo nhác nhiều tay bận nỗi nhà.
Đá sắt ôm lòng cam với trẻ
Nước non có mắt thấy cho già.
Nam Kỳ chi thiếu người trung nghĩa
Báo quốc cần vương dễ một ta.

Chúng tôi vừa mời độc giả thân thương trở về thăm quê hương Miền Nam dù trong tâm tưởng, chờ đợi một ngày về thực sự trong niềm hân hoan hạnh phúc chung của đồng bào trong và ngoài nước, không rụt rè, không cúi mặt. Thăm quê hương, nhứt định chúng ta bắt gặp con sông *Cửu Long,* con sông được xếp vào hàng lớn nhứt thế giới với chín nhánh chánh đổ ra biển và chập chùng những nhánh nhỏ khác như đan quyện trùm phủ thành một mạng lưới mang chở nước ngọt và phù sa đỏ ối tạo thành châu thổ bát ngát phì nhiêu, cây trái xum xuê, ruộng lúa ngút ngàn. Trên con sông tăm tiếng này trong khu vực lãnh thổ Việt Nam, ẩn hiện nhiều cù lao lớn nhỏ rải rác theo dọc dài của nó. Mỗi cù lao có một lịch sử riêng, một huyền thoại đặc thù được người địa phương hãnh diện nhắc nhớ. Trong số nầy có những cù lao nổi tiếng như cù lao Giêng, cù lao Phụng, cù lao Lân, cù lao Qui, *cù lao Rồng...* Bốn cù lao sau cùng được người xưa đặt tên theo Tứ Linh: Long, Lân, Qui, Phụng.

Cù lao Rồng thuộc xã Tân Long, tỉnh Định Tường, nằm ngang công viên Lạc Hồng, châu thành Mỹ Tho. Nếu đi trên đò bắc Rạch Miễu sang Bến Tre, người ta để ý chiếc bắc theo nhịp máy trầm đều đánh một vòng trước *cù lao Rồng*, bọc phía sau bên kia. Đoạn này sâu và rộng, thời thế chiến thứ hai, hạm đội Nhựt Bổn vào trú ẩn, bị không lực Đồng Minh truy theo oanh tạc đánh chìm ở đây. Trước 1975, người đi trên bắc lúc nước cạn thấy lường tàu lật ngửa nghiêng rỉ sét, phơi mình dưới ánh nắng, làm cầu phao cho trẻ nhỏ tắm sông cười giỡn hồn nhiên. Đám trẻ này "lội như ráy" vì sống nơi sông rạch, phản ứng đầu tiên của chúng là phải biết lội.

Phía bên kia là xác chiếc tàu Amiral Charner của Pháp hãy còn nằm đó cũng trong tư thế tương tự được nhà nghiên cứu Huỳnh Minh, tác giả những sách Bạc Liêu, Bến Tre, Định Tường, Vũng Tàu... Xưa và Nay, phê bình như sau: Chiếc tàu nằm đó "như đánh dấu ngày tàn của thực dân, đã chấm dứt ở Mỹ Tho trên 80 năm đô hộ".

Cù lao Rồng rộng và dài, cây cối xanh um. Hồi thời Pháp thuộc, do địa thế cách trở, giao thông khó khăn và cũng để dễ dàng cho sự kiểm soát, chính quyền thuộc địa dùng nơi đây tập trung, biệt lập người cùi, ngăn chận không cho họ chà lết ăn xin khắp nơi, trông không đẹp mắt lại có cơ truyền nhiễm một bịnh hiểm nghèo. Do đó, về sau trong dân gian Miền Nam có nhóm từ *"Đưa đi cù lao Rồng"* tức đưa đi nơi biệt lập.

Cù lao Rồng cũng gọi là *Cồn Rồng* không phải nổi tiếng để đời qua trại cùi. Trước ngày cộng sản cưỡng chiếm Miền Nam, trại cùi không còn nữa và người dân quanh vùng dần dà kéo đến đây lập nghiệp do cảnh thổ được phù sa quanh năm bồi đắp phì nhiêu. Cồn trở nên sầm uất với những vườn cây tân lập cho trái ngọt ngon, to lớn. Việc lên vồng, lên liếp lập vườn ngày càng phát triển tạo cho *Cồn Rồng* một bộ mặt mới và một cuộc sống sung túc.

Cụ Nguyễn Liên Phong, tác giả Nam Kỳ Phong Tục Nhân Vật Diễn Ca có vịnh cảnh vật Định Tường như sau:

Phong cảnh vui xem hạt Định Tường
Tàu xe đông đảo mỗi đầu đường.
Cồn Rồng đất nổi che tiền diện
Cổ Lịch đồn xây trấn viễn phương.
Phụ nữ hào nam nơi tổng lý
Cử nhân tấn sĩ chốn khoa trường.
Thuần lương tập tục dân no đủ
Hóa hóa, sanh sanh, lợi ruộng vườn.

Để nhắc nhớ tụng ca *Cồn Rồng,* tôi xin phép nhà biên khảo Huỳnh Minh được trích trong tác phẩm "Định Tường Xưa và Nay", mấy vần thơ trữ tình, nặng lòng với quê hương xứ sở, âm hưởng man mác cảm hoài:

...
Gió Lạc Hồng đêm ru tiếng em
Ninh Kiều bến đẩm dấu chân hoen
Cồn Rồng lửa đóm ai hiu hắt
Anh xóm chài khêu nhớ giọt đèn...

Một dãy bần xanh, xanh dáng xuân
Phù sa quyện máu Thủ khoa Huân
Thương hồ mấy nẻo đời xuôi ngược
Nghe gió Kỳ Hôn nhớ một lần...
(Thạch Hồ - Vịnh Cồn Rồng)

*Ngọa Long đảo * nằm mơ về dĩ vãng*
Chứa đau thương gần suốt một chu kỳ
Hình dung lại lòng đời đầy lỗ rách
Ai dang tay bắt mạch giúp cho đời?
(Bửu Đa Nguyễn Thanh Trạc)
** Cù lao Rồng*

Viếng thăm vườn cảnh Lạc Hồng
Màu hoa thắm đượm say lòng
Sóng nước Cửu Long hừng chí
Cồn Rồng gợi nhớ Thủ khoa Huân.
*Rạch Miễu gương trong Mai ẩn sĩ **
Về đây bạn, dạo chơi đất Mỹ
Ngắm Lạc Hồng chợt nghĩ nước non ta
Dòng Tiên Rồng, nòi Hồng Lạc cao xa
Nền văn hiến bốn ngàn năm chói rạng...
* Mai Lương Ngọc

Cồn Rồng quả thật nổi tiếng như nhà thơ đất Mỹ Tho và các thi sĩ vừa nhắc nhở qua những cái chết oai hùng lẫm liệt đi vào lịch sử đấu tranh chống xâm lăng, chống đô hộ, giải phóng đất nước. Đến nay, dù xa xôi ngàn vạn dặm, nhưng khi nghe nhắc tới *Cồn Rồng* hoặc con sông Mỹ Tho trường giang sóng gợn, sôi sục căm hờn, chúng ta không thể không bùi ngùi xúc động hồi hướng những liệt sĩ đã nằm xuống nơi đây để hồn thiêng sông núi mãi trường tồn bất diệt. Chúng tôi muốn đặc biệt nói đến các cụ Âu Dương Lân và Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân.

Cụ Âu Dương Lân (? - 1875) là một chí sĩ cách mạng cận đại, không biết sanh năm nào, mất năm 1875. Cụ tham gia kháng chiến chống Pháp trong giai đoạn đầu đất nước bị xâm lăng. Cụ từng sát cánh với nhà yêu nước kiên cường Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, lập nhiều chiến công, tuy không quyết định được vận mạng quốc

https://tieulun.hopto.org

gia nhưng vô cùng hiển hách, khiến Pháp và bọn a dua bán nước cầu vinh theo Tân trào phải kinh sợ.

Ông sinh trưởng ở vùng Phú Kiết, Tịnh Hà thuộc tỉnh Định Tường, xuất thân làm Tri huyện nhưng không tha thiết chức quyền, một mực cương quyết chống Pháp đến cùng. Nhiều lần Pháp sai Trần Bá Lộc cho người liên lạc chiêu dụ hàng với những hứa hẹn chức tước cao, bổng lộc nhiều nhưng những bã vinh hoa phú quý đó không làm lay chuyển được lòng yêu nước nồng nàn trong sáng nơi ông. Và ông khẳng định đi nốt con đường cứu quốc đã chọn.

Khi ông bị giặc bắt, ông vẫn thản nhiên không nao núng. Trái lại, ông can đảm bày tỏ sự khinh bỉ của mình đối với bọn tay sai hợp tác với giặc, phản bội tổ quốc và dân tộc. Ông bị chém ở mé sông Mỹ Tho. Mộ ông hiện nay vẫn còn tại Mỹ Tho.

(Đền thờ Thủ Khoa Huân tại Chợ Gạo Mỹ Tho)

Ông Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân (1816-1875) cùng với Nguyễn Trung Trực và Trương Công Định là những lãnh tụ kháng chiến bất khuất ở đất Định Tường, Gò Công. Ông sanh năm 1816, quê quán làng Tịnh Hà, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường, đỗ thủ khoa kỳ thi Hương năm 1852 nên người đời gọi ông là Thủ khoa Huân.

Ông được bổ làm Giáo thụ huyện Kiến Hưng (Định Tường) nhưng từ bỏ công danh quan trường, chiêu mộ nghĩa dõng đứng lên chống xâm lăng không những trong phạm vi địa hạt tỉnh Định Tường mà còn lan rộng ra nhiều tỉnh miền Nam như Rạch Giá, Hà Tiên, Châu Đốc.

Cuộc đời dấn thân vì đại nghĩa của ông thăng trầm bao độ nhưng lận đận lao đao nhiều hơn. Năm 1863, sau khi thất bại trong trận tấn công thành Mỹ Tho, ông rút về Châu Đốc, bị quan tỉnh ở đây bao vây bắt nộp cho Pháp. Pháp dụ hàng, ông khẳng khái chối từ nên bị đày Côn Đảo rồi chuyển sang đảo Réunion.

Năm 1874, ông được trả tự do sau khi triều đình Huế do hai ông Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường đại diện ký với Thiếu tướng Pháp Dupré Hòa ước Giáp Tuất (1874), thuận nhường đứt đất sáu tỉnh Nam Kỳ cho Pháp. Chẳng bao lâu, ông lại dấy binh lần nữa. Lần này không kéo dài bao ngày. Ông bị điểm chỉ và bị bắt năm 1875.

Một lòng khẳng khái cố hữu, ông cực lực từ chối những lời đường mật chiêu dụ của thực dân. Ông nhứt quyết chọn lấy cái chết vinh quang còn hơn sống hèn sống ô nhục để tròn bổn phận làm trai trong thế nước ngửa nghiêng. Ông bị hành hình tại Định Tường.

Về việc bắt và hành quyết ông có nhiều tác giả trình bày với những chi tiết khác nhau nhưng đa số các tài liệu lịch sử đều thống nhứt ghi như sau: Trước khi lên đoạn đầu đài, ông đề nghị cho vợ con tế sống ông cùng với bút nghiên để ông viết bài thơ "Tuyệt Mệnh":

Hai bên thiên hạ thấy hay không?
Một gánh cương thường há phải gông!
Oằn oại hai vai quân tử trúc
Long lay một cổ trượng phu tòng.
Sống về đất Bắc danh còn rạng
Thác ở thành Nam tiếng bỏ không.
Thắng bại dinh du trời khiến chịu
"Phản thần" đéo quả đứa cười ông.

Ông Thủ khoa mất đi để lại một ít bài thơ khí khái. Tuy không nhiều nhưng những bài thơ còn sót lại đó đã nói lên đầy đủ con người đích thực của một ông Thủ khoa tuyệt vời, ngoại hạng.

Sĩ phu thời ấy có người điếu ông qua một bài thất ngôn bát cú:

Hạn mã gian nan vị quốc cừu
Chỉ nhân binh bại chí thân hưu.
Anh hùng mạc bã doanh dư luận
Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.
Vô bố dĩ kinh Hồ lỗ phách
Bất hàng cam đoạn Tướng quân đầu.
Đương niên Tho thủy ba lưu huyết
Long đảo thu phong khởi mộ sầu.

Thương nhớ người xưa, mến mộ tài đức, nhà cách mạng vùng sông Hương núi Ngự, chí sĩ Sào Nam Phan Bội Châu dịch như sau:

Ruổi dong vó ngựa trả thù chung
Binh bại cho nên mạng phải cùng.
Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ
Hơn thua sá kể với anh hùng!
Nổi xung mất vía quân Hồ lỗ
Quyết thác không hàng rạng núi sông.
Tho thủy ngày rày pha máu đỏ
Đảo Rồng hiu hắt ngọn thu phong.

Chí sĩ Tây Hồ Phan Châu Trinh trong thời gian bị an trí ở Mỹ Tho cũng cảm hoài người xưa qua mấy vần thơ (trích đoạn):

...
Thế nước đến nguy treo sợi tóc
Tài trai thà chết chẳng nghiêng đầu.
Sông Tho mấy dặm dồn cơn sóng
Trăng dõi quanh thuyền nghĩ chạnh đau.

Thật là cái chết lưu danh hậu thế khiến người đời sau lòng mãi quặn đau:

Sông Mỹ năm xưa tràn giọt máu
Cồn Rồng đêm vắng gió buồn thu!

(còn tiếp)

https://tieulun.hopto.org

Con Rồng trong dân gian

• **Nguyễn Quý Đại**

Năm 2012 cầm tinh con rồng nằm trong cung hoàng đạo, đứng vị trí thứ 5 trong số 12 con giáp, theo lịch Nhâm Thìn (壬辰) thuộc thứ 29 theo Thiên Can Địa Chi là: Giáp Tý, Ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Tân Mùi, Nhâm Thân, Quý Dậu... chu kỳ sáu mươi năm (60), năm 2012 Nhâm thìn (thứ 29), năm 2024 Giáp thìn (thứ 41) 2036 Bình thìn (thứ 53) tới năm 2072 trở lại năm Nhâm thìn.

Về đời sống, trong khoa học cũng như thi ca của 12 con giáp như: hổ, rắn, khỉ, chuộc được nuôi trong sở thú. Heo, gà, chó, mèo, trâu, ngựa được thuần hóa thành gia súc. Nhưng con rồng không thể tìm đâu ra trong thực tế.

Rồng sống trong những câu chuyện thần thoại từ Á sang Âu trong các phim hoạt hình giả tưởng. Tuy nhiên con rồng là biểu tượng đặc biệt trong văn hóa, tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam, liên quan đến truyền thuyết *con rồng cháu tiên* chuyện huyền thoại Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ đẻ ra bọc trăm trứng và nở thành một trăm người con. Rồng là biểu tượng của sự cao quý tốt đẹp, thăng hoa và thịnh vượng, rồng xuất hiện thể hiện cái đẹp chân, thiện, mỹ.

Hình ảnh con rồng đã ăn sâu vào tâm thức của người Việt, những di tích lịch sử, cổ vật có hình rồng bay phượng múa, (long-lân-qui-phụng) được sử dụng trong kiến trúc tôn giáo, điêu khắc và hội họa, hình rồng mang bản sắc riêng. Từ đời Lý rồi qua các triều đại rồng có những khác biệt, thân rồng uốn hình 12 khúc, đại diện 12 tháng trong năm. Thân mềm mại uốn lượn thể hiện sự biến hóa. Trên lưng có vây nhỏ liền mạch và đều đặn. Đầu rồng có bờm dài, râu cằm, không sừng. Mắt lồi to, hàm mở rộng có răng nanh, bốn chân, mỗi chân có ba, bốn móng cong nhọn. Đầu rồng ngẩng cao, há miệng rộng vờn đớp viên ngọc quý (ở Nhật Bản, Đại Hàn và Trung Hoa rồng hay cầm ngọc bằng chân trước). Rồng luôn tìm kiếm viên ngọc đó như một vật hình cầu lơ lửng ngay gần miệng rồng để diễn tả ý rồng nhả ngọc, rồng chầu ngọc, hay rồng tranh ngọc.

Rồng ở các nước Á châu có nhiều khác biệt với rồng ở Âu châu, rồng Á châu có mình rắn, vảy cá, bờm sư tử, sừng hươu và biết bay, là con vật linh thiêng. Ngược lại các nước Âu châu rồng "Dragon" là một loài quái vật thân con khủng long có cánh dơi là biểu tượng của cái ác và sự hung dữ đều phun ra lửa hay nước phá hủy tất cả. Sức mạnh của rồng ở trong miệng và đuôi của nó. Những hình tượng đó đều sinh ra từ trí tưởng tượng của con người và là đặc điểm của mỗi nền văn hóa, nên rồng Đông phương có những nét khác rồng Tây phương.

- Fairy Dragon, rồng màu sắc sặc sỡ, có cánh chuồn chuồn hoặc cánh bướm, cổ dài, đuôi dài, mắt to.

- Azure Dragon, loại rồng thường có màu xanh lục hoặc xanh blue, sống rất thọ, hay gặp ở Bắc Cực .

- Chimera, loại rồng 3 đầu, hung ác, có sải cánh rộng, ở trong rừng núi cao, rồng mang sức mạnh của

https://tieulun.hopto.org

thiên nhiên là 4 yếu tố tạo nên vũ trụ: Gió, Lửa, Đất và Nước.

Sự khác biệt về rồng của Đông phương cũng như Tây phương đều giúp con người nhận thức khám phá về thế giới thêm phong phú.

Hiện tượng vòi rồng hút nước

Vòi rồng hút nước là hiện tượng một luồng không khí lớn xoáy tròn mở rộng ra từ một đám mây dông xuống tới mặt đất. Lốc xoáy do có 2 luồng gió mạnh thổi ngược chiều và lệch nhau tạo nên xoáy mạnh cuốn nước lên cao giống như vòi rồng, sức hút ở trung tâm cơn lốc lên đến 100 km/giờ. Do đó cơn lốc này có thể hút nước biển và cả những con cá đem lên trời, đường kính của vòi rồng có thể thay đổi từ 20 m đến khoảng 50 m. Người ta gọi vòi rồng âm Hán-Việt là "lục long quyển", tiếng Anh Tornado có nguồn gốc từ tiếng Tây Ban Nha là tornar.

Nhìn từ xa vòi rồng có thể có màu đen hoặc trắng, tùy thuộc những thứ mà nó cuốn theo, vòi rồng xuất hiện ở trên đại dương thường hút nước biển lên cao tạo thành các cây nước (waterspouts).

Rồng sống trong huyền thoại

Trong dân gian, rồng vẫn là sự kích thích trí tưởng tượng tạo cảm hứng sáng tác cho con người. Ở Việt Nam hình tượng rồng đại diện cho uy lực triều đình, rồng được thêu lên áo bào vua. Áo vua được gọi là long bào, mũ vua được gọi là long quân, giường vua ngủ được gọi là long sàng, sân vua được gọi là long đình, xe vua dùng được gọi là long xa, thuyền vua ngự được gọi là thuyền rồng…

Cột trụ chùa, cung điện, bia trụ xưa nay đều có hình rồng uốn éo theo chiều đứng, (loại rắn bò uốn éo theo chiều ngang)

Lý Công Uẩn lật đổ nhà tiền Lê năm Kỷ Dậu 1009, lên ngôi tức Lý Thái Tổ trị vì (1010-1028) có công lập nên nhà Lý. Tháng 7 năm 1010 vua dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) ra thành Đại La, có huyền thoại rằng khi vua đi thuyền đến Đại La thì rồng xuất hiện trên trời, báo điềm lành cho triều đại tốt đẹp nên vua đổi tên Đại La thành Thăng Long, có nghĩa là "rồng bay lên". Từ đó bắt đầu một giai đoạn lịch sử mới đối với vận mệnh của dân tộc trên đất Thăng Long. Vua Minh Mạng (trị vì 1820-1841) đổi Thăng Long (821 năm) thành Hà Nội năm 1831, nhà thơ Huy Cận đã hoài cổ Thăng Long với "đất ngàn năm văn vật":

Đây Thăng Long đất sắp tròn nghìn tuổi
Rồng bay lên ngày tháng tốt tâu vua
Lý Công Uẩn mắt thần nhìn nước non mở hội
Bốn phương trời Đại Việt lập kinh đô

Trong thi ca, tục ngữ lưu truyền, hay các truyện thần thoại ly kỳ, hấp dẫn đều do trí tưởng tượng trong đời sống dân gian đó là những ước mơ và khát vọng của con người về rồng…

Phận gái lấy được chồng khôn
Xem bằng cá vượt vũ môn hóa rồng.

Nghĩ con cá lý ngư cũng như thân thiếp
Chờ cho mãn kiếp tu hóa rồng
Thôi anh đừng mong vợ mong chồng
Để cho em xa lánh bụi hồng gió trăng

Nước lên khỏi bực tràn bờ
Thương thì nói vậy, biết chờ đặng không
Đặng không tôi cũng gắng công
Chừng nào ao cá hóa rồng sẽ hay.

Trí tưởng tượng thật phong phú, rồng không ấp trứng nhưng nở ra rồng

Trứng rồng lại nở ra rồng
Liu điu lại nở ra dòng liu điu
Trứng rồng lại nở ra rồng
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà.

Sông Trà sát núi Long Đầu
Nước kia chảy mãi rồng chầu ngày xưa
Núi Long Đầu lưu danh hậu thế
Chùa Thiên Ấn ấn để hậu hoàng
Ai về xứ Quảng cho nàng về theo.

Sự chênh lệch về kiến thức trong tình yêu, tình vợ chồng xưa cũng như nay, quả là một trở ngại lớn lao trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình:

Rồng nằm bể cạn phơi râu,
Mấy lời anh nói giấu đầu hở đuôi.
Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu bực mình.

Rồng giao đầu, Phụng giao đuôi,
Nay tui hỏi thiệt: Mình thương tui không mình?

Rồng chầu ngoài Huế, ngựa tế Đồng Nai

https://tieulun.hopto.org

nước sông trong chảy lộn nước sông ngoài
thương người quân tử lạc loài tới đây.

Rồng đen lấy nước thì nắng,
Rồng trắng lấy nước thì mưa .. .

Cái đẹp phát xuất từ tâm tư con người, quan niệm của người bình dân thời xưa cho chúng ta thấy được một phần nhân sinh quan:

Lỗ mũi em thì tám gánh lông
Chồng yêu, chồng bảo râu rồng trời cho
Đêm nằm thì ngáy o o
Chồng yêu, chồng bảo ngáy cho vui nhà.

Hôm qua anh đến chơi nhà
Thấy mẹ nằm võng, thấy cha nằm giường
Thấy em nằm đất, anh thương
Anh đi mua gỗ đóng giường tám thang
Bốn góc thì anh bịt vàng
Bốn chân bịt bạc, tám thang chạm rồng.

Ví von rồng qua các câu đố về tàu cau và con gà trống:

Đầu rồng đuôi phụng le te
Mùa đông ấp trứng mùa hè nở con
Đầu rồng, đuôi phụng cánh tiên
Ngày nằm bảy vợ, tối ngủ riêng một mình.

Thực vật và động vật mang tên rồng

- Các loại cây xương rồng tên khoa học: Cactaceae có từ 24 đến 220 chi, tùy theo nguồn (90 chi phổ biến nhất), trong đó có từ 1.500 đến 1.800 loài. Cây xương rồng có nguồn gốc từ vùng sa mạc Mỹ châu và một số mọc trong rừng nhiệt đới, xương rồng có gai và thân, lá cây chứa nước dự trữ hai lá mầm và có hoa nở đẹp lâu tàn.

- Trái Thanh long (Dragon Fruit) của Việt Nam thơm ngon xuất cảng ra thị trường thế giới...

- Nhiều loại cá gọi là cá rồng, cá rồng Á châu (tên khoa học: Scleropages formosus). Cá rồng được tìm thấy ở một số nước như: Thái Lan, Indonesia (Borneo, Sumatra), Malaysia, Úc. Loại cá nầy theo màu sắc và hình dáng chia ra làm 4 loại chính là:

* Kim long quá bối Cross Back Goiden Maiaysia (giống này từ Malaysia):

* Huyết long Super Red (giống này từ Indonesia)

* Kim long hồng vĩ Red Tail Golden (giống này từ Indonesia). Thanh long Green Arowana giống này có ở nhiều nơi trên vùng nhiệt đới.

* Loài cá Rồng Lá Leafy Seadragon (Phycodurus eques), cá Rồng Tảo The Weedy Seadragon (Phylloptreyx Taeniolatus) là những loại cá đẹp trông giống như một thân cây có những cái lá thật lạ, lộng lẫy là những phiến da, treo khắp đầu, thân, đuôi, rồng lá sống ở độ sâu từ 5-35 m, ở vùng nước ôn đới theo duyên hải miền Nam Australia trong khu rừng tảo bẹ dưới biển. Ở Viện Hải dương Học Long Beach California có nuôi những loại đó.

Cá vượt vũ môn theo truyền thuyết cho rằng loại cá chép vượt vũ môn để hóa rồng. Người Tàu đời nhà Hạ quan sát mùa vượt thác của cá Hồi về những dòng suối trên cao để đẻ trứng, họ không hiểu về tập tính đời sống loại cá nầy nên bịa ra lối giải thích rằng đoàn cá thi vượt qua các bậc cao gọi là vũ môn để hóa rồng bay đi, con nào không thành công thì chết.

Theo tài liệu dẫn chứng đó là loại cá Hồi Salmon/ Lachs dòng họ Salmonidae có 4 loại chính: Chinook, Coho, Sockeye và King Salmon. Đời sống hấp thụ cả hai môi trường đối nghịch là nước mặn lẫn nước ngọt. Cá Hồi được sinh trưởng tại vùng nước ngọt, nơi bắt nguồn của các con sông, suối, hồ. Sau đó chúng xuôi theo dòng ra biển sống tại các đại dương bao la. Đến mùa giao phối, chúng lại ngược dòng thời gian dài một vài tháng, quay về nguồn vượt thác để sinh sản rồi chết. Trứng nở ra thế hệ con cái lại tiếp tục quay ra biển sinh tồn duy trì nòi giống...

Những địa danh có hình tượng rồng

Sân rồng, thuyền rồng của ông kỷ sư Nguyễn Thành Nam (1909-1990), là người sáng lập Đạo Dừa; hay còn gọi là Hòa đồng Tôn giáo. Cuộc sống tu hành thức ăn chỉ là trái cây và dừa (nên người đời gọi Ông Đạo Dừa) ông thành lập đạo Dừa tại cồn Phụng ở Bến Tre vào năm 1963. Khu vực hành đạo của Đạo Dừa rộng khoảng 1.500m2 hiện vẫn còn "Sân rồng", có hình 9 con rồng ôm thân cột, hình ông ốm nhỏ đứng giữa 9 bà vợ tượng trưng cho 9 con rồng (vợ nhưng không quan hệ tình dục?).

- Sông chín rồng là sông Cửu Long, hay Cửu Long Giang (九龍江), là tên gọi chung cho các phân lưu của sông Mê Kông chảy trên lãnh thổ Việt Nam. Bắt đầu từ Phnom Penh, nó chia thành 2 nhánh: bên phải là sông Bassac (sang Việt Nam gọi là Hậu Giang) và bên trái là Mê Kông (sang Việt Nam gọi là Tiền Giang), cả hai đều chảy vào qua đồng bằng châu thổ rộng 3,3 hecta ruộng lúa phì nhiêu, nước sông chảy ra biển có chín cửa. Từ Hậu giang các cửa: Định An, Ba Thắc, Tranh Đề. Từ Tiền giang các cửa: Tiểu, Đại, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Ba Lai, nên sông Mê Kông còn được gọi là sông Cửu Long, tức "sông chín rồng", ngày nay do môi trường thay đổi một cửa sông đã bị cát bồi biến mất một con

https://tieulun.hopto.org

rồng! nhưng trong lòng của nhân gian vẫn còn 9 con rồng:

Sông Cửu Long chín cửa hai dòng
Người thương anh vô số
Nhưng anh chỉ một lòng với em.

Sân rồng (9 con rồng) ở Cồn Phụng của ông Đạo Dừa

Ngoài ra còn có nơi mang tên long tức rồng: Vĩnh Long, Long Hồ, Bình Long, Long Bình, Hạ long, Phước Long, Long Mỹ, Long Hải, Long Xuyên, Long Khánh, Long An, Long Đất, Long Thành, Long Biên...

Những phim và sách mang tên rồng:

Các phim Tàu kiếm hiệp và võ thuật nổi tiếng như: Ngọa hổ tàn long, Mãnh long quá giang, Thiên long bát bộ, Long tranh hổ đấu... Các phim hoạt hình của Nhật: Truyền thuyết về rồng, Tales From Earthsea, legen of the Millennium Dragon 2011. Ngoài ra còn có các loại phim Dragonnica, Dragon and Elf Beauty wallpaper from Dragons wallpapers; D War, Dinosaur and Dragon...

Loạt truyện Bảy viên ngọc rồng được phát hành với 3 loạt truyện, 17 phim hoạt hình, Video game. Năm 2008, hãng 20th Century Fox sản xuất bộ phim đầu tiên với người thật đóng trình làng năm 2009. Các tên tài tử điện ảnh võ thuật Tàu được nhiều người biết như Thành Long (Jackie Chang) Lý Tiểu Long (Bruce Lee) Địch Long. Truyện Tam Quốc có Triệu Tử Long, Ngọa Long Khổng Minh Gia Cát Lượng, Đào Duy Từ có "Ngoạn Long Cương Vãn"... Tác phẩm "Con Rồng An Nam" của cựu hoàng Bảo Đại (1913-1997) hoàng đế thứ 13 là con "*rồng nằm*" cuối cùng của nhà Nguyễn đã qua đời và bị lãng quên trên xứ người. Tác giả Bill-Hayton viết "Vietnam Rising Dragon". Nhật ký "rồng rắn" của cố trung tướng Trần Độ (1923-2002) là tác phẩm cuối đời, niềm vui chưa trọn vẹn. Tác giả nói đến nỗi niềm cay đắng đã phục vụ dưới chủ nghĩa CS và bị khai trừ khỏi đảng. Ông viết để tặng "người đời và cuộc đời" những ai còn quan tâm đến tiền đồ của đất nước, ước mơ cuối cùng của ông chỉ có tự do, dân chủ cho dân tộc Việt Nam. Bốn câu thơ sau đã nói lên nỗi lòng của tác giả:

Những mơ xóa ác ở trên đời
Ta phó thân ta với đất trời
Ngỡ ác xóa rồi thay cực thiện
Ai hay, biến đổi, ác luân hồi.

Nhìn lại năm Tân Mão đi qua thế giới thay đổi, những người hiền tài hay ác độc đều phải ra đi theo luật tạo hóa "sinh, lão, bệnh, tử". Osama bin Laden, xuất thân trong gia đình giàu có tại sao ông hận đời, cuồng tín tổ chức khủng bố quốc tế giết người và cuối cùng phải chết theo định luật "dùng gươm sẽ chết vì gươm". Đại tá Gadhafi của Lybia, 42 năm quyền lực thao túng dầu mỏ đầu tư hơn 200 tỷ Mỹ Kim ra ngoại quốc... sống giàu sang, tham lam, thủ đoạn để rồi chết trong nhục nhã cô đơn, thân xác bị kéo lê trên đường phố, tất cả danh vọng tài sản đều bỏ lại, cát bụi trở về với cát bụi... Thế giới văn minh ngày nay loại bỏ người ác, cũng như chế độ độc tài ra khỏi quĩ đạo của trái đất, đây là bài học quý giá cho những ai còn tham quyền cố vị, muốn cầm quyền theo lối cha truyền con nối.

Thế giới thương tiếc Steve Jobs là thiên tài của thời đại, nhiều phát minh cho ngành điện tử làm thay đổi đời sống truyền thông, đóng góp một sự nghiệp vĩ đại cho nhân loại... Định mệnh đã thu ngắn sinh mệnh của ông, dù ông có tài sản 8 tỷ US$ nhưng không mua được sự sống cho chính mình! Âu Châu khủng hoảng tiền tệ, Thái Lan, Campuchia, Việt Nam bị ngập lụt. Tệ hại hơn nữa nhà cầm quyền Việt Nam không tôn trọng nhân quyền, đàn áp các cuộc biểu tình chống Tàu xâm chiếm biển đảo của Việt Nam, bắt giam thành phần trí thức già-trẻ yêu nước bất đồng chính kiến vì họ muốn nhà cầm quyền phải tôn trọng quyền tự do của con người, như cố Thượng nghị sĩ Daniel Patrick Moynihan (1927-2003) đã nói: "If a person goes to a country and finds their newspapers filled with nothing but good news, there are goodmen in jail" (nếu bạn đến một nước mà bạn chỉ thấy trên báo toàn những tin tốt, thì những người tốt của đất nước đó ở trong tù).

Năm 2012 là năm Thìn, theo người Tây phương coi rồng là biểu tượng cho sự xấu xa, độc ác, là đối tượng mà con người cần phải chinh phục; thì ngược lại Đông phương xem rồng là biểu tượng cho sự tốt đẹp, may mắn và thịnh vượng... Dù quan niệm khác nhau nhưng năm Nhâm Thìn đến mọi người dù Âu hay Á đều mơ ước một tương lai tươi đẹp hơn, đời sống vượt qua những khó khăn về kinh tế, có công ăn việc làm, tránh chiến tranh và mong ước thiên tai không xảy ra để con người bớt khổ đau nghèo đói... Riêng quê hương Việt Nam có tự do dân chủ, hy vọng tương lai kinh tế phát triển, như những con rồng tại Đông Nam Á Châu bay cao, để chúng ta có thể tự hào là ***Con Rồng Cháu Tiên***

(München, tháng 11.2011)

Tài liệu tham khảo:

- *Thi ca bình dân Việt Nam Ng.Tấn Long - Phan Canh NXB Sống Mới Saigòn 1969*
- *Ca dao trữ tình Việt Nam NXB Giáo Dục*
- *Tài liệu, hình trên các Website và Wikipedia*

https://tieulun.hopto.org

Năm Nhâm Thìn phiếm luận về Rồng

• **Phan Hưng Nhơn**

Năm Nhâm Thìn vừa đến. Con Mèo vừa ra đi thì con Rồng bay lại. Rồng đứng hàng đầu trong nhóm Tứ Linh nhưng lại đứng thứ năm trong vòng con Giáp.

Rồng chỉ là con vật của huyền thoại chớ không có thật nhưng ngày xưa chưa ai dám quả quyết là không có và cũng chưa có ai chứng minh được Rồng xuất hiện ở thế gian vào thời nào và hiện ở đâu.

Đối với người Tây phương, Rồng là con thú xấu xí hung dữ, thích ăn thịt người và thú vật khác. Rồng Tây phương có nhiều loại: có loại có cánh bay nhưng không có chân; có loại có cánh và có chân. Đầu Rồng như đầu ngựa, hàm răng lởm chởm như răng cá sấu, có sừng ở trên đầu, toàn thân đầy vảy che phủ. Những loại này cũng thường gây nhiều tai ương cho nhân loại. Tuy vậy đôi khi cũng bị người trừng trị. Sách truyện Thiên Chúa giáo thường nhắc chuyện rằng vào thời Trung Cổ hễ ở đâu có rồng hiện đến gây hại cho dân chúng thì thánh George liền một người một giáo cỡi ngựa đến giết chết ngay.

Huyền sử nước Hung cũng kể chuyện Rồng thường vào các cung điện để bắt các công chúa đẹp về làm vợ. Thần thoại Hy Lạp cũng lưu truyền lại chuyện thần Apollon đã giết con rồng tác quái ở núi Pamaß.

Nếu những con rồng Đông phương thường hay ở dưới nước, thì những con rồng Tây phương lại thích ẩn mình dưới đất hay ở trong những hang đá. Rồng vàng thích ở núi cao, những con rồng đen thì lại khoái trầm mình dưới những vùng đầm lầy để dễ bắt thú hay người qua lại để ăn thịt.

Nếu câu chuyện về rồng Tây phương là cả một lịch sử chiến đấu khốc liệt giữa rồng và con người thì những truyền thuyết về rồng Đông phương lại là những câu chuyện đẹp về một loài vật thiêng liêng, thông minh, vóc dáng thanh cao, có nhiều phép thần thông và thân thiện với loài người.

Từ ngàn xưa lưu lại huyền thoại người Việt Nam thuộc dòng giống Tiên Rồng. Người Việt Nam ngày nay khó tin được làm sao một bà tiên xinh đẹp lại có thể lấy một con thú xấu xí hung dữ được. Nếu hiểu rằng trong chữ Tiên (仙) gồm có chữ (人) = người, và chữ Sơn (山) = núi. Nghĩa là người ở vùng núi. Rồng là loài ở nước, thật ra khi lưu lại rằng dân tộc Việt Nam vốn dòng giống Tiên Rồng, người xưa chỉ muốn cho hậu duệ họ biết rằng dân Việt Nam xưa được hình thành do sự hợp chủng tại chỗ của những tộc dân Keo từ núi rừng phía Tây tiến xuống trung châu với những tộc người Doan từ vùng cận biển tiến lên. Khảo cổ học ngày nay cũng từng xác nhận dân Việt Nam ngày xưa được hình thành do sự hợp chủng tại chỗ giữa những loại nhân chủng Indonesien-cổ từ miền núi phía Tây với các dân tộc Australomelanesien ở vùng cận biển. Nguyên sau khi từ giã Âu Cơ, Lạc Long Quân đưa nửa số con còn lại rời Châu Phong xuống miền Châu Nhai để ngăn đập, đắp đê tranh giành đất đai với biển cả để mở rộng địa bàn trồng lúa nước. Để đóng cọc giữ đê họ thường bị loại trăn nước cổ đại (thuộc loại mà ngày nay có tên khoa học là python) đe dọa. Theo tiếng Việt-Mường xưa con trăn nước cổ đại này được gọi là „roòng". Lạc Long Quân bày cho các con xăm vào mình hình con „roòng" để lúc lặn xuống nước thì con ác thú tưởng là đồng loại nên không sát hại. Về sau danh xưng „roòng" được biến âm thành „rồng" và đến thời Bắc thuộc trở thành đồng nghĩa với chữ „long" của Hán tự.

Ở Trung Hoa, Rồng được dân chúng liệt vào hạng thú hung dữ nhất trong các loại thú. Vì thế, để diễn tả, hình Rồng ở Trung Hoa lúc nào cũng lồng lộn, giận dữ, trán có hai sừng nhô lên, mồm rất rộng lúc nào cũng há toang đỏ lòm với hàm răng lởm chởm với thêm 4 cái răng nanh chìa ra miệng. Xung quanh miệng thì lún phún đầy lông với hai sợi râu mép thật dài ở hàm trên. Thân Rồng dài như con rắn, mình đầy vảy như cá sấu. Hai chân trước ở gần cổ, hai chân sau ở gần đuôi. Mỗi chân có 4 ngón với móng sắt nhọn như móng chim ưng. Rồng có tài biến hóa, lúc thì bay lộn trên mây, khi thì lặn lội dưới nước. Nhưng dầu Rồng có mạnh bạo hay hung dữ thế nào đi nữa, con rồng Trung Hoa luôn luôn phải thần phục Hoàng đế Trung Hoa vì vị này là „thiên tử" con trời. Sách Tiền Hán Thư cũng từng kể chuyện vua Hán Vũ Đế đã giết con rồng bướng bỉnh ở dòng sông Dương Tử. Vì thế ở Trung Hoa con rồng là tượng trưng cho quyền lực và uy vũ của nhà vua.

Ở Trung Hoa, truyện Tây Du Ký có kể truyện con Tiểu Bạch Long, tức Thái tử Long Cung sau khi chở Đường Tam Tạng thỉnh kinh thành chánh quả được sắc phong Thiên Long Bát Bộ nhưng sau đó vì cô vợ chưa cưới thay lòng đổi dạ nên đập phá Thủy Cung làm vỡ viên ngọc trời nên bị đày làm ngựa cỡi cho Đường Tam Tạng. Trong truyện Tây Du Ký, nổi bật nhất là 5 vị Long Vương quyền uy tột bực trấn 5 đại dương, nhưng đại kỵ Tề Thiên Đại Thánh và cứ hay bị con thạch hầu lâu lâu ghé xuống nhổ râu giỡn chơi hoài.

Nhưng ở Việt Nam, do truyền thống con Rồng cháu Tiên cao cả, nên Rồng được xem như là biểu tượng của chính nhà vua. Vì thế hình dáng nhà vua được gọi là „long nhan", thân thể nhà vua được gọi là „long thể". Áo

https://tieulun.hopto.org

nhà vua mặc gọi là „long bào". Giường nhà vua nằm là „long sàn". Long Đình là cái kiệu để rước vua nhưng có nghĩa là cái sân chầu ở cung đình. Nói chung, trong mọi danh xưng diễn tả hoạt động của nhà vua thì từ „long" được thay thế bằng từ „ngự". „Ngự lãm" là nhà vua đọc, „ngự thiện" là nhà vua ăn, „ngự giá" là nhà vua đi xe, „ngự chế" là văn của nhà vua làm ra, „ngự triều" là nhà vua tham dự triều chính.

Người Việt Nam ngày xưa cũng thường hay mượn danh Rồng để tạo lập danh xưng các địa danh trong nước như: Long An, Long Xuyên, hoặc Thăng Long, hoặc tên núi tên sông như núi Bửu Long, núi Long Đội hoặc sông Cửu Long (là chín con Rồng tụ họp trên một con sông).

Nhà nông Việt Nam xem rồng là linh chủ của nguồn nước, hiện thân của hạnh phúc nông nghiệp, vì nghề nông rất cần nước. Tục truyền rằng mỗi lần đẻ, rồng sinh ra được mười trứng nhưng chỉ trứng sinh đầu tiên được thành rồng, còn những trứng kia hóa thành những vật thần quái khác. Rồng có nhiệm vụ biến mây thành mưa. Từ ngàn xưa có lưu lại huyền thoại rằng trên không trung thường có con rồng trắng (Bạch Long) xuất hiện hướng Đông và con rồng đen (Hắc Long) xuất hiện từ hướng Tây-Bắc, hễ gặp nhau là đánh nhau. Mỗi lần rồng đánh nhau là trời mưa như trút nước. Rồng hết đánh nhau thì mưa tạnh. Nhà nông Việt Nam rất cần nước để tưới ruộng vườn nên để cầu mong hay tạ ơn, vào đêm rằm tháng tám hằng năm, vào dịp lễ Trung Thu ở thôn quê thường có những đám rước đèn với hình rồng dẫn đầu.

Rồng cũng có ảnh hưởng nhiều đến niềm tin của người Việt Nam. Khi chọn Huế làm kinh đô, vua Gia Long cũng chiếu theo học thuyết phong thủy của khoa địa lý theo đó sông Hương tượng trưng cho Thanh Long (rồng xanh) và hai cù lao trên sông tượng trưng cho hai con Bạch Hổ (cọp trắng). Mộ táng ngay đúng „long mạch" tạo được vương nghiệp cho nhiều con cháu về sau. Các cụ người Việt xưa thường tin rằng sau khi chết nếu được táng đúng vào „hàm rồng", thì con cháu về sau sẽ hiển đạt, nếu không làm vương thì ít nhất cũng làm tướng.

Nói đúng ra mãi đến thế kỷ thứ 5 ở Việt Nam mới thấy nói đến Rồng và từ thời này Rồng mới được gắn liền với bản mệnh nhà vua, sau khi Triệu Quang Phục giết được tướng nhà Lương là Dương San, chiếm lại được Long Biên để giành lại nền tự chủ cho nước nhà.

Đến thế kỷ 11, Rồng Việt Nam mới được định hình có thân dài như rắn, không có sừng và tai mũi được kéo thành vòi voi, trên đầu có biểu tượng của sấm chớp.

Từ thế kỷ 13, hình rồng Việt thật sự thêm sừng và tai cùng thân cuộn như yên ngựa.

Từ thế kỷ 15, do ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, hình rồng Việt Nam mất đi vẻ bao dung và hình dáng thêm vẻ hung dữ hơn. Mặt quỷ, sừng nai, tai thú, trán lạc đà, miệng rộng như hang, cổ rắn, thân đầy vảy như con cá chép, chân cá sấu với móng chim ưng.

Vào cuối đời Hậu Lê, rồng Việt được định hình một linh thú, thân lớn và dài hơn, đầu lớn hơn với sừng dài và nhọn, bờm dài còn râu thì xoắn lại.

Dưới triều đại nhà Nguyễn, thân rồng và đầu rồng được diễn tả khá hơn.

Tại một nước có nền văn hóa nông nghiệp như Việt Nam, rồng Việt tượng trưng cho chính nhà vua, không có dáng vẻ hung dữ như rồng Trung Hoa. Trái lại rồng Việt như có trách nhiệm bao dung che chở, hoặc giúp đỡ bảo vệ.

Tích cũ thường kể lại những chuyện rồng Việt gắn liền với vua từ thời Triệu Việt Vương hoặc tích truyện rồng cứu Đinh Tiên Hoàng thoát nạn. Sách Đại Việt Sử Ký Toàn Thư có kể rằng vào năm 1010, Lý Thái Tổ cho dời đô từ Hoa Lư về Đại La. Khi thuyền nhà vua vừa tới Đại La thì phía trước thuyền nhà vua thấy một con rồng vàng xuất hiện và bay trên trời nên nhà vua đổi tên thành Đại La trở thành thành Thăng Long.

Truyền thuyết có kể rằng vào ngày xa xưa có lần quê hương Việt Nam sắp bị ngoại xâm từ hướng biển thì Rồng Mẹ đem theo một đám rồng con xuống giúp dân Việt Nam. Giữa lúc thuyền giặc đang từ biển khơi ào ạt tiến vào thì đàn Rồng vừa đến phun ra vô số viên châu ngọc xuống mặt biển để biến thành muôn ngàn hòn đảo kết thành những thành lũy thiên nhiên giúp nhân dân Việt Nam chiến thắng được quân xâm lăng. Ngày nay chỗ Rồng hạ được gọi là Vịnh Hạ Long.

Từ khởi đầu triều Hậu Lê, Rồng được xem như là biểu tượng của học vị Tiến sĩ. Sau các cuộc thi, tên những thí sinh thi đậu Cử nhân đều được niêm yết trên những bảng treo cao gọi là „bảng Rồng". Người trúng tuyển với cao điểm nhất được tặng bức thêu tượng ý hình Rồng được bao quanh với những vầng mây xoắn cuộn tượng trưng cho hội „Long Vân", diễn tả người anh hùng gặp thời vận hoặc nhân tài gặp được đất dụng võ, khác gì „Rồng mây gặp hội".

https://tieulun.hopto.org

Trong dân gian Việt Nam thường nghe kể chuyện tích những con cá chép thường vào thời trăng sáng đêm rằm tháng tám, đến suối Vũ Môn, thuộc huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh để cố gắng nhảy qua cho được 3 cấp (Vũ môn tam cấp bản) để được hóa thành Rồng. Con nào không qua được đành chịu cảnh gục đầu phơi má.

Lần lần theo thời gian sinh hoạt dân gian ngày càng dân chủ hóa, Rồng không còn chỉ là biểu tượng của nhà vua mà còn để diễn tả những nhân vật quý phái, trí thức vừa giàu có nhưng thanh lịch khiến ai cũng thích đến gần:

„Một ngày tựa mạn thuyền Rồng,
Còn hơn trăm kiếp nằm trong thuyền chài"

Ở Việt Nam, hình rồng lần lượt hiện hữu trong nhiều trang trí, kiến trúc. Trên đầu sóng nóc các cung điện, dinh tự, đền đài, thường thấy hình tượng hai con rồng đứng đối diện nhưng đi về hai hướng nghịch nhau và ngoảnh đầu lại để triều kiến một quả cầu to tượng trưng cho mặt trăng để tạo thành tượng ý „lưỡng long triều nguyệt". Cũng có nơi ý tượng này được thay thế bằng ý tượng „lưỡng long tranh châu" với hai con rồng cùng đứng đối xứng nhưng đối mặt cùng nhau khoa chân múa tay như trong thế đang tranh đoạt một quả cầu nhỏ với hình tia lửa bao quanh tượng trưng cho hạt minh châu.

Nói chung, tượng ý hình rồng thuở xưa còn thuộc độc quyền sử dụng của nhà vua trong việc trang trí các cung điện hay chạm khắc trên các vật dụng. Các nhà dân giả cho đến dinh thự các thượng quan, ngay cả các vương phủ hoàng thân quốc thích và các chùa đền miếu mạo mà không do vua sáng lập đều không dám chạm vẽ hình rồng.

Nhưng cũng có một cách sử dụng tượng ý hình rồng mà không lo phạm pháp vua là hình thức „hóa long". Nhờ vậy trang trí hình rồng cũng thường được thấy trên các khung rèm, song cửa, trên những tấm trướng, tấm hoành phi, với những cảnh như „trúc hóa long, mai hóa long, trúc đẳng hóa long". Một gốc tre tàu già lắm vân và nhiều mắc khúc khuỷu được để vô chậu ngày ngày cẩn thận cắt tỉa, hoặc nuôi dưỡng, những chồi mới để lâu ngày hoàn thành những chậu kiểng „trúc hóa long". Một chậu „mai hóa long" cũng tốn nhiều công phu nhành mai theo thời gian cũng đến lúc gặp cảnh khô héo tàn lụi, nên có những nhà nghệ sĩ tìm cách ghi lại những cảnh này trên các tấm phủ điều với bốn góc khung khuyết cong vào được gọi là „trúc đẳng hóa long".

Tượng ý hình rồng còn được trình bày dưới nhiều hình dáng khác nhau, hay đầu hồi các cung điện, đền chùa. Họa tiết „ngư long hí thủy" diễn tả con cá chép mà người Trung Hoa gọi là Lý Ngư đang trồi lên khỏi những đợt sóng để há miệng đớp lấy những tia nước phun ra từ miệng rồng đang ẩn trong đám mây là để tượng trưng cho sự dư dả và sung túc của chủ nhân.

Đối với người Trung Hoa. Rồng còn tượng trưng cho vị hôn phu vì thế trên các thiệp cưới hay bức họa hay hoành mừng hôn lễ thường thấy họa tiết LONG và PHỤNG, hình một con rồng to lớn hung dữ bên cạnh một con chim phụng với đuôi dài thườn thượt. Nhưng rồng tất nhiên là con đực và phụng cũng là con trống (nghĩa là hai con thú đều đực cả).

Nhưng đối với người Việt Nam dân của một nước từng có một nền văn hóa nông nghiệp hiền hòa, tượng trưng cho hạnh phúc gia đình phải là hình ảnh đôi chim PHỤNG và HOÀNG (còn có tên Phượng và Loan). Phụng là con trống và Hoàng là con chim mái. Hình ảnh Loan-Phượng mới đúng là tiêu biểu cho vợ chồng theo đúng nghĩa văn hóa Việt Nam. Vì vậy trong dân gian mới có thành ngữ „Loan Phượng hòa minh" để chỉ những vợ chồng hòa thuận. Trên các thiệp mời đám cưới ngày xưa chỉ có hình Loan-Phượng quấn quýt bên nhau để diễn tả cảnh „loan phượng hòa duyên", biểu tượng niềm hòa khí tương lai trong nghĩa vợ tình chồng. Như thế hơn là một thiệp với họa tiết Long-Phụng tranh châu đã không hợp với văn hóa Việt Nam mà lại giống họa tiết „Rồng phiêu Phụng bạc" để nói cảnh vợ chồng chia lìa hay khắc kỵ. Tiếc thay lại ít người lưu ý đến những hình ảnh sai lầm về văn hóa này!

Trong dân gian Việt Nam, rồng cũng được nhắc nhở nhiều trong tục ngữ, phong dao hay trong những câu châm biếm. Một người quyền quí sang trọng viếng một dân giả thanh bạch được gọi là „rồng đến nhà tôm". Những câu chuyện có đầu không đuôi thường được gọi là „đầu rồng đuôi tôm". Hoặc câu „ăn như rồng cuốn, uống như rồng leo" để diễn tả người khỏe mạnh nhưng thô lỗ. Câu ca dao „Trứng Rồng lại nở ra Rồng, liu điu lại nở ra dòng liu điu" nào có khác gì ý nghĩa với tục ngữ „Con vua thì lại làm vua, con sãi chùa thì quét lá đa". Còn gì khó chịu cho bằng vì hoàn cảnh ép buộc phải sống chung với một người không cùng trình độ:

„Rồng vàng tắm nắng ao tù.
Người khôn ở với người ngu bực mình".

Mỗi lần một năm Thìn nào sắp đến là có một số người Việt Nam nhắc đến câu sấm của Trạng Trình:

„Long vĩ Xà đầu khởi chiến tranh.
Can qua xứ khứ khổ đao binh.
Mã đề dương cước anh hùng tận,
Thân Dậu niên lai kiến thái bình".

Tiên đoán một cuộc chiến tranh khủng khiếp xảy ra vào năm Thìn (năm con Rồng), nhưng ông Trạng nước Nam lại không cho biết năm Thìn nào, cho nên cứ mỗi lần đến bất cứ năm Thìn nào sắp đến lại có người đem lời sấm ra bàn. Nhưng vào năm Nhâm Thìn mới này bất hạnh chiến tranh có thể đến cho Việt Nam: cưỡng chiếm được Hoàng Sa và Trường Sa để làm bá chủ biển Đông, Trung Cộng sắp sửa xâm lăng Việt Nam. Trên mạng „Trung Quốc Binh Khí Đại Toàn" bọn lãnh đạo Trung Cộng đã khích độ, hô hào chuẩn bị chiến tranh với Việt Nam để cho Việt Nam một bài học. Thái độ kiêu căng của nhà lãnh đạo Trung Cộng nào khác thái độ ngạo mạn của Liễu Thăng năm 1427 vì thế Liễu Thăng phải nộp đầu cùng hàng vạn binh sĩ của y tại ải Chi Lăng. Đến ngày nay, dân Việt Nam vẫn chưa quên được những bài học ở sông Như Nguyệt với Lý Lường Kiệt, ải Chi Lăng với Lê Lợi, Đống Đa với Nguyễn Huệ và khi cần chiến đấu để bảo vệ tổ quốc vẫn nhớ lời dụ của vua Quang Trung quyết „đánh cho sử tri NAM quốc anh hùng chi hữu chủ".

https://tieulun.hopto.org

Năm Thìn nói chuyện Rồng

• **Trần Văn Giang**

(Con Rồng Việt Nam)

Dân Việt, cũng như các dân tộc chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa, coi con Rồng (xin phép được viết "Rồng" chữ hoa trong bài này) như một linh vật đứng đầu Tứ linh (Long, Ly, Quy, và Phượng) có quyền lực vô biên, được thờ phụng và kính trọng; trong khi văn hóa Tây phương lại xem Rồng như một quái vật dị hình phun lửa và khói; hay là một ác thần sinh ra sấm chớp; chủ trương phá hoại hơn là xây dựng.

Từ xưa, qua lịch sử Á đông nói chung, con Rồng đã là biểu tượng của vương quyền, sức mạnh vô địch, sự thiện mỹ, lòng can đảm, sự thiêng liêng... Tất cả những câu chuyện, vật dụng, ngôi thứ có liên quan đến Rồng đều là chuyện cao cả, tốt đẹp và hạnh phúc. Rồng được tin là đem lại sự trường sinh, sung túc, ấm no và an vui cho mọi người. Rõ rệt, Rồng có ảnh hưởng rất lớn trong đời sống hàng ngày cũng như văn hóa dân Việt từ lúc lập quốc. Hình tượng Rồng được đặt, khắc, chạm một cách công phu và trang trọng trong các kiến trúc văn hóa, cung điện hoàng gia, nơi công cộng cũng như nơi trang nghiêm thờ phượng (bàn thờ gia tiên, đình, chùa, miễu...).

Hình dạng Rồng cũng là một đề tài lớn được bàn cãi. Theo huyền thoại, Rồng hình dạng giống một con rắn lớn có đầu to, chân ngắn và ngón chân có móng. Chúng ta thấy Rồng có (hoặc không có) sừng, Rồng có cánh, Rồng có vảy, Rồng có râu, Rồng có móng, Rồng có đuôi... Rồng chân có 5 ngón (theo sách Trung Hoa) như đã được ghi chép:

"Từ đời Hán Cao Tổ, con Rồng 5 móng là biểu tượng cho uy quyền nhà vua – thiên tử. Hình tượng Rồng có ở trên áo bào, ngai vàng và các vật khác. Hoàng tử, con trai trưởng kế vị ngai vàng cũng được sử dụng hình tượng Rồng 5 móng".

("Mỹ thuật đình làng đồng bằng Bắc Bộ", Tiến sĩ Nguyễn Văn Cung – NXB Văn hóa Thông tin, trang 216).

Trong khi Rồng Đại Hàn chân có 4 ngón; Rồng Nhật Bản chân có 3 ngón. Rồng Việt Nam, theo tôi tìm hiểu là loại Rồng chân có 3 ngón như Rồng Nhật Bản... bởi vì hình Rồng Việt Nam (chân có 3 ngón) được thấy chạm khắc trên bệ tượng Phật A-di-đà chùa Phật Tích tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (chùa này được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Theo tài liệu cổ thì chùa Phật Tích được khởi dựng vào năm Thái Bình thứ 4 - năm 1057 - thời nhà Lý); và Rồng gốm men trắng trang trí trên lan can tại Hoàng Thành Thăng Long (không rõ xuất xứ năm nào?) cũng có chân 3 ngón...

Về màu sắc: Rồng vàng, Rồng xanh, Rồng đỏ, Rồng đen, Rồng "multi-technic color" (bụng màu đỏ, lưng đen vằn màu xanh, hông màu vàng...). Việt Nam ta chuộng Rồng vàng (Golden Dragon) hơn cả.

Mặc dù không có cánh, nhưng người ta tin là Rồng bay được như trong cảnh, các bức tranh Rồng bay giữa trời và mây. Đôi khi, Rồng cũng được vẽ có cánh (Phi Long). Đây là một hình ảnh thiêng liêng mà chúng ta cũng thường thấy tiên, thiên thần... cũng có cánh.

Rồng tượng trưng cho sức mạnh và sự thống trị (nam giới) được xếp đặt, được vẽ chung với Phượng tượng trưng cho sự thanh cao của phẩm cách, sự trang nhã của học vấn cũng có dáng vẻ ngang tàng, kiêu hãnh (nữ giới). Hình ảnh Rồng-Phượng (cặp song ca Long-Phụng) như một biểu hiệu của sự kết hợp hoàn mỹ, sự thịnh vượng và trường cửu mà mọi người hoài vọng. Riêng hình Rồng còn được vẽ (hay chạm) thành hai con (Rồng) quay đầu về hai hướng khác nhau tượng trưng cho sự trường sinh và theo đúng phép âm-dương.

Con Rồng Việt Nam

Con Rồng Việt Nam mang bản sắc riêng biệt Việt Nam, theo trí tưởng tượng riêng của người Việt không giống như Rồng Trung Hoa (và các quốc gia khác) trong các trang trí kiến trúc, điêu khắc và hội họa hình Rồng.

Các di tích về con Rồng Việt Nam còn lại khá ít do các biến động lịch sử qua thời gian và sự Hán hóa của từng triều đại phong kiến cho mãi đến nhà Nguyễn.

Từ thời xa xưa, người Việt thích sống quanh các vùng sông nước nên họ đã tôn sùng cá sấu như một con vật linh thiêng (vào thời kỳ này vùng đất người Việt sống còn rất nhiều cá sấu). Cá sấu tượng trưng cho sự trù phú và sức mạnh, người Việt đã thần thánh hóa loài cá sấu lên thành con "Giao Long" mà người Trung Hoa gọi sau này. Một cách thức tô điểm cho hình hài con cá sấu nhiều chi tiết tưởng tượng và cũng nhiều ý nghĩa hơn, rất có thể từ con Giao Long này mà người Trung Hoa đã tạo ra con Rồng Trung Hoa của họ.

Con Rồng tồn tại cùng tâm thức của người Việt suốt từ thời Văn Lang - Âu Lạc. Trong cả ngàn năm bị đô hộ bởi Trung Hoa, trong hoàn cảnh chung của chính sách Hán hóa, hình ảnh con Rồng Việt Nam phát triển ít nhiều theo các ảnh hưởng, các xu hướng giống với con Rồng của người Hán. Đến khi giành được độc lập, thời kỳ nhà Lý lên nắm quyền, đặt tên nước là Đại Việt (để sánh ngang với Đại Tống của Trung Hoa), Việt Nam đã có con Rồng cho riêng mình và khác với con Rồng Trung Hoa. Văn hóa (Đại Việt) nói chung, trong đó có mỹ thuật đã khẳng định được cấp bậc và tính độc lập trong nghệ thuật thể hiện của mình. Xuất hiện từ việc trang trí kinh thành cung điện lộng lẫy, chùa chiền đồ sộ..., con Rồng

https://tieulun.hopto.org

Việt Nam được tạo từ bản chất văn hóa dân tộc, kết hợp với yếu tố văn hóa Chàm và văn hóa Trung Hoa.

Rồng Việt Nam có những đặc trưng Việt Nam rõ ràng như sau:

Thân Rồng uốn hình "sin" 12 khúc, đại diện 12 tháng trong năm, biểu trưng cho sự thay đổi thời tiết năm tháng, sự trù phú và phồn vinh của nền văn hóa nông nghiệp lúa nước. Thân mềm mại uốn lượn thể hiện sự biến hóa và khả năng thay đổi, dịch chuyển thiên nhiên của con Rồng – một linh vật cai quản thời tiết, mùa màng. Trên lưng có vảy nhỏ liền mạch và đều đặn.

Đầu Rồng là phần rất đặc biệt, hoàn toàn khác Rồng Trung Hoa. Rồng Việt Nam có bờm dài, râu cằm, không sừng (như Rồng Trung Hoa). Mắt lồi to, hàm mở rộng có răng nanh ngắt lên, đây là điểm hoàn toàn khác với các con Rồng khác của các nước. Đặc biệt là cái mào ở mũi, gợn sóng đều đặn (có người gọi là "mào lửa") chứ không phải là cái mũi thú như Rồng Trung Hoa. Lưỡi mảnh rất dài.

Miệng Rồng luôn ngậm viên châu (ngọc). Ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Hoa Rồng hay cầm, nắm ngọc bằng chân trước. Viên châu tượng trưng cho tính nhân văn, tri thức và lòng cao thượng. Đầu Rồng luôn hướng lên như đớp lấy viên ngọc thể hiện tinh thần tôn trọng các giá trị nhân văn cao quý, theo đuổi sự uyên bác và tinh thần cao thượng.

Những điều đặc biệt đã nêu ở trên, được đặt lên trên tất cả các giá trị khác kể cả sức mạnh và sự thống trị thường thấy của một con Rồng phương Đông. Toàn thân Rồng toát lên sự uyển chuyển và một sức đàn hồi rất lớn từ cái vươn chân dài, đầu ngẩng cao, dáng đầu rực lửa thể hiện cho khí thế hừng hực muốn tiến chinh phục các giá trị văn minh nhất của phương Đông cổ.

Rồng Việt Nam là một hình tượng hoàn hảo về mỹ thuật, có cá tính rõ ràng và đặc trưng cho dân tộc Việt. Tiếc rằng nó đã bị vùi lấp bởi sự sùng bái văn hóa Hán của các triều đại phong kiến cuối cùng và sự hủy diệt văn hóa đã xảy ra khi nhà Minh xâm lược Việt Nam.

(Theo Wikipedia Việt ngữ).

Về thời điểm, mốc lịch sử và ý tưởng của nhà điêu khắc gửi gấm qua các tác phẩm Rồng đá, có nhiều giả thuyết khác nhau. Song về thời điểm lịch sử qua hình tượng Rồng Việt Nam, sách đã từng chép như sau:

Rồng thời Lý *"Mào, mũi và bờm là những thành phần cơ thể được cấu tạo rất sinh động, bằng những nét độc đáo và được mang theo một ý thức nhất định: Mào thoát ra từ môi đến đường sống quyện với răng nanh, xoắn xuýt, rung rinh bốc lên như ngọn lửa; bờm ở sau gáy cuồn cuộn bốc lên nhiều đợt từ cổ họng, cùng với túm râu ở hàm dưới đều uốn lượn nhịp nhàng như làn sóng và bay lướt tựa lá cờ đuôi nheo được gió, mũi cấu tạo bằng những đường cong xếp chồng nhau phập phồng gây ra ấn tượng về nguồn nước…".*

Rồng Thời Trần *"Thành phần cấu tạo của đầu Rồng không chặt chẽ như trước: Văn dạng xoắn ốc đôi không thể vắng ở bất cứ con Rồng nào thời Lý, thì nay mất dần, bờm và râu kém nhịp nhàng, mào không linh lợi, dần mọc thêm cái tai và cặp sừng cùng kiểu với cái mũi biến dạng đều thuộc về loại thú bốn chân".*

Rồng thời Lê *"Đầu to, bờm tóc thô dày, mũi lớn, nhiều sợi ria, tai thú, sừng vặn xoắn ốc rồi chẻ chạc, chân gân guốc xòe rộng các ngón". Rồng thời Cảnh Hưng 1740-1786 (Nhà Hậu Lê – vua Lê Hiển Tông 1717-1786) "Thể hiện yếu ớt, mảnh khảnh, đi vào công thức cân đối khô khan kết hợp với chạm nông, nên hình bẹt và cứng, lại bị biến dạng rắc rối. Râu Rồng thường bố trí đều đặn, đuôi cong xoắn lại hình xoáy ốc". Có nhiều con Rồng thời Hậu Lê còn có dáng uể oải như đang buồn ngủ. Đó là dấu hiệu của thời đại vua nhà Lê bị chúa Trịnh đàn áp, tiếm hết quyền hành.*

Rồng thời Nguyễn *"Gượng gạo, ngơ ngác, chắp vá, vụn vặt, cố làm ra vẻ nghiêm chỉnh mà không đường hoàng được, bộ mặt trở thành gớm ghiếc, đe dọa… thường xuất hiện với phượng, lân, rùa để hợp thành bộ Tứ linh.*

("Mỹ thuật Lý Trần – Mỹ thuật Phật giáo," Chu Quang Chứ – NXB Mỹ thuật 2001, trang 307, 309, 310, 314, 315).

Như vậy, ở mỗi giai đoạn phát triển con Rồng có một tính cách riêng, phù hợp yêu cầu thời điểm lịch sử xã hội. Nó chính là thứ ngôn ngữ nghệ thuật tạo hình, giúp chúng ta nhận biết tương đối chính xác thời khắc ra đời của các công trình kiến trúc, điêu khắc, và hội họa được sáng tạo không ghi niên hiệu.

Con Rồng trong dân gian gắn với cội nguồn nòi giống "Con Rồng cháu Tiên". Dân Việt, theo truyền thuyết cũng như văn hóa, qua tất cả các sử liệu được ghi chép lại, mặc dù có nhiều mâu thuẫn, đều khẳng định một cách vững vàng, đã tự xem mình là con cháu của giống Rồng (và Tiên!) và luôn luôn tự hào về sự liên hệ thiêng liêng mơ hồ khó giải thích này. Chẳng hạn:

Các bộ sử lâu đời nhất của nước ta còn lưu giữ được cho đến nay, (ngoại trừ "Đại Việt sử lược" tác giả khuyết danh, viết dưới thời nhà Trần - khoảng cuối thề kỷ 14), đều chép tương tự nhau về Kỷ Họ Hồng Bàng, Kinh Dương Vương và Lạc Long Quân, như Đại Việt sử ký toàn thư do Lê Văn Hưu, Phan Phu Tiên, và Ngô Sĩ Liên soạn thảo năm 1272 thời Trần, chép về Kinh Dương Vương như sau:

"Xưa, cháu ba đời của Viêm Đế họ Thần Nông là Đế Minh sinh ra Đế Nghi, sau Đế Minh nhân đi tuần phương Nam, đến Ngũ Lĩnh lấy con gái Vụ Tiên, sinh ra vua… phong cho vua làm Kinh Dương Vương, cai quản phương Nam, gọi là nước Xích Quỷ… Vua lấy con gái Động Đình Quân tên là Thần Long sinh ra Lạc Long Quân" .

(Đại Việt Sử ký Toàn thư, Ngô Sĩ Liên, phần Ngoại Kỷ, quyển I, tr. 3).

"Lạc Long Quân tên húy là Sùng Lãm, con trai của Kinh Dương Vương. Vua lấy con gái Đế Lai là Âu Cơ, sinh ra trăm con trai (tục truyền sinh ra trăm trứng) là tổ của Bách Việt. Một hôm vua bảo Âu Cơ rằng: Ta là giống Rồng, nàng là giống Tiên, thủy hỏa khắc nhau, khó lòng đoàn tụ. Bèn từ biệt nhau, chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo cha về miền Nam (có bản chép về Nam Hải). Phong con trưởng là Hùng Vương nối ngôi vua…"

https://tieulun.hopto.org

(Đại Việt Sử ký Toàn thư, quyển I – NXB Văn học, tr. 63).

Trong các bộ sử cận đại cũng ghi lại chuyện "con Rồng cháu Tiên", như sử gia Phạm Văn Sơn viết:

"Lạc Long Quân lấy Âu Cơ sinh ra một bọc có trăm trứng nở ra 100 con trai, nửa theo mẹ lên núi, nửa theo cha xuống bể Nam Hải, vì mẹ là giống Tiên, và cha là giống Rồng".

(Theo Việt sử toàn thư, Phạm Văn Sơn, tr. 38)

Rồng còn là sự che chở, bảo vệ; có khả năng vùng vẫy ngoài biển khơi, bay bổng lên thượng giới (thiên đàng), nằm cuộn trên mặt đất qua hình dáng của các dòng sông lớn (sông Cửu Long, sông Hồng), rặng núi dài. Dân Việt còn lập Miễu thờ Rồng dọc theo các con sông lớn nhỏ, mạch nước, bờ biển, vì vẫn tin là Rồng thuộc "dương" cai quản, làm chủ khí hậu và tất cả các nguồn nước chảy như sông, thác, biển; và các nguồn gió mạnh như bão (storm) "lốc" (tornado, twisters). Rồng liên quan đến nước, hàm chứa ý nghĩa của sự phồn thịnh, những mong mưa thuận gió hòa. Rồng phun nước tưới cho cây trồng tốt tươi, bởi cư dân nông nghiệp, để cầu mong Rồng sẽ giúp dân về vấn đề thủy lợi cho mùa màng ngành canh tác hay ngăn cản gió bão cho nghề đánh cá ngoài biển. Nơi nào có Rồng che chở thì nơi đó được yên ổn làm ăn sinh sống.

Ý nghĩa xã hội của con Rồng trong dân gian dần dần mờ nhạt, khi mà ý thức hệ Nho giáo phong kiến giữ địa vị độc tôn thì vua chúa lấy con Rồng làm biểu tượng uy nghiêm của ngôi báu, điều này được các sách chép, như sau:

"Con Rồng truyền thống Việt Nam bị ức chế, phải tiếp nhận nhiều chi tiết ở Rồng Trung Hoa và lộ rõ tính tượng trưng cho uy quyền nhà vua". (Mỹ thuật Lý Trần – Mỹ Thuật Phật giáo", Chu Quang Chứ – NXB Mỹ Thuật, trang 309).

Các triều đại phong kiến Việt Nam không bao giờ cần phải e dè trong việc lạm dụng chữ Rồng (Long) qua mọi hoàn cảnh, hình thức liên quan đến vua chúa. Từ Long nhan (sắc diện vua, chữ 'màu mè' này còn được dùng để làm chữ tâu vua thay cho chữ Bệ hạ, Thánh thượng), Long thể (mình, thể lực, sức khỏe của vua), Long bào (áo vua mặc), Long sàng (giường vua nằm), Long xa (xe vua đi)... Rất oái oăm, đôi khi vua cũng bị "tổ trác" về chuyện Rồng chẳng hạn như vào những năm mất mùa gặp hạn hán hay tai họa lớn vì mưa bão lụt thì dân bất mãn mất tín nhiệm vua (đôi khi dân nổi loạn, truất phế vua); vì cho rằng vua thiếu đức độ (?) cho nên thần "Rồng" nổi giận giáng họa cho dân tình... Trong mùa hạn hán hay lụt lội, các chức sắc làng xã và đôi khi có cả sự tham dự của các quan triều đình do vua chỉ định tổ chức cúng bái, dâng tế lễ để cầu xin mưa, hoặc cầu xin hạ bớt bão lụt... Ngoài ra hàng năm, sau các vụ mùa (hay các lễ hội lớn) vua vẫn thường ra lệnh dân chúng phải cử hành các nghi lễ liên quan đến Rồng như: múa Rồng, đua thuyền Rồng, diễn hành / rước hình tượng Rồng... với chủ ý (dị đoan?) làm mọi cách cho Thần Rồng được hài lòng (?) và có như thế vua nhà ta được yên chí ngồi tai ngôi vị mà trị dân (!).

Còn người Tuổi Thìn (con Rồng) thì sao?

Con Rồng là một chi thứ 5 của 12 con giáp. Con Rồng là một trong những con giáp hùng mạnh nhất.

May thay tuổi Rồng vị tha, thông minh, và bền bĩ. Biết chắc mình muốn gì và quyết tâm đạt cho bằng được.

Hơn thế nữa, tuổi Rồng tạo ảnh hưởng trên bạn bè dễ dàng và thường là trung tâm điểm gây chú ý trong những cuộc họp mặt giao tế. Như thế chưa đủ, tuổi Rồng lại đào hoa nữa chứ lị!

Bạn bè lúc nào cũng chú tâm lắng nghe theo Tuổi nầy xúi giục và khi tới lúc cho ý kiến, tuổi Rồng nắm phần chủ thắng.

Rồng thì lúc nào cũng mô tả lớn hơn sự thật.

Tuổi Rồng kiêu hãnh bao nhiêu thì lại xuất sắc bấy nhiêu về mặt khởi công cũng như đốc thúc cho công việc được trôi chảy.

Tuổi Rồng nghĩ rằng mình sinh ra là để dẫn đầu!

Cả đời cũng không nghèo, nếu không muốn nói là khá giả hơn người, mặc dầu chẳng bao giờ tuổi nầy bị mãnh lực đồng tiền kích động.

Tuổi Rồng thà ôm súng bắn không đạn chớ không chịu buông súng. Nói vậy có nghĩa là tuổi Rồng biết lợi dụng thời cơ, luôn luôn tìm cách củng cố sức mạnh đã là đáng kể của mình.

Dũng mãnh như vậy cho nên khi lâm cảnh bực bội thua thiệt, tuổi nầy vẫn vùng vẫy không biết chịu thua là gì.

Có vấn đề? Cần câu trả lời? Cứ hỏi người tuổi Rồng! Thật ra Tuổi nầy chỉ muốn có một vai trò: lãnh đạo, làm vua, ra lệnh (thiệt tình!).

Họ là người có tài lãnh đạo thật sự, tự biết mình phải làm gì để được ngồi cao hơn hết.

Qua mặt tuổi Rồng thì không nên làm - Coi chừng bị phun lửa phỏng da!

Lời khuyên cho tuổi Rồng:

"Khôn ngoan là nên hấp thụ những nguyên tắc về tùy thời, cảm thông và tha thứ. Cao hơn, mạnh hơn, tưởng như được người trọng nể, nhưng cũng khiến tuổi nầy sống một cuộc sống không trọn vẹn.

Nếu như tuổi Rồng biết cân bằng giữa ước vọng thành công và biết tán thưởng chuyện nhỏ nhặt, họ sẽ sống một cuộc sống đáng sống hơn".

Tam Hạp: Tuổi Rồng hạp với tuổi Tý (con Chuột) và tuổi Thân (con Khỉ).

Tứ Xung: Tuổi Rồng khắc / kỵ tuổi Sửu (con Trâu), tuổi Mùi (con Dê) và tuổi Tuất (con Chó).

Tóm lại, người nào sinh vào năm Thìn có đầy đủ các cá tính nổi bật của con Rồng như: có sức khỏe, giàu có, trường thọ; và tự tin vào khả năng của mình (đôi khi không chịu nghe ý kiến của người khác), tự đặt tiêu chuẩn thành đạt cho chính mình, bất khuất không chịu thua dễ dàng, cố gắng một mình vượt qua tất cả các trở ngại để đi đến thành công.

(Theo Quỷ Cốc tiên sinh).

Trần Văn Giang
(15.11.2011)

https://tieulun.hopto.org

Di tích Thăng Long

• **Trần Phong Lưu**

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.
(Bà Huyện Thanh Quan)

Đọc Việt Sử ta đều biết: "Sau khi lên ngôi (1010), vua Lý Thái Tổ đã quyết định dời đô từ cố đô Hoa Lư chật hẹp ra thành Đại La, nơi miền đất có thế *Rồng cuộn hổ ngồi, trung tâm trời đất. Đã trúng ngôi Nam Bắc Đông Tây, lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất phong phú, tốt tươi. Xem khắp nước Việt ta, chỉ nơi nầy là thắng địa. Thật là chốn tụ hội trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi Kinh Sư bậc nhất của đế vương muôn đời.* (Chiếu dời đô).

Và theo Đại Việt Sử Toàn Thư: "*Thuyền ngự vừa đến dưới thành, Rồng vàng chợt hiện ra, bay lên, vua thấy điềm lành liền đổi tên là thành* ***Thăng Long***". Trải qua hai thế kỷ, triều Lý đã mở mang kinh sư Thăng Long ngày càng rộng. Chẳng những các cung điện, lầu gác, đình tạ, mà các chùa tháp, kho trạm, cầu cống, chợ búa… cũng được xây dựng và tu bổ liên tục: Như điện **Thiên An** làm nơi thiết triều bàn bạc việc nước và các quan đến chầu, làm lễ tuyên thệ; điện **Thiên Khánh** là nơi để vua nghe chính sự; điện **Trường Xuân** chứa khí giới, quân dụng; Lầu **Chính Dương** để xem giờ khắc; gác **Long Đồ** để vua dạo ngắm và điện **Long thụy, Long An** để nghỉ ngơi… Sách Toàn thư cũng đã ghi việc vua Lý Thái Tổ cho xây hàng loạt cung điện:

"*Phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi chầu, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu làm điện Giảng Võ, lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghênh Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn, chính hướng Nam dựng điện Cao Minh, đều gọi là thềm Rồng, có các hàng hiên, lợp mái cong bao quanh bốn mặt. Sau điện Càn Nguyên xây hai điện Long An và Long Thụy làm nơi nghỉ ngơi; bên tả làm điện Nhật Quang, bên hữu làm điện Nguyệt Minh, đàng sau lại dựng thêm cung Thúy Hoa cùng với Long Thụy làm chỗ ở cho cung nữ*".

Đến cuối năm 1010, 8 điện 3 cung đã hoàn thành, mà trung tâm là điện thiết triều Càn Nguyên. Một vòng thành bao quanh các cung điện cũng được xây đắp bằng đất, gọi là Long Thành. Về sau một số cung điện, chùa tháp được xây dựng thêm, phía ngoài lại đào hào phòng vệ, nên được gọi phổ biến là Hoàng Thành. Thành mở 4 cửa: Tường Phù ở hướng Đông, phía Chợ Đông, khu phố buôn bán phường Giang Khẩu và đền Bạch Mã. Cửa Quảng Phúc hướng Tây, mở ra phía chùa Diên Hựu và chợ Tây Nhai. Cửa Đại Hưng khoảng gần cửa Nam hiện nay. Cửa Diệu Đức phía Bắc, nhìn ra sông Tô Lịch. Trong Long Thành còn phân một khu vực được bảo vệ đặc biệt gọi là Phượng Thành vì là nơi nghỉ ngơi của vua và hoàng hậu, cùng cung viện của các cung phi. Sau nầy, khi hoàng gia thêm đông, cung nữ thêm nhiều, nghi thức nghiêm minh hơn, nên được gọi là Cấm Thành. Phía ngoài trung tâm chính trị Hoàng Thành nầy, các khu vực buôn bán, cư trú và làm ăn của dân chúng như các bến chợ, phố phường, thôn vườn, nông trại dần dần mọc lên, rồi thêm các cung viện, phủ đệ xây ra bên ngoài và các chùa tháp đã mở rộng chốn kinh đô. Nên cần thành lũy bảo vệ và các bờ đê ngăn lũ lụt. Năm 1014 một vòng thành bao bọc toàn bộ khu vực bắt đầu xây đắp, tận dụng và tu bổ phần thành Đại La nên lúc đầu vẫn giữ tên cũ hay gọi tắt là La thành. Theo các nhà khảo cổ và sử gia hiện nay, thành Đại La nầy phía đông chạy dọc theo hữu ngạn sông Nhị như một đoạn đê từ Bến Nứa đến Ô Đống Mác, phía bắc dựa theo hữu ngạn sông Tô Lịch, phía nam Hồ Tây từ Hàng Bưởi đến Hàng Buồm ngày nay, phía tây theo tả ngạn sông Tô Lịch từ Hàng Bưởi đến Ô Cầu Giấy, phía nam theo sông Kim Ngưu qua Giảng Võ, Ô Chợ Dừa, Ô Cầu Dền, đến Ô Đống Mác. Kinh Thành thời Lý mở các cửa: Triều Đông (dốc Hòe Nhai), Tây Dương (Cầu giấy), Trường Quảng (Ô Chợ Dừa), Cửa Nam (Ô Cầu Dền), Vạn Xuân (Ô Đống Mác). Kinh Thành Thăng Long được bao bọc mặt ngoài bởi ba con sông: Sông Nhị, Tô Lịch và Kim Ngưu đã được tận dụng như những con hào tự nhiên, nổi bật cảnh quan sông hồ thiên nhiên đặc biệt vừa tiện giao thông đường thủy, vừa lợi cho hệ thống thoát nước và điều tiết môi trường cùng bảo vệ sinh thái.

Một năm sau khi lên ngôi, vua Lý Thái Tôn tiếp bước vua cha cho dựng lại trên đất Hoàng Thành hàng loạt cung điện mới, qui mô to lớn hơn. Tại nền điện Càn Nguyên đổ nát, nhà vua cho dựng điện Thiên An mới. Hai bên tả hữu, xây hai điện Tuyên Đức và Diên Phúc. Phía trước làm thềm Long Trì nối liền hai điện Văn Minh và Quảng Vũ ở hai bên đông tây. Còn hai bên tả hữu của Long Trì dựng lầu chuông đối nhau, để nhân dân ai có việc gì kiện tụng thì đánh chuông lên. Bốn phía chung quanh Long Trì còn dựng giải vũ để các quan hội họp và lính canh gác. Đằng trước Long Trì nữa, lại xây điện Phụng Thiên, với lầu Chính Dương ở trên làm nơi xem giờ khắc. Sau điện Thiên An là điện Trường Xuân, trên có gác Long Đồ làm nơi nghỉ ngơi và dạo ngắm của vua và các hoàng tử. Mùa xuân năm sau còn dựng thêm điện Thiên Khánh lọt vào giữa hai điện Thiên An và Trường Xuân, rồi bắc cầu Phượng Hoàng nối các điện nầy với nhau (Toàn Thư).

Năm 1174, *Fan Che-Hou*, tri phủ Quế Lâm, để lại một mô tả ngắn về cung điện nhà Lý dựa theo lời kể của những người trong sứ đoàn nhà Tống đến Thăng Long

https://tieulun.hopto.org

(Mã Đoàn Lâm): "*Nhà vua ở trong một tòa nhà bốn lầu chồng lên nhau. Tầng trệt dành cho nhà vua. Các viên tướng chủ chốt, một thân vương quân sự và một người lính tâm huyết hầu cận nhà vua ở ba tầng lầu trên. Gần tòa nhà chính là các cung điện trang trí những chữ khắc cầu kỳ: Chouèi-tsin-kong, có nghia cung pha lê, T'Ein-yuen-tien, Thiên giới điện, tòa thứ ba cao hơn... Tất cả các tòa nhà đó đều sơn đỏ; trên các cột, đều được trang trí hình rồng, cò và các nữ thần...*".

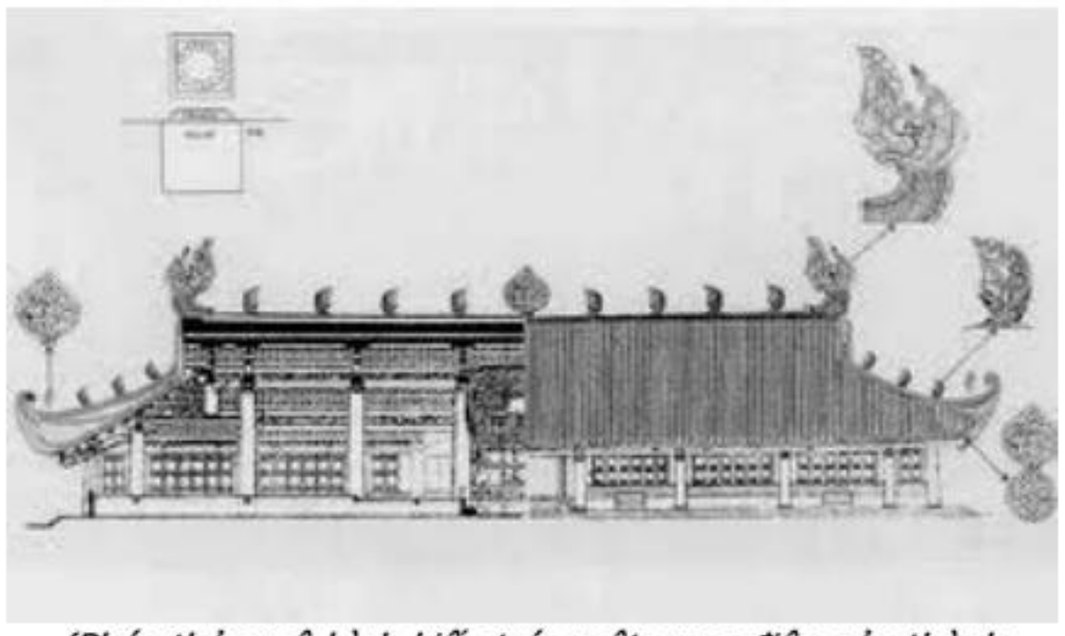

(Phác thảo mô hình kiến trúc một cung điện của thành Thăng Long thời nhà Lý)

Vào cuối triều đại, vua Lý Cao Tôn còn cho: "*xây cung mới tại phía tây tẩm điện, ở giữa đặt điện Thiên Thụy, bên trái dựng điện Dương Minh, bên phải dựng điện Thiềm Quang, đàng trước xây điện Chính Nghi, bên trên dựng lầu Kính Thiên... đằng sau mở điện Thắng Thọ, ở trên dựng gác Thánh Thọ, bên trái xây gác Nhật Kim, bên phải xây gác Nguyệt Bảo, lại dựng hành lang, thềm bao quanh, gọi là Kim Tỉnh. Bên trái Nguyệt Bảo đặt tòa Lương Thạch, phía tây gác xây nhà Dục Đường (nhà tắm), phía sau xây gác Phú Quốc, nối với thềm Phượng Tiêu. Sau nữa dựng cửa Thấu Viên, đào ao Dưỡng Ngư, trên ao xây đình Ngoạn Y*. Ba mặt đình trồng hoa thơm cỏ lạ, nước ao thông ra sông, công trình thổ mộc thực đẹp đẽ, cách chạm trổ trang sức khéo léo, xưa chưa từng có vậy (*Việt Sử lược*).

Khu Kinh Thành bao quanh vòng ngoài còn rộng lớn hơn, nên bên khu vực tập trung dân cư với phố sá, những lầu gác của các nhà giàu có, những dinh thự, phủ đệ của các tầng lớp quan lại và cả doanh trại của quan quân, còn nhiều vùng cảnh trí đẹp để mở mang thêm những cung điện của hoàng gia: Như về phía đông, dọc bờ sông Hồng, các điện Hàm Quang, Thủy Tinh đã được dựng lên để làm nơi cho vua và hoàng hậu cùng các quan lại triều đình ra nghỉ ngơi và xem đua thuyền. Về phía bắc dựng cung Dâm Đàm bên hồ Tây để làm nơi vua ra xem đánh cá và nghỉ mát. Đến thế kỷ thứ 13, ở đây còn mở thêm cung Từ Hoa làm nơi công chúa Từ Hoa ở để tổ chức trồng dâu nuôi tằm. Về phía nam còn dựng các đàn tế lễ như đàn Hoàn Khâu tế trời đất; đàn Xã Tắc cầu đảo mùa màng. Đặc biệt khu nầy đã mở ra Văn miếu Quốc tử Giám, một trung tâm văn hóa đương thời và cung là trường đào tạo trí thức cho triều đình. Công trình nầy còn tồn tại đến ngày nay. Phía ngoài cửa Đại Hùng, vua Lý Thái Tổ còn cho dựng riêng cung Long Đức để thái tử ở "*có ý muốn cho biết việc dân gian*".

Tuy nhiên sau thời kỳ dài phồn vinh, triều Lý suy yếu dần. Vua quan chỉ lo ăn chơi hưởng lạc. Nên đầu năm 1214, tướng lãnh chống đối Trần Tự Khánh đã kéo quân vào Kinh thành và "*sai Lại Linh đốt cung thất ở kinh đô 19 nơi*". Mấy tháng sau lại kéo binh, "*thả quân sĩ cướp tài vật của vua, đốt cung thất, nhà cửa của dân kinh thành gần hết*", "*đến như ngõ ngách trong Kinh cũng biến thành tro bụi*" (Việt Sử lược).

Sang đời nhà Trần, nhiều công trình kiến trúc cũ đổ nát, hư hỏng đã được trùng tu, sửa chữa, và mở mang: Năm 1230 vua Trần Thái Tôn đã cho dựng thêm các cung điện lầu gác, lang vũ đông tây, như cung Thánh Từ, cung Quan Triều... Nhà vua còn cho định lại phố phường. Hai bên tả hữu kinh thành cũng được chia thành 61 phường như dưới triều Lý. Năm 1248 triều đình lại cho "*làm cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo, qua hồ Ngoại Thiềm đến cung Thái Thanh rất là lộng lẫy*" (Đại Việt Sử ký TT.)

Qua ba lần giặc Nguyên Mông xâm lấn, Thăng Long bị tàn phá rất nặng nề. Vua đành ở tạm trong hành lang khu trại lính. Năm 1289, nhà Trần đã tổ chức xây dựng lại, bắt nhóm quân dân đã hàng giặc phải chở gỗ đá để chuộc tội. Ta chỉ hình dung được phần nhỏ các cung điện lầu gác ở Thăng Long qua bài thơ "An Nam tức sự" của sứ Nguyên Trần Phu: "*...Từ sứ quán đi 60 dặm, qua Cầu Yên Hòa, đi một dặm nữa tới phía bắc cầu Thanh Hoa, trên cầu có xây 19 gian nhà. Đến nơi tù trưởng (tức vua ta) ở có* ***Dương Kinh môn*** *trên cửa có gác gọi là* ***Triều Thiên các****, cửa nhỏ bên trái gọi là* ***Vân Hội môn****, bên trong cửa có khoang* ***Thiên Tỉnh*** *ngang dọc độ vài mươi trượng. Từ bậc thềm bước lên thấy dưới gác có tấm biển đề* ***Tập Hiền điện****, bên trên xây gác lớn gọi là* ***Minh Linh các****. Từ chái bên phải đi tới, gặp một điện lớn gọi là Đức Huy điện, cửa bên trái gọi là Đông Lạc môn, cửa bên phải gọi là Kiều Ứng môn, các biển đều bằng chữ vàng cả*. (Tạp chí văn học Hành lục).

Về cuối triều, cũng như nhà Lý, các vua nhà Trần đã đi vào con đường ăn chơi hưởng lạc: Năm 1363 vua Trần Dụ Tôn đã cho "*đào hồ ở vườn ngự trong hậu cung, trong hồ xếp đá làm núi, bốn mặt khai ngòi, chảy thông nhau, bên bờ hồ trồng cây tùng, cây trúc và các thứ hoa thơm cỏ lạ, lại nuôi chim quý, thú hiếm trong ấy. Phía tây hồ trồng hai cây quế, dựng điện Song Quế, lại gọi là điện Lạc Thanh, vì hồ ấy tên Lạc Thanh. Lại đào riêng hồ con, sai người ở Hải Đông chở nước mặn chứa vào, đem các thứ hảo vật như đồi mồi, cá biển nuôi ở đấy. Lại sai người ở châu Hóa chở cá sấu đến thả, lại làm hồ Thanh Ngư, thả cá thanh phụ (cá diếc)*" (Đại Việt SKTT).

Sau quân Nguyên, đến lược Chiêm Thành, năm 1371, lợi dụng cảnh rối ren do Dương Nhật Lễ lên đoạt ngôi, quân Chiêm đã cướp phá thành Thăng Long, đốt kho lưu trữ và chiếm đoạt nhiều tài sản quý giá. Các chiến thuyền của quân Chiêm do kích thước gọn nhẹ, nên đã len lỏi qua sông, hồ, kinh rạch, đến tận sát phía nam Hoàng thành. Thành Thăng Long bị chiếm đóng từ năm 1377 đến 78 mới được quân dân ta đoạt lại. Nhưng chỉ 2 năm sau chúng lại mở cuộc tàn sát trên khắp nước Đại Việt. Lần nầy nhờ công tướng Lê Quý Ly trấn giữ Thăng Long, chúng đành rút về chiếm giữ các tỉnh phía nam. Rồi chờ đến năm 1382 lén kéo quân vòng lên châu thổ sông Hồng, để bất ngờ tiến công mạnh vào phía bắc thành Thăng Long. Quân Đại Việt bị voi trận đạp chết. Chế Bồng Nga chiếm được thành Thăng Long và đóng đô tại đó suốt 4 năm. Nhưng cuộc chiến vẫn kéo dài cho đến năm 1390. Nhờ một hàng binh chỉ điểm, một tướng họ Trần đã xạ tiễn bắn chết Chế Bồng Nga, lúc đang

https://tieulun.hopto.org

nghênh ngang đứng chỉ huy đoàn thuyền nghinh chiến với quân ta. Nhà Trần đang suy tàn, nhưng cứ muốn duy trì nếp sống cũ, đã đề ra những biện pháp làm mất lòng dân như tăng thuế cư, thêm thuế thân, lại sung các nhà sư vào quân đội, khiến một nhân vật yên hùng tự xưng là nhà sư Phạm Sư Ôn cầm đầu một cuộc nổi dậy và chiếm Thăng Long trong ba ngày. Triều đình lại một lần nữa tạm đi lánh nạn.

Năm 1400, sau mấy lần chuyên quyền phế lập vua, Lê Quý Ly đoạt ngôi nhà Trần, đổi họ lập ra triều Hồ, xây kinh đô mới ở Thanh Hóa, Thăng Long bị đổi tên thành Đông Đô. 7 năm sau thành nầy lại bị hủy hoại dưới sự xâm chiếm của quân Minh. Đông Đô trở thành trụ sở của các Thái thú đô hộ, với tên mới là Đông Quan.

Vị anh hùng áo vải Lê Lợi chỉ huy đoàn nghĩa quân Lam Sơn với sự cố vấn của quân sư Nguyễn Trãi, cùng dân quân các nơi tụ về đã chiến thắng quân Minh, năm 1428, vua Lê Thái Tổ khôi phục quốc hiệu là Đại Việt, đóng đô trở lại ở Thăng Long với tên mới trên văn bản là Đông Kinh, được quy hoạch lại còn 36 phường. Thăng Long ngày càng trở nên một **thành thị** phồn thịnh (khái niệm mới mở các **phố thị** buôn bán tấp nập và các phường nghề đông đúc trong kinh **thành** của vua quan, quân tướng). Đến đời Lê Thánh Tôn, Thăng Long đã phát triển mạnh mẽ mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật, khoa học...

Đến đầu thế kỷ XVI, tập đoàn quân phiệt Mạc Đăng Dung đã truất phế vua Lê. Năm 1588, nhà Mạc huy động dân đắp ba lần lũy đất để tăng cường hệ thống phòng thủ và đã từng ra tận biên quan, tự trói mình, quỳ trước quan Tàu để xin thần phục nhà Minh. Nhưng chỉ 4 năm sau, dưới danh nghĩa phò Lê, Trịnh Tùng đã chiếm lại được kinh thành Thăng Long. Triều đình vua Lê vẫn được đưa về đóng trong Hoàng thành cũ. Còn phủ chúa Trịnh, kẻ nắm thực quyền lúc đó, được xây bên ngoài, gồm 52 dãy cung điện nguy nga, quay về hướng đông, chạy dài từ bờ tây Hồ Gươm ra tới đê sông Hồng. Lớp tường thành bao quanh phủ chúa còn dày và vững chắc hơn tường hoàng thành, mở hai cửa thông ra bên ngoài. Nhưng về sau phủ nầy đã bị Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ phá hủy khi đã diệt Trịnh. Tuy trải qua nhiều biến động *Kinh kỳ* Thăng Long cho đến cuối thế kỷ XVIII, vẫn là một thành thị - thương cảng sầm uất nhứt nước và vào loại lớn ở châu Á. Bên cạnh các cửa hàng, tiệm buôn của Hoa kiều trong khu vực *Đường Nhân* bên bờ sông Hồng, còn có cả những thương điếm của người Anh, Hòa Lan, Đức. Khu vực dân cư cũng đông vui hơn trước và có cả nhà hai tầng. Nhiều công trình kiến trúc nghệ thuật, đặc biệt về tôn giáo, đã được xây dựng thêm.

Thăng Long còn phải đương đầu với cuộc xâm lược của triều đại Mãn Thanh với chiêu bài tái lập ngai vàng cho vua Lê Chiêu Thống. Từ Phú Xuân vua Quang Trung thống lãnh đại quân Tây Sơn, tiến tốc hành ra Bắc, chiếm lại Thăng Long đúng ngày mồng năm Tết. Kinh đô mới được lập ở Phú Xuân. Thăng Long chỉ còn là *Bắc Thành*. Tuy vậy Hoàng thành và một số công trình nghệ thuật ở đây vẫn được tu sửa.

Ngay sau khi vua Quang Trung qua đời (1792), Nguyễn Ánh với sự hỗ trợ của nhóm quan quân Pháp, từ miền Nam ra đánh chiếm Phú Xuân, rồi Thăng Long (1802).

Kinh đô nhà Nguyễn vẫn đặt ở Phú Xuân và Thăng Long vẫn là *Bắc Thành*, nhưng Hoàng thành bị phá bỏ, thay vào đó là tòa thành mới hình vuông, xây theo mô hình của các sĩ quan Tây, kiểu *Vauban*, với các tháp canh hình lục giác khuyết, mà 4 cạnh chĩa góc nhọn ra ngoài, như các lầu thành thời trung cổ của Pháp. Nhà vua chỉ cho sửa chữa lại một hành cung, làm vọng cung nghỉ tạm mỗi khi du hành ra Bắc Hà. Các tường thành cũ đều bị phá thấp xuống 1 thước, để không được cao bằng Thành Nội Huế. Chính đại thi hào Nguyễn Du (thời Minh Mạng), khi buộc lòng về với triều Nguyễn, nhìn cảnh hoang tàn của Thăng Long đã than:

Thiên niên cự thất thành quan đạo,
Nhất phiến tân thành một cố cung.

Tạm dịch:

Cung điện ngàn năm thành đường cái,
Một tòa thành mới mất cung xưa.

Trong bài *Long thành cầm giả ca* viết năm 1813 trên đường đi sứ sang Trung Hoa. Nguyễn Du đã so sánh quá trình suy tàn của Thăng Long với số phận trớ trêu của người con gái chơi đàn. Cô gái trẻ đẹp, nổi danh đệ nhất tài hoa, từng chơi những khúc nhạc trong đại nội Trung Hòa, đã từng làm xiêu lòng cả các quan tướng nhà Tây Sơn, nay "*ở cuối chiếu chỉ thấy một nàng tóc đã hoa râm, mặt gầy thân khô hình bé nhỏ, đôi mày phờ phạc không điểm tổ*" đang cố gắng chơi đàn lần cuối, nhưng không thể làm sống lại quá khứ. Nhà thơ cố tìm trong dáng vẻ của người phụ nữ già nua nầy hình bóng thành Thăng Long xưa. Nhưng "*thành quách suy đồi, việc người biến đổi*". Qua tiếng nhạc ngập ngừng, giọng ca gãy khúc, nhà thơ kết luận: **Thăng Long đã hết rồi**!

Cuối cùng lúc Pháp đánh thành Hà Nội, những bờ thành còn lại cũng bị phá vỡ. Trong thời Pháp thuộc, hết nhà binh Tây phá tường thành lấy gạch xây trại lính, đến dân hôi của lén đục tường, khiêng gạch về xây nhà riêng. Ngay như cô Tư Hồng trúng thầu phá tường thành cũ, lấy gạch đủ xây vài khu phố mới! Nên đến nay mấy ai còn nhận dạng ra đâu là cung điện, lầu các hay thành quách Thăng Long xưa? Dấu vết còn lại chỉ là 9 bậc thềm (cửu trùng) và hai lan can rồng đá ngăn hai bên cửa điện Kính Thiên xây từ triều Lê. Nếu tính đến thời Nguyễn thì còn Chính Bắc môn, rồi lùi vào là Hậu Lâu. Phía Nam còn Đoan môn, phía trên xây vòm cuốn, gồm năm cổng bằng đá, dẫn vào điện Kính Thiên. Phía ngoài là cửa Tam môn mà triều Gia Long đã phá đi xây cột cờ còn đến nay. Chợ cửa Nam còn tên cửa Đại Hùng, nơi soát thẻ bài, trước khi vào Hoàng Thành. Phía Đông còn di tích Đông môn đình và Đông môn tự. Phía Tây còn tên Khán Sơn, mà theo Đại Việt sử chép là nơi vua Lê Thánh Tôn ngự xem quan quân tập trận. Chùa Một Cột (Diên Hựu, cầu vua sống lâu) được xây theo giấc mộng của vua Lý Thái Tôn (1049), trong khuôn viên Hoàng Thành.

Hướng Tây Cấm chi danh viên,
Quyết Diên Hựu chi ngự tự.

(Hướng về khu vườn nổi tiếng phía Tây Cấm Thành, Xây dựng ngôi chùa ngự Diên Hựu)

Hoàng thành chỉ còn mấy đoạn với cửa ô duy nhứt là ô Quan Chưởng. Ngoài ra còn 4 ngôi đền thờ bốn vị thần phù hộ Kinh Thành (Thăng Long tứ trấn): Phía Tây là đền Voi Phục; phía Bắc là đền Quán Thánh; phía Đông là đền Bạch Mã và phía Nam là đền Cao Sơn.

Từ đầu thế kỷ 21, một nhà thầu lớn ở thành phố duyên hải Rostock (Đức), được giao thiết lập dự án xây dựng nhà Quốc hội và hội trường Ba Đình ở ngay trung

https://tieulun.hopto.org

tâm Hà Nội. Đến khi đào khoan thử đất để tính nền móng, chợt phát hiện di tích công trình cổ xưa. *Theo Luật di sản văn hóa*, phải ngưng thực hiện tiếp, Nhà nước phải *cho phép viện Khảo cổ tiến hành khai quật trên diện rộng. Từ tháng 12/2002 đến nay, với sự hỗ trợ của các chuyên gia ngoại quốc, đã khai quật trên diện tích hơn 19.000 m², quy mô khai quật lớn nhứt Việt Nam và cả Đông Nam Á nữa. Từ đó đã phát lộ một phức hệ di tích-di vật phong phú, đa dạng từ thành Đại La (tk VII-IX) đến thành Thăng Long (thế kỷ XI - XVIII) và thành Hà Nội (XIX).* Khu vực nầy nằm phía tây điện Kính Thiên, chỉ là di tích một phần phía tây Hoàng Thành Thăng Long thời Lý, Trần, Lê và thành Đại La trước đó. Nếu nhìn qua bản đồ Hồng Đức thì còn bao gồm phạm vi Cấm Thành nữa. Những tầng tầng lớp lớp di tích kiến trúc chồng xếp lên nhau và khối lượng di vật rất lớn, đã cho thấy phần nào qui mô và diện mạo của Hoàng Thành cùng đời sống cung đình của vua quan quý tộc qua các thời kỳ lịch sử. Những chứng tích văn hóa Thăng Long đã phản ảnh trình độ văn hiến và bản sắc dân tộc từ nghìn năm xưa.

Căn cứ theo sách vở, bi ký, bản đồ và cả lời truyền miệng trong truyện xưa, tích cũ, giới khảo cổ đã xác định được quy mô Hoàng Thành Thăng Long khoảng 400 ha: Đông ở khoảng phố Lãn Ông, tây khoảng Ngọc Hà, nam khoảng chợ Cửa Nam-Hàng Đẫy (Nguyễn Thái Học), bắc khoảng tiếp gần đường Quán Thánh, vì trước đây khi đào móng các công trình, đã tìm *thấy nhiều di vật (gạch, ngói lưu ly xanh vàng, đồ gốm sứ Lý - Trần – Lê - Nguyễn…), vài cái giếng xây bằng gạch "Giang Tây quân" (thuộc Đường tk.VII-IX) và gạch in chữ "Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái bình tứ niên tạo" (1057)…* Nhưng phải đến cuối năm 2002 - 2003, công trường khảo cổ được cho khai quật trên diện tích hàng vạn thước vuông, trên tầm quan trọng quốc gia, đã phát hiện được mấy triệu hiện vật lịch sử, trên một diện tích còn quá nhỏ so với qui mô Hoàng thành - Kinh thành Thăng Long. Điều quý nhứt, có ý nghĩa quan trọng nhứt là tìm thấy các phế tích kiến trúc từ Bắc thuộc (Tùy - Đường) qua Lý - Trần - Lê đến Nguyễn.

Kiến trúc cổ truyền Việt Nam vốn chịu lực bằng **khung gỗ liên kết** như một cái bàn lớn để ngoài trời (khác cách chịu lực bằng tường như truyền thống kiến trúc phương Tây). Các chân đứng cốt lõi của bộ khung sườn chịu lực nầy là hệ thống cột. Tất cả sức nặng của công trình, của cả ngôi nhà dồn xuống các cây cột. Nên người Việt đã kê dưới chân các cây cột ấy những tảng đá lớn. Những chân tảng đá ấy vừa chịu lực vừa chống lún, chống nghiêng cho kiến trúc. Nay khai quật lên đã tìm thấy các chân tảng bằng đá, được đẻo vuông vức, chạm lên hình tòa sen tròn gồm 2 lớp tràng hoa. Nhưng trong khu vực nầy, nền đất mềm vì gần sông, nên bên dưới các chân tảng đá được gia cố cẩn thận bằng các hố trụ sỏi, được lèn, đầm chặt. Một số chân tảng còn nằm đúng vị trí trên các hố sỏi gia cố. Còn nhiều chân tảng khác đã mất, hoặc đã được tận dụng lại ở các công trình khác, nên đến nay ta chỉ còn thấy các hố móng sỏi. Có điều quy mô các kiến trúc ở đây rất lớn so với các công trình còn tồn tại trên mặt đất hiện nay cả về các bước gian, chiều dài cũng như chiều rộng.

Khởi đầu trong các lớp đất ở độ sâu -1,5 m so với mặt bậc thềm đá Đoan Môn, lộ dần ra, dưới những bàn tay đào bới, phủi quét cẩn thận, những ô sỏi trộn lẫn đất sét. Những viên sỏi đã được sàng lọc gần như bằng nhau, cỡ đầu ngón chân cái. Các ô sỏi nầy thường có hình gần vuông, mỗi cạnh khoảng 1,3 m và ăn sâu xuống dưới, dày trên dưới 1 m. Tổng cộng gồm 40 ô sỏi, xếp thành 4 hàng dọc (hai hàng phía đông có 10 ô mỗi hàng, hai hàng phía tây mỗi hàng chỉ có 9 ô). Kết quả đo đạc các móng trụ đã xác định khoảng cách giữa các cột Quân với các cột Cái là độ 3 m. Khoảng cách giữa các cột Cái với nhau là 6 m. Từ Bắc xuống Nam cũng xác định được 10 vì kèo, nghĩa là kiến trúc nầy phân 9 gian, đúng luật xây dựng cung vua. Rồi cứ 4 móng trụ sỏi gia cố cho 1 chân tảng cột Cái và 3 chân tảng cột Quân. Khoảng cách giữa hai hàng móng trụ sỏi cuối cùng chỉ là 4,1 m chứng tỏ đây là không gian của chái phía Nam.

Một đường mương cống thoát nước chạy dọc theo suốt chiều rộng của tòa cung 9 gian nầy, cách đường tim của hàng móng trụ gia cố chân tảng các cột Quân phía Đông khoảng 4 thước rưỡi, được xây-xếp bằng gạch mà không thấy hồ kết dính, lòng cống rộng 17 cm và sâu 20 cm. Chạy dọc dài sát cạnh đường mương thoát nước nầy, phía đông là một thềm gạch rộng 0,76 m, lát gạch vuông, cạnh 38 cm, lẫn gạch in hoa. Phía tây và nam cũng phát hiện mấy đoạn mương cống được xây xếp bằng gạch chuyên dụng tương tự, mà *nếu còn nguyên vẹn sẽ "bắt" vuông góc chái Tây Nam*. Tòa cung nầy *nếu chỉ có 9 gian sẽ dài khoảng 67 m, chạy theo trục Bắc-Nam và mở cửa ra cả hai hướng Đông Tây*. Suốt mặt phía Tây tòa cung lớn nầy, phát hiện được 11 cụm gia cố chân tảng khác cách nhau khoảng từ 8 đến 12 m. Có hố móng tròn, đường kính từ 1,1 đến 1,3 m; có hố vuông cạnh 1,2 m. Vật liệu gia cố được nhồi đầm cứ một lớp sỏi, lại 1 lớp ngói vụn. Đây là phế tích của các nhà lục giác nhỏ, mà GS. Trần Quốc Vượng gọi là các *Trà đình.*

Từ những di vật tìm thấy, những phế tích tồn tại đúng vị trí ngàn năm xưa cùng các dấu vết tại thực địa và qua sử liệu cho phép các nhà khảo cổ xác định vị trí của Cấm Thành, trung tâm của Hoàng Thành Thăng Long:

- Điện Kính Thiên thời Lê sơ là hạt nhân của Cấm Thành, xưa là điện Càn Nguyên, thời Lý, Thiên An - đời Trần. Đó là cung điện quan trọng bậc nhứt, nơi tiến hành các nghi lễ long trọng của triều đình, nơi thiết triều bàn những việc quốc gia đại sự và cũng là nơi tiếp các sứ giả nước ngoài. Nền điện Kính Thiên đến bây giờ vẫn còn, với bậc thềm và lan can đá chạm rồng, mang đặc trưng nghệ thuật trang trí thế kỷ XV.

- Dưới chân Đoan môn, xây dựng từ thời Lê, có sửa sang dưới đời Nguyễn nhưng không thay đổi mấy, đã phát hiện dấu tích kiến trúc của thời Lý, Trần. Từ giữa điện Kính Thiên đến Đoan Môn còn tìm thấy dấu vết Ngự đạo (đường vua đi) và sân rồng. Đoan Môn là cửa Nam phía trong cùng của Cấm Thành, bởi theo Phan Huy Chú, Nguyễn văn Siêu và bản đồ Hồng Đức thì phía nam Cấm Thành có ba lần cửa. Rồi theo một số tài liệu đời Nguyễn thì Cột cờ được xây dựng trên nền cửa Tam Môn là cửa Nam ngoài cùng của Cấm Thành. Như vậy trục trung tâm của Cấm Thành vạch từ điện Kính Thiên xuống Đoan Môn đến Tam Môn (Cột cờ).

- Theo văn bia Sùng Thiện Diên Linh do Nguyễn Công Bật soạn năm 1121 thời Lý thì chùa Diên Hựu tức chùa Một Cột ở phía tây Cấm Thành, mà theo bản đồ Hồng Đức, ở phía Tây Bắc Cấm Thành có Tây Môn. Đến đây các nhà khảo cổ đã xác định được vị trí trung tâm,

https://tieulun.hopto.org

trục chính cùng giới hạn phía nam và phía tây của Cấm Thành. Cũng theo bản đồ Hồng Đức, Cấm Thành hình chữ nhựt.

Khi đào bới phát lộ ra những đồ dùng ghi rõ *Trường Lạc khố (đồ ở kho cung Trường Lạc) là đã tìm ra dấu vết của Trường Lạc cung, cung của hoàng hậu Nguyễn Thị Hằng, vợ vua Lê Thánh Tôn, sau là Hoàng thái hậu đời vua Lê Hiển Tôn, trong phạm vi Cấm thành*. Kế đó lần lượt phát hiện những mảnh ngói thời Trần, ghi chữ *Hoàng Môn Thự, cơ quan đầu não thân cận vua, nằm trong Cấm Thành để giúp mọi việc cho các vị vua nhà Trần*. Còn thấy dấu vết của điện Kim Quang thời Lê qua những *viên ngói ghi rõ "Kim Quang điện", rồi gạch của hàng chục phiên hiệu quân đội thời nầy. Hàng vạn viên gạch tìm được của nhiều thời kỳ* trang trí toàn các biểu trưng của nhà vua, hoàng hậu như rồng, hoa sen, hoa cúc và các đồ gốm sứ cao cấp thời Lý, Trần, gốm mỏng thời Lê, chạm vẽ hoa văn biểu hiệu quyền uy của hoàng gia.

Các chuyên gia quốc tế trân quý di tích Hoàng Thành Thăng Long, bởi hiếm khi bề dày văn hóa cả ngàn năm mà còn bảo tồn được như vậy. Cả ông Tổng giám đốc UNESCO cũng đánh giá di tích Thăng Long rất cao, hoàn toàn xứng đáng để được công nhận là **di sản văn hóa nhân loại**. Các nhà cố vấn khảo cổ Nhật kể lại, họ cũng đã từng phát hiện di tích Nara (cố đô Nại Lương) một cách tình cờ khi khởi công một công trình xây dựng. Nại Lương chỉ là kinh đô của Nhật Bản trong 74 năm (710 - 748).

Rồi triều đình cho dời đô về Trường Cang (Nagaoka), khoảng năm Diên Lịch thứ 13. Trong khi đó Thăng Long là kinh đô Đại Việt tới 1001 năm. Ở Nara người Nhật cũng chỉ tìm thấy dấu tích nền móng của các công trình kiến trúc với những lỗ chân cột của các cung điện đã biến mất. Còn nền điện Hoàng thành Thăng Long, phát lộ nhiều tảng đá hoa cương kê chân cột, chạm hai lớp tràng hoa sen xoay tròn quanh chân cột. *Cung điện được xem là lớn nhứt của họ có 18 hố móng cột, trong khi dấu tích cung điện thành Thăng Long có tới trên 40 tảng kê chân cột, nghĩa là quy mô to rộng hơn rất nhiều. Hệ thống thoát nước của họ là những ống nối với nhau, còn* ông cha *ta đã xây cống, xây kè, trổ ngang, tầng trên, tầng dưới* theo *trình độ rất cao*.

(Hoàng thành Thăng Long - Khu di sản Thế giới)

Cũng như Nại Lương của Nhựt Bản đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới, vào lúc 20 giờ 30 ngày 31.7.2010 tại thủ đô Brasilia của Ba Tây (Brasil), Ủy ban Di sản Thế giới của UNESCO đã đồng ý quyết nghị công nhận khu di tích trung tâm Hoàng thành **Thăng Long** (Hà Nội) là **Di sản Văn hóa Thế giới**, dựa trên 3 tiêu chỉ nổi bật: - chiều dài lịch sử, văn hóa; - tính liên tục của tài sản với tư cách là một trung tâm quyền lực và - sự đa dạng, phong phú của các tầng di tích, di vật. Tuy cuộc khảo cổ chỉ mới khai quật một góc thành xưa Hà Nội so với kinh thành Thành Thăng Long rộng lớn ngàn năm trước với nhiều tầng lớp di tích kiến trúc và di vật chồng chất lên nhau, hiện đã mọc lên dày đặc những công trình kiên cố, những công thự, công ốc, tư dinh của nhà cầm quyền mới; những kiến trúc cao tầng tráng lệ của các nhà đầu tư nước ngoài; những cơ quan, trụ sở của giới chức trách, công ty thế lực mới và cả những biệt thự, nhà lầu, phố sá của các nhà giàu mới, đều rất khó mà đụng đến. Chưa kể chủ trương xây dựng cơ quan quyền lực cao nhất tại khu "địa linh" trung tâm Cấm Thành "thắng địa" có vị trí gần "Rốn Rồng, theo phong thủy với cảnh quan và quy mô xứng đáng!

Bây giờ chỉ còn hy vọng với những phế tích đã tìm thấy, những mảnh sứ, miểng sành, chứng tích đồ gốm dùng sinh hoạt trong hoàng cung qua các triều đại, gốm sứ Hoa, Nhựt, Tây Á... cho thấy Thăng Long còn là trung tâm giao lưu văn hóa với các nước và tiếp nhận những giá trị tinh hoa của nhân loại. Những tảng đá kê chân cột, những hố sỏi trụ móng giúp các nhà khảo cổ mở ra quy mô cung điện, đình tạ xưa. Những tấm gạch lát, mẩu gạch đúc khuôn hình hoa, giúp các sử gia diễn tả các hành lang, ngự đạo, sân rồng. Những thẻ gạch nung giúp các thợ chuyên môn sắp xếp xây lại cống, kè lại mương. Rồi từ đó các chuyên gia sẽ thuyết minh thêm cho khách trong ngoài nước đến viếng thăm và các nhà truyền thông sẽ phổ biến ra khắp thế giới.

Để các thế hệ về sau tưởng tượng lại công trình và sinh hoạt của những bậc tiền bối hàng ngàn năm trước. Để dần dần nhà cầm quyền, các giới hữu trách hiểu rõ giá trị khảo cổ, biết tận tình trân quý di sản văn hóa của ông cha để lại; sau khi lãnh bằng công nhận khu di tích Thăng Long là Di sản văn hóa thế giới, sẽ xử dụng phần lớn ngân khoản tài trợ của UNESCO và sự giúp đỡ của các cơ quan cùng chuyên gia quốc tế vào đúng việc bảo tồn và phát huy di sản nầy. Nếu được hãy hy sinh bớt chút quyền lợi nhứt thời của một thiểu số để mở thêm phạm vi khai quật, rồi từ đó ít ra cho phác dựng lại mô hình các công trình kiến trúc, đừng để các phế tích bị thất thoát, hay hư hoại theo thời gian, cho đến đời con em, cháu chắt thế hệ sau có điều kiện hơn sẽ tìm cách phục dựng.

Trần Phong Lưu

Tài liệu tham khảo:

- 1. Lịch Sử Hà Nội, *Philippe Papin / dịch Mạc Thu Hương.*
- 2. Mỹ Thuật thời Lý- *Nguyễn Đức Nùng, Nguyễn Du Chi, Nguyễn Tiến Cảnh.*
- 3. Mỹ thuật đời Trần_ " " ", *Chu Quang Trứ, Nguyễn Đỗ Bảo, Nguyễn Bá Vân.*
- 4. 1000 năm Thăng Long - Hà Nội *các GS, Ts. Bùi Tuyết Mai, Vũ Khiêu, Vũ Mão, Phan Huy Lê, .*
5.www.cinet.gov.vn/sukienVH/hoangthanh/hoangthanh.htm
- 6. Chân Ngôn Tông Nhật Bản - *Satoo Ryoosei & Komine Ichiin / HT.Thích Như Điển.*

https://tieulun.hopto.org

Chuyện phiếm Ngày Xuân

• Hoa Lan

Nếu tôi bắt đầu cho bài viết bằng câu "Năm Rồng nói chuyện Rồng" chắc các bạn sẽ lắc đầu cho tôi thuộc loại "Rồng lộn" hay tệ hơn nữa là "Ma Cà Rồng" gì đó cũng chẳng sao, vì tôi không viết về đề tài nóng bỏng này. Tôi viết cái khác cơ! Tôi nhớ câu nhà văn kiêm nhà báo Chu Tử thời xa xưa đã viết, làm báo khi nào thiếu đề tài cứ việc lôi chuyện Tam Quốc Chí ra bàn là viết được thiên thu bất tận, chủ bút hay chủ nhiệm gì cũng không thể mắm muối được. Trước khi bàn chuyện "*lớn*", Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa, tôi xin được sơ qua vài dòng tâm sự cùng các bạn.

Nếu ai đã từng làm độc giả trung thành của tờ báo Viên Giác, đã lỡ mến mộ văn của Hoa Lan, sẽ đặt ngay một câu hỏi to tướng trong đầu: tại sao cả hơn một năm nay không thấy một áng văn nào của cô nàng xuất hiện. Sống chết ra sao? Chết thì chắc là chưa vì khóa tu nào cũng có mặt, họp mặt nào cũng có nàng; nhưng văn thì chết thật rồi! Vâng, con *Ma văn* đã bỏ nàng ra đi không một lời từ biệt, trong đầu Hoa Lan lúc nào cũng chỉ luẩn quẩnh mỗi 2 câu:

Bao nhiêu chữ nghĩa đều quên hết.
Trong đầu chỉ có một chữ „Không".

Tình trạng bị sút trí nhớ dẫn đến nguy cơ bị bệnh „teo não" như thế rất nguy hại cho những tay cầm bút, nhất là ở giai đoạn *Mỗi tuổi nó đuổi xuân đi* như Hoa Lan hiện nay. Các bạn không biết chứ! Đến các chàng Còng mà Hoa Lan cũng quên, lỡ ai nhắc đến A Còng hay C Còng gì đó, nàng chỉ liên tưởng đến bát bún riêu rồi đọc 2 câu thơ tâm đắc: *Tình yêu như bát bún riêu. Bao nhiêu sợi bún bấy nhiêu sợi tình.* Rồi còn chua thêm câu, nếu Hoa Lan chọn bún sợi nhỏ sẽ được nhiều sợi tình hơn.

Trong tình trạng khói lửa ấy, để lôi Hoa Lan trở về với bạn đọc, ông chủ bút Phù Vân đã nhẹ nhàng gửi bức điện meo với mật lệnh như sau: „Số báo xuân Con Rồng, nhất thiết là phải có bài của Hoa Lan". Chao ôi! Sợ quá đi thôi, biết viết gì đây? Còng thì đã bò hết ra biển, cho *Chiếc Gậy Trường Sơn* đi khắp nẻo đường đất nước thì cũng không xong, hoặc theo trường phái "*lên bờ xuống ruộng*" lại càng mau chết, Nghịch Duyên nay đã đổi thành Thuận Duyên và có khuynh hướng biến thành Trợ Duyên nên không còn gì để viết. Cái này phải gọi là *chết cửa tứ*, bốn bề bị thiên la địa võng vây chặt, không còn kẽ hở nào để viết. May thay trong túi còn một cẩm nang lôi ra giải nguy tạm thời để chờ ngày phất cờ viết tiếp. Đề tài lịch sử có cái lợi là rèn luyện bộ nhớ cho tốt, phải nhớ từng tên nhân vật với từng trận đánh vang lừng kim cổ, viết sai sẽ có hàng hàng lớp lớp độc giả viết thơ về tòa soạn hỏi thăm. Nhưng Hoa Lan không còn một con đường nào khác ngoài chuyện dấn thân.

Ngày xưa còn bé, tôi chỉ thích đọc sách và tiểu thuyết, phải gọi là *hầm bà làng*, hổ lốn thượng vàng hạ cám, gặp cuốn nào cũng đọc. Nhưng tôi thích nhất vẫn là bộ Tam Quốc Chí diễn nghĩa, sách vừa dày vừa nặng chỉ có thể để trên bàn ngồi ngay ngắn đọc, chứ không thể nằm võng đong đưa theo dõi từng diễn biến của câu chuyện. Người hùng tôi say mê nhất vẫn là hình ảnh của Triệu Tử Long oai hùng trên lưng ngựa trắng, đơn thương độc mã, một người một ngựa tung hoành trong vòng vây địch để cứu Ấu Chúa. Tướng „Ngũ Hổ" Triệu Tử Long của tôi, ý quên của nhà Thục, ra trận nhiều lần sống đến trên 80 tuổi, nhưng chưa bao giờ bị thương hay gươm đao chạm phải vào người. Cứ như người của cõi thần tiên! Ước gì trong đời mình cũng gặp được một Triệu Tử Long !!!

Người thứ hai tôi cực kỳ ngưỡng mộ ấy là thần tượng của tất cả những ai đã đọc truyện Tam Quốc, Khổng Minh Gia Cát Lượng. Với nhân vật này tôi cần phải học hỏi nhiều, từ cách suy nghĩ đến tài dùng binh, nếu đem áp dụng vào cuộc sống chắc chắn sẽ thành công lớn. Nhưng sau này lớn lên tôi gặp một người còn thông thái hơn thần tượng Khổng Minh gấp bội, người này đã cho tôi biết thế nào là đạo giải thoát, làm thế nào để thoát vòng sanh tử luân hồi, nên tôi đã bỏ Khổng Minh để đi theo ông cụ Cù Đàm, bỏ luôn cả Triệu Tử Long.

Kế tiếp tôi ngưỡng mộ nhân vật Tư Mã Ý, tay này là kỳ phùng địch thủ của Khổng Minh, tài và mưu kế không thua kém gì còn cộng thêm đức tính nhẫn nhục, thế thì chẳng chóng thì chầy sẽ tóm thâu được cả thiên hạ.

Ba anh em kết nghĩa vườn Đào, Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi, họ tuy ba nhưng là một vì đã lỡ cắt máu ăn thề cùng trời đất, tuy không sanh cùng ngày nhưng nguyện chết cùng một giờ. Tuy có nhiều chỗ không đồng quan điểm với họ nhưng tựu trung vẫn ngưỡng mộ ba vị anh hùng nước Thục.

Ai bảo Tào Tháo là gian hùng rồi ghét bỏ, chứ riêng tôi phải phục nhân vật này. Tào Tháo có tài lắm chứ, kể ra không biết bao nhiêu là tài, từ mưu kế đến cách dụng binh, chỉ phải tội hay nghi ngờ người khác, *chẳng thà ta phụ người còn hơn để người phụ ta,* nên trở thành độc ác mà thôi. Làm chính trị đa phần là thế đó!

Bên Đông Ngô có Tôn Quyền cũng đáng mặt anh hùng, lúc 9 tuổi đã trổ tài hùng biện trước các tướng của Viên Thuật để xin đưa xác phụ thân về quê an táng. Sau này đưa Đông Ngô cường thịnh vào thế chân vạt, muốn chống Ngụy phải liên minh cùng với Thục. Từ đó phát

https://tieulun.hopto.org

sinh ra trận hỏa chiến trên sông Xích Bích lừng danh kim cổ. Nếu bên Thục có Khổng Minh thì bên Ngô có Lỗ Túc, một quân sư tài ba và nhân hậu.

Trên đây là một số cảm tình viên của tôi trong tập Tam Quốc Chí, chỉ đi sơ qua vài nét đặc thù của họ mà thôi, ai muốn biết thêm cứ việc tìm bộ phim mới quay gần một trăm tập luyện cho mệt nghỉ.

Sau đây là một vài nhận xét của riêng tôi về nhân vật Chu Du, Tổng Đô Đốc thủy quân của Đông Ngô. Chàng là một anh hùng hảo hán, đẹp trai, học giỏi không biết có con nhà giàu không, nhưng leo đến chức này thì phải giàu rồi. Chàng lại được lấy vợ đẹp, nàng Tiểu Kiều mà Tào Tháo ngày đêm mơ ước: *Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều*. Nghĩa là sẽ xây Tòa Đồng Tước để nhốt hai người đẹp Đại Kiều và Tiểu Kiều đất Giang Nam. Đại Kiều là vợ của Tôn Sách, Tiểu Kiều là vợ của Chu Du. Không biết điều này có thật hay không, nhưng Khổng Minh đã tung ra tin này làm Chu Du nóng mặt phải bắt tay với Thục tham gia trận Xích Bích đánh quân Ngụy thua chạy tơi bời. Con người Chu Du được tất cả chỉ có một điểm sai lầm mà thôi, đó là lòng tự cao tự đại lúc nào cũng cho mình nhất, không chịu thua tài Khổng Minh. Chính lòng **Sân** của Chu Du đã hại chính mình, Chu Du thổ huyết chết là do Tham Sân Si mà ra, cớ sao lại đổ lỗi cho Khổng Minh. Trước khi tắt thở chàng còn cố than câu: *Trời đã sinh Du sao còn sinh Lượng!* Đối với tôi, nhân vật này không có điểm nào đáng yêu cả, nên cần tránh xa vì lòng Sân đã che mờ lý trí, ở bên cạnh có ngày bị vạ lây chết không kịp ngáp.

Đồng bệnh tương lân bên nước láng giềng của Chu Du có nhân vật Trương Phi, một Hổ Tướng của Lưu Bị, thân hình to lớn râu ria rậm rạp, có sức khỏe phi thường. Một mình có thể đấu tới mấy trăm hiệp, ba ngày ba đêm không biết mệt, nhưng Thượng đế rất công bằng cho sức khỏe như thế phải giảm đi cái đầu nên thuộc loại *hữu dõng vô mưu* và một cái tính nóng như lửa. Từ đó trong dân gian có câu ví von „nóng như Trương Phi" là nóng hết cỡ thợ mộc rồi! Chàng cũng làm nên rất nhiều công trạng cho nhà Thục, chẳng hạn chỉ cần cầm đoản đao một mình giơ thân hình lực lưỡng tạo dáng đứng trên cầu Trường Bản đợi quân Tào Tháo. Quân Ngụy còn đang suy nghĩ có nên đẩy Trương Phi bước qua cầu không thì nghe một tiếng hét thất kinh hồn vía của chàng làm đám quân sĩ của Tào Tháo có người bị vỡ mật lăn đùng ra chết. Từ đấy lại có thêm thành ngữ „sợ vỡ mật" hay „ngủ không nhắm mắt, hai mắt mở trừng trừng" tất cả đều ám chỉ nhân vật Trương Phi. Tuy nhiên một anh hùng hảo hán làm nên sự nghiệp lớn như thế lại có cái chết thê thảm cũng do bởi cái tính nóng lừng danh kim cổ và tật nghiện rượu uống như hũ chìm. Thương thay! Và cũng đáng đời thay cho những trang nam nhi lấy câu: *Nam vô tửu như kỳ vô phong*, rượu đã ngấm vào máu rồi thì làm sao cờ bay phất phới được.

Qua hai đại biểu trên ta có thể kết luận bằng câu trích dẫn của ông cụ Cù Đàm: **Một niệm Sân đốt sạch cả một rừng công đức.**

Nhân vật thứ hai trong vườn Đào kết nghĩa là Quan Vân Trường, người đã được phong Thánh sau khi chết, có một số người thờ ngài Quan Công mặt đỏ râu dài, tay cầm trường Đao, mặc áo màu xanh oai phong lẫm liệt. Lúc sinh thời Quan Công là thần tượng của Tào Tháo, muốn đổi gì cũng được từ ngựa Xích Thố đến đầu của 5 tướng giữ 5 thành ngài đã đi qua. Nhưng Quan Công vẫn trung kiên một lòng một dạ với ba anh em kết nghĩa vườn đào. Những điển tích về ngài ôi thôi nhiều vô số kể, nào là "Quan Công phò nhị tẩu" rồi "Quan Công vượt sông sang Đông Ngô đi phó hội"... xem đến đâu là hào khí nổi lên bừng bừng đến đó!

Cuối cùng là nhân vật chính Lưu Bị, một hình ảnh "Quân tử Tàu" chánh hiệu con nai vàng ngơ ngác, nhiều lúc làm tôi muốn tức cành hông. Chẳng hạn chuyện lấy đất Kinh Châu làm bàn đạp tiến quân, nhưng người hùng Lưu Bị cứ dùng dằng bị mấy chữ đạo nghĩa của cụ Khổng đè nặng trên đầu nên không làm được chuyện lớn. Tuy nhiên đây cũng là điểm tốt của Lưu Bị, một con người trung hiếu, thủy chung như thế nên các người tài mới về phò dưới trướng trong đó có Khổng Minh. Về đường tình ái Lưu Bị cũng thuộc loại tốt số, lúc bôn ba rong ruổi trong chiến trường luôn luôn có hai vị phu nhân hòa thuận đi theo. Khi nguy khốn có vị phu nhân đã nhảy xuống giếng tự tử cho Triệu Tử Long nhẹ gánh giải nguy phò A Đẩu. Sau này vào tuổi 48 vẫn lấy được vợ vừa trẻ, vừa đẹp lẫn tài hoa và danh giá như Tôn Phu nhân em gái 18 tuổi của Tôn Quyền. Tuy nhiên đường con cái của Lưu Bị có Sao Quả Tạ chiếu, cây chỉ có mỗi một quả mà quả lại lép. Thông thường thì *Hổ phụ ắt sinh Hổ tử*, nhưng đằng này Bố anh hùng bao nhiêu con lại hèn bấy nhiêu, nên giang sơn sau này phải lọt vào tay nhà Tư Mã.

Trở lại bối cảnh thời nhà mạt Hán ấy, vua thì bé tí tẻo teo nên Thái Sư Đổng Trác tha hồ chuyên quyền không coi ai ra ký lô nào cả. Cộng thêm sự hỗ trợ của cậu con nuôi sức khỏe phi thường Lã Bố, chỉ cần nhìn cậu Lã Bố oai hùng múa thương trên lưng ngựa Xích Thố là đã chết khiếp rồi! Loạn lạc nổi lên tứ bề, dân chúng oán than kêu trời không thấu, khiến quan Tư Đồ phải dùng mỹ nhân kế để diệt trừ Đổng Trác. Chẳng là trong nhà có cô con gái nuôi Điêu Thuyền thuộc diện Tứ Đại Mỹ Nhân, nên đã nhờ nàng đóng vai chính trong vở tuồng *Lã Bố hý Điêu Thuyền* tại Phụng Nghi Đình ở dinh của Đổng Trác, để cho hai bố con tranh nhau một người đẹp rồi tự giết hại nhau.

Xin được đi lạc đề về 4 người đẹp khuynh thành đổ nước của Trung Hoa thời xa xưa, đó là những danh hiệu: hoa nhường, nguyệt thẹn, chim sa và cá lặn được dành riêng cho Tứ Đại Mỹ nhân như sau:

. Dương Quí Phi của vua Đường Minh Hoàng, nàng đẹp đến độ hoa đang nở thẳm thấy nhan sắc nàng cũng nhường một bước cụp vội cánh hoa. Biết đâu đóa hoa tay nàng chạm phải là hoa Trinh Nữ!

. Điêu Thuyền thời Tam Quốc, khi nàng ban đêm ra sân than thở với trăng về vận nước, trăng thấy nhan sắc của nàng cũng phải thẹn thùng với mây che mặt. Biết đâu lúc ấy gió thổi cụm mây che khuất ánh trăng!

. Chiêu Quân thời nhà Hán, phải đi cống Hồ nên có người làm thơ tặng nàng: *Chiêu Quân biệt Hán sang Hồ. Biết rằng có nổi cơ đồ hay không?* Nhan sắc của nàng đẹp đến nỗi chim đang bay trên trời nhìn thấy nàng cũng ngẩn ngơ như ngã đạn.

https://tieulun.hopto.org

. Tây Thi dệt lụa, mỗi lần nàng đem lụa ra sông giặt, bóng nàng in trên nước, cá đang lội cũng phải lặn xuống sâu. Nàng Tây Thi là gái nước Việt, thấy sử sách viết như vậy chứ ai biết được thời Đông Châu liệt quốc hàng rào biên giới phân chia như thế nào?

Do những điển tích như trên, thiên hạ hay chọc ghẹo các người đẹp hậu thế bằng những thành ngữ dân gian hóa như: *đẹp nghiêng thùng đổ nước... lèo*, hay có một nhan sắc *chim sa cá lặn*, một vẻ đẹp *hoa nhường nguyệt thẹn*.

Trở về với chủ đề chính, sau khi ba anh em kết nghĩa vườn đào dấy binh chiêu mộ hào kiệt để phò nhà Hán, Lưu Bị vì mến tài của Khổng Minh Gia Cát Lượng đã kiên nhẫn không quản ngại mưa tuyết đường xa ba lần đến gõ cửa cầu hiền. Việc làm *Quá tam ba bận* thành khẩn của Lưu Bị đã khiến Khổng Minh chạnh lòng, nhất định theo phò cho đến chết và khi chết rồi vẫn còn nghĩ kế nhát ma được Tư Mã Ý để quân Ngụy rút lui. Bắt đầu từ đây Khổng Minh đã đem câu thần chú: **Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa** ra làm kim chỉ nam cho tất cả các chiến lược chiến thuật trong các trận đánh. Nếu lần ra quân nào cũng hội đủ cả 3 yếu tố trên, chắc chắn thắng lợi sẽ về ta không chệch đi đâu một ly nào.

Đấy là chuyện ngày xưa thời Tam Quốc, chứ bây giờ thế kỷ thứ 21 thời siêu vi tính vẫn có khối người áp dụng câu thần chú này để làm việc cộng đồng hay hoằng dương chánh pháp. Một thí dụ điển hình mới nhất đây là cộng đồng người Việt TNCS tại Bá Linh đã tổ chức thành công ngày Hội Ngộ và Tri Ân xứ Đức, ngày lịch sử ấy là 03.09.2011 hội đủ cả 3 yếu tố Thiên thời, Địa lợi và Nhân hòa.

. **Thiên thời**, phải đợi đến 30 năm người Việt tại Bá Linh mới tìm được một ngày lịch sử để cám ơn cái xứ sở nhân đạo đã dang rộng vòng tay tiếp nhận mình. Tại sao phải chờ lâu thế? Còn phải đợi thời cơ đến hay sao? Vâng, thế hệ thứ nhất còn mải lo củng cố cuộc sống, tạo dựng tương lai cho con cái. Thế hệ thứ hai phần lớn đã thành công trên đường đời, nên các bậc cha mẹ mới nghĩ đến câu *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* hay *Uống nước nhớ nguồn* trong các bài học vỡ lòng ngày nào. Tại sao Thiên thời lại đến vào ngày ba tháng chín năm 2011 mà không phải là ngày khác? Thật đơn giản vì đó là ngày thứ bảy độc nhất trong năm mà đại sảnh Audimax của trường Đại học Kỹ thuật Berlin còn trống, không chịu nhận thì chờ đến sang năm mới cám ơn được xứ Đức. Sau này xảy ra nhiều vụ tranh cãi về ngày định mệnh ấy, có kẻ bảo tại sao ban tổ chức chọn chi ngày ba tháng chín hơi bị cận ngày với hai tháng chín khiến họ bị dị ứng không thèm tham dự. "Ban tổ chức", ba chữ này sẽ được giải thích rõ ở phần sau, đành dùng thế võ *Mũ ni che tai* để tiếp tục con đường dấn thân đầy gian khổ nhưng chứa nhiều vinh quang.

. **Địa lợi**, Bá Linh là thủ đô của nước Đức nên không ít thì nhiều cũng mang một tầm vóc chính trị cao. Vả lại tất cả các nơi chính yếu trên xứ Đức như Hamburg, München, Frankfurt... đã tổ chức thành công lớn việc cám ơn xứ Đức từ lâu, vậy mà nơi lỗ rốn của quốc gia lại chưa chịu làm xem sao cho được. Đất thủ đô chứa nhiều thành phần người Việt đặc biệt hơn những nơi khác, làm gì có nơi nào sản xuất được "*Tường Nhân*" và hình ảnh họ trèo tường vượt qua bức tường ô nhục chia cắt Đông Tây cũng đã gây nhiều ấn tượng lắm rồi. Ngoài *Thuyền Nhân* chạy trốn bằng thuyền, xứ Bá Linh này còn có *Bộ Nhân* gồm những người Việt Lào chạy trốn bằng đường bộ, cứ việc đi tà tà dọc theo biên giới là đến các trại tỵ nạn ở Thái Lan ngay. Nhóm *Phi Nhân* tương đối cũng khá đông, họ có nhiều phước báu từ đời trước nên được đi bằng máy bay sang theo diện đoàn tụ gia đình và được chính phủ Đức nuôi xái cổ, đĩ nhiên chỉ những người đã mất sức lao động mà thôi. Chưa hết, một nhóm chiếm đại đa số có tên là *Lao động hợp tác* mới đáng ngại, họ có một đội ngũ tay nghề và một lực lượng làm việc dẻo dai ngày đêm không biết mệt nếu biết chỗ nào kiếm ra tiền, chỗ nào chứa kim ngân. Còn nhiều thành phần khác nhưng quá nhỏ không thể nào kể ra cho hết, nhưng chung quy tất cả mọi người Việt sống bình yên trên xứ sở này ít nhất cũng một lời cám ơn xứ Đức.

. **Nhân hòa**, hai chữ này nghe quen quen nhưng rất lạ tai với cộng đồng người Việt ở Tây Bá Linh, họ thành lập rất nhiều hội đoàn và sinh hoạt chung với nhau trong những kỳ Tết Nguyên Đán hay Tết Trung Thu. Thời gian đầu cộng đồng hoạt động rất hăng say và mang nhiều lợi lạc đến cho mọi người, nhưng sau này cũng giống như chu kỳ của trời đất, hết thịnh lại đến suy, trăng tròn rồi lại khuyết. Do đó ngày một anh người công giáo gốc hướng đạo là con rể của một Sư Cô, đến Chùa phát truyền đơn kêu gọi mọi người hưởng ứng ngày Tri Ân xứ Đức do anh đề xướng ra. Trong bụng ai cũng muốn ủng hộ anh, nhưng thực tế nhìn anh với hình ảnh của vầng trăng khuyết, không tiền, không thế, không tài như thế mà làm nên cơ đồ gì. Nhưng anh có một cái tâm và sự can đảm hơn khối người nên từ từ "Ban Tổ Chức" đã được thành hình với 6 thành viên; người lớn tuổi nhất là sinh viên du học trước 75 trong tổ chức Nhà Việt Nam; người làm trang web trong tổ chức Người Việt Tự Do, người trẻ tuổi nhất là công chức trong ngành giao thông, vượt biên sang Đức lúc 12 tuổi; hai người còn lại phát xuất từ chùa Linh Thứu, một cựu huynh trưởng Gia đình Phật Tử lâu đời và một Ngoại vụ của Chi Hội chùa Linh Thứu. Thôi thế cũng tạm ổn cho một ban tổ chức từ nhân sự cho đến tài năng.

Cứ 2 tuần họ tổ chức họp một lần, mặc dù đã thông tin bằng mail và điện thoại cho tất cả mọi người từ thân

https://tieulun.hopto.org

hào nhân sĩ đến các bô lão đất Bá Linh, nhưng buổi họp nào tối đa cũng chỉ 6 mống không hơn không kém. Họ cãi nhau hăng say có nên vẽ cờ vàng ba sọc đỏ trên logo hay thơ mời hay không, vì sợ bên Đông bị dị ứng không đến tham dự. Sau hai kỳ họp tất cả đều thống nhất cho cờ vàng bay phất phới và logo có chiếc phao màu đỏ cũng phải đổi thành phao trắng cho mát mắt. Chuyên viên vẽ logo và tờ đặc san kỷ yếu tha hồ vẽ cờ vàng gắn mọi nơi theo quyết định của ban tổ chức.

Nếu đánh giá ban tổ chức này thuộc loại gan dạ có lẽ quá cao vì biết đâu các thành viên đã mắc căn bệnh *Điếc không sợ súng*. Họ làm việc ngày đêm tùy theo khả năng và sự phân chia công việc, ai lo trang web cứ biết việc của mình, ai lo viết thơ mời các chính khách đến tham dự cứ việc viết, người lo tờ đặc san cứ ráng đi xin bài và hình ảnh, nếu không ai chịu viết thì mình ráng gồng lên viết, tự biên tự diễn gì miễn xong việc thì thôi, không ai giẫm chân lên ai. Tuy nhiên trong ban tổ chức cũng phải có một cái đầu dẫn dắt cả nhóm đi, người này phải nhiều năm kinh nghiệm trong cộng đồng và dày công tu tập chánh pháp, không ai ngoài anh cựu huynh trưởng Gia Đình Phật Tử Chánh Niệm. Việc xin phép chỗ họp mở rộng cho nhiều người trong Chùa đã có chị Ngoại vụ lo, trà nước bánh ngọt và cơm chùa lúc nào cũng có.

Thấy họ làm việc hăng say và trong sáng liền tù tì trong suốt mấy tháng, đã thấy kết quả he hé cuối đường hầm là những thơ nhận lời tham dự của các giới chức Đức hạng bự cỡ Thị trưởng trở lên. Thế là cộng đồng bắt đầu tin tưởng cái ban tổ chức "No Name" này, thế ra bọn này làm việc cũng không đến nỗi tệ như mình nghĩ, thôi đổ chút ít tiền vào Konto cho chúng làm tiếp. Kể từ đấy ngày nào anh Website cũng update số tiền ủng hộ của bà con ta mệt nghỉ. Mọi người có thú tiêu khiển mới là mỗi ngày mở trang web ra xem số tiền ủng hộ lên tới đâu rồi vỗ tay reo hò!

Họ vui mừng cũng phải, nhớ ngày mới lập nhóm trong Konto trắng tinh không có lấy một đồng. Theo bản chi tiêu tổng quát chỉ nội tiền mướn phòng, in thơ mời và xuất bản cuốn đặc san kỷ yếu không thôi con số đã lên gần sáu ngàn, chưa dám tính tiền mời siêu sao Tiến sĩ Neudeck đến tham dự. Có người sốt ruột quá đòi xin tiền bà cựu Quốc vụ khanh đặc trách người nước ngoài để tổ chức, nhưng anh chàng công chức trẻ tuổi trong ban tổ chức đã cản ngăn: *Làm thế thì còn gì khí phách của người Việt mình nữa!* Nhưng gần đến ngày đi in kỷ yếu, họ phải triệu tập Hội Nghị Diên Hồng để quyết định ai sẽ bỏ tiền túi ứng trước các khoản chi tiêu cấp bách. Câu trả lời đã ghi trong sử xanh là hai chữ *hy sinh*, nghĩa là ai lo chuyện mướn phòng thì cứ móc túi ra trả trước, nếu lời sẽ được hoàn bồi đầy đủ, còn lỗ đoạn đó tính sau. Phần cuốn đặc san cũng không ngoại lệ, nếu lỗ cứ việc vác sách đi bán dạo hay bán ve chai để thu lại tiền vốn. Mọi người đều nhất trí như thế để yên tâm làm việc.

Thế rồi một phép lạ xảy ra, ngày đi nhận sách gồm bốn chiếc xe hơi phân chia đồng đều một ngàn cuốn kỷ yếu và số tiền ủng hộ chương trình của bà con đã lên đến gần bảy ngàn Euro, dư sức mời thêm các hội đoàn bạn ở xa. Một anh ở Chi hội Phật Tử VNTN Göttingen có làm một khuyến mại cho ban tổ chức, nếu sợ thiếu người tham dự cứ bao tiền xe cho đám lâu la của anh sẽ nhờ được khối việc. Chẳng hạn vừa khuân vác, vừa giữ gìn trật tự kiêm luôn chửi mướn giọng gì cũng được, nếu cần sẽ lên trình diễn luôn văn nghệ. Một khuyến mãi mà ta không thể nào từ chối được.

Cuối cùng ngày trọng đại đã tới, thông thường vào đầu thu trời hay mưa và gió lạnh nhưng hôm ấy trời nắng ấm chói chan rất lý tưởng cho các phụ nữ Việt Nam trong chiếc áo dài. Họ bảo nhau đồng loạt mặc áo dài, từ quầy hàng bán bánh mì hay gỏi cuốn đâu đâu cũng thấy thấp thoáng những tà áo dài đủ màu đủ kiểu. Không biết trong ban tổ chức có tay nào biết bấm độn lựa ngày thời tiết tốt như Khổng Minh mỗi khi ra quân ngày xưa. Chắc chắn là không rồi, vì ngày nào cũng là ngày tốt nếu ta làm chuyệt tốt.

Buổi lễ Tri Ân xứ Đức diễn ra thật trang nghiêm và đúng giờ, khác hẳn với truyền thống cũ của một số người Việt Nam là giờ cao-su và đi ra đi vào ồn ào như chợ vỡ. Các giới chức Đức lần lượt lên sân khấu nói lời phát biểu, ai cũng ngạc nhiên và cảm động cám ơn người Việt đã nhớ tới việc làm của họ từ 30 năm trước mà Cám ơn xứ Đức, một việc mà họ tưởng chừng như bụi thời gian đã xóa nhòa dấu vết. Thế rồi người cám ơn qua kẻ cám ơn lại, mừng mừng tủi tủi ôm nhau ứa lệ trên sân khấu. Để tượng hình trong thời đại siêu vi tính, tất cả các video hình ảnh đều được ghi lại trong trang web của ban tổ chức: www.global-site.de/danke-deutschland .

Buổi lễ không những gây tiếng vang trong quần chúng Đức mà còn quy tụ được rất nhiều giới trẻ Việt Nam đến tham dự, thế hệ thứ hai và hai rưỡi đã tham gia tất cả các chương trình văn nghệ biểu diễn rất đặc sắc từ Hoạt cảnh vượt biên bằng điệu nhảy Hip Hop đến các màn vũ dân tộc ba miền. Thời gian trước buổi lễ, ban tổ chức đã tạo điều kiện cho giới trẻ liên lạc với nhau bằng facebook và gặp gỡ để học lịch sử Việt Nam cho đúng. Câu hỏi tại sao chúng ta phải rời bỏ quê hương cũ để nhận xứ Đức làm quê hương thứ hai? Tại sao chúng ta phải cám ơn xứ Đức?... Là đề tài nóng bỏng, một em viết trong facebook là em đi làm đã trả thuế cho xứ Đức đầy đủ, tại sao còn bắt em cám ơn. Một em khác chắc được bố mẹ huấn luyện kỹ nên trả lời, phải cám ơn xứ Đức đã cưu mang gia đình em, vớt bố em từ lòng biển; nếu không giờ này các em còn ở lại Việt Nam chỉ có thể đi đánh giày hay bán vé số kiếm ăn. Nếu một cậu bé khoảng 18 tuổi sinh ra tại Berlin, tiếng Việt chỉ bập bẹ được vài câu mà chỉnh được đám bạn đồng trang lứa, cho biết thế nào là nguồn gốc thật sự của mình, thì buổi Hội Ngộ và Tri Ân hôm ấy đáng đi vào lịch sử.

Vì số người hiện diện hôm đó lên đến hơn 500 người, nên lời tiên đoán của chiêm tinh gia "Thông Tin Berlin" trong sân Chùa hôm lễ Phật Đản PL.2555 có hơi bị sai lệch khá nhiều. Cũng có thể quẻ gieo không trật, nhưng những yếu tố khác đã trợ duyên cho buổi lễ thành công ngoài sức tưởng tượng của mọi người. Ấy là yếu tố: **Nhân Hòa.**

Ngày xuân nơi xứ người không có gì ngoài ba câu chuyện phiếm tặng các bạn đọc cho ấm lòng thế thôi.

Chúc các bạn một ngày vui.

Hoa Lan
(Vào đông 2011)

https://tieulun.hopto.org

ngày Tết nhớ Mẹ

• **Trương Phú Thứ**

Lúc tôi "gõ" những dòng chữ này thì u tôi vừa mừng sinh nhật lần thứ một trăm. Bây giờ u tôi hoàn toàn bị lẫn, không còn biết gì nữa. Con cái ngồi bên cạnh cũng chẳng biết là ai. Đầu óc gần như không còn hoạt động nhưng cơ thể thì vẫn khỏe mạnh. Những chuyện bốn năm chục năm về trước, u tôi nhớ đến từng chi tiết. Chuyện gì mới xảy ra ngày hôm nay hoặc cách vài ba năm thì lại quên chẳng biết đâu vào đâu. U tôi vẫn đi lại ăn uống bình thường và không hề phải dùng bất cứ loại thuốc men gì. Mỗi ngày u tôi còn nhai nát mấy quả cau. Lúc nào u tôi cũng cười, môi đỏ tươi, chuyện trò rôm rả, "Cốt trầu đỏ thắm làn môi mẹ". Ở vào tuổi của u tôi mà có được sức khỏe như vậy cũng hiếm lắm. Ông chú tôi cứ nói đùa:

- Ngày trước, mỗi lần sinh các anh chị thì bác uống đến mấy chục bát nước đái nên bây giờ mới được như vậy.

Tôi nhớ cách đây có đến mười năm, ông Thủ Tướng Ấn Độ khuyên dân chúng mỗi ngày nên uống lấy một bát nước đái. Bản thân ông ngày nào cũng đái vào cái ly rồi uống chính nước đái của ông. Chắc là ông Thủ Tướng phải kinh qua những kinh nghiệm bản thân cũng như có nhiều dữ kiện chắc chắn nên mới khuyên bảo dân chúng như vậy.

U tôi là thường trú nhân của nước Mỹ nhưng vẫn giữ quốc tịch Việt Nam. Đã mấy năm nay u tôi "cư trú bất hợp pháp" ngay trên quê hương mình. Cứ mỗi ba tháng u tôi phải "nộp phạt" bốn trăm ngàn đồng bạc Việt Nam vì "tội" cư ngụ trong ngôi nhà trên nền đất thấm ướt mồ hôi và nước mắt của chính mình. Cả cuộc đời của u tôi là một chuỗi ngày vất vả khó nhọc. Đến tuổi già cũng được an nhàn, các con cháu hết lòng phụng dưỡng nên u tôi cũng phần nào được an ủi và yên lòng. Trải qua bao nhiêu cay đắng nhục nhằn của cuộc đời, u tôi vẫn luôn vui vẻ chịu đựng và phó thác tất cả trong sự quan phòng của Thiên Chúa. U tôi rất ngoan đạo, mỗi ngày vài ba lần đi nhà thờ cầu nguyện. Trong nhà lúc nào cũng rầm rì những câu kinh, buổi sáng lúc vừa thức dậy, buổi tối trước khi đi ngủ. U tôi thuộc nhiều bài hát đạo, thỉnh thoảng cũng cất tiếng hát một mình rất nhỏ nhẹ và cung kính. Chắc thời con gái u tôi cũng đã là một ca viên trong hội hát của nhà thờ. Tiếng hát con gái của u tôi phải mượt mà như giải lụa dưới nắng xuân, phải tinh khôi trong suốt như khối thủy tinh trong nắng hè.

Năm mới đến với những ngày Tết vui tươi rộn ràng. Người giàu có Tết của người giàu với cỗ bàn đủ món, quần áo lụa là đủ bộ. Người nghèo manh áo vá che thân, ngày đầu năm dè dặt đụng đũa miếng thịt gọi là hơi hướm "Tết Nhất". Nhưng giàu hay nghèo thì ai cũng hy vọng, cũng mơ ước vào ngày tháng trong năm mới được khỏe mạnh hơn, may mắn hơn, cơm no hơn và áo ấm hơn.

Những ngày Tết năm xưa đang chạy nhảy trong tôi, quê hương mến thương xa đến nửa vòng trái đất và lại không được ngồi bên cạnh người mẹ yêu quý trong giây phút giao hòa của Trời Đất. Quang cảnh chợ Tết và bao nhiêu niềm vui của ngày Tết lúc tôi mới lên năm tuổi đang lao xao chạy nhảy trên chuyến xe u tôi cõng tôi đưa về miền dĩ vãng. U tôi dắt tay tôi đi chợ Tết, tay kia xách một cái bị cói. Hôm nay u tôi diện đẹp lắm. Khăn nhung quần lĩnh, áo len màu đỏ thẫm, lưng thắt ruột tượng màu xanh da trời buông thõng bên hông. Thời con gái u tôi là một thiếu nữ xinh đẹp nhất vùng. Chẳng thế mà thầy tôi, một học sinh đã nhiều năm "nói tiếng tây nhiều hơn tiếng ta" và quen với lối sống thành thị đã "phải lòng" u tôi. Mãi đến cách đây mấy năm, u tôi vẫn còn nhớ lại ngày cưới với hơn một trăm chiếc xe tay và tiệc tùng đình đám đến cả hơn tuần lễ.

Đường đê dưới cơn mưa phùn ở miền Bắc chỉ hơi ẩm ướt. Những vạt hoa cải vàng nhạt nhòa dưới chân đê chạy dài ra đến tận bờ sông. U tôi rón rén bước đi nhẹ nhàng dưới làn nước mờ sương của buổi sớm mai lúc trời đất chuyển mình bước sang Xuân. Tiếng người gọi nhau nói cười rộn rã. Ai cũng hớn hở chờ đón những ngày tháng trong năm mới tràn đầy phúc lộc và thật nhiều may mắn. Con đường đi đến chợ huyện tràn ngập những xôn xao rộn ràng của một mùa Xuân mới. Đến chợ Huyện, u tôi mua cho tôi hai cái bánh rán. Chiếc bánh rán tròn như quả quít, lớp mật bóng nhẫy dưới những hạt vừng óng ả vàng rộm. Nhân đậu xanh ngậy mùi đường mía thơm ngào ngạt. Tôi bám áo u tôi đi xem chợ, vừa ăn bánh vừa xem một ông già làm những con "tò-he" đủ màu sắc với nhiều hình thù của muông thú. Phiên chợ ngày Tết chắc hẳn phải nhiều người mua bán hơn những buổi chợ quanh năm. Người đi người đến ai cũng có vẻ vội vàng tất bật mua bán. Gặp những người trong làng, u tôi đều đứng lại chuyện trò một lúc. Chuyện mùa màng, chuyện sắm sửa những vật dụng và đồ ăn thức uống cho ba ngày Tết.

Chợ Tết ở nơi thôn dã nghèo nàn nhưng thật vui vẻ. Mọi người ai cũng muốn quên đi những khó nhọc vất vả trong năm, những buồn phiền lo lắng cũng được xếp lại một xó để có được một niềm vui sau những ngày dầm mưa dãi nắng ngoài đồng ruộng, "bán mặt cho đất bán lưng cho trời". Cô hàng xén cười tươi, áo nâu non quần lĩnh đen nhánh, cất lời chào hỏi mời mọc mua bán. Giọng chào hàng trong trẻo thật duyên dáng của cô hàng xén như cầm chân đám trai tráng ngẩn ngơ nhìn. Những chiếc bút máy bên một chồng vở còn thơm mùi giấy của cô hàng xén là một ước ao của tôi nhưng ước ao ấy chỉ là mộng mơ vào những ngày mới chập chững đánh vần tập đọc. Ông hàng thịt mặt mũi bóng nhẫy, tay dao tay thớt hò hét sai bảo vợ con. Thầy u tôi đánh đụng với chú tôi con lợn gần một tạ, đủ thịt để làm giò nem ninh mọc trong suốt cả những ngày Tết kéo dài cho đến giữa tháng Giêng. U tôi đi ngang qua hàng thịt nhưng cũng đứng lại hỏi han xem giá cả ra sao. Cụ lang ngồi giữa hai bồ đựng thuốc Nam bắt mạch hốt thuốc; mùi thơm của những vị thuốc Bắc thoang thoảng trong cơn gió nhẹ. Ông thầy bói ngồi chồm hổm ngáp vặt chờ thân chủ, đôi kính đen như mờ mịt sau cây nhang đã gần tàn, hai cái chân gà khô khẳng khiu trong một cái

https://tieulun.hopto.org

đĩa đặt trên mặt tráp nhìn thật trơ trọi như vận may rủi của chính ông thầy. Chỗ ngồi của người bán rau quả chiếm gần nửa chợ. Những bó cải ngồng non xanh biếc bên cạnh rổ quít vàng thẫm. Rau thơm rau mùi chẳng thiếu thứ nào. Mấy bà hàng rau khăn mỏ quạ kín đầu, bã trầu đỏ thẳm cắn răng chuyện trò ầm ĩ. Mấy tiếng cãi nhau lọt thỏm vào tiếng nói tiếng cười hớn hở mừng Xuân đón Tết.

Đến gần trưa, u tôi dẫn tôi đến khu hàng quán ăn uống. Gánh phở, hàng thịt chó, hàng bán lòng lợn tiết canh và nhiều thức ăn uống khác. U tôi xà vào một gánh bún riêu có vẻ quen thuộc. Gọi là gánh bún riêu nhưng khi cô hàng dọn lên chiếc mẹt có một nắm rau chuối rau thơm thì hai bát "bún" lại là bánh đúc thái nhỏ. Gạch cua đồng nổi lềnh bềnh trên bát "bún" lấm tấm vàng. Nước canh cua ngọt lịm thơm ngai ngái mùi đất. Chắc là những con cua từ trong hang bò ra chưa kịp rũ sạch bùn đất đã bò vào nồi làm món ăn ngọt ngào thơm ngon cho người dân quê. Tôi cũng được ăn một bát to như bát của u tôi, húp cạn bát mà vẫn thòm thèm. Ăn xong cô hàng bún cho tôi một cái kẹo bột và mời u tôi miếng trầu. Chuyện trò qua lại với cô hàng bún một lúc rồi u tôi dẫn tôi sang chỗ bán đồ chơi cho trẻ con. U tôi mua cho tôi một con gà làm bằng đất. Con gà trống có cái mào đỏ chót và bộ lông vàng mượt. Trên lưng con gà có một cái ống còn thơm mùi tre, tôi thổi hết hơi vào, con gà gáy vang trời. Thích quá! U tôi còn mua cho tôi một bức tranh Tết vẽ một đám lợn con đang bú mẹ. Con lợn xề nằm lim dim mắt âu yếm đàn con. Năm nay tôi đã biết đọc biết viết nhưng đêm đến tôi vẫn rúc vào nách u tôi ngủ mê mệt. Hơi ấm của u tôi là bếp lửa mến yêu, dạt dào lòng mẹ bao bọc chở che.

Sắm sửa Tết cho tôi xong rồi, u tôi mới đến chỗ bán mật. Bà bán mật gặp khách hàng quen cầm tay u tôi mời chào rối rít. U tôi lấy trong bị cói ra một cái lọ sành mua đầy mật rồi cũng mua một lọ chè Tàu và vài loại mứt cho ngày Tết. Đến hàng bán vải vóc thì u tôi mới thực sự bận rộn so sánh hàng tốt xấu và giá cả cho khỏi bị hớ. Tiếng xé những vuông vải đủ màu xoàn xoạt trong gió. U tôi mua vải cho cả nhà để sang Xuân gọi thợ may đến đo cắt. U tôi cũng không quên mua vải để khâu cho bà nội tôi cái áo bông.

Chợ búa mua sắm xong thì cũng đã đến giờ phải đi về. U tôi một tay xách cái bị cói, tay kia cặp những xấp vải còn thơm bột hồ đi trên đường đê. Tôi nắm áo u tôi nhảy chân sáo giữa những người đi người về. Ai cũng cười cợt chuyện trò to tiếng. Các bà mời nhau ăn trầu, các ông dừng chân bên bờ đê mang cái điếu cầy ra hút thuốc lào khói mù mịt. Lúc xuống khỏi bờ đê rẽ xuống con đường ngay đình làng, u tôi bảo đến mùng năm Tết có phường hát đến "làm trò". Tôi chưa được xem "làm trò" bao giờ nên cũng không có gì thích thú. Tôi thích ở nhà thổi con gà trống gáy và chơi cục pháo xiết. Tiếng gáy của con gà trống và tiếng lẹt đẹt của cục pháo xiết là Tết, là mùa Xuân mới rộn ràng của tôi...

Tôi gọi điện thoại về chúc thọ và mừng tuổi u tôi:

- U có khỏe không? U ăn Tết có to không?

Tiếng nói của u tôi vẫn to và khỏe, giọng thật vui:

- Cám ơn ông, Chúa thương tôi vẫn khỏe. Chiều nay mời ông về xơi cơm nhá.

Cơn bão mùa xuân

Hoa lá mùa xuân đang thắm tươi
Dừa xanh ven biển khóe môi cười
Tình lên cung nhạc trăng vờn nước
Tha thướt em về bến hẹn vui

Mây xám từ đâu khóa kín trời
Cuồng phong xô giạt lá hoa rơi
Nửa đời mộng tưởng hồn giông bão
Một kiếp u hoài dạ khó nguôi

Anh vẫn đi ôm mộng nước trời
Em còn kỷ niệm, lệ chưa vơi
Quê hương yêu dấu xa vời vợi
Sóng vẫn theo bờ chốn biển khơi

Giông bão trong anh khiến nghẹn lời
Muôn ngàn mong nhớ bởi đôi nơi
Mơ ngày hạnh ngộ xanh hy vọng
Ta có nhau rồi... xuân nối ngôi

Em có anh rồi gió bão thôi
Xuân thu ngà ngọc thắm làn môi
Nụ hôn thần thoại nhòa nhân ảnh
Cây cỏ thì thầm chuyện lứa đôi...

• Nguyễn Phan Ngọc An

U tôi đã không nhận ra được tiếng nói của đứa con mà u đã mang nặng đẻ đau. Tôi ngậm ngùi chưa biết nói gì thì u tôi tiếp:

- Cây quít nhà mình sai quả lắm. Mấy con lợn chóng nhớn quá.

Cây quít và mấy con lợn u tôi nói đến là chuyện ngày xửa ngày xưa, nơi chốn mà u tôi đã cầm tay dắt tôi đi chợ Tết, một làng quê nhỏ bé nghèo nàn dưới chân núi Gôi cạnh dòng sông Lò Gạch bốn mùa nước đỏ quạch như nhuộm phẩm. U tôi vẫn còn những ngày Tết đầy hương sắc với một trời kỷ niệm và một mùa Xuân vui tươi chan hòa Hồng Ân. ◙

https://tieulun.hopto.org

Cô con gái quá giang đêm Mồng Một Tết

• **Phạm Tín An Ninh**

Chiếc thuyền nhỏ mang theo hơn năm mươi người, một nửa là đàn bà và con nít, ra khơi hai ngày thì gặp bão. Chúng tôi may mắn được một chiếc tàu chuyên chở dầu hỏa của Na Uy trên đường từ Nhật sang Singapore cứu vớt. Hai ngày sống trên tàu chúng tôi có cảm giác như đang ở trên một thiên đàng. Tất cả đều được tận tình hỏi han chăm sóc. Chúng tôi cảm thấy vừa mừng vừa xót xa khi nhận ra thế gian này vẫn còn có đầy ấp tình người. Họ là những kẻ xa lạ, không cùng màu da, màu tóc, không cùng ngôn ngữ mà lòng thông cảm yêu thương họ đã dành cho chúng tôi lớn lao biết đến dường nào. Trong lúc những "người anh em" cùng một nhà thì lại hành hạ đuổi xô chúng tôi đến bước đường cùng để phải đành lòng bỏ nước mà đi. Với ân tình đó chúng tôi chọn Vương quốc Na Uy là quê hương thứ hai để gởi gấm phần đời còn lại của mình và vun đắp tương lai cho mấy đứa con nhỏ dại.

Sau gần một năm ở trại tỵ nạn, gia đình chúng tôi được đi định cư. Khi bầu đoàn thê tử như một bầy nai vàng ngơ ngác bước xuống phi trường Oslo, được nhiều người đón tiếp, trong đó lại có cả mấy ông nhà báo và đài truyền hình nhà nước phỏng vấn, quay phim. Gốc nhà quê, nên tôi cũng chẳng biết họ quay phim để làm cái gì. Trước khi về nhà, chúng tôi còn được mời vào một nhà hàng Tàu, và tha hồ gọi bất cứ thức ăn nào mình thích.

Đến khi bước vào ngôi nhà, được bà Trưởng phòng Xã hội trao cho một chùm chìa khóa, dẫn đi một vòng xem phòng ốc đã được trang trí xong nội thất, cái bếp và cả cái tủ lạnh có sẵn đầy đủ thức ăn nước uống, một cái TV màu. Mọi thứ đều mới tinh. Sáu đứa con và hai đứa cháu họ của tôi thì ngồi mân mê mấy cái bàn học, và mấy cái ba lô có đầy đủ sách vở trong đó. Trước khi ra về bà giới thiệu chúng tôi một cô nhân viên của bà, và một cô giáo ở lại hướng dẫn chúng tôi sử dụng mọi thứ tiện nghi trong nhà, và mỗi ngày sẽ đến đưa gia đình chúng tôi đi mua sắm, khám bệnh, làm răng, còn cô giáo thì đặc trách lo việc học hành cho mấy đứa nhỏ. Khi tất cả ra về, tôi nằm dài dưới sàn nhà và chợt khám phá ra rằng mình quả là may mắn được đến định cư ở một nước Bắc Âu xa lạ nhưng thơ mộng và có quá rộng tấm lòng này, mà lúc xuống biển ra đi chắc chẳng có ai bao giờ nghĩ tới.

Buổi tối, cơm nước xong, cả nhà quây quần trước cái TV. Thằng con trai lớn ra điều mới học được văn minh, bấm tới bấm lui tìm đài. Cả đám bất ngờ nhìn thấy dung nhan của mình trên màn ảnh. Thì ra chương trình phóng sự. Họ đang kể về gia đình chúng tôi, "những công dân mới của Na Uy, mà ông bố đã từng ở tù nhiều năm, giống nhiều người Na Uy bị nhốt trong các trại cải tạo của Đức quốc xã, cái thời Hitler làm mưa làm gió ở Âu Châu, và đã can đảm dắt theo sáu đứa con và hai đứa cháu nhỏ vượt đại dương trên một chiếc thuyền đánh cá mong manh". Nghe họ ca ngợi mình mà tôi xấu hổ. Dù gì tôi cũng là kẻ bỏ nước tha hương, với họ, ít nhiều gì cũng là một cảnh tầm gởi. Còn chuyện vượt biển, vượt biên, đến bước đường cùng thì ai cũng phải liều mạng thế thôi, chứ có hàng triệu người còn can đảm gấp vạn lần tôi. Nhiều người đi bằng đường bộ, trèo núi, băng rừng, lội suối, bơi sông, qua Cam Bốt, Thái Lan, để vài năm sau mới đến được Singapore. Và dĩ nhiên đã có biết bao nhiêu người chẳng bao giờ tới bến.

Cũng vì cái chương trình phóng sự bất ngờ này, mà sau đó, mỗi ngày gia đình chúng tôi phải tiếp nhiều người khách không mời, và nhận đủ thứ quà. Trong số đó, đặc biệt có một người đàn bà Việt Nam, mà lúc bà mới bước vào nhà, chúng tôi cứ tưởng là người Nhật, hay là người Tàu gì đó, khi nhìn thấy cái vẻ quí phái đặc biệt của bà. Tôi nghĩ có lẽ không có người Việt Nam nào sống ở cái xứ Bắc Âu xa lạ này từ lâu để có được nét đẹp của một người con gái Đông phương pha lẫn Âu tây ở cái tuổi còn trẻ như bà. Sau đó tôi bất ngờ thú vị khi bà tự giới thiệu tên là Huyền-Trân Thomassen, hiện là giảng sư môn nhân chủng xã hội học tại trường Đại học Oslo, chồng bà là người Na Uy, hiện đang làm Đại sứ tại Mexico. Bà không muốn bỏ nghề bà yêu thích, hơn nữa bà vẫn còn tiếp tục nghiên cứu về ngành này, nên không theo chồng mà ở lại Na Uy với hai đứa con. Lúc nhỏ bà theo cha sang sống ở Thụy Sĩ, khi cha bà là Đại sứ của VNCH tại đó. Người chồng của bà, cũng thuộc một gia đình có truyền thống ngoại giao. Cha của ông cũng một thời là Đại sứ của Na Uy tại Thụy Sĩ. Hai người con của hai ông Đại sứ quen nhau từ khi học chung một trường trung học và làm đám cưới sau khi tốt nghiệp đại học tại thủ đô Bern, một năm trước khi miền Nam Việt Nam thất thủ.

Tôi rất ngưỡng mộ người đàn bà trẻ này. Rời Việt Nam từ lúc 12 tuổi, nhưng bà nói tiếng Việt rất lưu loát, hiểu biết rất nhiều về văn học Việt Nam, từ truyện Kiều của Nguyễn Du, đến bài thơ Hai Sắc Hoa Ty Gôn của TTKH. Điều đặc biệt hơn hết là bà rất quí mến và giúp đỡ tận tình người đồng hương. Gia đình tôi cũng mang nặng khá nhiều ơn nghĩa của bà.

https://tieulun.hopto.org

Những ngày sống hạnh phúc ở quê người, nhìn con cái ngày một lớn lên và đang có cả một bầu trời xanh bao la trước mặt, lúc nào tôi cũng chạnh lòng nhớ lại cái thời mình khốn khó và những bạn bè xưa. Tôi thấy mình nợ nần nhiều người mà không biết làm sao trả được. Trong số này, người mà tôi thường nghĩ tới nhiều nhất và ân hận chẳng giúp được điều gì là Nguyễn Thượng Tâm, người đồng đội và cũng là đứa em kết nghĩa của tôi.

Tâm ra trường sau Tết Mậu Thân. Về trình diện đơn vị tôi khi vừa tròn 18 tuổi. Mặc dù còn rất trẻ, nhưng được đào tạo từ lúc còn nhỏ tại trường Thiếu Sinh Quân nổi tiếng ở Vũng Tàu nên Tâm là một Hạ Sĩ Quan gương mẫu trong kỷ luật và gan dạ trong chiến trường. Tâm hiền lành và rất ít nói. Nhưng không phải vì vậy mà tôi trở thành thân thiết với Tâm và hai thằng kết nghĩa anh em, nếu không có buổi sáng mồng một Tết năm 1969, khi đơn vị chúng tôi tạm dừng quân trong một ngôi làng hoang đổ nát nằm sâu giữa những động cát nơi giáp ranh hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy lúc trước.

Dù đang hành quân, nhưng biết hôm nay là mồng một Tết, tôi thức dậy thật sớm, thay bộ đồ trận mới, đi một vòng chúc Tết anh em. Ngày đầu năm, nằm giữa một khu hoang tàn không một bóng người, chắc ai cũng chạnh lòng nhớ tới gia đình. Chiếc radio từ một căn lều poncho nào đó đang phát ra tiếng hát nỉ non của ca sĩ Duy Khánh, trong bản nhạc Xuân Này Con Không Về của Trịnh Lâm Ngân, làm lòng tôi càng thêm lắng xuống. Đến cuối ngôi làng, tôi bỗng giật mình khi nghe tiếng sụt sùi. Lại gần tôi mới nhận ra Tâm. Anh ta đang quì lạy trước một cái bàn thờ được kê bằng cánh cửa sổ của căn nhà nào sập xuống. Trên bàn thờ dã chiến, tôi thấy có mấy cái hoa rừng cắm trong cái bi-đông nước, hai bát cơm bằng gạo sấy và một lon guigoz có lẽ chứa nước trà hay canh nấu bằng lá giang hay lá tàu bay gì đó. Tâm khấn vái một lúc, quay lại bất ngờ nhận ra tôi. Tâm đưa tay chào và cũng như mọi khi, không nói một lời nào. Có lẽ Tâm biết là tôi đã đứng im lặng ở đây từ lâu lắm. Tôi bước tới nắm chặt tay Tâm, kéo anh đứng lên. Tâm vội rút tay ra lau nước mắt. Tôi đến trước bàn thờ vái một vái, rồi vỗ vai Tâm:

- Em cúng bố mẹ à. Sao đầu năm mà buồn quá vậy em

- Không, bố em còn ở ngoài Bắc, em không biết là còn sống hay đã chết. Mẹ em thì đã qua đời lúc em còn bé lắm. Nhà em ở tận Ý Yên, nhưng bố em đi làm xa, nên phải gởi hai anh em em xuống nhà ông chú ở Hà Nội học, rồi theo gia đình chú ấy xuống tàu há mồm vào Nam luôn.

- Còn anh của em bây giờ ở đâu? Tôi hỏi.

- Anh ấy chết rồi. Anh là Sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến, tử trận đúng ngày mồng một Tết Mậu Thân ở ngay Sàigòn. Hôm nay là giỗ đầu của anh ấy.

- Anh em tên gì?

- Nguyễn Thượng Minh, khi chết anh vừa mới lên Trung úy.

Tôi giật mình. Cái tên Nguyễn Thượng Minh làm tôi nhớ ngay đến một thằng bạn cùng tên hồi còn tiểu học. Tôi hỏi Tâm:

- Vậy có phải em là cháu của thầy giáo Nguyễn Thượng Cầu?

- Dạ phải, nhưng chú Cầu đã chết lâu rồi. Tâm trả lời rồi nhìn tôi ngạc nhiên.

Năm 1954, tôi đang học lớp nhì trường huyện Vạn Ninh. Nhập học được vài tháng, thì thầy Hiệu trưởng Nguyễn Công Tố dắt ba đứa học trò lạ vào lớp giới thiệu với cô giáo Kiệt rồi dặn dò đám học trò chúng tôi:

- Hôm nay trường nhận thêm những em học trò mới, trong đó có ba em vào lớp này. Tất cả các em phải biết yêu thương và giúp đỡ những người bạn này, vì họ đã vừa phải bỏ quê hương, gia đình ngoài miền Bắc, di cư vào đây. Đó cũng là lời kêu gọi của Ngô Thủ Tướng.

Hai thằng con trai và một đứa con gái cúi đầu chào cô giáo rồi quay xuống chào chúng tôi bằng thứ tiếng lạ hoắc khó nghe. Thằng lớn con nhất được cô Kiệt chỉ cho ngồi dãy bàn cuối lớp, ngay phía sau tôi.

Đến giờ ra chơi, bọn tôi bu quanh "phỏng vấn" nó đủ điều. Tên nó là Nguyễn Thượng Minh. Nó và thằng em nhỏ hơn bốn tuổi, nhà ở quê, mẹ chết sớm, ông bố đi làm xa, nên phải gởi anh em nó xuống Hà Nội ở nhà ông chú để học hành, hơn nữa ông lại là thầy giáo. Khi có lệnh di cư, ông chú không liên lạc được bố nó, nên dắt hai anh em nó xuống tàu há mồm vào Nam luôn, rồi được chính quyền phân phối đến định cư ở quê tôi, Vạn Giã, cùng với hơn mười gia đình khác. Nó bảo vài hôm nữa ông chú nó cũng sẽ được sắp xếp cho vào dạy lớp ba trường này, thay cho một ông thầy thuyên chuyển đi nơi khác.

Nó lầm lì ít nói, chắc ngại cái tiếng Bắc Kỳ xa lạ của nó. Nhưng không phải vì điều đó mà làm cho tôi ghét nó, và đã có nhiều lần đánh lộn với nó nữa. Lý do chính là nó đánh bi rất giỏi, giành mất giải quán quân của tôi trong lớp. Nó đánh bi khác với chúng tôi. Chúng tôi để viên bi lên đầu ngón tay giữa rồi bắn đi, còn nó đặt viên bi trong lòng bàn tay và bắn đi bằng ngón tay cái. Vậy mà nó ăn tôi sạch túi. Bọn tôi bảo là nó ăn gian, không được chơi kiểu Bắc kỳ của nó mà phải chơi theo kiểu Trung kỳ của bọn tôi. Nhập gia phải tùy tục. Nó cô đơn một mình nên chịu thua, phải trả lại cho tôi tất cả viên bi nó thắng ngày hôm đó. Vậy mà hai hôm sau nó chơi trở lại, dĩ nhiên với cái kiểu hoàn toàn mới lạ với nó, nhưng nó vẫn thắng tôi oanh liệt. Cuộc đấu bi này bây giờ không phải chỉ giữa cá nhân hai thằng: tôi với nó, mà giữa hai miền Nam-Bắc, cho nên học trò trai gái cả trường bu quanh làm khán giả. Tôi thua trắng tay, mất luôn chức vô địch từ lớp năm đến bây giờ. Dĩ nhiên là tôi ức lắm.

Điều ghê gớm hơn nữa, là chỉ có cuối tháng đầu tiên nó đứng hạng ba trong lớp, lên nhận bảng danh dự sau tôi, nhưng kể từ tháng thứ nhì trở đi nó đều chiếm hạng nhất. Tôi đâm ra hận nó, có nó là tôi mất tất cả. Mấy lần tôi nhại tiếng Bắc chọc quê nó, nó cũng chỉ cười, tôi nghe lời xúi của lũ bạn, bảo nó rờ sau "đít" coi có còn tòn ten cọng rau muống nào không, nó chỉ im lặng. Có lần bọn tôi xô nó ngã, nó chỉ cười, đứng dậy rồi phủi bụi trên áo quần. Tôi thua nó, nhưng cố làm ra vẻ tự mãn: "nó vẫn chỉ là một anh hùng cô đơn, không có ai chơi với nó".

Đùng một cái nó nghỉ học. Chẳng có ai biết lý do. Nhưng rồi vài ngày sau nó tới trường, nhưng không phải

https://tieulun.hopto.org

để học mà để bán bánh mì và cà rem. Cô giáo và bạn bè hỏi, nó khóc và bảo là bà thím, sau khi cãi vã với chú nó một trận, không nuôi hai anh em nó nữa, nó phải tự "khắc phục" để còn nuôi một thằng em nhỏ. Hôm đó bọn tôi nhiều thằng cũng khóc theo với nó. Chờ cho tất cả vào lớp, tôi ở nán lại chỉ để ôm nó và nói một lời xin lỗi về những điều đã qua. Nó nhìn tôi thân thiện, và bảo là nó chưa hề để tâm tới điều ấy. Tôi "tâm phục khẩu phục" nó. Nó còn nhỏ mà thông minh và thánh thiện hơn tôi nhiều.

Tôi bèn làm ngay một cuộc "quảng cáo" cho bánh mì và cà-rem của nó, vì vậy hôm nào nó mang mọi thứ tới trường là bán sạch ngay trong giờ ra chơi buổi sáng. Sau đó tôi còn kêu gọi một cuộc lạc quyên giúp nó: gạo, tiền xu, tiền cắc, áo quần, có thằng còn mang tới cho nó cả buồng chuối và một trái mít nữa.

Rồi nó cũng được chính quyền giúp đỡ, tôi nghĩ như thế, nên vài tuần sau nó trở lại lớp học, và chỉ bán bánh mì trong giờ ra chơi. Nó vẫn học giỏi, vẫn đứng đầu lớp, nhưng lần này nó không còn là anh hùng cô đơn nữa mà nó có đông đảo bạn bè, mà thằng thân nhất chính là tôi.

Ông chú nó, thầy giáo Nguyễn Thượng Cẩu, cũng đã vào trường dạy lớp ba, nhưng bây giờ anh em nó không còn ở chung với ông chú nữa, mà chỉ đến thăm ông vào những cuối tuần. Có khi nó dắt tôi đi theo. Vì vậy tôi mới biết ông thầy, chú nó sợ bà vợ Bắc kỳ còn hơn sư tử, nên chẳng dám bênh vực nhiều anh em nó, mặc dù ông rất đau lòng xót xa khi bọn nó phải dọn ra ở ké nhà một gia đình người di cư khác.

Tôi mất mẹ, cha tôi cũng đi làm xa, nên tôi thông cảm hoàn cảnh của Minh, nên thường đưa anh em nó về nhà ông bà nội tôi và chơi với đám anh em họ hàng của tôi.

Khi xong tiểu học, tôi vào Nha Trang học trung học, cũng là lúc phải chia tay nó. Bởi Minh cũng vừa theo một số người di cư vào tận khu định cư Phước Tỉnh nào đó ở trong Nam, người ta bảo trong ấy làm ăn khấm khá hơn ở quê tôi nhiều lắm. Từ đó, tôi không gặp lại nó, mặc dù trong ký ức tuổi ấu thơ của tôi, lúc nào hình ảnh nó cũng in lên đậm nét.

Không ngờ hôm nay, giữa chiến trường xa xôi này tôi lại bất ngờ gặp lại thằng em duy nhất của Minh, và lòng tôi lắng xuống khi biết nó cũng từng là lính đánh giặc và đã hy sinh đúng ngày này năm trước: ngày mồng một Tết. Cái ngày mà lời chúc Tết của ông Hồ Chí Minh trên đài phát thanh Hà Nội chính là cái mật lệnh "Tổng Công Kích Tết Mậu Thân" để giết hại bao nhiêu người vô tội, đặc biệt hàng vạn người ở Huế bị chôn sống. Cũng là cái ngày người ta nhận diện được bọn trí thức, sinh viên phản trắc, đã giết hại bao nhiêu thầy, bạn của chính mình.

Sau đó, tôi rút Tâm về làm việc bên cạnh tôi, phụ tránh toán Quân báo gồm toàn những người lính trẻ. Chúng tôi yêu thương nhau như anh em. Rồi vào một đêm trăng sáng, dưới sự chứng giám của đất trời, tôi đã nhận Tâm là đứa em kết nghĩa, sau lần Tâm liều mình cứu tôi thoát chết trong một cuộc phục kích ở Thiện Giáo. Đổi lấy sự an toàn cho tôi, Tâm phải mất hai ngón tay của bàn tay trái và nằm bệnh viện hơn một tháng để được giải phẫu lấy một mãnh đạn nằm sâu trong thanh quản. Sau khi xuất viện, Tâm phát âm tương đối khó khăn. Được Hội đồng Giám định Y khoa xếp vào loại không còn khả năng chiến đấu, Tâm có thể chọn về một đơn vị hành chánh hay tiếp vận nào mà Tâm thích, nhưng Tâm một mực chối từ và nằng nặc đòi trở lại đơn vị cũ. Tâm xác nhận là mình vẫn còn khả năng chiến đấu, hai ngón tay của bàn tay trái và giọng nói khó khăn một chút không gây trở ngại nhiều cho một người lính chiến trường. Cuối cùng Tâm được toại nguyện.

Tôi vừa vui mừng vừa cảm động khi Tâm trở về trình diện. Tâm bảo sống chết gì em cũng muốn ở bên anh. Vì gia đình em có còn ai nữa đâu. Đơn vị này là gia đình của em. Tôi sắp xếp cho Tâm một công việc tạm thời ở hậu cứ để tiếp tục chữa bệnh. Chỉ sau vài tháng giọng nói của Tâm gần trở lại bình thường. Tâm nghe lời tôi xin vào khóa Sĩ Quan Đặc Biệt ở Thủ Đức. Tâm được ưu tiên thu nhận vì gốc Thiếu Sinh Quân.

Ra trường đúng vào mùa hè đỏ lửa 1972, Tâm lại xin trở về đơn vị cũ, lúc này đang ngày đêm nằm trong lửa đạn ở mặt trận Kontum. Năm tháng sau, tôi bị thương, được tản thương về Quân Y Viện Pleiku nằm điều trị gần một tháng. Xuất viện, được điều về Phòng Hành Quân. Cả tháng tôi không gặp lại Tâm, nhưng ngày nào chúng tôi cũng liên lạc trên hệ thống vô tuyến.

Cuối năm 1973, chiến trường lắng dịu. Tâm xin phép về Sài gòn cưới vợ. Vợ Tâm là cô bạn nhỏ ngày xưa trong cùng một viện mồ côi. Bây giờ là cô giáo. Hai người gặp lại và tình yêu nảy nở trong thời gian Tâm học ở trường Thủ Đức. Cả vợ chồng tôi đều có mặt trong ngày cưới, và làm chủ hôn bên họ nhà trai. Đám cưới xong, tôi vận động xin cho vợ Tâm được chuyển lên dạy tại một trường tiểu học nằm trong thành phố Pleiku, để vợ chồng được gần gũi nhau hơn.

Đầu tháng 3.1975 Ban Mê Thuột thất thủ, bản doanh Bộ Tư lệnh SĐ 23 BB bị tràn ngập. Sau một phi vụ bắn nhầm. Ông Tư Lệnh Phó cùng ông tỉnh trưởng Đắc Lắc bị bắt. Hai Tiểu đoàn của Trung Đoàn 44 được trực thăng vận nhảy xuống đầu tiên ở Phước An, quận duy nhất còn lại của tỉnh Đắc Lắc, nhằm vừa ngăn chặn địch quân tràn xuống Khánh Dương theo Quốc Lộ 21, vừa tái chiếm thị xã Ban Mê Thuột khi tình hình cho phép. Tâm có mặt trong toán quân đầu tiên này. Tôi không gặp được Tâm nhưng có liên lạc nói chuyện vài lần trong máy vô tuyến. Tâm rất đau lòng khi phải bỏ vợ và đứa con gái ba tuổi trên Pleiku, trước khi gởi gấm cho anh Trung sĩ tiếp liệu Đại đội cố dắt theo cùng đoàn quân triệt thoái về tỉnh lộ 7, bây giờ không biết ra sao. Tâm khẩn khoản nhờ tôi tìm mọi cách liên lạc và giúp vợ con mình. Tôi lấy cái tình anh em kết nghĩa mà thề với Tâm là tôi sẽ cố gắng hết sức mình.

Không ngờ, đó là một kế hoạch triệt thoái tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, đã làm mất biết bao nhiêu sinh mạng, kéo theo sự sụp đổ cả miền Nam. Ra tận Tuy Hòa, đứng đón dòng người tả tơi, nét mặt còn đậm nỗi kinh hoàng, họ vừa trải qua và chứng kiến biết bao nhiêu cái chết thê thảm để được đến bên này bờ con sông Ba nhuộm máu, tôi nghĩ là tôi chẳng còn có cơ hội nào gặp lại vợ con Tâm. Trở lại Khánh Dương, đúng lúc Phước An thất thủ và đơn vị của Tâm đã phải tan hàng, tôi gặp lại vị chỉ huy của Tâm ở Dục Mỹ, ông xác

https://tieulun.hopto.org

nhận là Trung úy Nguyễn Thượng Tâm đã nằm lại trên đỉnh đồi Chu Cúc, khi chiến đấu tới viên đạn cuối cùng rồi tự sát trước một biển người của địch quân tràn lên chiếm giữ.

Hơn sáu tháng định cư ở Na Uy, cả nhà tôi lúc nào cũng miệt mài để sớm hội nhập vào quê hương mới. Thời gian qua nhanh quá. Mới đây mà chúng tôi cũng đã tập tành tổ chức ngày lễ Giáng Sinh và ăn cái Tết Tây đầu tiên theo truyền thống của Na Uy. Sau đó bận bịu đi học đi làm, và cũng chẳng có cuốn lịch Âm lịch nào để biết ngày nào là Tết Ta, Nguyên Đán. Một buổi tối vợ chồng tôi đang ngồi cãi nhau về thời điểm giao thừa để thắp một nén hương tưởng nhớ ông bà, thì điện thoại reo. Bà Huyền-Trân Thomassen gọi, mời cả nhà chúng tôi tối mai lên ăn Tết với gia đình, chồng bà từ Mexixo cũng mới trờ về. Bà cho biết bây giờ đã là sáng mồng một Tết bên Việt Nam. Thì ra, chúng tôi tệ quá, mới rời khỏi Việt Nam hai năm mà không còn nhớ ngày Tết và tổ chức mừng Tết như bà. Tôi cám ơn và nhận lời bà xong, vội vàng thắp mấy nén hương tạ tội ông bà. May mắn ngày mai là thứ bảy.

Bà biết gia đình chúng tôi có tới mười người mà chỉ có một cái xe Ford vừa nhỏ vừa cũ, nên bà đặt một chiếc taxi tám chỗ ngồi lại đón chúng tôi. Bà xã tôi chỉ huy bầy con gái trên chiếc taxi, còn tôi lái xe chở đám con trai chạy theo sau. Trời thật lạnh, tuyết rơi trắng cả bầu trời. Chúng tôi phải chạy gần một tiếng đồng hồ mới tới nhà bà. Bà ở trong một ngôi biệt thự khá xinh, cách trường đại học Oslo, nơi bà dạy, chừng năm phút lái xe. Trong phòng khách bà trang trí giống như Tết ở Việt Nam, đặc biệt có cả một cành mai thật to (một loài hoa Bắc Âu nở hoa vào mùa đông, nhìn giống như hoa mai) trong một cái bình sứ lớn, nằm ở giữa nhà. Chồng bà rất phúc hậu, và nói được một ít tiếng Việt. Khi giới thiệu ông với chúng tôi bà đùa:

- Hoàng đế Chế Mân của tôi đây.

- Không, tôi là Trần Khắc Chung. Ông vừa đưa tay bắt tay tôi vừa đùa.

Ông ta khá am tường về lịch sử Việt Nam. Ông cũng biết khá nhiều và có những nhận định khá công bình về cuộc chiến Việt Nam. Ông cho biết là lúc cuộc chiến Việt Nam đang ác liệt, khi ấy ông là Trưởng ban Ngoại giao của Quốc Hội Na Uy, đã phản đối kịch liệt những nhóm tả khuynh và đặc biệt là những nhận định và việc làm của ông Olaf Palma, Thủ tướng Thụy Điển. Người đã hô hào ủng hộ Bắc Việt và tuyên bố sẵn sàng chấp nhận cho binh lính Mỹ đào ngũ đến dung thân ở nước ông. Khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, nhìn hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, ông vừa kịp phản tỉnh thì cũng bị ám sát chết.

Bữa ăn còn có cả dưa hành, thịt kho và bánh chưng. Tôi phục bà và thấy xốn xang nhớ những ngày Tết lúc tôi còn nhỏ ở quê nhà.

Ăn uống xong, bà còn lì xì bì thơ màu đỏ cho mấy đứa con và mấy đứa cháu của tôi. Tôi đành phải ngượng ngùng xin lỗi vì không chuẩn bị kịp quà cáp cho hai đứa con của bà. Nhưng bà rất khéo léo, khi bảo sự có mặt của gia đình chúng tôi trong thời khắc đặc biệt này đã là một món quà vô giá, rất có ý nghĩa cho mẹ con bà.

Tôi thay mặt gia đình cám ơn, chúc Tết ông bà và gia đình. Tôi cũng nói lên lòng ngưỡng mộ của chúng tôi đối với một người đã xa quê hương lâu ngày và lập gia đình với một người ngoại quốc mà vẫn còn giữ được truyền thống và bản sắc văn hóa Việt Nam, trong lúc một số người mới chân ướt chân ráo sang đây đã vội tập tành thành người bản xứ, muốn quên hết nguồn cội của mình. Chia tay bà lúc gần mười hai giờ đêm. Đường sá vắng tanh. Tuyết vẫn rơi kín bầu trời. Không quen lái xe trên tuyết, tôi chạy thật chậm. Khi đến trước khu Đại học Blindern, tôi thấy có một người đứng dưới tàng cây thông, đưa tay đón.

Tôi dừng xe lại. Một cô gái chạy tới xin quá giang về nhà, vì cô dự tiệc tối ra, đã gọi taxi khá lâu mà không thấy tới. Tôi bảo đứa con trai lớn của tôi ra ngồi ở băng sau, nhường ghế trước cho cô gái. Khi cô lễ phép chào tôi, và bắt tay mấy cậu con và cháu của tôi ngồi ở băng sau, tự giới thiệu tên Anita rồi ngồi lên ghế, tôi mới nhận ra cô gái gốc Á đông, nhưng phát âm tiếng Na Uy và điệu bộ hoàn toàn như người bản xứ. Tôi ngạc nhiên khi thấy cô đang run vì lạnh. Cô chỉ mặc một cái áo khoác mỏng. Tôi dừng xe, cởi cái áo choàng bằng lông cừu choàng qua vai cô. Gương mặt cô bé xinh xắn dễ thương, nhưng phảng phất buồn.

Tôi hỏi cô bé đến từ nước nào. Cô cho biết cô được cha mẹ nuôi người Na Uy nhận mang về đây lúc chưa tròn ba tuổi, nên cô chẳng biết gì. Sau này lớn lên, cô mới được cha mẹ nuôi kể lại là cô được Cơ quan Bảo Trợ Nhi Đồng LHQ nhận từ một viện mồ côi ở Việt Nam, vào năm 1975. Ông bà xin nhận cô làm con nuôi từ Cơ quan này. Cô bé rất mong muốn được trở lại Việt Nam một lần, để biết nơi mình sinh ra và nhờ người tìm lại tông tích, mồ mả của cha mẹ ruột. Cô sẽ xây mộ cho ông bà. Cha mẹ nuôi có hứa sẽ đưa cô về sau khi cô học xong trung học, và khi nào việc xin visa vào Việt Nam dễ dàng hơn.

Nhà cô không xa nơi tôi ở, có lẽ không quá hai mươi phút lái xe. Khi qua hết mấy khu rừng thông thanh vắng, cô chỉ ngôi nhà lớn nằm lưng chừng trên một ngọn đồi, bảo tôi dừng lại phía dưới. Cô sẽ đi lên bằng con đường tắt. Cô cám ơn tôi, cởi trả lại tôi cái áo choàng. Cô hỏi xin tôi một mảnh giấy, viết địa chỉ xong rồi đưa lại cho tôi. Cô mời tôi đến Lễ Phục Sinh ghé lại nhà cô chơi. Vì chỉ còn một ngày nữa cô phải đi London tiếp tục theo học một năm chương trình trao đổi học sinh. Cha mẹ nuôi của cô rất thích nói chuyện với người Việt Nam, nhất là những người đã từng tham gia cuộc chiến. Tôi hứa với cô là thế nào tôi cũng đến thăm cô cùng ông bà cha mẹ nuôi tốt bụng.

Về nhà, khi kể lại chuyện cô bé quá giang cho vợ và mấy cô con gái nghe, tôi mới nhận ra một điều: sao tôi lại có duyên với những người mồ côi đến thế. Suốt cả đêm hôm ấy tôi nằm trằn trọc nghĩ đến thân phận mình và nhớ thật nhiều đến Nguyễn Thượng Tâm, người mà tôi đã từng nhận làm đứa em kết nghĩa, nhưng mãi đến bây giờ vẫn chưa làm tròn được lời thệ ước của mình.

Đến Lễ Phục Sinh, nhớ lời hẹn, tôi rủ bà xã và hai cô con gái lớn đến thăm cô Anita. Bây giờ là đầu tháng tư mà tuyết vẫn còn rơi trắng cả bầu trời. Nhờ ban ngày nên tôi thấy rõ nhà cô hơn. Ngôi nhà có dáng của một lâu đài, cổ kính, sang trọng. Chung quanh là một hàng thông. Chủ ngôi nhà chắc đã trọng tuổi và giàu có. Ngần

https://tieulun.hopto.org

ngừ một lúc, tôi bấm chuông. Đúng như tôi nghĩ, người mở cửa là một bà già khoảng trên bảy mươi, nhưng còn khỏe mạnh và nói năng vui vẻ lịch thiệp. Bà ngạc nhiên nhìn tôi, và hỏi tôi đến có việc gì bất ngờ mà bà không được báo trước. Tôi xin lỗi, giới thiệu tên mình và cho bà biết là tôi có hẹn với cô Anita, con gái của bà, đến thăm cô ấy và vợ chồng bà. Có lẽ cô Anita quên, không kể chuyện lại với bà. Bà tròn mắt ngạc nhiên:

- Anita nào? Vì đứa con gái duy nhất của chúng tôi đã chết rồi mà.

Bây giờ đến lượt tôi ngơ ngác. Tôi kể cho bà nghe chuyện tôi gặp cô Anita trước cổng trường đại học hồi tháng hai, và cho cô quá giang về đây lúc nửa đêm. Bà mời tôi vào nhà, chỉ cho tôi tấm ảnh treo trên vách.

- Đây chính là cô Anita mà tôi đã gặp, trước khi cô trở lại London để tiếp tục học. Tôi nói to như để xác nhận với bà. Bà nhìn tôi sụt sùi hai dòng nước mắt.

- Đúng rồi, sau lần về thăm nhà và cũng để khám bệnh ấy, thay vì trở lại trường, con tôi phải vào bệnh viện, do một mảnh đạn nằm sâu trong tim từ lúc cháu ba tuổi, và cháu qua đời sau đó một tuần. Trước đây, bác sĩ có khám và chụp hình, nhưng bảo mảnh đạn nằm ở một vị trí khá an toàn, và rất nguy hiểm nếu phải giải phẫu. Không ngờ cháu lại chết vì chính mảnh đạn từ thời chiến tranh này.

Bà ra nhà sau lên tiếng gọi ông chồng, kể cho ông nghe câu chuyện tự nãy giờ. Ông đến chào tôi, và bảo tôi chờ ông bà mặc áo lạnh rồi sẽ dẫn tôi ra nghĩa trang, nằm không xa ở phía sau nhà, thăm ngôi mộ cô con gái. Ngôi mộ phủ đầy tuyết trắng. Bà đưa tay phủi lớp tuyết trên tấm bia, hàng chữ khắc sâu trên bia: ANITA NGUYEN HILDE. Nhìn tấm ảnh trên mộ bia, tôi có cảm giác dường như cô cũng đang nhìn tôi mỉm cười. Tôi đứng trước mộ, chắp hai tay khấn nguyện một đôi điều. Ông bà chủ nhà sụt sùi, bảo với tôi đó là cô con gái duy nhất mà ông bà hết lòng thương quí. Từ khi cô ta qua đời, ông bà chẳng còn thiết tha bất cứ thứ gì trên cõi đời này nữa. Đưa tôi trở lại nhà, ông châm củi thêm vào lò sưởi, rót mời tôi một tách cà phê nóng. Ông bảo nếu cô không chết thì mùa hè này ông bà sẽ đưa cô về thăm quê hương nguồn cội ở Việt Nam. Riêng cha mẹ ruột của cô thật sự đã chết trong chiến tranh rồi.

Dường như vừa nhớ lại một điều gì, ông đứng lên bước tới kệ sách, quay lại nói với tôi:

- Trong hồ sơ của con tôi, người ta có ghi chú: Khi hấp hối, mẹ cháu có trăn trối nhờ người mang nó về một viện mồ côi mà bà quen. Bà có để trong túi áo quần của đứa con một tấm hình khi vợ chồng bà làm đám cưới. Sau tấm hình có ghi tên và đơn vị của ba cháu. Đó cũng là dấu tích duy nhất về gốc gác của cô con gái nuôi yêu dấu của chúng tôi.

Tôi chưa kịp hỏi, ông đã đưa cho tôi tập album, và chỉ cho tôi một tấm ảnh đen trắng ngã màu vàng sậm, được dán ngay ở trang đầu. Nhìn tấm ảnh, tôi giật thót cả người, như đang bị mộng du vào một cõi xa xăm nào đó: hai người trong tấm ảnh chính là vợ chồng Nguyễn Thượng Tâm, người em mồ côi kết nghĩa mà chúng tôi đã lạc mất nhau trong những ngày cuối của một cuộc chiến huynh đệ tương tàn ■

ray rứt bến xưa

Ta về, bến nước sông trong lắm
Soi rõ bóng hình. Thân xác ai?
Nắng gió Nam Hà in vết đậm
Bước đời chưa hẵn hết ươn tai.!

Mặt nước rập rềnh cơn sóng nhẹ
Vỗ bờ chút gió thoảng đong đưa
Tiếng của người xa còn thỏ thẻ
Buổi tiễn lên đường lắm gió mưa...

Thiên hạ dập dìu riêng ta trễ
Bến đò yên lặng vắng đò xưa
Mắt ngóng bờ xa cơn sóng nhẹ
Nắng đổ hào quang nắng đang trưa...

Mấy năm hoang lạnh đêm tù ngục
Mắt lén bên sông cảnh thật buồn
Ta nhớ ảnh hình in thật rõ
Giọng cười, tiếng nói của người thương...

Đêm đêm mơ ước trong xiềng xích
Về với em thơ thỏa ước nguyền
Thân xác rã rời ta thấy mệt
Rào chắn, tường ngăn đá hóa điên.

Bên tai vẫn tiếng em dìu dịu
Lời nói chia ly ướt mắt đầy
Bước trở về đây ta rõ hiểu
Cờ tàn, mất hết. Cõi trần ai..!

Nơi bến nầy đây, chân em bước
Vết còn in rõ, pháo vu quy
Xác pháo hồng loan trên sóng nước
Đời tù ta chấp nhận chia ly...

Vai đời vẫn nặng ơn sông núi
Cờ gãy buồn chi chuyện thế nhân
Bước đời ai khỏi không lầm lẫn
Thì đừng buồn tiếc với cân phân...

• thy lan thảo

https://tieulun.hopto.org

Chỉ là áng phù vân

Đây là truyện ngắn lấy ý từ tất cả tựa đề của 7 tác giả trong tuyển tập "Những Cây Bút Nữ", do đó tên các tựa đề được lồng vào truyện được in chữ nghiêng đậm trong ngoặc kép.

• Song Thư TTH

"***Hai lần hai mươi hai***" có phải không? Đúng rồi, tôi nhớ ngày 22 tuổi tôi đã rời xa Huế, để rồi 22 năm sau tôi từ "***Khung trời Thụy sĩ***" trở về "***Quê hương của Mẹ***".

"***Bâng khuâng***" tôi tìm về "***Lối cũ***" mong một lần "***Tự tình***" "***Nỗi niềm với Huế***", với "***Những tháng ngày không quên***"...

Tôi kéo vali đứng trước cổng căn nhà xưa thời thơ ấu. Giàn hoa Giấy hồng cam rực rỡ phủ ngợp rung rinh trong gió. Bên trái lối đi, trước đây là "***Vườn trầu của Mẹ***" nay đổi thành vườn cải xanh um. "***Con chó nhà tôi***" dạo nào đã chết lâu rồi. Tận cuối vườn cải, đàn gà đang mổ thóc khiến tôi liên tưởng đến "***Bầy gà ri***" dễ thương thuở bé. "***Chị tôi***" từ trong nhà chạy ra kêu lên "***Hồng Mai***" và hai chị em ôm chầm lấy nhau nức nở. Tôi chỉ gọi hai tiếng chị ơi rồi nín lặng. Nỗi nghẹn ngào mừng mừng tủi tủi khiến hai chị em tôi không ai còn nói gì được nữa. Mãi một lúc, chị Hồng Loan mới khẽ nói:

- Vào nhà đi em.

Đi trên con đường nhỏ lót đá ong dọc theo vườn cải bước vào, tôi bàng hoàng trước cảnh điêu tàn, hắt hiu, cũ kỹ gần như hoang phế của căn nhà. Bàn thờ mẹ trơ trọi quá, chỉ là tấm ván gỗ đóng chìa ra ở tường. Trên đó di ảnh mẹ đặt giữa, bát nhang, hai cái dĩa nhỏ cắm hai cây đèn cầy cụt ngủn. Tất cả chỉ có thế. Tôi lấy hai hộp chocolat từ giỏ xách đặt lên bàn thờ, đốt nhang khấn vái. Mẹ ơi! bây giờ chúng con "***Bông hồng thôi cài áo***". Chỉ có di ảnh mẹ, không có của cha. Cha tôi sống hay chết, ở về đâu đến bây giờ tôi vẫn không biết được. Khi lớn lên, hai chị em tôi được mẹ kể về cha. Mẹ không bao giờ quên được cái ngày chị Hồng Loan chỉ hơn hai tuổi, và đúng vào dịp thôi nôi của tôi. Cha mừng cho tôi con búp bê nho nhỏ, ăn một bữa cơm cuối cùng với gia đình rồi cương quyết ra đi theo lý tưởng. Cái lý tưởng của người tập kết ra Bắc đã hủy hoại hạnh phúc, mái ấm một gia đình. Mẹ tôi chạy theo ra tận ngõ, gào khóc ôm chân chồng níu kéo, nhưng cha tôi hất mẹ ra và lặng lẽ ra đi. Mẹ tôi chỉ kịp kêu: "Anh ơi! Đừng bỏ mẹ con em tội nghiệp!". Rồi ngất lịm. Trong gia đình còn lại một thiếu phụ trẻ, hai con thơ. Một mình mẹ phải bươn chải, lo toan cho mọi người. Sống hẩm hiu nhờ vườn trầu, cây trái trong vườn. Mẹ gánh bán ngoài chợ mãi sẩm tối mới về, lại cơm nước, giặt giũ... bao nhiêu việc phải lo.

Khi hai chị em 7, 8 tuổi, một người bạn của mẹ ở nội thành Huế rủ mẹ tôi mở quán ăn. Mẹ một mình từ Vỹ Dạ ra thành Huế làm ăn chung. Không ngờ nhờ may mắn, từ một quán ăn nhỏ dần dần phát triển thành nhà hàng, mở thêm chi nhánh; nghề dạy nghề mẹ xoay qua đầu tư thêm trong ngành khách sạn. Sự nghiệp cứ thế thăng tiến, mẹ lại đầu tư bất động sản. Năm chị em tôi 11, 12 tuổi mẹ đưa ra thành Huế, sau đó cả hai theo học trường Đồng Khánh. Bà ngoại và cậu tôi không muốn ra thành phố, chỉ thích ở lại quê, sống chết theo quê.

Tiếng leng keng từ chuông xe đạp ngoài ngõ làm tôi giật mình đứt ngang luồng hồi tưởng. Nhìn ra, một người đàn ông trạc ngoài 50 đang dắt xe đạp đi vào, ngờ ngợ quen quen, lúc đến gần tôi chợt thảng thốt kêu lên:

- Ủa "***Thầy Giáo Ngọc***" sao thầy lại ở đây?.

Chợt thấy mình không lịch sự trong câu nói. May thay chị Hồng Loan cười nói khỏa lấp:

- Còn "***Thầy Giáo Ngọc***" gì nữa, chào anh rể đi em.

Tôi há hốc miệng một lát mới khẽ thưa:

- Em chào anh Ngọc.

Chữ anh, khiến tôi ngại ngùng không quen, vì anh Ngọc không những trước đây là thầy giáo của tôi mà còn là thầy của chị Hồng Loan. Cách đây gần 30 năm, thầy Ngọc đã từng dạy chị em tôi môn văn từ lớp đệ tam đến đệ nhất.

Thuở ấy, thầy Ngọc là một người phong nhã như tài tử Richard Geer bây giờ, lại thấp thoáng nét phong trần rất đàn ông của Charles Bronson. Thầy lại tài ăn nói có duyên của một giáo sư dạy văn chương và triết nên thầy là đối tượng của nhiều người đẹp nữ sinh Đồng Khánh mơ mộng. Chị Hồng Loan, mệnh danh hoa khôi Đồng Khánh, học trò cưng của thầy giáo Ngọc vì chị cự phách về môn văn. Bài luận nào của chị cũng đứng nhất. Thầy Ngọc chấm bài, yêu qua tư tưởng rồi dần dà yêu luôn cô học trò. Mối tình giữa hai người thật kín đáo. Đến giữa năm đệ nhị của chị, tôi bắt đầu làm con chim xanh nhỏ bé ngậm thư tình bay qua bay lại. Vậy mà thầy Ngọc cũng không thèm hối lộ điểm cho con chim xanh. Những bài luận của tôi vẫn dưới điểm trung bình, có điều thầy chịu khó sửa tỉ mỉ, không như trước đây thầy chỉ kéo một đường dài đỏ choét từ trên xuống dưới, ngoài đề một chữ vụng cho tiện bề sổ sách, vừa khỏi mất công, lại đỡ nhức đầu. Nhưng chính vì vậy, tôi rất nể cái tính thẳng thẳng của thầy. Chuyện tình nào dù kín đáo đến đâu cũng có ngày bị người ta nghi ngờ gièm pha. Không may cho chị Hồng Loan rơi vào "***Sách lược Tào Tháo***" của thầy Ngọc nhằm tung hỏa mù che mắt đám học trò đứng hạng ba sau quỷ ma. Hôm đó Hồng Loan bị kêu lên dò bài, không thuộc, do đêm trước có chương trình Thẩm Thúy Hằng rồi ca nhạc, vì mải mê không học bài, hơn nữa cũng... không sợ thầy. Nào ngờ thầy Ngọc nghiêm sắc mặt nói:

- Hồng Loan, phạt em cầm vở ra đứng ngoài cửa lớp cho đến hết giờ.

Hồng Loan sững sờ, mắt rưng rưng nhìn thầy Ngọc, muốn phụng phịu mà không dám vì trước đông người, nhưng cứ đứng tần ngần. Thầy Ngọc không dám nhìn

https://tieulun.hopto.org

thẳng vào gương mặt não nùng kia, sợ mình... rút lại lịnh. Thầy cố nghiêm mặt hơn, giọng đầy uy:

- Hồng Loan, đi ra ngay cho tôi!

Đến bây giờ Hồng Loan sợ sệt thật sự, rón rén đi ra. Dưới lớp, bọn học trò bấy lâu nghi ngờ mối tình giữa hai người nhìn nhau phân vân.

Tối hôm ấy, trời bỗng trở mưa, gió lại nhiều, tôi ra đóng cửa sổ. Từ trên cao thấy bóng ai như thầy Ngọc đang đứng dưới cây si lớn trước cổng nhà. Giật mình, vì thầy Ngọc không bao giờ đến nhà tôi. Chạy sang phòng chị Hồng Loan, thấy chị đang nằm úp mặt trên gối thổn thức. Tôi gọi:

- Chị Hồng Loan, hình như thầy Ngọc đang đứng dưới nhà mình tề.

Chị Hồng Loan hậm hực:

- Mặc kệ! Thấy ghét!

Không biết chuyện chi giữa hai người, tôi nói:

- Để em mang dù xuống cho thầy Ngọc hỉ.

Chị Hồng Loan hét:

- Hỉ hỉ cái gì? Cấm em mang dù xuống, ai biểu phạt người ta đứng gần hai tiếng, bây giờ phạt lại gấp đôi, đứng suốt đêm luôn cho bỏ ghét.

Tôi trở về phòng, nhìn xuống chỗ thầy Ngọc ái ngại. Chợt thấy chị Hồng Loan tay cầm dù chạy ra, nhưng lại đứng phía ngoài cây si giữa trời mưa, quay lưng về phía thầy Ngọc. Làm bộ? Đã xuống đến nơi còn đứng xa xa, không thèm nhìn mặt. Thầy Ngọc chạy ra quàng vai chị Hồng Loan bị chị hất tay xuống. Thầy Ngọc lấy khăn chậm mặt cho chị Hồng Loan, chắc là nước mắt, chứ không phải nước mưa vì đang che dù, thật đúng *là khi người yêu anh khóc, trời cũng giăng sầu!.* Mãi một lúc lâu sau, chị Hồng Loan ngả đầu lên vai thầy Ngọc, còn thầy quàng qua eo, ôm nhẹ chị Hồng Loan vào lòng. Hai người vẫn đứng che chung một cây dù trong mưa coi như... tự phạt.

Tôi bỗng mỉm cười, thấy mình vô duyên ngó lén chuyện tình người ta, còn "***Chuyện tình anh Cu Yên***" với mình, ai dòm đây. Yên là em bà con cô bác của thầy Ngọc từ Thuận An ra thành Huế trọ học ở nhà thầy. Thời gian qua lại đưa thư cho thầy Ngọc - chị Hồng Loan, chúng tôi thường gặp gỡ tại nhà thầy, rồi yêu nhau. Hai mối tình của chị em tôi mẹ vẫn không biết, nhưng rồi một hôm chị Hồng Loan sơ ý, kẹp hờ lá thư tình của thầy Ngọc vào tập vở, một cơn gió lớn thổi vào phòng làm bay lá thư ra cửa phòng không đóng, nhằm lúc mẹ đi qua, nhặt lên. Thế là việc lộ. Mẹ không bằng lòng. Cho việc thầy trò yêu nhau là sai trái. Gặp khi có người mai mối một ông bác sĩ, mẹ chấp thuận ngay. Chị Hồng Loan khóc hết nước mắt, nhưng không sao cãi lời mẹ được. Lúc đó chị Hồng Loan đang học giữa năm đệ nhất. Muốn chấm dứt mối tình thầy trò, mẹ cho gả gấp hai tháng sau.

Một đêm khuya, ngoài trời mưa tầm tã, chợt thấy chị Hồng Loan quần áo ướt sũng, vừa khóc sướt mướt, vừa chạy về phòng. Tôi nóng lòng chạy vào theo. Chị ôm lấy tôi nức nở:

- Chị yêu thầy Ngọc chết được!, chị yêu thầy Ngọc chết được!. Chị không thể quên thầy, không bao giờ quên!.

Tôi hết hồn:

- Có chuyện gì không chị, sao chị có vẻ hốt hoảng, xúc động quá. Hãy kể đầu đuôi em nghe, song trước hết chị hãy thay đồ, kẻo cảm. Tôi mở tủ đưa chị bộ đồ ngủ, thay xong, chị ngồi rũ rượi nơi đầu giường, ánh mắt mơ màng nghĩ lại việc vừa xảy ra như một cuộn phim đang chầm chậm... chầm chậm quay lại từ đầu.

Hình như chiều nay không có buổi chiều vì vạn vật chìm trong bóng mờ mờ tối, bầu trời như sụp thấp, đầy mây xám, mây đen. Hồng Loan ngồi nơi bàn học viết lá thư cuối cùng cho thầy Ngọc. Viết, rồi xé bỏ đến bao nhiêu lần cho tới khi trời tối hẳn. Bỗng Hồng Loan đứng phắt dậy. Một ý tưởng vừa nảy ra trong đầu, Hồng Loan gọi xe đi nhanh đến nhà thầy Ngọc. Vừa đến nơi, mưa cũng vừa trút xuống, sấm sét rền vang. Dưới nhà không có ai, Hồng Loan đi nhanh lên gác, gõ cửa căn phòng. Cửa mở, Ngọc xuất hiện trong ánh đèn mờ tỏa từ ngọn đèn nhỏ đọc sách ở trên bàn, kinh ngạc khi thấy Hồng Loan, liền kéo vội vào phòng, đóng cửa lại, hỏi nhanh:

- Em đến làm gì?

Hồng Loan đôi mắt rướm lệ, đứng yên, hơi thở dồn dập. Đột nhiên, một ánh chớp nhá lên soi rõ hình dáng Hồng Loan lung linh, huyền ảo. Mái tóc dài buông xõa ngang lưng trông như người đẹp liêu trai từ trong tranh bước ra. Sau ánh chớp không lâu, một tiếng sấm nổ long trời, cùng lúc Hồng Loan ôm chầm lấy Ngọc:

- Em muốn trao thân cho anh. Em muốn có một kỷ niệm thật sâu đậm với anh trước khi đi lấy chồng...

Ngọc mở trừng trừng mắt, hai tay nắm lấy vai Hồng Loan lắc mạnh:

- Hồng Loan, em điên rồi ư! Em có biết anh yêu em ở điểm nào không? Đó là sự đoan trang, kín đáo; một người có tâm hồn, là sự thanh khiết, là sự cao quý ở nơi em. Tại sao bây giờ em bỗng thay đổi quá sức tưởng tượng. Anh biết em bị khích động vì chuyện tình "***Tan vỡ***" của chúng ta. Hồng Loan, trong giờ phút này, em hãy nhìn thẳng vào mặt thầy đây. Với tư cách một người thầy của em, một người trên, thầy muốn dạy bảo em rằng: Điều quý giá nhất của người con gái đem về nhà chồng không phải là của hồi môn đồ sộ, mà chính là tiết hạnh. Em đành lòng đem danh giá gia đình tiêu hủy dưới tay em. Nề nếp của một gia đình em để đâu? Em đành lòng để mẹ em bị tai tiếng khi cuộc đời của người đã quá nhiều đau khổ như em từng kể thầy nghe. Mẹ em đã cực khổ nuôi em khôn lớn, thế mà em đành lòng để "***Gia phong***" nhà em bị chà đạp. Huế nhỏ bé, Huế trầm lặng, Huế cổ kính sẽ nổ tung lên vì sự thác loạn của em. Em hãy hiểu rằng, tình yêu không phải là sự chiếm đoạt; chỉ cần nghĩ đến nhau, tôn thờ lẫn nhau. Đó mới chính là tình yêu thật sự, tình yêu chân chính, tình yêu cao thượng.

Hồng Loan quỵ xuống dưới chân Ngọc, khóc không thành tiếng. Đưa đôi mắt đẫm lệ ngước lên nhìn thầy như một thần tượng. Thầy cao cả quá. Thầy quả là một bậc chính nhân quân tử.

Bỗng Hồng Loan đứng phắt dậy, ánh mắt, gương mặt thật cương quyết nhìn thẳng vào Ngọc, nói lớn:

- Anh Ngọc, em thề!, em xin thề!, thân em dù có ở bên chồng, nhưng suốt đời em chỉ tôn thờ một mình anh, một mình anh!

Ngọc cầm chặt lấy bàn tay Hồng Loan nói:

https://tieulun.hopto.org

- Em hãy về đi, hãy bình tĩnh lại. Thầy ra đón xe cho em về.

- Em tự về, em muốn cơn mưa này sẽ gột rửa sạch những ý tưởng loạn cuồng trước đó của em.

Ngọc ôm chặt lấy Hồng Loan, bàn tay vỗ nhè nhẹ sau lưng. Cái ôm này không phải của một người tình ôm một người tình, mà là sự vỗ về, an ủi của người thầy đối với học trò. Tiếng Ngọc thật trầm buồn, thật dịu dàng:

- Chẳng bao lâu em sẽ về làm dâu nhà người, làm vợ người ta, thầy muốn lấy câu của Aldous Huxley để khuyên em. Đây là bí quyết của hạnh phúc và đức tính: "hãy yêu những cái mà ta bắt buộc phải làm".

Hồng Loan vùng khỏi tay Ngọc, chạy nhanh xuống gác, bụm chặt hai tai gào lên:

- Em không làm nổi! Em không làm nổi!

Ngọc đứng lặng, chết sững.

Mưa bên ngoài vẫn rơi như trút nước. Sấm sét vẫn nổ như long trời.

Sáng hôm sau khi vào lớp không thấy Hồng Loan, tuy trong lòng hết sức lo lắng, nhưng ngoài mặt Ngọc cố giữ bình thản giảng bài. Một lát Hồng Loan xuất hiện ở cửa lớp, hai mắt hơi sưng đỏ. Ngọc ra hiệu vào chỗ, rồi bỗng chuyển đề tài:

- Hôm nay, tôi sẽ giảng các em nghe về một vấn đề rất thiết thực trong cuộc sống. Nó giúp tâm hồn ta được bình lặng, vui vẻ trước nghịch cảnh: Thế nào là ý nghĩa hạnh phúc trong đau khổ? Đôi khi trong đau khổ, ta vẫn tìm thấy được hạnh phúc. Nó đến, do chính bản thân ta nhận thức, tự lãnh hội những ý nghĩa của sự sống để quên đau khổ. Thầy ngừng lại nhìn xuống lớp, thấy tất cả đều như ngớ ngẩn. Thầy liếc nhanh về phía Hồng Loan, vì chính những lời giảng này thầy muốn thầm lặng gởi đến người mình yêu. Hồng Loan hai tay chống cằm, đầu cúi xuống. Ngọc tiếp tục giảng:

- Nếu các em không hiểu, thầy sẽ đưa một ví dụ điển hình rất thực tế. Như khi ta bị một vết thương, đau đớn chính là sự đau khổ. Khi vết thương sắp lành kéo da non, lớp ngoài đóng vảy, ta sẽ thấy ngứa ngáy muốn gãi, càng gãi càng cảm thấy thích, giải tỏa được sự khó chịu; đó chính là hạnh phúc. Tuy nhiên chỗ da non rướm máu, hơi xót lại làm ta đau. Cả hai cảm giác cùng lúc hòa trộn lẫn nhau. Cho nên để kết luận, có thể nói đau khổ chưa hẳn là hoàn toàn đau khổ, ta vẫn có thể tìm thấy hạnh phúc trong sự khổ đau.

Câu chót Ngọc nhấn mạnh, lần nữa liếc nhanh về phía Hồng Loan. Ngọc bỗng nói:

- Còn gần một tiếng đồng hồ, các em có thể làm nhanh bài luận với câu hỏi: Thế nào là hạnh phúc?

Cuối giờ các học sinh nộp bài. Hồng Loan nộp sau cùng. Ngọc cầm lấy liếc nhanh bỗng sững sờ, trên tờ giấy học trò ướt sũng nước mắt và chỉ ghi vỏn vẹn một câu:

"Thế nào là hạnh phúc!!? Hồng Loan".

Những bài luận này, Ngọc không bao giờ trả lại cho học sinh. Riêng bài luận của Hồng Loan, Ngọc trân quý giữ gìn xem như một lá thư tình cuối cùng...

⁂

Ba tháng, sau đám cưới, ông bác sĩ, chồng Hồng Loan đã lộ bộ mặt đào mỏ. Ông yêu cầu vợ về xin mẹ mua nhà mở phòng mạch. Hồng Loan không bằng lòng, thế là vợ chồng cắn đắng nhau. Rốt cuộc chồng Hồng Loan không cần tự trọng gì cả, tự mình về xin bà mẹ vợ. Mẹ Hồng Loan lặng người, chán ghét, khinh bỉ thằng con rể nên lờ đi. Cứ vài ngày chồng Hồng Loan đến năn nỉ, về sau thành mè nheo. Mẹ Hồng Loan thương con gái, đành nhắm mắt ném "***Đồng tiền***" để mua hạnh phúc cho con. Bà mua tặng một căn lầu ba tầng mặt tiền cho vợ chồng Hồng Loan ở, đồng thời mở phòng mạch. Thật ra điều này mẹ Hồng Loan dự định chờ hơn một năm sẽ thực hiện. Bà không muốn dùng căn nhà làm của hồi môn, sợ mang tiếng mua chồng cho con; trong khi Hồng Loan đẹp, cao quý, danh giá. Hơn nữa, bà còn định trong tương lai sẽ mở một bệnh viện tư cho con rể. Ai đâu ngờ !!!

Hai năm sau Hồng Loan mang thai. Đến ngày sinh nở, một tuần nằm bệnh viện. Ngày Hồng Loan bế con gái đầu lòng còn đỏ hỏn về nhà, lúc đi ngang phòng ngủ vợ chồng trên lầu, chợt nghe tiếng cười đùa bên trong, ngạc nhiên bèn mở cửa. Hồng Loan lặng người sững sờ, khi thấy chồng mình cùng cô y tá trẻ đẹp, hấp dẫn đang lõa lồ ở trên giường. Với tư cách của Hồng Loan có thể tống cổ ngay cô y tá, nhưng Hồng Loan không làm. Sau giây phút bàng hoàng, Hồng Loan thấy lòng thật thản nhiên, không ghen vì không yêu chồng. Hồng Loan chỉ không ngờ nổi người chồng của nàng đốn mạt ngần ấy. Ông ta có thể ngủ với bất cứ ai, bất cứ chỗ nào, nhưng không thể đem nhau lên chiếc giường, nơi hai vợ chồng đã từng hương lửa, trong căn phòng ấm áp riêng biệt của vợ chồng. Tuy Hồng Loan đẹp, còn đẹp hơn cô y tá nọ, song không thể đem những giây phút sôi nổi ở chốn phòng the, do không có lòng yêu chồng, thậm chí còn ngấm ngầm khinh bỉ, do đó mà chăn gối lạnh lùng không đáp ứng trọn vẹn cho chồng.

Hồng Loan lặng lẽ nhìn căn phòng lần cuối trước khi bước ra, vì nơi đây cũng đã từng một thời đầy kỷ niệm, tuy không có tình yêu, nhưng dù sao cũng đượm nghĩa vợ chồng. Hồng Loan cảm thấy ghê tởm chiếc giường đang có hai kẻ nằm sượng sùng, trân tráo trong tấm drap trắng tinh đắp hờ, che đậy hai tấm thân lõa lồ. Song, không nhất thiết phải "***Đổi giường***". Hồng Loan thề sẽ không bao giờ bước chân vào phòng này, nằm trên chiếc giường kia, bên cạnh người chồng đó!

Hồng Loan cúi xuống nhìn con, một giọt nước mắt nhỏ rơi trên mặt hài nhi còn đỏ hỏn. Đứa bé vừa mới ra đời đã bị cha ruồng bỏ. Trong giây phút này, Hồng Loan mới thấu triệt tất cả lời giảng của "***Thầy Giáo Ngọc***" ngày nào. Đau khổ và hạnh phúc hòa trộn. Hồng Loan đau khổ vì xót thương cho con, song đồng thời lòng lại êm ái, sung sướng khi nghĩ đến Ngọc, mà không bị lương tâm dằn vặt như trước đây. Bây giờ, Hồng Loan có quyền sống cho riêng mình, dù chỉ là nhớ thương người tình trong tưởng tượng cũng đủ ngập tràn hạnh phúc...

Về phần tôi, sau đó một năm, gia đình người bạn lúc trước rủ mẹ tôi làm ăn chung, có con trai du học, tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế từ Thụy Sĩ về, đến hỏi cưới. Cũng như chị Hồng Loan, tôi biết mình không thể làm gì khác được. Tuy nhiên, dù lãng mạn trong tình yêu, lý trí tôi vẫn sáng suốt tự kềm chế những nông nỗi có thể xảy ra. Tôi đến gặp Yên lần cuối trước ngày cưới hai hôm. Buổi

https://tieulun.hopto.org

chiều hè rực nắng xôn xao hoa lá, sao lòng tôi hiu hắt như buổi chiều tàn thu lá rụng. Khi nói với Yên lời chào giã biệt: Rồi em sẽ đi lấy chồng! Yên chỉ ngồi gục đầu bên bàn học im lặng. Sự im lặng đến nhức nhối tim. Tôi không cần phân giải, vì sự giải thích nào cũng vô nghĩa. Tôi lại lặp lời chào lần cuối: "Anh Yên, em đi đây. Hãy nói với em một lời đi anh". Yên vẫn im lặng, ngồi rũ rượi. Nước mắt tôi trào ra: "Anh Yên hãy nói đi anh. Sự im lặng của anh kinh khủng quá, nó làm em đau đớn vô cùng!". Im lặng vẫn im lặng. Tôi lùi dần... lùi dần ra cửa, nhìn Yên qua làn nước mắt, cất tiếng nghẹn ngào: "Em đi!!". Chỉ hai tiếng thôi, tôi đã nói bằng cả sự cố gắng. Đó là tất cả những gì của buổi chiều giã biệt. Hình ảnh cuối cùng của Yên khắc sâu đậm trong tôi; một người đang ngồi gục đầu bất động trong ủ rũ.

Gần một năm sau, đúng vào tuổi 22, tôi qua Thụy Sĩ đoàn tụ với chồng. Nửa năm sau, biến cố năm 75, tôi sống an nhàn bên Thụy Sĩ, không biết gì về những tang thương dâu bể của đất nước khiến tất cả bị đắm chìm trong máu và nước mắt...

⁂

Anh Ngọc thay đổi nhiều quá. Da anh đen sậm. Người gầy đi, mặt hốc hác duy ánh mắt vẫn còn sáng uy nghiêm mà thăm thẳm dịu dàng. Anh cười, ôm vai tôi thân mật:

- "***Hồng Mai***" em, thôi hai chị em lâu năm mới gặp nói chuyện hỉ. Anh vào trong đọc sách.

Chúng tôi bước ra sân bên hông nhà, kéo ghế ngồi dưới tàng cây khế cao lớn, nhắc lại "***Thuở nghịch ngợm***"khi còn bé thường trèo lên cây khế mỗi ngày. Tôi có nhiều thắc mắc không hiểu vì đâu đưa đẩy cho anh Ngọc và chị Hồng Loan tái hợp, và còn nhiều điều nữa. Chị Hồng Loan không đợi tôi hỏi, đã thong thả kể:

Từ ngày em đi, khoảng nửa năm sau xảy ra biến cố năm 75. Trước 30 tháng 4 cộng sản đã tấn công vài trận tại Quảng Trị, rồi tự nhiên Vùng 1 dưới sự chỉ huy của Tướng Ngô Quang Trưởng được lệnh rút quân. Suốt một dải các tỉnh miền Trung thuộc Vùng 1 bị bỏ ngõ. Rắn không đầu nên dân tình náo loạn, mạnh ai nấy chạy. Chồng cũ của chị, cùng cô y tá dắt díu nhau chạy biệt tăm, bỏ lại chị và cháu lúc ấy mới hơn 2 tuổi. Chị bế con chạy về nhà mẹ. Mẹ cũng hốt hoảng gói ghém một bọc gồm vàng, hột xoàn, tiền bạc chạy về nhà ngoại, có gì sống chết bên nhau. Trên đường loạn lạc, cái bọc quí giá bị rơi rớt ở đâu không rõ, tìm không thấy, lại phải lo chạy lấy mạng. Kẻ chạy xuôi, người chạy ngược, lạc chồng, lạc vợ con kêu khóc vang trời. Cho đến khi cộng sản chính thức chiếm lấy miền Nam, đợi tình hình yên ổn mẹ và chị trở lại thành Huế thì tất cả nhà cửa đã bị nhà nước tịch thu, đành trở về quê. Thời gian đầu nhờ còn ít nữ trang của chị bán sống qua ngày. Sau đó phải xoay ra trồng trọt, lao động sinh hoạt rồi cũng quen dần. Năm con chị 10 tuổi, ông bác bên chồng không con, nhận cháu làm con nuôi, dẫn đi vượt biên, nhưng rồi... kể đến đây chị Hồng Loan ứa nước mắt: tàu gặp bão, không có tin tức gì từ đó đến nay, coi như cháu đã chết.

Như em biết, mẹ mất cách đây 9 năm. Trước đó 1 năm, một hôm có người đàn ông tay xách vali nhỏ vào nhà. Mẹ vừa thấy bỗng sững người, tái mặt. Sau đó không nói một lời, không buồn, không vui. Thản nhiên đến mức xem như không có sự hiện diện của người chồng cũ. Riêng chị, khi nói chuyện mới biết là cha chúng ta. Cha đi tập kết làm đến Tổng giám đốc cái gì đó, lấy người vợ người Ba Lan có một con trai. Đến khi thống nhất đất nước, nội bộ tranh chấp quyền lực, cha bị tẩy chay dưới hình thức về hưu non. Bà vợ Ba Lan chết, đứa con trai lấy vợ cũng người Ba Lan qua đó sống. Cuối cùng cha mất sạch, trở về với mẹ. Chỉ có chị chăm sóc cho cha, còn mẹ cảm giác ông đã chết hẳn từ sau những năm tháng đầu nhớ thương, u uất và thật sự tuyệt vọng khi hiệp định Genève ký kết năm 54 chia đôi đất nước.

Hơn tháng sau, vào một buổi chiều cũng như buổi chiều cách đây mấy chục năm, cha lại lặng lẽ ra đi vĩnh viễn. Ai biết đâu? Sự ra đi lần này của ông, trong lý tưởng hoàn toàn tiêu tán, trong rã rời chán chường vì bị đảng và đời phế bỏ, trong nỗi nhục nhã ê chề vì bị người vợ cũ rẻ khinh. Có còn lại chăng sẽ chỉ là một nấm đất hoang bên đường.

Trong đau khổ ngấm ngầm, một năm sau, mẹ ngã bệnh qua đời. Trong lúc trối trăn, mẹ không hề nhắc đến cha, chỉ nắm lấy tay chị, ứa nước mắt nói: Mẹ rất hối hận trước đây đã ngăn cách con và thầy Ngọc, khiến con không được hạnh phúc, hãy tha lỗi cho mẹ. Còn em con nữa, không biết có được hạnh phúc hay không? Nói đến đây, mẹ xuôi tay trút hơi thở cuối cùng. Từ khóe mắt còn ứa ra dòng lệ.

Tiếc cho mẹ không chứng kiến cảnh sum họp của anh Ngọc và chị. Về chuyện này quả thật có lòng trời. Cậu Út nhà mình 6 năm trước tình cờ đi Thuận An thăm người bạn, vô tình gặp anh Ngọc. Nói chuyện mới vỡ lẽ và biết anh Ngọc vẫn chưa lấy vợ, bèn dẫn về gặp chị. Sau đó tổ chức đám cưới. Gọi là đám cưới, chứ thật ra chỉ là một bữa tiệc nhỏ ra mắt họ hàng, lối xóm cho danh chánh ngôn thuận.

Tôi thầm "***Tạ ơn***" trời Phật cho chị tôi tìm lại được "***Mùa xuân thứ hai***" dù là "***Xuân muộn***". Tôi hỏi chị xảy ra bao nhiêu việc sao không "***Viết cho em***" hay. Chị đáp: viết làm gì những chuyện buồn.

Mãi nói chuyện, mặt trời lên khá cao. Ánh nắng xuyên qua khe cành lá đong đưa tạo thành những khoanh sáng nhấp nháy trên nền đất. Chị Hồng Loan mới sực nhớ đến giờ cơm. Chị nói để chị đi bắt con gà, cắt rau cải sửa soạn. Trông chị bắt gà, cắt rau dưới nắng chang chang một cách thạo việc. Áo chị màu tím hoa sim đã ngả màu bạc thếch, chiếc quần đen sờn gấu, đôi dép đứt quai khâu lại bằng chỉ. Tôi chợt nghe cái gì đăng đẳng trong cổ họng. Than ôi! Ngày xưa ai lá ngọc, cành vàng. Ngày xưa ai đài các, cao sang. Ngày xưa! Hỡi người ngày xưa đó! Tôi quay mặt đi, lau nhanh dòng nước mắt. Có cái gì, đang quặn thắt trong lòng...

Mới đó mà tôi đã lưu lại nhà chị Hồng Loan được nửa tháng. Cứ vài ngày hai chị em thuê xe đi thăm mộ mẹ. Hôm đó, tôi nhớ là sinh nhật chị Hồng Loan."***Chuyện đời thường, tiệc sinh nhật***". Tôi đã chuẩn bị đồ tặng chị, vừa là quà sinh nhật vừa là kỷ niệm hai chị em lâu năm gặp nhau. Buổi chiều hôm sinh nhật, chị Hồng Loan nấu vài món gà chỉ cốt để đãi tôi. Chị cứ gắp gà bỏ vào chén tôi. Tôi cười: Em chỉ mê vườn cải của chị, em thích ăn rau nhiều hơn. Chị Hồng Loan gắp cái đùi gà vào chén anh Ngọc nói: Anh ăn đi, anh làm việc cực khổ cần phải bổ dưỡng. Anh Ngọc lại chuyền cái đùi gà trở lại chén chị Hồng Loan: Em mới cần ăn đó, em gầy đi nhiều

https://tieulun.hopto.org

lắm. Nhìn anh chị tôi hạnh phúc, chỉ cần vài cử chỉ nhỏ nhặt "***Tình trên bàn ăn***" chăm sóc lẫn nhau, tuy thật đơn giản, nhỏ nhoi nhưng biết bao chan chứa. Cuối bữa ăn, dọn dẹp xong lúc ngồi uống trà, anh Ngọc vào phòng lấy ra một gói quà tặng chị Hồng Loan. Mở ra chị Hồng Loan xúc động; một chiếc áo bà ba màu tím hoa sim. Anh Ngọc đã để ý đến vợ, thấy từ lâu chiếc áo chị mặc bạc thếch, vẫn cố dành tiền may tặng chị trong dịp sinh nhật chiếc áo màu tím hoa sim, anh biết Hồng Loan rất thích. Ngoài ra còn một tờ giấy, mở ra đọc, chị Hồng Loan bỗng mỉm cười hỏi: Anh vẫn còn giữ nó đến bây giờ? Tôi nhào lại: bí mật gì đó cho em coi với. Tôi chỉ kịp thấy vỏn vẹn một câu ngắn gọn: *"Thế nào là hạnh phúc!!? Hồng Loan"*. Hàng chữ đã bị nhoà.

Riêng tôi, đến lúc này không dám đưa món quà của mình ra. Một chiếc nhẫn vàng trắng, chính giữa đính một viên Saphir màu xanh dương, chung quanh có 6 viên kim cương nhỏ. Tôi ngại và sợ chị Hồng Loan tủi thân, định bụng sẽ đưa riêng chị trước khi về. Tự nhiên tôi thấy buồn buồn, mặt bỗng trầm ngâm. Chị Hồng Loan cười hỏi: Nhớ chồng hở em? Tôi không đáp, chỉ nhè nhẹ lắc đầu "***Chồng của tôi, Bồ Tát nghịch duyên***" với "***Người tình thời A Còng @***". Tôi vơ vẩn nhìn xuyên qua cửa sổ, nắng chiều vẫn còn vương nhẹ trên tàng cây Khế. Có hai con chim nhỏ đang bay chuyền, đậu trên những chùm khế sai trái mọng nước lung lay trong làn gió nhẹ, tiếng hót líu lo như bản nhạc lòng tình ca muôn thuở. Còn tôi, chỉ là cánh chim lẻ bạn, bay về đây mong được sưởi ấm bởi tình quê. *Quê hương! Quê hương là chùm khế ngọt, cho tôi trèo hái mỗi ngày. Quê hương là con đò nhỏ, êm đềm khua nước ven sông*. Lời ca đó, muôn đời vẫn thánh thót trong tôi.

Chị Hồng Loan chợt hỏi: Bên nớ mỗi khi buồn em làm chi? Tôi đáp: Em ngủ. Chỉ có ngủ mình mới có thể nằm mộng. Nghĩ đời nhiều lúc không bằng mộng. Hạnh phúc trong mộng mới là hạnh phúc thật sự. Chị Hồng Loan hỏi tiếp: Mộng thế nào mới là đẹp? Tôi mơ màng:"***Gặp người trong mộng***" và mấy lúc gần đây khi buồn em còn đọc "***Truyện Hoa Lan***".

Thôi, không nói chuyện buồn nữa. Ngày mai hai chị em mình ra phố Huế. Sáng hôm sau đi từ sáng sớm. Trước hết đi phố, tôi sắm nhiều thứ cho chị Hồng Loan và cả cho anh Ngọc. Chị Hồng Loan cứ cản: "Răng sắm chi nhiều rứa!". Tôi đáp: "Có chi mô mà nhiều. Chị coi tề, bao nhiêu rứa có nhiều chi mô!". Gần trưa vào chợ Đông Ba sà xuống mấy cái sạp bán nào là bún bò, bánh bèo, bánh bột lọc... Vừa ngồi xuống cái ghế đẩu, nhìn qua người đàn bà ngồi bên cạnh, tôi hơi ngỡ ngàng một lát bỗng reo lên: "A! cô Danh ***Cô còn nhớ em không?***". Cô Danh quay lại ngạc nhiên, nhìn tôi chăm chăm rồi cười lớn: "***Hồng Mai***", làm sao cô quên được, hồi ấy em học đệ nhị giờ toán của cô. Cô còn nhớ em và Châu hai đứa ngồi bàn đầu ăn vụng me chua". Tôi tiếp lời: "Rồi cô hỏi: "Đứa nào dám ăn vụng me chua trong lớp đó?". Hai đứa tụi em hết hồn, rón rén giơ tay lên. Chết! Phen này bị phạt là cái chắc". Nào ngờ cô xuống giọng thật nhỏ: "Còn không? Cho cô một miếng". Cả hai kể lại kỷ niệm xưa, cười thật thoải mái. Cô Danh phân trần: "Tại hồi đó cô mới cấn bầu thằng con út nên thèm chua chi lạ". Cô Danh vẫn còn ở lại Việt Nam dạy học. Tôi lấy một chiếc áo len mới mua tặng cô làm kỷ niệm rồi chia tay. Lòng man mác bồi hồi...

Sau đó tôi thuê xe chạy vòng vòng kinh thành Huế. Dừng lại trước Hoàng Thành và Tử Cấm Thành tham quan Đại Nội, nơi từ năm 1803 vua Gia Long đã tập hợp các kiến trúc sư tài giỏi khởi sự xây cất. Đến nay, qua bao biến cố lịch sử, đổ nát theo thời gian và thiên nhiên, Hoàng cung chỉ còn tồn tại một phần nhỏ, tuy nhiên người ta vẫn còn tưởng tượng được những công trình kiến trúc tuyệt mỹ của người xưa.

Từ cửa Thượng Tứ, chúng tôi rẽ trái lên đường 23 tháng 8 nằm bên trái Đại Nội để xem Quốc Tử Giám, một ngôi nhà có lối kiến trúc rất cổ và là nơi đào tạo các Ông Nghè, Ông Cống dưới triều Nguyễn. Ngày nay nó được làm Bảo Tàng. Vòng sau lưng Quốc Tử Giám là Tàng Thơ Viện, được vua Duy Tân cho dỡ Điện Long An của cung Bảo Định xây cất y khuôn, nên tự nó đã có một giá trị kiến trúc tuyệt vời với ngôi nhà bằng gỗ, lợp ngói lưu ly và 128 cây cột bóng loáng, trên đó khắc hình long, lân, quy, phượng... Viện này mặt trông ra đường Lê Trực ngày nay và đổi danh xưng là Bảo tàng Cổ Vật, ngày nay là Bảo Tàng Mỹ Thuật Cung Đình Huế. Đến chiều tối chúng tôi ra xe trở về nhà ở Vỹ Dạ.

Thời gian chẳng mấy chốc tôi sắp về Thụy Sĩ. Trước ngày về hai hôm, một buổi sáng sớm anh Ngọc nói đưa tôi đi Thuận An gặp một người. Xe dừng ngoài đường lộ. Chúng tôi đi len lỏi trên con đường đất hẹp, đến nơi xóm nhỏ, vào căn nhà lụp xụp. Từ bên trong một người đàn bà gầy yếu trạc ngoài 70 bước ra. Anh Ngọc giới thiệu: Mẹ của Yên. Tôi giật mình, có nghĩa là Yên đang ở đâu đây. Tôi ngại không dám hỏi, vì mình đã có chồng. Anh Ngọc giới thiệu tôi với mẹ Yên. Bà bỗng ôm chầm lấy kêu lên: "***Hồng Mai***" đây hả con. Anh Ngọc xin phép đi một lát. Tôi theo anh đi tiếp gần hai cây số. Nơi đây gió biển thổi vào lồng lộng, có vẻ hoang vu, rải rác đó đây từng bụi xương rồng. Xa xa biển xanh thẫm, vang vọng tiếng sóng biển rì rào. Anh Ngọc hơi nghiêm mặt nhìn tôi: Em hãy chuẩn bị tâm lý. Tâm lý gì đây? Tôi nhủ thầm, hồi hộp theo anh Ngọc đi thêm vài chục bước, đến chỗ lùm cây rậm rạp thấy một nấm đất sè sè. Anh Ngọc dừng lại, giọng thật trầm: Đây là mộ của Yên!

Giữa trời nắng gắt sao tôi nghe một luồng giá buốt chạy khắp châu thân. Chân tôi rủn ra, quỵ xuống, phải chống hai tay dưới đất. Anh Ngọc hơi cúi ôm vai tôi. Tôi nhìn trừng trừng nấm đất cỏ mọc lưa thưa cằn cỗi, trên đó nhúm que nhang khẳng khiu bạc màu xiêu vẹo. Một lúc lâu sau, tôi mới cố lê bước đến quỳ bên mộ. Hình ảnh ủ rũ của Yên ngày nào lại lớn vớn hiện về. Nước mắt tôi trào ra, từng giọt rơi thấm xuống mộ "***Giọt nước mắt cho người nằm xuống***". Yên ơi! Nước mắt của em tuy không thấm sâu tận thân xác của anh, nhưng mong nó mang lại chút an ủi cho linh hồn anh ở cõi mông lung nào đó. Tự nhiên tim tôi có cái gì đau nhói. "Anh Ngọc em muốn về!". Nói xong, tôi quay nhanh đi như chạy trốn. Trở về nhà mẹ Yên, bà trao cho tôi tập nhật ký của Yên.

Đêm khuya hôm đó, tôi chong đèn mở nhật ký của Yên ra đọc. Những trang giấy đã ngã màu vàng cũ kỹ.

Ngày...tháng... năm...

Hồng Mai! Thế là em đã đi lấy chồng! Anh cảm thấy mình không muốn sống nữa. Mặc dù em đã có chồng, anh vẫn thường thầm lặng nhìn em. Em vẫn còn ở Huế, anh vẫn còn cảm giác gần em. Song một ngày biết tin em đi Thụy Sĩ đoàn tụ với chồng, cả bầu trời như sụp

https://tieulun.hopto.org

đổ. Anh ngưng học, dù lúc ấy là năm thứ 3 ngành sư phạm môn toán. Anh tình nguyện đi lính, muốn mượn chiến trường, lẫn tên mũi đạn để tìm quên. Đêm đêm ánh hỏa châu bùng lên chóa lòa rồi tắt lịm, nhưng hình ảnh Hồng Mai sao vẫn mãi sáng lung linh...

Tôi lật qua nhiều trang vì nóng lòng muốn biết giờ phút cuối của Yên.

...

Biến cố 75 mình bị đi học tập hơn hai năm. Trong những năm tù tội, mắc chứng sốt rét, thêm cơ thể quá suy nhược; đến khi được trở về nhà thì mình gần như nằm liệt trên giường. Trong cơn mê, mình vẫn luôn gọi tên của Hồng Mai...

Ngày... Tháng... năm...

Hôm nay mình cảm nghe trong người rất mệt. Biết không thể nào qua nổi, vẫn gượng viết vài dòng cuối cùng cho Hồng Mai. Hồng Mai ơi! Anh cảm thấy lạnh lắm... lạnh lắm. Em đang ở bên chồng êm ấm, có biết anh sắp ra đi vĩnh viễn. Hồng Mai! Hãy về với anh đi! Anh muốn gặp em lần cuối, nhưng không được rồi. Sao anh thấy tối dần... tối dần... Tất cả đều tối, nhưng trời hỡi! Sao vẫn còn một hình bóng Hồng Mai!... Hồng Mai! ***"Em về tinh khôi"*** *!!!*

Nước mắt tôi đầm đìa nhỏ giọt ướt cả trang nhật ký. Bên ngoài, đêm thật sâu. Có tiếng ve sầu kêu rền rĩ.

Sáng sớm hôm sau, tôi lại kéo vali đi trên con đường nhỏ lót đá ong ra ngõ. Vẫn giàn hoa giấy hồng cam rực rỡ. Nắng ban mai chan hòa dìu dịu, mà tưởng như buổi chiều tím bóng hoàng hôn. Mưa không rơi sao mi rưng rưng ướt. Anh Ngọc và chị Hồng Loan theo tiễn ra tận cổng. Tôi trao hai phong bì cho anh Ngọc nói: Đây là chút lòng thành của em. Chiếc phong bì này nhờ anh trao cho mẹ Yên, mong chia xẻ để tuổi già của bác đỡ cơ cực. Còn đây em xin biếu anh chị. Anh Ngọc đưa cả hai phong bì cho Hồng Loan, xiết chặt tay tôi. Không nói mà như nói rất nhiều. Tôi cảm nhận bàn tay anh chai cứng, khiến lòng tôi xót xa. Bàn tay Thầy Giáo Ngọc thuở xưa chỉ biết cầm phấn trắng. Chị Hồng Loan ôm ghì lấy tôi. Tôi muốn kêu chị ơi! như ngày nào cũng tại nơi đây, nhưng không làm nổi vì biết mình sẽ khóc oà theo cùng với hai tiếng chị ơi. Trao vào tay chị Hồng Loan chiếc hộp nhỏ đựng nhẫn, tôi cúi đầu giấu nước mắt, nói nhanh: Tặng chị làm kỷ niệm. Xong quay phắt đi vội ra xe, không dám ngoảnh đầu nhìn lại.

Huế! "***Quê hương của Mẹ***", *nhớ chăng non nước êm đềm. Có những ngày xanh. Lưu luyến bao tình...*

⁂

Tôi đứng lặng, nhìn ra "***Khung trời Thụy sĩ***" "***Bâng khuâng***" nghĩ về "***Kỷ niệm một chuyến đi***" "***Giọt lệ cho người nằm xuống***" "***Dư âm một chuyện tình***" "***Chỉ là một thoáng***".

Nỗi lòng của tôi hiện giờ như "***Nỗi lòng Hoa Lan***". Than ôi! "***Những ngày sen trắng***" đã biến thành "***Hai màu hoa***" khóc cho tôi Hồng Mai, hay khóc cho "***Chị tôi***", đang lao đao giữa biển đời khốn khổ.

Tất cả, hãy xem như "***Chuyện Mưa nắng***" hay chỉ là "***Gió thoảng hoa trôi***".

(*Thụy sĩ, 7.2010*)

Mùa Xuân Nào Con Sẽ Về Thăm Má

Mùa xuân nào con sẽ về thăm Má
(Như mỗi hoàng hôn chim về tổ xưa)
Mười tám năm tưởng đường dài hóa đá
Mừng Má còn đây, con khóc như mưa

Phút đầu tiên con đứng hoài trước cổng
Để nôn nao nghe nhịp chổi bình minh
Sương còn lạnh, Má gom từng lá mận
Quanh lửa hồng, Má thanh thoát lung linh

Này sân cát, hàng cau chim rúi rít
Như thấy con, người bạn cũ năm nào
Con gọi Má... rồi lời không thành tiếng
Hai Má con cùng dòng lệ tuôn trào!

Má lăng xăng vừa xoa tay xoa mặt
Vừa gọi mấy em mừng đón anh hai
Con thấy Má vui như thời xuân sắc
Lúc má sanh con, nội ngoại sum vầy

Xuân năm nay Má làm nhiều bánh tổ
Vẫn nhớ con thích cơm rượu bánh phồng
Má thường kể chuyện, mỗi lần đám giỗ
Ăn gì ăn, con vẫn nhớ phần cơm

Những đêm dài Má như quên mệt nhọc
Kể các em nghe về tật xấu con
Mỗi lần giỗ là mỗi lần nghỉ học
Thấy múa lân mình cũng múa theo lân

Những ngày xuân vô vàn hạnh phúc
Như hoa mai, hoa sứ quanh nhà
Trên ván gỗ hương trầm thơm phức
Từng đứa con hôn Má bảy mươi ngoài

Con đứng trước bàn thờ Ba khấn vái
Thương Má gian nan may vá tảo tần
Ba mất, Má chưa tròn ba mươi bảy
Giờ nhớ lại, càng thương Má vô ngần

Đường có dài, đại dương có rộng
Trong âm dương con thấy Ba về
Hình ảnh Má là chùm mây sống
Bay quanh con vẽ một trời quê

Mùa xuân nào con sẽ về thăm Má
Không bằng chim con vẽ trong mơ
Mà bằng dạt dào gieo nhân gặt quả
Má giữ gìn con trong suốt nguồn thơ

• **Nghiêu Minh**

https://tieulun.hopto.org

Thung Lũng Hồng

(Gởi về "Hiệp Sĩ Không Gian" Lê Bình Liêu, và những người của một thời ly loạn, đã từng gắn bó đời mình với vùng trời Tây Nguyên mịt mù khói lửa. Để tưởng nhớ đến những người đã hy sinh cho đại cuộc)

• Trần Ngọc Nguyên Vũ

Liêu đang nằm ngả đầu vào nệm ghế phi cơ, ngủ gật gưỡng bỗng giật mình tỉnh dậy khi chiếc DC-4 của hãng Hàng Không Việt Nam rung mạnh rồi rơi hụt xuống... Liêu cảm thấy thân mình như bị ai nâng bổng lên rồi ném xuống, bụng thót lại. Bàn tay mềm mại của người con gái ngồi bên cạnh nắm chặt lấy cánh tay Liêu đặt trên thành ghế. Tiếng người phi công trầm ấm vang lên: "Phi cơ đang bay vào vùng có gió giật. Xin quý vị vui lòng sửa lại ghế ngồi, cài dây an toàn, và đừng hút thuốc. Xin cám ơn quý vị".

Người con gái vội vàng rụt tay về, ngượng ngập nói lời xin lỗi. Liêu bấm nút, bật ghế ngồi cho ngay ngắn, mỉm cười trấn an nàng rồi nói:

- Mùa này vùng trời Tây Nguyên thường có những cơn gió lốc từ bên Lào thổi qua, phi cơ bay vào đó thường bị mất cao độ, nên mình có cảm giác như bị tung lên rồi rơi xuống hố sâu vậy. Trong trường hợp này nếu mình gồng cứng bụng lên thì sẽ không cảm thấy khó chịu.

Người con gái lấy lại bình tĩnh, đưa tay vuốt mái tóc phủ xòa trên trán, nhìn Liêu nói:

- Cám ơn Đại úy... Đại úy là phi công đóng ở PleiKu?

- Vâng tôi ở Phi đoàn Thái Dương 530 đồn trú tại phi trường Cù Hanh. Vừa được nghỉ phép mấy ngày về thăm nhà. Hôm nay hết phép nên trở lại đơn vị.

- Sắp Tết rồi, sao Đại úy không đợi Tết về thăm nhà một thể?

Liêu cười trả lời:

- Đối với những người lính chiến như chúng tôi thì Tết không phải là dịp để nghỉ ngơi. Được đi phép trước hoặc sau Tết cũng đã là quý lắm rồi.

Nói xong Liêu nghiêng đầu nhìn người con gái rồi cất giọng hỏi:

- Xin lỗi! Cô là... cô...

Mặt người con gái hơi hồng lên, nhưng sau một giây, nàng mỉm cười hóm hỉnh trả lời:

- Vâng, tôi là Diễm, còn Đại úy tên là Liêu phải không ạ.

Liêu cảm thấy vui lây trước vẻ hoạt bát và lịch thiệp của người con gái, anh nói như reo lên:

- Cô Diễm đoán hay quá. Sao cô Diễm biết tôi tên Liêu.

Người con gái phì cười sau câu nói khen ngợi của Liêu:

- Tôi có đoán gì đâu, nhìn bảng tên trên ngực áo của Đại úy thì biết vậy thôi.

Liêu chép miệng giả bộ than:

- Làm lính đôi khi cũng bị thiệt thòi, ra đường ai cũng biết tên mình, còn mình thì cứ ngu ngơ chả biết gì cả. Chắc là... cô Diễm về nhà ăn Tết?

- Không, tôi được nghỉ học ít ngày nên lên trên này ăn Tết với anh chị và các cháu.

- Thì ra là như vậy. A! Như thế thì... Diễm là sinh viên văn khoa?

Diễm bật cười trước lối nói chuyện ào ạt rất là... lính của Liêu. Nàng hóm hỉnh trả lời:

- Đại úy đoán hay quá. Tôi không đeo bảng tên trường, sao Đại úy biết tôi học văn khoa.

Liêu nheo mắt cười, ngập ngừng nói:

- Tại vì... các cô sinh viên văn khoa thường nói chuyện rất lưu loát và bặt thiệp.

Diễm cất giọng tinh nghịch hỏi lại:

- Chắc là Đại úy quen nhiều người học ở văn khoa lắm thì phải? Nhưng tôi thì lại nghĩ rằng... những người lính chiến mới nói chuyện lưu loát và bặt thiệp. Đại úy có đồng ý như vậy không.

Liêu trả lời dí dỏm:

- Tôi không biết điều đó, nhưng nếu là nhận xét của cô Diễm thì tôi đồng ý. À mà cô Diễm gọi tôi bằng tên được rồi, gọi cấp bậc nghe có vẻ... nhà binh quá.

Cả hai cùng cười sau câu nói của Liêu. Bỗng có tiếng cô tiếp viên hàng không vang lên qua máy phóng thanh, cắt ngang câu chuyện giữa hai người: "Phi cơ đang giảm dần cao độ, và sẽ đáp phi trường Pleiku trong vài phút tới đây. Xin quý vị vui lòng sửa lại ghế ngồi, cài dây an toàn và đừng hút thuốc. Xin cám ơn qúy vị".

Cô tiếp viên hàng không xinh xắn và thanh thoát trong chiếc áo dài màu xanh, đi từng hàng ghế ân cần nhắc nhở những hành khách chưa làm đúng thủ tục. Bên ngoài từng cụm mây trắng trôi vùn vụt theo thân tàu. Diễm sửa lại thế ngồi, lơ đãng nhìn qua khung cửa sổ rồi quay sang Liêu cất giọng hỏi:

- Diễm nghe người ta gọi Pleiku là vùng "thung lũng buồn". Chắc là ở đó buồn lắm phải không anh Liêu?

Liêu mỉm cười nhìn Diễm trả lời:

https://tieulun.hopto.org

- Pleiku được người ta gán cho nhiều tên lắm, tùy theo hoàn cảnh và tâm trạng của từng người. Pleiku có thể là một "thung lũng hồng", hay "thung lũng của tình yêu", hoặc "thung lũng buồn"; có lúc nó được mang những cái tên nghe đến rợn người như "thung lũng của tử thần", hay "vùng đất trích" chẳng hạn... Có điều Pleiku không thơ mộng như Đà Lạt, và cũng không trầm buồn như Ban Mê Thuột, hay u uất như KonTum. Thời tiết cũng rất là khắc nghiệt; mùa khô thì gió Lào thổi qua rặng Trường Sơn đổ ào xuống như quất vào da thịt, bụi đỏ bay mịt mù; còn mùa mưa thì mưa phùn rơi phủ dầm dề, đường sá lầy lội. Ở Pleiku người ta hiếm thấy những chiếc quán nhỏ thơ mộng dành cho những người mới yêu nhau ngồi tâm sự, mà phần nhiều chỉ có những quán nước, quán cà-phê ồn ào, sặc mùi khói thuốc quyện lấy màu áo lính phong sương; Pleiku cũng không có những con đường tình dành cho các cặp tình nhân đi dạo phố, mà chỉ có những con đường gập ghềnh đầy ổ gà, in dấu bước giày "sô" lính trận. Thật ra thì... phải gọi Pleiku là thành phố của lính mới đúng. Ở đó có đủ các loại lính; lính mới ra trường, lính bị lưu đày, lính bổ xung cho đơn vị mới, lính tăng viện cho chiến trường...

Diễm ngồi yên lặng nghe như bị thu hút vào giọng nói trầm ấm của Liêu.

Nàng thấy hình như mình... có cảm tình với người lính trẻ ngồi bên cạnh. Diễm ngước mắt nhìn Liêu hỏi:

- Như vậy thì anh Liêu gọi Pleiku là gì?

Liêu ném tia nhìn ranh mảnh về phía Diễm trả lời:

- Hồi mới đổi lên đây, tôi gọi Pleiku là "thung lũng của tử thần", vì vừa ra khỏi phi cơ, chưa kịp đến trình diện đơn vị trưởng, đã phải quăng ba-lô nhảy xuống hố bên lề đường để tránh pháo kích. Nhưng bây giờ thì tôi đổi ý rồi, tôi sẽ gọi nó là... "thung lũng hồng". Diễm thấy có đúng không.

Diễm chớp mắt cúi đầu như để che giấu chút bối rối, rồi ngẩng mặt nhìn Liêu nói:

- Diễm không phải là dân Pleiku nên không biết phải gọi như thế nào. Câu hỏi này anh Liêu phải dành cho các cô ở Pleiku mới đúng...

Phi cơ vừa chạm bánh, nhẹ bung lên rồi lăn mình trên phi đạo. Tiếng cô tiếp viên lại vang lên: "Phi cơ vừa đáp xuống phi trường Pleiku. Xin quý vị vui lòng ngồi yên tại chỗ cho tới khi tiếng động cơ ngừng hẳn. Phi trưởng và đoàn viên phi hành xin gởi đến quý vị lời chào tạm biệt, và xin hẹn gặp lại quý vị trong chuyến bay tới của hãng Hàng Không Việt Nam. Xin cám ơn quý vị".

Diễm và Liêu phải cắt ngang câu chuyện khi phi cơ di chuyển vào bãi đậu và tắt máy. Liêu đứng lên với tay lấy hành lý, rồi đứng tránh qua một bên, nhường chỗ cho Diễm đi trước. Ra đến xe ca đưa rước hành khách, Liêu theo Diễm lên xe, đưa chiếc xách tay nặng trĩu cho Diễm rồi nói:

- Nếu không có dịp gặp lại thì xin chúc Diễm ăn một cái Tết thật vui với gia đình anh chị và các cháu.

Nghe Liêu nói, Diễm mỉm cười hóm hỉnh trả lời:

- Vâng, cám ơn anh, Diễm cũng xin chúc anh qua năm mới, một năm thật vui và gặp nhiều may mắn. Hy vọng ra giêng sẽ được gặp lại anh trong chuyến bay về Sài Gòn.

Liêu mỉm cười nói lời cám ơn Diễm rồi quay lưng bước xuống xe. Ngồi bên cạnh cửa sổ của chiếc xe ca đầy hành khách, Diễm cũng thấy bồn chồn theo với những cái háo hức của mọi người, mong chóng được về nhà họp mặt gia đình vào những ngày cuối năm... Diễm đưa mắt nhìn ra phía bãi đậu, nàng thấy một chiếc xe jeep nhà binh đang chạy băng ngang qua phi đạo, trên xe có một người phi công trẻ mặc áo bay màu cam. Liêu chạy đến, hai người bá vai nhau cười nói tíu tít. Liêu leo lên xe rồi quay đầu lại và giơ tay vẫy. Diễm giơ tay vẫy lại, miệng nở một nụ cười bâng quơ...

*

... Liêu lắc cánh ra hiệu cho Kỳ vào hợp đoàn cận phi rồi bấm máy liên lạc vô tuyến với đài kiểm soát:

- Đài kiểm soát Pleiku! Thái Dương 31 gồm hai phi cơ. Xin vào cận tiến, và bay ở cao độ thấp 300 bộ trên phi đạo để chúc mừng năm mới phi trường Cù Hanh. Bạn nghe rõ không trả lời?

Tiếng người kiểm thính viên trên đài cười rổn rảng đáp lại:

- Thái Dương 31, Pleiku nhận bạn 5/5. Thái Dương 31 sẽ bay thấp ở 300 bộ trên phi đạo 09. Gió lặng, tầm nhìn xa 5 dặm. Bạn nghe rõ không trả lời?

- Thái Dương 31 hiểu! Phi đạo 09.

Hai chiếc Khu trục A1 trong hợp đoàn cận phi, sát cánh gầm rú lao mình xuống, bình phi ở 300 bộ song song với mặt phi đạo, rồi bất thần bốc mình vọt lên như mũi tên xé gió, cùng với độ nghiêng 90 độ về bên trái. Hai chiếc phi cơ vặn mình rít lên trong không khí như hai con thần điêu săn mồi. Bốn vệt khói trắng từ hai bên cánh của phi cơ phụt ra, vạch lên trên nền trời xanh thẳm những nét chấm phá thủy mạc tuyệt vời của một cụ đồ phóng bút khai Xuân... Lên đến cao độ 1000 bộ, Liêu ra hiệu cho Kỳ sửa soạn vào vòng cận tiến để đáp song hành. Hai chiếc khu trục cơ hạ cánh nhẹ nhàng trên mặt phi đạo.

Tiếng người kiểm thính viên lại vang lên:

- Thái Dương 31 biểu diễn quá đẹp. Cám ơn các đại hiệp về món quà Xuân đầu năm. Năm nay Pleiku chắc chắn sẽ gặp nhiều may mắn.

Liêu bấm máy cười vang. Hai chiếc A1 di chuyển trên phi đạo rồi rẽ vào bãi đậu. Toán phi đạo chạy ra đón và hướng dẫn phi cơ vàoụ. Liêu cởi dây dù, tháo nón bay, leo ra khỏi phòng lái, rồi theo sườn phi cơ tuột xuống. Người trưởng toán trực phi đạo vừa đưa quyển sổ kiểm tra kỹ thuật cho Liêu và Kỳ vừa nói:

- Tôi đang chạy từ cư xá lên, thấy Đại úy và Thiếu úy biểu diễn trên phi đạo đẹp quá. Mê mải nhìn, xém chút nữa thì lọt xe xuống hố.

Liêu cười ký tên vào quyển sổ rồi nói:

- Năm mới chúc các bạn mau thăng chức, tăng lương. Đầu năm có con trai cuối năm thêm con gái. Bạn nào còn độc thân thì có nhiều đào, gạt ra không hết.

Anh Trung sĩ cười híp mắt:

- Tụi này cũng chúc Đại úy và Thiếu úy y chang như vậy. Tối nay toán liên phi đạo Khu Trục, Quan Sát và Trực Thăng của Không Đoàn có mở tiệc rượu cần và thịt rừng mừng Xuân, có mời một số anh em bên Biệt Động

https://tieulun.hopto.org

Quân. Có cả Thiếu tá Lê Bá Định, Trung tá Bá, Trung tá Quế, Thiếu tá Mạo tới dự. Đại úy và Thiếu úy nếu không có hẹn với ai thì tới chung vui với tụi này, để anh em có dịp tỏ lòng ngưỡng mộ đường bay lả lướt vừa rồi.

Liêu cười vỗ vai người lính trẻ, nói lời cám ơn, hẹn tối gặp lại, rồi cùng Kỳ vào phòng hành quân ký sổ bay và giải trình phi vụ. Xong việc, hai người lên xe chạy về cư xá. Liêu vừa phóng xe vừa ngửa mặt lên hít một hơi dài làn không khí mát lạnh của ngày đầu Xuân rồi quay lại nói với Kỳ:

- Sáng mồng một Tết mà trời quang mây tạnh như thế này, là báo hiệu một năm mới an lành cho "vùng đất trích" đó nghe. Ê Kỳ! Thằng Thưởng mời tao năm nay đến nhà nó xông đất. Chút nữa mày đi chơi đón Xuân luôn không?

Kỳ chồm lên ghé sát vào tai Liêu nói:

- Đầu năm xông đất, phải là người được gia chủ tin tưởng. Đại úy rủ tôi đi theo là hư bột hư đường hết. Thôi ông đi một mình đi. Tối nay mình gặp nhau ngoài phi đạo.

Liêu cười phá lên nói:

- Thôi được, có gì tối nay gặp lại.

*

... Tiếng pháo nổ ròn rã, xác pháo tan tành bắn tung tóe như những cánh hoa đào bay trong gió. Hai chị em bé Vy đứng núp sau lưng bố, bịt tai thích thú nhìn dây pháo nổ. Thưởng vừa đốt xong bánh pháo mừng Xuân thì Liêu đến. Thưởng bước xuống thềm mừng rỡ dang tay đón Liêu:

- Vào đây Liêu, tụi này đang đợi cậu. Nói rồi Thưởng gọi với vào trong : "Em ơi! Có khách quý đến xông nhà".

Vợ Thưởng từ trong nhà đi ra. Liêu cười nói:

- Năm mới, xin chúc anh chị và các cháu một năm dồi dào sức khỏe, vạn sự như ý. Anh thì được thăng quan tiến chức, chị thì mãi mãi trẻ đẹp, các cháu thì ngoan ngoãn học giỏi.

Vợ Thưởng tươi cười đáp lại:

- Vâng, năm mới vợ chồng chúng tôi cũng xin chúc anh năm nay sức khỏe dồi dào, chóng thăng quan tiến chức, và gặp nhiều may mắn, tai qua nạn khỏi.

Liêu cười đáp lại:

- Xin cám ơn anh chị. Các cháu lại đây chú lì-xì cho. Hai đứa nhỏ xúng xính trong bộ quần áo mới chạy đến. Bé Vy khoanh tay cúi đầu nói:

- Năm mới cháu chúc chú Liêu được lên chức to lớn, và sống lâu trăm tuổi.

Cả nhà cất tiếng cười vang. Liêu xoa đầu hai đứa nhỏ rồi cho mỗi đứa một chiếc phong bao màu đỏ nói:

- Các cháu giỏi lắm. Năm mới chú lì-xì cho các cháu năm nay học giỏi này, ngoan ngoãn này, và phải vâng lời bố mẹ đó nghe.

Hai đứa nhỏ được tiền lì-xì, mừng tíu tít, tung tăng chạy vào trong. Từ trong nhà đi ra, Diễm lộng lẫy trong chiếc áo dài lụa Hà Đông màu mỡ gà, và chiếc áo khoác ngắn bằng dạ đen, trên tay bưng khay nước trà và đĩa hạt dưa, bánh mứt. Liêu nhìn Diễm sững sờ cùng với sự mừng rỡ, anh không ngờ được gặp lại Diễm ở đây. Vợ Thưởng nhìn điệu bộ lúng túng của Liêu, cười giới thiệu:

- Xin giới thiệu với anh Liêu đây là Diễm, cô em của tôi từ SàiGòn lên đây ăn Tết. Rồi quay qua Diễm nói: Còn đây là Đại úy Liêu, người hùng khu trục của vùng trời Tây Nguyên.

Liêu còn đang luống cuống vì quá bất ngờ thì Diễm đã liến thoắng nói:

- Ồ! thì ra đây là Đại úy Liêu. Mấy ngày qua Diễm nghe anh chị nói rất nhiều về Đại úy, hôm nay ngày đầu năm được gặp thật là vinh hạnh. Năm mới xin chúc Đại úy mau thăng quan tiến chức, và gặp nhiều điều may mắn.

Liêu cố giấu vẻ ngạc nhiên, nhìn Diễm cười nói:

- Vâng, năm mới tôi cũng xin chúc cô Diễm luôn luôn tươi đẹp và... luôn luôn gặp những điều như ý.

Diễm vẫn làm như chưa từng gặp Liêu bao giờ, nàng nhí nhảnh nói tiếp:

- Xin mời Đại úy dùng trà.

Vợ Thưởng cười nói xen vào:

- Anh Liêu đừng để ý nghe. Cô Diễm nhà tôi còn vụng về lắm. Sinh viên năm thứ ba rồi mà vẫn cứ còn như con nít vậy đó.

Liêu cười nói:

- Chị nói sao chứ tôi thấy Diễm là người rất lịch duyệt và tế nhị, vui tươi. Những người vui tươi như cô Diễm thì sẽ mãi mãi tươi trẻ và lúc nào cũng vô tư yêu đời.

Diễm nhìn Liêu cất giọng tinh nghịch nói:

- Vô tư yêu đời thì có, chứ còn mãi mãi tươi trẻ thì không biết có được không, hay là cũng sẽ già đi theo năm tháng.

Vợ Thưởng cười nói xen vào đỡ lời cho Liêu:

- Cô Diễm đang viết một tiểu luận về "chân dung người lính chiến của QLVNCH". Mấy hôm nay cô ấy cứ hỏi tôi về cuộc sống của những người lính chiến, mà tôi thì mù tịt về lính. May ra đợi đến lúc anh Thưởng nhà tôi bỏ nghề làm Hiệu trưởng, lên đường đi quân dịch thì mới nói chuyện được.

Cả nhà cùng cất tiếng cười vang. Thưởng nhìn Liêu nói:

- Trời ơi! Ai lại đi đánh trống qua cửa nhà sấm. Có một "Hiệp Sĩ Không Gian" thứ thiệt ngồi đây mà không hỏi, lại còn đi hỏi ai bây giờ nữa!

Diễm reo lên liến thoắng nói:

- Vậy hả! Thật là hữu duyên thiên lý. Đại úy giúp Diễm nha.

Liêu đợi đến bây giờ mới có dịp trả đũa lại Diễm, chàng nheo mắt cười nói:

- Tôi sẵn sàng và rất lấy làm vinh hạnh. Nhưng phải với một điều kiện.

Diễm tinh nghịch tròn mắt hỏi:

- Điều kiện gì cơ. Có khó không Đại úy?

- Cũng không khó lắm. Chỉ cần cô Diễm đừng gọi tôi bằng cấp bậc là được rồi.

Cả nhà cùng cất tiếng cười vang như tiếng pháo mừng Xuân. Thưởng châm thêm nước sôi vào bình trà rồi nói:

https://tieulun.hopto.org

- Đây là trà mạn sen từ Sài Gòn mang lên đấy. Liêu uống đi cho thấm giọng để còn kể chuyện đời lính.

Vợ Thưởng đứng lên nói:

- Anh Liêu ngồi nói chuyện với Diễm nghe, để tôi và nhà tôi vào nhà trong sửa soạn cơm cúng ông bà. Hôm nay anh phải ở lại ăn bữa cơm đầu năm với chúng tôi đó nghe.

Liêu cười vui vẻ nhận lời:

- Vâng! Xin cám ơn anh chị, anh chị cứ tự nhiên.

Hai đứa nhỏ chạy đến sà vào lòng Diễm nhõng nhẽo đòi:

- Dì Diễm ơi! Dì dạy tụi con hát bài gì mà có câu: "Ta là tinh cầu bay theo ông trăng..." đi.

Diễm xoa đầu hai cháu rồi cười nói:

- Hai con ra ngoài chơi đi, rồi tối dì dạy hai con hát tiếp.

Hai đứa nhỏ chạy ra ngoài. Liêu lắc đầu nhìn Diễm nói:

- Diễm thật là lý lắc lắm đó nghe.

Diễm nghiêng đầu cười chúm chím nói:

- Thì Diễm là sinh viên Văn khoa mà.

Cả hai người cùng cất tiếng cười vang.

*

Liêu đậu xe bên lề đường nơi cuối phi đạo của sân bay, rồi đưa Diễm xuống bãi đất trống bên dưới. Trên mảnh đất bằng phẳng nhìn xuống vùng thung lũng sâu thẳm, những người lính không quân của Không Đoàn 72 chiến thuật cùng với những người bạn Biệt Động Quân, Bộ Binh đang quây quần bên đống lửa vỗ tay hát:

"Xin nhận nơi này... làm quê hương... dẫu cho khó thương"

"Xin nhận nơi này... làm quê hương... dẫu cho điêu tàn"

"Khi mùa mưa về... bùn lem nhem... lấm trên gót chân"

"Khi mùa mưa về... bùn lem nhem... lấm trên gót chân..."

"Xin nhận nơi này...làm quê hương... dẫu cho chiến tranh"

"Xin nhận nơi này... làm quê hương... dẫu cho thanh bình"

"Khi mùa mưa về... bùn lem nhem... lấm trên gót chân"

"Khi mùa mưa về... bùn lem nhem... lấm trên gót chân..." (*)

Tiếng hát trầm hùng của những người lính quyện theo với tiếng đàn Guitar vút lên réo rắt, và tiếng trống bongo bập bùng trong đêm tối, quấn lấy nhau, tạo thành một luồng vi-ba xoáy vào lòng người nghe. Diễm cúi đầu cất giọng run run nói:

- Chưa bao giờ Diễm được nghe một khúc nhạc trầm hùng, hay và cảm động đến như vậy. Người chơi đàn và đánh trống không thua gì những nghệ sĩ tài danh ở ngoài đời.

Liêu gật gù nhìn Diễm cười nói:

- Diễm biết không. Họ chính là những nghệ sĩ tài danh ngoài đời đó. Người chơi Guitar là Thiếu úy Chỉnh, Phi công Khu Trục, tay Guitar bass cột trụ của ban nhạc Joe Marcel ở Queen Bee ngày xưa; anh vừa làm "crashed" trên phi đạo sau một phi vụ hành quân và bị thương ở chân. Người đánh trống là Thiếu úy Dương Huỳnh Kỳ, Phi công Khu trục, một ngôi sao sáng của Đại Học Luật khoa Sài Gòn trước đây. Còn người đang bắt nhịp là Trung Sĩ Thịnh, Trưởng toán phi đạo, đệ ngũ đẳng huyền đai Thái Cực Đạo. Những người khác toàn là những tài hoa son trẻ của thế hệ này cả. Đủ mọi cấp bậc, mỗi người mỗi vẻ. Họ tình nguyện từ bỏ cuộc sống dân sự ngoài đời, bỏ lại giảng đường, sách vở, cùng người thân, để đi vào những nơi nguy hiểm đang rình rập đợi chờ...

Có tiếng trực thăng nổ ròn bay ào ngang qua đầu làm Diễm giật mình, bám lấy tay Liêu. Liêu chỉ tay theo những đốm sáng lập lòe phát ra từ chiếc phi cơ trong đêm tối nói:

- Còn phi hành đoàn đang bay tuần phòng vòng đai phi trường đêm nay là Trung úy "Tuấn Bocassa", và Trung úy "Xuân tóc đỏ". Để khi nào có dịp, tôi sẽ nói với họ chở Diễm bay một vòng, để thấy phố núi theo con mắt nhìn của người lính không quân.

Diễm chớp mắt giọng cảm động:

- Cám ơn anh, nhưng Diễm không dám đâu. Hôm nọ ngồi trong máy bay bị nhồi lên nhồi xuống, Diễm sợ hết hồn, chỉ mong phi cơ chóng đáp. May mà có anh ngồi bên cạnh nói chuyện nên Diễm mới đỡ lo đó.

Liêu nhìn Diễm cười khích lệ:

- Trời hỡi! Diễm muốn viết về cuộc đời của người lính trận mà lại sợ đi máy bay thì làm sao mà tả cảnh chiến trường.

Rồi như không muốn làm Diễm thất vọng, Liêu trầm giọng nói tiếp:

- Thật ra thì viết về người lính trận không phải chỉ tả những cảnh bom nổ đạn bay, những xác người gục ngã ngoài chiến trường, những chiếc băng-ca đẫm máu được chuyển từ trực thăng về quân y viện, những chiến thắng lẫy lừng sau mỗi trận đánh... mà cái khó là nói lên được cái tinh thần nhập cuộc trọn vẹn, tính nhân bản và cái hào khí của người lính.

Diễm chớp mắt nhìn Liêu cất giọng ngập ngừng hỏi:

- Nhưng... làm thế nào để thấy được những điều anh vừa nói.

Liêu lấy tay đập nhẹ lên ngực mình nói:

- Diễm sẽ không nhìn thấy nó bằng đôi mắt thường, mà chỉ có thể cảm nhận nó qua sự rung động của con tim... Thật ra thì những người lính thuộc các quân binh chủng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa là những người lính đầy tính nhân bản và hào hùng, cuộc chiến đã chứng minh cho chúng ta thấy điều đó. Vừa rồi Diễm được nghe những âm thanh trầm hùng của người lính, rồi đây khi có dịp, Diễm sẽ gặp những người trai trẻ nhìn đời bằng tia nhìn khinh bạc, lạnh lùng leo lên chiếc quan tài bay, lao vào vùng lửa đạn, bỏ lại một ngày cho đời

https://tieulun.hopto.org

mình, một ngày cho những quằn quại đau thương của dân tộc, và một ngày cho những đôi mắt vời vợi chờ trông nơi chốn chân mây tận cuối trời...

Diễm lặng người nghe Liêu nói rồi cất giọng xa vắng:

- Diễm không ngờ đằng sau những nụ cười, những tia nhìn ranh mảnh của người lính, lại là cả một trời mưa giông bão tố.

Liêu nhìn Diễm cười buồn nói:

- Diễm lãng mạn lắm. Nhưng thật ra thì... đã có mấy ai được nhìn thấy những sự hy sinh của người lính. Có thể là họ không có cơ hội, mà cũng chẳng bao giờ họ có được cái cơ hội đó cả. Chỉ có chính những người lính trận nơi chiến trường, mới thấy được những sự hy sinh của đồng bạn, đôi khi cũng là của chính mình.

Diễm cúi đầu, cất giọng thổn thức:

- Vâng! Anh nói đúng lắm. Ở Sài Gòn, những người như Diễm, thì chỉ nhìn thấy sự hy sinh của người lính qua những chiếc quan tài phủ lá cờ, tiếng gào khóc của những bà mẹ, và những mảnh khăn tang quấn trên đầu những người vợ trẻ, và đàn con thơ... bây giờ đứng cạnh những con người đang thực sự đối diện với những hiểm nguy, Diễm mới thấy được cái hào khí ngút trời của họ.

Bất chợt Liêu nhìn thẳng vào mắt Diễm rồi hỏi:

- Diễm có sợ bóng đêm không?

Diễm cười, lấy lại vẻ tinh nghịch, nhìn Liêu trả lời:

- Ư... ư... Cũng còn tùy, nhưng đi với "Hiệp Sĩ Không Gian" thì chắc là không sợ rồi.

Liêu cũng cười đáp lại:

- Bây giờ thì anh không phải là hiệp sĩ không gian, mà là tài xế xe jeep, Diễm có dám đi theo không?

Cả hai cùng cười đi ra xe. Rời khỏi cổng phi trường, Liêu quẹo xe ra quốc lộ 14, ngược đường lên Biển Hồ. Ra đến đường cái, Liêu nhấn chân ga, chiếc xe jeep chồm lên lăn mình trên mặt lộ. Gió đêm lồng lộng thổi bay tung vạt tóc thề của người con gái. Liêu ngửa mặt hít một hơi dài làn không khí mát rượi vào lồng ngực, thoảng thoảng mùi hương của tóc, quyện lẫn với hương đêm của núi rừng làm chàng thấy ngây ngất... Diễm bỗng cảm thấy sợ, ngồi cứng người trên nệm ghế, cất giọng run run hỏi:

- Anh đưa em đi đâu?

Liêu cười trấn an Diễm, rồi cho xe rẽ vào con đường đất đỏ nói:

- Diễm đừng sợ. Anh đưa Diễm tới một nơi mà chưa bao giờ Diễm đặt chân tới.

Diễm lấy lại bình tĩnh, phì cười nhìn Liêu nói:

- Thì cả cái tỉnh Pleiku này... đã có chỗ nào mà Diễm được hân hạnh đặt chân tới đâu.

Liêu cười sau câu nói dí dỏm của Diễm. Anh cho xe đậu trên một bãi đất trống, rồi tắt máy, đỡ Diễm xuống xe chỉ tay về phía trước nói:

- Đây là Biển Hồ, một thắng cảnh của Pleiku đó.

Diễm đưa mắt nhìn quanh. Trời tối đen. Qua tia sáng mờ ảo của những vì sao đêm lấp lánh trên vòm trời, Diễm chỉ thấy một hồ nước mênh mông, sâu thẳm, nằm giữa những vách núi bao bọc xung quanh. Trên bờ hồ có một pho tượng Phật Bà Quán Âm đứng sừng sững như để che chở cho vùng nước sâu trong đêm tối. Diễm ngập ngừng hỏi Liêu:

- Anh đưa Diễm đi ngắm cảnh hồ vào lúc tối trời như thế này thì... có thấy được gì đâu.

Liêu cười nhìn Diễm trả lời:

- Anh biết thế nào Diễm cũng nói câu đó. Để ngày mai anh sẽ đưa Diễm lại đây ngoạn cảnh, còn bây giờ thì anh muốn Diễm hòa mình vào với khung cảnh hoang dã của bóng đêm, để có dịp cảm nhận được cái u uất của núi rừng, nơi mà Diễm chưa có dịp đặt chân tới, mà có lẽ cũng chẳng bao giờ Diễm có dịp đặt chân tới. Diễm biết không, người ta có thể lên thăm Kontum, hay tới Poleikleng, BenHet để ủy lạo binh sĩ, để chụp hình làm phóng sự chiến trường... Nhưng đã có mấy ai nghe được những tiếng thổn thức của dòng Dakbla cuộn mình trong vắng lặng; hay những tiếng rên siết quằn quại của dòng sông Pokor, âm thầm chuyên chở những nỗi oán hờn của rừng sâu núi thẳm. Chỉ có những người lính trận, nơi biên cương quan tái chốn sa trường, mới cảm nhận được và thương cho rừng núi.

Trong đêm tối, giọng nói trầm ấm của Liêu cùng với tiếng gió hú từ mặt hồ vọng lên, đập vào vách núi vây bọc xung quanh, làm Diễm có cảm tưởng như tay chân nàng đang bị những cành cây hoang dại của núi rừng quấn chặt lấy... Diễm rùng mình đứng sát vào Liêu như để tìm một sự che chở. Nàng cất giọng thì thầm nói với Liêu:

- Anh Liêu, em thật sự xúc động khi nghe anh nói về những người lính trận. Cuộc đời họ chẳng khác gì những vần thơ bi tráng...

- Thật ra thì đời người lính trận là cả một bài thơ dài trác tuyệt... khi họ nằm xuống, thì những vần thơ đó trở thành những "thiên anh hùng ca bất tử", được lưu truyền trên những trang quân sử bi hùng cho ngàn sau chiêm ngưỡng...".

Một cơn gió lạnh bốc lên, thổi tung vạt tóc rối bời của Diễm, những sợi tóc mềm, thơm như mùi cỏ dại quấn lấy mặt Liêu. Diễm rùng mình hoảng sợ ôm chặt lấy Liêu. Trong một thoáng, Diễm ngước mặt nhìn Liêu, đôi môi mấp máy như muốn nói. Liêu cúi xuống, vòng tay ghì nhẹ thân hình mềm mỏng của Diễm. Một làn hơi ấm chuyền sang, đôi vai Diễm rung lên, nàng đẩy nhẹ Liêu ra nói như trốn tránh:

- Hình như trời đang nổi cơn giông! Anh cho em về.

Cả hai người như vừa thoát ra khỏi một cơn mộng. Liêu ghé sát vào tai Diễm nói:

- Anh xin lỗi đã làm cho Diễm sợ.

Rồi Liêu dìu Diễm lên xe chạy ra đường, bỏ lại sau lưng những cơn gió hú u uất của Biển Hồ đập quần quật vào vách đá. Ra đến đường cái, nhìn ánh đèn điện chiếu hắt lên làm sáng rực cả một vùng nơi phố thị. Diễm lấy lại sự bình tĩnh ban đầu, quay qua Liêu chỉ tay về phía trước nói:

- Anh Liêu thấy gì không, từ đây nhìn về phía thành phố, trông Pleiku chẳng khác nào như một "thung lũng hồng"...

(Một thời ly loạn)

(*) Không nhớ tên tác giả

https://tieulun.hopto.org

Thương nhớ quê hương đất nước con người

Tha La
một địa danh lịch sử

• **An Tiêm MAI LÝ CANG**

Trên đường từ thành phố Saigon đi tới cửa khẩu Mộc-Bài theo quốc lộ 22A, qua khỏi khu công nghiệp hiện đại Trảng Bàng là đến trung tâm thương mại chợ búa huyện lỵ. Từ chợ thị trấn Trảng-Bàng đi đến trụ sở công quyền của xã An Hòa chừng một cây số, và cách đó thêm độ vài trăm thước nữa là gặp ngay nhà thờ họ đạo Tha La nằm ở bên trái ven đường. Xóm đồng ruộng Tha La tọa lạc trên ấp An Hội cạnh khu công nghiệp An Hòa và dòng sông Vàm Cỏ Đông nên thơ, nước biếc.

Sông Vàm Cỏ Đông

Nói cách khác, thì Tha La nằm miền ven biên ở hướng Tây của thị trấn Trảng Bàng hướng về khu Ba Thu cạnh vùng biên thùy Mỏ Vẹt, giáp giới tỉnh Xvay Riêng của Cam Pu Chia. Cách đây hơn nửa thế kỷ thì xóm vắng nầy cũng như ngay ở khu đất hoang vu Bình Thạnh, cũng thuộc vùng địa lý Trảng Bàng, dù là còn có chứng tích của một nền văn minh cổ là ngôi tháp Chàm đã rêu phong. Vậy mà đối với phần đông nhiều người ở miền Nam, thì đều được họ kể coi như là những địa phương hoàn toàn xa lạ chưa từng nghe biết. Ngay cả đối với những thành phần dân cư bản địa láng giềng cũng vậy. Lúc bấy giờ, ngay tại trung tâm thành phố Trảng Bàng đã có nhiều người chỉ có từng được nghe nhắc tới cái tên của xóm Tha La mà thôi, chứ họ chưa bao giờ có dịp để bước chân đến tận ở nơi nầy dù rằng từ đây đến đó cách xa nhau chỉ có bằng một đoạn đường ngắn. Lý do, vì lúc ấy nơi đây cảnh quang vắng vẻ đất rộng người thưa, chỉ có độ chừng vài chục nóc gia sinh sống yên lành hằng ngày với bàn tay cuốc bẫm cày bừa bên cạnh một ngôi giáo đường nho nhỏ. Ngược dòng thời gian, nếu khi xưa không có cuộc trường kỳ kháng chiến của toàn dân nổi lên chống lại bọn thực dân đô hộ, thì hình ảnh nên thơ của cuộc đất Tha La chẳng khác nào như là những nét đan thanh của gấm vóc ruộng đồng ở các vùng lân cận thuộc huyện Trảng Bàng. Tọa điểm nầy, từ năm 1868 khi xưa vốn là một trụ sở Ty Hành Chánh được lập thành thuở dưới thời thuộc địa.

Đường vào bến nước Tha La cách nay hằng thập niên về trước là một con đường đá đỏ quạch nằm ngay khoảng giữa hai ngôi chùa Phước Lưu và Phước Lâm, cạnh sân đá banh và đồng mả hoang vu kéo dài theo lộ trình đi tới bờ sông Vàm Cỏ Đông. Dạo ấy, hai bên đường người ta chỉ thấy có đồng ruộng ao bèo, trúc tre cao vút và lác đác từng những căn nhà mái tranh vách đất nghèo nàn. Tuy nhiên, không vì thế mà khách nhàn du không thể nào không khỏi cảm khái khi thấy lòng mình bị hòa mình vào trong cảnh vật thiên nhiên giữa bức họa đồng quê êm đềm đầy ấn tượng. Ngoài ra, người ta cũng còn có thể xuống thuyền mượn dòng kinh Gia Lộc xuôi về cầu Quan để vào thăm đất Tha La, để thưởng thức mùi vị của vùng có cây xanh trái ngọt và có dịp giao lưu thân thiết với dân cư sở tại vốn chơn chất, từ lâu có truyền thống hiếu khách, hiền hòa.

Suốt trong thời kỳ đất nước còn chiến tranh, thì hình ảnh của cuộc đất Tha La cũng đã được đi vào huyền thoại do một nguyên nhân vô tình tạo ra, và từ đó nó được xem như là một **địa danh** đặc biệt. Sự kiện nầy, giờ đây đã làm cho nhiều người ở từ miền khác thường hay lưu ý, và họ cố tìm hiểu về thổ ngơi, địa lý cũng như về lịch sử của vùng đất nầy. Và dẫu rằng, trước đây đã có những sách báo nói đến rất nhiều về sự hình thành trở nên địa danh đầy gợi cảm của xóm vắng Tha La. Nhưng trên thực tế, thì hình ảnh của xóm vắng nầy cần phải được bổ sung thêm nhiều tài liệu loại trừ tính cách chủ quan, để xác thực làm cơ sở vốn có yếu tố khả năng thuyết phục. Do vậy, cho nên trước hết người ta cần phải nên khách quan để đưa ra những nhận định rằng chính rằng thổ âm là một giọng nói riêng quen thuộc của từng địa phương. Do đó, mà hễ khi người ta nghe thổ âm của hai địa phương ở cách xa nhau về địa lý, mà nếu họ có những tiếng nói nào giống in nhau, thì tức là họ đã có một sự liên hệ tương quan ràng buộc với nhau ít nhiều về chủng tộc. Sở dĩ, tôi phải gợi lại vấn đề nầy thêm một lần nữa là vì muốn để được nói rõ ràng, là vùng đất Tây Ninh khi xưa có rất đông người Khmer cư ngụ, và có nhiều nơi cũng được họ gọi là Schla [(*)] mà người Việt mình nói trại ra là Thala. Do vậy, cho nên người ta có thể nói rằng là nguồn gốc của từ Tha La ở Trảng Bàng mà từ lâu đã được phổ biến trong dân gian, là được nói trại ra dựa theo âm điệu của từ Schla (ngôn ngữ Khmer). Hơn thế nữa, ngoài những cái tên Tha La ở Tây Ninh thì ở những vùng miền Tây Nam phần còn có người Khmer cư ngụ bây giờ cũng có nhiều nơi hẻo lánh được gọi tên là Tha La. Tuy nhiên, ngay cả ở cạnh Tây Ninh là Bình Dương cũng có ấp tên gọi Tha La là nơi có thắng cảnh đập Lòng Hồ, và một hòn núi nhỏ cũng có tên Tha La nằm trong quần thể của núi Lấp Vò mà người dân địa phương lâu đời từng quen gọi tên là núi Cậu.

Sau ngày thống nhất nước nhà, thỉnh thoảng tôi được về thăm lại mồ mả tổ tiên, bà con ruột rà, làng mạc quê cũ, thì lần nào tôi cũng có dịp nhìn thấy hình hài yêu mến Tha La bây giờ không còn nguyên vẹn giống thuở nào. Ngày xưa, khoảng từ một thế hệ đời người thì mảnh đất bé nhỏ nầy vốn đã là vùng nông nghiệp có ruộng lúa xinh tươi, trái cây xanh mượt cam,

---

(*) Schla có nghĩa là khu nhà mát, nhà lồng, hay cái trạm hoặc cái trại.

https://tieulun.hopto.org

quít, chuối, chanh. Và cũng không thiếu chi những nông sản phụ như nào là đậu phộng, mía, khoai mì, dưa cà, rau quả v.v... cùng nhiều loài cỏ lạ, hoa cau, hoa bưởi hương thơm phảng phất, tỏa ra nhè nhẹ trong bầu không khí trong lành. Ngày nay, thế hệ trẻ sau nầy lớn lên đều có khuynh hướng ly nông, ly hương cho nên phần đông đã về thành phố sinh sống hoặc đi làm công nhân viên cho các khu công nghiệp trong thị trấn Trảng Bàng. Còn thực tế bây giờ, thì nó đã bị từ từ lột xác, hoàn toàn đổi thịt thay da không còn thơ mộng được như xưa. Phố sá, quán hàng xinh xắn thay nhau mọc lên san sát kéo dài tới cạnh bờ sông Vàm Cỏ Đông. Ngoài những đồng ruộng, khoảnh vườn trồng trọt hoa màu còn sót lại, thì nhà cửa thi nhau xây cất, tiệm tùng nhậu nhẹt cũng được tân trang chào đón khách hàng, đặc biệt là món ăn heo mọi quay nướng hiện nay rất có sức hấp dẫn thực khách. Và những trò chơi hội chợ thỉnh thoảng được tổ chức vui nhộn, do nhóm người đồng tính luyến ái kéo nhau tụ tập về đây sinh sống. Nhìn trong tầm mắt ra tới bờ sông từ dưới chân cầu Quan bây giờ là một bãi đậu xe tải chuyển hàng, xe xúc đất làm đường hoạt động không ngừng bên cạnh khu công nghiệp An Hòa mở rộng có công nhân làm việc ra vào tấp nập. Nói cách khác, hình ảnh sinh hoạt của Tha La trên con đường hiện đại hóa bây giờ, đã làm cho nhiều du khách phải tỏ ra thất vọng với giấc mộng ngày nào mong sẽ có dịp đến thăm miền đất có *"lá rừng cao vàng rụng lá rừng bay"*. Và viếng ở ngôi nhà thờ, có những con chiên ngoan đạo nguyện cầu ơn thánh Chúa dưới bầu trời có *"gió đùn quanh mây trắng"*.

Thời tiền chiến 1945, thì đất Tha La vốn là một trục lộ nhỏ, là vùng địa lý đi vào ngõ cụt do bị dòng Vàm Cỏ Đông án ngữ. Do vậy, người dân Tha La may mắn có được rất nhiều yếu tố về địa lợi để hòa mình vào với thiên nhiên và sống một cuộc đời hạnh phúc, an bình. Hơn thế nữa, lúc bấy giờ thì nơi thôn trang vắng vẻ nầy duy nhất chỉ có một cái nhà thờ nhỏ, và chừng vài chục nóc gia có những tín đồ ngoan đạo hằng ngày thường xuyên đến nguyện cầu thọ ân phép lành của Đức Chúa. Họ đạo và nhà thờ Tha La từ lâu đã có một bề dày lịch sử từ thuở thời ông Coximo Nguyễn Văn Trí (nguyên là một chức vị cao trong họ đạo) cùng với vài gia đình con chiên ở từ Huế trốn vào Nam để lẩn tránh cuộc truy sát gắt gao của triều đình nhà Nguyễn trước cả thời vua Tự Đức ban hành sắc dụ 1859 lúc bấy giờ. Sau khi đến đất Tha La, tìm được nơi nương náu an toàn thì ông liền tổ chức khẩn hoang lập xóm, làm ruộng, trồng cây trái, hoa màu. Đồng thời, ông cũng lén lút truyền bá trong công tác hoằng pháp với những gia đình người lương ở láng giềng. Vì là người đầu tiên dấn thân có công gieo trồng hạt giống thiên thần Bác Ái ở nơi nầy, cho nên về sau ông cùng với một số giáo dân đã phải chịu hy sinh tử vì đạo pháp vào năm 1869 trong ngục thất. Trước lúc bấy giờ, vì tình hình trong hoàn cảnh không gian phức tạp do thỉnh thoảng đã có xảy ra những cuộc xung đột lương giáo. Và cũng để cố che mắt triều đình qua sắc chỉ cấm đạo, cho nên hình thức của nhà thờ dạo ấy thường được ngụy trang dựng lên trong những căn nhà tranh vách đất có gia đình người ở quanh xóm nhỏ dưới chân cầu Bình Thủy vùng Trường Đà hoặc ở Vàm Trảng. Và do vậy mà từ trước năm 1840 thì các tín hữu nào muốn nhận được các phép bí tích, thì thường phải đi về tới Chợ Quán (Sàigòn) hay lên tận Lái Thiêu (Thủ Dầu Một). Về sau, do trục lộ giao thông có phần nào được dễ dàng quen thuộc, cho nên thỉnh thoảng mới có các Cha họ đạo khác đến làm phúc cho các giáo dân. Giờ đây, trải qua bao thế hệ thì con số tín đồ Thiên Chúa ngày một tăng thêm và hình thể kiến trúc nhà thờ cũng đã được xây cất lại hoàn toàn thay đổi có khác với hình ảnh ngày xưa cảnh cũ. Và bây giờ, theo tổ chức của công giáo thì họ đạo Tha La trực thuộc địa phận Phú Cường, huyện Thủ Dầu Một, tỉnh lỵ Bình Dương.

Tiền đề trên đây nếu chỉ có vậy thôi, thì Schla Trảng Bàng nào có khác chi với những vùng Schla vắng vẻ quạnh hiu khác ở rải rác miền Tây Nam phần. Vậy nguyên nhân chính nào đã làm cho Tha La Trảng Bàng trở thành một **địa danh** bất hủ. Và dĩ nhiên, thì trước hết phần đông điều mà ai cũng biết đó là do chính nhờ có bài thơ *"Tha La Xóm Đạo" (Xem phần phụ chú cuối bài)* nổi tiếng của thi sĩ Vũ Anh Khanh còn để lại sau khi tác giả qua đời. Cũng giống như trường hợp bài thơ tuyệt tác *"Màu Tím Hoa Sim"* của thi sĩ Hữu Loan đã được phổ thành nhạc để đời. Nhưng bài thơ *"Tha La Xóm Đạo"* của Vũ Anh Khanh thì thêm vào đó, nó còn có tác dụng hàm chứa ảnh hưởng trải ra bề rộng lớn hơn nhờ vào những yếu tố của nguyên nhân tế nhị khác. Ngoại lệ hy hữu đó, nay cũng lại là một dịp để làm cho người ta thường hay nhắc tới một tác phẩm văn chương rất ngắn khác sau nầy của tác giả Thích Nhất Hạnh là *"Bông Hồng Cài Áo"*. Chỉ với nội dung cốt truyện chừng vài trang giấy, chuyên chở ý niệm tuyệt vời về tình yêu Mẹ, mà bây giờ nó đã có tác dụng được truyền bá sâu rộng vào trong ảnh hưởng phong tục của dân gian.

Trở lại thân thế của Vũ Anh Khanh và tư liệu về bài thơ nổi danh đặc biệt đó, thì hiện nay mọi sự việc đánh giá sưu khảo vẫn còn được coi như là đang ở trong tình trạng bỏ ngỏ, để mong đón chờ mọi sự đóng góp ý kiến toàn bích bổ sung. Tuy nhiên, như mọi người đều biết về địa lý thì Tha La cũng như các cuộc đất quanh vùng Trảng Bàng đều giống in nhau, có nghĩa là nơi đây không có núi non, thành quách cổ xưa gì để có thể được gọi là danh lam thắng cảnh. Ngoại trừ dấu tích của một ngôi tháp cổ mà dân làng quen gọi là tháp Chàm nho nhỏ, nhưng được các nhà khảo cổ nghiên cứu cho là di sản của nền văn hóa, văn minh Óc Eo hoang phế hàng thế kỷ đã rêu phong ở Bình Thạnh.

Tháp cổ Bình Thạnh

https://tieulun.hopto.org

Ngay cả trong suốt thời kỳ chiến tranh trước năm 1954, dù Tha La không bao giờ quay lưng với cộng đồng dân tộc nhưng trên thực tế lúc bấy giờ, thì cuộc đất Tha La cũng chưa hề có dấu vết của chiến tranh tàn phá nặng nề đến nỗi như *"bao năm qua khói loạn phủ mịt mù"* mà ở đây cũng lúc bấy giờ, Tha La lại có niềm tự hào tình tự khác hơn là đã có những "*người nước Việt ra đi vì nước Việt".* Và đó mới là hình ảnh nét đẹp lưu truyền của các chàng trai Tha La anh tuấn năm xưa đã xếp việc bút nghiên, để hăng hái lên đường theo tiếng gọi của hồn thiêng tổ quốc.

Trong bài thơ đầy cảm hứng tuyệt vời của họ Vũ đã có sức gợi cảm nhiệt tình cho người thưởng thức, và làm cho họ phải bị chi phối rất nhiều về mặt tinh thần. Với ý thơ ngọt ngào, lời thơ bình dị, nồng nàn, nhịp thơ nhẹ nhàng, gần gũi, hồn thơ man mác có tác động mãnh liệt làm lay chuyển vào được tâm hồn nhạy cảm của con người. Và người ta còn có dịp, để tìm thấy tận đáy lòng của ông đã chứa chan một niềm tâm sự gói ghém nhiệt thành trong tình yêu thánh Chúa. Và nghĩa vụ, với bổn phận của những người con yêu đất nước trong thời kỳ kháng chiến chống giặc xâm lăng tàn phá quê hương. Do vậy, có thể rất nhiều người từ lâu chưa từng được đặt chân đến Tha La, thì có thể dễ dàng bị tình cảm con tim xung động qua màu sắc thiên nhiên hòa quyện trữ tình ở chỗ nào là *"đây rừng xanh rừng xanh",* nào là "*đây mênh mông xóm đạo với rừng già".* Cho nên, có thể họ lại còn càng tưởng tượng ra thêm về bối cảnh của không gian địa lý nầy, lúc bấy giờ, *thực tế vốn đã là một mảnh đất ruộng đồng xanh tươi, cây trái sum suê* đã phải bị vô tình trở thành một nơi hoang vắng có cây cối âm u, rậm rạp.

Hơn thế nữa, cùng với ảnh hưởng lưu truyền của những bài ca, tiếng hát được phổ nhạc ra từ bài thơ *"Tha La Xóm Đạo"*, cho nên cuộc đất nầy nghiễm nhiên đã được rất nhiều người nghe biết. Và họ lại vội vã kết luận khẳng định cho rằng, là chỉ có Vũ Anh Khanh là người duy nhất đã biến cuộc đất nầy trở thành một **địa danh** lịch sử. Sự kiện nầy cần phải được đánh giá nghiêm túc lại, để nghiên cứu, đào sâu làm sáng tỏ nhiều hơn nữa. Vả lại, nếu xưa nay công trình nghiên cứu lịch sử của vấn đề được coi như là một bức tranh công phu cần phải được tô bồi bằng những nét vẽ đứt quảng. Và nếu quả vậy, thì người ta lại càng không thể loại trừ ảnh hưởng sâu đậm trong mấy vần thơ sau đây trong bài *"Tha La Xóm Đạo"* đã có tác dụng gợi ý mạnh mẽ về quan niệm nhân sinh vào trong cuốn tiểu thuyết *"Đời Tươi Thắm"* của nhà văn Thẩm Thệ Hà xuất bản vào năm 1956.

"Ờ... ơ... hơ... có một đám chiên lành
Quỳ cạnh Chúa một chiều xưa lửa dậy
Quỳ cạnh Chúa đám chiên lành run rẩy
Lạy đức thánh Cha
Lạy đức thánh Mẹ
Lạy đức thánh Thần
Chúng con xin về cõi tục để làm dân
Rồi... cởi trả áo tu
Rồi... xếp kinh cầu nguyện
Rồi... nhẹ bước trở về trần"

Tác phẩm nầy, được tác giả dàn dựng lên trong khung cảnh ở ngay cạnh tại giáo đường Tha La nên thơ vắng vẻ. Và cũng nhằm có mục đích, là để đối chọi lại với quan niệm về nhân sinh ở phần kết cuộc với cuốn tiểu thuyết lừng danh của nhà văn Khái Hưng trong Tự Lực Văn Đoàn. Nếu nói thêm về tình tiết, thì dạo ấy cuốn sách nầy bán rất chạy, vì đây là lần đầu tiên đã có một nhà văn miền Nam nhập cuộc gián tiếp chỉ trích, phê bình cuốn tiểu thuyết "*Hồn Bướm Mơ Tiên"* lúc bấy giờ vốn là một loại cảo thơm đang được các giáo sư sử dụng khai thác, để giảng dạy trong chương trình giáo dục học đường. Tuy nhiên, người ta cũng đừng quên rằng, dạo ấy, chính cây bút sắc bén, có tầm cỡ của miền Nam là Thẩm Thệ Hà lúc bấy giờ cũng từng đã có những tác phẩm văn chương vị nhân sinh cá biệt chuyên chở rất nhiều trọng lượng về văn học, mà người ta được biết qua các sách vở và báo chí hằng ngày. Vì thế, mà ảnh hưởng của câu chuyện mối tình rực nắng trong độ tuổi đôi mươi bên **Tha La xóm đạo** được lồng vào trong cuốn tiểu thuyết *"Đời Tươi Thắm"* của ông rất có nhiều tiếng vang, do được nhiều người ham mộ. Và làm cho hàng độc giả bốn phương phải biết tới nhà thờ và họ đạo Tha La trên mảnh đất yên lành, nên thơ, hoang vắng. Chúng ta chỉ thử lướt qua một đoạn văn ngắn súc tích, tả về cảnh các giáo dân quanh vùng tưng bừng nô nức, vui vẻ rủ nhau đi xem lễ ở giáo đường Tha La trong ngày trọng đại đón mừng giáng sinh Đức Chúa ra đời:

... (Trên con đường đỏ quạch, từng đám dân lành lũ lượt kéo nhau đi. Ánh nắng mai lổ đổ rụng trên đầu. Tiếng chim ca ngợi bình minh và tiếng gió reo vui trên cành lá. Những câu chuyện thân mật vang lên hòa nhịp như một khúc thanh bình)...

Cuốn sách nổi tiếng *"Đời Tươi Thắm"* của Thẩm Thệ Hà ra đời và được phổ biến rộng rãi, sau thời điểm của Hiệp định đình chiến Genève vừa đã phân chia đất nước Việt Nam. Còn tác giả của cuốn sách *"Nửa Bồ Xương Khô"* là Vũ Anh Khanh, thì đã tập kết ra Bắc vào mùa Thu năm 1954. Do vậy, dạo ấy tại miền Nam các tác phẩm của ông đều được hạn chế lưu hành. Và điều nầy, đã làm cho những từng lớp thành phần thế hệ nào đó chưa thể có dịp đọc qua bài thơ *"Tha La Xóm Đạo"*, vốn được coi như là khúc nhạc dạo đầu của cuốn tiểu thuyết lừng danh một thuở của nhà văn nặng ký Vũ Anh Khanh. Do vậy, dù không cần đem ra để đánh giá, đo lường về ảnh hưởng của hai cuốn tiểu thuyết đã nặn ra một hình ảnh diệu hiền của xóm đạo Tha La. Nhưng người ta cũng không thể nào dám lên tiếng phủ nhận, về nguyên nhân đã đưa đến sự kết thành được một mẫu số chung về tình cảm yêu thương, trữ tình bên Tha La xóm đạo.

Hơn thế nữa, ngược dòng thời gian kể từ thời kỳ từ năm 1947 trở về sau thì tình bạn giữa Thẩm Thệ Hà và Vũ Anh Khanh càng trở nên thân thiết hơn, do cùng khuynh hướng với nhau trong chủ trương sáng tác văn nghệ và cùng làm báo. Vẫn ngược dòng thời gian trước đó nhiều tháng còn trong năm 1949, trước lúc xảy ra đám tang của Trần Văn Ơn *(9.01.1950)* khi mà chính quyền thuộc địa dạo ấy đã lập tức đóng cửa các phòng trọ dành cho học sinh nội trú tại các trường trung học lớn ở Sài Gòn như Pétrus Ký, Gia Long, vì sợ các cuộc tập họp được dễ dàng để gây sách động tham gia các cuộc biểu tình đòi yêu sách. Và cũng trước khi nổ ra cuộc đấu tranh quyết liệt của sinh viên, học sinh trong bối cảnh lịch sử ngột ngạt lúc bấy giờ. Tình trạng đó, đã làm cho nhiều nhà báo yêu nước từng dấn thân dùng ngòi bút đấu tranh cho lý tưởng tự do, giành độc lập cho

https://tieulun.hopto.org

quê hương không khỏi phải thêm suy tư, trăn trở. *Chính ngay vào trong thời điểm không gian ấy, mà lần đầu tiên Vũ Anh Khanh mới có dịp về quê hương của Thẩm Thệ Hà. Và lưu lại ở đây khá lâu, để cùng ăn Tết luôn trong năm đó tại Trảng Bàng.*

Trong thời gian lưu trú tại đây, ngày nào Thẩm Thệ Hà cũng chèo ghe đưa Vũ Anh Khanh ngao du theo sông rạch để thư giãn bơi lội câu cá, hái sim, khi thì đèo ông trên chiếc xe đạp chạy ra các làng thôn cách xa ngoài thành phố để dạo chơi ngắm cảnh. Thuở ấy, Trảng Bàng còn quê mùa, không được mở mang và dân cư thưa thớt. Có hai địa điểm được hai ông đến chơi thích thú và thường trở đi, trở lại để tìm nguồn cảm hứng tâm hồn. Đó là xóm vắng Tha La và Sông Đua. Và như tôi đã có dịp trình bày ở phần trên, là thân thế của tác giả cũng như tư liệu về bài thơ *"Tha La Xóm Đạo"* hiện nay còn đang bỏ ngõ vì lý do có thể cần phải được hiệu đính lại điều sai sót bởi tác giả của nó đã qua đời? Và điều nầy, cũng không sao có thể tránh khỏi được với trường hợp đặc biệt về bài thơ *"Trường Thành Sông Đua"* của Thẩm Thệ Hà.

Tóm lại, dầu sao thì ngày xưa khi Tha La còn cái hồn làng mạc chơn chất, thì tình người nơi đây vẫn đẹp, duyên quê duyên dáng, hài hòa cuộc sống người người, thật là lý tưởng cho những ai muốn tìm về hạnh phúc ở tâm hồn, nhất là bên cạnh ngôi giáo đường bé nhỏ xinh xinh, tôn nghiêm phụng thờ ơn thánh Chúa. Cho nên vào lúc bấy giờ, **Tha La** thủy chung đương nhiên cũng vẫn lại là một **địa danh** đích thực, mà không cần đến một phương cách ca tụng hóa trang được tô son điểm phấn của bất cứ những loại hình thể văn chương bóng bẩy nào.

Tuy nhiên, thế rồi bằng đi sau một thời gian nhiều năm dài ngủ yên, thì cuộc đất Tha La lại trở mình thức giấc. Đó thời kỳ mà Tha La đã bỗng dưng trở thành mảnh đất dụng võ của đảng phái, đã chọn lựa vùng đất nơi nầy để làm thí điểm địa bàn nhằm đẩy mạnh phong trào, phát triển cơ sở. Dạo ấy, địa danh Tha La lại càng được thêm nhiều người biết đến vì màu sắc sinh động về chính trị hơn là xóm đạo, dù là sự kiện nầy chỉ xảy ra trong một giai đoạn ngắn ngủi mà thôi. Tuy nhiên, người ta phải thực tế khách quan nói rằng lấy cái mốc thời gian của định mệnh lịch sử được kể từ vào đầu Xuân 1974, và mùa Xuân 1988. Với những đề tài thời sự nhạy cảm được cập nhật hóa trên bình diện quốc tế, về vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh hải ở biển Đông giữa các quốc gia liên quan trong khu vực lúc bấy giờ, *thì địa danh Tha La mới vĩnh viễn được coi như là đã đi vào huyền thoại.*

Sự kiện nầy, từ lâu đều đã được hầu hết nhân dân, tất cả đồng bào ai cũng biết. Đó là do có sự quyết tâm chiến đấu bảo vệ lãnh thổ của dân tộc, xảy ra trong những trường hợp trùng ngẫu đặc biệt khác thường. Và ý nghĩa tinh thần tiêu biểu về sứ mạng trung thành hy sinh cho tổ quốc của bao người chiến sĩ đó, xưa nay, không khác gì với lại hình ảnh của những vị Bồ Tát vị tha vì lòng từ bi bác ái để lấy thân mình cứu khổ, độ nhân trong lúc tai biến hiểm nguy. Và sự kỳ diệu nầy, đã vô tình đan kết tạo thành một bức tranh in hình tấm huy chương *"vị quốc vong thân"* chói rạng về mặt tinh thần, nghĩa vụ của hàng hàng đứa con gương mẫu từng đứng lên thề nguyền dấn thân làm đẹp quê hương, tận trung báo quốc. Và nếu phải nói theo thể xác định về danh dự ở hàng đầu đó, thì chính là do có sự đóng góp hy sinh cao quý của hầu hết những vị anh hùng liệt sĩ đã can đảm, hiên ngang cùng nhau nhất tề quyết tâm bảo vệ non sông tổ quốc từ vùng trời, vùng đất, vùng bể khơi, hải đảo.

Do vậy, trong mọi trường hợp nào tôi cũng xin kính cẩn được nghiêng mình trước vong linh của những vị anh hùng chiến sĩ vô danh, vị quốc vong thân. Và thành tâm tạ tội, vì không thể biết hết được tất cả quý danh của từng những đứa con yêu mến của dân tộc để tôn vinh.

Chính vì lẽ đó mà tôi chỉ còn lại cơ hội duy nhất, để nói về *nguyên khí* miền đất thiêng liêng **Tha La xóm đạo** của quê hương tôi từng tự hào. Vì nó đã từng có dịp *hiến dâng* một **đứa con** ưu tú, tài hoa làm rạng rỡ xóm làng, một **người bạn** đồng hương gần gũi, chân thành, thân thiết. Một *vị anh hùng* chiến sĩ can cường, bất khuất đã hiên ngang xả thân quyết tâm chiến đấu với giặc xâm lăng để bảo vệ non sông trên hải đảo **Hoàng Sa** trong một trận thư hùng. Và oanh liệt phi thường, cho đến phút cuối cùng đã anh dũng *hy sinh* đền nợ nước, để lại tấm gương mãi mãi nghìn thu bằng những nét son tô đậm được vinh danh ghi tạc ở bia vàng [(**)]

Tha La một địa danh lịch sử.

An Tiêm MAI LÝ CANG
(Paris Xuân Nhâm Thìn 2012)

HQ10 Nhật Tảo - Hộ Tống Hạm PCE (Patrol Craft Escort)
(Chiến Hạm Nhật Tảo HQ 10 của Hải quân VNCH)

(**) Đề tài thời sự nhạy cảm tranh chấp về chủ quyền ở biển Đông, hiện nay đã được hầu hết các phương tiện truyền thông quốc tế thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến. Đặc biệt, là về hai trận hải chiến ở quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa giữa Việt Nam và Trung Quốc. Và có dịp phổ biến rộng rãi về trường hợp của vị Hạm trưởng anh hùng, đã tuẫn tiết theo chiến hạm Nhựt Tảo HQ10: Ngụy Văn Thà, cố Trung Tá Hải Quân, Hạm Trưởng Nhựt Tảo HQ10, sinh trưởng tại Tha La, nguyên là học sinh trường Cao Cẳng Trảng Bàng, Tây Ninh.

https://tieulun.hopto.org

Tha La Xóm Đạo

(Nhà thờ Tha La Trảng Bàng)

Đây Tha La xóm đạo
Có trái ngọt, cây lành
Tôi về thăm một dạo
Giữa mùa nắng vàng hanh
Ngậm ngùi Tha La bảo:
Đây rừng xanh, rừng xanh
Bụi đùn quanh ngõ vắng
Khói đùn quanh nóc tranh
Gió đùn quanh mây trắng
Và lửa loạn xây thành

Viễn khách ơi! Hãy dừng chân cho hỏi?
Nắng hạ vàng ngàn hoa gạo rưng rưng
Đây Tha La, một xóm đạo ven rừng
Có trái ngọt, cây lành im bóng lá
Con đường đỏ, bụi phủ mờ gót lạ
Ngày êm êm lòng viễn khách bơ vơ!
Về chi đây! Khách hỡi! Có ai chờ?
Ai đưa đón?
Xin thưa. Tôi lạc bước!
Không là duyên, không là bèo kiếp trước
Không có ai chờ, đưa đón tôi đâu!
Rồi quạnh hiu, khách lặng lẽ cuối đầu
Tìm hoa rụng lạc loài trên vệ cỏ
Nghìn cánh hoa bay ngẩn ngơ trong gió
Gạo rưng rưng, nghìn hoa máu rưng rưng
Nhìn hoa rơi, lòng khách bỗng bâng khuâng
Tha La hỏi? Khách buồn nơi đây vắng!
Không. Tôi buồn vì mây trời đây trắng!
Và khách buồn vì tiếng gió đang hờn?
Khách nhẹ cười, nghe gió nổi từng cơn
Gió vun vút, gió rợn rùng, gió rít
Bỗng đâu đây vẳng véo von tiếng địch
Thôi hết rồi! Còn chi nữa Tha La!
Bao người đi thề chẳng trở lại nhà
Nay đã chết giữa chiến trường ly loạn!
Tiếng địch càng cao, não nùng ai oán
Buồn trưa trưa, lây lất buồn trưa trưa

Buồn xưa xưa, ngây ngất buồn xưa xưa
Lòng viễn khách bỗng dưng tê tái lạnh
Khách rừng mình, ngẩn ngơ người hiu quạnh
Thôi hết rồi! Còn chi nữa Tha La!
Đây mênh mông xóm đạo với rừng già
Nắng lổ đổ rụng trên đầu viễn khách
Khách bước nhẹ theo con đường đỏ quạch
Gặp cụ già đang ngóng gió bâng khuâng
Đang đón mây xa... khách bỗng ngại ngần:
Kính thưa Cụ, vì sao Tha La vắng?
Cụ ngạo nghễ, cười rung rung râu trắng
Nhẹ bảo chàng: - Em chẳng biết gì ư?
Bao năm qua, khói loạn phủ mịt mù
Người nước Việt ra đi vì nước Việt
Tha La vắng, vì Tha La đã biết
Thương giống nòi, đau đất nước lầm than!

Trời xa xanh, mây trắng nghẹn ngàn hàng
Ngày hiu quạnh... ờ... ơ... hơ... tiếng hát
Buồn như gió lượn, lạnh dài đôi khúc nhạc
Tiếng hát rằng:
Tha La hận quốc thù
Tha La buồn tiếng kiếm
Não nùng chưa! Tha La nguyện hy sinh
Ờ... ơ... hơ... có một đám chiên lành
Quỳ cạnh Chúa, một chiều xưa lửa dậy
Quỳ cạnh Chúa, đám chiên lành run rẩy
Lạy đức thánh Cha
Lạy đức thánh Mẹ
Lạy đức thánh Thần
Chúng con xin về cõi tục để làm dân
Rồi... cởi trả áo tu
Rồi... xếp kinh cầu nguyện
Rồi... nhẹ bước trở về trần
Viễn khách ơi! Viễn khách ơi!
Người hãy ngừng chân
Nghe Tha La kể... nhưng mà thôi khách nhé!
Đất đã chuyển rung lòng bao thế hệ
Trời Tha La vần vũ đám mây tang
Vui gì đâu mà tâm sự!
Buồn làm chi cho bẽ bàng!
Ờ... ơ... hơ, ờ... ơ... hơ... tiếng hát
Rung lành lạnh, ngân trầm đôi khúc nhạc
Buồn tênh tênh, não lòng lắm khách ơi!
Tha La thương người viễn khách quá đi thôi!

Khách ngoảnh mặt nghẹn ngào trông nắng đổ
Nghe gió thổi như trùng dương sóng vỗ
Là rừng cao vàng rụng, lá rừng bay...
Giờ khách đi, Tha La nhắn câu nầy:
Khi hết giặc, khách hãy về thăm nhé!
Hãy về thăm xóm đạo
Có trái ngọt cây lành
Tha La dâng ngàn hoa gạo
Và suối mát rừng xanh
Xem đám chiên hiền thương áo trắng
Nghe trời đổi gió, nhớ quanh quanh...

• Vũ Anh Khanh

https://tieulun.hopto.org

Mười điều hạnh phúc của tôi

• Thích Như Điển

Trước tiên xin định nghĩa hạnh phúc là gì? Dĩ nhiên là có nhiều cách định nghĩa và cách nhìn cũng như cách chấp nhận về hạnh phúc đối với mỗi người khác nhau, vì chẳng ai trên đời nầy giống nhau hoàn toàn một trăm phần trăm cả. Tục ngữ Nga nói rằng: „Hạnh phúc là những gì người ta đang có, chứ không phải những gì người ta đi tìm". Với tôi, câu nầy có rất nhiều ý nghĩa. Vì đa phần con người hay đi tìm hạnh phúc, nhưng hạnh phúc thật sự đâu có mà phải tìm. Tất cả đều biến đổi, tất cả đều không thường hằng, tất cả đều tạm bợ. Có những điều ta nghĩ là hạnh phúc thật sự; nhưng đến ngày hôm sau vì lòng người thay đổi, thời tiết đổi thay, thời gian giới hạn v.v... nên con người chẳng nắm bắt được hạnh phúc ấy một cách lâu dài. Do vậy, người Nga cũng rất là thực tế; nên họ mới cho rằng: „Cái gì mình đang có, ấy là hạnh phúc".

Còn người Pháp thì bảo rằng: „Hạnh phúc là sự an ổn của tâm hồn". Điều ấy hẳn đúng. Vì khi tâm hồn mình không bị chướng duyên quấy phá, sống trong sự tỉnh thức, an lạc. Ấy chính là hạnh phúc. Nó không nhất thiết phải là tiền nhiều mới có hạnh phúc. Ngược lại, tiền nhiều quá, nhiều khi bị mang họa vào thân nữa. Tình yêu nam nữ cũng chẳng phải là hạnh phúc thật sự. Vì nó chỉ có tính cách ham muốn, đòi hỏi. Một khi sự ham muốn, đòi hỏi ấy của một trong hai người không đồng thuận, thì sẽ có sự phân ly, chắp nối. Như vậy hạnh phúc lứa đôi, cũng chẳng phải là hạnh phúc thật sự của cuộc sống con người. Danh vọng thật cao cũng chẳng phải là hạnh phúc. Ông bà ta vẫn thường hay nói: „Trèo cao, té nặng". Nghĩa là: „Càng cao danh vọng, càng dày gian nan". Thế thôi! Cho nên người Pháp có lý khi họ nói rằng sự an ổn của tâm hồn là một hạnh phúc chân thật.

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, người lãnh đạo tối cao của Phật Giáo Tây Tạng và có ảnh hưởng rất lớn đối với những dân tộc phương Tây vào cuối thế kỷ thứ 20 và đầu thế kỷ thứ 21 nầy, Ngài lại cho rằng: „Hạnh phúc, người ta chẳng thể mua nó ngoài siêu thị được, mà bạn phải tìm nơi nội tâm của bạn". Vậy thì cái hạnh phúc chơn thật phải do tự nơi tâm mà do chính mình làm chủ; chứ không phải dùng tiền để mua được hạnh phúc ấy. Lại càng chẳng thể dùng thế lực để tìm lấy hạnh phúc từ kẻ khác. Tiền không là tất cả. Tiền chỉ là phương tiện của cuộc sống, chứ không phải là mục đích của cuộc sống.

Tục ngữ Việt Nam có câu: „an bần, lạc đạo". Nghĩa là: „an phận với cảnh nghèo khó, vui thích với đạo nghĩa". Đây có thể là cái đạo làm người của Khổng Giáo, không nhất thiết là của Đạo Phật hay của Đạo Lão; nhưng trong 3 nền Đạo học Đông Phương ấy, có nhiều điểm giống nhau về cách sống cũng như cách tu thân và quan niệm về cuộc đời. Qua câu định nghĩa trên ta hiểu rằng: nếu biết an phận thủ thường, thì mặc dầu nghèo, tâm ta vẫn an ổn. Ngược lại, nếu chẳng biết đủ thì dầu cho có làm đến Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng cảm thấy không đủ một chút nào, lại càng muốn đòi hỏi thêm nhiều thứ nữa, để hưởng được những phú quý vinh hoa trong cuộc sống. Từ đó tâm thức rong chơi ở mọi phương trời, không quan tâm đến thị phi, nhân nghĩa, bỉ thử của thế trần. Đây chính là con đường dẫn đến niềm vui miên viễn của người xưa, khi xuất thế phải ra tài kinh bang tế thế, khi về già phải biết xử sự với chính bản thân mình như thế nào, để đừng cho lỗi đạo với Thánh Hiền.

Còn tôi, vốn xuất thân từ nông dân của xứ Quảng Nam nghèo khổ, năm nay 2011 đã ở vào tuổi 63 và hơn 47 năm đã xuất gia học đạo, tại sao có lắm nhiều điều hạnh phúc như thế? Tôi xin kể để hầu quý vị vậy.

Điều thứ nhất – khi cha mẹ sinh tôi ra trong đời nầy, tôi có đầy đủ vóc hình. Đây là một điều hạnh phúc. Chẳng có cha mẹ nào mà không mong được điều đó; nhưng vì nghiệp duyên của bao đời kết tụ, chồng chéo với nhau; nên kết quả là nhiều đứa bé khi sinh ra đời đã không có đầy đủ vóc hình. Ví dụ như thiếu tay chân, sứt môi, tai điếc, mắt đui, lưỡi thụt vào, khiến bị câm ngọng v.v... Nhưng tôi được một điều, không thuộc vào dạng người như thế. Nên đây là một hạnh phúc trên đời khó có được. Cho nên với tôi, cha mẹ là một nhân duyên hy hữu đã mang mình ra đời với một đứa bé với đầy đủ vóc hình nầy.

Vì chúng ta không bị các chướng nạn như mắt mù, tai điếc, ngọng câm v.v... nên chúng ta ít cảm thông với những người có cảnh ngộ như thế; nhưng nếu rủi một ngày nào đó ta đang được nói mà bị mất giọng nói, không thể nói chừng 2 đến 3 ngày thì quý vị sẽ thấy sự khổ sở như thế nào. Khi ta được ăn, được nói, ít ai để ý đến vấn đề nầy. Rồi một hôm bỗng dưng mắt mình bị mờ dần đi, rồi chẳng thấy gì cả. Nhưng trong khoảng đời sống được 50 hay 70 năm ấy, đâu có ai quý ánh sáng của chính mình đã do cha mẹ mình tạo thành đâu, mà cứ mãi buông lung, phóng ngoại, chứ rất hiếm người biết đến ân đức sanh thành của mẹ cha, đã dưỡng dục chúng ta thành người.

Điều hạnh phúc thứ hai là khi tôi lớn lên trong một môi trường thiên nhiên thích hợp, được cắp sách đến trường để đi học cùng bạn bè để biết chữ và biết lắp ráp vần bằng những chữ cái đầu đời, để sau nầy chừng ấy chữ, đã tạo thành cho tôi có được hơn 60 tác phẩm và dịch phẩm bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau; nếu chẳng có được những ngày đầu tiên đến trường ấy. Tôi là một đứa trẻ sinh ra tại nơi thôn dã; chốn đồng quê mộc mạc; nhưng có được một môi trường thiên nhiên rất trong lành. Chung quanh mình là ruộng vườn, trâu bò, heo gà và cảnh nông trang. Do vậy tôi rất yêu thú vật. Cho nên những ngày nghỉ hè ở trường là chúng tôi gồm những bạn trẻ tụm năm tụm ba lại để đánh đu, đánh đáo, cỡi bò, cỡi trâu rong ruổi khắp thôn cùng, ngõ hẻm. Đồng cỏ nào cũng có mặt của bọn trẻ con chúng tôi. Chúng tôi thích nhất là mùa lụt lội. Vì có cơ hội dầm nước và bắt dế hay đi thuyền. Đó là những thú vui của trẻ thơ. Thân phụ tôi sinh năm 1898 và đến năm 1949 tôi mới được ra đời. Nghĩa là người mang tôi vào đời ở tuổi gần 52. Cho nên giữa tôi và thân phụ ít có cơ hội gần gũi nhau. Vì tuổi cha con quá chênh lệch, không học hỏi trực tiếp được từ người nhiều; nhưng gần mẹ để được nũng nịu và học hỏi nhiều hơn. Mặc dầu mẹ tôi là người đàn bà không biết chữ. Nhưng cái tình thương người của tôi có được ngày hôm nay, tất cả đều từ mẹ mà có được. Do vậy khi đi học mẫu giáo vào năm 1956 cho đến khi tốt nghiệp Tiểu Học vào năm 1961, tôi ít được sự giúp đỡ của cha mẹ và anh chị em; nên học rất dốt. Cuối năm Tiểu Học, tôi đội sổ, đứng thứ 35 trên 36 học sinh Tiểu Học trường Xuyên

https://tieulun.hopto.org

Mỹ, quận Duy Xuyên lúc bấy giờ; nhưng tôi rất vui. Vì tôi đã được đi học. So ra với những đứa trẻ trong làng thuở ấy, tôi rất hạnh phúc. Vì có không biết bao nhiêu đứa phải bỏ học để đi giữ trâu, bò giúp cha mẹ làm việc đồng áng, nông trang. Còn tôi, tuy dốt về việc học thuở ấy; nhưng được một cái là có cha mẹ anh em sống quây quần đầy đủ với nhau dưới một mái nhà.

Thân phụ tôi mất vào năm 1986 ở tuổi 89 và thân mẫu tôi mất vào năm 1966 ở vào tuổi 58. Bây giờ tôi còn tất cả 5 anh em, gồm 3 trai 2 gái. Bà chị cả năm nay (2011) đã 85 tuổi rồi. Vì sinh ra tại nhà quê; nên ai cũng sống rất thọ. Mẹ tôi vì chiến tranh thuở ấy; nên đã ra đi lúc ấy dưới 60 tuổi; nếu không chắc bà cũng thọ lắm. Vì tôi chẳng hề thấy cha mẹ tôi uống thuốc gì cả, ngay cả thuốc đau đầu. Có lẽ thiên nhiên đã ưu đãi cho họ.

Điều hạnh phúc thứ ba là có cơ hội theo mẹ đi chùa từ thuở bé; nên mới có cơ hội xuất gia về sau nầy. Làng tôi nghèo; nhưng thuở ấy cũng đã có một vài ngôi chùa để cho quý Cụ, quý Bác đi chùa lễ Phật vào ngày rằm, mồng một; hoặc những ngày Vu Lan, Tết nhứt. Còn bọn trẻ chúng tôi lúc đầu theo mẹ đi chùa để được ăn chay và sau đó hòa nhập vào môi trường của Gia Đình Phật Tử. Vào những năm 1957, 1958 tại các vùng thôn quê Việt Nam vẫn chưa có điện; nên vào những đêm trăng 14 hay rằm là những tháng ngày tuyệt diệu. Vì lẽ ánh điện ngày nay không thể so sánh với ánh trăng rằm của những miền quê thôn dã thuở ấy được. Ngày xưa cái gì cũng nhàn nhã, còn ngày nay cái gì cũng vội vàng mà kết quả lại chẳng được bao nhiêu.

Nếu không có mẹ, chắc là tôi buồn lắm. Vì ai sẽ chăm sóc cho mình khi tuổi còn thơ? Ai lo cho mình đi học, ai đỡ đòn cho mình, khi người cha thịnh nộ xung thiên. Chỉ chừng ấy việc thôi, mẹ đã là hình bóng của một từ mẫu rồi. Dầu cho bà mẹ dân giả, thôn quê không biết chữ, so với bà mẹ có học ở chốn thị thành, thì tình mẹ chắc chẳng có gì thay đổi. Vì ai cũng phải thương và lo cho con mình. Cho nên tục ngữ Việt Nam mới có câu:

„Lên non mới biết non cao
Nuôi con mới biết công lao mẫu từ"

Đi chùa thuở bé, tôi thích nhất là ăn rau luộc chấm nước tương, ăn cùng với gạo ba trăng hay gạo nàng hương thì thật là tuyệt diệu. Tôi thèm nghe tiếng kinh, lời kệ và thích màu áo nâu sồng từ khi lên 8 tuổi; nghĩa là vào năm 1957. Thuở ấy mền quê còn thanh bình lắm. Ai ai cũng lo nông trang cày cấy và xây dựng nhà cửa ruộng vườn. Một thuở tuổi thơ của tôi với tròn đầy những mộng ước nhỏ nhoi như những chú chim non mới tập bay, muốn nhón bước bay xa và lìa tổ ấm kia để hòa tan vào đám nhóc tì đang tung tăng nơi cửa chùa cũng như nơi trường học.

Đến năm 1957, bào huynh tôi, tức Hòa Thượng Thích Bảo Lạc ngày nay đang là Phương Trượng của chùa Pháp Bảo tại Sydney, Úc Châu đã lên đường xuất gia học đạo. Thế là tôi có cơ hội để cùng gia đình đi thăm Thầy ấy tại chùa Linh Ứng, thuộc núi Ngũ Hành Sơn, Non Nước tại Đà Nẵng. Đi xe đò thuở ấy là một thú vui; nhưng tôi ngồi cách nào thì cũng thấy người đi dưới vệ đường đi ngược lại mình. Đây là một ảo giác chưa quen khi bị say sóng; hoặc giả biểu hiện bản chất nhà quê lên tỉnh chăng? Sau khi leo lên hằng trăm thang cấp để đến chùa thì bụng dạ đã đói meo. Cho nên cơm, tương ở trên núi nầy là một hạnh phúc rất to lớn đối với tôi thuở bấy giờ. Rồi chẳng biết từ khi nào, ý niệm xuất gia đã len lỏi vào hồn tôi; nên đã có một chút gì đó muốn gần gũi cửa chùa nhiều hơn nữa.

Tôi tham gia Gia Đình Phật Tử Hà Linh từ lúc còn Oanh Vũ cho đến hết ngành Thiếu thì đi xuất gia. Lẽ ra tôi được đi tu trước khi xong Tiểu Học vào năm 1961; nhưng cha mẹ cứ trù trừ, bảo rằng con út trong gia đình, hãy ở lại cho đến lúc lớn khôn rồi hãy tính; nhưng đây là cái kế của cha mẹ để trói buộc con cái vào chuyện đời; nên bằng mọi cách, tôi đã xin phép cha mẹ để đi xuất gia. Cuối cùng thì ông bà đã đồng ý và hôm đó là ngày giỗ của Nội tôi vào ngày rằm tháng năm năm 1964. Thấm thoát mà cũng đã gần 50 năm chay tịnh rồi. Đúng là thời gian,... thời gian rất vô tình, chẳng đợi chờ ai cả; nhưng ta sẽ già và sẽ chết, sẽ tàn lụi tuổi thanh xuân.

Cái tuổi thanh xuân 15, chưa nhiễm mùi trần, với một tâm hồn trong trắng, tôi đã từ bỏ gia đình, để lại phía sau lưng và mặt hướng tới, sung sướng đạp xe đạp về chùa Viên Giác tại Hội An, trong khi cha mẹ, anh chị đều khóc sa nước mắt để đoái nhìn đứa em út đã từ bỏ gia đình dấn thân vào con đường cao xa vời vợi. Lo toan, mừng vui, đau đớn v.v... có lẽ là những tâm tư, tình cảm của những người còn ở lại. Riêng tôi thì hạnh phúc vô ngần. Vì có được một chân trời cao rộng.

Điều hạnh phúc thứ tư được đi xuất gia tu học là một hạnh phúc. Khi tôi vào chùa Viên Giác Hội An vào ngày 15.5 âm lịch năm 1964, Thầy tôi, cố Hòa Thượng Thích Long Trí viết một giấy giới thiệu cho cố Hòa Thượng Thích Như Vạn, trụ trì Tổ Đình Phước Lâm lúc bấy giờ, cho tôi tạm trú tại đó để chờ ngày xuất gia. Vì Thầy tôi sau cuộc tranh đấu năm 1963 với chế độ Ngô Đình Diệm đã bị tra tấn nặng nề; nên cần phải đi Sàigòn để được chữa trị. Đến ngày 19 tháng 6 năm 1964 nhân lễ Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, tôi được Thầy tôi cho người ra chùa Phước Lâm kêu về chùa Viên Giác để xuống tóc và chính thức xuất gia vào ngày ấy. Sau đó trở lại chùa Phước Lâm liền để tùng chúng tu học.

Chùa Phước Lâm thuở ấy đang thời kỳ trùng tu; nên ban ngày chúng điệu đi học và chiều, tối về hay phụ các thợ công quả đến từ Đại Lộc, Điện Bàn đi đẩy gạch ngói trên Thanh Hà, để cho các thợ ấy xây chùa. Thuở ấy chùa Phước Lâm thịnh lắm. Các chú rất đông, học rất giỏi; nhưng sau 1975 hình như đã ra đời hơn phân nửa. Bây giờ thì còn lại Hòa Thượng Hạnh Đức, Thượng Tọa Hạnh Hoa và một số quý vị khác, tôi không còn liên lạc được. Cố Hòa Thượng Thích Hạnh Thiền, trụ trì chùa Vạn Đức, vốn là người xuất thân từ nhóm thợ nói trên và lúc đến chùa Phước Lâm có pháp danh là Thị Quảng; sau khi chùa Phước Lâm khánh thành vào năm 1966 thì Thầy ấy xuất gia cùng với Thầy Thị Tập (chú Huân); bây giờ cũng đã là Hòa Thượng đang trụ trì chùa Ân Triêm ở trạm Nam Phước, Duy Xuyên.

Cái tuổi hồn nhiên ấy tôi đã dâng hiến đời mình cho Đạo, để cho đến bây giờ chẳng có một chút gì ân hận cả. Vì tôi biết rằng: ân Tam Bảo to lớn lắm; nếu tôi không nhờ có Tam Bảo dẫn dắt, che chở, gia hộ, thì tôi đã chẳng có ngày nay. Ngày ấy khi Thầy tôi bảo rằng: ông hãy lo chuẩn bị sách vở để đi học. Tôi trả lời Thầy rằng: Bạch Thầy! Đi tu rồi còn học làm gì nữa. Nó hồn nhiên và ngờ nghệch như vậy. Bây giờ ở vào tuổi cuối đời, mới thấy tuổi thơ là đáng quý. Vì chỉ nghĩ rằng: Tu là bước cuối của cuộc đời, đóng cửa chùa lại, lim dim đọc kinh, niệm Phật; chứ đâu có ai ngờ là phải đi vào đời để độ sanh cả mấy chục năm nay và thấy rằng: học bao nhiêu

https://tieulun.hopto.org

cũng chẳng đủ và tu bao nhiêu cũng chưa trọn vẹn hạnh nguyện của mình.

Điều hạnh phúc thứ năm là được tu và được học; được che chở và hướng dẫn bởi Thầy lành bạn tốt. Đây là cái phước mà không phải ai cũng có được. Có nhiều người đi tu bị những chướng duyên khảo đảo, thối chí xuất trần. Có nhiều vị đã hoàn tục ở tuổi thanh xuân, mà cũng có nhiều người khi đến tuổi trung niên vẫn còn khổ lụy vì đường trần, bởi nghiệp duyên chưa dứt hẳn. Tuy Sư Phụ tôi không trực tiếp hướng dẫn cho tôi tu học từ thuở sơ cơ từ năm 1964-1966 mà nhờ cố Hòa Thượng Thích Như Vạn có một tấm lòng độ lượng như một người mẹ và từ năm 1966-1968 tôi về lại chùa Viên Giác ở Hội An với Thầy tôi; nhưng giữa Thầy trò hình như có một bức tường vô hình cản ngăn tình Thầy trò. Cho đến năm 1968 tôi đã đi Sàigòn và xa Sư Phụ tôi từ dạo ấy để năm 1991 mới gặp lại Người tại Đức và chừng mấy năm sau thì Thầy tôi đã viên tịch. Tình nghĩa Thầy trò chỉ có cảm nhận chứ không có việc trực tiếp chỉ bày và tôi học được từ Thầy cách tổ chức, tính năng động và việc đi vào xã hội quần chúng.

Thuở ấy cứ mỗi mùa an cư kiết hạ, tôi được lên chùa Long Tuyền hay chùa Tỉnh Hội (bây giờ là Pháp Bảo) để tùng hạ, tập sự an cư. Quý chú Giải Trọng, Như Phẩm, Như Hoàng là những bạn thân học cùng lớp tại trường Trung Học Diên Hồng, Bồ Đề, Trần Quý Cáp Hội An có những kỷ niệm khó phai mờ trong tâm cảm của mình. Họ là những người bạn tốt. Bây giờ có vị đã lên Hòa Thượng, có người ra đời được mấy con; tất cả chỉ là kỷ niệm.

Chúng Viên Giác không đông; thuở ấy có chú Tùng, chú Đồng, chú Ngô v.v... Nhưng bây giờ không còn một ai nữa ở lại với Thiền Môn, mà đã trở lại vòng luân hồi để nối vòng dây sanh tử. Ôi! đời là vậy! mới đó ngày nào tiếng kinh cầu, tiếng tang mõ, nhịp linh đều đặn tụng kinh bên nhau vào mỗi buổi sáng tại chùa xưa, mà bây giờ chỉ còn là những âm thanh dội lại từ một cõi xa xăm nào đó, dường như khó nắm bắt lại được.

Từ giã Hội An để vào Sàigòn một thành phố phồn hoa, ồn náo. Tôi như con chim nhỏ mới tập sãi cánh vào đời, thấy muôn ánh đèn màu và muôn vạn điều cám dỗ; nhưng nhờ cái chân quê của xứ Quảng đã giữ gìn và bảo bọc tôi cho đến ngày nay. Chùa Hưng Long ở đường Minh Mạng thuở ấy là chốn dung thân của những người xuất gia ly hương Quảng Nam vào đây trú ngụ. Cố Hòa Thượng Thích Pháp Ý trụ trì chùa thuở ấy rất từ bi; nhưng Thầy Phó thì hay gắt gỏng với Tăng Chúng; chẳng biết tại sao? Nhưng tôi vẫn thản nhiên; ngày đêm hai buổi công phu sáng chiều để trả nợ đàn na tín thí và học hành thi cử. Phải nói cho ngay rằng: Nếu tôi không vào Sàigòn để học và thi Tú Tài 1 và Tú Tài 2 thì đã chẳng có cơ hội để đi ngoại quốc được.

Ở đời có cha mẹ, lúc vào chùa có Thầy Bổn Sư, Thầy Y Chỉ thay thế cho cha mẹ để chăm sóc đời sống tinh thần của người Tăng sĩ, quả là một hạnh phúc vô cùng. Bên cạnh đó còn có những huynh đệ đồng song, cùng tu, cùng học dưới mái chùa. Hình ảnh nầy thay thế cho anh em ruột thịt ở trong gia đình. Cứ như thế, tôi đã ăn cơm góp của Đàn na Tín thí và ở chung dưới nhiều mái chùa khác nhau; thế mà cũng đã gần 50 năm rồi, còn gì nữa? Làm sao nói hết được hai tiếng tạ ơn với Cha Mẹ, Thầy Tổ, Tam Bảo, Đàn na Tín thí, Quốc gia Xã hội cho đủ đầy đây! Nếu có cũng chỉ là sự mặc niệm những thâm ân ấy; chứ chẳng có lời nào và hình thức nào khác để tạ ân những công đức cao dày ấy được.

Điều hạnh phúc thứ sáu là tôi có cơ hội ra ngoại quốc tu học và đi đây đi đó để hiểu biết thêm về nhân tình thế thái cũng như cuộc đời. Hồi còn học Tiểu Học, tôi nhớ mỗi sáng thứ hai, Thầy, Cô giáo thường chép lên trên bảng đen một câu cách ngôn bằng chữ Pháp hay Hán Việt và trong tuần lễ ấy học trò phải học thuộc lòng một bài có tính cách lịch sử hay văn học v.v... Ví dụ như câu: „Ấu bất học, lão hà vi - Nhân bất học, bất tri lý - Ngọc bất trác, bất thành khí". Nghĩa là: „Nhỏ chẳng học, lớn làm gì - Người không học, chẳng rõ biết - Ngọc không dùi, không sáng sủa". Chữ Nho ngắn gọn; nhưng ý nghĩa lại thâm sâu. Còn ngày nay đâu có ai học những câu nầy làm gì nữa. Bài học thuộc lòng có nhan đề là: Đi ngày đàng học sàng khôn.

Đi cho biết đó biết đây
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn
Kìa thế giới năm châu quanh quốc
Người bao nhiêu thì đất bấy nhiêu
Sông to núi lớn cũng nhiều
Đường đi lối lại trăm chiều ngổn ngang
Người bốn giống đen, vàng, đỏ, trắng
Trời bốn phương Nam, Bắc, Đông, Tây
Mênh mông nước nước mây mây
Chẳng đi sao biết thông nầy thảo kia.
(Khuyết danh)

Tác giả là ai, ngày nay chẳng ai còn nhớ nữa; nhưng tư tưởng ấy, cái nhìn ấy, sự thực hành ấy đã in sâu vào tim mạch của trẻ thơ từ cái thuở ban đầu và mãi cho đến ngàn sau cũng chẳng thể nào dễ quên đi được.

Đến Nhật du học vào ngày 22 tháng 2 năm 1972 đến nay cũng gần tròn 40 năm rồi. Trong gần 40 năm ấy tôi đã đi không biết bao nhiêu nơi, đến không biết bao nhiêu chỗ; viết hết không biết bao nhiêu gấy, nói không biết bao nhiêu lời, học không biết bao nhiêu điều hay, gặp không biết bao nhiêu là người, nói không biết bao nhiêu là ngôn ngữ... chỉ chừng ấy thôi, tôi cũng đã hạnh phúc lắm rồi. Vì lẽ tôi có cơ hội để được học. Khi tôi ở trong chùa Nhật, dĩ nhiên là tôi được tu rồi; nhưng cũng nhờ họ, mà tôi đã giữ thăng bằng cuộc sống của một Tu sĩ Việt Nam tại xứ người. Ai trước khi ra đi khỏi nước, cũng mong rằng đời mình có một cái gì đó thay đổi khác hơn; nhưng khi đến Nhật rồi, tôi thấy đường tu tại đó không thích hợp với mình; nên đã cố giữ lại cái tốt đẹp của truyền thống Phật Giáo Việt Nam và lấy đó làm chất liệu dưỡng sinh cho đời mình. Nhờ vậy mà tôi đã giữ thân, giữ tâm của một Tăng sĩ Việt Nam theo truyền thống tại ngoại quốc cho đến ngày nay; nếu tôi tự dễ dãi với chính mình, thì tôi chẳng còn là tôi nữa.

Tôi học được của người Nhật cái tính đúng giờ, sạch sẽ, chăm chỉ, siêng năng, tự trọng, thành tín và tôi học được của người Đức tánh sáng tạo, tự quyết, trách nhiệm... Chỉ chừng ấy việc thôi, có thể thực hành suốt cả cuộc đời của mình cũng chưa hết nữa. Đi được một nơi, đến được một chỗ, gặp được một người. Tất cả là những bài học quý giá vô cùng. Vì tất cả mọi người là Thầy của mình, kể cả hai mặt tốt và xấu; dở cũng như hay. Muốn dẹp tự ái, bản ngã, phải cúi thấp mình xuống để cái ngã không có cơ hiện hữu cao hơn, vốn như cái chào của người Nhật, thì ta sẽ học hỏi được thật nhiều từ người đối diện của mình.

https://tieulun.hopto.org

Điều hạnh phúc thứ bảy của tôi là có sức trì chí, nhẫn nại, không nản lòng để nghe những tiếng khen chê ở đời. Đây là một thử thách lớn, mà ai đã trải qua trong cuộc đời nầy đều gặp phải cả. Đây là một trong tám loại gió của 4 cặp đối đãi, trong ấy có lời khen và tiếng chê. Tục ngữ Pháp có câu: „Kẻ nào chê ta là bạn ta, kẻ nào khen ta là kẻ thù của ta". Vậy chê cũng là một cách để mình sửa lại những điều sai; còn khen mà dối trá, dua nịnh thì nó cũng chỉ là một cơn gió độc thoảng qua vậy. Họ khen mình vì để lấy điểm, dầu cho mình có thật có đi nữa, mà dẫu có chê mình thật thậm tệ, thì đó là những bài học ý chí cần phải nằm lòng. Hãy đừng để cho sự thị, phi, khen, chê chi phối tâm mình. Đó mới là sự tu học đúng nghĩa. Vì những lời nầy nó không thật. Tất cả đều không có tướng chân thật, mà sự thật của nó là một cái không to tướng. Cần phải thấy sâu và thấy được bản chất giả hợp của nó. Vì mới ngày hôm qua gắt gỏng, hôm nay đã thương hại và ngày mai lại giận hờn. Tất cả chỉ là một hiện tượng, mà đã là một hiện tượng thì đâu có thật tướng của nó. Tại sao ta phải đau buồn than khóc cho một cử chỉ, một hành động, một lời nói dầu cho có lợi hay có hại đến mình. Nếu ta hiểu rằng: Cái ta là cái đáng ghét, thì đâu có gì phải quy lụy nó mà rước khổ vào thân. Nó với ta như hình với bóng. Thật và giả nó cũng chỉ là hiện tượng. Hãy đừng vin vào hiện tượng để buồn vui thì mình sẽ được hạnh phúc, an nhiên tự tại dầu cho giông tố phủ phàng có đến với mình từ mọi hướng ở bên ngoài. Khi nào giông tố bên trong nổi lên mới đáng sợ. Vì đó chính là sự yếu kém của mình. Vì mình muốn được khen, không muốn bị chê. Khi nào bảo hòa được sự khen chê, ấy là người có chí.

Tôi xin cảm ơn tất cả những lời khen lẫn tiếng chê xưa nay. Vì đó là những bài học cần thiết cho tôi trong cuộc đời nầy. Tôi không hãnh diện khi được quý vị khen tặng, dầu cho đó là tiền tài, danh vọng, địa vị, tiếng tăm, lợi dưỡng và tôi cũng chẳng buồn khi quý vị cố nhận tôi xuống tận dưới đáy bùn và có nói xấu tôi thậm tệ đi nữa. Tôi nghĩ rằng đó là những cơn gió thoảng của tâm thức của mình. Tôi phải dừng lại để quán chiếu. Dừng lại để nghe ngóng, tin tưởng và chịu đựng để gạn lọc, phân tích thử việc ấy đúng sai chăng? Nếu đúng với điều mình làm sai thì mình sẽ âm thầm sửa đổi; nếu sai với điều mình đã làm đúng thì đó cũng chỉ là một sự phán đoán sai lầm của đối phương. Thật ra ít có ai làm cho tôi giận dữ, bởi vì người ấy không làm thỏa mãn tự ngã của mình cả. Vì cái ngã của mỗi người cũng chỉ là một cái tôi đáng ghét mà thôi. Tôi hay ta là cái gì nhỉ? Nó chỉ là cái để tạm gọi về con người đó, chứ có gì đâu mà phải sống chết, tranh đấu với nó để cho mình khổ cả đời và sẽ mang cái khổ ấy đi tiếp mãi trong kiếp luân hồi nữa. Đây chính là thái độ và cách hành xử của mình trong cuộc sống; nên tôi không vui khi được người khác khen và tôi không buồn khi người khác chê mình. Đây chính là sự an lạc, là hạnh phúc khi tôi đối diện với vấn đề nầy. Nhiều khi cũng không cần thanh minh và giải oan nữa. Vì cải chính để chỉ càng sai thêm. Điều ấy chỉ để chứng minh cho cái tự ngã của mình là đúng và giải oan vì nghĩ rằng mình bị oan ức; nhưng trong luận Bảo Vương Tam Muội, Phật đã dạy rằng: „Oan ức không cần biện bạch, vì còn biện bạch là nhân ngã chưa xả". Muốn xả đi oan ức mà cứ biện bạch hoài, thì oan ức càng tăng thêm, làm sao có thể xả được. Đây là cách hành xử của riêng tôi đã dựa theo lời Phật dạy, còn ai sao đó thì tôi chẳng rõ và tôi cũng chẳng khuyên người khác làm giống theo mình. Vì mỗi người có cách sống khác nhau.

Tôi là con người bình thường, có đầy đủ cái xấu và cái tốt. Họ cũng là con người; cho nên tốt và xấu cũng là chuyện thường tình, đâu có gì phải ganh tị và đố kỵ, mà chúng ta phải tha thứ cho nhau những lỗi lầm và cùng nhau phục thiện. Có như thế tâm ta mới được an và đời nầy mới có ý nghĩa. Nếu sống mà cứ xoi bói cái xấu của kẻ khác, nói xấu người nầy kẻ nọ; trong khi đó chẳng biết mình là ai, thì đó là một điều thiếu sót vô cùng.

Điều hạnh phúc thứ tám là tôi có được một sức khỏe rất tốt, vô cùng hiếm quý. Đây có lẽ là sự di truyền. Do cha mẹ tôi có đời sống với ruộng đồng, không dùng thuốc, vì ít khi đau ốm. Cho nên tôi đã hấp thụ được sự di truyền nầy. Người Pháp nói: „Sức khỏe là vàng". Đúng là như vậy, có thể hơn vàng nữa là đằng khác. Vì nếu có vàng chất đống mà không có sức khỏe, cũng chẳng làm gì được cả. Người Hoa nói: „Nếu anh có tiền, anh có thể mua một ông Bác sĩ; nhưng anh không thể mua sức khỏe được". Ông Bác sĩ có thể chữa cho bệnh nhân lành bệnh; nhưng bịnh nan y và nghiệp bịnh, thì Bác sĩ cũng sẽ bó tay. Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 thì nói rằng: „Khi người ta còn trẻ người ta hay dùng nhiều sức lực để người ta đi tìm cho ra thật nhiều tiền. Khi về già, người ta dùng rất nhiều tiền để người ta đi mua lấy sức khỏe". Quả là con người tự mâu thuẫn với mình đấy! nhưng đâu ai có biết và có ngờ đâu sức khỏe lại mau sa sút như vậy! Đời - mấy ai hiểu được chữ ngờ là vậy.

Lúc còn trẻ ta xài rất nhiều sức khỏe cho việc thức thâu đêm suốt sáng, không thấy mỏi mệt; đến khi cái già qua mau, lúc ấy mình mới thấy tại sao làm mất tuổi thanh xuân quá sớm. Nếu cái gì đó mang tiền đến nhiều, ai cũng ham làm giàu; nhưng chẳng ai để ý đến sức khỏe. Do vậy những người già sống lâu trên thế giới nầy khi được phỏng vấn, họ thường hay bảo rằng: „Cái gì cũng phải điều độ là tốt nhất. Ví dụ như ăn uống, ngủ nghỉ, làm việc, sống cuộc đời thường, thể thao, âm nhạc, đọc sách v.v... nghĩa là tất cả mọi thứ trên đời đều phải nên điều độ thì tuổi thọ sẽ được dài lâu và ít bịnh hoạn.

Từ khi đi xuất gia đến nay cũng đã gần 50 năm rồi. Có lẽ năm 2014 tôi sẽ kỷ niệm ngày trọng đại nầy. Sẽ không có một lễ nghi nào to lớn cả; nhưng là một ngày trọng đại. Vì trong suốt 50 năm ấy, tôi chưa hề bỏ một buổi công phu nào, ngoại trừ mấy ngày cảm bịnh. Nếu tôi đi du hành đây đó, không có mặt trước bàn thờ Phật tại chùa hay tại bất cứ nơi đâu, thì tôi hành trì phần công phu của mình ở trên máy bay hoặc xe lửa. Điều nầy tôi muốn trao trọn niềm tin yêu ấy về lại cho những thế hệ đệ tử của tôi, cả tại gia lẫn xuất gia. Muốn được vậy phải có ý chí kiên nhẫn vô cùng và phải có một sức khỏe thật là tốt. Dĩ nhiên sau ngày 50 năm ấy, tôi chẳng biết sức khỏe của mình sẽ ra sao nữa; nên bây giờ chưa hứa gì được hết cả. „Cái gì đến, sẽ đến".

Lạy Phật cũng là một phương pháp sám hối tội lỗi trong bao đời. Đây cũng là cách làm cho thân tâm mình được gạn lọc sạch sẽ qua thân nghiệp và ý nghiệp. Tôi chẳng phải khoe khoang; nhưng đây là những sự thật, xin kể lại cho những người đời sau theo đó mà hành trì. Khi tôi ở vào tuổi 35, 36; thấy quý Cụ lớn tuổi đi chùa, muốn lạy Phật một lạy theo lối 5 vóc gieo xuống đất cũng không thể thực hiện được. Tôi tự thấy mình còn trẻ khỏe; nên mới tự phát nguyện lạy 500 danh hiệu của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát; rồi 3.000 lạy của 3.000 vị Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai. Sau đó phát nguyện lạy

https://tieulun.hopto.org

kinh Vạn Phật, trên 10.000 lạy. Rồi những mùa an cư kiết hạ sau, tôi phát nguyện lạy kinh Pháp Hoa mỗi chữ mỗi lạy. Lạy xong kinh, độ trên 70.000 lạy trong nhiều mùa an cư kiết hạ như thế. Kế tiếp, tôi thấy sức khỏe còn cho phép; nên tôi đã phát tâm lạy kinh Đại Bát Niết Bàn gồm 2 quyển. Tôi và Tăng Chúng chùa Viên Giác Hannover cho đến năm 2011 nầy đã lạy hơn nửa quyển thứ hai, mỗi chữ mỗi lạy và đang ở vào phẩm „Sư Tử Hống". Muốn lạy xong kinh nầy chắc còn 5 đến 6 năm nữa. Như vậy, nếu năm 2014 tôi làm lễ kỷ niệm 50 năm xuất gia học đạo, 50 năm không bỏ tụng công phu khuya và năm ấy cũng đúng 30 năm trong mỗi mùa an cư kiết hạ từ 1984 đến năm 2014, mỗi đêm lạy từ 250 đến 300 lạy. Đây là kết quả của bao nhiêu năm tháng miệt mài; nếu không có sức khỏe, sẽ chẳng có ai thực hiện được điều ấy cả. Nên tôi phải tạ ân Tam Bảo và cha mẹ là vậy.

Điều hạnh phúc thứ chín của tôi là có một môi trường tu học tốt. Việc hoằng pháp, dịch kinh, viết sách rất thuận lợi. Điều nầy sở dĩ tôi có được là do các đệ tử xuất gia cũng như tại gia của tôi đã tạo ra thời gian cho tôi, để tôi có thể làm được việc ấy. Ngôi chùa Viên Giác Hannover; nơi thư phòng ấy tôi đã viết và dịch không biết bao nhiêu tác phẩm, viết không biết bao nhiêu lá thư trả lời, nghe không biết bao nhiêu lần điện thoại. Mười năm, mỗi năm hơn 2 tháng từ năm 2003 đến 2012 tôi đã được ẩn tu nhập thất tại Úc Châu, trên núi đồi Đa Bảo; nơi Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, bào huynh của tôi đang trú ngụ tại đó. Nơi ấy cũng là một nơi lý tưởng để hành trì kinh Kim Cang vào mỗi tối, kinh Lăng Nghiêm vào buổi sáng và chính nơi yên tịnh kia đã giúp tôi trong 10 năm ấy hoàn thành ít nhất là 12 tác phẩm bằng tiếng Việt và dịch từ các ngôn ngữ khác nhau như chữ Hán, tiếng Nhật, tiếng Anh và tiếng Đức ra ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Hai năm đầu dịch chữ Hán sang tiếng Việt; 5 năm kế tiếp dịch tiếng Nhật; năm sau dịch tiếng Anh, kế tiếp dịch tiếng Đức và năm sau cùng có lẽ sẽ hoàn thành một tác phẩm Hán văn đặc biệt. Trong những năm tháng ấy các tác phẩm như: Giai Nhân và Hòa Thượng; Chuyện Tình của Liên Hoa Hòa Thượng; Tư Tưởng Tịnh Độ Tông v.v... cũng đã được viết tại thất Đa Bảo ấy.

Từ năm 2013 trở về cuối đời, tôi sẽ ở Tu Viện Viên Đức tại Ravensburg thuộc miền Nam nước Đức nhiều hơn để tịnh tu, nhập thất và tiếp tục công việc dịch kinh, viết sách nầy. Đây cũng là nơi chốn tốt để tôi thực hiện hoài bão của mình khi tuổi đã ngoài 60.

Song song đó, công việc hoằng pháp tại Đức và các nơi, tôi vẫn thực hiện. Vì chư Tổ dạy rằng: „Hoằng pháp thị gia vụ, lợi sanh vi bổn hoài". Nghĩa là: Hoằng pháp là việc nhà, làm lợi lạc cho chúng sanh chính là bổn phận vậy. Bổn phận của người xuất gia thật ra không phải cất chùa to, Phật lớn, mà cốt làm sao cho người Phật Tử hiểu được đạo. Đây mới chính là lý do mà chư Phật ra đời.

Tôi không giỏi; nhưng phương diện nào cũng có thể thực hiện được. Ví dụ như: viết sách, dịch thuật, ngoại giao, hoằng pháp, cúng kiến v.v... nghĩa là cái gì người khác làm được thì mình cũng có thể phụ họa theo. Khi nhỏ học rất dốt vào lúc chưa đi xuất gia; nhưng kể từ năm 1964 trở về sau nầy sau khi tốt nghiệp Trung Học và Đại Học, hầu như chẳng có tháng nào tôi đứng ra khỏi vị trí của 10 người đầu lớp. Không nhất thì nhì, không nhì thì ba; hoặc tệ lắm cũng đứng thứ 7, 8. Đây là nhờ sự cố gắng miệt mài trong những năm đèn sách và phải nói là nhờ ân đức của Tam Bảo. Nếu không có công phu thiền định, chay tịnh muối dưa, thì tôi đã chẳng có gần 50 năm như sống trọn vẹn với chính mình. Đây là một hạnh phúc rất to lớn. Dầu mai nầy tôi có mất đi và ở một cõi xa xăm nào đó nơi cảnh Phật, tôi ngoái mắt nhìn về quê hương tạm dung nầy, sẽ mỉm cười một cách tự tại, không ân hận, không phiền trách ai và cũng chẳng nuối tiếc một điều gì. Vì tất cả đã bỏ lại sau lưng và việc trần thế, xin gởi lại cho người trần thế.

Điều hạnh phúc thứ mười của tôi là có những đệ tử xuất gia và tại gia tu học tinh tấn, thành tựu các pháp tu, dầu cho ở truyền thống nào. Cái lỗi lớn nhất của con người là làm Thầy thiên hạ. Đôi khi mình nghĩ thiên hạ là của mình, thuộc về mình nên la lối khi giận dữ, hành xử thiếu công minh, thương đệ tử không đều vì thiên vị người nầy học giỏi, kẻ kia dở hay vì cố chấp thiển cận. Đây là cái bịnh của người làm Thầy. Tôi xin lỗi tất cả. Chính vì muốn bảo vệ quan niệm của mình là đúng và bảo thủ cho truyền thống là hay; nên mới có những việc ấy xảy ra và khiến cho nhiều người đệ tử đã không vui; nhưng được một điều; có lẽ vì tôi còn có một cái phước ẩn tàng nào đó, cho nên đến giờ nầy hơn 45 vị đệ tử xuất gia và hơn 7.000 đệ tử tại gia đã quy y với tôi, chưa có người nào quay mặt lại 180 độ. Dĩ nhiên là rất nhiều người không thích tôi, vì tôi quá khó. Khó ở mọi tình huống; nên nhiều người mong tôi buông xả và thư thả với những ngày còn lại với cuộc đời. Bởi vì đâu có ai sống được 100 năm và đĩ nhiên khi mình ra đi rồi thì cây cỏ vẫn còn sống sót lại với thời gian nầy; chẳng có ai theo mình nửa bước. Đó là loài vô tình. Còn những loài hữu tình khác thì cũng tương tự như vậy thôi. Bây giờ mình phải tự lo cho mình là chính. Tôi cũng đã không chờ đợi ai cả; nhưng tôi rất vui khi các đệ tử xuất gia chỉ muốn tu học, dầu cho đó là pháp môn nào. Họ hành trì đa dạng; dầu ở hình thức xuất gia hay là tại gia. Do vậy, không còn niềm vui nào mang đến cho tôi hơn thế nữa. Tôi đã mãn nguyện lắm rồi. Cho nên ở bất cứ vào thời điểm nào, nếu tôi có thuận thế vô thường để ra đi, theo Phật về Tây phương, thì tôi cũng vô cùng hạnh phúc. Vì những gì khi tôi đến đây đã chẳng mang theo được gì, thì khi ra đi cũng chẳng mang theo cái gì cả, xin trả lại cho đời, cho Đạo những hình ảnh thân thương kia về lại nơi trần thế. Còn tôi, với bổn phận và trách nhiệm đã xong.

Mười điều hạnh phúc đang có nơi tôi ấy có thể nhiều người nghĩ nó là chuyện đương nhiên, ai cũng làm được và tìm ra phương pháp để tạo dựng nên; cũng như đối phó với hoàn cảnh; nhưng với tôi là một phước đức, một sự gia trì của chư Phật, một bổn nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, một ân đức lâu đời của gia đình, của chúng sanh trong 10 phương vô biên thế giới, kể cả loài hữu tình cũng như vô tình.

Con xin chắp lại hai tay, xin đảnh lễ dưới chân Phật. Vì con đã có được hạnh phúc thực sự. Con muốn trao truyền và gởi gắm đời sau tâm sự nầy; nếu có ai đó được duyên may thì có thể ứng dụng một phần trong cuộc sống để được lợi lạc ở nhiều mặt và khiến cho cuộc đời nầy càng có giá trị hơn. Tôi xin tạ ơn đời, niệm ân người và cây cỏ, hữu tình cũng như vô tình đã trợ duyên cho tôi trong một khoảng không gian và thời gian lâu xa như vậy ở cõi Ta Bà nầy. Xin là bạn lữ ở chốn Lạc Bang và đời đời luôn hộ trì Phật Pháp●

Viết xong vào ngày 27 tháng 9 năm 2011 tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg - Đức quốc (nhằm ngày mồng Một tháng 9 năm Tân Mão)

https://tieulun.hopto.org

Tình yêu và 7 sắc cầu vồng
câu chuyện về loài hoa Phong Lan

• **Hạnh Dương**

Truyền thuyết thần thoại Hy Lạp phổ biến trong dân gian kể rằng, Nữ Thần Tình Yêu Orchida là con gái cưng duy nhất của Thần Mặt Trời Solarus. Nhan sắc của nàng sáng ngời như hào quang tỏa sáng của vầng Thái Dương; và trái tim của nàng ấm áp của sức nóng truyền sang từ khối lửa Mặt Trời. Cha của nàng Orchida là bá chủ các vị Thần nam, nữ nên muốn ái nữ của mình sẽ lấy người chồng uy dũng nhất trong các vị thần thánh, đó là Thần Chiến Tranh Jupitus. Nàng nũng nịu nói với cha rằng nàng còn nhỏ và trái tim chưa hề biết rung động yêu ai!

Thế nhưng đến một hôm bất chợt Thần Mặt Trời Solarus tìm thấy bức Thư Tình mà nàng Orchida gởi cho ông thần đen đủi nhem nhuốc mặt mày, đó là Thần Lò Rèn Volcanus. Bên cạnh bức tình thư của nàng Orchida là cả một xấp thư tình của Thần Thợ Rèn Volcanus kể lại những lúc hai người lén lút gặp nhau; những lần trao đổi nụ hôn đầu đời và những rung động của thể xác khi các tế bào căng ra, thức dậy bởi tình yêu hai người hòa quyện vào nhau. Thần Mặt Trời mắt nổ đom đóm, tức giận đến tím tái mặt mày. Ngày hôm đó thế gian âm u vì Thần Mặt Trời buồn nên không ban cho ánh nắng.

Thần Mặt Trời cấm con gái không bao giờ được viết thư tình cho Thần Thợ Rèn nữa và Thần Mặt Trời cũng nổi trận lôi đình cho đày Thần Thợ Rèn đến một vùng núi non hiểm trở xa xăm tận cuối chân trời. Như vậy quả là an toàn hoàn hảo rồi. Thần Mặt Trời an tâm đi ngủ. Để chắc chắn rằng nàng con gái cưng Orchida không đi tìm người yêu xấu xí Volcanus, Thần Mặt Trời Solarus sau khi tắt nắng để đi ngủ, đã truyền lệnh cho Thần Bóng Tối Nocturna phải thả bóng đêm giăng màu đen phủ kín khắp nơi để nàng Orchida không thể thấy đường mò đi hò hẹn. Nàng Orchida bị giam lỏng trong khu cung điện được vị nữ thần với khuôn mặt tròn canh gác cẩn mật. Chao ôi biết bao nhớ nhung đang làm nàng Orchida sốt lên được!

Trong tình yêu, thi văn chương từng miêu tả "Nhất Nhật Bất Kiến Như Tam Thu Hề!" tức là một ngày không nhìn thấy nhau cũng như tới 3 năm dài đằng đẵng trôi qua! Nàng Orchida quay quắt nhớ thương ông Thần Thợ Rèn mà khóc lóc thảm thiết chẳng chịu trang điểm hay ăn uống gì cả! Thấy vậy Nữ Thần Diễm Hằng mặt tròn giữ nhiệm vụ canh gác có tên là Nữ Thần Luna đã đi ăn cắp một ít ánh sáng của Thần Mặt Trời kết lên chiếc áo hào quang mặc vào rồi bay lên lơ lửng trong bóng đêm gọi là Thần Mặt Trăng Luna soi đường cho nàng Orchida trốn ra khỏi nơi cung điện giam giữ của Thần Mặt Trời. Orchida bay theo Thần Mặt Trăng hướng dẫn để đi tìm người yêu là Thần Thợ Rèn đang bị "quản thúc" ở cõi xa xăm! Trong bóng đêm dày đặc, ánh trăng lờ mờ của Nữ Thần Luna không đủ sáng để giúp tầm nhìn của nàng Orchida thấy được nơi nào đang giam giữ người yêu là Thần Thợ Rèn Volcanus.

Khi đặt tên cho nàng là Thần Tình Yêu Orchida, cha nàng là Thần Mặt Trời Solarus đã từng giải thích cho nàng biết rằng "Tình yêu tuyệt đẹp như một bông hoa có nhiều cánh hoa. Mỗi cánh hoa tượng trưng cho một thứ tình yêu bất diệt. Hoa Tình yêu có 7 cánh hoa, tượng trưng cho các loại tình yêu khác nhau hoặc có khi chỉ một vài cánh hoa nhưng chứa đựng các loại Tình Yêu khác nhau như:

1- Tình yêu phụ tử là mối tình cao thượng giữa cha và con cái;

2. Tình yêu Mẫu Tử là mối tình huyền diệu nhất giữa người mẹ và con cái;

3. Tình yêu huyết thống anh chị em ruột thịt và dòng họ;

4. Tình yêu dân tộc là những người đồng bào trong một quê hương;

5. Tình yêu Tổ Quốc là quê hương mà mọi người dân phải bảo vệ không để cho kẻ thù nào đến xâm lược;

6. Tình yêu lứa đôi là hạnh phúc căn bản nhất tạo ra các loại tình yêu khác;

7. Tình yêu nhân loại giúp mọi chư vị thần thánh và loài người tương trợ nhau, không tàn sát nhau.

Thần Mặt Trời nói với Orchida rằng "Ta ban cho các vị thần thánh và loài người 7 Sắc Cầu Vồng in lên bầu trời tương ứng với 7 thứ Tình Yêu để nhắc nhở mọi bậc thánh thần và nhân loại hãy nghĩ đến tình yêu và tôn vinh tình yêu. Khi mọi thần thánh và nhân loại nghĩ về tình yêu, có được tình yêu thì họ phải vinh danh con gái của ta là Nữ Thần Tình Yêu Orchida!".

Thế nhưng khi nàng Orchida yêu ông Thần Thợ Rèn Volcanus, thì cha nàng là Thần Mặt Trời không đồng ý. Điều đó xuất phát từ mối tình phụ tử của người cha thương yêu con gái của mình, muốn con có được tấm chồng uy dũng để được hãnh diện và oai vang hơn. Trong đời có biết bao nhiêu bậc cha mẹ vì tình yêu thương con cái một cách ích kỷ của mình mà đã biến cuộc tình và hạnh phúc của con cái thành những trái ngang đau khổ. Trường hợp của nàng Orchida cũng như vậy, cha nàng là Thần Mặt Trời không chấp thuận cuộc tình nầy nên đã đày người yêu của nàng đến tận núi

https://tieulun.hopto.org

thẳm rừng xa ở cuối góc trời. Nàng Orchida vỗ cánh bay hoài mà vẫn chưa đến nơi. Nàng vừa bay vừa khóc. Hai cánh mỏng của nàng muốn rời rã, những giọt nước mắt cùng mồ hôi mệt mỏi do cuộc phi trình đi tìm người yêu của nàng vương vãi đã biến thành những vì sao lấp lánh khắp bầu trời đêm.

Thần Mặt Trời vẫn say ngủ. Tiếng ngáy của ông là tiếng sấm gầm vang khắp vũ trụ. Thần Mặt Trăng có gương mặt dịu hiền tròn vành vạnh đang bay theo nhịp vỗ cánh của nàng Orchida để hướng dẫn đường bay cho nàng cũng như canh chừng cho nàng biết lúc trời sắp sáng. Trong tình yêu phải chiến đấu, phải hy sinh và giữ vững lòng chung thủy mới đến đích thực của hạnh phúc. Thần Mặt Trăng nói như vậy và nhắc nàng phải bay nhanh hơn vì trời sắp rạng đông. Thần Mặt Trăng có một người bạn trai rất đổi si mê nàng, đó là ông Thần Gió Ventus. Mỗi lần đêm thanh, khi Thần Mặt Trăng Luna xuất hiện thì bao giờ cũng có Thần Gió Ventus thổi mát dịu dàng để tán tỉnh Hằng Nga. Mỗi lần như thế, Thủy Thần Aquarius ghen tức gầm gừ từ đại dương làm nước dâng lên khi nàng Hàng Nga xuất hiện. Nhưng trong hoàn cảnh nàng Orchida bay như muốn rã rời đôi cánh thì Thần Mặt Trăng đã gọi người bạn trai là Thần Gió Ventus đến giúp sức. Gió nổi lên thổi nâng đôi cánh của nàng Orchida bay lướt xuyên qua bầu trời. Và kìa, ở cuối chân trời trong đêm đen, Orchida chợt nhìn thấy một ngọn lửa vút cao lên sáng rực, đó là cái lò rèn của ông Thần Thợ Rèn Volcanus vừa nhóm lửa trong đêm. Ngọn lửa bùng cao cuồng loạn ngút tận đỉnh trời. Từ xa nàng Orchida đã nhìn thấy khối tình si trong trái tim của Thần Thợ Rèn phun trào ra, tung lên cao vào không trung rồi rơi xuống chảy thành con sông.

Tình yêu nóng bỏng trong trái tim của Thần Thợ Rèn đã bốc cháy thành ngọn lửa vút cao soi đường cho nàng Orchida biết nơi chàng đang bị kết án "chung thân đày ải" để nàng đến thăm. Ngọn lửa của Thần Thợ Rèn Volcanus đốt soi đường cho người tình là Nữ Thần Orchida đi tìm chàng về sau nầy nhân thế gọi là Volcano tức Núi Lửa. Ánh sáng của Núi Lửa đã giúp nàng Orchida tìm gặp người yêu là Thần Thợ Rèn lem luốc xấu xí, nhưng nàng đã yêu say đắm vì trong tình yêu không thể đánh giá ở hình dáng bên ngoài, mà chính là sự hòa hợp giữa hai người trong cuộc. Khi gặp được nhau, Nữ Thần Tình Yêu Orchida và Thần Thợ Rèn quấn lấy nhau, nụ hôn của họ càng làm cháy thêm ngọn lửa tình, và cuộc giao hoan của họ làm tan chảy ra những dòng đam mê cuồn cuộn đốt cháy rừng thiêng, sông suối, đồng bằng mà sau nầy người ta nói đó là "Phún Xuất Thạch" của Núi Lửa Volcano! Khi thấy nàng Orchida và Thần Thợ Rèn đã gặp được nhau, Thần Mặt Trăng mỉm cười chúc họ hạnh phúc rồi cùng Thần Gió Ventus biến vào ánh bình minh đang bắt đầu ló dạng.

Thần Mặt Trời thức dậy, đưa tay bật ánh sáng cho rạng đông soi tỏ mọi loài. Khi cơn nắng lên cao, ông cất tiếng oang oang gọi tên con gái yêu quý Orchida nhưng không nghe nàng trả lời. Ông giật mình nhìn khắp trời đất và thấy ở cuối chân mây tại vùng núi non hiểm ác là nơi ông cho lệnh đày ải với mức án "chung thân" Thần Thợ Rèn; nay chợt nhiên có một cột khói bốc cao ngùn ngụt khác thường! Cái gì vậy? Ông cho gọi Thần Chiến Tranh Jupitus lên bắt "báo cáo". Nhưng các đơn vị tình báo, chiến tranh, chiến lược của Nhà Trời cũng chẳng có ai biết gì cả! Chuyện đó thật khủng khiếp, chuyến nầy chắc mất chức! Thần Chiến Tranh nghĩ bụng và cấp tốc bay đến tận nơi quan sát... Trời ơi, trước mắt ông diễn ra cảnh nàng Thần Tình Yêu nõn nà Orchida với thân thể lồ lộ trắng hồng đang hoan lạc yêu đương với Thần Thợ Rèn lọ lem nhem nhuốc. Sự nồng nàn nóng bỏng tình yêu của hai vị Thần nầy bốc cao thành cột lửa sáng rực ban đêm và tạo thành khói cùng tro bụi cuồn cuộn ngút cao trong bầu trời quang đãng vào lúc trời sáng. Chất tình yêu của họ trào ra thành cả con sông Phún Xuất Thạch đỏ rực. Thần Chiến Tranh Jupitus trở về "báo cáo".

Thần Mặt Trời nghe xong nổi trận lôi đình. Ông không kịp mang áo mão, đi chân đất vào cung điện nơi ông giam giữ cô con gái Orchida để quan sát xem con gái đã đào tẩu từ ngõ ngách nào? Chợt nhiên ông bắt gặp cuốn nhật ký của nàng Orchida viết dang dở đang để trên một áng mây trắng dật dờ trôi. Thần Mặt Trời mang đôi kính lão vào, mở trang nhật ký ra đọc:

- "Cha ơi, nếu không có tình yêu thì không còn gì đáng nói! Để bảo vệ tình yêu, con có thể hy sinh tất cả cho tình yêu; và nếu cần, con sẽ chết cho tình yêu. Nhưng có điều con luôn nhớ lời cha dạy bảo là Tình Yêu không bao giờ bị hủy diệt!".

Thần Mặt Trời cho rằng con gái yêu của ông bị gã Thần Thợ Rèn dụ dỗ. Ông huy động các chư vị thần thánh quyết truy lùng đưa con gái về cung và hạ lệnh truy sát Thần Thợ Rèn. Nghe vậy Thần Chiến Tranh Jupitus lấy điểm bằng cách cho người em ruột là Thần Mưa Pluvius mang vòi rồng đến xịt làm mưa cho cái Lò Rèn là Núi Lửa Volcano của Thần Thợ Rèn Volcanus tắt đi; nhưng lửa tình yêu của hai trái tim chung thủy khi hòa nhập vào nhau đã càng bừng cháy cao hơn. Chẳng bậc thần thánh nào có thể làm tắt ngúm ngọn lửa tình yêu đó. Cuối cùng đích thân Thần Mặt Trời Solarus đến tung phép lực là cái lưới trời lồng lộng ra để vây bắt cặp tình nhân kia. Trước thế cùng, Thần Thợ Rèn đã nhảy vào miệng núi lửa Volcano và chìm trong biển lửa ngùn ngụt bốc cao. Nàng Orchida nghe tiếng người yêu Thần Thợ Rèn cười vang vọng nói từ trong biển lửa hừng hực rằng "Tình yêu vẫn sống mãi. Tình Yêu là bất tử!". Nữ Thần Tình Yêu Orchida cũng muốn phóng thân vào lửa tình yêu của Thần Thợ Rèn Volcanus, nhưng Thần Mặt Trời đã túm con gái lại được. Nàng Orchida vùng vẫy khóc lóc xin cha hãy để cho nàng được sống cho tình yêu, hy sinh cho tình yêu và lần nầy thì nàng bằng lòng chết cho tình yêu được sống.

Thần Mặt Trời tức giận và tuyệt vọng vì con gái nay chỉ nghĩ đến Tình Yêu đôi lứa chứ không còn nghĩ tới Tình Yêu phụ tử nữa! Trên đường dẫn độ nàng trở về cung điện, nàng Orchida đã cắn lưỡi tự tử chết! Máu ở miệng nàng ứa ra biến thành những đám mây ngũ sắc tuyệt đẹp. Đôi mắt xanh lóng lánh tình yêu của nàng đã nhuộm bầu trời thành màu xanh lơ tình ái. Lời yêu đương của nàng nhỏ xuống đại dương làm biển xanh thẩm mênh mông. Tóc của nàng bồng bềnh buông lơi thành những đợt sóng bạc đầu xô nhau đi tìm tình yêu chung thủy. Thần Mặt Trời ôm xác con gái cưng duy nhất của mình và ngồi khóc than! Tiếng khóc của ông

https://tieulun.hopto.org

tạo thành chớp biển, bão tố, sóng thần gầm rú. Mỗi lần ông nấc lên vì thương tiếc nàng Orchida là những lần tạo ra các vụ nổ lửa Mặt Trời gây nên bao trận bão điện từ khủng khiếp.

Thần Mặt Trời than vãn: - "Thượng Đế hỡi, sao Ngài tạo dựng nên Trời Đất Vũ Trụ, Ngài tạo ra các chư vị Thần, Thánh, Thiên Thần và Ác Quỷ. Ngài đã tạo dựng muôn loài muôn vật, tạo ra con người, sự sống và cái chết. Thế là đủ rồi... tại sao Ngài còn tạo ra Tình Yêu làm gì để có kẻ phải khổ lụy vì Tình Yêu?!"

Trong cõi thinh không có tiếng phán rằng: "Ta là Thượng Đế, là Tình Yêu vĩnh hằng. Ta tạo dựng lên các người và mọi thứ chỉ vì Tình Yêu. Ta yêu thương các người hơn yêu thương chính con ngươi trong mắt của ta. Sự khổ đau nếu có chỉ vì các người không biết ý nghĩa của Tình Yêu là phải hy sinh, ban phát chứ không ích kỷ chiếm đoạt. Ta nói cho các người biết rằng, mọi sự sẽ tàn phai nhưng Tình Yêu chân chính sẽ mãi mãi tồn tại trong thế giới hữu hình và vô hình; ngày hôm nay và mãi mãi ngày sau!".

Thần Mặt Trời chợt hiểu ra ý nghĩa. Sự đau khổ của ông giờ nầy chính vì ông ích kỷ muốn chiếm đoạt tình yêu thương của con gái cho riêng Tình Yêu Phụ Tử của ông! Không được... ông nghĩ rằng ông là Thần Mặt Trời được Thượng Đế giao cho quyền năng tuyệt đối trong Thái Dương Hệ nên ông phải làm một cái gì đó cụ thể để chấm dứt Tình Yêu. Thế giới sẽ vô cảm như những chiếc máy không cần tình yêu cũng có thể hoạt động được. Ông phải lấy quyền năng của Thần Mặt Trời để khai tử Tình Yêu cho thế giới đều vô cảm, không khắc khoải đau khổ hay tranh chấp về Tình Yêu! Nghĩ như thế nên Thần Mặt Trời cúi xuống hôn lên vầng trán bướng bĩnh của con gái đã nằm im bất động. Thế rồi ông đưa tay xé toang lồng ngực của nàng Orchida. Ông móc ra Trái Tim của nàng, trong nước mắt. Ông nói:

- "Hỡi Nữ Thần Tình Yêu Orchida bé bỏng của cha. Cha thương yêu con vô bờ bến, nhưng hôm nay cha hy sinh bóp nát trái tim của con, nghiền Tình Yêu của con tan ra thành những hạt bụi và thả bay trong gió để sau nầy hậu thế chẳng còn ai có được Tình Yêu và như thế chẳng ai còn biết đam mê và đau khổ!".

Thần Mặt Trời bóp nát trái tim Tình Yêu của con gái Orchida của ông, dùng hai bàn tay lửa rực của ông chà xát làm những mảnh tim bị nghiền ra thành những hạt bụi nhỏ mịn li ti. Ông cõng xác con gái yêu phía sau lưng và đứng lên trên đỉnh ngọn núi cao nhất của dãy Thiên Đỉnh Sơn. Máu hồng trong xác nàng không còn nữa, chỉ còn lại những giọt huyết tương nhỏ xuống trở thành tuyết lạnh và băng sơn phủ đầy lên cả một rặng núi trùng điệp.

Tiếng hét của Thần Mặt Trời nghe khàn khản rùng rợn:

- "Typhus... Typhus! Torpedus... Torpedus!"

Nghe tiếng Thần Mặt Trời thét gọi, Thần Bão Tố Typhus đến thổi bão ào ào có sức gió mạnh vài trăm cây số một giờ. Tiếp theo là Thần Gió Lốc Torpedus cuốn xoay từng cột gió xoáy có khả năng nhấc cả một ngọn núi hay tàn phá cả một thành phố. Khi bão tố và gió lốc đã sẵn sàng, Thần Mặt Trời tung nắm bụi là Trái Tim Tình Yêu của Nữ Thần Orchida bị nghiền nát ra để bão tố và gió lốc cuốn đi. Thần Mặt Trời phủi hai tay vào nhau, đứng bất động giây lát rồi cõng xác con gái không còn Trái Tim Tình Yêu và lặng lẽ đi về phía Tây nơi hoàng hôn chìm xuống. Ông nghĩ rằng ông đã giết sạch Tình Yêu trên cõi đời nầy nên ông tắt ánh nắng cho màn đêm chìm dần! Tối hôm đó, nàng "Diễm Hằng" là Luna Thần Nữ cũng biến mất không còn lơ lững trên bầu trời ảm đạm.

Mùa Đông buồn bã với nỗi nhớ thương con gái giày vò, Thần Mặt Trời không thèm thắp nắng nên khắp nơi chỉ thấy một màn xám xịt, tuyết băng, ướt át. Nhưng nỗi buồn nào rồi cũng qua đi. Nhiều đơn thỉnh nguyện của thần thánh và muôn loài gởi xin Thần Mặt Trời ban cho ánh nắng; thế nên Thần Mặt Trời vén màn mây u ám và bước ra mỉm cười với vạn vật để nghe lời chúc tụng của các vị thần linh. Nụ cười của Thần Mặt Trời biến thành nắng vàng rực rỡ làm Nàng Xuân thay xiêm áo xinh đẹp trở về với bướm hoa khoe sắc và ngát hương. Nữ Thần Hoa Lá Flora đến trình với Thần Mặt Trời rằng vừa xuất hiện một loài hoa rất lạ mọc khắp nơi từ đỉnh núi xuống chân đèo, trên hốc đá, bám theo cành cây mục, mọc bên bờ suối, nơi bình nguyên, chốn đồng bằng, ngoài hải đảo, dọc bờ biển... nơi nào cũng có! Nghe vậy, Thần Mặt Trời hỏi: "Hoa gì mà lạ vậy?". Nữ Thần Hoa Lá Flora tâu: "Dạ đã cho hỏi từng cây hoa, hỏi từng cành hoa, nụ hoa... đã cho "điều tra lý lịch" rất kỹ và biết được đó là Loài Hoa Tình Yêu Bất Tử có tên là Orchida!".

Thần Mặt Trời tay run run nâng cánh hoa Phong Lan Orchida và ép vào phía trái lồng ngực nơi tim của ông đang thổn thức nhớ thương con gái. Ông lẩm nhẩm: "Đúng là con của ta... Ta đồng ý với con là Tình Yêu không bao giờ chết. Tình Yêu là bất tử!".

⁂

https://tieulun.hopto.org

Câu chuyện Thần Thoại Hy Lạp cha tôi kể cho tôi từ thuở nhỏ khi tôi còn là cậu bé học ở trường làng cứ làm tôi nhớ mãi. Thời gian qua đi vội vã và cuộc đời biến đổi mọi thứ đối với tôi sau khi Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) vào chiếm Sàigòn ngày 30.4.1975. Tôi bị bắt đi cải tạo tập trung 7 năm trở về thì tài sản, gia đình đều biến đi như sương khói. Tôi cố bám trụ ở Sàigòn, làm đủ mọi nghề lao động để kiếm tiền nuôi cha mẹ tôi đã quá già yếu. Cộng Sản bắt tôi đi tù tập trung cải tạo tới gần 7 năm. Khi trở về thì không còn gì nữa cả. Tài sản, gia đình, tình yêu tất cả đi theo Chủ Nghĩa Xã Hội! Tôi bắt đầu lại cuộc đời từ tận cùng đáy vực. Tôi có một khu đất khá rộng ở rừng dương Chí Linh mà tôi mua có bằng khoán đất dưới thời VNCH. Khi cha mẹ và gia đình chị cùng các em tôi từ quê ở Quảng Trị chạy thoát vào Nam sau khi CSBV chiếm cổ thành và thị xã Quảng Trị năm 1972. Tôi xây một ngôi nhà khá lớn cho cha mẹ tôi ở cuối đời. Năm 1986 có công ty khách sạn Hong Kong đến gặp đề nghị mua lô đất và ngôi nhà với số tiền tương đương 250.000 Mỹ Kim để họ xây Khách Sạn nhìn ra biển ở Bãi Sau. Tôi không đồng ý, lối 2 tuần sau họ đến thương lượng tăng thêm 30.000 Mỹ Kim nữa. Giấy tờ đang xúc tiến thì tôi nhận được Thông Báo của Ủy Ban Nhân Dân thành phố Vũng Tàu cho biết lô đất của tôi bị trưng thu và giải tỏa để làm khu du lịch Vũng Tàu mang tên Fairy Land do Đài Loan đầu tư. Nhiều gia đình gần khu vực của tôi là gia đình có công cách mạng cũng bị trưng thu đất nhưng họ tranh đấu không chịu giải tỏa nên bị lực lượng Công An và Bộ Đội được phái đến cùng với xe ủi đất phá sập nhà cửa và bắt gia chủ có công cách mạng đưa vào tù. Lô đất của tôi Hong Kong đề nghị mua giá trả lần chót là 280.000 Mỹ Kim nay được Nhà Nước cho bồi thường tính theo trị giá Mỹ Kim lúc đó là 930 Mỹ Kim và kèm một nền đất tại chỗ không có đường sá cống rãnh gì bên phía bắc phi trường Vũng Tàu rộng 6 m x 15 m. Tôi khiếu nại nhiều lần và họ cho thêm một nền đất sát cạnh để cho em trai tôi làm nhà ở. Thời gian đó thì con mắt bị cườm còn lại của cha tôi sau khi giải phẫu đã hoàn toàn không nhìn thấy gì nữa! Tôi gấp rút xây lại ngôi nhà nho nhỏ cho cha mẹ tôi kịp tá túc vì sợ tuổi già như chuối chín cây có thể rụng bất cứ lúc nào!

Ngày 03.02.1991 khi tôi từ Sàigòn xuống Vũng Tàu thăm và hớt tóc cho cha tôi. Tôi nhắc lại câu chuyện Nữ Thần Tình Yêu Orchida mà cha tôi đã kể cho tôi từ thuở nhỏ. Cha tôi nói: "Khi mắt con còn nhìn thấy ánh sáng, lỗ tai con còn nghe được tiếng động thì hãy biết thưởng thức những điều kỳ diệu Thượng Đế ban cho. Nhìn được một tia nắng là một hạnh phúc; nghe được một tiếng cười, tiếng chim hót là một hạnh phúc. Hạnh phúc thật gần gũi. Khi có được Tình Yêu thì hãy nâng niu trân trọng với Tình Yêu của mình. Khi con có Tình Yêu gia đình, hãy vun đắp và hy sinh cho mái ấm của mình. Khi có con cái hãy yêu thương dạy dỗ như cha đã và đang yêu thương con đây. Khi con còn Tổ Quốc và Dân Tộc, hãy bảo vệ bằng mọi cách để chống xâm lược. Mọi chuyện trong trời đất đều có bàn tay sắp đặt của Thượng Đế. Cái gì Ngài cho, ta cám ơn Ngài. Nhưng cái gì Ngài lấy đi; ta cũng cám ơn Ngài vì Ngài biết tại sao Ngài làm như vậy cho ta. Nhưng Thượng Đế chỉ giúp cho những ai biết tự giúp mình trước! Thượng Đế ban cho ta Tình Yêu Và 7 Sắc Cầu Vồng như trong huyền thoại về Nữ Thần Orchida, cha thấy Tình Yêu nào cũng cao cả, nhưng Tình Yêu Tổ Quốc và Tình Yêu Dân tộc là vĩ đại hơn hết!".

Cha tôi im lặng giây lát, tôi cắt những sợi tóc bạc trắng bên vành tai của cha. Cha tôi giải thích: - "Thượng Đế cho ta hai chân để có thể bước tới hay thụt lùi; cho ta hai tay để nắm cái tốt và vơ lấy cái xấu tùy ý ta; cho ta hai mắt để ngắm cái hay cái đẹp hay nhìn sự tồi bại; cho ta hai lỗ mũi đề hít thở sự trong lành hương thơm hay ngửi mùi xú uế là tùy ta bởi Thượng Đế luôn cho ta sự tự do và ý thức để quyết định. Nhưng hãy nhớ rằng Thượng Đế chỉ cho ta một Trái Tim để yêu thương chân chính và một cái miệng để ăn uống sạch và nói ra lời công chính, đạo nghĩa. Một Trái Tim lọc lừa sẽ không có Tình Yêu chân thật. Một cái miệng điêu ngoa sẽ không nói ra được lời yêu thương nhân ái thủy chung. Nếu hậu môn không thể trở thành cái miệng thì hãy để cái miệng chớ trở thành hậu môn! Nếu khi cha chết đi thì Tình Phụ Tử cha truyền lại cho con để thương yêu con cái của con. Có người không may mắn trong Tình Yêu Hôn Nhân, nhưng họ không hề sai phạm lỗi gì. Nếu như con gặp bất hạnh trong Tình Yêu Lứa Đôi thì hãy giữ Trái Tim chân thành của mình cùng với Tình Yêu chân thật, Thượng Đế sẽ gởi đến cho con một ai đó cũng có Trái Tim chân chính như con. Với Trái Tim chân chính, con sẽ biết yêu thương gia đình; yêu thương anh em; yêu thương đồng bào; yêu thương tổ quốc; yêu thương dân tộc và nhân loại. Trong các Tình Yêu của 7 Sắc Cầu Vồng, thì Tình Yêu Tổ Quốc và Tình Yêu Dân Tộc là lớn lao hơn cả. Khi dân tộc bị đày ải làm nô lệ, bị đồng hóa cho tàn tiêu thì làm gì còn gia đình tổ ấm để yêu thương! Khi tổ quốc bị xâm lăng, bị đô hộ hay bị sát nhập vào một đất nước khác thì còn đâu đất nước độc lập để con có được tự do và hạnh phúc! Mỗi cá nhân rồi sẽ chết đi, mỗi gia đình rồi sẽ chấm dứt để truyền cho thế hệ kế tiếp. Nhưng nếu mọi người, mọi thế hệ biết sống cho Tình Yêu thì Tình Yêu Tổ Quốc và Tình Yêu Dân Tộc là căn bản cho mọi Tình Yêu khác nảy nở, sinh sôi. Khi con cái của con lớn khôn, con hãy nói cho chúng biết rằng kẻ nào xâm chiếm Tổ Quốc chúng ta, tận diệt hay đồng hóa Dân Tộc chúng ta thì kẻ đó là kẻ thù của mọi thứ Tình Yêu!".

Nhân ngày Fathers' Day để vinh danh những người cha gương mẫu, tôi cám ơn Thượng Đế đã ban cho tôi một người cha với Tình Yêu Phụ Tử tuyệt vời! Tôi nhớ mãi câu chuyện thần thoại "Nữ Thần Tình Yêu Orchida" với "Tình Yêu Và 7 Sắc Cầu Vồng" do cha tôi kể.

Nay cha tôi đã qua đời, nhưng Hoa Phong Lan vẫn nở và Tình Yêu vẫn truyền lan qua Trái Tim chân chính của mỗi người. Hãy giữ ngọn lửa Tình Yêu Tổ Quốc, Tình Yêu Dân Tộc của mình. Còn Tổ Quốc, còn Dân Tộc mới có tự do, độc lập; mới có hạnh phúc cá nhân, gia đình, dòng họ. Nếu mất Tổ Quốc, mất Dân Tộc thì sẽ không còn gì hết! Nếu đất nước bị cướp đoạt, người dân bị đô hộ toàn trị bởi giặc ngoại xâm, thì sẽ không ai có được Tình Yêu gia đình và hạnh phúc riêng tư dù chỉ một ngày! Kẻ xâm lược và bè lũ bán nước đều là một thứ kẻ thù của Tình Yêu!

(San Jose, California)

https://tieulun.hopto.org

Hẻm nhỏ

• **Huỳnh Ngọc Nga**

Duy rời phòng Giám đốc sau khi xin phép nghỉ dài hạn một tháng không lương và trở lại bàn mình, chung quanh chàng mọi người vẫn bình thản làm việc. Duy thèm muốn được bình thản như họ, hình như chàng đã mất rồi sự yên bình từ ngày vợ chết và nay thêm lá thư của mẹ vừa gửi sang khiến chàng thêm bất ổn.

Màn hình vi tính trước mặt chàng khi ẩn, khi hiện những dữ kiện, những con số theo từng thao tác của tay chàng trên phím máy và con chuột. Bất giác trong tự nhiên, Duy có cảm tưởng chàng đang click những mũi tên trên màn hình đi lùng xục trong quá khứ quãng đời thơ ấu của chàng. Quãng đời của một thằng bé chỉ có mẹ mà không có cha và bà mẹ của nó giờ nầy đang chờ nó trở về.

... Người ta kháo nhau rằng thời Chánh Hưng, vùng đất nổi bên kia cầu chữ Y còn là lãnh địa của loạn tướng Bình Xuyên Bảy Viễn thì mẹ Duy mới ra đời. Mẹ chàng, một cô gái có khuôn mặt, vóc dáng của một thằng con trai và mang họ Trịnh, tên Chờ với chữ «văn» lót giữa, họ bảo cha mẹ cô muốn có con trai nối dõi, nhưng chỉ sinh muộn màng một bé gái duy nhất nên đặt tên cô như vậy, hy vọng tên xấu và lạ sẽ thành xấu «háy» mà không bị «ông bà trên trước» dòm ngó, quở phạt để bé sống khỏe mạnh, dài lâu. Ngay từ nhỏ bé gái đó chỉ vận quần đùi, áo thun ba lỗ, chơi thảy đáo, bắn ná với lũ con trai cùng xóm, tóc cắt ngắn kiểu lính mới tò te và hình như lũ con nít không ai biết nó là gái. Nhà nó ở trong một ngõ hẻm, đường vào miễu Vạn, hẻm thì nhỏ nhưng ngôi miễu lại khá lớn, khang trang, tiện cho những ngày thỉnh sắc, những buổi hội tề, thỉnh thoảng có người mướn làm nơi chiếu phim Ấn Độ hay những gánh cải lương lớn, nhỏ thiếu rạp trong thành phố ghé về mướn hát tạm vài ba buổi chầu, một đôi lần hiếm hoi có cả đoàn Thanh Minh – Thanh Nga của bà bầu Thơ cũng dừng chân trình diễn trong khi chờ rạp lớn. Cải lương ngày xưa hưng thịnh, đi đến đâu cũng có khán giả ủng hộ dù hát đình, hát miễu hay hát rạp đàng hoàng. Ngoài sau miễu Vạn là nhà nó, đi sâu vào trong hơn nữa có đường thông ra bến sông kinh Tàu Hủ, trên đường đi đó có một khoảng trống, không phải nghĩa địa nhưng um tùm lau lách với hai ba nấm mộ cổ còn sót lại từ thời người tứ xứ mới đến đây khai hoang lập đất.

Người lớn, trẻ nhỏ trong xóm đều gọi nó là «thằng» Chờ chứ chẳng ai kêu nó là «con» Chờ, cha mẹ nó cũng không buồn đính chính. Thời còn để chỏm, đến trường với chữ «văn» lót giữa họ và tên, nó được sắp xếp học chung lớp nam sinh. Nó không để ý chuyện mình là trai hay gái, «thằng» hay «con» gì thì nó cũng là con đợi con chờ của cha mẹ nó như lời ông bà thường nói. Vả lại làm «thằng» coi bộ khỏe hơn làm «con» vì được đi thảy đáo, bắn bi ngoài nắng không sợ đen da, cháy tóc như mấy đứa con gái xí xọn hay làm dáng, được theo mấy thằng lớn hơn nó xách ná đi bắn chim, bắn dơi trên những cành cây, nhánh dừa trong khi mấy đứa con gái chỉ biết chơi đánh đũa, nhảy cò cò. Nó học chưa hết lớp nhì thì ở nhà vì không muốn đi học nữa, cha mẹ nó cũng chẳng ép nài, thời buổi đó chuyện học hành giống như một thứ xa xí phẩm đối với những người bình dân lam lũ, học cho lắm cũng làm thợ đốt lò hay thợ chẳm lá của mấy lò than, mấy vựa chẳm lá chạy dọc suốt bến Ba Đình mà thôi, nguyên cả cái xóm nầy ông bà có thấy ai làm thầy, làm ông đâu, nếu có thì cũng là dân ở đâu đến, chứ dân xóm miễu Vạn nầy dù học bao nhiêu thì chữ nghèo cũng đeo đuổi không tha. Bỏ học, nó long nhong ngoài đường nhiều hơn ở nhà, chuyện nhà có mẹ cha nó lo hết, nó đi đâu thì đi, đến buổi ăn ông bà cũng phải chờ nó về mới chịu ngồi vào bàn cầm đũa, đã bảo nó là con đợi con chờ mà.

Lớn hơn một chút với những đổi thay dạng hình thể chất, Chờ trở thành một cô gái với nhan sắc của một chàng trai, chỉ khác là chàng trai nầy không cần cạo râu mỗi sáng và hơi thanh mảnh hơn những bạn trai cùng trang lứa. Màu hồng trên má của một cô gái tuổi dậy thì đã bị nắng trời nhuộm nâu trong những ngày cô cùng lũ bạn trai rong chơi đầu trên xóm dưới. Cô chỉ thay chiếc áo thun «lá» bằng chiếc áo sơ mi tay ngắn rộng thùng thình nhưng dài ngang gần tới gối để che bộ ngực, bộ ngực thanh tân con gái bị cô ép chặt dưới chiếc áo lót bó sát da như những cô trinh nữ ngày xưa thường làm vì xấu hổ phải giấu giếm phần đẹp nhất của mình. Cô vẫn mặc quần đùi, vẫn hớt tóc «bom bê» và vẫn theo đám con trai trong xóm tụm năm, tụm ba phá làng, phá xóm. Cái xóm Chánh Hưng – Hưng Phú của cô bắt đầu được phát triển bằng đất xáng thổi lấy từ lòng sông kinh Đôi phía sau bến Nguyễn Duy, những dãy nhà lô cất lên san sát, dân cư vùng đất nổi gia tăng thấy rõ, sinh hoạt trong vùng sôi động hẳn lên và cô cũng «học đòi» được nhiều điều mới lạ hơn, cô biết phì phà hút thuốc lá, thả khói vòng khi ngồi gác chân uống cà-phê trong tiệm nước, biết nốc rượu đế khi nhâm nhi con khô mực, đĩa đậu rang, biết thụt bi-da ăn tiền như dân chơi chuyên nghiệp. Duy một điều, lũ bạn không thấy Chờ chọc gái như họ bao giờ, ban đầu không ai để ý, nhưng sau cả đám đứa nào cũng có «mèo» để khoe, nào «em» sexy, «em» hiền thục, «em» bà chằn, «em» đảm đang, đủ

https://tieulun.hopto.org

loại. Dần dần chúng kháo đùa nhau rằng Chờ bán nam, bán nữ nên không râu và đùi thon như con gái, những lần như thế cô nổi quạu văng tục chẳng khác gì một anh đứng bến xe và đám bạn trời ơi đất hỡi đó được dịp cười hô hố với đầy vẻ nghi ngờ.

Và ngày mặt trời soi rọi ánh dương cho ra sự thật đã đến trong một buổi thách thức ăn thua trên bàn bi-da gần chợ Chuồng Bò. Hôm đó, cả bọn chơi cá độ bi-da như thường lệ, không hiểu hên thế nào mà cô thắng mấy bàn liên tiếp, lũ bạn reo hò bắt cô dẫn chúng đi ăn khao. Gì chứ ăn uống qua lại với họ có bao giờ cô sợ, hơn nữa, tiền cá cuộc đang rủng rỉnh trong túi cô mà. Cả đám sáu người, cô và năm thằng bạn «bờ bụi» cùng trang lứa kéo nhau vào quán chú Chón đầu hẻm kêu một chai đế nếp than Long An thơm nồng, thêm ba đĩa hủ tíu xào gan, cật heo nóng hổi rồi đánh chén với nhau. Lúc đó khoảng sáu, bảy giờ chiều, lại nhằm ngày có gánh cải lương Tân Thinh về hát trong miễu Vạn, tuồng hát sẽ kéo màn lúc tám giờ và vãn lúc mười một giờ rưỡi. Cô và lũ bạn ăn hết ba đĩa hủ tíu xào nhưng không chịu về mà còn ngồi lại kêu thêm mấy chai rượu đế vừa uống khơi khơi vừa chỉ chỏ «bàn dân thiên hạ» đi coi cải lương qua lại trước mặt. Không biết vô tình hay cố ý, mấy thằng bạn cô cứ ép nài cô uống nhiều hơn thường lệ, uống mãi đến hơn mười một giờ khuya, chú Chón ra dẹp bàn. Cô móc túi trả tiền, số tiền ăn bi-da còn lại rớt vung vãi ra ngoài, cô lúc đó đã say khước, cúi lượm tiền và ngả chúi xuống đất nằm xoài không dậy nổi. Một tên trong nhóm kéo cô đứng dậy, choàng tay cô qua vai hắn đưa cô ra khỏi tiệm, một cái gì ấm áp, êm nhẹ dưới lớp áo sơ mi rộng thùng thình từ người cô chạm vào da thịt hắn, hắn khựng lại, đưa bàn tay «thẩm tra» cho chắc ăn rồi gật đầu cười đắc chí kèm theo một cái nheo mắt điếm đàng cùng với lũ bạn trai còn lại đang đứng vây quanh. Con hẻm vắng tanh, đường ngang qua miễu nghe bên trong vọng ra từng hồi lời ca, giọng hát của đào kép hòa lẫn âm thanh tiếng đàn, tiếng trống xập xình.

Đêm đó, bên trong miễu Vạn đoàn Tân Thinh đang diễn tuồng «Má Đào Trả Hận Non Sông» kể tích Ả Đào trên bến sông chuốc rượu giết giặc Tàu giúp Bình Định Vương Lê Lợi chống quân Minh xâm lược, thì ngoài gò mả hoang cách miễu Vạn không xa có năm tên côn đồ đang biến «thằng» Chờ thành người đàn bà trong trò chơi tập thể sau khi đã chuốc rượu cho nó say mèm. Vản tuồng, thiên hạ ra về, những ai về theo hướng ra bờ sông kinh Tàu Hủ đi ngang hai ngôi mộ cổ thấy Chờ nằm phơi người trên bãi đất trống, áo quần xốc xếch, hở hang. Đang mùa nước cạn, nửa mảnh trăng liềm mờ nhạt chênh chếch trên nền trời khuya cho họ nhận ra đó là «thằng» Chờ trong xóm, vài người hảo tâm khiêng Chờ về nhà nó gần đấy. Đêm vẫn tối đen nhưng mọi việc đã sáng tỏ rõ ràng, từ đấy người trong xóm không kêu Chờ bằng «thằng» mà gọi nó bằng «con» hay lịch sự hơn một chút, họ kêu nó bằng «cô» Chờ, đại danh từ «cô» xác định giới tính thật của Chờ khi cô sắp tròn mười tám tuổi.

Khi Chờ tỉnh lại để nhận ra sự khác lạ trên người mình, mắt cô ráo hoảnh trong lúc cha mẹ cô bù lu bù loa khóc vặn hỏi cô sự việc xảy ra. Qua ngày sau cô vẫn mặc bộ đồ con trai cố hữu, tay cầm một cây tầm vông đi tìm những thằng bạn "quý", bọn chúng vừa thấy cô đã nham nhở cười, một thằng còn đểu giả hỏi cô đêm qua ngủ có ngon không? Cô tát cho hắn một cái tát nẩy lửa, thuận tay quơ cây tầm vông đánh loạn xạ vào cả bọn, vừa đánh vừa chửi như một con điên. Đám con trai bỏ chạy tán loạn, cô vụt tầm vông xuống đất, đứng thở dốc, hai dòng nước mắt muộn màng ràn rụa lăn trên má. Từ đó về sau người ta không thấy cô nhập bọn cùng lũ du thủ, du thực trong xóm nữa, cô để tóc dài, khoác áo bà ba, quần lãnh đen thay cho áo sơ mi, quần "xà lỏn". Cô nghe lời cha mẹ ra vựa chắm lá của ông Năm Xắm xin việc làm, mỗi ngày cô chắm đâu được khoảng gần năm mươi tấm lá, kiếm chút ít tiền xài riêng cho cô, khỏi phải xin tiền cha mẹ cô như lúc trước. Cô lại tiếp tục vô tư sống, cười nói như chẳng có việc gì xảy ra. Nhưng cái tên Chờ của cô như một định mệnh bắt cô phải chờ thêm một chuyện cô không ngờ trước được. Bụng cô bắt đầu lớn để cô chờ hoàn tất kết quả của đêm say chín tháng mười ngày trước đó. Ai cũng biết một trong năm thằng "bạn nhậu" của cô là thủ phạm cái bào thai vô tội vạ đó nhưng chẳng đứa nào dám đứng ra nhận lãnh trách nhiệm cả. Ngày đó chưa ai tính đến việc thử nghiệm DNA như bây giờ nên "ăn xong, quẹt mỏ, chạy làng" là chuyện thường tình. Cô không thèm tìm chúng nó để mè nheo đòi hỏi mà cả cha mẹ cô cũng chẳng quan tâm chuyện tìm "thằng rể". Trong cái rủi của đứa con gái, cha mẹ cô tự an ủi ít ra cũng còn cái may là cô trầm tính hơn, biết nghĩ đến cha mẹ hơn. Ước mơ có thằng con trai nối dõi ngày nào không thành nhưng nếu trời thương cho đứa cháu sắp ra đời là trai thì cũng là niềm hạnh phúc lớn đối với ông bà. Đứa cháu đó nếu có cha chắc gì bên nội nó cho ông bà sớm hôm gần gũi nó, thì thôi, nó là con của ai không cần biết, chỉ cần nó là một bé trai để nó mang họ Trịnh, cho ông bà mai sau khi đến tuổi quay đầu về núi cũng có người "phò giá triệu, khiêng quan tài" là được rồi.

Và lần nầy thì trời thương ông bà thật, đến ngày khai hoa nở nhụy Chờ cho ra đời một bé trai kháu khỉnh nặng trên ba kí. Ông bà đặt tên nó là Duy, cái tên mang ý nghĩa "duy nhất", không còn ai quan trọng hơn nó trong mái gia đình của ông bà. Cứng cáp, Chờ lại tiếp tục đi chắm lá, để bé Duy ở nhà cho ông bà ngoại bé trông chừng, thỉnh thoảng tới giờ nghỉ giải lao Chờ chạy u về nhà cho con uống sữa. Chờ mát sữa nên thằng nhỏ ngày càng bụ bẩm thật dễ thương mà Chờ cũng đẹp ra thấy rõ, đúng là gái một con trông mòn con mắt. Ngôi nhà cha mẹ Chờ trở nên ấm cúng, hạnh phúc với tiếng ầu ơ của mẹ Chờ ru cháu trong những trưa đong đưa chiếc võng, nụ cười hiền của cha Chờ sau mỗi buổi đi đạp xe ba bánh chở mướn hàng chợ về. Chờ dường như quên hẳn đêm "hận má đào". Nhưng nếu Chờ muốn quên thì miệng đời lại bắt cô nhớ. Đầu tiên là những hàng xóm gần, thỉnh thoảng bà Hai, thím Ba thím Tư chi đó đi ngang trước cửa nhà Chờ thấy thằng bé xinh xắn bèn dừng lại bồng ẵm, hôn hít chú bé kèm theo câu bỏ lửng "Không biết cha nó là ai mà thằng nhỏ đẹp như vậy?". Tiếp sau đó là "lũ quái" đêm "bề hội đồng" ngày trước, thấy chuyện đã êm, không ai làm khó dễ nên chúng bắt đầu lượn vờn qua lại trước nhà Chờ để ngắm thằng nhỏ mà thẩm định xem nó con của ai trong bọn chúng, đôi lúc gặp Chờ chúng nham nhở nhe răng cười hỏi "Con khỏe hả em?". Mãi rồi thiên hạ bàng quan biết mặt hết năm tên "tiểu yêu" vô lại đó, rồi tiếng xì xầm lại nổi lên, khi thì trước mặt Chờ và cha mẹ cô, lúc lại nói "hành tỏi"

https://tieulun.hopto.org

sau lưng, cứ như chuyện thằng bé không cha là chuyện riêng tư nhà họ chẳng bằng. Miệng đời thường độc ác vô tâm, họ nói chỉ để mua vui chứ không biết đó là gươm dao làm đau lòng người trong cuộc. Chờ bao lần sượng người khi nghe chú Hai Dần đầu hẻm đùa:

- Mầy thiệt là giỏi nghen Chờ. Thằng con của mầy có đủ ngũ hành sinh ra nên kháu khỉnh ra phết.

"Ngũ hành" đâu không biết nhưng cha mẹ mấy tên "đồng tác giả" cũng len men đến viếng để ngắm nghía coi "thằng nhỏ" có thuộc dòng máu nhà họ không. Đám "đồng tác giả" mà trong xóm gọi là nhóm ngũ hành "kim, mộc, thủy, hỏa, thổ" đứa nào cũng tới tuổi đi quân dịch nên "đồng - ông bà nội" của bé Duy cũng muốn biết chắc nó có phải cháu mình hay không, thời chiến, lính tráng một đi không trở lại là chuyện thường, rủi thằng con có hy sinh thì còn thằng cháu đích tôn thừa tự cũng là niềm an ủi lớn với họ. Vì thế cho nên nào bánh kẹo, nào quần áo, đồ chơi... bé Duy liên miên được các "nội" tặng, ban đầu cha mẹ Chờ không biết, cứ tưởng hàng xóm tốt bụng thích con nít nên tặng quà cáp cho vui nhưng dần dần thấy họ mỗi lần đến chơi hay lật tay, lật chân thằng nhỏ xem xét cùng khắp người nó giống như cách mua gà, mua vịt khiến ông bà đâm bực mình, thường những lúc đó Chờ ở ngoài vựa lá nên không hay biết gì hết. Khi về nhà nghe cha mẹ kể lại Chờ chợt hiểu và dặn cha mẹ cô đừng cho ai khám xét thân thể bé Duy, cô nghe tức giận cho đời mình và thương con mình chỉ có mẹ mà chẳng có cha, những thằng "ngũ hành" đã phá hoại đời cô, chẳng đứa nào còn chút lương tri để nói một lời thú tội hay tỏ một hành động ăn năn, chúng chạy trốn trách nhiệm việc làm của chúng, giờ cha mẹ chúng thấy mọi việc êm xuôi lại tính chuyện cướp đi niềm vui của gia đình cô sao.

Khi bé Duy ăn thôi nôi thì trong đám ngũ hành, thằng Hỏa, thằng Mộc và thằng Kim vào lính, còn Thủy vì là con trai độc nhất trong gia đình nên được miễn dịch, riêng thằng Thổ không biết cha mẹ nó chạy chọt thế nào mà nó được miễn dịch vì lý do sức khỏe. Lúc đó nội chiến Việt Nam đang ở vào giai đoạn leo thang dữ dội, bao lớp trai lên đường theo lịnh Nha Động Viên, xóm miễu Vạn vắng bớt những tên phá làng, phá xóm nhưng thỉnh thoảng vài nhà lại có tiếng khóc thương những chàng Kinh Kha thời đại đã vĩnh viễn đi vào lòng đất.

Cái nghề chằm lá tưởng dài lâu cho Chờ sống an đời bình dị, nhưng mọi người bắt đầu cất nhà tôn, nhà ngói chứ ít ai cất nhà mái lá như ngày xưa nên các vựa lá từ từ dẹp hết. Chờ thất nghiệp, lấy tiền dành dụm mua một thùng kiếng nhỏ bán thuốc lá và bánh kẹo trước nhà, lời lóm không bao nhiêu nhưng vẫn có đồng vào đồng ra hơn ngồi không chờ tiền đạp xe chở hàng của cha cô mỗi ngày. Bé Duy chập chững biết đi, biết nói và lớn theo thời gian. Lắm lúc ngồi nhìn thằng bé, Chờ cố nhìn kỹ con để xem nó giống ai trong đám ngũ hành nhưng không đoan chắc được vì quanh đi quẩn lại cô thấy quả thật khó mà xác định ai là cha của nó. Chiếc mũi cao của bé Duy hao hao như mũi thằng Kim; nhưng cái miệng cười chênh chếch lại giống miệng thằng Thủy vô cùng. Tuy nhiên, nếu quan sát kỷ thì đôi mắt bé Duy hình như y chang đôi mắt thằng Mộc; ngắm tới ngắm lui khi bé Duy ăn, cái tật hay chắt lưỡi sao giống thằng Thổ chẳng sai và phải công nhận mái tóc dợn cong của con cô quả đúng như cái đầu thằng Hỏa. Không phải Chờ dư công tìm hiểu để ăn vạ bắt đền ai là cha đứa bé, nhưng trong thâm tâm cô muốn mai sau nầy khi bé Duy đến tuổi trưởng thành, cô sẽ không nặng lòng vì không cho nó biết được cha nó là ai. Cây mận, cây cau bên hè nhà Chờ còn biết gốc nguồn của nó do ai gieo, ai trồng chẳng lẽ con của cô không biết do ai mà nó có mặt trên cõi đời nầy hay sao, cho dù đó là một cuộc gieo giống dã man, vô nhân của cha nó. Cuối cùng mệt mỏi quá, Chờ thôi không tìm hiểu nữa nhưng vẫn thầm van vái "Bà" trong miễu Vạn xui khiến một ngày nào đó cô sẽ tìm biết được gốc rễ của bé Duy.

Ngày Chờ mong ước đó không biết bao giờ đến nhưng những ngày cô chẳng mong muốn lại tuần tự tìm tới với cô. Đó là ngày cô khóc để đưa cha cô về thiên cổ, ông chết sau một cơn động tim ác tính, bất ngờ đến độ cả mẹ Chờ và Chờ vẫn còn ngờ nghệch không tin đó là sự thật, lúc ấy bé Duy đang bắt đầu vào lớp một bậc tiểu học. Nhà Chờ giờ quạnh quẽ, mẹ con, bà cháu đùm bọc lấy nhau. Không còn cha để ông đưa vai gánh vác phần lớn chuyện chi tiêu trong nhà, Chờ nghe khốn đốn khi cả nhà phải trông cậy vào số tiền bán thuốc lá, bánh kẹo mỗi ngày. Mẹ Chờ theo tuổi tác cũng nay yếu, mai đau, dù xốc vác bao nhiêu Chờ cũng nghe mình cơ hồ đuối sức sau mỗi chiều ngồi đếm những đồng bạc vụn tiền lời buôn bán nhỏ nhoi của mình, rồi Chờ nhìn con mà đau lòng xót dạ, thằng bé ốm tong teo, áo quần vá chằn, vá đụp khắp nơi, đời cô cơ cực đã đành, sao trời lại bắt tội chi thằng nhỏ vừa không cha lại vừa nghèo khổ như vầy.

Một buổi chiều Chờ xuống đò qua Lao Cai Chợ Lớn mua thêm hàng về bán, vừa thất thểu lên bến, vừa đếm lại số tiền còm cỏi trong tay không đủ mua mười cây thuốc lá Bastos, tiền đâu bổ thêm thuốc cho mẹ, mua thêm gạo cho cả nhà. Bận suy tính, Chờ băng qua đường Đồng Khánh không thèm để tâm nhìn đèn giao thông đang bật đỏ cho khách bộ hành, một chiếc xe hơi từ hướng Saigon vụt tới, tài xế không thắng kịp trước khi đầu xe đâm thẳng vào cái dáng gầy gò của Chờ, cô ngả vật xuống đường khi trong đầu vẫn còn những con số chi tiêu mua sắm, bán buôn. Chiếc xe ngừng lại, mọi người đi đường bu quanh tai nạn, một đôi vợ chồng người ngoại quốc ăn mặc sang trọng từ trên xe bước xuống với vẻ mặt lo lắng. Cảnh sát đến lập biên bản và chủ nhân chiếc xe hơi gây ra tai nạn chở Chờ vào bịnh viện Chợ Rẫy gần đó. Vì lỗi chính do Chờ gây ra và chiếc xe gây tai nạn lại là xe của ngoại giao đoàn nước Pháp nên mọi người trên xe được tạm ra về sau khi đã đem Chờ vào bịnh viện và họ cũng phải chịu một phần trách nhiệm về tai nạn giao thông nầy.

Chiều tối hôm đó ở nhà mẹ Chờ gom số gạo còn lại nấu nồi cơm nhỏ, luộc mớ rau dền hái ngoài đám cỏ gần hai ngôi mộ cổ, gắp mấy viên chao khuấy thêm đường, chanh, ớt rồi đợi Chờ về nhưng đợi mãi đến hơn mười giờ tối chẳng thấy bóng Chờ đâu, sợ bé Duy đói bà cho cháu ăn trước, dỗ nó ngủ rồi ngồi đợi con gái, sự lo lắng làm tinh thần bà thêm căng thẳng, bà nghe khó thở, thỉnh thoảng mắt hoa lên ngờ nghệch trong chập chờn của ngọn đèn dầu hiu hắt. Tưng hửng sáng hôm sau người xóm miễu Vạn thấy một chiếc xe hơi bóng loáng đậu ngoài đầu hẻm, một đôi vợ chồng "ông tây, bà đầm" xuống xe ngơ ngáo cùng người tài xế Việt ngó chung quanh rồi hỏi thăm nhà Chờ, người ta chỉ cho họ ngôi

https://tieulun.hopto.org

nhà sau miễu Vạn và mười phút sau thiên hạ nhốn nháo khi thấy ông khách bồng xốc bà mẹ Chờ trên tay đem ra xe chở đi cứu cấp, những ai tò mò theo dõi mọi diễn tiến từ đầu kể lại rằng mẹ Chờ ngất xỉu vì ngỡ rằng Chờ đã chết lúc chú tài xế thuật chuyện xe chú đụng phải Chờ. Những người hàng xóm giữ bà vợ ông khách lại bắt bà trông bé Duy như một cách cầm giữ con tin đối với chủ xe gây ra tai nạn.

Thực ra Chờ không chết mà chỉ bị thương ở một ống xương chân phải bó bột điều trị lâu dài. Cô cơ hồ ngất đi khi ngã xuống lòng đường, được đưa vào bịnh viện băng bó cô dần tỉnh hồn lại sau đó và nhớ đến bà cháu bé Duy đang đợi cô ở nhà, cô yêu cầu người gây ra tai nạn về nhà báo tin cho mẹ cô biết để bà đỡ ngóng trông tin, không ngờ tin tức đó là bản án tử hình cướp mất của cô người mẹ thân yêu còn sót lại. Với bịnh tim chồng chất lâu ngày thiếu thuốc men chữa trị, thêm một đêm không ngủ đầy lo lắng đợi con về, trái tim tội nghiệp của bà không còn đủ sức chịu đựng khi nghe tin dữ của Chờ. Vợ chồng De Bourgeois là nhân viên ngoại giao làm việc cho tòa Đại sứ Pháp tại Việt Nam, họ bàng hoàng trước thảm cảnh của Chờ, ông bà đóng tiền phạt cho người tài xế, lo tang ma cho mẹ Chờ, đem bé Duy về nhà chăm sóc trong khi Chờ còn nằm điều trị.

Ngày Chờ xuất viện hai ông bà De Bourgeois đón Chờ về nhà họ, cho Chờ làm người giúp việc. Chờ và bé Duy được sống những ngày trắng cơm, lành áo, ngôi nhà sau miễu Vạn được đóng cửa bỏ đó vì Chờ không nghĩ hai mẹ con cô sẽ sống mãi với người dưng. Ông bà De Bougeois có một cô con gái tên Hélène trạc tuổi Duy, hai đứa bé khác tiếng nói, màu da nhưng không hiểu sao chúng lại nhanh chóng thân thiết nhau như anh em một nhà. Ông bà De Bourgeois có vẻ mến bé Duy, nó được cho đi học lại và học trường Pháp như cô bé Hélène, được hưởng gần như tất cả những thứ mà Hélène có. Chờ buồn vì mất mẹ nhưng mừng thấy con thoát khỏi cảnh nghèo khổ như mình ngày xưa, trong cái rủi ít ra cũng có cái may và Chờ nghĩ có lẽ mẹ đã phù hộ cho mình.

Thẩm thoát mà mẹ con Chờ xa xóm cũ đã hơn sáu năm, Chờ bây giờ cũng biết chút ít "tiếng tây, tiếng u" như ai, không giỏi lắm nhưng đủ để nghe và nói chuyện với gia đình chủ nhà. Thỉnh thoảng ngày giỗ mẹ cha, cô dẫn con về hẻm nhỏ, vào nhà làm cơm cúng kiếng rồi lại dắt con đi. Lối xóm không ai nhắc chuyện "thằng Chờ" ngày trước, cơ hồ họ cũng đã quên luôn chuyện đám ngũ hành cho ra đời bé Duy sau hai ngôi mộ cổ, không còn ai ác ý hỏi vặn vẹo những tiếng thị phi với Chờ nữa. Năm tên ngũ hành bây giờ đã rã đám tan bèo, thằng Kim đi lính Biệt Động Quân chết 2 năm về trước trên chiến trường Quân Khu 3; thằng Hỏa và Mộc còn lênh đênh bốn Vùng Chiến Thuật, thỉnh thoảng về phép đi ngang nhà Chờ chúng khựng lại như nhớ một điều gì rồi cũng bước qua mau; thằng Thủy cưới vợ mở tiệm sửa xe đạp gần chợ Chuồng Bò bây giờ được ba đứa con; thằng Thổ lái xe Lam chạy tuyến Saigon – Hưng Phú, mọi người đồn nhau rằng nó nói bé Duy là con của nó nên nó nhứt định chờ mẹ con Chờ về xin lỗi. Không biết lời đồn có đúng hay không nhưng quả thật mỗi lần Chờ dẫn bé Duy về là sớm muộn gì sau đó cũng thấy thấp thoáng bóng thằng Thổ bên cửa sổ nhìn vào. Chờ biết nhưng làm ngơ không chào hỏi chi hết, chuyện ngày xưa ai quên chứ cô vẫn nhớ, cô không vác chổi đuổi nó đi là may lắm rồi, có đâu chuyện mời chào phép tắc lễ nghi.

Nhưng mặt nước không lặng cho Chờ an thân sống, ông De Bourgeois gần hết hạn công tác phải đưa gia đình trở về Pháp, vợ chồng ông ngỏ ý muốn nhận bé Duy làm con nuôi để đem nó theo cùng, bù lại họ hứa sẽ cho cô một số tiền làm vốn tùy thân. Thật ra, cho Chờ cùng đi cũng được nhưng trong tính ích kỷ của con người thường tình, họ muốn bé Duy sau nầy chỉ biết có họ là cha mẹ mà thôi. Chờ nghe lời đề nghị đó mà sững sờ thảng thốt, cô đâu muốn bán con để có số tiền to làm vốn, còn vỏn vẹn hai mẹ con mà, ai nỡ cắt ruột cho người đem đi. Chờ khóc mấy đêm liền, nước mắt tuôn như ngày cha mẹ chết, đến ngày thứ năm mắt Chờ ráo hoảnh, cô tìm ông bà De Bourgeois để nói quyết định sau cùng của mình và người ta thấy vài ngày sau đó họ đến Sở Hộ Tịch làm khai sanh mới cho bé Duy. Con của Chờ thôi họ Trịnh để khoác họ De Bourgeois và thêm tên Jean đứng cạnh tên Duy của ông bà ngoại bé đặt để ngày nào, đó là một trong những điều kiện Chờ yêu cầu khi bứt ruột cho con. Sau bao đêm trăn trở cô đã chọn con đường sung sướng cho Duy, cô không muốn cây non bám vào mảnh đất cằn khô chai sạn, nó phải được bứng lên đem trồng nơi màu mỡ phì nhiêu, nó phải có cha có mẹ đàng hoàng cho dù để có được những thứ đó cô phải hy sinh tình mẫu tử.

Năm đó bé Duy mới bắt đầu tuổi mười ba, giọng nó không còn mang âm thanh trẻ con nhiều như trước, trên viền môi đã ửng hiện màu râu xanh của tuổi thành niên, ăn uống đầy đủ, chơi thể thao đều đặn, người nó nở nang như một cậu trai mười sáu, mười bảy. Lắm lúc nhìn con Chờ giật mình như thấy ẩn hiện đâu đây bóng dáng của một đứa trong đám ngũ hành. Nhưng thôi, bây giờ bé Duy đã có cả cha lẫn mẹ với giấy tờ hẳn hoi, cô đâu cần tìm hiểu làm chi cội nguồn của nó và có lẽ nó cũng chẳng màng biết cha nó là ai vì cô có nghe nó hỏi đến người tạo ra nó bao giờ đâu, không hiểu tại tính nó vô tư như cô ngày nào hay tại nó ý tứ sợ cô buồn nên tránh né hỏi han. Đúng ra Duy ý tứ hơn vô tư, lúc còn ở xóm miễu Vạn nhìn bạn bè có cha có mẹ đầy đủ nó cũng ngạc nhiên thấy sao mình không có ai để gọi bằng ba. Thỉnh thoảng có mấy chú trong xóm hay chận đường nó lại kêu nó bằng con và xưng ba với nó, nhưng đi học thầy cô dạy mỗi người sanh ra chỉ có duy nhất một cha, một mẹ thôi mà, vậy thì làm sao nó có nhiều ba đến thế. Băn khoăn, nhằm lúc vắng mặt Chờ nó hỏi bà ngoại về chuyện một người cha:

- Ngoại ơi, con có ba như tụi bạn con không ngoại?

Mẹ Chờ ngẩn người khi nghe cháu hỏi, lúc đó nó đã sáu tuổi, đã đi học và đã thấy sự khác biệt vấn đề nầy của nó với bạn bè chung quanh. Ngoại xoa tóc nó rồi nói:

- Ba con đi lính chết rồi. Con phải thương má và nhớ đừng bao giờ hỏi chuyện về ba con vì như vậy làm má con nhớ ba con rồi buồn đó. Nhớ lời ngoại dặn chưa?

Dĩ nhiên là bé Duy nhớ lời ngoại dặn vì nó thương mẹ nó lắm, nếu hỏi về ba nó để mẹ nó buồn thì nhất định nó sẽ không bao giờ hé môi đâu. Kể từ ngày ngoại mất, nó rời hẻm nhỏ, cùng mẹ về ở nhà cha mẹ của Hélène, được đối xử như ruột thịt trong gia đình chủ nhà, nó quên dần chuyện mấy chú trong xóm. Một lần nó nghe ông bà De Bourgeois hỏi mẹ nó về ba nó và chính mẹ nó cũng nói y như ngoại hôm nào, nghĩa là ba nó đi lính

https://tieulun.hopto.org

chết lâu rồi, chết hồi nó chưa ra đời lận kia, có thể vì vậy giấy khai sanh của nó ghi cha "vô danh". Cái đầu trẻ con của nó nghĩ vậy và nó chợt thấy buồn với một chút ước ao phải chi ba nó còn sống để nó coi nó với ba nó có giống nhau không và để nó được xà vào lòng ba nó mà nhỏng nhẻo như Hélène nhỏng nhẻo với ông De Bourgeois vậy. Mấy hôm rày Duy nghe Hélène nói là gia đình nó sắp về nước, nước của nó ở tận bên Tây xa lắm, như vậy chắc khó mà gặp lại nhau, hai đứa trẻ cùng buồn, cái buồn vô tư của những con chim non bị chia đàn, rẽ cánh. Nhưng hình như mẹ Duy cũng buồn, nó thấy mẹ thỉnh thoảng thở dài hoài, chắc mẹ cũng nhớ Hélène và ông bà De Bourgeois như nó hay mẹ sợ phải trở về cái hẻm nhỏ ngày nào khi gia đình Hélène không còn ở đây nữa. Cậu bé chưa kịp hỏi chuyện mẹ nó thì một buổi tối trước khi đi ngủ Chờ kêu con vào bếp rồi bảo:

- Bắt đầu từ hôm nay ông bà De Bourgeois là ba má của con, Hélène là em gái con và hai tháng nữa con sẽ theo họ về Pháp vì con là con của họ.

Bé Duy tròn xoe mắt ngó Chờ, giọng ngạc nhiên:

- Còn má thì sao? Sao con lại thành con của họ được chứ? Má có đi Tây với con không?

- Không, má về nhà cũ của mình. Họ nhận con làm con nuôi nên chỉ có con đi với họ thôi.

- Sao vậy má? Không có má con không đi đâu hết, con xin ông bà De Bourgeois cho má đi với con nghen.

Chờ ứa nước mắt, ôm con vào lòng:

- Má đi không được con à. Con đừng hỏi han, xin xỏ ba má nuôi con làm chi, không tốt đâu. Con đi qua bển ráng học cho giỏi, sau nầy về thăm má là má vui rồi. Má vẫn ở xóm miễu Vạn chờ con về, con nhớ nghen.

Buổi tối hôm đó hai mẹ con cùng khóc, Chờ giảng nghĩa cho con hiểu lý do vì sao cô quyết định giao con cho người. Bé Duy đi ngủ với bên tai còn văng vẳng tiếng nấc của mẹ nó và câu nói đứt đoạn "vì tương lai của con đó Duy ơi"...

Hai tháng sau Duy theo gia đình De Bourgeois lên phi cơ rời Việt Nam đi Pháp, Chờ trở về xóm miễu Vạn bên kia cầu chữ Y, dùng số tiền dành dụm đi làm bấy lâu sửa lại ngôi nhà cũ, xây lại mộ mẹ cha và lấy số tiền cha mẹ nuôi bé Duy tặng mở tiệm tạp hóa nhỏ tại ngôi nhà mình. Hẻm nhỏ, hàng xóm quen nên chuyện kiếm sống qua ngày không là điều khó với Chờ. Ban ngày kẻ qua, người lại bán buôn chíu chít lao xao nên Chờ trở lại bản tính ồn ào, linh động như ngày nào và ít nghe đơn lẻ. Nhưng đêm về, khi cửa đóng then gài, một mình trong quạnh quẽ Chờ nhớ con đoạn đoài gan ruột. Cô sẽ chờ nó về nếu mai sau nầy nó còn nhớ đến cô, đời cô muôn thuở phải đợi chờ mà, ai xui ngày xưa cha mẹ cô đặt để cho cô làm chi cái tên buồn định mệnh.

Năm đó là năm 1974, qua năm sau chiến tranh Việt Nam chấm dứt, kết thúc hơn ba mươi năm nội chiến tương tàn.

*
* *

Duy đẩy cửa vào nhà, bức ảnh Hélène trên tường nơi phòng khách cười tươi rạng rỡ như chào đón chàng về. Hélène mất đã ba năm rồi mà chàng vẫn chưa quên bao hình ảnh thương yêu một thời của cô gái nhỏ ngày nào. Ngày chàng theo gia đình nàng về Pháp bỏ lại sau lưng bà mẹ khốn cùng, chàng tưởng chừng như không chịu nổi sự thiếu vắng mẹ và những khác biệt của cuộc sống xứ người, nếu không có sự chăm sóc của ông bà De Bourgeois và tình yêu trong sáng của Hélène chắc gì chàng có được như ngày nay. Duy trưởng thành theo thời gian, học hành đỗ đạc, tìm được việc làm và mối tình với cô em dị chủng cũng thành hình như chuyện bình thường khi hoa bướm kề nhau. Cha mẹ Hélène không ngăn cản mối tình đó và họ phải kiên nhẫn đến sở hộ tịch làm lại giấy tờ cho Duy cùng bao khó khăn tốn kém thời gian, tiền bạc để trả chàng về lại cái tên Trịnh văn Duy như xưa trước khi kết hợp cho cả hai chính thức cưới nhau. Duy muốn rước mẹ ruột qua để có mặt trong ngày vui trọng đại của mình nhưng Việt Nam năm 1986 vẫn còn đang trong buổi giao thời sau ngày thống nhất, chuyện xuất nhập cảnh còn lắm nhiêu khê nên cuối cùng chàng chỉ gửi thư và thiệp báo tin cho mẹ biết mà thôi.

Hạnh phúc gia đình chàng có thể sẽ toàn vẹn hơn nếu cả hai có một đứa con, nhưng sau bao năm chung sống sự đợi chờ tiếng trẻ trong nhà chỉ là vô vọng, các cuộc thử nghiệm y khoa cho biết Hélène không thể có con bình thường và nếu có thì sự nguy hiểm sẽ dễ dàng xảy ra cho cả hai mẹ con. Duy thương vợ nên khuyên nàng đừng nghĩ đến chuyện thai nghén, cha mẹ vợ chàng khuyên họ xin một con nuôi nhưng Hélène chỉ muốn đứa con do chính nàng sanh ra để chứng tỏ tình yêu với chồng. Duy càng tránh né, Hélène càng van nài, nàng bảo khoa học ngày nay có thể cải lão hoàn đồng, cải tử hoàn sanh thì chuyện giúp nàng cho ra đời một đứa bé chắc chắn không là điều bất khả. Rồi viện lý do cha mẹ hai bên chỉ có cả hai là con duy nhất nên ý muốn của nàng càng mãnh liệt hơn. Không dằn lòng được trước những giọt nước mắt mỗi đêm của vợ, Duy chiều theo ước vọng của nàng và cuối cùng Hélène thọ thai. Trong niềm vui tưởng như tột cùng của vợ, Duy lo sợ từng ngày nhìn những biến chuyển sức khỏe của Hélène. Và đúng như dự đoán của các bác sĩ, qua tháng thứ hai thai nghén Hélène giảm cân và yếu sức hẳn đi. Vị bác sĩ theo dõi tình trạng này bắt cô gái không được sinh hoạt bình thường, cô sống như một người bịnh nặng, suốt ngày cơ hồ chỉ ở trên giường, thuốc men bảo dưỡng không ngừng. Ngoài giờ làm việc ở sở làm, Duy luôn ở cạnh vợ, chàng nhớ tới mẹ mình và không biết ngày xưa mẹ có nhọc nhằn khi mang thai chàng không. Hélène bây giờ có chàng bên cạnh săn sóc, còn mẹ thì có ai đâu ngoài ông bà ngoại. Chợt dưng Duy ước ao có mẹ gần kề, chàng dự tính sau khi Hélène sanh xong sẽ rước mẹ qua cho mẹ thấy cháu nội của mẹ, chỉ cầu trời cho Hélène được vuông tròn lúc vượt cạn một mình. Nhưng nỗi lo của Duy đã thành sự thật, không đợi đủ ngày tháng của thời nở nhụy khai hoa, Hélène quằn quại đau trên giường mổ khi thai nhi mới vừa sáu tháng và dù các bác sĩ tận tình trong ca mổ, Duy mất hẳn cả vợ lẫn con khi đứa trẻ chưa đủ sức chào đời và Hélène không chịu đựng được cơn đau của lần vượt cạn.

Một năm sau Duy mới có đủ can đảm viết thư cho mẹ kể lại nỗi bất hạnh của mình, cùng lúc chàng cho biết đang chuẩn bị làm đơn bảo lãnh mẹ sang ở với chàng. Gần hai mươi năm rồi mẹ con chàng sống trong xa cách, bây giờ là lúc cả mẹ lẫn chàng cần có nhau bên cạnh, hơn nữa mẹ giờ đã già, cần có người chăm sóc sớm

https://tieulun.hopto.org

hôm. Đơn từ còn chưa hoàn tất thì một hôm chàng nhận được thư mẹ, lá thư ngắn ngủi chỉ mấy dòng như một bức điện tín nhưng làm đảo lộn mọi ý định của chàng:

Duy con,

Má không muốn xa hẻm miễu Vạn, cuộc đời má gắn bó với nơi nầy rồi, đừng làm đơn bảo lãnh cho má.

Còn một điều nữa, má muốn cho con biết là con hãy còn một người cha.

Má chờ con về để xem có phải con là con của người đó không?

Hãy về sớm. Má trông con.

Má của con.

Duy ngẩn ngơ trước những lời mẹ viết. Chàng có cha? Nhưng phải về để xác định đó có thật là cha chàng không? Vậy ra người cha đi lính chết trước khi chàng chào đời là ai? Vâng lời mẹ và cũng vì muốn hiểu sự thật đời mình, chàng xin nghỉ phép dài hạn một tháng, làm visa, mua vé máy bay về ngay trong mùa hè năm đó, năm 1992.

Bà Chờ đón con ngay tại phi trường Tân Sơn Nhất, đây không phải là lần đầu Duy về thăm mẹ vì chàng và Hélène đã ba phen trở lại Việt Nam sau ngày cưới để tìm về hẻm nhỏ của mẹ con chàng. Duy thấy mẹ khác nhiều với những lần về trước, mẹ bây giờ là một thiếu phụ đẩy đà, tươi mát, mái tóc lâm râm bạc nhưng da dẻ vẫn hồng hào khác hẳn với cô Chờ của mấy chục năm xưa. Duy có cảm tưởng hình như mắt mẹ vui hơn và hình như mẹ trẻ hơn nhiều so với tuổi gần sáu mươi của mẹ. Trên xe về nhà, hai mẹ con không nói gì khác hơn những câu hỏi, đáp về Hélène và cuộc sống hiện tại của Duy. Xe chạy vòng vèo qua cầu chữ Y, xuống đường Hưng Phú, ngang qua chợ Chuồng Bò rồi ngừng trước hẻm miễu Vạn, tất cả thay đổi khá nhiều đến độ dù đã về đôi ba lần Duy vẫn nhìn muốn không ra, nhưng đường vào hẻm vẫn nhỏ hẹp như độ nào, quán chú Chón vẫn còn đó, chú đã mất và thằng con chú đang thay chú tiếp tục nghề bán cháo cá, hủ tíu xào như lúc Duy còn nhỏ. Xe Taxi chở hai mẹ con Chờ ngừng trước hẻm, Duy vừa đỡ mẹ ra khỏi xe, chưa kịp lấy hành lý thì thấy một người đàn ông đầu bạc, tướng phốp pháp bước tới vỗ vai chàng, giọng thân mật:

- Về rồi đó hả con? Nhớ ai đây không?

Duy giật mình, nhìn kỹ người trước mặt. Những lần về trước cùng vợ, chàng chỉ lẩn quẩn ở nhà cùng mẹ chứ ít đi đâu vì không muốn lối xòm xầm xì chỉ chỏ cô vợ người Pháp của mình, vì vậy người quen cũ thuở xưa chàng khó lòng nhớ được, dù gì cũng đã gần ba mươi năm chàng sống xa hẻm nhỏ nầy. Lục tìm lần cuối trong ký ức cũ vẫn không tìm được câu trả lời cho người trước mặt, Duy chắt lưỡi, ấp úng:

- Xin lỗi bác, con... con... thiệt tình không nhớ, bác là....

Chờ bước đến bên con, ngó người đàn ông đầu bạc rồi nói nhanh:

- Bác Hai Xe Lam đó con, người trong xóm mình, con quên rồi sao? Thôi, anh Hai phụ xách va-li của thằng nhỏ vô nhà đi, một lát mình nói chuyện sau.

Cả ba theo con hẻm về nhà Chờ, bác Hai hỏi thăm đôi ba câu về hành trình chuyến đi của Duy rồi nhìn Chờ như đợi một điều gì nhưng bà thản nhiên:

- Anh về đi, ngày mai qua đây. Em phải nói chuyện trước với con.

Duy ngạc nhiên trong cách xưng hô của mẹ, có một cái gì đó nửa như thân mật, nửa như lạnh lùng với bác Hai. Đợi khách về xong Duy hỏi mẹ:

- Má, có chuyện gì xảy ra vậy má?

Chờ bước ra đóng cửa tiệm tạp hóa lại rồi đến bên Duy bà nói:

- Con có nhớ là sâu bên mông trái của con có một lúm đồng tiền nằm trên một cái bớt đen không?

Duy gật đầu, nhìn mẹ chờ đợi lý do câu hỏi khác thường đó. Bà Chờ ngó con, giọng đầy cảm xúc:

- Bác Hai xe Lam cũng có dấu vết đó y như con vậy.

Duy đi từ ngạc nhiên nầy đến ngạc nhiên khác, chàng nhổm người lên, lắp bắp hỏi:

- Vậy là sao hả má ? Có phải má muốn nói... má muốn nói con là...

Bà Chờ gật đầu, mắt long lanh ướt, những giọt nước mắt như chực trào ra:

- Phải, bác Hai là ba ruột của con đó.

- Trời, vậy mà bấy lâu nay má nói ba con đi lính chết rồi. Sao má giấu con? Duy thảng thốt kêu lên.

Chờ chậm rải kể lại cho con nghe chuyện đêm "Hận Má Đào" của hơn ba mươi năm xưa và nói chính bà cũng không biết ai là cha của Duy trong đám Ngũ Hành. Bà cứ tưởng mọi việc sẽ chìm vào quá khứ khi cho Duy sang Pháp. Trở về hẻm nhỏ bà sống lại cuộc sống bình thường của cô Chờ ngày xưa, những tên gây hận giờ đã yên nơi, yên chỗ, kẻ chết trận, người an ổn vợ con, chỉ còn thằng Thổ vẫn độc thân đợi mẹ con Chờ và thỉnh thoảng cứ rêu rao rằng Duy là con của nó. Bà không tin vì chẳng có chứng cớ gì để tin, nhưng giận thì vẫn giận không nguôi nên mỗi lần thấy bóng dáng nó lai vãng là bà hậm hực đuổi như đuổi tà.

Sống đơn chiếc một thân, bà trở nên trầm tính hơn, những giờ rảnh chuyện bán buôn bà hay ngồi chuyện vãn cùng ông thầy Ba Von, người giữ miễu Vạn. Thầy Ba không tu chùa mà giữ miễu từ thời tóc còn để chỏm, tuổi thầy cũng tám mươi ngoài nhưng thầy rất còn minh mẫn. Tính tình hiền lành chân chất của một nhà tu, thầy nghe và hiểu hết mọi chuyện dân xóm miễu, thầy cũng biết số phần bạc hạnh của Chờ. Những lúc Chờ sang miễu thắp hương ngày Vía, hay khi thầy rảnh dạo quanh trong xóm, thầy thường mượn ghế ngồi trước hàng ba tiệm tạp hóa nhà Chờ mà nói chuyện đời cho Chờ nghe. Thầy bảo cuộc sống nầy mọi chuyện đều do căn nghiệp mà nên, không có gì là vô cớ tự nhiên xảy ra cả. Oán thù nên cởi bỏ chứ đừng gút mắc hoài mà nghiệp căn không trả hết. Nghe tới đây tự dưng Chờ nổi dóa nên xẳng giọng hỏi liền, căn nghiệp gì nằm thẳng Ngũ Hành đổ xuống đầu một đứa con gái yếu đuối như bà. Thầy Ba Von cười nói "tiên trách ngã rồi hậu hãy trách nhân". Nếu bà ngày xưa đừng theo lũ nó rong chơi đàn đúm thì làm gì xảy ra chuyện đêm hận má đào. Thầy khuyên bà nên hỉ xả cho quá khứ để nhẹ lòng bà mà cũng để trả hết nghiệp chướng tiền khiên, giữ hoài cái tâm sân hận chỉ thêm khổ mà thôi. Chờ nghe Thầy lý giải lần đầu hơi nghịch ý bà, nhưng những lần sau bà ngẫm nghĩ thấy lời Thầy quả chẳng sai, có giận hờn cho lắm thì chuyện cũng đã rồi, cũng tại bà giấu giếm con người thật nên khơi dậy tính dục trong lòng năm tên "tiểu yêu" ngày đó mới ra cớ sự hôm nay. Thôi thì ai là cha của thằng Duy

https://tieulun.hopto.org

cũng không quan trọng, miễn nó biết bà là mẹ nó là đủ rồi, bà nguôi giận từ lúc đó.

Cuộc đời bà cứ lặng lẽ trôi, Việt Nam thập niên 90 chỉ mới bắt đầu giai đoạn đổi mới nên hệ thống điện thoại chưa hoàn chỉnh khắp nơi, thỉnh thoảng bà nhận thư Duy từ Pháp gửi về rồi ngồi hý hoáy hồi âm cho nó để hôm sau đóng cửa tiệm nửa ngày đi bưu điện gửi thư cho con. Hôm nọ bà đi bổ hàng về cũng trên bến đò Lao Cai như ngày nào, một trận mưa thật lớn bất ngờ đổ xuống mà bà lại không mang dù, mang áo mưa theo. Về đến nhà bà đổ bịnh, ban đầu tưởng như cảm mạo thông thường nên bà còn ráng mở cửa tiệm bán buôn, nhưng chiều xuống bà nghe đầu nặng, mắt hoa, chân không đứng vững. Trời đã tối, hẻm nhỏ vắng người, bà định đi đóng cửa tiệm chợt loạng choạng ngã chúi về phía trước chẳng khác chi lần ngã của cơn say trong bàn ăn mừng thắng cá cuộc thuở nào. Có thể bà sẽ nằm dài trên sàn nhà rồi nhập thổ mà "đi" luôn không chừng, nhưng lúc đó thằng Thổ chẳng biết vô tình hay cố ý lại đi ngang đúng lúc, thấy bà nằm sóng xoài trên bậc thềm nhà, nó bước tới giựt tóc mai cho bà, nghe bà ú ớ, nó dìu bà đứng lên cho ngồi vào chiếc ghế dựa gần đó, với tay lên bàn nó rót cho bà tách trà đã nguội trong bình, tìm trên kệ tủ các món hàng bà bán, nó lấy chai dầu Nhị Thiên Đường mở nắp trút dầu vào tay xoa lên cổ, lên thái dương bà rồi bắt đầu vừa xoa vừa giựt. Lúc sau bà tỉnh hồn lại, nhìn người vừa cứu mình bà bỗng giựt mình, thằng Thổ, mà không, ông Linh – tên tộc của thằng Thổ - đây mà, phải kêu người ân bằng danh xưng đàng hoàng chứ lớn tuổi rồi không lẽ cứ kêu bằng nó.

Một vài người đi ngang tiệm tạp hóa lúc đó nếu tò mò nhìn vô họ sẽ thấy đôi mái đầu oan khiên hôm nào đang ngồi lại bên nhau để nhắc chuyện ngày xưa. Chờ nhìn một trong những kẻ hại đời mình đang giúp mình qua cơn nguy khốn, bà tự hỏi, đó có phải là định mệnh hay không. Linh đang nhìn lại nạn nhân của mình bằng tâm sám hối ăn năn. Mây trên trời khi trắng, khi đen, người trên đời làm sao tránh khỏi khi say, khi tỉnh, Linh để cho Chờ khóc lúc ông lúng túng hỏi han tình trạng bịnh tình của bà, để cho Chờ nghẹn ngào khi ông nói câu xin lỗi chuyện mấy chục năm xưa. Không nghe Chờ đối đáp tiếng nào Linh đứng dậy giã từ, ông biết, đâu phải chỉ vài giọt dầu xoa, vài câu xin lỗi mà "người ta" xóa tội cho mình, được ngồi lâu không bị đuổi ra khỏi cửa như những lần trước là may lắm rồi, ông đâu dám đòi hỏi nhiều hơn nữa. Trước khi bước ra khỏi bậc thềm nhà, Linh chợt quay lại, nhìn thẳng vào mắt Chờ ông nói nhanh như sợ không có can đảm nói lần thứ hai:

- Thằng Duy nó là con tui đó Chờ, cái lúm đồng tiền trên cái bớt đen sau mông nó tui cũng có y chang như vậy. Hồi trước má tui ẵm nó có thấy rõ và nói chắc chắn nó là con tui mà!

Nói xong Linh đi nhanh trong lúc Chờ ngẩn người khi nghe câu nói cuối. Chờ nhớ rất rõ cái lúm đồng tiền trên người Duy vì có mẹ nào không biết tì vết của con, Chờ nhớ luôn chuyện cha mẹ bà kể lúc Duy còn nhỏ mẹ của đám Ngũ Hành thường đến săm soi thằng bé như để tìm chứng tích dòng máu của nhà họ và bây giờ đen trắng đã rõ ràng, ít ra cuối cùng rồi thì bà cũng biết được cha của con trai bà. Đêm đó Chờ không ngủ, nước mắt thỉnh thoảng trào tuôn trên gối, bao năm trường làm mẹ nhưng có bao giờ bà biết được niềm vui ân ái, có bao giờ bà biết được thế nào là yêu thương chồng vợ, hơn nữa đời người bà vừa làm mẹ lại vùa làm cha, gồng gánh một mình kết quả của một trò đùa vô nhân. Oán hờn bà đã quên theo lời thầy Ba Von giảng dạy nhưng đâu phải sau cơn mưa nào nắng cũng sớm lên cao.

Qua hôm sau Linh lại ghé lúc không có ai, ông đứng bên ngoài nói vào giọng như chỉ đủ vừa cho Chờ nghe:

- Chờ đã thiệt khoẻ chưa? Có cần đi đâu tui chở cho.

Chờ làm thinh lúc đầu, sau đó bà hỏi, giọng cũng nhỏ vừa đủ Linh nghe:

- Ông có chắc thằng Duy là con của ông không?

Mắt Linh sáng hẳn lên, ông mừng rỡ:

- Chờ muốn coi cái lúm đồng tiền của tui không, tui cho thấy.

Chờ đỏ mặt như con gái lần đầu đọc tiểu thuyết diễm tình, bà trở lại tính ồn ào cố hữu:

- Lão già dịch, đừng có ham, tính dê không bỏ.

Nói xong bà ngúng nguẩy bỏ vào trong nhưng không xua đuổi. Linh cười vui như trúng số, nghĩ mình ở vậy mấy chục năm "đền tội" chắc cũng đủ để trời thương nên "bả" đã cảm động mà "ân xá" tội ngày xưa.

Thầy Ba Von hài lòng vô cùng khi thấy mấy lúc gần đây hẻm nhỏ có biến chuyển, ông nhớ một buổi sáng sớm vô tình thấy Linh từ tiệm tạp hóa bước ra khi tiệm chưa mở cửa, hóa ra những lời ông khuyên đâu phải là vô ích. Lối xóm trong hẻm cũng nhìn thấy ông Hai Linh xe Lam lúc sau nầy ra vô thường xuyên nhà bà Hai Chờ như cơm bữa. Riêng Chờ, từ đêm ông Linh đến để cho bà biết cái lúm đồng tiền trên người ông, bà hiểu "thằng Chờ" hồi đó quả thật vẫn còn chất đàn bà chứ không như chữ "văn" lót giữa mà cha mẹ bà đã đặt cho. Chính vì thế khi Duy báo tin đang làm đơn bảo lãnh cho bà sang Pháp bà đã viết thư gọi con về...

Duy trầm ngâm nghe mẹ kể, vừa thương cuộc đời gian truân của mẹ vừa nghi ngờ về chuyện cái lúm đồng tiền trên thân thể của chàng và ông Hai. Thời đại tân tiến đâu thể chỉ một dấu vết tương đồng để xác định thân thế cội nguồn, cần phải xét nghiệm DNA cho rõ trắng đen trước khi chàng kêu ông là "ba", chàng đã không có cha mấy mươi năm, nay chờ thêm thời gian ngắn nữa cũng đâu hại gì.

Ông Linh khi nghe đề nghị của chàng vội vã gật đầu ngay, một mẫu tóc của ông và Duy được đưa đến Viện Di Truyền xét nghiệm. Kết quả đúng thật Duy là con của ông Linh. Ngày cha con thật sự nhìn nhau ông Linh ôm vai con xúc động trong lúc bà Chờ nước mắt lưng tròng, phải đợi đến khi đầu bạc bà mới có được ngày vui này sao. Nhưng Duy trong tận cùng trái tim chàng không nghe sự rung cảm nào, chàng kêu người đàn ông gần như xa lạ tiếng "ba" bằng cả một sự dững dưng, cha người ta không sanh cũng dưỡng, cha của chàng không dưỡng chẳng cố tình sanh, chàng ra đời chỉ với một cơn vui tàn bạo trên thân xác của mẹ chàng thì thử hỏi tìm đâu được sự gần gũi trong ánh mắt của chàng. Mẹ chàng đã tha thứ cho ông, nhưng chàng, chuyện còn mới quá, làm sao nói được chữ thứ tha.

Hết hạn phép lưu trú Duy trở về Pháp, trước ngày chàng đi bà Chờ năn nỉ con về sống lại trên quê hương, gần gũi gia đình, Duy ngần ngừ, chàng không biết phải giảng nghĩa thế nào để mẹ chàng hiểu là chàng đang sống trên hai nẻo quê hương, quê mẹ thời thơ ấu cho chàng tiếng khóc chào đời và quê hương thứ hai nơi cho

https://tieulun.hopto.org

chàng tình yêu chồng vợ, nghĩa ân sâu nặng của cha mẹ nuôi và một cuộc sống bình an ổn định. Sống bên đây chàng nhớ bên kia, về bên kia chàng hoài vọng bên đây, cho dù bây giờ Hèlène không còn nữa nhưng bao kỷ niệm vẫn còn đầy và một công việc đảm bảo tương lai đâu phải dễ tìm giữa thời buổi khó khăn nầy, chàng không muốn mất nó. Có thể một ngày nào đó, tiếng gọi cội nguồn kêu chàng trở lại nhưng bây giờ hãy còn quá sớm để nói chuyện tương lai.

Linh và Chờ đưa con ra phi trường, mỗi người mang một tâm sự khác nhau. Trong cái ngổn ngang tâm sự đó có chung một điểm cùng tự trách mình. Linh trách sự hư hỏng của mình ngày xưa nên con cái không nghe ràng buộc nghĩa tình huyết thống. Chờ giận mình sai lầm khi đánh giá tương lai bằng sang giàu, vật chất lúc đem giao con cho người, Duy ngày nào như cây non mới bén mầm, bà đã cho nó trưởng thành trên xứ lạ chứ không phải trên đất quê hương, gốc rễ nó hấp thụ tinh hoa xứ người thì muốn nó trở lại đất xưa cũng cần có thời gian thay đổi. Bà đã thay đổi thành kiến với cha nó sau mấy mươi năm thì chuyện nó thay đổi ý định để trở về đâu phải là điều không thể, chỉ cần kiên nhẫn chờ đợi mà thôi...

Cuối năm đó Duy được thư và thiệp báo tin cha mẹ sắp sửa thành hôn, lễ cưới được tổ chức vào ngày mồng Một Tết. Linh và Chờ muốn ngày vui của họ hòa trong ngày hoán chuyển thời gian như cuộc tình chẳng có đoạn đầu của họ đã được hoán chuyển bằng tâm từ mà Chờ đã buông xả, thứ tha cho Linh để có đoạn hậu tuy muộn màng nhưng đầy yêu thương hạnh phúc. Ngoài chuyện lễ cưới của mình, Chờ muốn con về sớm để hưởng không khí Tết, để thấy lại hoa mai, hoa vạn thọ chưng bày trong miễu, thấy múa lân đi từ trong hẻm ra đến bến sông và ăn một cái Tết truyền thống đúng nghĩa. Chờ viết thêm "mẹ biết con thích ăn bánh ổ chiên giòn nên đã nhờ cô Oanh con bà Tư lối xóm làm xong gần chục ổ bánh chờ con về. Con nhớ Oanh không, con bé đi học tiểu học với con hồi xưa đó, nó vẫn chưa có chồng con à".

Duy mỉm cười xếp thư lại, cuối cùng rồi thì mẹ chàng cũng tìm được bến bình an, chứng tỏ cha chàng không hẳn là người hoàn toàn xấu. Chàng đến vuốt ve ảnh vợ trên tường, khẽ hỏi "Em cho phép anh về ăn bánh ổ cô hàng xóm cũ không Hélène?". Và hơn bao giờ hết tự dưng chàng nghe thèm một cuốn bánh tráng dưa giá, rau thơm chấm nước thịt kho hòa tương ớt vô cùng.

Huỳnh Ngọc Nga
(Torino, ITALIA – 20.11.2010)

Cà-phê Trúc Lâm

• **Thi Thi Hồng Ngọc**

Quán rất xinh xắn dễ thương bởi cách bài trí đúng như cái tên của nó: Vườn Trúc. Đâu đâu cũng thấy toàn tre và trúc, từ bàn ghế đến những bức tranh vẽ trên tường, những khóm trúc xanh tươi dọc lối vào và rải rác khắp nơi trong quán, thậm chí các cô nhân viên của quán cũng đều mặc áo dài trắng vẽ những cành trúc xanh phơn phớt nhìn rất thanh nhã. Cà phê Trúc Lâm nằm trong một con hẻm rộng, lúc nào cũng đông khách nhưng dân chúng quanh đó không bao giờ than phiền bởi vì Trúc Lâm lúc nào cũng êm ả, thanh bình, tất cả các khách khi bước chân vào đây đều chợt như cảm thấy tâm hồn lắng dịu, yên lành.

Bên cạnh quán cà phê chỉ ngăn lại với hàng trúc là Trúc Lâm đường, một thư viện Phật giáo với các băng đĩa, kinh, sách vừa có thể đọc, nghiên cứu tại chỗ, nếu ai thích thì đều được phát miễn phí, vừa là nơi châm cứu, chữa bệnh bằng thuốc Nam cho mọi người không lấy tiền. Trúc Lâm đường đặc biệt thanh tịnh luôn luôn thơm ngát mùi hương trầm, trên vách tường treo những bức tranh thiền, những bài thơ của các vị cao tăng thạc đức danh tiếng bằng cả chữ Việt, chữ Hán. Đặt rải rác trong phòng là những chiếc bàn uống trà theo kiểu Nhật, cũng có các vị Tăng Ni, Phật tử vào đây dùng trà hoặc ngồi yên lặng suy tư về những bài thơ, bài kệ trên tường.

Sâu vào trong còn có một gian phòng nhỏ lúc nào cũng vang lên niệm Phật từ các băng đĩa hoặc những bài thuyết pháp của các vị Hòa Thượng, nơi này dành cho các Phật tử chuyên tâm niệm Phật theo Pháp Môn Tịnh Độ, họ có thể lưu lại vài ngày nếu như họ muốn để tinh tấn tu tập. Căn phòng này được treo khắp nơi các bức tranh của Phật Di Đà, Tây Phương Tam Thánh khiến người vừa bước vào choáng ngộp, đầy cảm xúc như sắp sửa đến được cõi Tịnh Độ, rất gần với Phật rồi.

Đồ uống trong cà phê Trúc Lâm toàn là các loại sinh tố trái cây, cà phê, trà, tuyệt nhiên không hề bán bia rượu nhưng khách vẫn đông có lẽ bởi vì các thức uống được pha chế rất ngon, hợp vệ sinh và cũng nhờ tư cách của các cô tiếp viên nơi đây: nhã nhặn, hiếu khách nhưng không lả lơi, niềm nở, ân cần nhưng luôn giữ một khoảng cách lịch sự tối thiểu. Tất cả các cô đều được huấn luyện chu đáo, cung cách của họ đều thanh lịch, điềm đạm, đặc biệt là họ rất đoàn kết, quý trọng nhau. Chẳng bao giờ khách thấy họ tụ tập nói chuyện phiếm lúc rảnh rỗi mà hoặc chăm chỉ tìm việc làm, hoặc rút vào Trúc Lâm đường phụ giúp Thầy lang làm thuốc, đọc sách hoặc ngồi thiền.

Chủ nhân thật sự của quán là ai? không người nào biết rõ, tất cả nhân viên trong Trúc Lâm chỉ biết người

https://tieulun.hopto.org

quản lý, người mà tất cả đều nhắc đến với một lòng kính trọng, thương mến đặc biệt sâu sắc. Đó là một thiếu phụ nhỏ nhắn, xinh xắn không đẹp lộng lẫy nhưng dễ thương. Không ai đoán biết được chính xác tuổi cô là bao nhiêu bởi vì nhìn cô vừa có vẻ già dặn, từng trải, vừa có nét ngây thơ thánh thiện, vừa sắc sảo khôn lanh, vừa hiền lành chân thật, vừa uy nghiêm, vừa nhân hậu bao dung. Cô lại rất biết cách ăn mặc và phục sức, luôn thay đổi theo thời trang nhưng thanh lịch, dù có đôi lúc gợi cảm nhưng không ai chê trách rằng quá lộ liễu. Nhiều khách nữ đến Cà phê Trúc Lâm đều thích nghe cô nói chuyện hoặc tâm sự với cô hoặc âm thầm nghiên cứu cách phục sức của cô để về mua đồ giống như thế.

Mặc dù cô chỉ nhận mình là người quản lý linh hồn của cả quán. Mỗi lần cô xuất hiện, Trúc Lâm như bừng sáng lên một cách sống mãnh liệt, tươi vui và sôi nổi hẳn lên. Tất cả nhân viên trong Cà phê Trúc Lâm đều rất kính trọng, thương mến và thân thiết vị quản lý này bởi vì cô luôn ân cần quan tâm đến đời sống và tâm tư của họ, giúp đỡ họ khi cần thiết và thậm chí không bao giờ thất hứa dù chỉ là việc nhỏ. Không ai là không cảm động khi nghe cô dịu dàng hỏi han đến cả những người thân trong gia đình chẳng hạn như thế này:

- Bác Năm! Đầu gối bác hôm nay đã đỡ chưa? Cháu có nghe nói về một loại thuốc Nam tốt lắm cháu có mua về đây để tối bác dùng thử xem sao. Còn hộp thuốc bổ xương này cháu xin biếu hai bác mỗi ngày một viên sẽ giúp người cao tuổi chống loãng xương đó bác.

- Em Xuân! Chị tặng em xấp vải để em may áo cho mẹ vì chị biết tháng tới là sinh nhật của bác.

- Linh này! Sao buồn vậy? Có phải vì ba em mới vô bệnh viện không? Tối nay, cả quán cùng nhau mình đọc kinh Địa Tạng cho ba em nhé!

Thường thì cô chỉ ở lại vài tháng rồi chào tạm biệt mọi người ra đi, chẳng ai biết khi nào cô đến và đi nhưng cô luôn lưu lại trong tâm hồn họ một tình cảm sâu đậm, nên chẳng ai nỡ làm cô buồn dù cả lúc khi cô vắng mặt, mọi người đều tận tâm làm việc với cả tinh thần trách nhiệm.

Câu chuyện về cô quản lý của Cà phê Trúc Lâm luôn là đề tài sôi nổi của cả khách lẫn dân chúng quanh vùng, họ đều cho rằng chắc hẳn chủ nhân của quán còn đặc biệt kỳ dị lạ lùng hơn nữa. Chẳng ai thấy chồng cô bao giờ dù tay cô lúc nào cũng đeo nhẫn cưới, một chiếc nhẫn cưới sang trọng, xinh đẹp, lúc nào cũng sáng lấp lánh như báo hiệu bông hoa này đang có chủ.

Cà phê Trúc Lâm thật sự không đơn thuần chỉ là một quán nước mà còn có nhiều tổ chức rất kỳ thú. Cứ mỗi ngày rằm trong tháng, quán đều phát cơm chay miễn phí và nước uống cho khách vãng lai nhưng không phải vì cho không mà đồ ăn kém chất lượng, mà thật sự cả cơm lẫn các loại rau củ đều rất ngon và tinh sạch. Các cô nhân viên đứng làm việc này đều ân cần chắp tay niệm Nam Mô A Di Đà Phật trước khi đưa đồ ăn cho người, kẻ nhận cũng lễ phép chào lại như thế trước khi nhận lãnh, thành ra tiếng niệm Phật cứ vang vọng như thế từ sáng đến chiều, không có cảnh chen lấn, xô đẩy, không ồn ào huyên náo, thật cảm xúc vô vàn!

Không biết chủ nhân của quán có mục đích gì, nhưng chắc chắn không phải vì mục đích kinh doanh, cũng chẳng hoàn toàn vì lý do tôn giáo hay hoạt động văn hóa xã hội gì cả, nhưng có vẻ như lại làm tất cả những việc ấy một lúc và đều rất thành công. Người Việt có câu: „Làm chơi ăn thật", điều đó xảy ra hoàn toàn đúng với Cà phê Trúc Lâm. Ngày nào khách vào ra cũng tấp nập cả bên quán lẫn Trúc Lâm đường, nhưng mọi người nhân viên đều chẳng lộ vẻ gì căng thẳng, hối hả, vội vàng, họ ung dung từ tốn điềm đạm, niềm nở. Không ai đến Trúc Lâm mà không cảm thấy vui lòng dù họ phải ra về vì hết bàn hoặc đứng chờ bàn trống, họ đều được một cô tiếp tân mỉm cười tươi tắn, thân thiện hẹn gặp lại lần khác hoặc hỏi họ thích đọc báo gì để có thể làm họ bớt bực dọc. Trẻ con thì luôn luôn có món quà nhỏ gì đó hoặc bánh kẹo an ủi.

Mặc dù Trúc Lâm rất cần sự mở rộng mặt bằng, nhưng chủ nhân vẫn dành riêng một góc nhỏ sau quán có đủ cầu tuột, xích đu, ngựa gỗ và đủ các thứ đồ chơi cho trẻ con. Nhưng nếu muốn được vào nơi này, các cô cậu nhỏ phải tuân thủ hai điều kiện: một là không được tranh giành đồ chơi; hai là phải có cha hoặc mẹ vào cùng để coi chừng và cùng chơi chung với con, tình cảm gia đình thường được xây dựng và nảy nở từ những cuộc vui chung như thế. Chẳng bao giờ tốn tiền quảng cáo nhưng Trúc Lâm lại là nơi được dân sành điệu cho là một quán nước thanh lịch nhất Sàigòn.

Hôm nay là Rằm Trung Thu, cứ mỗi năm vào ngày này, quán lại đóng cửa ban ngày. Tất cả trẻ con đều được mời vào ăn bánh, uống nước ngọt, vui chơi thỏa thích và đều được tặng những chiếc lồng đèn xinh xắn. Chúng vui vẻ tụ tập bên nhau, cười đùa hồn nhiên không phân biệt giàu nghèo, địa vị xã hội. Ngày này, đoạn đường gần Trúc Lâm hay bị kẹt xe vì một sân khấu nhỏ được dựng lên cho trẻ con hát, kể chuyện, những tiếng hát ngây thơ trong trẻo của chúng làm mọi người ai cũng vui, như sống lại thời thơ ấu, quên hết đi ưu sầu khổ lụy của đời thường. Hội diễn cây nhà lá vườn này rất tự nhiên, trẻ con không hề được luyện tập trước một bài hát hay điệu múa nào, chúng thích thì bước lên sân khấu nhỏ và hát. Tuy vậy, cuộc vui văn nghệ này lại thu hút rất đông cả người lớn đến xem.

Kết thúc phần văn nghệ, tất cả đều có quà tặng, đám trẻ hớn hở cầm lồng đèn đi vòng quanh sân, cô quản lý mặc áo dài đứng giữa dạy chúng hát bài „Bóng trăng trắng ngà, có cây đa to....", tất cả đều hát theo đầy vui tươi, từ những đứa bé nhà giàu trong những bộ quần áo đắt tiền sang trọng đến những trẻ cơ hàn lam lũ rách rưới, bán vé số, đi ăn xin, đánh giày đều được đối xử bình đẳng, thân ái và trân trọng như nhau. Chúng trải qua một ngày tuyệt vời, tưởng như được lên cung trăng để gặp Chú Cuội thật sự rồi.

Buổi tối, khi ánh trăng bắt đầu xuất hiện, bất kể thời tiết nào, hội Tao Đàn rằm Trung Thu bắt đầu mở cửa. Hầu hết các nhà thơ trong thành phố đều biết Hội thơ Tao Đàn của Trúc Lâm. Không ít người trong số họ say mê phong thái thanh lịch, dễ thương của chủ nhân hội Tao Đàn, người đó không ai khác là cô Quản Lý của Cà phê Trúc Lâm. Thậm chí họ phải hy sinh thói quen hút thuốc trong một buổi tối chỉ để được bước vào Vườn Trúc nghe cô bình thơ, đọc thơ của... người khác, còn thơ của chính mình thì chỉ khi nào mọi người đồng loạt yêu cầu, cô mới chịu đọc một hai bài. Thơ của cô nhẹ nhàng, thấp thoáng hương vị Thiền man mác xa xôi nhưng không kém phần truyền cảm. Các nữ thi sĩ thì ngoài việc đến đây vì thơ, còn vì thích nhìn chủ nhân hội Tao Đàn trong những „mốt" áo dài cực kỳ sang trọng và duyên dáng. Ngay cả khi cô bước ra trong bộ áo lụa

https://tieulun.hopto.org

trắng, mái tóc dài đen óng ả tự nhiên, cô cũng đã là đề tài của bao bài thơ đang được các nam thi sĩ phóng bút trên trang giấy để lát nữa giả vờ để quên trên ghế lúc ra về.

Hội thơ kết thúc, các cô nhân viên vừa dọn dẹp, vừa nhặt nhanh các bài thơ ấy, đọc cho nhau nghe và cười rúc rích.

- Chị Ba! Hôm nay „nạn nhân" của chị coi bộ nhiều hơn năm ngoái à nha!

- Hình như họ không chịu nhìn thấy tay chị đeo nhẫn cưới hay sao ấy?

- Chị Ba coi nè! Ông nhà thơ này còn viết đêm nay về nhà chỉ còn xác, còn hồn thì chìm trong đôi mắt hồ thu của chị rồi.

- Năm nào tụi em cũng bị họ vặn hỏi chồng chị ở đâu? Bao giờ về đây? Có ai thấy chồng chị ra làm sao không? Bắt mệt ghê vậy đó!

Mỗi người một câu tíu tít, cô chỉ mỉm cười nhẹ nhàng bảo:

- Đây cũng là một bài học của cuộc đời đó nha! Các em có thấy không? Họ thích chị bởi vì bề ngoài của chị mà thôi, nếu chị là một cô bán vé số lam lũ ngoài kia thì dù tâm hồn chị có phong phú, đạo đức có cao vời độ nào, họ cũng đâu có biết. Các em nghĩ xem! Nếu ai đó yêu mình vì mình đẹp, sang, giàu, thông minh, giỏi giang thì đồng thời họ sẽ chán khi mình mất đi những điều ấy. Mà làm đàn bà thì làm sao lúc nào cũng lộng lẫy, yểu điệu thướt tha cho được. Buổi sáng, khi vừa thức dậy sau một đêm lo cho con cái hoặc tựa cửa chờ chồng đi đâu đó về muộn, các em có tưởng tượng mặt họ lúc đó ra làm sao không? Rồi khi tuổi xuân qua, da nhăn, tóc bạc, các ông chồng yêu vợ chỉ vì sắc đẹp, lúc ấy thái độ của họ như thế nào?

Mọi người im lặng, lòng đầy cảm xúc trước những lời nói đầy chân thành và sâu sắc đó. Nhưng trong suy nghĩ của họ, cô quản lý „chị Ba" này hình như chẳng bao giờ già mà mỗi năm hình như lại trẻ ra thêm một chút hay sao ấy.

Rồi Trung Thu nữa lại đến, Tết lại về, mùa nắng hết tới mùa mưa, Cà phê Trúc Lâm tấp nập đủ các hạng người. Sân khấu thiếu nhi vào đêm. Trung Thu thu hút người xem đến nỗi cảnh sát địa phương phải ra dẹp đường cho xe chạy. Người ta khóc trước những câu chuyện mà bọn trẻ nghèo kể về số phận bi đát của chúng, người ta cười vui vì những điệu múa, lời ca trong trẻo, hồn nhiên của đám trẻ. Có nhiều người đứng ra nhận những đứa bé mồ côi đem về nuôi dưỡng, có người mang quà đến tặng các ca sĩ nghiệp dư tí hon. Hội Tao Đàn tuy mỗi năm tổ chức có một lần nhưng cũng nổi tiếng không kém. Mọi người bàn tán về Trúc Lâm nhưng chẳng ai biết chủ nhân thực sự là người nào.

Hôm nay, cả quán lại tưng bừng đón cô Quản Lý về sau mấy tháng vắng mặt. Sự hiện diện của cô với đôi mắt tươi vui, khuôn mặt phúc hậu, nụ cười thân ái luôn mang lại cho mọi người niềm tin yêu và một sức sống mới. Ai cũng có quà, kể cả chú mèo tam thể Ti Ti và chú cún Lu Lu mà mấy cô nhân viên trong quán „lượm" được ở đâu đó đem về. Hai con vật nhỏ cũng chạy ra, quẩn quít dưới chân cô làm thành một cảnh tượng vui nhộn và cảm động. Cô ân cần hỏi thăm sức khỏe và hoàn cảnh gia đình từng người, tuyệt nhiên không hề đả động gì đến công việc và thu nhập của quán, bởi vì cô biết và tin tưởng các nhân viên của mình, họ luôn gắng sức gấp đôi mỗi khi cô vắng mặt bởi vì họ thương mến và nể nang cô, vì trong tâm tưởng họ, cô luôn ở đó, không bao giờ xa cách.

Vườn Trúc càng xanh tươi, cảnh thanh bình êm ả, nhu hòa, yên tĩnh của quán thu hút càng ngày càng đông đảo đủ các hạng người trong xã hội, những lời đồn đãi vang xa để rồi một ngày đẹp trời... hắn đến.

Hắn đến trong cặp kính đen to tướng trên mặt, áo Pull màu xám có in hàng chữ bằng tiếng Anh „Đời tôi là của tôi" màu đen, quần jean bạc màu bụi bặm, hắn thật sự gây chú ý cho mọi người khi bước chân vào „Cà phê Trúc Lâm".

Hắn kéo ghế, vẫy gọi một cô tiếp viên đặt một ly „Expresso" mà chẳng thèm mở thực đơn xem quán có món „Expresso" đó hay không nữa. Cô tiếp viên cũng chẳng vặn hỏi lại mang đúng thức uống mà hắn yêu cầu cứ y như „Expresso" đã có từ xa xưa và hắn là một khách quen của tiệm này.

- Cô chủ quán có ở đây không hả em?

Hắn hỏi, giọng nhẹ nhàng êm ái khác hắn với bề ngoài bặm trợn, ngang tàng.

- Dạ! Tụi em không biết chủ quán này là ai, chỉ biết có một chị Quản Lý mà thôi, nhưng chị không thường xuyên ở đây, thỉnh thoảng mới đến thôi.

- Bộ cô đó không phải người vùng này sao?

- Dạ không!

- Cô ta là người ở đâu vậy? Em có biết không?

- Dạ! Không biết.

- Sao kỳ vậy?

- Sự thật là như vậy, tất cả mọi người trong quán đều không biết Chị Ba ở đâu?

Hắn im lặng trầm tư, lâu lắm rồi hắn không bước chân vào một quán cà phê nào đặc biệt thanh lịch, yên tĩnh và đầy an lành như thế này. Và cũng lâu lắm rồi, hắn không uống lại thứ đồ uống quen thuộc có mùi vị đặc biệt hệt như những ngày xa xưa ấy, ngày mà hắn cùng „cố nhân" lang thang mỗi cuối tuần trên phố đông, dạo qua công viên xinh đẹp và chui vào một quán cà phê nhỏ yên tĩnh của thành phố Düsseldorf hoa lệ. Từng giọt Expresso đăng đắng thơm thơm như đi thẳng vào tận tiềm thức làm kỷ niệm của những ngày xa xưa đẹp nhất trong đời tưởng như đã băng giá giờ chợt ấm ấm sống dậy trong hồn.

Hắn từ từ gỡ cặp mắt kính ra, một đồ vật không biết từ bao giờ đã giúp hắn che giấu bộ mặt thật và những cảm xúc thật hiển lộ qua đôi mắt, một đôi mắt sâu thẳm, lợi hại khi nhìn ai thì người đó cứ như bị mất hết cả tự chủ. Cô tiếp viên vừa rồi vô tình đi ngang qua và suýt nữa làm đổ khay nước bưng cho bàn bên cạnh khi nhìn thấy khuôn mặt của hắn: một người đàn ông thật điển trai, mũi thẳng, miệng tươi, mắt sáng với hàng mi dài đẹp như... con gái. Hắn ngồi bình thản uống từng ngụm cà phê rất nhỏ nhưng không hề hút thuốc như những dân ghiền cà phê khác. Cái cách nâng ly lên và rồi lại để xuống sau khi nhâm nhi của hắn nhìn rất giống một người làm cô nhân viên âm thầm chú ý đến hắn hơi băn khoăn vì những câu hỏi với thái độ đặc biệt kỳ dị của hắn về người chủ của Cà phê Trúc Lâm.

Giữa trưa mà vườn trúc rất mát mẻ, tiếng nhạc nhẹ nhàng êm đềm đâu đó vọng ra làm khung cảnh càng thêm lãng mạn, trữ tình. Hắn gọi thêm một ly rồi lại một ly nữa, mơ màng lơ đãng nhìn khóm trúc xanh tươi trước mặt, rồi lại ngắm nghía lọ hoa hồng tươi đặt trên bàn.

https://tieulun.hopto.org

„Hồng Nhung", đó là là loài hoa mà cả hắn lẫn „cố nhân" đều yêu thích, yêu vì hương thơm quý phái, vì vẻ đẹp kiêu sa của hoa, kiểu cách cắm hoa này; một bông duy nhất trong chiếc lọ trắng con con làm tôn vẻ đẹp của hoa, nhìn đơn giản mà dễ thương gợi lại trong hắn những hình ảnh kỷ niệm dịu dàng về một nơi nào đó xa xăm lắm có hồ nước trong xanh, xa xa là núi trắng mờ mờ, dọc bờ hồ trồng toàn hoa hồng đỏ.

Dưới hồ, đàn vịt trời, thiên nga nhởn nhơ bơi lội, bên hồ, đám bồ câu, hải âu thong thả dạo chơi, cảnh thanh bình thơ mộng xiết bao, như một bức tranh, như một bản nhạc không lời du dương, êm ái. Trên chiếc ghế đá cạnh khóm trúc xanh ven hồ, một đôi tình nhân ngồi sát bên nhau, yên lặng ngắm nhìn hoàng hôn từ từ buông xuống. Thiếu nữ tựa đầu vào vai người yêu, chàng đưa tay ôm ngang lưng nàng không có gì để nói, ngôn ngữ lúc này không đủ để diễn tả được cảm xúc thật sự đang dào dạt trong hồn. Chỉ có lời nói âm thầm từ hai trái tim yêu đang cùng chung một nhịp đập.

Cuốn phim dĩ vãng quay mãi không ngừng, hình bóng „cố nhân" ẩn ẩn hiện hiện: đôi mắt to đen mơ mộng như một hồ nước long lanh, mái tóc dài đen nuột nà, thướt tha. Hắn nghiến răng cố xua đuổi cái hình ảnh dĩ vãng đau thương và đẹp đẽ ấy, tim hắn thắt lại, trời! Đó là một đôi mắt đẹp và buồn đôi khi nhìn hắn với những giọt lệ trong veo não lòng. Hắn ôm đầu thở ra, trời ơi! Biết bao giờ hắn mới quên được ? Đâu phải trước và sau „nàng", hắn không có những mối tình, những người con gái xinh đẹp và trẻ trung hơn, quyến rũ hơn. Nhưng tình yêu cao thượng và tinh khiết của nàng dành cho hắn thật sự đi vào tận sâu thẳm của tôn hồn, không có một ai yêu hắn như thế và được hắn yêu như thế. Văng vẳng bên tai lời mẹ hắn nói ngày nào khi hắn quyết định đi thật xa tìm kiếm một cuộc phiêu lưu mới.

- Cuộc đời con đã qua rất nhiều cuộc mạo hiểm long đong rồi, nếu như con muốn dừng lại để tìm chút gì đó bình an hạnh phúc trong đời thì má tin là cô gái đó sẽ giúp được con vì má thấy cô ta thật đặc biệt hơn người.

Mẹ hắn nói đúng vì „cố nhân" đặc biệt quá, hoài bão quá, dù nàng che giấu sự thông minh bằng cách rất mực khiêm tốn giản dị nhưng tài hoa vẫn cứ lồ lộ xuất sắc hơn người. Không! Hắn là một phàm phu tục tử, hắn không thể sống chung với thánh nhân được, hắn cần sự thần phục hoàn toàn, thà là lấy một người dốt nát thật sự hơn là có một người vợ biết thật tất cả những khuyết điểm của chồng tận chân tơ kẽ tóc nhưng lại cố tình như không có gì cả. Nàng không phải là người yêu đầu tiên, mối tình đầu của hắn là một cô gái Ba Lan học cùng lớp trung học, xinh như mộng. Một thứ tình đầy dục vọng sớm nở tối tàn, chẳng để lại dư âm gì đặc biệt, trong cái thế giới Tây Âu tự do phóng túng này loại tình yêu thanh cao, trong trắng, thuần khiết không có trong tự điển, người ta yêu nhanh và cũng chán nhanh, con cái chẳng là sợi dây ràng buộc mà thành nợ phải mang.

Đời hắn lang thang như dân du mục, năm mười lăm tuổi, hắn bỏ nhà đi lần đầu tiên khi biết cha mẹ quyết định ly dị nhau. Hắn cuối cùng về sống với mẹ bởi vì bà mới có thể cung phụng cho cậu con quý một đời sống vật chất đầy đủ. Mẹ hắn vừa đẹp, vừa giỏi giang tháo vát, chính vì vậy, tính hiền lành an phận cù mì cục mịch của cha hắn làm bà càng ngày càng chán nản. Bà đi bước nữa với một người đàn ông đúng như mơ ước, tiếc thay ông lại sớm qua đời bởi căn bệnh ung thư bị phát hiện ra quá muộn màng. Cha hắn thì vẫn ở vậy nhưng hình như cuộc đời của ông lại có vẻ bình an và hạnh phúc hơn xưa. Ông tha hồ nghiên cứu các loại sách đạo đức học của Khổng Tử, Mạnh Tử, rồi đến Kinh Dịch và khi ông tình cờ lên chùa và gặp gỡ một vị cao tăng thì lại xoay qua đọc các loại sách triết học Phật giáo, chính vì sự việc này làm cải đổi hoàn toàn tư tưởng sống gần hai phần ba cuộc đời của ông. Hắn mừng là cha mình đã tìm thấy con đường an lạc cho riêng ông nhưng trong tâm tưởng, hắn không thông cảm và hiểu được vì bận đủ thứ việc khác trên đời mà hắn cho là quan trọng gấp vạn lần bỏ thời gian ra mà ngồi thiền dù chỉ mười phút. Những chuyện ly kỳ tiếp nối nhau xảy ra làm hắn hơi suy nghĩ nhưng rồi mau chóng lãng quên.

Chuyện thứ nhất là sự quay về của cha mẹ hắn bắt đầu khi bà gặp lại chồng cũ trên chùa vào ngày cúng thất cho... chồng mới. Phong thái khoan hòa, tự tại, niềm an lạc tràn đầy lộ trên nét mặt của ông làm bà cảm động, thoáng chút ăn năn. Họ nói chuyện với nhau như hai người bạn cũ lâu ngày không gặp, không ai nhắc đến những kỷ niệm buồn xa xưa. Cả hai như những người mới yêu lần đầu, làm lại một cuộc sống khác, thiện duyên này khiến bà bỏ hết cả những công cuộc kinh doanh lớn nhỏ, sống cuộc đời thong dong tìm niềm vui nơi việc tìm hiểu và thực hành Phật Pháp.

Chuyện nhiệm mầu thứ hai là sự ra đi của cha hắn mà quý Thầy gọi là „vãng sanh", suốt cả đời hắn chẳng bao giờ thấy có một cái chết nào lại „đẹp" và bình an như thế. Cha hắn biết trước ngày ra đi, ông nằm đó niệm Phật, khuôn mặt ôn hòa, không lộ vẻ đau đớn vì căn bệnh hành hạ. Tiếng niệm Phật của các thân hữu và của quý Thầy liên tục không ngớt, mẹ hắn không khóc, bà cũng niệm Phật, bình tĩnh và nghiêm trang. Trong bầu không khí như thế, hắn không thể cho rằng đây là một trò tà kiến mê tín tầm thường được vì cha hắn ra đi rất nhanh, miệng mỉm một nụ cười thanh thản, một ánh sáng an lành chan hòa tỏa khắp căn phòng, một thứ ánh sáng êm dịu, nhẹ nhàng không thể nào diễn tả được. Lo hậu sự cho cha hắn, mẹ hắn bảo:

- Má cũng muốn được như ba con nhưng má biết vì con, má sẽ không „đi" được như vậy.

- Tại sao lại vì con ? Nếu má nói vậy, con sẽ đi thật xa, cho má khỏi mong chờ con nữa thì má được như ba chớ gì ?

- Con lầm rồi. Con muốn đi thì cứ đi, má không cản được con. Nhưng mình là mẹ con, dù con có xa cỡ nào, má cũng không bỏ con được.

Hắn hiểu, nhưng không chấp nhận được, ngày xưa khi mẹ hắn quyết định ký giấy ly dị, hắn đã hận và ghét bà, khi bà có chồng mới, hắn càng xa cách với mẹ mình hơn. Dù bà có tốt, lo lắng cho con đến đâu, với hắn những hành động kia vẫn là bà đã „bỏ" hắn, không thể tha thứ được. Hắn học giỏi, đẹp trai, thông minh xuất sắc hơn người, thừa hưởng tất cả những tốt đẹp của cả cha lẫn mẹ, trong tâm tư hắn muốn vượt qua cái bóng bao bọc to lớn của mẹ, phải giỏi hơn, giàu hơn và sang trọng, hưởng thụ hơn bà mới cam lòng. Rồi hắn gặp nàng, ban đầu thì quyết định „cua" cho bằng được vì nàng tỏ ra hờ hững, lạnh nhạt, dù nàng rất quý trọng mẹ hắn và thường xuyên đến thăm nom, săn sóc, trò chuyện với bà. Nàng vừa đẹp, vừa giỏi như mẹ, vừa ưa đọc sách như cha hắn, nàng là sự tập trung tất cả những mối yêu, ghét nhất trên đời của hắn. Nhưng trái với mục

https://tieulun.hopto.org

tiêu ban đầu, càng gần gũi nàng, hắn từ từ nhận ra hắn càng yêu nàng say đắm...

*

Giọt cà phê cuối cùng cũng hết, hắn đưa tay móc ví đếm lại số tiền ít ỏi rồi tặc lưỡi đặt thêm một ly nữa, chưa có nơi nào, chưa bao giờ và chưa lần nào hắn được uống cà phê ngon như hôm nay, như chỗ này và như bây giờ, không hiểu sao hắn cảm thấy lưu luyến nơi này như không muốn rời xa.

Thành phố lên đèn, một cô tiếp viên đến bên hắn dịu dàng lịch sự nói:

- Dạ! Thưa anh, quán của tụi em chỉ mở đến 7 giờ tối thôi, xin phép anh cho em được tính tiền.

Hệt như cảm giác của một gã công tử đang phóng chiếc xe đời mới như bay trên xa lộ đột nhiên bị cảnh sát đuổi theo chận lại, hắn bực tức nhìn cô gái, cao giọng:

- Bộ tiệm của các cô không cần khách, không cần thu nhập hay sao?

- Có chứ! Tiệm của tụi em dĩ nhiên là cần tiền nhưng không vì tiền.

Hắn choáng váng, ngẩn ngơ, câu nói này nghe quen quá, có ai đó đã từng nói với hắn như thế nhỉ? Phải rồi, chính là nàng, chính vào cái ngày cuối cùng khi hắn đề nghị nàng đi theo hắn trong cuộc sống mới "Anh bảo đảm cho em một cuộc sống huy hoàng, đầy đủ, bên anh, em sẽ không bao giờ phải lo lắng về tiền, anh nói thật đó, em tin không?". Nàng trả lời hệt như câu nói vừa rồi của cô tiếp viên cà phê Trúc Lâm.

Cơn giận tan biến, hắn xuống giọng:

- Nhưng cô không thể đuổi khách đi nếu như họ vẫn chưa uống xong ly nước mà họ phải trả tiền.

- Dạ! Không sao đâu! Anh cứ từ từ uống hết ly nước này và nếu anh không muốn trả tiền cũng được.

Cô nói, nét mặt ôn hòa, không đổi sắc:

- Dù sao Cà phê Trúc Lâm cũng rất hân hạnh đón tiếp anh trở lại bởi vì tất cả khách đến đây đều được trân trọng như những người quân tử.

Hắn sửng sờ không thể ngờ được một thiếu nữ nhìn có vẻ hiền lành, chất phác mà lời nói lại sắc sảo và hoa mỹ đến như thế. Xung quanh mọi người đã ra về hết, một số đi sang Trúc Lâm đường. Quang cảnh đột nhiên vắng lặng lạ thường, hắn cảm thấy buồn buồn hiu quạnh khi ngồi một mình giữa quán vắng mênh mông. Sau khi thanh toán tiền tất cả những ly cà phê đã uống và để lại một số tiền „puộc-boa" hậu hỷ trên bàn, hắn uể oải đứng dậy. Về nhà ư? Hắn chẳng có cảm giác nơi nào đó thật sự là nhà cả. Cuộc đời rày đây mai đó, sống với những phi vụ hái ra tiền, hưởng thụ tất cả những của ngon vật lạ trên đời nhưng hình như chẳng bao giờ hắn có một mái ấm đúng nghĩa dù là đi đến đâu hắn cũng có một tình nhân và một vài người được hắn ưu ái tặng cho cả một căn nhà. Nhưng cuộc sống quá đầy đủ, phong lưu cũng làm hắn mệt mỏi và chán nản chẳng biết tại sao nữa. Cho đến một ngày tất cả vận xui dồn dập đến một lượt, cổ phiếu mất giá, thủ hạ phản bội, tình nhân trở mặt, bệnh tật liên miên để rồi cuối cùng hắn bị mất trắng, mất sạch sành sanh. Hắn đã từng khinh bỉ ra mặt những nàng ca-ve, những cô gái bao dù là ở hạng cao cấp vì theo sự suy nghĩ của hắn tất cả bọn họ chỉ là một thứ đồ chơi mà đàn ông bỏ tiền ra là mua được, tất cả hạng đàn bà như thế phần lớn đều sống vì tiền và dục vọng chứ không có chút tình người. Trớ trêu thay lúc suy tàn, mạt vận, hắn lại sống nhờ vào một ả ca-ve đứng tuổi, lỡ thì mà cô ta lại là tình nhân của một tay giám đốc lắm tiền già sụ. Những ngày ông già này đến thì hắn phải lang thang đi tìm quán trọ rẻ tiền nào đó tạm nương thân. Sống một cách lây lất, nhục nhã như thế, hắn cảm thấy mình như đang ở tận đáy vực thẳm, cuộc đời như vất cho ruồi bâu, quạ rỉa cho rồi. Nghĩ đến cái quán trọ nghèo nàn, bẩn thỉu, chật chội tại một nơi heo hút mà hắn sắp sửa phải về và ngồi chong đèn cả đêm với một bình trà nhỏ, căn bệnh mất ngủ từ bao giờ hành hạ hắn đêm đêm. Bước chân lang thang vô hình kéo hắn vào Trúc Lâm đường từ lúc nào mà hắn cũng không ngờ đến. Mọi người đang đọc kinh chăm chú, hắn ngạc nhiên nhận thấy đây là một buổi cầu kinh tối nhưng không hề có một vị Hòa Thượng, Đại Đức nào làm chủ lễ như các ngôi chùa bình thường khác. Dù sao, tiếng kinh cầu ngân nga, ánh đèn cầy tỏa sáng lung linh soi rõ cả gian phòng ngan ngát mùi trầm hương thanh tịnh cũng làm tâm hồn hắn chợt dịu lại, bớt khổ đau. Hắn ngước nhìn lên phía chính điện, nơi đó chỉ treo độc một bức tranh vẽ Tây Phương Tam Thánh thật to và thật sống động, các Ngài cũng như đang nhìn hắn đầy xót thương, thông cảm, an ủi, bao dung và như thấu hiểu tất cả nỗi niềm của hắn trong lúc này.

Sau thời tụng kinh là nghe pháp, một màn ảnh nhỏ được dựng lên nhanh chóng. Hôm nay, mọi người được nghe một bài Pháp thoại ngắn của Hòa Thượng Tuyên Hóa, một vị cao tăng Trung Hoa thời cận đại, Ngài đã viên tịch từ lâu nhưng những bài Pháp thoại của Ngài vẫn được truyền lại và rất được nhiều thính chúng đầy cảm kích. Hắn ngồi lắng nghe chân thành, tự nhiên, ngoan ngoãn chẳng cần một chút cố gắng nào bởi vì hắn không hề bị bắt nghe, vì tiền, vì nể nang ai hay đơn giản chỉ vì giết thời gian mà phải nghe. Từ từ từng lời, từng câu, từng chữ như những dòng nước mát ngọt ngào chảy qua cánh đồng từ lâu khô cằn nức nẻ vì hạn hán lâu ngày, như vị thuốc êm dịu xoa vào vết thương lòng đang nhức nhối đau đớn ngày đêm của hắn.

Bài giảng chấm dứt, mọi người chắp tay lễ Phật lui ra, Trúc Lâm đường lại đột nhiên vắng ngắt chỉ còn lại mình hắn lẻ loi cô độc, ngồi yên lặng mãi ở một góc tối. Một cô nữ Phật tử đến gần dịu dàng hỏi:

- Anh có muốn mượn cái băng đĩa này về nhà nghe không? Nếu anh thích, chúng tôi vui lòng tặng.

- Cô không sợ „mất" luôn cái đĩa này sao?

- Nếu chúng tôi „mất" mà anh „được" một điều gì đó tốt lành trong cuộc sống thì điều đó cũng đáng lắm chứ.

Hắn đâm nể thật sự và không hề ngờ tại một cái quán nước bình thường này lại có những người con gái vừa đẹp, vừa có tư cách lại vừa ứng xử khôn lanh đến như vậy. Tính tự cao tự đại ngấm vào máu từ lâu giờ như đang bị „hạ huyết áp", hắn ngập ngừng, lần đầu tiên hắn nói chuyện với đàn bà với giọng gần như quỵ lụy này.

- Tôi xin lỗi làm phiền các cô đóng cửa muộn, nhưng đêm nay tôi thật tình không muốn về nhà. Chẳng có ai chờ tôi và nơi đó cũng chẳng thể gọi là „nhà" được. Nếu tôi xin các cô một đêm ở lại nơi này, không biết mọi người có đồng ý không?

Cô gái nhìn hắn một lúc, ánh mắt đầy thông cảm, thương hại làm hắn chợt cảm thấy mình như con mèo ướt đi hoang chợt tìm thấy một bếp lửa hồng ấm cúng nào đó vậy.

- Anh chờ chút! Tôi đi hỏi bác Năm quản gia.

https://tieulun.hopto.org

Lát sau, một ông già trạc độ lục tuần, tóc bạc, nét mặt khắc khổ nhưng rất hiền từ, chẳng hỏi han thêm câu nào, ông nhìn hắn một thoáng rồi từ tốn hỏi:

- Cậu đã ăn uống gì chưa?

- Cám ơn bác! Cháu không đói.

- Vậy đi theo tôi. Đằng kia là phòng tắm, căn phòng nhỏ này để cậu nghỉ tạm, chăn mền đã đầy đủ. Trong phòng tắm cũng đủ các vật dụng cần thiết. Thôi! Chúc cậu ngủ ngon. A Di Đà Phật.

- A Di Đà Phật! Cháu rất cảm ơn bác.

Hắn cũng chắp tay cúi đầu chào lại ông già lòng cực kỳ cảm động, lần đầu tiên trong đời hắn niệm được câu Phật hiệu với tất cả tấm chân thành như thế. Lâu lắm rồi, kể từ ngày sa cơ thất thế, đâu có ai đối xử với hắn một cách ân cần đầy tình người như vậy. Đây là đâu? Tại sao mọi người ở đây đều có tinh thần đạo đức khác thường và họ lại có thể tin tưởng dễ dàng một kẻ lạ hoắc thân sơ thất sở như hắn? Đây phải chăng chỉ trong giấc mộng thường lặp đi lặp lại của hắn về tình nhân ái, lòng bao dung, tính thông cảm giữa người và người? Hắn chợt nhớ đến cha mẹ, ngày mẹ hắn qua đời, hắn đã ở một nơi rất xa và chỉ về sau khi bà đã được an táng tại một nghĩa trang nhỏ nơi xứ lạ quê người. Những người quen và bà con đến dự thuật lại cho hắn nghe: Người lo cho mẹ hắn từ đầu đến cuối và luôn túc trực bên bà đến lúc bà thở hơi cuối cùng cũng chính là nàng. Nhưng khi hắn về tìm để ngỏ lời cảm ơn thì nàng biến mất không một dấu vết gì, chỉ để lại một lá thư vỏn vẹn một câu: Khi anh thật sự hiểu được thế nào là tình người thì ngày đó mình sẽ lại gặp nhau.

Thẩm thoát đã mười năm trôi qua kể từ dạo ấy, mười năm huy hoàng, tiền bạc như nước nhưng hắn vẫn không sao hiểu được cái gì gọi là „thật sự tình người", chẳng phải có tiền là mua được tất cả sao? Chẳng phải người ta cũng phải có tiền mới làm được việc từ thiện hay sao? Một người xuất sắc mà trong tay không có tiền thì làm được trò trống gì? Nhưng ở đây, tại quán cà phê Trúc Lâm này, họ đã làm đủ thứ việc từ thiện xã hội nếu thật sự chỉ trông chờ vào thu nhập của quán bán đến bảy giờ tối thì làm sao trang trải được chứ? Thật là lạ lùng!

Tắm rửa sạch sẽ xong, bụi trần rũ sạch, hắn bước vào căn phòng nhỏ với một tâm hồn nhẹ nhõm thư thái. Căn phòng thơm ngát mùi hương trầm, khắp nơi trên tường treo tranh của Phật Di Đà, làm cho cả gian phòng như chói lọi trong vầng hào quang khi ánh đèn vừa bật sáng. Hắn sửng người choáng váng mất mấy phút mới trấn tỉnh lại được, trong góc phòng có một cái giường bằng tre đơn sơ nhưng có vẻ chắc chắn, nhìn rất dễ thương. Ở cuối phòng có một ngách nhỏ được che bởi một tấm mành trúc. Lưỡng lự một lát, hắn bước vào, gian phòng nhỏ ấy rất tối và không hề có công-tắc điện, hắn quay trở ra loay hoay tìm được diêm và nến. Ánh nến lung linh tỏa sáng gian ngách nhỏ, trên tường treo độc một bức tranh truyền thần thật lớn, bức tranh sống động, dưới ánh đèn, người trong tranh tưởng như sắp sửa bước ra ngoài. Hắn quỳ sụp xuống, nước mắt nhạt nhòa, nức nở:

- Má ơi!

....

Ngày... tháng... năm...

Anh thương yêu !

Khi anh đọc những dòng chữ này thì chúng ta thật đã xa nhau lắm rồi. Chúng ta hữu duyên vô phận nên không bao giờ có cơ hội sống mãi bên nhau. Tình ta như bảy sắc cầu vồng lung linh thật đẹp nhưng không bao giờ nắm bắt được, nhìn thấy đó nhưng không thật sự hiện hữu trên đời. Ngày xưa, em YÊU anh, bây giờ em THƯƠNG anh, tình vẫn thế, cảm xúc thì đã khác đi rồi.

Em bắt đầu câu chuyện của chúng ta vào một chiều thu mơ mộng xa xưa, em đã yêu anh ngay từ khi gặp anh lần thứ nhất tại nhà má anh (sau này bà thành người mẹ nuôi yêu quý... của em và em cũng rất vui khi gọi bà là má). Anh đến, gật đầu chào em và mỉm cười, nhìn anh thật hào hoa phong nhã, đầy nam tính nhưng không hiểu sao em không thể mỉm cười với anh lúc đó được bởi vì em biết anh rất „nguy hiểm", ai được anh yêu và ai bị anh yêu đều chết như nhau cả. Em không muốn chết sớm nên khôn ngoan nhất, em nghĩ là nên tránh xa anh càng sớm càng tốt. Anh nói vài câu xã giao thông thường rồi rút vào nhà trong, có lẽ anh thấy em lạnh nhạt quá. Còn em vội vã cáo từ ra về để má và anh tự nhiên vì em biết anh lâu lâu mới đến thăm má một lần, còn bà thì lúc nào cũng mong nhớ anh lắm lắm. Má của mình (em nói vậy có làm anh giận không?), một phụ nữ thật đặc biệt mà em biết trong đời. Từ một người sành sỏi trong việc kinh doanh và giao tế xã hội trở thành một Phật tử thuần thành, xả bỏ hết mọi phù phiếm thế gian, sống nhân từ và giản dị (duy có một điều đến lúc lâm chung bà không bỏ được đó là anh, người con trai duy nhất yêu quý của bà). Anh không bao giờ ngờ được má thương anh đến độ nào có phải không? Anh trách và giận chỉ vì má ly dị với ba anh và bước thêm bước nữa. Thật ra chuyện ấy cũng chỉ vì anh mà thôi. Ba anh, cả đời sống thanh bạch, ưa viết lách, đọc sách, nghiên cứu triết học nào là Kinh Dịch, Tử Vi, sau này ba còn bảo với má rằng anh thông minh xuất chúng thật đấy nhưng thiếu đức thì hậu vận sẽ rất xấu. Chỉ có một cách sửa đổi vận mạng là anh chọn con đường tu hành hoặc trở thành một nhà từ thiện chuyên làm những việc giúp đỡ tha nhân quên mình vì người. Má bực tức lắm trước những lời nói đó của ba và tuyên bố anh sẽ là một nhà đại kinh doanh lớn, giàu sang, danh vọng hơn người. Tiền bạc của cải làm được tất cả, vận mạng do mình quyết định chứ chẳng có số phận nào định đoạt. Rồi má lao vào các công cuộc làm ăn, việc nào bà cũng thành công rực rỡ còn ba chẳng hề quan tâm và tham gia vào mọi công việc ấy. Khoảng cách giữa hai người ngày một xa bởi hai tư tưởng và hai cách giáo dục con cái hoàn toàn khác dù hai người đều thương yêu anh hết lòng. Má sợ anh ảnh hưởng ba, anh sẽ đi tu, mất đứa con trai duy nhất là lẽ sống của cả đời bà nên khi gặp dượng, người đàn ông lanh lợi, tháo vát đúng như ý thì bà rời bỏ ba anh và bắt anh đi theo. Má dạy cho anh không thiếu một thứ gì, anh trở thành đúng như ý má muốn, nhưng anh vẫn bỏ đi xa, thật xa! Bây giờ anh đã về đây, ngồi dưới bóng mát của vườn trúc này, em nói một sự thật quan trọng cho anh biết: Tất cả những cơ ngơi sự sản này đều thuộc về anh. Em đã chờ anh mười năm rồi, làm đúng như lời di huấn của má: Xây dựng quán nước và Trúc Lâm đường này, quán cà phê này lôi kéo bước chân hiếu kỳ của anh, còn Trúc Lâm đường là nơi chuyên làm tất cả những việc từ thiện để cầu nguyện cho anh có ngày quay về. Ngày má mất đi, chẳng để lại cho anh cái gì, bà nói với mọi người rằng tất cả tiền bạc được dành cho việc chữa bệnh và cho các hội từ thiện bởi vì má biết nếu có để lại vào tay anh thì cũng có một ngày trôi ra sông biển mà thôi. Nhưng em biết anh

https://tieulun.hopto.org

chẳng cần đến gia tài của má bởi vì vốn là một người thông minh nhạy bén tự anh cũng tạo ra cho mình một sự giàu có, vật chất đầy đủ rồi. Sự thật thì lúc sinh tiền, má để dành một số tiền rất lớn dù bà làm từ thiện cũng không ít. Má giao lại toàn bộ cho em và dặn dò:

"Con à! Má rất hối hận đã từng giáo dục sai lầm đứa con trai duy nhất của mình, rồi nó sẽ có một kết cuộc rất bi thảm đúng như lời ba nó tiên đoán trước xưa kia. Một ngày nào đó, nó sẽ đứng chênh vênh trước vực thẳm của cuộc đời điêu đứng vì tính tình tự cao, tự đại, thích hưởng thụ và đam mê sắc dục. Người mà má tin tưởng là sẽ cứu được nó trong cuộc đời này không ai khác là con. Tất cả số vàng này má giao cho con, đừng lo lắng sợ hãi, má biết, cả đời con chưa bao giờ biết kinh doanh, buôn bán và cầm trong tay số tiền lớn như thế này, má hứa sẽ giúp đỡ con, luôn ở bên và bảo hộ cho con.

Rồi má chỉ bảo em mở quán Trúc Lâm như thế nào, tại địa điểm nào thích hợp, cách tạo dựng Trúc Lâm đường ra làm sao? Lần đầu tiên, em đã vội vàng từ chối vì cảm thấy trách nhiệm này to tát quá mà em thì vụng về, non nớt sợ cáng đáng không nổi sẽ làm phụ lòng của má. Nhưng phút cuối cùng, má lại bảo nếu em không hứa nhận, má không yên lòng ra đi, em đã khóc và hứa. Khi mình chia tay nhau lần cuối, em tiễn anh ra phi trường, ngày đó má vẫn còn khỏe và anh thì nhất định đi làm ăn xa một là thử thời vận, hai là muốn chứng tỏ khả năng của mình sẽ vượt qua cái bóng vĩ đại của má, anh sẽ giỏi và giàu hơn. Ngày ấy, em đã biết vĩnh viễn mình sẽ không còn gặp nhau nữa, mình hệt như ba má ngày xưa, hai tư tưởng, hai lối sống hoàn toàn khác biệt, có gặp chăng chỉ ở điểm vô cực mà thôi. Em yêu anh rồi vì má mà thương anh, vì những kỷ niệm đẹp như mơ của chúng mình, vì những tháng ngày bên nhau êm đềm và hạnh phúc xa xưa, vì nghĩ rằng nếu có một chút chủng tử thiện lương trong tâm hồn rồi thế nào anh cũng quay về. Em cố gắng gầy dựng Trúc Lâm với công sức giúp đỡ của rất nhiều người tốt thật sự, mỗi khi gặp khó khăn gì, em van vái má và trong giấc mơ bà lại về chỉ bảo cho em. Khi Trúc Lâm đã vững vàng, em thường quay về lại Âu Châu tìm việc làm thêm vì không muốn sống nhờ vào thu nhập của Trúc Lâm, em giữ gìn mọi thứ lại cho anh vì tất cả là của anh, anh yêu dấu! Tất cả mọi giấy tờ sở hữu nơi này đều nằm trong nhà băng X và đều để tên của anh.

Em đi nhé! Hy vọng anh sẽ có những ngày an lạc nơi này như em ngày xưa, em yêu mến Trúc Lâm và tất cả mọi người ở đây, bởi vì họ tận tâm tận lực và thương mến em nhiều lắm. Em chỉ xin anh có một điều duy nhất nếu có lòng nghĩ đến em thì hãy đối xử tốt với mọi người một cách thân tình như trong một gia đình, quan tâm và thông cảm họ, tình thương bao giờ cũng đem lại hạnh phúc cho chính mình. Anh hãy thực hành đi và trải nghiệm xem lời em nói có đúng hay không? Đồng tiền đúng là có quyền lực rất lớn trên thế gian này nhưng không bao giờ nó mua được một tình yêu thật sự thanh cao trong trắng. Có lẽ bây giờ anh đã hiểu ra điều đó rồi.

Tối qua, má về mỉm cười nói với em rằng má cảm ơn em nhiều lắm rồi sau này hai mẹ con đều sẽ gặp lại nhau nơi cõi Phật, một nơi không có đau khổ và hận thù, không có sân hận, ô nhiễm, giấc mơ đó với em thật là đẹp. Cố gắng lên anh nhé! Phật Pháp thật nhiệm mầu, Phật Pháp không hoàn toàn chỉ là một tín ngưỡng tôn giáo mà là sự giáo dục trí tuệ, nếu anh chịu khó tìm hiểu, thực hành, đời anh sẽ an lạc thật sự, thiên đường ngay tại nơi tâm anh chứ không phải ở nơi xa xôi nào khác.

Tình yêu rất đẹp nhưng thứ tình yêu đầy vị kỷ, đầy dục vọng kết cuộc chỉ đem lại cho người ta sự đau khổ mà thôi. Anh có thấy một tình yêu đẹp nào được người đời ca tụng mà không mang dấu vết thương đau không? Em đã từng yêu anh say đắm, điên cuồng (thật đó, em chẳng ngại gì mà nói điều đó với anh lúc này). Nhưng càng yêu, em toàn thấy mênh mông biển sầu, khổ sở, đau đớn, thậm chí hận thù thêm thôi. Nhờ Phật Pháp nhiệm mầu, nhờ những tháng ngày an lạc, thanh bình nơi Trúc Lâm này mà em thấu rõ hơn thế thái nhân tình ở thế gian này và từ từ thoát khỏi lưới tình lồng lộng bủa vây em bao tháng ngày qua. Sự an lạc này là một thứ hạnh phúc tuyệt vời mà anh có lẽ không thể nào hiểu được dù em có giải thích ra sao đi nữa.

Thấm thoát mười năm đã trôi qua, em đã chờ đợi anh mười năm rồi, cuộc đời sao như một giấc mộng, chẳng mấy chốc chúng ta sẽ già đi và cái „ngày cuối cùng" ấy có muốn tránh cũng không thể nào thoát khỏi, sống sao thì thác vậy. Nếu phần còn lại của cuộc đời, anh sống đầy lòng từ tâm, chịu khó tu tập, trưởng dưỡng nhân lành, cuối cùng anh sẽ được như ba anh ngày xưa vậy. Đừng lo lắng gì cho em, cũng không cần cảm ơn, bởi vì chính em rất biết ơn anh, nhờ anh, em thực tập được một cách sống mới, bước chân vào một cánh cửa khác của cuộc đời và thật sự tìm được hạnh phúc thật sự nơi chính trái tim mình.

Chúc anh có một đời sống mới vui vẻ, an lạc nơi Trúc Lâm, nếu có lòng nhớ đến em thì làm một việc tốt gì đó cho mọi người, dù ở bất cứ nơi nào, em vẫn sẽ tiếp tục cầu nguyện cho anh...".

Hắn đặt bức thư xuống bàn, những giọt nước mắt làm nhòe đi hàng chữ nắn nót xinh xinh. Khi ngẩng lên, hắn thấy bác Năm quản gia, chính là ông già mấy tối trước cho hắn nghỉ tạm ở gian phòng nhỏ và tất cả nhân viên của Cà phê Trúc Lâm, mắt người nào cũng đỏ hoe. Họ khóc cho một tâm hồn đầy tình người đã không còn lưu lại nơi này nữa, như một cây trụ chính của một tòa nhà, linh hồn của cả quán, nàng là tất cả niềm tin yêu và lẽ sống của mọi người. Bác Năm mở lời:

- Cô chủ có về đây! Chính cô đã săn sóc cậu suốt mấy ngày đêm cậu đau bệnh mê man. Khi cậu bình phục và nhận ra mọi người thì cô lặng lẽ bỏ đi sau khi tha thiết dặn tụi tôi ở lại hết lòng giúp đỡ cậu như ngày xưa giúp cô vậy bởi vì cậu chính là chủ nhân của Cà Phê Trúc Lâm này. Nhưng có lẽ cậu cho tôi xin về quê, tuổi tôi đã già rồi, chắc không kham nổi công việc nữa.

- Còn tụi em cũng xin phép được nghỉ bởi vì không ai ở lại mà có tâm trí làm việc được khi nhớ đến chị Ba, chị tốt với tụi em ghê lắm.

Một cô tiếp lời xong rồi khóc nức nở, những người còn lại cũng rơm rớm nước mắt sụt sùi khóc theo. Hắn nhìn mọi người đầy thương mến và thông cảm, nàng nói đúng, cuối cùng thì hắn cũng hiểu được thế nào là tình người thật sự, một thứ tình mà không thể dùng tiền mà mua được. Đột nhiên, tâm hồn hắn dạt dào một tình cảm mới lạ, một ý tưởng đến rất nhanh như một tia chớp băng ngang. Hắn đứng dậy nhẹ nhàng từ tốn nói với mọi người:

- Xin hãy yên tâm. Tôi sẽ cố gắng tìm lại cô trở về vì chính cô mới là chủ nhân thật sự của Trúc Lâm và... của cả tôi nữa... ■

https://tieulun.hopto.org

Dạ Quỳnh nhớ, lúc cô thức giấc thì cái đồng hồ trên bàn mới chỉ bốn giờ sáng. Tối hôm trước, cô y tá trực đêm kéo màn còn để hở một khoảng, nên nằm trên giường Dạ Quỳnh vẫn nhìn ra thấy được bầu trời đen thẫm thưa thớt những ngôi sao nhấp nháy cô đơn. Tự dưng Dạ Quỳnh thầm hỏi, ngôi sao nào là ngôi sao chiếu mệnh của mình đây nhỉ? Chắc phải là một ngôi sao thật nhỏ bé và yểu mệnh. Còn ba tiếng nữa Dạ Quỳnh sẽ được đem lên bàn mổ lấy bướu trong đầu ra: Một khối u nằm giữa hai bán cầu não phía sau ót, gần kênh cột sống đang lớn dần, đè lên các trung tâm thần kinh khiến Dạ Quỳnh từ sáu tháng nay không chỉ nhức đầu như búa bổ mà đôi khi còn mờ mắt, một nửa mặt thỉnh thoảng mất cảm giác và đi đứng bị mất thăng bằng. Lúc đầu cô cứ tưởng do mình máu thấp và công việc trong văn phòng bảo hiểm dồn dập, gây áp lực nặng nề đến độ cơ thể bị suy nhược, nhưng khi những triệu chứng kể trên ngày càng xảy ra liên tục, khiến Dạ Quỳnh không dám coi thường mà phải lấy hẹn đến khám tại khoa thần kinh. Kết quả như một bản án tử hình: Cái bướu chưa lớn lắm nhưng nằm sâu bên trong, dẫn đến việc mổ xẻ sẽ vô vàn khó khăn, nguy cơ tử vong trong khi mổ rất lớn. Còn cứ để như thế thì Dạ Quỳnh chỉ còn sống trên dưới một năm...

Sau khi rời bịnh viện ra, cô đã lang thang trong công viên suốt cả buổi chiều hôm đó. Những hàng cây phong Nhật Bản rực đỏ như những đốm lửa nổi bật lên rừng lá vàng hiu hắt sau lưng, một đôi thiên nga âu yếm rúc mỏ vào cổ nhau bơi chầm chậm trên mặt hồ yên tĩnh còn sót lại hồi dạo hè vài bông sen hồng phấn dịu dàng, tạo ra một khung cảnh vào thu đẹp đến mê hồn bao người đang thong thả đi dạo. Riêng có Dạ Quỳnh với tâm trạng tuyệt vọng đến cùng cực, chỉ muốn gào thét cho vơi nỗi đau bi thống đang cuồn cuộn trong lòng ngực, trời ơi, đây là mùa thu cuối cùng của đời mình hay sao? Đầu óc cô rối bời như một cuộn len bị tháo tung nhưng chỉ vỏn vẹn quanh quẩn có mấy đầu mối: *Tại sao lại là tôi? Tôi đã làm trọng tội gì mà thượng đế lại trừng phạt tôi khủng khiếp đến như thế, tôi chưa kịp sống qua nửa đời người mà! Chưa kể, cuộc sống của tôi bây giờ đâu chỉ của riêng tôi, tôi cần phải sống để lo cho con gái tôi, nó đang rất cần mẹ!* Nhiều người đi dạo ái ngại cho người thiếu phụ trẻ mặc đồ trắng, với gương mặt đầm đìa nước mắt ngồi thu mình sau đồi hoa cúc tím, họ dừng chân lại hỏi thăm và có người đề nghị đưa cô về nhà, có lẽ họ sợ cô tự tử nhưng nào họ có biết, cô đang thèm được sống biết là bao.

Mãi cho đến khi điện thoại trong xắc tay reo liên tục mới kéo Dạ Quỳnh trở về cuộc sống. Lili liếng thoáng:

- Mẹ đang ở đâu vậy?

Dạ Quỳnh bối rối:

- Mẹ... đang ở trong công viên.

Lili ngạc nhiên:

- Mẹ đi với ai ?

- Với Olivia.

Lili phụng phịu:

- Mẹ nói dối con. Olivia vừa ở đây ra. Mẹ có việc gì không ổn phải không? À, hôm nay mẹ đi chụp hình đầu, bác sĩ họ bảo sao hả mẹ?

Tới đây thì Dạ Quỳnh chịu hết nổi, cô vỡ oà như một con đê già cỗi khi mùa lũ đến. Hai mẹ con cùng nức nở trong máy. Một lúc sau, Lili là người bình tâm trước:

- Mẹ cứ ngồi yên ở đó nhé, con đến đón mẹ ngay.

Những ngày sau đó trong căn nhà vốn tràn ngập tiếng cười của hai mẹ con trở nên u ám như có người vừa nằm xuống. Lili ôm mền gối qua ngủ với mẹ, đêm nào hai mẹ con cũng chìm vào giấc ngủ với những giọt nước mắt chưa kịp khô trên mi. Sáng ngủ dậy con bé truy cập ngay vào mạng để tìm kiếm những thông tin về bịnh tình của mẹ. Dạ Quỳnh xin nghỉ làm đã đành, Lili cũng xin nghỉ học, nó bảo không yên tâm đến trường vì có đến cũng không còn đầu óc nào tập trung cho việc học. Bác sĩ điều trị khuyên Dạ Quỳnh nên dùng kết hợp hai phương pháp xạ trị và hóa trị để trì hoãn sự phát triển của khối u, nhưng việc phẫu thuật lại khiến ông ngần ngại vì nguy cơ tử vong rất lớn. Chỉ sau vài lần đi điều trị, cả mái tóc nhung mượt của Dạ Quỳnh đã rụng hết như lá mùa thu. Hôm nào ở nhà thương về là hôm đó cô liệt giường ê ẩm suốt cả tuần tưởng chừng không gượng dậy nổi. Lili không chịu ngồi yên chờ tử thần đến cướp mẹ của nó. Con bé ra sức thuyết phục, dìu mẹ ngồi dậy đi khám hết từ bịnh viện này sang bịnh viện khác. Những bịnh viện mà nó trao đổi từ các trang diễn đàn trên mạng, nơi đâu có bác sĩ nhiều kinh nghiệm trong việc mổ xẻ bướu não là con bé sốt sắng xin đến gặp. Họ đã đi đến ba, bốn bịnh viện của những thành phố lớn và cuối cùng họ quyết định mổ ở Heidelberg, một bịnh viện đại học lừng lẫy khắp cả nước Đức.

Đó là vì để cho con an lòng, Dạ Quỳnh nhắm mắt ký tất cả đơn từ bằng lòng chịu phẫu thuật, chứ trong những ngày tháng âm u này, cô thấy số mệnh của mình hình như đã được cao xanh an bài xong xuôi cả rồi. Bây

https://tieulun.hopto.org

giờ cô nghĩ đến con nhiều hơn. Lili mới là quan trọng đối với cô trong lúc cô còn lo được cho nó. Chỉ vài tháng trước đây thôi, Dạ Quỳnh còn được chăm chút cho con gái từ những việc nhỏ nhất như pha trà làm điểm tâm cho con bé mỗi sáng trước khi đến trường, nhắc nhở con mặc thêm áo ấm trong những ngày mưa gió, còn giờ đây thì chính Lili lại săn sóc mẹ một phút không rời. Đúng là cái gì người ta cũng có thể trao tặng nhau nhưng sức khỏe thì không. Trong những ngày nằm liệt, cái tàn tạ của thân xác không làm Dạ Quỳnh đau đớn bằng viễn cảnh Lili sẽ mồ côi mẹ nay mai. Bao nhiêu là trằn trọc từ chuyện tài chánh, chỗ dựa tinh thần, lúc ốm đau, ai sẽ lo toan cho Lili kể từ đây?

Còn một chút an ủi, Dạ Quỳnh thấy mình cũng có may mắn vì biết trước ngày từ biệt cõi đời để còn sắp xếp bao nhiêu là công việc như viết di chúc, thủ tục ủy quyền, giấy má đơn từ... để đỡ gánh nặng sau này Lili khỏi bấn loạn trước cả rừng giấy tờ mà từ bấy lâu toàn do một tay mẹ nó đảm nhận. Chuyện quan trọng cuối cùng là Lili sẽ sống với ai về sau. Dạ Quỳnh muốn Lili sẽ đến sống với bố và mẹ kế nhưng Lili cương quyết không bằng lòng vì nó vô cùng căm ghét mẹ kế. Lúc nào có mặt bố thì bà ta giả vờ ngọt ngào, tử tế, chứ bố vừa đi ra khỏi nhà rồi thì bà ấy kiếm cớ nói bóng nói gió như muốn tống cổ Lili đi cho khuất mắt. Bố Lili có đến hai cái nhà thuốc tây rất đông khách, vậy mà người mẹ kế lúc nào cũng nơm nớp mỗi khi thấy Lili đến thăm bố. Bà ta ra vào háy nguýt con riêng của chồng, cứ như sợ Lili tới giành giật chia phần của cải cơ ngơi của hai đứa con bà. Ngược lại thì có, lúc hai đứa em khác mẹ của Lili còn bé, không thể cùng cha mẹ về Việt Nam thì bà mẹ kế vờ vĩnh đóng vai dịu dàng nhỏ nhoi, mang con qua nhờ Dạ Quỳnh trông nom ròng rã 3 tuần để bả về Việt Nam du lịch mà không biết điều gửi một đồng tiền chợ nào cả! Dạ Quỳnh nhớ, lúc đầu thấy Lili cự nự, cô còn biện hộ cho bà ta về Việt Nam tốn kém trăm thứ, nên phải tiết kiệm. Nhưng đến khi bà ta qua lại và khoe khoang là kỳ về này đã gom tiền mua được mấy miếng đất rất đẹp ở ngoại thành giá mấy tỷ làm Dạ Quỳnh chưng hửng. Vì vậy giờ đây, mặc cho Dạ Quỳnh cứ theo thuyết phục, máu đào hơn ao nước lã con à, Lili vẫn nhất quyết, thà nó đến ở với cha mẹ bảo trợ người Đức hoặc vào nhà nuôi dưỡng thanh thiếu niên còn hơn ra vào nhìn bộ mặt điêu ngoa, giả dối của mẹ kế.

Gia đình Quỳnh còn ở hết bên Việt Nam, bên này chỉ có hai anh em nên cuối cùng chắc Lili phải về sống nhà cậu chứ đâu hơn nữa. Chị dâu Quỳnh mới sinh cháu nên mời mẹ Quỳnh sang du lịch để chị đi làm trở lại khi con chị còn quá bé bỏng. Mẹ Quỳnh gần 70 nhưng vẫn còn rất dẻo dai. Anh và chị dâu Quỳnh đi làm cả ngày giao ba đứa cháu lóc nhóc, chưa đứa nào đến 10 tuổi cho bà trông nom đưa đón cơm nước từ sáng đến tối. Nhận được hung tin, mẹ đến ngay với Quỳnh. Ngồi đâu là bà sụt sùi đó: *Lá vàng chưa rụng mà lá xanh đã lìa cành. Giá mà người ta đòi thay tim thay máu thì mẹ cũng cho để con tiếp tục sống, chứ mẹ sống tới đây cũng đủ rồi.*

Mưa ngàn đời cứ trên trời rơi xuống nên mẹ trút vào Dạ Quỳnh bao nhiêu, bây giờ đến phiên Dạ Quỳnh truyền xuống cho Lili bấy nhiêu. Dần dà cô thấy hết oán trách thượng đế mà thản nhiên chấp nhận căn bệnh quái ác đến với mình: Chết là hết, ưu phiền đau đớn gì cũng triệt tiêu. Người chết rồi sẽ miên viễn nằm xuống, sẽ ngủ một giấc ngủ ngàn thu yên tĩnh, chỉ người sống mới còn cảm nhận được nỗi mất mát vật vả trước sự ra đi của người mình thương yêu.

Ngày hôm trước, Lili vào thăm mẹ trước cuộc phẫu thuật vào sáng sớm hôm sau. Hai mẹ con cứ đứng ôm nhau không nói một lời. Còn bao nhiêu điều muốn dặn dò mà không sao thốt lên được. Bao nhiêu nước mắt đã đổ thành sông thành biển cũng không vơi nỗi buồn. Nắng đã tắt cuối trời, mùa đông nên trời mau tối, nhà ai thấp thoáng đã lên đèn. Quỳnh thấy qua khung cửa sổ, dưới ánh đèn vàng ấm cúng, cả gia đình quây quần bên bàn ăn. Hai đứa bé không chịu ăn dĩa mình mà cứ chọc thìa vào dĩa nhau, người cha vừa đi làm về, tay xoa đầu con, tay quàng quanh mình vợ kéo sát vào lòng. Dạ Quỳnh thèm cái hơi ấm gia đình đó biết là bao. Dạ Quỳnh cũng đang ôm con trong lòng nhưng cái ý nghĩ: *Lần cuối cùng* khiến tim cô đau thắt lại. Cô nghe tiếng của mình đang nghẹn ngào:

- Có thể mẹ không qua khỏi ca mổ này nên mẹ muốn nói với con lần cuối là mẹ yêu con vô cùng.

Con bé nước mắt ròng ròng nhưng vẫn cứng rắn:

- Mẹ đừng nói gở, con tin mẹ sẽ qua khỏi mà. Con đã xin nói chuyện với ông bác sĩ mổ cho mẹ và ông nói với con là ông ấy đã mổ gần cả ngàn ca bướu não mà chỉ vài ba ca do bịnh nhân đã lớn tuổi hoặc lúc khám phá ra mình bị bướu thì quá trễ nên mới không qua khỏi được mà thôi.

Con bé ôm chặt mẹ nói tiếp:

- Ngày nào con với bà ngoại cũng đọc kinh Dược Sư Lưu Ly cầu cho mẹ tai qua nạn khỏi. Bao giờ mẹ mổ xong, ba bà cháu mình ăn chay một năm mẹ nhé. À, mẹ biết không, cái cây hoa nhật quỳnh bà ngoại mang qua cho mình sáu tháng trước bây giờ sắp ra hoa rồi đó. Nó có một cái nụ to lắm, bà ngoại nói nay mai là nó nở thế nào cũng có điềm lành. Nhật quỳnh khác với dạ quỳnh là nó nở ban ngày, để được cả tuần và có màu đỏ rực rỡ . Trong khi dạ quỳnh chỉ có một màu trắng ngần và nở về đêm, chỉ 2,3 tiếng đồng hồ rồi tàn. Mai mốt nhật quỳnh nở con sẽ cắt ra đem vào đây, lúc nào mẹ tỉnh, tha hồ ngắm.

Dạ Quỳnh hôn con thật lâu. Lâu như ngày xưa lúc Lili còn sơ sinh, nằm trên bàn thay tả, hai tay cầm hai chân đút vô miệng, cô đã hôn lên tóc, lên má, lên bụng, lên gan bàn chân con, thấy chỗ nào cũng thơm, cũng muốn cắn. Vừa hôn con, cô vừa nghiến răng để khỏi bật ra tiếng khóc bi ai, thống khổ.

Người ta đẩy Quỳnh vào phòng mổ. Căn phòng sáng trưng và cả đội ngũ bác sĩ y tá thân thiện hỏi thăm, chúc lành cô. Dạ Quỳnh nhớ lời mẹ dặn, cô nhắm nghiền mắt và lẩm nhẩm đọc chú thỉnh cầu Phật Bà Quan Thế Âm. Người bác sĩ gây mê vuốt má và thì thầm bên tai Quỳnh: *Tôi tiêm thuốc mê cho bà đây, chúc bà qua được ca mổ.* Dạ Quỳnh thiếp đi. Cô thấy hình ảnh của mình trong ngày đầu tiên đến trường, mẹ mặc cho cô một cái áo đầm trắng thắt một cái nơ to rất xinh sau lưng; rồi cô đang săm soi trước gương trong cái áo dài trắng ngày đầu lên trung học; rồi bao khách mời trầm trồ khen ngợi cô trong bộ váy trắng của ngày cưới rạng ngời hạnh phúc; tự dưng đèn đuốc tắt ngấm, Dạ Quỳnh lại thấy mình mặc áo sô đang lướt qua những hang động thạch nhũ mờ tối, âm u thăm thẳm nối tiếp. Trong hang, có vô vàn ngõ ngách khiến Dạ Quỳnh hốt hoảng phân vân. Tự nhiên có một ánh hồng mờ ảo như làn khói hiện lên phía xa xa vẫy gọi. Thế là cô quyết định đi về hướng đó.

https://tieulun.hopto.org

Khoảng cách càng lúc càng thu ngắn lại, Dạ Quỳnh nhận ra đi dẫn đường là một nàng tiên xiêm áo đỏ rực lộng lẫy như những cô vũ nữ Ba Lê. Rồi nhà cửa đủ màu, phố sá đông đúc, cây xanh quen thuộc dần dần hiện lên hai bên đường thay cho khung cảnh xám xịt trong hang. Nàng tiên cười tươi tắn nắm tay Dạ Quỳnh đến trước một căn phòng. Vừa mở cửa, nàng tiên vừa nghiêng đầu nghịch ngợm đố:

- Chị có biết đây là đâu không?

Dĩ nhiên là biết, vì Quỳnh đang đứng trong phòng khách nhà mình mà. Phòng nhỏ nhưng bày biện thanh lịch với những kệ sách đầy ắp xen lẫn những hình tượng nghệ thuật mà hai mẹ con cô đã khổ công sưu tầm mua sắm trong mỗi lần ra nước ngoài du lịch. Trời tờ mờ sáng mà Lili và mẹ Quỳnh đã ngủ dậy. Hai bà cháu ngồi uống trà đợi hoa nhật quỳnh đang từ từ hé mở. Lili hăm hở kể:

- Bác sĩ nói ca mổ kéo dài từ bảy giờ sáng đến năm giờ chiều mới xong. Nhưng nói chung đã rất thành công, mẹ con được đưa lên phòng hồi sức rồi. May chỉ là một cục bướu lành tính nên sẽ không bị di căn. Trưa nay mẹ con sẽ tỉnh, con sẽ cắt hoa nhật quỳnh đem vào cắm trong phòng mẹ con, chắc mẹ con thích lắm.

Mẹ Quỳnh trầm ngâm:

- Ở nhà ông ngoại con trồng đủ thứ hoa, nhưng thứ hoa ông yêu nhất là dạ quỳnh vì nó mong manh đài các, chỉ nở về đêm và khi trời sáng là tàn ngay. Do đó mà ông ngoại đã đặt tên cho mẹ con là Dạ Quỳnh. Ngày ấy bà phản đối ông dữ lắm vì sợ có điềm yểu mệnh vận vào cho mẹ con nhưng ông không nghe. Nội việc mẹ con chỉ yêu màu trắng, áo quần toàn màu trắng không đã là tang tóc rồi. Giá mà 40 năm trước người ta lai giống được hoa nhật quỳnh đỏ thì bà quyết sẽ đổi tên cho mẹ con ngay.

Lili ngã đầu vào vai bà ngoại:

- Mẹ con tai qua nạn khỏi kỳ này về nhà con sẽ không cho làm gì cả vì bà ngoại biết rồi đó, tính mẹ con sạch sẽ ngăn nắp vô cùng. Con hứa con sẽ bỏ tật làm biếng, dọn nhà dọn cửa cho mẹ con được yên lòng nghĩ ngơi...

Thấy Quỳnh nước mắt rưng rưng, nàng tiên áo đỏ thì thầm bên tai cô:

- Từ nay chị đừng khóc nữa nhé vì chỉ toàn là những ngày vui trước mắt mà thôi. Trời gần sáng rồi, em phải đi đây, chào chị Dạ Quỳnh của em.

Có tiếng Lili trầm trồ:

- Ôi bà ngoại xem, tia mặt trời rọi tới, hoa nhật quỳnh rực lên như tỏa sáng, đẹp quá bà ơi.

⁂

Sáu tháng sau Dạ Quỳnh đã hoàn toàn bình phục. Mọi trật tự trong cuộc sống của hai mẹ con đã dần dần trở về như xưa chỉ có điều Lili thấy có vài sự thay đổi nơi mẹ là Dạ Quỳnh bắt đầu mua thêm những chiếc áo đỏ tươi vui treo trong tủ áo và thường xuyên chăm bón xới đất cho cây nhật quỳnh, nâng niu âu yếm lau bụi cho từng chiếc lá vô cùng trìu mến.

• Trần thị Hương Cau

(Tháng 11.2011)

Thông Báo

Tham Dự Khóa Huân Tu Thiền Tịnh Song Tu & Hành Hương Đài Loan và Hồng Kông (11.04.–02.05.2012)

Nhằm tạo điều kiện cho Phật Tử Việt Nam được kết duyên với Phật giáo Đài Loan, chúng con/chúng tôi sẽ tổ chức một chuyến hành hương và tham dự Khóa Thiền Tịnh Song Tu từ ngày 11 tháng 4 đến ngày 2 tháng 5 năm 2012. (Xem chi tiết ở trang nhà: www.viengiac.de)

Ngày 11.04.2012 - Quý Phật tử lấy xe lửa ICE từ địa phương của mình đi đến phi trường quốc tế Frankfurt, gặp phái đoàn tại quầy Check-in của hãng Cathay Pacific trễ nhất vào lúc 11.00 giờ. Sau đó đáp chuyến bay CX288 khởi hành lúc 13:55 giờ đi Hong Kong; và tiếp tục trên chuyến bay CX530 đến Đài Bắc.

Ngày 12.04.2012 - đến phi trường quốc tế Trung Chánh, Đài Bắc; chiêm bái Từ Hàn Tự, đảnh lễ nhục thân của Ngài Hàn Sơn; chiêm bái Thừa Thiên Thiền Tự...

Ngày 13.04.2012 - chiêm bái tu viện Pháp Cổ Sơn...

Ngày 13, 14, 15 và 16.04.2012 - Huân tu tại Pháp Cổ Sơn

Ngày 16.04.2012 – tham quan trung tâm văn hóa Nghi Lan

Ngày 17.04.2012 - tham quan công viên quốc gia Thái Lổ Cát

Ngày 18.04.2012 - chiêm bái Tự Viện Từ Tế:

Ngày 19.04.2012 - tham quan công viên quốc gia Khẩn Định

Ngày 20.04.2012 - chiêm bái Phật Quang Sơn, tham quan vịnh Tây Tử, cảng Cao Hùng...

Ngày 21.04.2012: đi A Lý Sơn tham quan Chùa Nguyên Hanh với quả chuông nặng 7 tấn, Chùa Siêu Phong và hồ rồng.

Ngày 22.04.2012: đi Sĩ Đầu, trên đường ghé tham quan du ngoạn Đầm Chị Em, nhóm cây thần mục, gỗ ba đời.

Ngày 23.04.2012: thăm viếng Trung Tâm Đài Thiền Tự, đầm Nhật Nguyệt nổi tiếng trong các truyện của Quỳnh Giao

Ngày 24. đến 26.04.2012: du ngoạn thắng cảnh đảo Peng Hu

Ngày 27.04.2012: thăm Tòa Kỷ niệm Tưởng Giới Thạch, Chùa Long Sơn, Bảo tàng Cố Cung, chiêm bái Tượng Di Lạc cao 57 mét, du ngoạn chợ đêm Sĩ Lâm...

Ngày 28.04.2012: tham quan thành phố và tự do mua sắm

Ngày 29.04.2012: Sau khi dùng sáng đi thăm các hòn đảo Island, Kowloon và những địa điểm mới được xây dựng, tham quan Victoria Peak, Repulse Bay, ngư làng Aberdeen, Chùa Wont Tai Sin và Chùa Man Po.

Ngày 30.04.2012: Tham quan Lantau, sử dụng xe chạy bằng giây cáp để du ngoạn, thăm viếng làng Ngong Ping và Tu Viện Po Lin, nơi thờ Đại Phật.

Ngày 1.05.2012: Tự do nghỉ ngơi, du ngoạn và mua sắm. Sau ăn tối họp phái đoàn, đúc kết, chia sẻ cảm tưởng. Tối lấy chuyến bay lúc 23:55 bay trở về Frankfurt hoặc trụ xứ.

Liên lạc và ghi danh: Thích Hạnh Giới – Chùa Viên Giác, Đức Quốc. Email: hanhgioi@web.de
Điện thoại: 0511/879630

(Xem tiếp trang 149)

https://tieulun.hopto.org

Những cánh én mang mùa Xuân muộn

Hằng năm cứ mỗi độ thu về, hoa cúc được thấy khắp các siêu thị, giống các loại hoa cúc vàng ở miền Nam, thường được ương trong những chậu nhỏ, bày bán khắp các chợ cho đến cuối năm. Tôi vốn sẵn mê hoa, không dằn lòng được, cũng bưng về vài chậu; mỗi ngày đều dành đôi phút tưới vun, chăm bón, dần dà hoa cúc trở thành thân thiết gần gũi. Mỗi sáng, nhìn những nụ hoa rực rỡ, tôi như bị thôi miên bởi những bông hoa vàng tươi thắm. Tôi biết niềm xúc động của mình không phải vì tôi chỉ thấy những bông cúc xinh đẹp mà chính là tôi vừa thấy hình ảnh Ba tôi cao gầy, với nụ cười hớn hở vui tươi khi khệ nệ khiêng về những chậu cúc với lời phân bua: „Gớm! Cái chợ hoa này bán rẻ quá, mà nụ lại nhiều như thế này, ba ngày Tết mà nở thì phải biết!".

Cứ thế, những ngày Tết hầu như Ba tôi không thiết gì đến ăn uống, chỉ ra vào ngắm nghía cây cảnh, sửa lại cành mai, cắm lại cành đào, tỉa dăm lá cúc. Đối với Ba tôi, đẹp nhất vẫn là chợ hoa ngày Tết, Ba tôi đã từng say sưa đi trong những rừng hoa thược dược, hoa cúc, mẫu đơn, hải đường, những chậu tắc nặng trĩu cả trái, che lắp hết lá, đứng xa trông như một tấm lụa vàng rực rỡ và cũng băn khoăn không ít khi mình muốn chọn cho được một cành mai vừa ý.

Niềm vui nhỏ nhoi giản dị đó, Ba tôi đã không được hưởng nữa sau những tháng ngày 30.4.75. Nhìn xung quanh, bao nhiêu người tan nát cửa nhà, gia đình ly tán, Ba tôi không còn tha thiết thứ gì nữa hết, đi ra rồi lại đi vào, Tết đến ông Cụ lại càng thẫn thờ nhiều hơn!

Tôi muốn đem lại cho Ba tôi chút hương vị ngày Tết với chậu cúc hoặc cành đào, cành mai nhưng tôi cũng không khá gì hơn. Cuộc sống quá cơ cực, còn một ít tiền cho con đi vượt biên rồi cũng mất hết. Không còn lại những chậu hoa rực rỡ đặt hai bên bàn thờ, lối cửa ra vào, rải rác trong phòng khách như ngày xưa nữa! Với tôi, thấp thoáng đó đây nụ cười rạng rỡ của cha già cũng đủ khiến lòng tôi nở hoa nhưng rồi tôi cũng không làm được cho Ba tôi vui hơn, cơm không đủ ăn, bo-bo, sắn khoai làm bạn, còn nói gì đến những chậu hoa xa xỉ đó! Qua rồi những ngày rộn ràng chuẩn bị Tết, nào là nhà cửa được sơn quét lại, cây cỏ hàng rào được tỉa cắt vun xới. Trong nhà đồ thờ bằng đồng được bày biện khang trang trên tủ chè chạm trổ tinh vi sau khi đã được đánh bóng sáng choang. Còn đâu những đêm ngồi canh nồi bánh tét, lòng nôn nao nghe tiếng pháo vọng xa xa trong màn đêm tĩnh mịch.

Những năm tháng cơ hàn thiếu thốn đã tôi luyện cho tôi trở thành một con người cứng cỏi hơn, trở nên liều lĩnh, bất chấp gian nguy miễn làm sao cứu được con tôi, gia đình tôi ra khỏi ngục tù Cộng Sản và cuối cùng tôi đã được toại nguyện, đã được đến bến bờ Tự Do, đã được sống trong một đất nước thanh bình ấm no đầy nhân bản.

Qua xứ người, vùi đầu vào công việc, tôi chỉ mong sao kiếm được nhiều tiền để lo cho con ăn học, để gởi về giúp gia đình. Cứ nghĩ đến Ba tôi sẽ bớt vất vả hơn, nụ cười sẽ trở lại trên mắt trên môi là tôi vui và quên cả thân mình. Rồi đây mỗi khi Tết đến, nhà Ba tôi sẽ rực rỡ cả một rừng hoa, ông Cụ sẽ trở lại chăm chút từng cành mai, cành đào, rạng rỡ khi nhìn những nụ hoa mới nở. Ba tôi sẽ vui sướng khi túi rủng rỉnh tiền để đủ sức vào những chợ hoa, đi lui đi tới, lựa những cành mai thật vừa ý, đem về nhà còn hơ lửa gốc mai trước khi cắm vào bình, rồi những chậu cúc vàng sẽ rực thắm khắp nơi. Chỉ mới tưởng tượng như vậy mà lòng tôi đã thấy reo vui!

Không ngờ, mỗi năm một lý do, Ba tôi đã nhịn niềm vui riêng của mình để thêm thắt cho con cháu, bà con. Ông Cụ không còn muốn nghĩ đến niềm vui riêng tư của mình, không muốn phí tiền vào những chậu cúc, cành mai, cành đào mà chỉ muốn chia sẻ bớt áo cơm cho những người thân chung quanh. Nghe kể lại, mỗi lần nhận tiền tôi gởi về, Ba tôi lại đi mua sắm, rồi về cặm cụi gói ghém thành từng gói, chia phần cho từng đứa cháu, có khi còn đem cho những ông bạn già đang gặp khó khăn nữa và nghĩa cử của Ba tôi đã làm tôi xúc động vô cùng.

Mọi hạnh phúc tầm thường nhỏ nhoi hầu như đều trở thành vĩ đại, vượt khỏi tầm tay dưới chế độ được gọi là Độc Lập, Tự Do và Hạnh Phúc, một chế độ mà những ngày đầu tiên ai cũng lầm tưởng sẽ đem lại sự ấm no và bình đẳng giữa mọi người!

Tôi xin cám ơn Trời Phật đã cho tôi có được một việc làm vững chắc, không những để lo cho mình và gia đình một đời sống yên ổn ở đây mà còn có khả năng chia sẻ với những người thân ở quê nhà phần nào những nhu cầu cần thiết. Nhiều lúc ngồi gói ghém những lọ thuốc cảm, những thước vải, áo quần... lòng tôi bồi hồi tưởng tới phút giây những vật dụng linh tinh đó tới tay những người thân. Hạnh phúc sẽ ngọt ngào biết chừng nào khi những người mình thương yêu đang thiếu thốn, bất ngờ có được một tấm áo, một viên thuốc, một món quà!

Những việc làm tuy nhỏ nhoi nhưng hạnh phúc mang đến cho người nhận thì ấm áp vô cùng, vì có phải người nhận chỉ nhận các món quà mình gởi về đâu mà còn nhận những ân tình của người phương xa.

Cuộc sống của Ba tôi dĩ nhiên là đã bớt khó khăn, ngoài ra ông Cụ còn có niềm vui đã chia sẻ bớt những gì mình nhận được cho những người thân.

Niềm ưu tư sâu xa trong lòng tôi vẫn ở quê nhà, nơi có những bà con bạn bè nghèo khổ, những mái trường đã thay đổi thầy cô, những đường phố thân quen càng ngày càng hằn dấu nát tan của một quê hương đầy thống hận. Nỗi nhớ niềm đau đó chính là chất liệu giúp tôi làm phận sự của những cánh én mang mùa Xuân muộn về miền đất chỉ còn giá lạnh của trời đông.

München, tháng 11.2011

• **Nguyên Hạnh HTD**

https://tieulun.hopto.org

Nhớ Bạn :
Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa

• **Áo Lục Nguyễn Long**

(Chân dung Lưu Nhơn Nghĩa qua phác họa của Áo Lục)

2011 *- Thấm thoát, anh bạn tôi năm nay cũng đã tròm trèm 70 tuổi, nếu anh còn sống. Tôi nhớ, anh nói tuổi thiệt của anh là tuổi Tỵ (1941), vậy là anh cùng tuổi với ông Phạm Công Thiện. Ông này có viết tập thơ "Ngày sinh của rắn" nên cũng dễ nhớ, có điều bạn tôi không thích triết lý mà chỉ thích văn chương, thơ phú.*

27.09.2007 *- Đi làm cách Brisbane 600 cây số, lấy mấy ngày nghỉ về thăm nhà, định bụng sẽ ghé thăm anh đang nằm nhà thương – lúc sau này anh vào ra bệnh viện khá thường – còn đang sắp xếp hành lý sửa soạn ra phi trường thì bà xã gọi điện thoại báo tin sáng nay anh Nghĩa đi rồi. Như vậy, lần này tôi về cũng để đưa đám anh luôn. Bình thường, một ngày như mọi ngày. Cái không bình thường là lần này anh sẽ không trễ hẹn nữa.*

1975 *- Sau khoảng 10 năm dạy học ở miền Nam, chỉ mấy tháng trước ngày đứt phim (mượn chữ của Tạ Chí Đại Trường, ám chỉ ngày 30.04.75!) anh được phép xuất ngoại tu nghiệp tại Tân Tây Lan. Kẹt ở xứ người, anh đi học lại, vẫn nghề hương sư, làm thầy giáo làng, gõ đầu trẻ. Anh khoái cái chữ hương sư này!*

1980 *- Do một sự tình cờ lịch sử của... đời anh (có thể cũng liên hệ với lịch sử VN hay thế giới không chừng, ai biết được?!), anh lưu lạc sang Đức, Tây Đức, lúc đó nước Đức còn chia đôi. Quen anh ở chùa Viên Giác, sau này gặp lại trong các dịp lễ, trại hè..., chúng tôi có vài kỷ niệm chung, nhưng không thường gặp vì ở xa.*

1984-85 *- Khi đọc những truyện ngắn đầu tiên đăng trên báo Viên Giác, anh chỉ ký tên Phong Hưng, tôi cũng không biết là ai, nhưng thấy lạ! Có chút Sơn Nam, chút Bình Nguyên Lộc, nhưng đặc biệt truyện chỉ ở vùng biên giới với ba sắc dân Việt, Miên, Tàu và đây là hồi ký, chuyện thiệt! được rất nhiều người hâm mộ.*

1988 *- Trước khi cùng gia đình di dân sang Úc, tôi photocopy tất cả những bài anh viết trên báo Viên Giác thành một bộ bởi vì chồng báo nặng quá, không mang theo nổi! Không hẹn mà gặp lại ở Úc vì tôi cũng không biết anh cũng di dân lần nữa, lại ở cùng tỉnh nên thật là hạnh ngộ bất ngờ.*

*

Văn nghiệp của anh bắt đầu từ hồi nào tôi không rõ nhưng thế hệ của anh vào tuổi teens ở cuối thập niên 50, đầu 60 thế kỷ trước, người ta còn viết rất nhiều, nhất là viết thư, viết tay (chớ không phải gõ lóc cóc trên keyboard đâu!): tìm bạn bốn phương qua thư từ. Đây cũng là một cách để trau giồi ngoại ngữ (Pháp văn, Anh văn...). Máy đánh chữ là của dân nhà nghề, ít người sử dụng, còn PC (Personal Computer), laptop... như ngày hôm nay thì hồi đó còn là chuyện khoa học giả tưởng, miễn bàn.

Anh Nghĩa kết bạn thư từ với nhiều cô cả mấy chục năm, hồi ở Đức anh còn đi tìm mấy người bạn đó ở Âu Châu sau khi họ đã đổi địa chỉ không biết bao nhiêu lần! Sợ anh luôn!

Thói quen ghi chép, viết nhật ký ở anh có thể bắt đầu từ hoàn cảnh cô đơn khi xa nhà đi học từ thuở nhỏ và tâm trạng cô độc khi lớn lên nơi thành thị với nhiều phức cảm khó chia sẻ với bạn bè.

Anh thường nhắc chuyện hồi nhỏ bị chế giễu là Ba Tàu bởi các bạn học sinh cùng lớp; khi thành sinh viên, anh lại có cái mặc cảm gốc gác "miệt vườn"... mặc dù kiến thức Việt văn từ Đại học Văn khoa của anh ít người học cùng thời sánh bằng; một phần cũng do anh chịu khó nghiên cứu, liên tục tìm hiểu và nhất là viết! (Khi mất, anh để lại gần 60 tập nhật ký và sổ ghi chép trong một túi xách lớn mà anh thường giữ rất kỹ, bây giờ không biết ở đâu?!)

Sang Đức lập gia đình, anh còn phải đi học tiếng Đức nữa nên bằng Sư Phạm cũng chẳng làm gì, anh đi làm công nhân trong một hãng cưa. Ngôn ngữ bất đồng, trình độ văn hóa chênh lệch trong môi trường làm việc nên... buồn! hễ rảnh là anh viết, như một đền bù, mà anh bảo là lấy lại thăng bằng tâm lý. Những truyện ngắn trong quyển "*Như Cánh Chuồn Chuồn*" (NCCC) sau này (khi đã sang Úc) được anh hiệu đính, thêm nhiều chú thích, trở nên academic (!) hơn là nguyên bản đăng trên Viên Giác ở Đức vì lúc đó ít thì giờ nên viết rất cô đọng, ngắn gọn mà lại súc tích!

Khi được biết tôi có photocopy toàn bộ bài viết của anh đăng trên Viên Giác, anh mừng lắm bởi vì anh không giữ bản nào cả: bài viết tay, gởi lên Viên Giác đánh vào máy, đem in. Xong. Tôi photo tặng anh một

https://tieulun.hopto.org

bộ, anh mang về nhờ người khác đánh lại, sửa tới lui. Có nhiều cái rắc rối: Anh (lúc đó) không dùng computer; lại nhờ nhiều người khác nhau đánh bài, software tiếng Việt khác nhau, đến khi gởi sang Đức thì lại có khó khăn với hệ thống computer ở đó! Mãi đến hơn 10 năm sau khi qua Úc cuốn NCCC mới được ra đời (2001)!

Có món nợ với anh là hứa sẽ vẽ phụ bản cho cuốn NCCC mà tới giờ chót, các bản vẽ phác hãy còn đây sau nhiều lần được nghe anh kể tỉ mỉ cái xe thùng chở nước, xe ngựa, xe Renault chở khách thời đó ra sao! Tôi có 2 bức chân dung, vẽ anh năm 1999 và 2006; thôi thì cống hiến cho bà con xem, chắc anh cũng không nỡ ca cẩm như anh đã viết cho tôi: *"nhiều lần anh vẽ mặt tôi già trước tuổi, tri diện mà bất tri tâm, tâm tôi còn trẻ lắm".* *(xem NCCC trang 7).*

Anh viết văn như kể chuyện, vấn đề bỏ dấu hỏi-ngã có sai cũng là chuyện nhỏ thôi nhưng chữ để nói (phát âm) không tương đương với chữ để viết trên văn bản; không lẽ cứ bỏ chữ trong ngoặc kép hay mở ngoặc để chú thích hoài thì đọc văn cũng mất... thú ! Làm báo cho nhóm Tăng thân ở Brisbane (tu tập theo phương pháp của Thầy Nhất Hạnh), mỗi lần nhận bài của anh, tôi lại có cơ hội để "vật lộn" chữ nghĩa với anh. Anh có thể xuề xòa, sao cũng được ở đâu đó nhưng chữ anh đã chọn thì nhất định là không đổi! Sau cùng, tôi đề nghị "nói sao viết vậy" để giữ cái phong thái, cái khẩu khí của người viết! Ai chê sai chính tả thì tự sửa! Đây cũng là lý do khiến anh cứ phải quanh quẩn mãi với bản đính chính (Erratum) cho cuốn NCCC!

*

Đề tài bất tận của anh Nghĩa là xứ Tri Tôn - Xà Tón! Tôi ở ngoại quốc (xứ Đức, xứ Úc) hơn 40 năm nhưng chưa bao giờ gặp một ai có lòng với nơi chôn nhau cắt rốn của mình như vậy. Anh tìm tòi, thu thập tài liệu, hỏi chuyện các vị lớn tuổi, rồi ghi chép. Khi về Việt Nam, anh lục lọi, tìm kiếm các "cổ vật" thời của mình, quay video, tìm gặp những người xưa cũ... nhưng những câu hỏi của anh không có câu trả lời: người già không ai còn nhớ (hay muốn nhớ) gì nữa! Người trẻ thì không biết, đành thôi! Ba cái chuyện xưa, cũ rích ấy còn hỏi làm gì? Đổi đời: Miên bây giờ nó khôn rồi, nó biết mang dép! anh bảo thế.

Những điều anh thấy, tìm hiểu, diễn tả, kể lại và viết... y như anh nói vậy. Đọc lại bài anh viết, nhớ như anh đang ngồi đối diện, hăng say, linh hoạt, kể lể, cười đùa thoải mái... Người không hiểu anh, bảo là anh có tật ưa nói "móc lò", mỉa mai... mà thật ra anh chỉ tự trào, self-irony vậy thôi, ai có gì thì người đó...thấm! Công tâm mà nói, anh không có ác ý bao giờ. Ngược lại, rất nhạy cảm với những nỗi khổ đau, thiếu thốn của người khác và anh cũng âm thầm đóng góp rất nhiều cho những công tác thiện nguyện, từ thiện.

Trong sinh hoạt cộng đồng, anh có một khái niệm "vừa phải" rất khó định nghĩa! Cái "vừa phải" với người này nhiều khi lại là "quá ít" hay có khi lại là "quá nhiều" với người khác! Nhưng cái "triết lý vừa phải" đó ngẫu nhiên lại biến anh thành một người rất được ngưỡng mộ trong các hội đoàn, nhất là trong các thời kỳ "dầu sôi lửa bỏng", đại khái như phải bỏ phiếu cho một quyết định căng thẳng nào đó. "Vừa phải" nghĩa là có chừng mực, không mất lòng ai, phe nào cũng phải chấp nhận lý luận của anh: anh trở thành "người đấm bóp thời cuộc"!

Tôi cho đó là lối hành xử khá thông thường của người Việt gốc Hoa, ít ra là trong thế hệ của anh hay về trước nữa: ý thức về cương vị "ăn nhờ ở đậu" nhưng lại muốn giữ bản thể riêng của mình (như người Do Thái thời chưa lập quốc), cách tốt nhất là tránh dính líu đến xung đột, đến chính trị. Trong khi phần lớn người Việt gốc Hoa chú tâm đến chuyện làm ăn, buôn bán (như mấy người em của anh chẳng hạn), anh thì chỉ có chữ nghĩa. Thứ này thật khó làm giàu! Sách in ra chỉ để tặng.

Nhớ hồi cuối tháng 6. 2006, anh đi Mỹ 3 tuần. Lúc đó anh đã được định bệnh ung thư bạch huyết (loại rất hiếm) và chữa trị bằng hóa chất (chemotherapy), tóc rụng gần hết, phải cạo đầu. Nhà thương cung cấp cho bộ tóc giả mà anh rất ưu tư. Qua Mỹ mang (tóc giả) hay không mang? Khi nào thì bỏ ra, hoặc giả cho ai biết?! Khi anh về, tôi cũng không hỏi, thấy anh vui là đủ rồi! (Chuyện vui kể mấy tháng chưa hết!).

Phải nói đó là một phước báu lớn cho anh để có dịp gặp lại bạn bè, đồng hương Thất Sơn - Châu Đốc cũ, có người xa cách đã hơn 40, gần 50 năm. Số báo danh thời đi thi Trung học anh còn nhớ (!) thì người quen thuộc, thân thương gắn bó với bao kỷ niệm, anh dễ gì quên?

Thời gian sửa soạn, anh đúng là "bỡ ngỡ, xôn xao, cuống quít, dạt dào" như "Giọt mưa trên lá" ngày nào (nhạc Phạm Duy – 1965) làm tôi cũng cảm động lây. (Xem: Con đường cũ - thatsonchaudoc.com - 2007 - Hội ngộ tháng 7.2006 - , trang 109).

Chỉ có một chuyện anh không nhắc tới, đó là vụ mấy quyển NCCC.

Du hành xa xôi, ôm theo mấy quyển sách, gói ghém, cân đo..., nó mệt lắm! [Sách anh (hồi đó) đâu có vào e-book, mở Kindle ra là đọc ngon lành, gọn bâng như bây giờ đâu ?!]. Tới nơi, nhiều bạn cứ đòi tặng sách thì anh biết kiếm ở đâu ra? Lang thang vào một tiệm sách ở Cali (tôi không nhớ anh kể tỉnh nào), bỗng chợt thấy quyển NCCC nằm "trơ gan cùng tuế nguyệt" trên kệ sách, bìa đã phai màu, mừng như lân thấy pháo, anh vội vàng hỏi mua. Có còn thêm cuốn nào nữa không? Chủ nhân cũng mừng... hết biết, vào kho lục lọi, lấy ngay (sợ khách đổi ý ?!), khệ nệ bưng ra một chồng dầy. Giá cả xong xuôi (hình như không bớt vì chủ nhân cũng bị "lãnh đạn" nhiều năm mất công lưu trữ), chủ khách sau cùng đều hể hả: tác giả có sách tại chỗ để tặng bạn bè, chủ tiệm sách cũng thoát được gánh nặng... ngàn cân, tưởng không bao giờ trút bỏ được!

Hóa ra, niềm vui cũng nhờ anh bạn thân ở Mỹ lúc trước chịu khó đem đi phát hành, phân phối trong tiệm sách Việt Nam để phổ biến văn hóa "đặc sản miệt vườn" Thất Sơn - Châu Đốc !

Sau cùng hết, tôi muốn viết về một cái... taboo (Tây gọi là tabou cho những người cùng thế hệ với anh dễ cảm nhận). Số là (!) tất cả các bài viết trong mục Giã từ Phong Hưng LNN trên web thatsonchaudoc, chỉ có một bài của Vinh (Tạ xuân), em vợ của anh, là có nhắc về chị Chu (vợ anh) - hẳn nhiên - ngoài ra, không thấy ai nhắc tới chị cả. Trong tất cả các bài viết của anh thì tuyệt đối không; ngay cả gia đình, bà con cô bác, hàng xóm láng giềng... cũng trở thành những diễn viên trên sân khấu cuộc đời mà anh là đạo diễn. Nói theo văn chương; họ chỉ là những nguyên liệu thô (raw materials) để anh chế biến, thổi hồn vào, nhào nặn ra tác phẩm của mình. Chị Chu, cũng dân Văn khoa, có lần đã phải ta thán, ông Tế Xương còn để lại bài thơ nhắc tới vợ mình..., nhưng anh

https://tieulun.hopto.org

Nghĩa không làm điều đó, biết đâu đó mới là cái điều hay cho chị (?!) vì vô tâm cách mấy, có lúc người ta cũng phải hỏi tại sao. Một điều bí hiểm (Enigma)!

*

(Ảnh phác họa tại nhà anh Nghĩa, 25.12.2006)

Tôi không thân với anh Nghiã như nhiều người tưởng mà cũng chẳng sơ như nhiều người nghĩ. Chỉ giữ cái nghiã nhạt của người nước Lỗ (đất của Khổng Tử!), mỗi người biết cái giới hạn của mình, nói chuyện không cần giữ lễ mà biết cái hiệp ở chỗ nào. Sau ngày anh đi, tôi cũng ít có cơ hội hàn huyên, tâm sự cùng ai. Mấy người bạn cũ thời đi học xa xưa thì vẫn ở bên xứ Đức xa lắc, xa lơ.

Nói về anh như nhìn vào cái kính vạn hoa (kaleidoscope), đúng như tiếng Đức, một cái Momentaufnahme, hình chụp trong khoảnh khắc, chỉ cần lắc nhẹ cái ống kính, biến ảo về màu sắc, cảnh trí của một tấm hình khác lại hiện ra, thật khôn lường! Vũ trụ được giải thích bằng Big Bang, rồi lại Big Crunch... nhưng hiểu được cái phần tâm thức sâu thẳm nhất của một con người, kỹ năng hiện đại của nhân loại hãy còn xa lắm.

Anh về hưu sớm, sáu tháng sau thì phát bệnh và đúng theo sách vở y khoa, một năm rưỡi sau thì chết. Chết nhưng không mất. Trong gia đình, và có lẽ trong cả xứ Xà Tón, anh là người khác lạ nhất, học cao nhất, và khi bị bệnh, nhà thương đã check tất cả tủy xương của những người em anh nhưng không có ai có tủy tương hợp (compatible) để có thể cấy cho anh được.

Những tháng ngày anh phải vào nhà thương tiếp máu đều đặn, lần nào cũng phải ôm theo cái Laptop để... viết bài. Anh đối diện với cái chết biết là gần kề thật bình thản, đáng khâm phục. Có lần ở nhà thương ra, anh ghé chơi, vẫn cười rỡn vui vẻ mặc dầu sắc diện cũng đã nhợt nhạt, tôi hỏi, anh quyến luyến với đất Tri Tôn - Xà Tón thế này thì kiếp sau chắc lại phải đầu thai ở đó quá? Anh bảo không, anh muốn về Tân Tây Lan, nơi có những đồng cỏ ngút ngàn, những đỉnh núi có tuyết vạn niên... và ở đó là sự bình an.

Anh đã nhận, đã thương nhớ mãi tuổi thơ đánh mất trên một quê hương nhiều bất hạnh, rồi anh đã trả lại, đã cho... với tất cả tâm tư, nguyện vọng, cả cuộc đời mình với một tấm chân tình.

Tôi cầu mong cho anh được toại nguyện bởi vì trên tất cả đỉnh cao là lặng im.

• Áo Lục Nguyễn Long
(Brisbane, 09.09.2011)

Tôi học Khí Công

Ở đây tôi chỉ muốn đưa một vài nét chính của các môn Khí công mà tôi đã tập qua, để người đọc theo đó sẽ chọn được một môn pháp thích hợp cho mình tập. Chả thế người xưa thường hay nói "Tùy bịnh chọn công", tùy theo thể chất và sức khỏe mà chọn cách tập Khí công.

• Lương Nguyên Hiền

Những món nợ nhỏ dễ có:

Tôi đang ở vào cái tuổi, già thì chưa muốn mình già mà trẻ thì không ai cho mình trẻ. Ở cái tuổi mà sắp sửa bị cuộc đời đá về hưu, cho ngồi chơi xơi nước để đếm ngày tháng trôi qua nhanh. Thời gian là cái thứ vô tình, không chờ không đợi, cứ kiểu đếm lá mùa thu này, thì lục tuần chưa qua, thất tuần sắp gõ cửa vào.

Tiểu trái tầm thường hành sử hữu
Nhân sinh thất thập cổ lai hy (*)
(Món nợ nhỏ người thường dễ có
Sống bảy mươi tuổi đã mấy người?)

Mấy cái món nợ nhỏ dễ có ở đây là những bệnh tật từ từ âm ầm kéo tới. Tôi đã bắt đầu biết đau lưng, đau vai, đau đầu gối, mắt kém và hay quên. Chưa kể vừa rồi mới phải mấy lần đi mổ mắt nguy kịch, đã làm tôi phải suy nghĩ rất nhiều về sức khỏe của mình.

Tôi là người ham sống, còn muốn đi đây đi đó, vẫn còn ham ăn ngon, mặc đẹp, mà đứng trước những món nợ nhỏ đó cũng thấy ớn ớn, cái điệu này nếu kéo dài thì không biết còn "cổ lai hy" với ai được không!

Nên tôi quyết tìm thầy học đạo, tôi không muốn sống lâu như ông Bành Tổ, 1000 năm thì hơi nhiều, nhưng những ngày tôi sống, tôi muốn là những ngày tháng thật vui và thật khỏe.

Bài học vỡ lòng:

Tôi đã có chủ định là phải làm cái gì cho mình khỏe ra một chút, nhưng vẫn chưa biết mình phải bắt đầu từ đâu và tập tành ra sao. Cũng may có người bạn nối khố vong niên chỉ cho tôi một con đường đi, hắn nói:

- Mày, nó vẫn gọi tôi như thế dù bây giờ nó đã thành ông nội ông ngoại rồi, là mày cả đời làm nghề sáng vác ô đi tối vác về, chẳng có gì hay ho. Bây giờ lại đòi tập

---

(*) Hai câu này nằm trong bài thơ "Khúc giang đối tửu" của Đỗ Phủ. Thật ra là: "Tửu trái tầm thường hành sử hữu / Nhân sinh thất thập cổ lai hy". Xin đổi chữ "tửu" thành "tiểu" cho hợp với bài này.

https://tieulun.hopto.org

tành võ nghệ, tao thấy cũng khó coi. Thái cực quyền có đến 108 bài quyền, mày học chưa hết bài 108 đã ra đi theo ông bà ông vải, kể cũng phí đi. Còn Yoga, ở cái tuổi mày mà tập cái đó coi bộ không ổn, vì xương cốt mày đã cứng ra như đá rồi, còn uốn qua uốn lại gì được nữa... Tao chỉ còn thấy có cái Khí công vừa thở vừa tập nhẹ nhàng có lẽ hợp với mày nhất. Mày thử đi biết đâu lại hay cho mày!

Cổ nhân dậy rằng "Lục tuần thuận nhĩ" (sáu mươi tuổi nói sao cho thuận lỗ tai), mà nó thì hơn 60 tuổi mà nói toàn là chuyện nghịch nhĩ, nên lúc đầu tôi hơi tức tức, nhưng ngồi nghĩ lại thì thấy nó cũng có lý. Nó thấy mặt tôi có vẻ đờ đẫn ra, bèn tiếp tục lên mặt dạy đời:

- Mới bắt đầu, mày không nên tập nhiều quá, phải nhìn thấy được sự tiến triển của mình thì mày mới thích tập. Tao thấy mấy đứa lúc đầu ham tập nhiều, sau này kham không nổi đều bỏ hết. Mày nghe tao, tập lúc đầu ít thôi sau đó mới từ từ tăng lên. Quan trọng nhất là phải đều đặn.

Rồi nó dạy khôn tôi, bằng cách ngâm một câu của nhà thơ Nhật tên là Matsuo Basho:

"Hỡi con ốc sên thương yêu của tôi ơi,
hãy bò lên đến tận đỉnh núi Phú Sĩ...
nhưng xin thật chậm rãi và khoan thai"

À thì ra đơn giản như thế thôi, chỉ có sự khoan thai đều đặn, mỗi ngày một ít, mới trèo nên đỉnh cao của thành công dù chỉ là một con ốc sên nhỏ bé đi nữa. Thử làm một bài toán cộng trừ của lớp ba trường làng, một ngày đi làm 8 đến 9 tiếng, chưa kể giờ đi và về, rồi trừ thời gian để ăn và ngủ còn lại bao nhiêu thời gian để tập. Bài toán thì quá dễ, nhưng làm theo thì không dễ chút nào. Bởi cái gì bức thì dễ đứt, cái gì nhiều quá thì dễ làm ta chóng chán và mau bỏ, nhưng nếu tập ít quá thì không có hiệu quả. Mỗi người lúc đầu phải tùy theo khả năng của mình mà chia thời gian để tập. Sự tập luyện nào cũng đòi hỏi sự cố gắng thường xuyên và phải tập đều đặn mỗi ngày. Không có chuyện nửa chừng xuân, tập rồi bỏ, bỏ rồi tập, đã không mang lại lợi ích gì mà nhiều khi còn mất thì giờ một cách vô ích. Như vậy bài học đầu tiên mà tôi học được là sự đều đặn, kiên trì, không có sự hấp tấp vội vàng, thư giãn phải luôn luôn hiện diện trong mỗi buổi tập và trong cuộc sống hàng ngày. Không có kiểu "nhổ mạ cho mau lớn", không có kiểu đứng núi này trông núi nọ, mà phải tập từ từ mới mong có kết quả.

Bây giờ tôi đã muốn tập lắm rồi, nhưng Khí công là gì?

Khái niệm về Khí công:

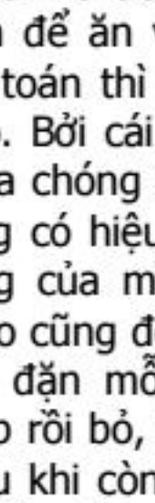

Theo sách vở xưa, cho rằng Khí công là phương pháp dưỡng sinh truyền thống của Á Châu, đã xuất hiện cách đây hơn 2000 năm ở Trung Hoa. Năm 1972, người ta đã tìm được ở vùng Mawandui (Hunan) một ngôi mộ được xây từ thời nhà Hán, có những hình vẽ các thế tập khí công.

Khí công đã được hấp thụ các học thuyết của Nho giáo, Phật giáo,... nhằm để tăng cường sức khỏe, kéo dài tuổi thọ, phòng trị bịnh, tăng trí thông minh, kích thích các tiềm năng trong người,... Khái niệm về Khí công khi xưa được nhìn tùy theo giáo phái, như Đạo gia gọi là nội đan, thổ nạp...; Y học gọi là dưỡng tính, đạo dẫn,...; Nho gia gọi là dưỡng khí, tâm thuật tĩnh tọa,...; Phật gia gọi là tọa thiền, chỉ quán, tu định... (1).

Khí là nguồn năng lực sống của con người. Khí luân lưu trong cơ thể và theo các Kinh mạch mà đi vào Lục phủ ngũ tạng. Sức khỏe chúng ta tùy thuộc rất nhiều vào Khí (Chân khí/Prana), Khí thịnh ta khỏe, Khí suy ta yếu đi hay bị bệnh, Khí kiệt ta chết. Khí công là công phu tập luyện để điều hòa, phát huy và tích lũy Khí đó. Khí công lấy từ nguyên lý Quân Bình Âm Dương, Điều Hòa Ngũ Hành làm căn bản cho sự luyện tập và dựa vào y học để tự trị được một số bệnh tật.

Đến đây tôi mới hiểu sơ sơ về Khí công, nhưng cái cơ bản của Khí công là gì?

Ba cột trụ chính của Khí công:

Thằng bạn vong niên của tôi nói là Khí công chỉ cần thở ra thở vào dăm ba cái dễ ợt như đi ăn hủ tiếu. Tôi tức quá bèn đi tìm thầy, tìm sách, tìm bạn mà học đạo. Sau một thời gian tìm tòi, tôi mới nghiệm ra Khí công dễ mà khó, khó mà dễ, lúc đầu thì dễ nhưng để có hiệu quả không phải là chuyện trong chốc lát. Khí công không chỉ thở ra thở vào dăm ba cái mà có cả một triết lý sống đứng sau lưng. Khí công lấy "Tam điều" làm căn bản, điều ở đây là điều chỉnh, điều luyện thân thể (điều thân), hơi thở (điều tức) và tập trung tư tưởng (điều tâm):

1) **Điều thân**: là điều chỉnh tư thế khi tập cho đúng qui cách, trong khi đi, đứng, nằm, ngồi. Thí dụ như khi tập luyện mà đứng thế sai đã không đạt được hiệu quả của Khí công mà còn có thể đưa đến tình trạng lệch vẹo các cơ bắp và ảnh hưởng đến các cơ quan nội tạng. Điều cần lưu ý nhất là trong khi tập cơ thể phải trong tình trạng hoàn toàn thư giãn, thả lỏng.

2) **Điều tức**: là điều luyện hơi thở. Chúng ta đều biết hơi thở rất là quan trọng, chúng ta có thể nhịn ăn, nhịn uống nhưng không nhịn thở được và ngoài ra nó cũng là gạch nối giữa tâm và thân. Luyện thở là tập trung tư tưởng để làm chủ hơi thở của mình và qua đó điều chỉnh có ý thức hơi thở của mình cho phù hợp với cơ thể và sau cùng để tác dụng làm cho khỏe mạnh và trị bệnh. Có bốn điều cần nhớ khi thở là sâu, nhẹ, đều và dài. Thở phải thật tự nhiên không được cố gắng quá sức và nhất là lúc nào cũng có tư tưởng vui vẻ thoải mái.

3) **Điều tâm**: là hướng dẫn tư tưởng vào một mục đích. Đây là vấn đề quyết định thành bại trong khi tập Khí công. Điều tâm là làm chủ, là kiềm chế được ý niệm của mình, để không bị phân tâm trong khi tập và điều khiển cho các động tác và hơi thở của mình được hợp nhất (Thân tâm hợp nhất). Nếu thiếu sự tập trung này thì không còn là Khí Công nữa mà là tập thể dục.

Điều thân, điều khí, điều tâm là ba cái cột trụ của Khí công. Nhưng ba cột trụ đó không đứng một mình mà đứng theo thế chân vạc, ba cái đó bổ túc cho nhau để thành một phương pháp luyện tập tâm thân toàn diện.

Đã có cái khái niệm về Khí công và hiểu được cái căn bản của nó, nhưng bây giờ tôi phải tập cái gì?

https://tieulun.hopto.org

Vạn sự khởi đầu nan:

Hiện nay ở Trung Hoa có khoảng hơn 10 loại khí công (2), nào là Bát Đoạn Cẩm, Dịch Cân Kinh, Lục Tự Khí Công, Hương Khí Công, Ngũ li hồ,.... Ôi thôi nhiều vô tả, cái nào cũng có cái hay cái đẹp, cái nhất nhất của nó mà chắc chắn người trần mắt thịt như tôi không thể học hết được trong nhất thời. Chẳng lẽ theo người xưa mà than rằng: *Thế sự du du nại lão hà* (Cảm Hoài-Đặng Dung). Việc đời dằng dặc mà ta đã già, biết làm thế nào ư? Làm sao thì chẳng làm sao, chi bằng bắt đầu một cái nào để tập để luyện chứ cứ ngồi mà so sánh cái này cái kia đến lúc nằm xuống vẫn chọn chưa xong. Tôi lại chạy đến vấn kế thằng bạn quân sư quạt mo để tìm lối thoát cho mình, nó phán rằng:

- Lẽ đĩ nhiên mày không thể học hết một lúc được, tao không cần phải nói, mày cũng biết. Tao thấy cái "Bát Đoạn Cẩm" có tám thế mà tương đối nhẹ nhàng dễ học, nhất là cho những đứa mới học như mày. Ngoài ra nó còn có lợi điểm là lắm thầy, lắm sách, mày tha hồ mà học chỉ sợ mày lại không đủ kiên trì học cho đến nơi đến chốn.

Quả thật nó nói cũng có lý, không cần phải đi đâu xa lên "YouTube" cũng kiếm ra bao nhiêu Video về Bát Đoàn Cẩm (BĐC). Về lý thuyết tôi chọn sách BĐC do Võ Sư Hàng Thanh viết và về thực hành tôi lấy bài tập của Andreas W. Friedrich, người Đức, làm căn bản. Ông Friedrich có mở trường dạy Thái Cực Quyền và Khí công ở München ngoài ra ông đã dạy BĐC trên Tivi Đức (BR3). Tại sao tôi chọn một người Đức để làm căn bản cho việc luyện tập của mình về Khí công? Phần đông các thế võ Á Châu đều được khẩu truyền từ đời này qua đời khác, mỗi ông thầy lại tự sáng tác cho mình các thế mới, nhiều khi đâm ra cầu kỳ, rườm rà khó bắt chước. Theo tiến trình của khoa học, một số các võ sư trong đó có người Tây Phương tìm cách đơn giản hóa các thế võ để cho dễ học mà hiệu quả vẫn cao. Ngoài ra ông ta còn có phát hành DVD về BĐC nên khi cần và bất cứ lúc nào tôi cũng có thể lấy ra coi lại được để tập hay sửa lại những thế mình nghĩ là đã tập sai. Bước đầu coi như vậy tạm ổn, tôi chỉ còn mỗi việc tập mà thôi.

Bát Đoạn Cẩm:

BĐC có tám thế gồm một số động tác tương đối đơn giản, nên cũng dễ học, dễ luyện mà hiệu quả lại cao do đó rất hợp với người lớn tuổi. Chủ yếu là đả thông kinh mạch, luyện gân cốt, khai thông khí huyết, tạo một thân thể cường tráng, một tinh thần minh mẫn và tiêu trừ bệnh tật. BĐC là phương pháp phối hợp động tác với vận khí. Nguyên tắc của sự phối hợp này là như khi đưa tay lên hay dang tay ra sẽ vận khí từ ngực ra hai bàn tay và khi hạ tay xuống hay khép tay vào sẽ vận khí từ bàn tay trở về lại ngực. Nhờ vậy mà điều hòa được khí trong cơ thể và giúp khí lưu thông trong kinh mạch. Quan trọng nhất là khi tập không nên để tâm bị phân tán mà phải tập trung vào hơi thở (Ý ở đâu Khí ở đó).

Tôi tập kiên trì một thời gian được gần 2 năm. Thấy sức khỏe khá hơn trước nhiều, nhất là tôi bớt suy nghĩ lung tung, bớt lo lắng vẩn vơ như xưa. Người ta nói cái tâm mình như con khỉ hay nhảy từ cành cây này qua cành cây khác, con khỉ "Tâm" của tôi theo thời gian cũng bớt lăng xăng bớt chuyền qua chuyền lại trên cây, có lẽ nó đã bị thấm mệt vì bị cái còng "Thân Tâm hợp nhất" trói lại. Trong khi tập, tôi vẫn thích nhất là thế thứ hai "Tả Hữu Khai Cung Tự Xạ Điêu", tay trái tay phải giương lên như hình cây cung để bắn chim điêu. Giương cung bắn chim điêu, mà chim điêu ở đây là cái Tâm của mình biểu hiệu qua sự tập trung cao độ của người bắn cung. Gần giống như nghệ thuật bắn cung Kyudo (Cung đạo) của Nhật Bản, sự tập trung tư tưởng vào bắn cung mới là chính, hành động bắn cung chỉ là phụ. Ngoài ra người tập có được thêm hai tay khỏe mạnh nhờ căng tay ra và hai chân cứng cáp nhờ đứng tấn. Trong lúc vận động hai tay, các kinh mạch như kinh Phế và kinh Đại trường được tác động làm bổ phổi và trị được một số bệnh liên quan đến ruột già. Riêng các ông các bà nào có tính nóng nảy như Trương Phi nên tập thế thứ năm "Dao Đầu Bài Vĩ Khứ Tâm Hỏa" (Lắc đầu vẫy đuôi dứt "bỏ" tính nóng nảy), trong nhà bớt xào xáo, chén đĩa bớt hư hao. Khỏe đâu thì chưa thấy nhưng "Tâm" thì chắc chắn sẽ được bình an vì bớt bể chén đĩa. Thế thứ tám là "Bối Hậu Thất Điên Bách Bệnh Tiêu" (Sờ xương cùn 7 lần trăm bệnh tiêu). Đây là thế cuối cùng của Bát Đoạn Cẩm, thế này có tác dụng là "đả thông nhâm đốc nhị mạch" nên khi tập phải uốn lưỡi lên và khép hậu môn lại (khép vòng Tiểu chu thiên). Vì tính cách khai thông huyết mạch của nó, nhất là hai mạch quan trọng là nhâm và đốc, nên dễ tác động để làm người tập có được một thân thể cường tráng và một tinh thần minh mẫn, nhờ đó mà trị được bách bệnh như tên của thế tập này chăng?

Những lúc rảnh rỗi, tôi còn nghiên cứu thêm Suối nguồn tươi trẻ (5 thức Tây Tạng), Dịch Cân Kinh, Lục Tự Khí. Một ông bác sĩ Việt ở Mỹ, có giới thiệu cho tôi "Dịch cân kinh phất thủ liệu pháp" rất dễ học và quả quyết rằng nó có khả năng trị được bệnh ung thư. Hình như tôi không có duyên với cách tập này, sáng dậy phải phất tay mấy trăm cái trở lên mới có hiệu quả, làm cho tôi không gắn bó với nó lắm.

Càn Khôn Thập Linh:

Một hôm trời đẹp, thằng bạn vong niên của tôi ghé qua nhà tôi chơi, mặt mày nó hớn hở:

- Tao thấy mày chịu khó tập tành, nên tao cho mày cái này hay lắm, mày thử tập xem sao.

Nó đưa tôi một đĩa DVD "Càn Khôn Thập linh" (gọi tắt là CK10) rồi giải thích rằng đây là một môn Khí công tổng hợp gồm có 10 thế tập biểu hiệu bằng 10 linh vật do Thầy Hằng Trường ở California kết hợp từ Yoga, Khí công và Thái Cực Quyền mà thành. CK10 khởi đầu với thế Càn (Trời) và chấm dứt bằng thế Khôn (Đất). Giữa Càn và Khôn là 8 thế tượng trưng cho 8 Linh Vật thường được tập luyện theo tiến trình sau đây: thế Cóc (Thần Oa), thế Trâu (Thần Ngưu), thế Hạc (Tiên Hạc), thế Rồng (Thần Long), thế Phượng (Phượng Hoàng), thế Cọp (Thần Hổ), thế Bướm (Tiên Điệp), thế Rùa (Linh Quy). Mỗi thế liên hệ với một trung tâm năng lượng (Luân xa) trong cơ thể chúng ta. CK10 có mục đích phát triển và duy trì các trung tâm năng lượng này, kiến tạo cho chúng ta sự quân bình về thể lực, trí năng, tình cảm và tâm linh. Nói một cách khác hơn, lợi ích của CK10

https://tieulun.hopto.org

mang lại là sự điều hòa tác dụng của các cơ quan nội tạng, là giảm bớt căng thẳng, trị hết đau nhức, giữ được tâm lý hài hòa, khôi phục sức khỏe toàn diện, tăng cường trí nhớ.

Tôi thấy hay nên bắt đầu tập CK10. Những ngày đầu tiên tập CK10, tôi cần nhiều thời gian và cố gắng hơn so với Bát Đoạn Cẩm (BĐC). Bởi vì những động tác BĐC có tính cách đơn thuần và tĩnh, nhờ vậy tôi dễ tập trung tư tưởng. Đảo lại CK10 đòi hỏi một sự luyện tập có tính cách toàn diện, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chân và tay và sự chuyển động liên tục giữa tĩnh và động, nhanh và chậm, lên và xuống, cho nên tôi hơi bị khó khăn khi phải tập trung tư tưởng, có lẽ tại tôi chưa quen cách tập này lắm. Nhớ lại lúc mới đầu, khi tập 20 lần thế Cóc thuận và 20 lần thế Cóc nghịch, tôi đã thở hồng hộc và mồ hôi ra như tắm. Nhưng dần dần theo ngày tháng tôi thấy khá hơn, mỗi ngày một ít tiến bộ, sự tập trung tư tưởng thành thói quen đi vào nề nếp. Chuyển động lên xuống, nhanh chậm đã tác động vào thể lực tôi một cách rõ ràng. Sau một thời gian tập luyện liên tục, thân thể tôi trở lên dẻo dai, uyển chuyển, dai sức, bụng xẹp xuống, bớt đau nhức lặt vặt, bớt đau lưng. Cái hay ở CK10 không phải chỉ ở thể xác mà còn tinh thần nữa, nếu chịu khó tập luyện tinh thần sẽ phát triển và thăng tiến không ngừng, tâm linh cũng theo đó mà thăng hoa. Nhiều người sau khi tập thấy mình trẻ ra, yêu đời, yêu người và tâm hồn được căng phồng mở rộng cho vũ trụ cho tha nhân để lòng mình được nhân ái hơn.

Mỗi thế đều có một khẩu quyết riêng biệt có ý nghĩa sâu xa làm cho người tập vừa được sức khỏe, vừa được hiểu rõ thêm phần tâm linh, rủ bỏ lo âu phiền não để được an lạc hạnh phúc. Mới đầu tôi hay tập thế Cóc, thứ nhất là dễ tập và có hiệu quả cao rất tốt cho thận, sau nữa thế tập này mang một ý nghĩa là chuyển đổi cái nhìn nhỏ hẹp thành ra rộng rãi vô biên, con cóc ở đáy giếng nhảy ra miệng giếng để ngó được bầu trời mênh mông. Ngay khẩu quyết của thế Cóc đã mang cho người tập một nhân sinh quan mới mẻ "Thị phi hợp nhất / Đốn nhập chân không / Nhẹ nhàng nhập thế". Thế Trâu thì nhẹ nhàng chuyển hóa để đẩy chứng nghiệp ra, sau mỗi lần tập thế này tôi thấy mình nâng nâng như trút nhẹ được một gánh nặng (Khẩu quyết "Đẩy trừ phiền não,..."). Ngoài ra trong khi vận động hai tay, thế này còn tác dụng vào kinh Phế để tốt cho phổi. Thế Hạc giúp ta dễ bỏ bản ngã to lớn của chính mình mà khiêm cung hơn. Thế Rồng là biểu hiệu sự uốn mình phá núi bay lên trời xanh, tập thế này sẽ giúp cho bộ phận tiêu hóa và sự uốn éo sẽ tránh được vôi đóng ở cột sống. Tôi vốn bị đau lưng nên hay tập thế Cọp, đây là thế mệt nhất vì phải dùng cả phần lưng để đập xuống làm cho lưng được giãn tối đa. Thế này còn tác dụng giúp chúng ta khai mở tầm nhìn và óc sáng tạo. Riêng tôi vẫn thích tập thế Rùa nhất, tuy thế này khó nhưng nó lại có thể giúp chúng ta khai mở tất cả các kinh mạch năng lượng trong thân mình.

Tôi không muốn đi nhiều vào từng thế tập bởi vì như thế sẽ đi ra khỏi phạm vi bài này. Tôi chỉ muốn đưa một vài nét chính của các môn Khí công mà tôi đã tập qua, để người đọc theo đó sẽ chọn được một môn pháp thích hợp cho mình tập. Chả thế người xưa thường hay nói "Tùy bịnh chọn công", tùy theo thể chất và sức khỏe mà chọn cách tập Khí công.

Thu công:

Các thầy Khí công hay dạy học trò: "Luyện công không thu công không bằng không luyện công", để nói sự quan trọng của thu công bởi vì nếu thu công có tính cách qua loa sẽ đưa đến tình trạng sai lệch.

Ba nguyên tắc chính thu công:

1. Thu công là chuyển hóa từ thể động qua tĩnh: sau khi tập luyện, cơ thể và thần kinh cần được nghỉ ngơi, nên lúc đó mọi hành động phải nhẹ nhàng, toàn thân thả lỏng, hơi thở êm nhẹ và tự nhiên.

2. Đưa Khí về đan điền (Ý thủ đan điền): trong khi luyện tập, Khí có thể bị hỗn loạn, nên cần phải đưa Khí về đan điền, nếu không sẽ sinh ra bệnh tật, như chướng bụng hay khí bốc lên đầu.

3. Xoa bóp: sự lưu thông của kinh mạch và khí huyết trong khi luyện tập vì lý do nào đó có thể không thông suốt, nên cần phải xoa bóp thân thể để tác động cho sự lưu thông được tốt hơn.

Cuối cùng:

Tôi không muốn làm công chuyện so sánh môn Khí công này với Khí công nọ, tôi chỉ viết ra đây những gì tôi đã trải qua mấy năm trời tập luyện. Đi từ cái số không về sự hiểu biết Khí công cho đến lúc gặt hái được những kết quả mà do sự luyện tập của mình đưa ra, đó là một đoạn đường tương đối dài và nhiều công lao. Nó đòi hỏi một sự kiên trì và cố gắng đều đặn thường xuyên, nhưng ta phải có đủ can đảm để bước lên con đường đó và đi tới phía trước. Phải vượt qua được những trở ngại do mình dựng nên, phải dẹp được cái yếu đuối do mình tạo ra, bỏ cho được những ham muốn nhỏ nhoi do mình mang tới, mỗi ngày một chút vươn lên, đạt cho được cái toàn hảo của thân và tâm để cuộc sống trở nên thăng hoa và hạnh phúc.

Tôi xin gởi đến các bạn một câu của bác sĩ Ngô Gia Hy, ông viết (2): "Cái mức độ cao nhất của sự hoạt động là bất động, cái mức độ cao nhất của sự hùng biện là câm lặng. Sự đạt thành hoàn hảo nhất của sự bắn cung là đừng bắn. Tột đỉnh của khí công là ngày nào cũng tập mà không thấy mình tập, vì nó tự nhiên như hơi thở, như nhịp tim đập, như những chuyển vận nhịp nhàng của trời đất". Được như vậy chúng ta mới đạt được "Thân tâm hợp nhất" để vào cái Không của Thiền Định: "Luyện tinh hóa khí / Luyện khí hóa thần / Luyện thần nhập hư" (Hư là hư không).

(Juli 2011)

Tài liệu đọc thêm:

1) Sách "Khí công 100 ngày", Phương Xuân Dương
2) Sách "Khí công học và y học hiện đại", Bs Ngô Gia Hy
3) "Càn Khôn Thập Linh-Môn thể dục nhiều hiệu năng", Nguyễn Đức Trọng
4) DVD "Ba Duan Jin&Tai Chi Gong", Andreas W. Friedrich

https://tieulun.hopto.org

Viết về danh nhân thế kỷ 21: Steve Jobs

Ngày ấy đã đến rồi ...

• Giao Chỉ - San Jose

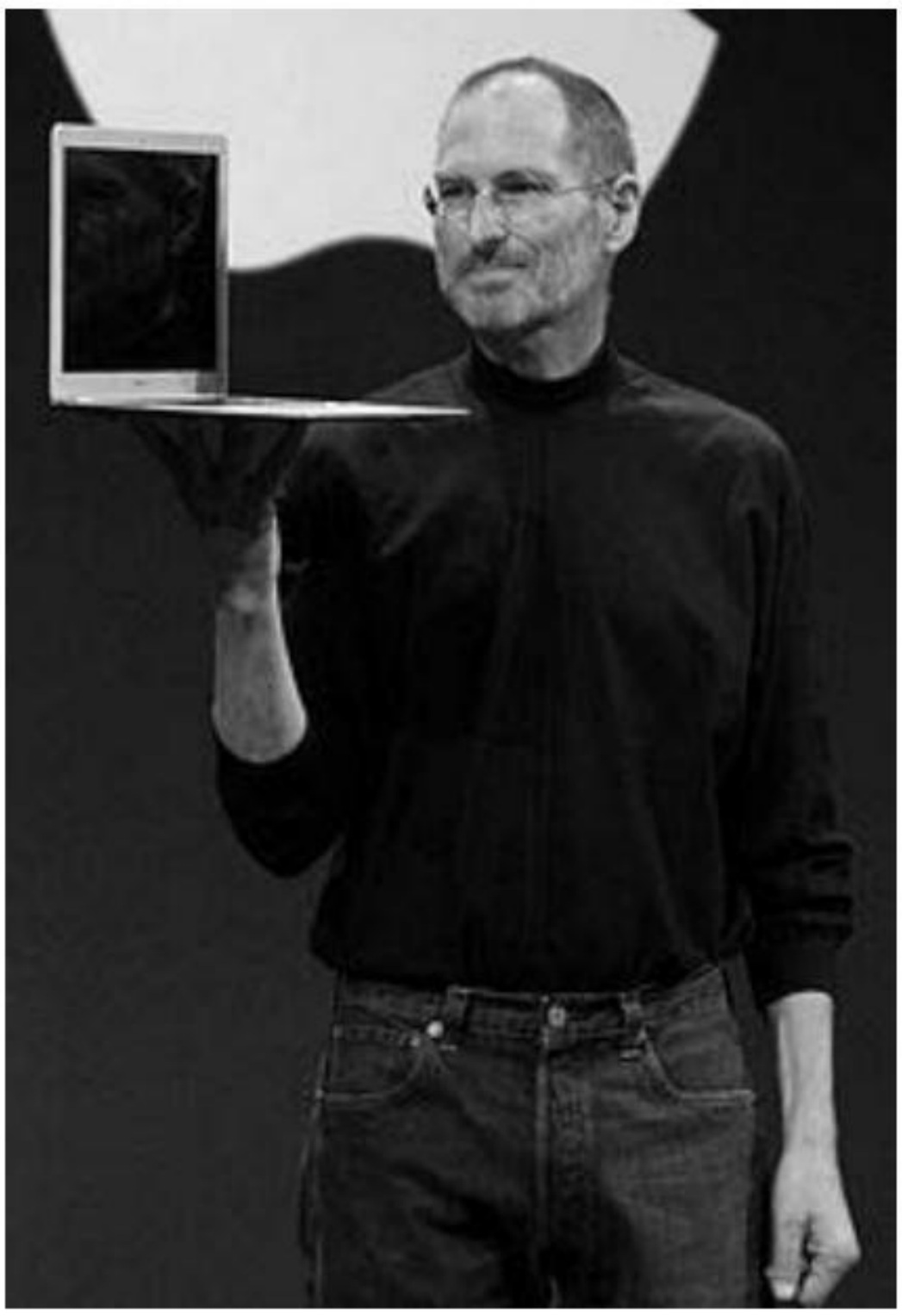

Jobs đang giữ chiếc laptop MacBook Air tại Triển lãm và Hội thảo Macworld 2008

... Nhưng quả táo còn cắn dở dang

Với quả táo cắn dở dang, không hề liên quan gì đến khoa học, chẳng ăn nhằm gì đến điện toán, cha đẻ của nó, anh chàng học hành cũng dở dang đã làm thay đổi thế giới chúng ta đang sống.

Chúng tôi có đứa cháu vợ sinh quán Rạch Giá lưu lạc bên Toronto, xứ Canada mới qua chơi Bay Area. Toàn thể 9 quận với hơn 200 thành phố quanh vịnh Cựu Kim Sơn, cháu chỉ nhớ có San Francisco, San Jose và sau cùng là Cupertino.

Tại sao Cupertino? Đó là thành phố đặt bản doanh của Apple. Xem ra thế hệ mới của nhân loại ngày nay anh nào cũng biết hãng Apple.

Hiện nay cơ sở của Apple cũng đã được coi là tân kỳ nằm ở phía Tây Nam xa lộ 280. Nhưng rồi đây bản doanh mới như một phi thuyền vĩ đại hình tròn sẽ hạ cánh xuống phía Đông Bắc xa lộ 280 để trở thành tân vương quốc Apple. Từ cảm hứng của Ngũ Giác Đài, nhà tỷ phú điện tử đã lựa chọn một kiến trúc 3 tầng quay vòng tròn để làm kinh đô cho Apple. Cung điện này sẽ là nơi làm việc của 13 ngàn nhân viên với 10.000 chỗ đậu xe. Đặc điểm quan trọng nhất của Apple là tìm tòi khai phá, nên Steve đã dành 300.000 square feet làm khu vực Rechearch.

Tuy nhiên quốc vương của Apple là Steve Jobs chỉ mới được coi các công trình qua hình ảnh. Bởi vì ngày ấy của ông đã đến rồi.

Một đời bất hạnh

Tháng 8.2011 vừa qua Giám đốc Công ty Apple, ông Steve Jobs loan báo trong thư từ chức gửi cộng đồng điện toán. Thư rằng: "Tôi đã từng nói, ngày nào không còn làm tròn bổn phận, sẽ là người đầu tiên thông báo cho các bạn biết. Thật buồn là ngày đó đã đến".

Trong thư ông đề cử Phó giám đốc lên thay và ông tự đề nghị mình vào chức Chủ tịch hội đồng quản trị. Trên thực tế, từ mấy tháng gần đây, vị Phó giám đốc của Apple đã chính thức đảm đang mọi việc. Chức vụ mà ông Jobs làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chỉ là hình thức danh dự.

Cuộc đời ông đang ở những ngày tháng sau cùng vì bệnh ung thư đã đến lúc không còn cứu chữa được nữa.

Nhà tỷ phú danh tiếng nhất trong thế giới điện tử thực sự đã sống một cuộc đời bất hạnh và sự đau đớn sau cùng ngoài bệnh tật thì phải kể đến là cuộc đời vắn số. Mới ngoài 50, với sự nghiệp vĩ đại, bộ óc phi thường, tư duy xuất sắc và gia tài gần 10 tỷ mỹ kim, phải ra đi quả thực là đại bất hạnh. Tin sau cùng cho biết, ông đang chuẩn bị ra đi. *(Ghi chú của VG: Ông Steve Jobs mất ngày 5. Oktober 2011 tại Palo Alto, Kalifornien, Hoa Kỳ).*

Những phát minh vĩ đại

Steven Paul "Steve"Jobs sinh ngày 24 tháng 2 năm 1955. Cùng với 2 người bạn từ cuối thập niên 70 đã hoàn thành dự án thương mại với phát minh máy điện

https://tieulun.hopto.org

toán cá nhân Apple II. Đây là một bước tiến vĩ đại của nhân loại đi từ các máy điện toán khổng lồ IBM dùng trong quốc phòng và kỹ nghệ trở thành computer đem đến mỗi nhà. Qua đầu thập niên 80 với máy Macintosh và con chuột ra đời thì nhân loại đã thực sự bước vào thời đại điện tử. Thung lũng Santa Clara trong đó có San Jose và Cupertino đã trở thành thung lũng điện tử. Người Việt tỵ nạn không những đến từ Việt Nam, từ các trại tỵ nạn qua San Jose mà cả ngàn người từ các tiểu bang khác cũng dọn về Bắc Cali để đi làm điện. "Ở đây chồng tếch vợ ly, cùng làm một síp còn gì sướng hơn" .

Năm 1985 Steve bất đồng ý kiến với hội đồng quản trị công ty Apple bèn tách ra lập công ty mới. Sau đó ông trở thành người khai phá con đường dùng computer trong các phim hoạt họa và là thành viên của công ty Disney Land. Ông cũng trở lại làm Giám đốc Apple đưa công ty này lên tột đỉnh vinh quang với nhiều sáng chế mỗi năm cho đến khi mới loan báo từ chức.

Về phương diện cá nhân Steve Jobs có gia đình, 4 con. Cư ngụ tại Palo Alto, California. Lương trung bình 1 triệu 1 năm nhưng ngoại bổng thì vô kể. Tài sản hiện tại trên 8 tỷ mỹ kim, nguồn gốc lai Trung Đông, mang quốc tịch Mỹ, theo đạo Phật.

Ra đời dưới một ngôi sao xấu

Cậu bé Steve Jobs không phải là người thuần chủng Hoa Kỳ. Cha ruột là Abdulfattah John Jandali người Hồi giáo xứ Trung Đông Syria. Mẹ ruột là Joanne Simpson. Gia đình không chấp nhận cuộc hôn nhân của cha mẹ nên cô gái mang bụng bầu về sanh tại San Francsico và đem đứa con trai cho ông bà mẹ nuôi. Cha mẹ nuôi là Paul và Clara Jobs, cư ngụ tại Mt.View.

Lúc còn nhỏ cậu bé Steve học tiểu học và trung học tại Cupertino. Sau đó ghi danh học Reed College tại Portland được đúng 1 semester rồi bỏ ngang. Cuộc sống thời niên thiếu của Steve hết sức nghèo khổ. Ngủ tại sàn garage bạn bè. Đi nhặt lon bán kiếm sống và ăn cơm homeless tại chùa Hare Krihna.

Ông Jobs có lúc nói rằng nếu ông theo học đại học chăm chỉ thì không có computer Mac ra đời.

Phải chăng vì hoàn cảnh sinh ra từ gia đình một di dân bất hạnh, nuôi dưỡng bởi một gia đình nghèo túng đã dẫn dắt Steve Jobs đến con đường vinh quang hiện nay.

Con người ảnh hưởng đời sống nhân loại

Cuối thế kỷ 20 nhân loại bước vào thời đại máy điện toán cá nhân. Mọi người bắt đầu một cuộc sống khác. Cuộc sống trong thế giới ảo. Click một cái, cả thiên đường và địa ngục hiện ra. Máy điện toán là nơi tập trung kiến thức của cả tỷ người góp lại từ cả thiên thu lịch sử. Màn hình hiện lên mọi tin tức thông thái và đem đến cả tin tức ngu dốt và rất nhiều ngộ nhận. Con đường điện toán đã có biết bao nhiêu đóng góp của thiên tài trong nhân loại. Tuy nhiên trước sau cho đến bây giờ chỉ có một người nổi bật nhất đó là Steve Jobs.

Một người sắp chết. Cha không nhận con. Mẹ bỏ con một mình. Bán lon coke để lấy tiền mua coca. Ăn cơm chùa trở thành theo đạo Phật. Chỉ vì lưu lạc lang thang không có tiền học nên túng quẫn phải tìm đường trở thành thiên tài điện tử. Khi trở thành danh tiếng vang lừng thì tụy tạng đã chai cứng. Khi trở thành tỷ phú thì thân thể đã tàn phai. Tiền rừng bạc bể nhưng ăn mặc vẫn như homeless muôn đời.

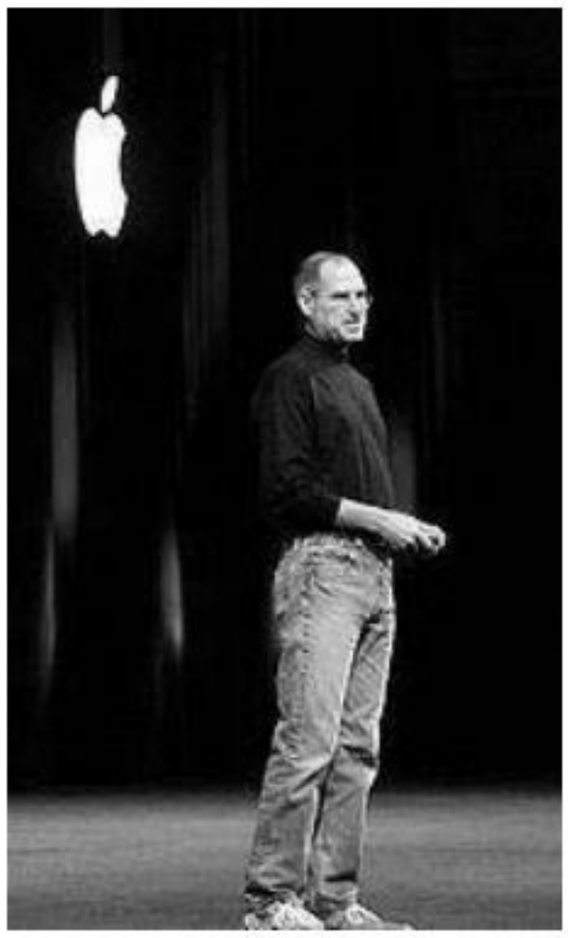

Được cả thế giới thương yêu nhưng người thân cận làm việc bên cạnh, ai cũng nói đây là một ông chủ xấu tính nhất địa cầu. Học hành chẳng ra sao nhưng được các đại học danh tiếng thế giới mời tới để trao bằng tiến sĩ danh dự đủ loại. Và quan trọng hơn hết là đọc diễn văn để dạy dỗ cho các tân khoa Cao học tốt nghiệp đủ mọi ngành.

Và bài diễn văn quan trọng nhất Steve mới đọc tại đại học Stanford có tựa đề. Các bạn sẽ đoán xem. Phải chăng là điện toán thế kỷ 21 hay là ảnh hưởng của computer trong đời sống hiện nay. Không! Sai hết. Tựa của bài diễn văn lừng danh đó là: How to live before you die - Sống ra sao trước khi chết.

Trong bài đó có những câu hỏi. Anh làm gì nếu hôm nay là ngày cuối của cuộc đời. Với mầm ung thư trong người, với hoài bão mãnh liệt suốt từ năm 15 tuổi cho đến nay 56 tuổi, người thanh niên cao lênh khênh như cây sậy đó luôn luôn là người có thẩm quyền nhất để nói về đề tài sự sống và cái chết.

Với hàng ngàn khoa học gia trẻ tuổi trên thế giới Steve là thần tượng về kỹ thuật, nhưng mọi người lại kính trọng ông về tư tưởng. Ngày nay, không phải các chính khách lãnh tụ mới thay đổi cuộc sống. Không phải các nhà văn hóa mới làm cuộc sống thay đổi. Bây giờ là thời đại của các kỹ thuật gia làm cuộc đời chúng ta khác biệt. Pascal đã nói: Con người cũng chỉ là cây cỏ nhỏ muôn loài. Con người khẳng khiu như cây sậy. Nhưng con người là cây sậy có tư tưởng.

Một trong những người đó là Steve Jobs. Cây sậy có tư tưởng. Ngày của ông đã đến, nhưng thời của Steve vẫn còn mãi mãi như kinh đô Apple dưới hình dạng phi thuyền hình tròn vĩ đại sắp hạ cánh xuống Cupertino vào những năm sắp đến.

Steve sẽ không thấy được vương quốc của ông. Nhưng nhân loại sẽ có dịp thấy thành quả của quả táo cắn dở dang và đâu đó là những lon coca thu lượm lại để cho đứa bé trở thành một con người.

Thật lạ lùng khi Trung Đông nảy sinh ra Bin Laden làm điêu đứng Hoa Kỳ. Trung Đông cũng tặng cho Mỹ quốc đứa con lạc loài Steve Jobs. Rồi đây những bà mẹ Tàu Đài Loan ở Cupertino la mắng thằng con. Mày bỏ học thì sau này thành thứ người gì? Đâu phải đứa nào bỏ học cũng thành Steve Jobs.

https://tieulun.hopto.org

Nói ngược nói xuôi

• Biếm văn của **Tiểu Tử**

Nói

"Nói", không phải dễ. Thật vậy! Những gì mình nói, gặp ông Mít nghe xuôi tai, ổng gật gù: "Thằng!... Nói nghe được à!". Còn gặp ông Xoài, những gì mình nói đó, ổng lại nghe không... lọt lỗ tai, nên thấy ổng nhăn mặt lắc đầu: "Mẹ!... Thằng ăn nói ngược ngạo, nghe vô duyên thấy mụ nội!". Rồi, theo... thói quen xưa nay, người "chịu" mình nói chỉ biết làm thinh, còn người không chịu thì tiếp tục chỉ trích phê bình dài dài... Đó! Để thấy "Nói", không phải dễ! Phải tùy đối tượng mà nói, nghĩa là phải... "bắt gân mặt" người nghe, để nói làm sao cho nó xuôi...

Các nhà lãnh đạo chắc đã rành cái "mánh" nầy cho nên họ nói trước công chúng nghe xuôi rót! Có người xấu miệng nói họ mị dân. Suy cho cùng, họ nói mà dân nghe bùi tai dân khoái cũng là điều tốt thôi!

Nhưng, cũng có những nhà lãnh đạo bước lên diễn đàn cứ tưởng mình là một... "siêu sao" trước vô số máy quay của các đài truyền hình thế giới, nên phát ngôn bừa bãi, nói xuôi nói ngược mà không hay. Tỷ dụ như Chủ tịch nước VNXHCN đã nói : "Cu-ba thức thì Việt Nam ngủ, Cu-ba ngủ thì Việt Nam thức. Chúng ta cùng giữ gìn hòa bình cho thế giới...". Nghe... nghịch nhĩ ở chỗ là không thấy lúc nào "hai đứa" cùng thức thì lấy gì "cùng giữ hòa bình cho thế giới"? Một tỷ dụ nữa là Thủ tướng VNXHCN tuyên bố một cách sung sướng: "Toàn dân bước ra biển lớn". Chết cha! Hồi năm 1975, cả triệu người Việt Nam đã "bước ra biển lớn", bộ ổng thấy chưa đủ sao mà bây giờ ổng biểu toàn dân ra đi nữa? Rồi đất liền để lại cho ai? Cho Tàu chắc!

Có lẽ "thấu triệt" những sơ hở nầy nên các nhà lãnh đạo... "siêu cấp" ở các xứ cộng sản dùng một "mánh" khác: đó là nói... tràng giang đại hải để những người nghe không tài nào "nắm bắt" những gì họ muốn nói – dĩ nhiên, họ không quên lâu lâu ngừng nói để vỗ tay cho hội trường... giật mình vỗ tay theo kẻo mọi người... ngủ hết còn gì! – Còn những người nghe cứ ngồi đừ ra đó, lâu lâu được tự do... ngáp!

Đã nói: "NÓI ', không phải dễ mà!

Nói về "NÓI"

Nói về "NÓI", ông bà mình ngày xưa dạy con cháu: "Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe". Hay quá! Cái gì mình biết thì mình hãy nói – dĩ nhiên là mình nói những gì mình biết tường tận, có gốc có ngọn, loại hiểu biết có... đóng dấu kiểm chứng đàng hoàng, có... phắc-tuya o-ri-gin chớ không phải đồ dỏm. Còn cái gì mình không biết thì... thọc miệng xía vô làm chi cho nó lòi cái quê cái dốt của mình ra! Thà là mình làm thinh, lựa... cây cột nào gần chỗ người ta đang nói để "ăn chắc" là nghe cho rõ, rồi chú tâm lắng nghe mà học hỏi thêm, hầu mở mang hiểu biết. Dĩ nhiên, mình không nên "nhắm mắt nghe", bởi vì mấy... "nói sĩ " hay có tật "nổ " để chứng tỏ sự hiểu biết "minh mông thiên địa" của họ, cho nên lắm khi mấy chả cũng nói..."trật bàn đạp" mà không hay (Mắc lo "nổ" thì làm sao... "nghe" rõ những gì họ nói?). Nếu mình "nhắm mắt nghe", nghĩa là mình hoàn toàn tin tưởng vào những gì "nói sĩ" nói, là mình tiếp thâu... "hàm-bà-lằng" cái đúng cái sai, cái hay cái dở, mà trong đầu cứ đinh ninh tất cả là... số dách hết! Có lẽ tại vì ngày nay có quá nhiều người "dựa cột mà nghe "theo kiểu đó nên thấy có "nói sĩ" đầu hôm sớm mai "biến" thành "Thầy" ngon lành!

Ở các xứ cộng sản, "nói sĩ" không biến thành "Thầy", mà biến thành "Lãnh Tụ". Họ không cần "Biết thì thưa thốt", bởi vì "Nói" là đặc quyền của họ, cho nên "Biết", họ nói đã đành, mà "Không biết", họ cũng... nói tuốt! "Tiên sư thằng nào dám nói lãnh tụ nói sai!". Còn về sự "Dựa cột mà nghe" để mở mang kiến thức thì... "đếch có cần", bởi vì "Ta đã là đỉnh cao trí tuệ thì còn thứ gì mà ta phải học hỏi thêm? Rõ khỉ!".

Nói về "Nói", đến đây bỗng đụng "lý luận Mác Lê" thành ra... "hết nước nói". Thôi! Ngừng vậy!

Nói có sách

Mấy cha có tật hay nói thường gặp người khác... nói: "Coi chừng! Cái gì nó nói, mình phải... xin keo rồi hãy tin!". Vì vậy mà những vị nào đã... lỡ mang nghề nói đều huênh hoang rằng mình "nói có sách" và trong người lúc nào cũng lận lưng quyển sách... "nghề" của mình để khi cần thì rút xoạch ra chứng minh! Hà... Đến đây mới thấy cái quyển sách nó... làm nên con người, chớ không phải giỡn! Nó... bịt miệng ngay thằng cha bạo phổi đã dám hỏi: "Thầy nói có sách không mà nói nghe ngon vậy?". Cũng giống như tên công an, chỉ cần rút cây súng lục ra đặt lên bàn nghe cái cốp là đối tượng của hắn đang bô bô "cãi cối cãi chày" bỗng tịt ngòi ngang xương, chỉ còn nghe tiếng... nuốt nước miếng cái ực thôi!

Để mình "nói cũng có sách", hãy nhìn xem: hễ là Thầy giáo thì phải ôm sách giáo khoa vào lớp, ông Cha nhà thờ giảng đạo luôn luôn cầm quyển thánh kinh, Hòa thượng thuyết pháp làm gì mà không mở quyển kinh Phật, ông Đạo trưởng Hồi giáo nào mà không lận lưng... hai ba quyển Coran (Kinh hồi giáo), ông quan Tòa ngồi trong phòng xử án tay luôn đặt lên cuốn luật pháp to cỡ bốn viên gạch, mấy lãnh tụ cộng sản cha nào cũng... đội trên đầu quyển "Tư tưởng Mác Lê "...

Nhân nói đến cộng sản "nói có sách", để kể cho nghe chuyện "Cán bộ Việt Cộng lên lớp trong một trại tù cải tạo". Như thông lệ, cán bộ vào trại để lên lớp lúc nào trong tay cũng cầm một quyển sách. Hắn trịnh trọng đặt sách lên bàn rồi nói, nói thao thao bất tuyệt, rằng là "Đồng chí Sáu Lê Ninh nói thế nầy...", rằng là "Đồng chí Sáu Lê Ninh nói thế kia...", rằng là "Đồng chí Sáu Lê Ninh..." vân vân... rằng là... vân vân... Bỗng , một anh tù chắc có... học gồng nên dám đưa tay chận ngang để phát biểu: "Làm sao cán bộ biết Lê Ninh thứ sáu mà gọi ngon lành là đồng chí Sáu Lê Ninh?". Tên cán bộ trợn mắt ngạc nhiên nhưng rồi mỉm cười khinh khỉnh: " Các anh dốt, không đọc sách nên không biết đấy thôi!". Rồi hắn cầm quyển sách đưa lên, tay chỉ chỉ tên tác giả, nói: "Đây này, in rõ ràng đây này!". Đó là quyển "Quốc Gia và Cuộc Cách Mạng " của Vladimir Ilitch Lénine, tên tác giả được rút ngắn lại như sau :" VI Lénine ", cán bộ đọc ra là số 6 La mã! Đúng là "Nói Có Sách"!

Học ăn học nói

https://tieulun.hopto.org

Ông bà mình ngày xưa dạy con dạy cháu rằng: lúc nào cũng phải học, từ "học ăn học nói" đến" học gói học mở" (Xin lỗi! Tôi hay đem "*ông bà ngày xưa* " ra... dẫn chứng mà không một lời nhắc nhở đến "*ông bà ngày nay*", bởi vì ở cái thời "ngày xưa" đó, con cháu còn biết ngồi nghe ông bà kể chuyện... đời xưa hay dạy dỗ điều hay lẽ phải... v.v... Còn ở cái thời bây giờ, ông bà có... ráng gân cổ lên để nói - gọi là để "giảng mo-ran" - đã chắc gì con cháu nó nghe! Nhiều lắm là tụi nó... "ậm à ậm ừ" cho lấy có vì đang bận coi télé, gõ PC, gọi điện thoại cầm tay cho bạn bè hay đấu đá nhau trong mấy trò chơi điện tử rộn rã! Thành ra, ông bà ngày nay chẳng thấy có "những lời vàng ngọc" để mình... dựa vào đó mà viết... biếm văn nói ngược nói xuôi! Xin ông bà ngày nay thông cảm!).

"Học Ăn"! Chắc có người sẽ nói: "Ăn thì có... khỉ gì mà học? Cứ ton vô miệng rồi nhai rồi nuốt, ai mà không biết!". Ậy! "Ăn", không phải chỉ vỏn vẹn có nhai rồi nuốt, bởi vì còn phải biết chọn thứ gì để ăn, thứ gì ăn với thứ gì, rồi ăn làm sao, ăn sống hay ăn chín, ăn nướng hay ăn luộc, rồi ăn lúc nào, sáng trưa chiều tối, đợi đói mới ăn hay cứ... lu bù xín-xái, rồi ăn... ngồi hay ăn đứng hay... ăn nằm (Đừng cười! Ngày xưa, dân La-mã vẫn nằm mà ăn. Và ngày nay, ở Việt Nam đã có nhà hàng... nằm rất ăn khách!) rồi ăn bốc hay ăn bằng đũa bằng nĩa bằng dao?... Mới kể sơ sơ thôi mà đã thấy... chóng mặt vì rõ ràng là "Ăn, phải học"!

Đúng vậy! Mới vào bàn ăn đã phải học "ăn coi nồi ngồi coi hướng". Nhằm chỗ dành cho ông cả mà "thẳng nhỏ" tót vô ngồi là bậy, là thiếu giáo dục, nghĩa là phường "thất học "! Rồi, chưa ai cầm đũa hết mà mình đã "đớp" lia như "quân chết đói"... là không được! Phải đợi người lớn gắp trước rồi mình mới... thọc đũa vô và phải từ tốn chớ không được gắp ào ào như... múa đũa! Đó! Ông bà dạy kỹ như vậy! Vậy mà bây giờ không biết người ta - những người đã tự hào... được "học ăn" ở các xứ cộng sản vĩ đại anh em – đã học ăn làm sao mà sau năm 1975 họ vào miền Nam Việt Nam áp dụng cái học ... "siêu đẳng" đến nỗi cái "Ăn" - gọn lỏn dễ... thương! - đã biến thể, kéo theo một lô "phụ chú" đầy... gút mắt: ăn quịt, ăn gian, ăn cướp, ăn trộm, ăn hối lộ, ăn...! Sau nầy, hỏi ra mới biết họ đã học ăn ở những xứ... không có gì để ăn nên cái "Ăn" mà họ học hoàn toàn là cái "Ăn" ... ảo, cái "Ăn" không có thật! Cho nên khi vào Nam, họ thấy cái gì cũng ăn được hết - kể cả nhà cửa đất đai ruộng vườn - vậy là họ cứ... nhắm mắt đớp như điên! Cái ăn "không bài bản" đó, người ta gọi theo... chữ nghĩa là "cái ăn của bọn vô học". Điều lạ là chẳng thấy cha nào ngã ra chết vì... bội thực hết! Dầu sao, thiên hạ vẫn luôn đề cao cái "Học Ăn" mà ông bà mình ngày xưa đã dạy. Để thấy: nó vẫn chưa phải là... quá đát!

Bây giờ, nói đến "Học Nói". Xưa nay, người ta hay coi thường sự "Học nói", cứ nghĩ là ọ ẹ từ nhỏ riết rồi lớn lên tự nhiên biết nói. Vì không học nói cho nên hễ mở miệng là nói bậy nói bạ, nói trên trời dưới đất, nói... trật đường rầy, nói trây nói tục, nói như "dùi đục chấm mắm nêm", nói "phang ngang bửa củi ",... nói ...v.v... Vậy, để tránh tình trạng nói như... chó bươi thùng rác, ta phải "Học Nói"!

Thông thường, người ta dạy nói cho có lễ độ, biết nói "dạ thưa", biết nói "cám ơn", biết "khoanh tay cúi đầu" (đây cũng là một cách nói, tuy nó không có lời nhưng nó nói lên sự kính trọng người trưởng thượng). Rồi còn học nói cho văn vẻ thanh tao, không dùng những từ ngữ... đầu đường xó chợ (có bực lắm thì cũng biết... xổ nho cho đúng điệu con người có... văn hóa, ví dụ: thay vì "Đ.Mẹ ! Đ. Bà! "thì chỉ nên... khạc ra vài tiếng "Thằng khốn nạn! Mầy không biết tao là ai à?" rồi đưa tay vào lưng quần làm như sắp rút cái gì ra, vậy là đối tượng... xếp ve ngay! Tiếp theo là học nói làm sao để nói đúng nơi đúng lúc, đúng chủ đề... v.v... Và còn nữa! "Học Nói", không phải chỉ vài câu là... hết bài! Cho nên đừng ngạc nhiên sao có những người tuổi đời đã... nặng ký mà vẫn lui cui đi học nói!

Ở những nước cộng sản, các lãnh tụ đều thấu triệt cái triết lý vĩ đại của "Học Nói", cho nên họ học rất kỹ, thuộc nằm lòng bài bản đến độ khi họ nói - họ gọi là "phát biểu" - họ nói... y chang như nhau, cung cách y chang như nhau, từ ngữ y chang như nhau! Có điều là những gì họ học để nói hoàn toàn không... "dây mơ rễ má" gì với những gì ông bà mình dạy! Thành ra, sau năm 1975, ở miền nam Việt Nam có hai... trường phái "Học Nói": trường phái "cổ điển" của ông bà để lại và trường phái "cách mạng" du nhập từ các nước "đồng chí anh em"! Dĩ nhiên, hai trường phái không... ăn rơ với nhau cho nên phe nào nói phe nấy nghe! Mấy cha cán bộ nói – luôn luôn nói tràng giang đại hải - để họ nghe, còn mình nói là để cho mình nghe. Chỉ có... vỗ tay là vỗ tay chung, bởi vì bây giờ cái vỗ tay không còn ý nghĩa gì ráo thì khi nào thấy cán bộ đang nói bỗng ngừng ngang rồi vỗ tay, ta cứ... nhắm mắt vỗ tay! Cho... nó rồi!

Sau 1975, dân Miền Nam già trẻ bé lớn gì cũng phải đi "Học Nói" hết, bởi vì chánh quyền không muốn thấy dân Miền Nam... câm!

Học hỏi và học hành

Nói đến,"Học", người ta nghĩ đến "Vô nhà trường". Thật ra, cái "Học" không phải chỉ có ở nhà trường, bởi vì một khi mình muốn biết thêm một vấn đề gì đó, một cái nghề gì đó, một lãnh vực nào đó... để đừng bị người khác nhìn mình có "nửa con mắt" rồi trề môi chê mình không biết gì hết, mình có thể học bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào. Cái "Học" nó... tràn đồng chớ không phải chỉ "đóng khung" trong nhà trường và con người lúc nào cũng dính với cái "Học" mà không để ý bởi vì xưa nay vẫn quen nói "Dốt là không biết chữ"!

Vậy, ngoài sự không biết chữ, "Dốt" là gì? Một anh nhà quê lên thành phố hiện đại không biết sử dụng bàn ngồi trong cầu tiêu... người ta nói thẳng chả dốt. Còn ông tiến sĩ từ thành phố xuống dưới quê chơi, đi tát nước ruộng với người chú, chỉ dụng cụ hỏi là cái gì? Người chú cười khinh: " Mầy dốt quá đi! Cái đó gọi là cái gàu! Không có gàu thì lấy khỉ gì mà tát?". Hai nhân vật vừa kể đều được coi là dốt bởi vì họ kém hiểu biết trong một lãnh vực nào đó. Nếu họ được chỉ dạy, họ học thêm cách sử dụng bàn ngồi trong WC và cái gàu tát nước ngoài đồng, họ sẽ không còn dốt ở hai nơi nầy nữa. Vậy, để khỏi dốt, mình phải chịu khó học, trong cái nghĩa "học" là đem thêm những hiểu biết mới vào... kho hiểu biết ở trong đầu mình (Dĩ nhiên là trong kho chứa loại hiểu biết thật chớ không phải loại dỏm, loại... giả mạo trốn thuế... hay loại mà ở Việt Nam bây giờ người ta gọi là "ma túy xì ke"!)

"Học" không, chưa đủ! Trong khi học, phải biết hỏi. "Hỏi" để hiểu cho rõ cái mình học. Nếu không biết hỏi hay không chịu hỏi, thì cái học của mình bị gọi là "học như con két" nghĩa là nghe sao nói vậy chớ không cần hiểu. Hà!... Đến đây mới thấy các lãnh tụ công sản rất... "đỉnh cao trí tuệ" trong đường lối dạy đàn em và quần

https://tieulun.hopto.org

chúng học: họ bắt học nhưng không cho hỏi, bởi vì hỏi là... "đặt vấn đề", mà "đặt vấn đề" là "chưa hoàn toàn tin tưởng và triệt để nhất trí" với lập trường của đảng! Học viên phải im lặng nghe, không cần hiểu, chỉ cần biết nói lại đúng những gì cán bộ nói. Vậy là... "ăn tiền"! Nếu có tay nào "xăm mình, bạo phổi" nhứt định hỏi thì... ta chụp cho nó cái mũ "phản động" là... xong ngay thôi!

Để tránh... lòi cái manh tâm dạy "học không được hỏi", nghĩa là muốn xóa cụm từ "Học Hỏi" trong tiếng nói của Miền Nam, các lãnh tụ còn "siêu" hơn nữa: họ đặt ra một cụm từ mới có tên "Học Tập", được dùng... xả láng nên rất phổ thông, ở đâu cũng thấy học tập, làm thứ gì cũng phải học tập, đến nỗi ở tù cũng gọi là học tập nữa! ... Người ta nghĩ đơn giản**: học** làm sao thì cứ **tập** làm y chang như vậy. Vậy là... yên thân!

Bây giờ, nói tới "Học Hành". Nếu học rồi... lặn luôn thì cái học đó uổng quá! Phải đem cái học ra "hành", nghĩa là thực hiện cái gì mình đã học. Và nhờ ở "hành" mà mình biết mình làm đúng hay sai. Càng "hành", mình càng có nhiều kinh nghiệm để cái gì mình thực hiện càng ngày càng hay hơn, có giá trị hơn. Và như vậy, con người mới tiến bộ, xứ sở mới phát triển. Ở các xứ tự do, cái "học" nó... thiên hình vạn trạng nên cái "hành" cũng vô số kể... chớ không bị đóng khung trong "đường lối chỉ đạo đầy sáng tạo" của đảng X hay đảng Y gì gì... "Đóng khung" có nghĩa là đảng dạy "Hình vuông" nhưng lại đưa lên "Hình tròn" mình vẫn... nhắm mắt hô to "Vuông", tiếp theo là mình chỉ biết... cắm đầu tạo hình vuông rồi hình vuông rồi hình vuông... suốt đời!

Ở Việt Nam , cái " Học Hành " cũng bị đóng khung như kể ở trên, nhưng là một loại khung chưa từng được kiểm nghiệm, cho nên mặc dầu đã qua mấy chục năm độc lập tự do mà dân chưa giàu nước chưa mạnh như thấy ghi đầy trên đường phố, và khi muốn thực hiện một công trình to to cỡ ... mười tấm chiếu, vẫn phải nhờ công ty ngoại quốc ...

Ông bà mình dạy con dạy cháu luôn luôn nhắc nhở phải "Học Hỏi và Học Hành". Không biết, ở Việt Nam bây giờ, có ai "biết cất giấu" hai cụm từ đó trong một... kẹt tủ nào không? Cất giấu với hy vọng một ngày nào đó sẽ có quyền đem ra áp dụng để thấy quê hương mình vẫn còn có "một ngày mai tươi sang"... Hỏi, mà sao tôi nghe ứa nước mắt!

Nói về "Hành"

Nhân nói về "Học Hành", tôi nhớ cách đây mấy năm, nước Pháp gởi một phái đoàn chuyên viên qua Nhựt để nghiên cứu cách làm xe hơi, mặc dầu xe hơi Pháp đã đạt vị trí khá tốt trên thị trường quốc tế. Tôi đã... lột nón chào phục mấy nhà sản xuất xe hơi Pháp bởi vì họ đã biết... nhét cái "tự tôn mặc cảm" vô túi quần để sáng suốt nhận thấy xe hơi Pháp vẫn chưa đứng ngang hàng với xe Nhựt, và họ chịu khó đi Nhựt "Học Hỏi" thêm để về "Hành" với những kinh nghiệm mới.

Chuyến qua Nhựt của các kỹ sư Pháp được trực tiếp truyền hình nên tôi đã theo dõi dây chuyền lắp ráp xe hơi, từng khâu từng khâu, một cách thích thú. Nhưng, chuyện đã làm tôi thật ngạc nhiên là ở cuối dây chuyền sản xuất có một người Nhựt kiểm soát từ trong ra ngoài của chiếc xe, mở cửa đóng cửa nghiêng tai nghe tiếng cửa đóng, rồi ông ta đi tới đi lui rờ chiếc xe, không phải chỉ rờ ở một vài chỗ mà là rờ toàn thể chiếc xe! Một kỹ sư Pháp, chắc cũng ngạc nhiên như tôi, nên nghe hỏi: "Ông làm gì vậy?". Người Nhựt trả lời: "Tôi rờ! Ông không thấy sao?". Hỏi: "Rờ chi vậy?". Trả lời: "Rờ để coi còn chỗ nào chưa vừa ý, ví dụ như chỗ có hơi trầy sơn mắt không nhìn thấy nhưng rờ thì thấy, phải cho làm lại". Trong khi nói, người Nhựt đó không ngừng rờ, mắt vẫn theo sát hai bàn tay, chứng tỏ sự chú tâm đặc biệt. Một lúc sau, ông ta vừa gật gù vừa nói: "Tốt!". Rồi lấy trong túi trước ngực một cuốn sổ rút ra một miếng nhựa nhỏ bằng ba ngón tay mang chữ "OK" và hàng mã số, đem dán phía trong kiếng sau của chiếc xe. Ông vừa bấm nút cho dây chuyền đưa xe ra khu "OK" vừa nói: "Tôi làm nghề rờ nầy đã gần mười năm. Tôi rất hãnh diện vì chưa thấy một chiếc xe nào bị trả về, chứng tỏ rằng sản phẩm của nước Nhựt chúng tôi vẫn giữ đúng tiêu chuẩn quốc tế". Ông mỉm cười, đầu gật gật ra vẻ hài lòng. Đến đây, tôi nhận thấy rằng ngoài cái đầu óc và tay nghề người Nhựt để hết vào công trình chế tạo chiếc xe hơi, họ còn đặt vào đó lòng yêu nước vô biên của họ nữa. Đó là yếu tố chánh đã đưa nước Nhựt lên vị trí ngày hôm nay.

Xin nhắc lại, vào những năm 50, mặc dầu Nhựt đã đóng máy bay tàu chiến rất có giá trị kỹ thuật, nhưng sản phẩm thực dụng khác đều bị coi là đồ dỏm không cạnh tranh nổi trên thị trường quốc tế. Vì vậy, người Nhựt đã phải đi học hỏi mọi ngành nghề ở các xứ tiên tiến, để sau đó về nước thực hành với ý chí "Mỗi ngày phải hay hơn, hoàn hảo hơn", làm cho món hàng mang dấu ấn "Made In Japan" phải được thế giới mến chuộng. Và, như mình thấy, hôm nay họ đã thành công! Cái "Hành" thực tiễn nghĩa là không tiểu xảo ngụy tạo và lòng yêu nước của người Nhựt là một bài học lớn...

Bây giờ, thử nhìn lại Việt Nam coi... ra sao? Xin phép chỉ nhìn ở "chóp bu" thôi, bởi vì mọi quyền hành đều tập trung... mút chỉ ở trên đó hết, còn cái khối bần dân thiên hạ thấp lè tè dưới đất tuy mang mỹ từ "Nhân dân làm chủ" nhưng lại là hạng... tay trắng thân trần thì có khỉ gì để nhìn!

Nói về "Học" - đừng có giỡn - mấy cha lãnh đạo Việt Nam ngày nay đều là dân có học hết! Không biết họ học ở đâu mà ai cũng có học vị và văn phòng của họ toàn sách là sách. Nhìn số sách trám đầy bốn vách tường là phải biết ngay họ "học cao hiểu rộng", dầu không tốt nghiệp cao học thì vẫn là... học cao, bởi vì họ đã... giựt được cái bằng mà họ cho là cao quí nhứt, bằng "Đỉnh Cao Trí Tuệ Của Loài Người"! Bởi cái "Học" của họ... ngất ngưởng như vậy nên cái "Hành" của họ cũng "phiêu hốt ở bốn từng mây", nghĩa là... hai chân không chấm đất! Nhìn coi: họ đem công ty ngoại quốc vô xây cất cả đống công trình vĩ đại như nhà cao tầng (68 tầng! Hôm nào thang máy ăn-banh, trèo lên là... ná thở!) đường cao tốc (cho xe chạy 50 km/giờ!) cầu vượt đồ sộ có đường dành riêng cho người đi bộ (dân đi bộ vượt được qua cầu cũng... hộc gạch!) v.v..., trong lúc hệ thống cống rãnh bị nghẹt ứ từ mấy chục năm nên thành phố cứ bị ngập lụt tới rún sau mỗi cơn mưa lớn! Người dân lội trong nước để đi lại... sinh hoạt hay... chăng lưới bắt cá ngay trên lòng đường như đang "tham gia lưu thông", phía trên đầu là biểu ngữ "Có nước sạch là có sức khỏe" và "Quyết tâm thực hiện tốt khu phố văn hóa mới"! Người dân chỉ biết than là bị Ông Trời hành chớ không nghe ai dám lớn tiếng: "Tại mấy cha nội đó không biết... hành!".

Với cái kiểu "Hành" nầy, với cái đà "Tiến nhanh tiến mạnh" nầy, và với cái lòng ái quốc... đóng khung "Yêu nước là yêu Xã Hội Chủ Nghĩa" nầy... còn lâu "ta" mới chế tạo nổi chiếc... "Xe Trâu Made in Việt Nam" để ... xuất cảng... góp mặt với thế giới, chớ đừng nói sản xuất ra xe hơi như nước Nhựt! •

https://tieulun.hopto.org

Đâu chỉ là cái danh hão !

• **Song Chi**

Cuối cùng thì vịnh Hạ Long cũng lọt vào danh sách 7 "ứng viên" kỳ quan thế giới mới theo công bố của ban tổ chức cuộc bầu chọn New 7 Wonders. Cùng với khu rừng rậm nhiệt đới Amazone (Mỹ), thác Iguazu (Brazil và Argentina), đảo núi lửa Jeju (Hàn Quốc), đảo Komodo (Indonesia), công viên quốc gia Sông ngầm Puerto Princesa (Philippines) và núi Bàn (Nam Phi).

(Vịnh Hạ Long – photo: internet)

Tuy nhiên, theo tổ chức NewOpenWorld, đây chỉ là danh sách tạm thời và sẽ còn thay đổi. Kết quả cuối cùng sẽ được công bố vào đầu năm 2012.

Trừ báo chí nhà nước, thử lướt qua một số bài viết, ý kiến trên các diễn đàn độc lập, blog cá nhân, không mấy ai tỏ ra vui mừng trước kết quả này, thậm chí ngược lại.

"... Ngược với sự hồ hởi mừng vui 'cả nước reo hò'- với tôi, chuyện Hạ Long 'chiến thắng' là một tin buồn. Buồn vì cuối cùng sự gian xảo lại chiến thắng, những phương cách phản văn hóa lại lên ngôi trong một cuộc bầu chọn văn hóa". ("Có một cuộc bầu chọn khác", nhà báo, blogger Trương Duy Nhất).

Nhà báo Nguyễn Thế Thịnh nhận xét, khi một ca sĩ mua một thúng simcard điện thoại phát không cho fan của mình để họ nhắn tin thì bị báo chí đánh cho bầm giập vì "chơi không đẹp", vậy mà với sự kiện bầu chọn cho vịnh Hạ Long, nhà nước lại cổ xúy cho hành động này.

Chưa kể, vịnh Hạ Long đã hai lần được UNESCO, một tổ chức danh tiếng hơn nhiều lần công nhận là di sản thiên nhiên thế giới. Chẳng khác nào đã là hoa hậu Việt Nam lại dự thi hoa hậu tỉnh ("Hoa hậu VN dự thi Hoa hậu tỉnh", Nguyễn Thế Thịnh).

Trên blog RFA đã từng có bài "Kệch cỡm như bầu chọn vịnh Hạ Long". Bởi chỉ có ở Việt Nam, từ Phó Thủ Tướng Nguyễn Thiện Nhân cho tới lãnh đạo của các ban ngành mới tổ chức cả một cuộc họp "bàn phương án huy động tổng lực để bầu chọn vịnh Hạ Long trở thành 1 trong 7 kỳ quan thiên nhiên thế giới mới".

Chỉ riêng ông Bộ trưởng văn hóa-thể thao-du lịch chẳng hạn, không chỉ tích cực bầu chọn và vận động người khác, ông còn... vận động tới cả đứa cháu gái 5 tháng tuổi "bấm" bình chọn cho Hạ Long, khiến nhà thơ Đỗ Trung Quân phải kêu lên "Hãy cứu lấy trẻ con"!

Nhà báo Trương Duy Nhất: "Nhìn cảnh Quốc Hội nghiêm trang bầu Hạ Long, thấy cảnh ngài Phó thủ tướng đến Bộ trưởng, Bí thư, Chủ tịch và công chức các tỉnh thành, đội ngũ hùng hậu những thanh niên xung kích áo xanh, những giáo sư, tiến sĩ, sinh viên học sinh, những nhà báo, nghệ sĩ, ca sĩ, người mẫu, chân dài... hò hét bầu cho Hạ Long, khiến không thể không liên tưởng đến hình ảnh 'đàn cừu' trong câu nói nổi tiếng của Giáo Sư Ngô Bảo Châu".

Trước đó, một số người đã từng lên tiếng cảnh báo về việc New Open World Corporation chỉ là một tổ chức tư nhân, hoạt động nhờ tiền tài trợ, tiền quảng cáo... Đồng thời, tổ chức UNESCO đã xác nhận họ không hề liên quan đến cuộc bầu chọn New7Wonders này.

Vậy thì tại sao phải mất thì giờ, lôi kéo từ các cán bộ lãnh đạo cấp cao, các ban ngành cho tới mọi người dân ném tiền qua cửa sổ cho một cái danh hão như thế.

Nhà nước viện lý do nếu vịnh Hạ Long được lọt vào danh sách 7 kỳ quan thế giới mới thì sẽ thu hút thêm nhiều khách du lịch nước ngoài. Nhưng nhiều người cũng đã vạch ra rằng nếu muốn cải thiện hình ảnh về du lịch Việt Nam, muốn lôi kéo thêm khách đến với Việt Nam và những người đã đến sẽ còn quay trở lại chứ không phải hầu hết là... đi luôn như hiện nay, Việt Nam cần phải có những việc làm thiết thực hơn nhiều.

Đó là nâng cấp hạ tầng cơ sở, đường sá giao thông, cải thiện cung cách dịch vụ, ngăn chặn mọi trò chặt chém vô tội vạ, ăn xin, móc túi...; bảo vệ môi trường thiên nhiên trong lành, không bị ô nhiễm... Riêng vịnh Hạ Long thì còn phải chú ý đến tiêu chuẩn an toàn trên những chiếc thuyền du lịch sau sự cố hai tàu chở khách bị chìm khiến nhiều người tử vong trong những năm vừa qua.

Nhưng tất cả những lời cảnh báo hay đóng góp ý kiến chân tình đó vẫn bị bỏ ngoài tai. Nhà nước Việt Nam vẫn tiếp tục vận động nhân dân lao vào cuộc bầu chọn và có những biện pháp khuyến khích như nhắn tin trúng thưởng... Báo chí chính thống được "lệnh" phải tuyên truyền tối đa, cũng góp phần không nhỏ tạo nên cơn sốt bình chọn cho vịnh Hạ Long.

Lại nhớ đến những ví dụ tương tự về việc chạy theo những cái danh hão, cổ xúy cho lòng tự hào dân tộc một cách quá đáng, trong khi những việc thiết thực thì lại không làm.

Như chuyện Giáo Sư Ngô Bảo Châu đoạt Huy chương Fields của Hiệp Hội Toán Học Quốc Tế (IMU). Còn nhớ lúc đó từ các lãnh đạo, báo chí truyền thông cho tới người dân Việt Nam đều như "lên đồng".

Không ai phủ nhận chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào về Giáo Sư Ngô Bảo Châu và thành tích mà ông đã đạt được. Nhưng đừng vì sự thành công của giáo sư mà vơ vào tất tần tật như thể đó là công lao của Việt Nam, là thành tựu của nền giáo dục Việt Nam. Giáo Sư Ngô Bảo Châu đúng là đã có cái nền tốt là giáo dục gia đình, giáo dục ở thời trung học phổ thông. Nhưng nếu không được học tập/làm việc trong những môi trưởng đào

https://tieulun.hopto.org

tạo/nghiên cứu chuyên nghiệp của Pháp, Mỹ, liệu ông có thành công như vậy không?

Thay vì vui sướng quá mức, lẽ ra chúng ta nên đặt lại câu hỏi làm thế nào để giáo dục Việt Nam ở bậc đại học, cao học... tốt hơn, có thể đào tạo ra những con người như Ngô Bảo Châu. Làm sao để môi trường sống và làm việc ở Việt Nam có thể thu hút được nhân tài chứ không phải sau khi thành đạt, dù có muốn cống hiến cho đất nước, họ cũng vẫn phải chọn lựa môi trường khác tốt hơn như ngay chính Giáo Sư Ngô Bảo Châu.

Sự kiện 1000 năm Thăng Long-Hà Nội cũng thế. Đâu phải trên thế giới này chỉ có mỗi Hà Nội là thủ đô 1000 năm tuổi. Có hàng chục thủ đô như vậy, trong đó có những thành phố cực kỳ nổi tiếng như Paris (Pháp), London (Anh), Rome (Italia), Athens (Hy Lạp), Prague (CH Séc)... cho tới Bắc Kinh (Trung Quốc), Cairo (Ai Cập), Ankara (Thổ Nhĩ Kỳ)...

Nhưng chẳng có nước nào đang còn nghèo, phải vay nợ nước ngoài chiếm 42% tổng sản lượng quốc nội GDP và còn quá nhiều vấn đề kinh tế-xã hội phải giải quyết như Việt Nam lại chơi sang, tổ chức một đại lễ 1000 năm Thăng Long-Hà Nội quá tốn kém. Mà theo báo chí trong nước, là 94,000 tỷ VNĐ tức 4.5 tỷ USD, chiếm 10% GDP cả nước, nhưng cho đến nay vẫn chưa được công khai, minh bạch trước quốc dân.

Chưa kể, hàng loạt công trình được xây dựng nhân dịp này, sau khi hoàn thành một thời gian ngắn đã bị xuống cấp, hư hỏng do thi công vội vã cho kịp tiến độ hoặc do tham nhũng.

Kỷ niệm 1000 năm của Hà Nội, câu hỏi đáng lẽ phải được đặt ra, đó là không chỉ "tuổi thọ" mà thành phố có những gì để chúng ta có quyền tự hào? Và Hà Nội cần phải làm gì để thực sự trở thành một thủ đô xanh, sạch, đẹp, văn minh, hiện đại?

Thói chuộng hình thức, ưa chạy theo những thành tích phù phiếm, lãng phí tiền bạc, thời giờ của nhân dân... đã thành những "căn bệnh khó chữa" của cái nhà nước này.

Nhưng ngẫm cho kỹ, mọi việc nhà nước Việt Nam đã, đang và sẽ làm, kể cả những việc tưởng như rỗi hơi nhất cũng là có lý do. Đó là kích động lòng tự hào đất nước, dân tộc nhằm lôi kéo sự chú ý của người dân vào những chuyện phù phiếm để nhất thời quên đi bao nhiêu vấn đề nan giải khác của xã hội.

Nhất là hiện tại, khi Việt Nam đang phải đối mặt với tình hình xấu nhất về kinh tế kể từ năm 2006. Với nạn lạm phát cao nhất Châu Á, nợ nước ngoài tăng nhanh, hàng loạt các tập đoàn doanh nghiệp nhà nước bị thua lỗ, vỡ nợ, phá sản, thậm chí bị kiện cáo ở nước ngoài như Vinashin, đời sống của người dân ngày càng khó khăn...

Cộng với những "căn bệnh mãn tính" như nạn tham nhũng, bất công trong xã hội, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, đạo đức xã hội xuống cấp, những quyền tự do tối thiểu của con người chưa được tôn trọng... đã chỉ ra những khuyết tật trầm trọng của mô hình thể chính trị lâu nay. Mô hình đó càng nguy hiểm trong hoàn cảnh Việt Nam đang đứng trước âm mưu bành trướng ngày càng lộ rõ của Trung Quốc.

Tất cả, đã bị người dân tạm thời quên đi khi lao vào cơn say tự hào 1000 năm Thăng Long-Hà Nội hoặc bình chọn cho Hạ Long!

(nguồn: nguoiviet online, 12.11.2011)

Như một bông tuyết trở về

• Nguyễn Đông Nhật

Sư cô T.N. Giới Hương trước cổng trại cải tạo Oshkosk, WI

Tách trà sơ kiến không nóng chưa kịp nguội, tôi đã xin cáo lui: thời gian ngắn trong dịp trở về quê nhà lần này không đủ cho nhiều việc mà Sư phải làm. Tất nhiên, cũng không đủ để tôi có thể tạm phác họa một chân dung - phía sau, về người đối diện ngoài ấn tượng về một tu sĩ có cái chất Nam bộ khoáng đạt pha lẫn với nét hiện đại của cách ứng xử trong một nếp sống công nghiệp. Nhưng cảm giác thì thường dễ sai lạc, trong khi việc làm mới là sự chứng minh cụ thể: 11 đầu sách viết và dịch được xuất bản từ năm 2004 đến 2010 trong tủ sách Bảo Anh Lạc do Sư sáng lập tại... cho thấy sức làm việc cần mẫn của người tu sĩ này. Trong những tên sách này, tôi chú ý tập *Nữ tu và tù nhân Hoa Kỳ* (2 tập), gồm ghi chép về những chuyến viếng thăm và thư tín trao đổi với các tù nhân tại một số trại giam ở bang Wisconsin.

Theo tác giả, những nghiên cứu tại Hoa Kỳ cho biết, "*từ năm 1970 đến năm 2000, số tù nhân ở mỗi tiểu bang tăng đến 50%*", "*riêng ở Wisconsin, có hơn phân nửa 24.000 tù nhân là thiếu niên*". Nguyên nhân của việc phạm tội, thì đơn giản. Như sự thật muôn đời: đồng tiền. Để thỏa mãn những tham dục. Nghĩa là, cội rễ của bao tội ác vẫn là tam độc: tham sân si. (Lan man: ở quê nhà, có thể nghĩ đến những người không phải là tội nhân đang ở trong vòng lao lý, mà vẫn là tội đồ lớn, thì tòa án nào sẽ xử phạt?). Cũng qua thư của chàng thanh niên James Lala 21 tuổi, mới hiểu thêm sự xử phạt nghiêm khắc của hệ thống tư pháp Mỹ: việc quan hệ tình dục với một người khác phái mới 15 tuổi đã dẫn anh đến bản án 7 năm tù giam. Hết hạn tù, vẫn còn chịu án treo, như chính thư anh viết: "*không được lên mạng internet xem hoặc có bất cứ hành động nào liên quan đến sự khiêu dâm*". "*Tháng 1/2005, tôi lên mạng và lấy xuống hình những cô gái gái trẻ không phải khỏa thân nhưng có kiểu cách khiêu gợi. Thế là tôi bị giam 9 tháng và 22 ngày nữa*". (Lại lan man: ở "quê nhà ta", chuyện ông Hiệu trưởng với nữ sinh, mà báo chí đã nói tràn ra đó, bị xử phạt thế nào? Hay là, những quán giải khát công khai mở băng phim sex giữa ban ngày ban mặt cho khách

https://tieulun.hopto.org

vừa nhâm nhi cà phê vừa "thưởng lãm" mà chăng có ai đến hỏi thăm cả!)...

Nhưng may thay, những con người không may mắn đó vẫn biết vươn dậy, như sen trong bùn, theo cách nói quen. Một ví dụ: Douglas Stream, 32 tuổi, bị án chung thân vì tội giết người trong cơn nóng giận. Thư anh viết năm 2007: "*Tôi đã ở tù lâu rồi. Mỗi năm, tôi phải ra trước hội đồng ân xá... Tôi hy vọng sẽ được thả trước năm 2017...*". Và anh xây dựng kế hoạch tương lai: ở tù, nhưng vẫn ghi danh học cao đẳng hàm thụ, dành thời gian giúp đỡ bạn tù. Khi ra tù, sẽ chọn một công việc có thể giúp đỡ nhiều người...

Vài dẫn trưng trên đây chỉ là phần nhỏ trong hàng trăm bức thư trao đổi với tù nhân của Sư. Việc tu sĩ vào các trại tù với mục đích giúp họ cải hóa cũng không phải mới mẻ lắm: năm 1975, chính phủ Ấn Độ đã đưa thiền Minh sát tuệ thành một biện pháp cải tạo tù nhân. Hiện nay, Đài Loan, Anh, New Zealand, Mông Cổ... đã thực hiện điều ấy. Tại Mỹ, có 9 tiểu bang đã áp dụng các khóa thiền ngắn ngày cho phạm nhân. Tại Việt Nam, K.20 (tại tỉnh Bến Tre) là trại giam đầu tiên chấp nhận cho tu sĩ Phật giáo được vào trại, chia sẻ tâm tư, hướng dẫn phạm nhân cách ăn chay và ngồi thiền. Tổng giám thị trại giam này cho biết, ông cảm thấy yên tâm hơn vì đã giảm được mức phải kỷ luật phạm nhân so với trước kia.

Đấy là một hướng cải tạo có hiệu quả: "ai cũng biết", tình thương chân thực và cách cư xử đúng mực vẫn tốt hơn việc áp dụng hình phạt nặng nề...

Biết chia sẻ những nỗi khổ của đồng loại, Sư đã có những đóng góp có ý nghĩa khi mang ánh sáng của Phật pháp đi vào những nơi "tăm tối". Với văn chương, Sư tự nhận là "không chuyên nghiệp" mà chỉ là người yêu mến văn chương. Đấy là sự khiêm tốn và biết - mình cần có, nhất là đối với một tu sĩ. Tôi thì nghĩ rằng, không nhất thiết phải có thơ hay mới là thi sĩ. Bởi, có những người làm rất nhiều bài thơ mà không là thi sĩ khi tâm hồn vẫn thô lậu; trong khi có người chỉ viết dăm câu lại chính thực người thơ. Chỉ là, do ở chỗ: tấm lòng chân thành, trước con người và cuộc sống. Nhận ra được và biết quí trọng cái Đẹp trong nhãn giới: "*Ai bảo tuyết rơi không trở lại, Hoa tuyết đầy nét chữ bút in nghiêng*".

Tôi nghĩ, đấy là nét đáng quí của thi nhân. ◙

* Tên gọi của sư là: Thích Nữ Giới Hương.
* Tủ sách bảo Anh Lạc:
- Boddhsattva and Sunyata in the early and developed Buddhist (2004)
- Bồ Tát và tánh Không trong kinh điển Pali và Đại thừa (2005)
- Ban mai xứ tuyết (3 tập – 2005)
- Vườn Nai – chiếc nôi Phật giáo (2005)
- Xá lợi của Đức Phật (2005)
- Qui y Tam Bảo và năm giới (2008)
- Vòng luân hồi (2008)
- Hoa tuyết Milwaukee (2008)
- Luân hồi trong lăng kính Lăng Nghiêm (2008)
- Nghi thức hộ niệm cầu siêu (2008)
- Sen nở nơi chốn tử tù (2010)
- Quan Âm quảng trần (2010)

Rừng và tâm linh

• **Thái Công Tụng**

1. Tổng quan.

Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đã tuyên bố **năm 2011 là năm quốc tế về rừng** để báo động về sự tàn phá rừng một cách đại quy mô với trung bình 350 km2 rừng bị mất đi mỗi ngày, làm tổn thương sự đa dạng sinh học và làm tăng thêm sự sưởi nóng toàn cầu.

Trái Đất xưa kia rất nhiều rừng; rừng che phủ mọi nơi; sự mục rữa cây cối trong những điều kiện nhất định đã tạo nên dầu hỏa, mỏ than. Xưa kia, người thưa thớt, sống du mục, săn bắn. Nhưng dần dà, dân đông, nhu cầu chất đốt, nguyên liệu làm nhà cửa, đồ mộc nên con người khai thác rừng làm diện tích rừng thu hẹp.

Nếu có ai hỏi hãy tìm chỉ một cá thể duy nhất vừa bảo đảm đất giàu, vừa điều hòa được nước và lụt, vừa phát sinh hơi nước, vừa tồn trữ *carbon*, vừa thanh lọc không khí, vừa điều hòa nhiệt độ, vừa chứa động vật và thực vật, vừa làm đẹp cảnh quan thì chắc hẳn câu trả lời đó là một cây và cây lại là một phần của rừng.

Con người từ thời thượng cổ cách đây mấy trăm ngàn năm cũng phải dựa vào rừng mà sống: săn bắn, củi đốt, làm nhà, thuốc thang đều nương vào rừng. Không rừng, con người không có nguyên liệu, không muông thú để săn bắn. Trong bài quốc ca của Việt Nam thời trước 1945, còn gọi là Đăng Đàn Cung, có câu hát: "*Kìa núi vàng bể bạc, có sách trời, sách trời định phần*...".

Núi vàng không phải là núi có vàng mà ý nói là núi chứa đựng nhiều tài nguyên trong đó rừng là một. Rừng chính là vàng xanh; rừng còn quý hơn vàng vì rừng ảnh hưởng đến khí hậu, đến thủy văn, đến sức khỏe con người. Quả vậy, rừng có nhiều chức năng liên hệ đến môi trường thiên nhiên và nhân văn.

2. Các loại rừng trên thế giới

Đi từ cực địa cầu đến xích đới, có 8 loại rừng lớn như: đồng rêu đới lạnh, rừng taiga còn gọi là rừng thông phương bắc, rừng lá ôn đới, rừng Địa Trung Hải, thảo nguyên, xavan hay rừng có đới nóng, rừng rậm nhiệt đới, rừng ngập nước.

- ***Đồng rêu đới lạnh*** (toundra) nằm trên các vùng có băng đóng vĩnh viễn trên mặt đất. Ngày mùa hạ rất dài. Mùa đông, đêm kéo dài hàng tháng. Do đó thực vật chỉ là rêu và địa y (lichen).

- ***Rừng taiga,*** còn gọi là rừng thông phương Bắc (forêt boréale de Conifères) có phía bắc giáp với vùng toundra, phía nam giáp với vùng rừng hỗn hợp lá kim và lá rộng. Rừng taiga ở phía Alaska, bắc Canada, Bắc Âu, bắc Siberia nằm thành một đới dài trên Trái Đất. Rừng taiga có những loài cây lá nhọn như thông (*Pinus*), linh sam (*Abies*), vân sam (*Epicea*), thông rụng lá (*Larix*). Khí hậu rừng taiga lạnh, mùa đông kéo dài. Động vật thường gặp là tuần lộc (caribou), nai sừng tấm (orignal) sống và di chuyển từng đàn hàng ngàn con và các loài thú ăn thịt như gấu, chó sói, cáo.

- ***Rừng lá ôn đới*** còn gọi là rừng lá rộng hay rừng rụng lá phát triển mạnh ở Đông Canada, Đông Bắc Hoa Kỳ, Tây Âu và Đông châu Á... Loại rừng này cũng có

https://tieulun.hopto.org

nhiều bên Âu Châu (Pháp, Đức,...) và ngoài cây phong (tên Latin là **Acer**, họ *Aceraceae*), còn có nhiều loại cây khác như cây sồi (chêne; oak), cây sồi rừng (hêtre), cây tần bì (frêne; ash), cây lê đá (sorbier), cây đào gai (aubépine), cây hồ đào (noyer; walnut); cây dẻ (chataignier; chesnut); cây dương (peuplier; poplar); cây du (orme; elm), cây dẻ (marronnier; common-horse chesnut).

- *Rừng Địa Trung Hải* thường gặp không những ở các xứ quanh bờ Địa Trung Hải mà còn có mặt ở Nam Cali (Hoa Kỳ), Nam Australia, Nam Phi... Mùa hè nóng. Thực vật khá đa dạng vì gồm những cây như sồi xanh (*Quercus ilex*), sồi bần (*Quercus suber*), nhiều loài thông bá hương (*Cedrus*) cũng như cây bạc hà (*Eucalyptus*) trong các rừng ở Australia.

- *Thảo nguyên* (steppe) gặp ở các xứ Trung Á và Trung Quốc. Thực vật rất nghèo, chỉ vài cây bụi nhỏ với đám cỏ thấp, có rễ rất dài ăn xuống các lớp đất sâu để hút nước. Nhiều cây mọc rất nhanh về mùa xuân khi mặt đất còn ẩm ướt, chúng lớn lên ra hoa, tạo quả trong vòng một tháng rồi chết. Động vật hoang mạc có lạc đà một bướu, linh dương. Sự thích nghi của động vật với đời sống hoang mạc rất rõ nét biểu hiện ở các điểm chống cự được với khô nóng như giảm sự tiết mồ hôi và nước tiểu, hoạt động chủ yếu về đêm, có đời sống chui rúc trong đất.

- ***Savan hay rừng có đới nóng*** như ở Mali, Niger có đặc điểm mưa ít, mùa mưa rất ngắn, mùa khô thì dài. Vào mùa khô, cây rụng lá vì thiếu nước, cỏ cũng bị khô cằn. Châu Phi có cây baobab có thân rất to. Động vật có antilope, gazelle, ngựa vằn, hươu cao cổ. Chúng thích nghi với sự vận chuyển trên đồng cỏ hoang vu... Có những loài thú ăn thịt (sư tử, báo) thích nghi với sự chạy nhanh, chúng săn bắt thú ăn cỏ, có những loại chim như đà điểu. Có giả thuyết cho rằng người nguyên thủy là sinh sống trước kia vùng savan châu Phi vì có nhiều thú ăn cỏ, môi trường savan giúp cho thị giác loài người phát triển. Việt Nam có nhiều savan cỏ tranh (*Imperata cylindrica*).

- *Rừng rậm rụng lá nhiệt đới* (deciduous dense forest) như ở Việt Nam, Thái Lan, Indonesia và vùng xích đạo Amazone, Phi Châu. Khí hậu nóng và ẩm. Lượng mưa lớn do đó rừng có nhiều tầng, cao, rậm rạp. Mặt trời ít khi xuống tận mặt đất. Cây to, dưới gốc có 'bạnh' như cây bằng lăng, trên thân có phong lan, tầm gửi chằng chịt. Động vật phong phú với vượn, khỉ, sóc, chim, voi, trâu rừng, thỏ.

- *Rừng ngập nước* (mangrove), nhiều cây đước, bần, có mặt gần cửa biển tại nhiều xứ nhiệt đới, từ Phi châu, Nam Mỹ đến Đông Nam Á. Rừng này cung cấp gổ làm than (như than Cà Mâu) và là nơi sống đa dạng cho nhiều loại động thực vật, đóng góp to lớn vào sự đa dạng sinh học trên toàn cầu.

Nhưng càng ngày loại rừng này bị phá nên các vùng duyên hải không có bức tường thiên nhiên chắn gió và làm nước mặn tiến sâu vào đất liền.

Nhận thức được tầm quan trọng của các vùng đất ngập nước, cho nên vào ngày 02.02.1971 tại thành phố Ramsar (Iran), Công ước về các vùng đất ngập nước (gọi tắt là **Công ước Ramsar**) đã ra đời nhằm bảo vệ loại rừng này trên thế giới.

Trở lên là nói về các loại rừng. Nhưng **sự phân phối địa lý rừng thì không đồng đều**: Có 5 xứ rất giàu về rừng (Liên Bang Nga, Bresil, Canada, Hoa Kỳ và Trung Quốc) và diện tích rừng 5 xứ này đã chiếm trên nửa (53%) của diện tích rừng trên toàn thế giới. Nam Mỹ với rừng Amazonie chiếm 21% diện tích rừng trên thế giới. Trong 64 xứ tổng số trên 2 tỷ người thì trái lại rừng chỉ chiếm 10% của lãnh thổ. Cũng lại có nhiều xứ nhỏ khác thì hầu như toàn là rừng như đảo Dominica miền Caraibes, Guyane thuộc Pháp (98%), Suriname (95%), Seychelles (88%). Ở lục địa Phi châu, rừng chiếm nhiều diện tích ở Congo, Gabon, Nam Phi.

3. Rừng và tâm linh

Rừng là một phần của thiên nhiên, của tạo vật và là một tài nguyên vô giá. Nó là nguồn rung cảm của thi nhân, là nguồn năng lượng xanh, tái tạo được.

Vào rừng để thấy **vô thường: mùa xuân** cây trổ lộc non**, mùa hạ** lá cây xanh um nhưng **mùa thu** lá vàng úa "*Nhìn những mùa thu đi, em nghe sầu lên trong nắng/ Và lá rụng ngoài song, nghe tên mình vào quên lãng/ Nghe tháng ngày chết trong thu vàng (...) Đã mấy lần thu sang / Công viên chiều qua rất ngắn / Chuyện chúng mình ngày xưa, anh ghi bằng nhiều thu vắng, đến thu này thì mộng nhạt phai*" và **mùa đông** cành lá trơ trụi khẳng khiu .

Vào rừng, thở không khí trong lành, nhìn sao ban đêm, nhìn suối, nghe nước róc rách, bướm lượn nhởn nhơ, chuồn chuồn, nghe côn trùng rỉ rả, mặt trăng lên, sao đêm nở đầy trời, giúp ta tránh được các căng thẳng của cuộc sống máy móc đô thị, giúp ta quên đi những nỗi nhọc nhằn của thể chất và của tâm linh, *ngỡ lòng mình là rừng, ngỡ hồn mình là mây* (thơ Hồ Dzếnh), tạo điều kiện giúp con người thoát tục dễ dàng hơn, buông xả được các bụi bặm phù du phiền muộn của cái tôi, -**vô ngã**- để hòa mình vào nhịp sống bao la của vũ trụ. Ta cũng thấy trước cảnh vật bao la của vũ trụ rằng con người chỉ là một thành phần nhỏ bé và từ đó cảm thấy khiêm tốn hơn. Mà khiêm tốn giúp cho con người đến đức tin chân thật và đức tin chân thật mới hướng dẫn con người đến được nơi có Thượng Đế ngự trị dễ đi vào nội tâm hơn.

Vào rừng giúp cõi lòng lắng xuống, giúp ta dễ đồng nhất với vũ trụ, cảm nghiệm lẽ trời trong tĩnh lặng để buông xả, để phá chấp. Tóm lại là **vô trụ**, nghĩa là không bám víu. Buông xả thì hết phiền não. Ta khổ vì ta nắm chặt. Ta khổ vì ta nắm chặt các tị hiềm.

4. Kết luận.

Con người từ thời cổ đại cách đây mấy trăm ngàn năm cũng phải dựa vào rừng mà sống: rừng đã là nơi cung cấp chỗ trú ẩn, chỗ nương tựa, chỗ săn bắn, vật liệu làm nhà. Do đó con người tôn thờ cây như một cái gì linh thiêng, chứa đựng những linh hồn.

Rừng không phải chỉ là tài nguyên hay môi trường vật lý mà rừng là tâm linh, là cõi vĩnh hằng, là cõi sâu thẳm của nội tâm, là 'một cõi đi về'.

Các tôn giáo lớn luôn luôn nhắc nhở đến cây: **cây bồ đề (Ficus religiosa), cây sa la (Shorea), rừng trúc, rừng xoài** trong Phật giáo, **cây sồi, cây nho v.v...** trong Thánh Kinh v.v...

Rừng có vai trò to lớn trong đời sống tinh thần của con người, và nhất là con người thời đại ngày nay. Với dân số tăng nhanh, với công nghiệp hóa, đô thị hóa, loài người đã mất đi không gian thiên nhiên, chỉ sống với cao ốc beton, chung đụng với ô nhiễm, với tiếng động nhà máy, tiếng động xe cộ, máy bay v.v... do đó, rừng đóng vai trò trọng yếu trong cuộc sống con người ngày nay. Chính vì vậy, Liên Hiệp Quốc đã tuyên cáo năm 2011 là Năm Quốc Tế về Rừng. ■

https://tieulun.hopto.org

FRANZ LISZT

1811 - 1886

• **Tường Lam**

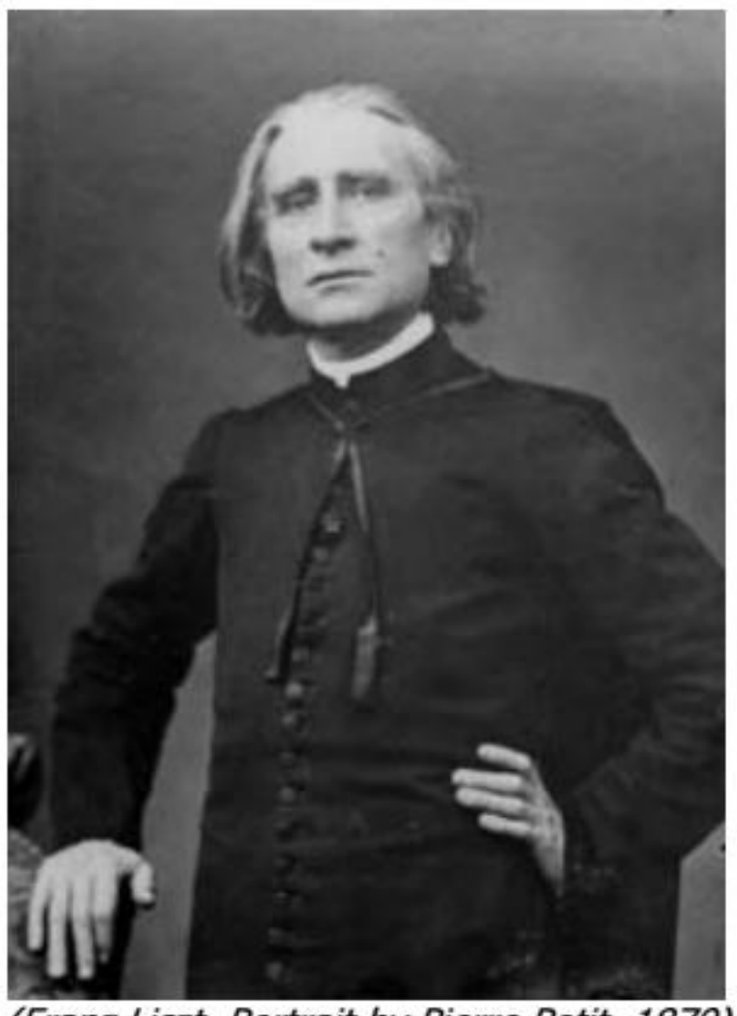

(Franz Liszt, Portrait by Pierre Petit, 1870)

Franz Liszt sanh ngày 22.10.1811 tại Raiding / Hung Gia Lợi, mất vào ngày 31.7.1886 tại Bayreuth/ Đức quốc, thọ 75 tuổi.

Thân phụ F. Liszt là một viên quản lý nông trại. Nguồn gốc tổ tiên ông là người Áo-Đức nhưng ông tự nhận ông là người Hung Gia Lợi, nơi ông sinh ra và lớn lên trong thời thơ ấu. Ông là con một, thân hình ốm yếu và nhỏ bé. Khi lên 3 tuổi ông trải qua một trận đau kinh hồn, tưởng như gần chết, song thân ông đã đặt sẵn áo quan cho ông. Sau này khôn lớn người đời vẫn gọi ông là Chú bé Liszt.

Năm F. Liszt lên 9 tuổi song thân ông khám phá ông có khiếu về âm nhạc, biệt tài về đàn dương cầm, ông bà liền rời Raiding đến thành phố Wien sinh sống, vì Wien là cái nôi của ngành âm nhạc, có nhiều phương tiện và cơ hội cho F. Liszt phát triển năng khiếu. Ông được thụ huấn từ hai nhạc sĩ danh tiếng thời bấy giờ là: Carl Czerny (1791-1857) vừa là nhạc sĩ dương cầm vừa là giáo sư âm nhạc chuyên về đàn dương cầm; và giáo sư Antonio Salieri (1750-1825) nhạc sĩ dương cầm và nhạc trưởng ban nhạc của hoàng cung. Trong thời gian này F. Liszt đã từng trình diễn dương cầm trước sự hiện diện của Ludwig van Beethoven (1770-1827), và gặt hái nhiều lời khen quí giá của nhà quán quân này.

Năm lên 12 tuổi ông có nhiều dịp trình diễn dương cầm trước công chúng tại nhà hát lớn của thành phố Paris thủ đô nước Pháp, được khán thính giả hoan nghênh nhiệt liệt và còn đặt cho ông biệt danh Thần Đồng. Thời bấy giờ Paris còn được mệnh danh là Thủ Đô Dương Cầm, vì là nơi mà các tuyệt thủ dương cầm thường đến trình diễn và tranh tài. Paganini, Chopin, Berlioz là những danh tài âm nhạc tại Pháp cùng thời với ông.

Từ năm 1835-1839 F. Liszt chung sống với nữ Bá tước Marie d'Agoult, kết quả mối tình này mang lại cho ông 3 người con, hai người chết sớm, còn lại Cosima Liszt (1837-1930).

Đến đây xin dành ít hàng cho Cosima vì tên tuổi bà đã đi vào lịch sử âm nhạc, mặc dầu bà không phải là nhạc sĩ danh tiếng, cũng không phải là một nhà đạo diễn biệt tài về nhạc kịch, nhưng hoàn cảnh đã đưa đẩy bà chiếm một địa vị quan trọng trong lãnh vực này:

Cosima Liszt là phu nhân của Nam tước Hans Guido Bülow (1830-1894), học trò của F. Liszt. Sau khi tốt nghiệp ngành âm nhạc, ông đã trở thành giáo sư âm nhạc, nhạc sĩ dương cầm và nhạc trưởng ban nhạc của hoàng cung, thường đi lưu diễn khắp Châu Âu, tên tuổi của ông được rất nhiều người biết đến. Cosima kết hôn với ông năm 1857, sanh được 2 người con gái: Isolde và Eva von Buelow (tên Pháp: Blandine và Daniela de Bülow), nhưng sống chung được 9 năm thì bà ly dị chồng và tái hôn với Richard Wagner (1813-1883), bạn thân nhỏ thua 3 tuổi của thân phụ bà; bà sanh thêm 1 người con trai: Siegfried Wagner.

Richard Wagner là nhạc sĩ, đạo diễn và nhà sáng tác bi nhạc kịch danh tiếng của nước Đức vào thế kỷ thứ 19, nhưng ông trải qua nhiều lần thất bại vì lý do chính trị, cuối cùng được Ludwig II Hoàng Đế của tiểu bang Bayern nâng đỡ và khuyến khích ông phát triển thiên phú của ông; nhờ vậy năm 1872 Richard Wagner đặt viên đá đầu tiên xây tòa nhà hát lớn tại Bayreuth, chỉ dành riêng trình diễn nhạc kịch do ông sáng tác. Công trình xây cất kéo dài trong vòng 3 năm, đến năm 1876 tòa nhà hát này mới chính thức khánh thành với vở kịch Ring des Nibelungen. Từ đó thành phố này được nhiều người biết đến, cho đến nay Bayreuth thường được nhắc đến hàng năm vào mùa Đại Hội Nhạc Kịch/Festspielhaus in Bayreuth, thu hút nhiều khán thính giả có chức vụ trong nước Đức, giới thượng lưu và các danh nhân trên thế giới, đến đây tham dự với giá vé rất cao và phải đặt mua trước hàng năm. Richard Wagner mất vào năm 1883. Trong suốt thời gian chung sống, Cosima cộng tác chặt chẽ với chồng bà trong việc tổ chức các buổi trình diễn nhạc kịch, đồng thời làm phụ tá đạo diễn đắc lực cho chồng bà, vì thế sau khi Richard Wagner qua đời bà đã thay thế chồng làm đạo diễn các vở kịch, và điều hành việc tổ chức các buổi nhạc kịch trong vòng 47 năm, cho đến khi bà qua đời.

Ngoài thiên tài về âm nhạc, F. Liszt còn để lại trong dân gian huyền thoại là một vị chân tu, vì thời niên thiếu ngoài lãnh vực âm nhạc, ông còn đam mê môn thần học và có chiều hướng muốn trở thành linh mục.

Từ Gibralta cho đến Moskau, rồi từ Edinburgh đến Konstantinopel, ông rong ruổi cùng khắp Châu Âu trình diễn âm nhạc do ông sáng tác, được khán thính giả khắp nơi hoan nghênh nhiệt liệt, không có nhạc sĩ nào thời bấy giờ có thể qua mặt ông. Mãi đến năm 1848 thì anh hùng thấm mệt! Với tuổi 37, huyền thoại Tuyệt Thủ Dương Cầm Của Thế Giới mà người hâm mộ đặt cho ông từ đó được chấm dứt, ông dành thì giờ tiếp tục sáng tác nhạc. Franz Liszt để lại cho hậu thế một gia tài vô giá,

https://tieulun.hopto.org

gồm khoảng 700 tác phẩm đủ các loại: những bản hòa tấu, những bản giao hưởng thánh nhạc, thơ nhạc (nhạc sáng tác theo lối phóng tác thơ), nhiều đoản khúc như Préludes, Sonates v.v...

Franz Liszt trở về Weimar thuộc tiểu bang Thüringen nhận chức Trưởng ban nhạc của thành phố này với mức lương rẻ mạt. Nơi đây ông lại kết thân với nữ Lãnh Chúa Caroline von Sayn-Wittgenstein. Tuy ông được nhiều ban nhạc danh tiếng, trong đó có cả ban nhạc của nhà hát lớn do Richard Wagner làm chủ mời ông cộng tác nhưng ông đều từ chối. Sau 10 năm sống tại Weimar ông đã rời nơi này và cùng với Caroline von Sayn-Wittgenstein đến Roma sinh sống. Mục đích của F. Liszt đến đây là để xin Đức Giáo Hoàng chuẩn tha lỗi lầm trong quá khứ, và được chính thức thành hôn với Caroline von Sayn-Wittgenstein theo giáo luật hội thánh, nhưng mục đích này đã không hề thực hiện! Với sự đồng ý của Caroline von Sayn-Wittgenstein ông đã ly thân với bà để vào dòng tu.

Năm 1865 F. Liszt cùng với 50 tu sĩ khác được lãnh nhận chức linh mục (riêng ông không được dâng thánh lễ mỗi ngày đồng thời không được ban phép giải tội) do chính Đức Giáo Hoàng Pius IX truyền chức. Mặc dầu ông liên hệ mật thiết với Đức Giáo Hoàng cũng như Giáo triều nhưng ông vẫn không đảm nhận được chức vụ gì quan trọng trong ban thánh nhạc. Dần dần ông cảm thấy giá trị tác phẩm của ông bị xem thường, trong đó có nhiều bản hòa tấu, những bản giao hưởng thánh ca như Christus Oratorium, Die Legende von der Heiligen Elisabeth... cũng như tài năng của ông đã đem đến nhiều giải thưởng quí giá và được nâng lên hàng quí tộc, đã không chinh phục được giáo triều như ông chờ đợi, và cũng không mang lại kết quả gì thỏa đáng! Ông trở về Weimar tiếp tục sống đời tu trì.

Trong 20 năm cuối đời, F. Liszt cảm thấy bất an, không thỏa mãn với cuộc sống và luôn có cảm giác bị bỏ rơi. Để vượt ra ngoài mặc cảm trên, ông thể hiện lòng vị tha bằng cách mở lớp dạy nhạc miễn phí cho thế hệ trẻ đam mê âm nhạc, gồm có 184 nữ sinh và 225 nam sinh, đồng thời tiếp tục sáng tác nhạc.

Cuộc sống thay đổi thường xuyên qua nhiều hoàn cảnh, có khi đã đi đến cực đoan, khiến ông phải mượn rượu mạnh, thuốc xì-gà cường độ để tiêu sầu, tâm trạng ông được thể hiện qua nhiều tác phẩm mà ông sáng tác trong thời gian này như: Mephisto-Walzer/Luân vũ của quỉ sứ. Totentanz/Vũ điệu của tử thi.

Tuy nhiều lần đứng bên bờ vực thẳm của cuộc đời, 3 cuốn sách luôn luôn đồng hành với ông, đã giúp ông vượt qua nỗi cô đơn và tuyệt vọng:

- Brevier / Nhật tụng của linh mục.
- Hai tác phẩm của Dante thi sĩ nổi tiếng vào thế kỷ 13: Vergil biểu tượng cho kiến thức và trí năng và Das Neue Leben, Dante sáng tác để ca ngợi mối tình với Beatrice. Beatrice tiêu biểu cho niềm tin, lòng từ bi và thương xót của Thiên Chúa qua sự dẫn dắt của Ngài. Tác phẩm của Dante không những nuôi dưỡng niềm tin cho riêng F. Liszt, mà còn đi vào lòng người, ảnh hưởng không ít đến nền văn học tây phương thời bấy giờ.
- Tác phẩm Faust của Wolfgang Johann von Goethe.

Những sách viết về F. Liszt đều chung một nhận xét: phẩm giá và tư duy của F. Liszt chịu ảnh hưởng Dante và Goethe rất nhiều. Có thể nói: càng về già càng thấy rõ tư duy của Dante và Goethe đã hòa nhập trong huyết quản của F. Liszt.

Ngoài đặc điểm nêu trên, F. Liszt còn có nhiều đức tính rất đáng mến: lòng vị tha, rộng lượng và nhân hậu. Mặc dầu ông có đủ khả năng và phương tiện để tạo cho mình một cuộc sống vương giả, nhưng ông đã chọn một lối sống bình dị, có bao nhiêu tiền ông đều phân phát cho những người học trò nghèo của ông, ông không quan tâm nhiều đến tiền bạc cho riêng bản thân mình, của cải còn lại ông trao hết cho Lãnh chúa Caroline von Sayn-Wittgenstein làm việc thiện, vì thế đến buổi hoàng hôn của cuộc đời ông trở thành một nhạc sĩ nghèo nhất trong số các nhạc sĩ cùng thời, nhưng ông luôn bằng lòng với cuộc sống.

Với tuổi 70 sức khỏe đã sa sút, ông còn bị ngã nặng ở cầu thang nhà ông, từ đó về sau chân ông bị sưng húp, không còn đi xa được nữa, hai mắt bị vảy cá che gần kín, vì thế dịp lễ an táng Richard Wagner bạn thân và là con rể của ông, ông cũng đành phải vắng mặt.

Mãi đến năm 1886 Cosima gởi thư mời F. Liszt thân sinh bà đến dự lễ cưới đứa cháu ngoại của ông là Daniela von Buelow vào ngày 3.7.1886, sau đó ở lại dự hai buổi diễn kịch Tristan và Parsifal tại Bayreuth do R. Wagner chồng bà sáng tác. Đặc biệt vở kịch Tristan Richard Wagner bắt đầu viết vào năm 1857 chấm dứt vào năm 1859. Vở kịch đã được trình diễn một vài nơi, nhưng lần này là lần đầu tiên được trình diễn tại Bayreuth, tức là 3 năm sau khi Richard Wagner qua đời *(xin xem chú thích cuối bài)*.

Sau lễ cưới của cháu ngoại F. Liszt đi thăm những người bạn đồng hương của ông ở vùng ngoại ô Luxemburg. Đến ngày 19 tháng 7 ông cố gắng độc tấu dương cầm lần cuối trước giới yêu nhạc của ông tại Luxemburg, qua những tác phẩm trữ tình ông sáng tác khi mới bước vào lãnh vực âm nhạc, trong đó có nhiều bản ông viết riêng cho Ba-lan mà trước đây đã được Frédérich Chopin thường trình diễn, làm cho khán thính giả thêm xúc động. Cuối buổi dạ hội, ông đến trân trọng bắt tay từng người bạn thân cũng như những vị đã giúp đỡ ông trước đây, với lời cám ơn tha thiết và giã biệt lần cuối.

Chiều ngày 20 tháng 7 F. Liszt trở về Bayreuth trong tình trạng mệt lả. Sáng ngày 21 tháng 7 ông bắt đầu ho nhiều và lên cơn sốt, bác sĩ cho biết ông bị viêm phổi, bắt ông phải nằm yên nghỉ ngơi. Đến ngày 23 tháng 7 sức khỏe ông được khá dần, ông cố sức đến dự buổi trình diễn vở kịch Parsifal mà ông cho là vở kịch phi thường của thế kỷ.

Sáng ngày 25 tháng 7 ông cảm thấy không còn sức ngồi dậy được nữa, ông phải nhờ đến người học trò của ông đọc tác phẩm Die Goettliche Komödie của Dante, tiếp đến đọc vở kịch Tristan, ông chuẩn bị trước khi xem buổi diễn kịch chiều hôm đó. Mọi người thấy vậy liền khuyên ông nên nằm yên nghỉ ngơi, không nên đến kịch trường tham dự.

F. Liszt trả lời :

- Cosima mong ước có sự hiện diện của tôi và tôi đã hứa với con tôi sẽ làm vừa lòng bà.

Ông cố gượng sức đứng lên, tự mặc lấy y phục nhà tu, đến góp mặt trong buổi diễn kịch để không phụ lòng mong ước của Cosima. Ông chăm chú theo dõi từng diễn viên và tán dương mạnh mẽ sau từng hồi kịch. Đến cuối

https://tieulun.hopto.org

vở kịch thì ông kiệt sức, lên cơn ho dữ dội và cơn sốt bắt đầu hoành hành, người phụ tá phải đưa ông về nhà ngay.

Năm ngày sau thì ông không còn ngồi hoặc đi đứng được nữa. Bắt đầu ngày 30 tháng 7, F. Liszt luôn trong tình trạng hôn mê, Cosima Wagner cùng các con và hai bác sĩ luôn thay nhau có mặt bên cạnh. Đến tối ngày 31 tháng 7 thì mọi người nghe rõ tiếng thì thào Tristan... Tristan... Bác sĩ cầm đèn cúi xuống bên ông để lắng nghe từng hơi thở, rồi chích cho ông liều thuốc an thần và giảm đau. Đến nửa đêm 31 tháng 7 năm 1886 thì ông ra đi vĩnh viễn với tuổi 75. Cosima cùng các con bà quì xuống bên giường của ông, tỏ lòng cung kính và ngưỡng mộ người cha và người ông, suốt đời tận hiến cho nền âm nhạc.

Sau 3 ngày linh cữu của F. Liszt được đưa đến an táng trong lăng tẩm tại nghĩa trang thành phố Bayreuth, nơi đây ông được an nghỉ muôn đời, không còn mang kiếp sống vô tổ quốc như ông thường nói.

Bài này chỉ ghi lại vài nét về cuộc đời của thiên tài Franz Liszt nhân dịp kỷ niệm 200 năm sanh của ông. Việc thẩm lượng nhạc phẩm của ông xin dành cho các nhà biên khảo chuyên nghiệp.

Tường Lam

Chú thích

T R I S T A N

(số phận của vở kịch Tristan)

Đặc biệt vở kịch Tristan Richard Wagner viết vào năm 1857, khi ông 44 tuổi, sống tại Zürich/Thụy Sĩ. Ông yêu say đắm bà Mathilde vợ của ông Otto Wesendonck, nên viết vở kịch này để tặng bà. Ba nhân vật chính trong vở kịch tiêu biểu: Isolde / Mathilde Wesendonck. Tristan / Richard Wagner. Koenig Marke / Otto Wesendonck.

Năm 1858 ông viết xong lời cho hồi I liền gởi đến tặng Mathilde Wesendonck, gây xáo trộn giữa đôi vợ chồng Wesendonck và gây tai tiếng trong giới thân hữu, ông liền rời Thụy Sĩ đến Venedig viết tiếp hồi II.

Năm 1859 R. Wagner trở về Thụy Sĩ nhưng đến ở tại thành phố Luzern và viết tiếp hồi III chấm dứt vở kịch này và bắt đầu phổ nhạc cho vở kịch.

Năm 1860 vở kịch được trình diễn lần đầu tiên nhưng không mấy thành công về nội dung, khán thính giả còn đặt nặng vấn đề luân lý.

Năm 1860 sau nhiều lần thương lượng với giám đốc nhà hát lớn thành phố Wien, và sau nhiều lần diễn thử trước mặt ban giám đốc, cuối cùng cũng bị từ chối cho trình diễn tại thành phố này.

Cho đến năm 1865 Hoàng Đế Ludwig II của tiểu bang Bayern cho phép R. Wagner trình diễn vở kịch này tại nhà hát của hoàng cung và sau đó tại nhà hát lớn của thành phố München.

Mãi đến năm 1886, tức là sau 3 năm Richard Wagner qua đời, lần đầu tiên đại nhạc kịch Tristan được trình diễn tại Bayreuth, tức là sau 27 năm kể từ khi ông viết xong đại nhạc kịch này.

(Tháng 11.2011)

Tài liệu tham khảo:

- Grosse Musiker. Leben und Leiden. Marix Verlag, Wiesbaden 2006.
- Franz Listz Monographie. Ro Ro Ro Verlag 1998.
- Internetverbildungen.

Đọc sách

Việt Nam niềm thương và nỗi nhớ

Tuyển tập Nguyễn Song Anh & Võ Phước Hiếu.

• Trần Đan Hà

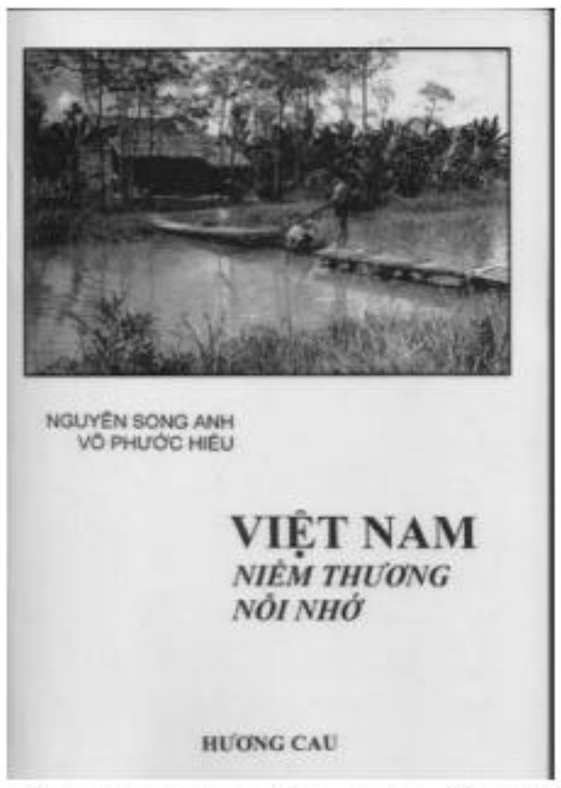

Hai tác giả, Nguyễn Song Anh và Võ Phước Hiếu- cố vẽ lại dung nhan của một quê hương "Việt Nam Niềm Thương Nỗi Nhớ", nơi muôn đời yêu thương và nhớ nhung mỗi khi khuất cách.

Hay nói một cách khác đây là tập truyện viết về lịch sử, địa lý, phong thổ, những sinh hoạt cũng như tình cảm con người tương quan với phong tục tập quán lâu đời.

Hai cây bút cùng quê miền Nam, đều xuất thân nhà giáo, có tâm hồn yêu mến văn chương thi phú. Thích trau chuốt chữ nghĩa để làm phong phú thêm cho nền văn hóa nước nhà, đồng thời góp phần gìn giữ gia sản của tổ tiên.

Một người đã từng tốt nghiệp Cử nhân Văn chương Việt-Hán, Nguyễn Song Anh, nguyên Hiệu trưởng các trường Trung học Phước Vĩnh, Phước Thành, Dĩ An Biên Hòa.

Còn một người tốt nghiệp trường Tây, Võ Phước Hiếu, từng chăm lo một nhà xuất bản tại Sài gòn trước năm 1975 và bây giờ ra hải ngoại vẫn làm việc trong ngành Giáo dục và cộng tác với các tờ báo Pháp cũng như báo Việt.

Một người nặng về Quốc học, một người nặng về Tây học. Tuy thế hai cây viết không nghiêng hẳn về một bên, để vẫn còn giữ lại được một văn phong thâm thúy nhưng lãng mạn, chất phác nhưng không lỗi thời, chứa đựng nhiều nét văn hóa cổ kim so sánh, gạn lọc những tinh hoa để cho vào sách sử.

Hai cây viết cùng một đề tài mà họ đã thể nghiệm, cùng khai thác nguồn sử luận phong phú của quê hương thân yêu, để làm sống lại những tàng tích đang khuất dấu trong tiềm thức của nhiều thế hệ. Các thời đại phần nhiều bị chìm ngập trong cảnh loạn lạc chiến tranh ý thức hệ giữa ngoại xâm và nội thù đã để lại trong lòng của mọi người như một vết thương còn rỉ máu...

Phần I - Truyện của Nguyễn Song Anh

Vào Xuân Lá Rụng, Bước đầu tìm về Một Cuộc Đất, Mùa Xuân Lý Trần, Nguyễn Đình Chiểu qua tác phẩm

https://tieulun.hopto.org

Dương Từ Hà Mậu, Thiết Thực Kỷ Niệm 1000 năm Thăng Long. Là những tựa đề của các truyện.

Mở đầu tác giả phiếm luận về bút hiệu của mình: *"Tôi làm thơ với bút hiệu Nguyễn Song Anh, không biết thơ tôi hay dở thế nào mà có người nhận xét: "Thơ chỉ nói về quê hương, thế sự, không có tình (yêu) và bút hiệu thường có một ý nghĩa đặc biệt nào đó, như kỷ niệm tình cảm chẳng hạn".*

Nghe nhắc đến bút hiệu, tôi cảm thấy có chút tự hào nên vội đáp, đúng, rất có ý nghĩa, vì đó là tên người yêu đầu đời, mối tình đầu của tôi... Thật ra, tên người yêu tôi không phải là Song Anh, Tôi cũng không biết tên thật của nàng. Chỉ biết nàng đẹp lắm, đẹp như ngọc, đẹp cả người lẫn nết.

- Vậy chớ gặp cô ấy ở đâu, hồi nào?

- Ở trong sách. Ba má tôi nói ở trong sách có hai người đẹp, tùy con chọn, mà chỉ có ở trong sách thôi. Tôi lật sách, đọc và tìm. Và tìm được một cô: "Thư trung hữu Kim Ốc" (trong sách có nhà vàng). Còn một cô nữa ở đâu? Lại tìm. Và gặp:"Thư trung hữu nữ nhan Như Ngọc" (trong sách có người con gái đẹp). Rồi tình yêu vụt đến, rất đỗi tự nhiên. Tôi chọn bút hiệu Như Ngọc.

Thật ra, ba má và thầy cô thường xuyên khuyên tôi nên cố gắng học để mai nầy có thể giúp đời, đồng thời có thể giàu sang, cưới được vợ đẹp...

Lớn lên, tôi vào đời sớm và hiểu được ý nghĩa giáo huấn đó nên tôi chọn riêng cho tôi một nàng.

(Trích: Mùa Xuân Lá Rụng, trang 11-12)

Truyện kế: Bước đầu tìm hiểu về Một Cuộc Đất.

...Từ dạo ấy xa rồi ngày cũ nhớ lại một khung trời những con đường ngày hai buổi đi về, những buổi trưa nơi căn nhà trọ bên con đường sau nhà em qua ngõ có giàn mướp non... (đoạn văn gối đầu truyện).

"Khung trời ngày cũ" ấy là một huyện thuộc tỉnh Bình Dương:

"Danh xưng "Dĩ An" có từ lúc nào? Bước đầu tìm hiểu về một vùng đất tên Đã Yên nầy, không thể không giở lại những trang sử và thư tịch từ thời các chúa Nguyễn mở mang bờ cõi về phía Nam, mà riêng phần "địa cuộc" (chữ dùng của Trịnh Hoài Đức) nầy đã có những địa danh ghi đậm dấu ấn từ hơn 250 năm về trước. Đó là núi *Châu Thới (Chiêu Thái), Lồ Ô (Lộ Khê), Cầu Tân Bản (Cầu Ván), tổng (huyện) Bình An..."*

(Trích: Một Cuộc Đất)

Những tài liệu tham khảo thì nhiều, trong đó tác giả đặc biệt chú ý đến sử liệu của Trịnh Hoài Đức và Vương Hồng Sển. Tuy "Bước đầu tìm hiểu về Một Cuộc Đất" chú trọng vào địa danh nơi tác giả đã một thời dạy học ở đó, nhưng sự liên quan chẳng chịt có thể nói rằng nguồn sử liệu ấy đã cung cấp nhiều chi tiết của các cuộc đất rộng lớn là các tỉnh Gia Định, Bình Dương, Biên Hòa, và còn lan rộng đến các tỉnh Tiền Giang và Hậu Giang nữa.

Tác giả đã viện dẫn sự tiếp thu những tư tưởng văn hóa và tôn giáo của ngoại lai, nhưng đã được Việt hóa để làm phong phú thêm cho nền văn hóa dân tộc, cũng như những kinh nghiệm về việc trị quốc an dân, qua tư tưởng của các Thiền Sư và các bậc Nhân sĩ trong thời Lý Trần. Như thiền sư Đổ Pháp Thuận đã từng tham gia chính trị dưới thời vua Lê Đại Hành. Thiền sư phát biểu ý kiến về ngôi chủ trong thiên hạ như sau: *"Quốc tộ như đẳng lạc. Nam thiên lý thái bình. Vô vi cư điện các. Xứ xứ tức đao binh.* (Ngôi nước như loại dây leo chằng chịt. Muôn dặm phương nam được thái bình. Triều chính cần áp dụng đường lối vô vi. Nơi nơi không còn giặc giã đao binh). Như minh quân Lý Thái Tổ, vị vua đã viết *"Thiên Đô Chiếu" và đặt tên Thăng Long làm kinh đô từ năm 1010, và gìn giữ bền vững trên ngàn năm, đã thành tâm khẩn trời che chở cho muôn dân khi trên đường chinh phạt trở về: "Tôi là người kém đức, lạm ở trên muôn dân, vẫn hằng lo sợ như sa xuống vực sâu, không dám cậy vào quân mạnh mà ỷ thế cất binh đánh giặc... Trong khi giao tranh, hoặc giết lầm người trung hiếu, hoặc làm chết oan kẻ hiền lương, làm cho trời nổi giận vạch rõ lỗi lầm cho tôi, thân nầy dù chết chẳng dám than van. Riêng đối với sáu quân, tội đó xin dung thứ. Dám mong lòng trời soi xét).*

Hay "Chiếu Hối Lỗi" của vua Lý Cao Tông: *(Trẫm còn nhỏ đã phải gánh vác việc lớn, nơi cửu trùng sâu thẳm, không biết đến nỗi khốn cùng của muôn dân, đã vậy còn nghe theo lời bọn tiểu nhân mà kết oán với người dưới. Dân oán hận thì trẫm biết dựa vào ai ?*

Hay tư tưởng uyên thâm cả Nho lẫn Phật của vua Trần Nhân Tông, qua bài phú: Giữa cõi trần vui đạo (Cư trần lạc đạo phú): *"Sách Dịch xem chơi, yêu tính sáng hơn yêu châu báu. Kinh nhàn đọc dấu, trọng lòng rồi trọng nữa hoàng kim... Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương. Di đà là tính sáng soi, mựa phải nhọc tìm về cực lạc...".*

...

Hay những tấm lòng ngời sáng của trung thần các triều đại. Như một lần vua Trần Minh Tông khen tặng: *(Lời trung thần sáng như gương, dạ trung thần đỏ như son. Bậc trung chính tự đó an tâm hả dạ, lũ gian tà vì đó sởn gáy tan mật...),* cùng với Bài Thơ Thần của Lý Thường Kiệt, Hịch Tướng Sĩ của Trần Quốc Tuấn, Thất Trảm Sớ của Chu Văn An, Vạn Ngôn Thư của Lê Cảnh Tuân... là quy tụ những nhân đức trí dũng, khiêm cung từ ái, xuân tứ văn phong, tự hào về văn hóa, là ánh hào quang thắp sáng cũng như lưu truyền "Mùa Xuân Lý Trần" vậy.

Từ đó đem lòng hoài niệm đến một thời của "Thăng Long-Nguyễn Du", một thời của Nguyễn Đình Chiểu qua tác phẩm Dương Từ Hà Mậu, Hương Quê qua "Vịnh Bức Dư Đồ Rách" của Tản Đà... để rồi bây giờ lại ngậm ngùi với: "Thiết Thực Kỷ Niệm 1000 năm Thăng Long" trong khi họa xâm lăng của Bắc phương đang trên đà sống lại một cách mãnh liệt !

Phần II - Truyện Võ Phước Hiếu:

Tác giả viết truyện với văn phong chất phác, đôn hậu nhưng trong sáng. Kết cấu rất tỉ mỉ, nghiêm chỉnh nhưng không kém phần lãng mạn. Lối kể chuyện dí dỏm, nhưng khiêm cung đúng với tinh thần của một nhà giáo. Đã giới thiệu với độc giả bước đầu tham dự vào thế giới văn chương chữ nghĩa, qua câu chuyện: "Tập Tành Chữ Nghĩa". Kể lại những việc giải trí của người dân quê, sau khi đã lo xong công việc đồng áng. Lớp trai trẻ thì tụ họp các sân phơi lúa, gốc đình làng để thi đua những trò chơi như nhảy dây, chạy đua, ù mọi... để giúp cho họ quên đi mệt nhọc, cũng như những ấm ức đã dồn nén trong lòng, mà họ chưa có cơ hội bộc bạch với ai.

Còn các cụ thì thường nằm nghỉ lưng trên bộ ván danh mộc...: *"Các cụ không quên bảo các cháu học vừa dứt lớp ba lớp tư trường làng đọc cho nghe chuyện Bạch Viên Tôn Các, vè Cậu Hai Miêng, Thầy Thông Chánh và*

https://tieulun.hopto.org

nhất là truyện Lục Văn Tiên... Dường như trong thâm tâm sâu thẳm, các bậc kỳ lão nầy muốn được sống lại một thời êm đềm đã qua, muốn lắng nghe lại âm vang những kỷ niệm ngày cũ còn lắng đọng rõ nét trong lòng mình chăng?

Đám trẻ nhóc con nầy bập bẹ đọc ạch đụi, đọc trật vuột, nhiều câu phản nghĩa trầm trọng mà chúng một mực phây phây tỉnh bơ, xem như không có chuyện gì xảy ra. Đôi khi lộn đầu lộn đuôi, thậm chí chúng lộn luôn cả dấu giọng rất ngây ngô nhưng dễ thương. Khiến bao nhiêu người nghe đang ngồi chung quanh đâu đó, không nín được cười nghiêng cười ngửa đến trào nước mắt, không cách nào cầm lại được".

Nếp sinh hoạt của người dân quê nơi cùng trời cuối đất ấy, không phải chỉ ở miền Nam mới có mà hình như khắp cả nước non. Nơi đâu và thời nào cũng đã diễn ra những nét hao hao như thế. Và còn duy trì cho đến bây giờ vẫn không phai hương. Vì chốn đồng quê là nơi vốn thiếu thốn "văn minh", vì thế con người phải tự sáng tạo ra, cùng với những người từ xa đến góp công để xây dựng cho chốn quê được ngày càng tiến bộ. Như thầy giáo Mạnh, một người xuất thân từ Sài gòn được bổ nhiệm về làng quê nầy để chăm lo dạy dỗ cho đám hậu sinh. Tuy là người mới nhưng thầy đã biết hội nhập với hoàn cảnh, cảm thông phong tục tập quán và thân phận hẩm hiu của người dân cùng đinh tại địa phương, đứng ra bênh vực cho những người thấp cổ bé miệng trước những bất công áp bức của kẻ quyền thế lộng hành.

Hay ông thầy thuốc Hai Thiện, đã bỏ nơi chốn phồn hoa đô hội của thị thành, nguyện đem lòng thi ân bố đức, chữa bệnh miễn phí cho lớp người nghèo khổ túng thiếu hầu như bị bỏ quên bên lề xã hội.

Hay có người từ xã hội nghèo hèn ấy, nhưng họ tự vươn lên bằng cách tự học hỏi việc đời từ người nầy sang người khác, như ông Hai Thắng..., là nhân duyên để xây dựng và duy trì cũng như phát triển cái "bóng dáng thôn dã" Việt Nam từ muôn thu trước, cũng như bây giờ và mai sau, vẫn còn giữ lại được một trạng thái nhất nguyên, của chuyển lưu văn hóa.

"Xã hội thời đó đã mất hút trong sâu thẳm dĩ vãng từ lâu rồi. Nhưng dù sao thời gian cũng không thể xóa nhòa những kỷ niệm. Bây giờ chỉ chớp tắt thoáng hiện trong trí nhớ của một số người nhung nhớ, quan tâm đến cội nguồn gốc rễ".

Khuê Phụ Thán, là tiểu luận tìm hiểu về nguyên nhân hình thành, thể loại, nét đặc thù của thơ phú miền Nam. Với nội dung nói lên tâm trạng một người đàn bà vì hoàn cảnh trái ngang, phải xa chồng xa con nên cất lời than thở sự tình. Ở đây tác giả liên tưởng đến hai vị vua bị đày trong thời Pháp thuộc, lấy cảm hứng một bà phi khóc than trước cảnh xa chồng xa con, trước cảnh chia ly ngăn cách. Giữa lúc đất nước đắm chìm trong loạn lạc và phân hóa bởi ngoại xâm.

Tác giả còn đề cập đến hoàn cảnh của xã hội miền Nam thời bấy giờ, cũng như nền văn hóa nước nhà dưới thời kỳ bị đô hộ, tâm sự của kẻ sĩ và nhất là việc truyền bá văn học bị giới hạn, cùng với việc tam sao thất bổn khiến cho giá trị nghệ thuật tác phẩm lưu truyền không được như nguyên tác. Có nhiều tác giả thời bấy giờ, vì lý do nầy hay lý do khác đã phải để là "khuyết danh" như kho tàng ca dao là văn chương truyền khẩu trong dân gian từ vô thỉ.

Tác phẩm Khuê Phụ Thán, không nằm ngoài hoàn cảnh trên, nên khi tham khảo nhiều tài liệu khác nhau, tác giả đã chú thích phụ đính lại những lỗi chính tả của nguyên bản, đồng thời khám phá "Tác giả của tác phẩm Khuê Phụ Thán" là một nhà chí sĩ yêu nước. Một nhà Giáo rất uyên bác, với những đức tính của một người đạo hạnh, cuộc sống giản dị, nhưng cương trực và thẳng thắn. Cụ sống tri túc vô cầu, không chen đua tranh giành, lấy bối cảnh thiên nhiên ở làng quê, xóm vắng để di dưỡng tính tình và tinh thần. Lấy chức năng đào tạo thế hệ mai sau làm mẫu mực để sống, một bậc thâm nho yêu nước, đúng là một bậc sĩ phu ẩn dật. Người đã đem tất cả tâm huyết để truyền đạt lại cho hậu sinh.

Và điểm thú vị nhất của người viết tiểu luận nầy là khám phá ra rằng, tác giả của "Thập thủ liên hườn: Khuê Phụ Thán" chính là thân phụ Giáo sư Pháp văn của mình trong cuối thập niên bốn mươi.

Từ đó có thêm lời hối hận rằng, trong khi qua Pháp được gặp lại và được Thầy mình giúp đỡ trong những bước đầu, nhưng chưa một lần hỏi Thầy về sự nghiệp của thân phụ Thầy!

Chút Tình Tưởng Nhớ Anh Võ Thu Tịnh, là tâm sự muôn trùng qua những ân nghĩa với đời: *"Chúng tôi dấn thân vào nghiệp văn chương chữ nghĩa do thôi thúc của đam mê thuở đầu đời, từ khi còn mài đủng quần ở ghế nhà trường trung học. Chúng tôi cứ nghĩ chỉ là một thoáng mê hoặc bởi hấp lực của ánh hào quang lấp lánh nơi cõi ảo tưởng, mộng lung mơ hồ của tuổi trẻ... nào ngờ nó vẫn đeo đuổi mãi theo chúng tôi, song hành với những tháng năm thăng trầm quá nghiệt ngã của dòng sử mệnh hơn nửa thế kỷ qua.*

Tuy nhiên, cũng nhờ nghiệp dĩ, vinh nhục cũng nhiều mà niềm vui không ít ấy đã giúp chúng tôi được dịp gần gũi và giao tình với những bực đàn anh đàn chị tên tuổi lẫy lừng trong chốn văn chương báo chí, từ thời Việt Nam Cộng Hòa ra tới hải ngoại. Đây là một may mắn quý hiếm lần đầu tiên trong đời chúng tôi, mà nay ngoái nhìn lại đoạn đường gian khổ, lao đao lận đận đã qua, chúng tôi không có điều gì tiếc nuối, trái lại còn hãnh diện là khác.

*

Đọc một tác phẩm, và muốn giới thiệu đến độc giả khắp nơi cái hay cái đẹp, cái thâm thúy, cái tấm lòng của tác giả đã gởi gắm, đã tâm sự, đã chia sẻ cùng tha nhân... nhưng nghĩ lại như nhà văn Steven Moore: ... *"một cuộc nghiên cứu sâu rộng như vậy thì có rất nhiều điều để nói, và tôi không thể nào kể được dù chỉ một phần lại cho quý vị nghe ở đây".*

Vì thế người đọc cũng chỉ ước mong là giới thiệu qua một vài nét về tác giả và nhân duyên hình thành tác phẩm, cũng như sự liên hệ gắn bó giữa hai nhà văn, mà suốt cuộc đời đã dành nhiều thì giờ cho vấn đề bảo tồn, và phát huy nền văn hóa dân tộc Việt trên bước đường lưu vong. Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả.

Muốn có sách xin liên lạc về:
- Nhóm Văn Hóa Pháp Việt
  1 - Allée des Peupliers
  59320 Hallennes Lez Haubourdin
  France
- Nhà Sách Khai Trí
  93 Avenue d´Ivry
  75013 Paris - France.

https://tieulun.hopto.org

Dầu Olive và chế độ dinh dưỡng Địa Trung Hải

Nguyễn Thượng Chánh, DVM
Dược Sĩ Nguyễn Ngọc Lan

Trong truyền thống Địa Trung Hải, dầu olive mang một sắc thái thiêng liêng dưới hình thức một loại dầu dâng cúng trong những lễ nghi tôn giáo. Nó là một thực phẩm trong ẩm thực, một món thuốc trong trị liệu và trong thẩm mỹ, và đồng thời cũng là một nguồn năng lượng cần thiết để thắp sáng đèn dầu trong những thế kỷ trước.

Ngày nay, dầu olive đã được các nhà dinh dưỡng hết lòng ca tụng như là một sản phẩm rất tốt và ích lợi cho sức khỏe tim mạch.

Chế độ dinh dưỡng Địa Trung Hải là gì?

Từ cả ngàn năm nay, dầu olive là thành phần cốt yếu trong chế độ ẩm thực của các dân tộc sống quanh vùng biển Địa Trung Hải. Chế độ ẩm thực nầy gồm có rất nhiều rau quả tươi, ngũ cốc, các loại hạt thô, cá và rượu chát đỏ.

Các nhà dinh dưỡng nghĩ rằng nhờ ăn uống theo chế độ dinh dưỡng Địa Trung Hải *(régime méditerranéen)* mà các dân tộc phía Nam Âu Châu như Crète, Hy Lạp, Ý, Pháp và Tây Ban Nha thường ít bị các bệnh về tim mạch hơn dân Bắc Âu và dân Bắc Mỹ.

Theo định nghĩa của UNESCO, chế độ dinh dưỡng Địa Trung Hải không phải chỉ bao gồm có dầu olive, đậu, ngũ cốc, hạt dẻ, cá, rau quả tươi hoặc khô, sản phẩm của sữa và thịt, sauce chấm, gia vị và rượu chát đỏ mà thôi. Nó còn hàm ý cả vấn đề sản xuất, thu hoạch, biến chế, tồn trữ cùng với kinh nghiệm, tình cảm và nét văn hóa đặc thù của các dân tộc sống quanh vùng biển Địa Trung Hải trong tinh thần tôn trọng môi sinh và sinh thái nữa.

Theo Hy Lạp, chế độ dinh dưỡng Địa Trung Hải không chỉ giới hạn trong vấn đề thực phẩm mà nó còn được xem như là một lối sống, một lối giao tiếp xã hội thông qua các buổi tiệc tập thể, ca hát nhảy múa vui chơi.

Phụ nữ đóng một vai trò then chốt trong việc tổ chức các lễ hội cũng như trong sự truyền bá kiến thức và bảo tồn kỹ thuật bếp núc.

Công dụng của dầu olive

Trước hết là dùng dầu olive để trộn salade hoặc rau cải tươi.

Dầu olive có thể sử dụng như một loại thuốc thiên nhiên.

Và cũng có thể sử dụng dầu olive như một loại... mỹ phẩm.

Các danh sư thời xưa như Hippocrate, Pline, Galien Dioscoride, và Averroés đã biết dùng dầu olive trong trị liệu (như một nguyên liệu của thuốc mỡ *onguent* thoa ngoài da), để làm massage (lợi dụng tính làm cho nóng da và êm dịu của dầu olive) thoa bóp lực sĩ trong các cuộc tranh tài thể thao.

Lá cây olivier có tính kháng nấm, ngoài ra dầu olive rất giàu chất chống oxyt-hóa *antioxydants* nên giúp tái tạo mô biểu bì, bảo vệ da và đồng thời giữ cho tóc được đẹp.

Dầu olive chứa rất nhiều **chất acid béo không bão hòa đơn thể** *(monounsaturated)* là một chất béo tốt, nó cũng rất giàu về các **chất chống oxyt-hóa***antioxydants* như vitamin E và chất *polyphénol*, giúp làm giảm các cholestérol xấu LDL và ngừa nghẽn mạch máu... Ngoài ra còn có **oméga-9**(*acides oléiques*) là chất béo chánh của dầu olive cần thiết trong việc sản xuất mật và đồng thời cũng giúp cho việc tiêu hóa được dễ dàng hơn.

Đôi dòng về nguồn gốc cây olivier

Cây olivier đã có mặt tại vùng Trung Á (*asie mineure*) lối 12.000 năm trước công nguyên. Chúng tạo nên những cánh rừng hoang dại, trải dài từ Syrie đến Ai Cập và Crète.

Mãi đến 6000 năm trước Tây lịch, cây olivier mới được con người quan tâm đến...

16 thế kỷ trước công nguyên, dân Phéniciens biết khai thác giá trị cây olivier nên họ đem trồng trên khắp vùng Địa Trung Hải.

Các cuộc khai quật khảo cổ đã tìm thấy được nhiều chứng cớ sử dụng dầu olive của người tiền sử.

Olivier là cây gì?

Video: *Olive tree cultivation* (**cách thu hoạch và sản xuất dầu olive tại vùng Vallée Baux de Provence Pháp**)
http://www.youtube.com/watch?v=ODUTo5rkyC0

Tại Âu Châu, cây olivier có tên là *Olea europaea sativa*.

Phía đông Phi châu cây olivier thuộc loại *Olea chrysophylla*.

Nếu không được cắt tỉa thường xuyên mỗi 2 hoặc 3 năm, cây olivier thường cao đến 10 mét hay hơn nữa.

Tại các khu vườn canh tác, cây olivier được trồng ngay hàng thẳng lối và được cắt tỉa để giữ chiều cao khoảng lối 3 mét để cho dễ hái trái.

Cắt tỉa còn nhằm mục đích để có nhiều trái (*fructification*), để được thoáng, để ngăn ngừa sự lan truyền bệnh tật hoặc ký sinh trùng và cũng như để tạo ra hình dáng đặc biệt.

Các nhà chuyên môn cho biết có trên 500 giống cây olivier mọc quanh vùng Địa Trung Hải. Olivier có thể được trồng từ hột hoặc bằng cách giăm cành.

Mùa đông giá *(gel)* từ -7 độ C là kẻ thù số một của cây olivier. Năm 1956, đông giá đã tàn phá hết 80% cây olivier của vùng Provence, phía Nam nước Pháp.

Tháng 9.2011 vừa

https://tieulun.hopto.org

qua, vợ chồng người viết có dịp viếng vùng Địa Trung Hải, Côte d'Azur và Ý nên nhận thấy cây olivier khắp nơi, trên núi, trong làng mạc, trong sân nhà, trong vườn, ven rừng, trong thành phố, thậm chí thấy họ bán cây olivier con chiếc cành nho nhỏ và đầy trái. Cây cao không quá 35 - 40 cm, rất dễ thương như một loại *bonsai* để chưng trong nhà. Giá 30 Euros một chậu.

Trái olivier có màu xanh khi còn non và đen khi trái già và chín. Tuy nhiên cũng có loại trái khi già chỉ có màu đỏ bầm mà thôi.

Trái được hái bằng tay hoặc bằng máy.

Video: *The olive harvest in Italy*(**hái trái olive tại Ý**)
http://www.guardian.co.uk/lifeandstyle/video/2010/dec/23/food-olive-oil-harvest

Dầu olive thu hút khách du lịch

- Tây Ban Nha: vùng Catalogne và Andalousie;
- Ý: vùng Toscane, Ligurie, Ombrie, Sicile, Sardaigne;
- Hy Lạp: vùng Péloponnèse và các đảo thuộc Hy Lạp;
- Pháp: vùng Provence nằm ở phía Nam nước Pháp.

Các quốc gia nổi tiếng trong việc sản xuất dầu olive

* **Tây Ban Nha:** dẫn đầu với 2 triệu mẫu tây canh tác cây olivier. Dầu ngoại hạng được sản xuất tại Catalogne và Andalousie... Những quy định gắt gao được áp đặt ra để bảo vệ giá trị và phẩm chất của dầu olive được gọi là AOC hay *Appéllation d'origine controlée* (kiểm tra nguồn gốc xuất xứ)... Chẳng hạn như các thương hiệu Baena, Priego de Cordoba, Sierra Magina và Sierra Segura nằm trong vùng Cordone và Jaén... Các giống được trồng là: Arbequina, Cornicabra, Empedre, Lechin, Picual, hojiblanca.

* **Bồ Đào Nha:** 300.000 mẫu. Từ vùng Douro tới vùng Algarve bát ngát cây olivier trồng ngay hàng thẳng lối... Portugal và Maroc là hai quốc gia phía Đông Đại Tây Dương sản xuất dầu olive.

* **Ý Đại Lợi**: mỗi vùng đều có nét đặc thù riêng biệt, như hai vùng phía nam Pouille và Sicile cho loại dầu olive đượm hương vị trái cây *(fruité),* vùng Vénétré vả Ligurie cho một loại dầu thơm diệu hơn, vùng Toscane và Latium cho ra dầu olive với hương vị quân bình hơn... Các giống được trồng là: Caratina, Frantoio, Leccino, Moraiolo... Dầu olive đượm nét quyền quý tại Ý, nhưng lại bình dân hơn tại Hy lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

* **Hy Lạp**: đứng hàng thứ 5 về sản xuất dầu olive với diện tích 690.000 mẫu olivier... Đa số dầu sản xuất được xuất cảng, đặc biệt là sang Ý... Các giống olivier được trồng là: Glycolia, Lianolia,Liastra, Mélolia, Stiftolia, Throubolia, Tsounati...

* **Đảo Crète**: là nơi sản xuất dầu olive xưa nhất. Có lối 13 triệu cây olivier trên đảo, sản xuất theo truyền thống gia đình. Mỗi khu vườn lối 2,6 mẫu... Mỗi người dân đảo Crète mỗi ngày tiêu thụ 100 gr dầu olive và có tử số về bệnh tim mạch thấp nhất thế giới.

* **Pháp:** có lối 20.000 mẫu trồng cây olivier... So với các loại dầu khác, sự tiêu thụ dầu olive chiếm dưới 10%... Phần lớn ngành canh tác olivier được chuyển qua Tunisie thời thuộc địa. Vấn đề đô thị hóa, nhân công đắt đỏ, xáo trộn do du lịch, đã không giúp ích vào vấn đề phát triển ngành sản xuất dầu olive tại Pháp được... Các giống olivier thường trồng là: *Grossane*,*Picholine*, *Salonenque* trong vùng massif des Alpilles; *Belgentiérose*, *Bouteilian*, *Cayet roux* trong vùng Var; *Agiandau* vùng Haute Provence; *Cailletier* trong vùng Nice; *Lucques* trong vùng Aude và giống *Sabina* tại đảo Corse...

Các hiệu dầu olive nổi tiếng của Pháp: Château de l'Estoreblon et du Vignal, Château Vivant chủ yếu tại Var, Alpes maritimes và Bouche du Rhône; Lucques vùng Aude cho loại olive xanh ngon nhất, dầu tuyệt hảo; Sabina vùng đảo Corse.

* **Trung Đông (Moyen Orient):** không quan trọng. Các giống thường được trồng: Barnea, Manzanillo, Nabali, và Souri... Tại những vùng có khí hậu khô cằn từ Trung Đông đến Magrehb (Maroc, Algérie, Tunisie), cây olive phải chịu đựng ít nhiều ảnh hưởng tình hình chánh trị bất ổn và chiến tranh (Palestine, Liban, Lybie).

* **Irak:** 5.000 - 10.000 mẫu olivier.

* **Syrie**: 400.000 mẫu.

* **Liban**: 32.000 mẫu.

* **Palestine- Israel**: trên 100.000 mẫu.

* **Thổ Nhĩ Kỳ**: 878.000 mẫu, đứng hành thứ 4 trên thế giới về diện tích trồng cây olivier... Chủ yếu cung ứng cho nội địa. Nhưng ngày nay, họ bắt đầu xuất cảng sang Hoa Kỳ vì giá dầu olive Turquie rẻ hơn dầu sản xuất tại Âu Châu. Sản phẩm mới nầy tên là Riviera và có được từ sự pha trộn 2 loại dầu *vierge* và dầu *raffinée.* Riviera có hương vị ít gắt hơn loại dầu (huile vierge pure) nên rất thích hợp với khẩu vị của người Mỹ...

Đặc biệt riêng **Tunisie** rất nổi bật và đứng hàng thứ tư trên thế giới về sản xuất dầu olive với 210.000 tấn. Họ cũng chiếm hàng thứ ba về xuất cảng với 130.000 tấn dầu/năm (2007-2008).

Ép lấy dầu bằng cách nào?

Video: hái olive và ép dầu bằng máy ngay tại chỗ
http://www.facebook.com/video/video.php?v=15948534097177

Nói chung, có hai cách ép để lấy dầu từ các loại thực vật**:**

1/ Cách nguội (*pression à froid, cold pressed*):

Ngày xưa olive được ép bằng tay với máy ép bằng đá hoặc bằng gỗ. Ngày nay công việc ép dầu được làm bằng máy. Tuy là cách ép nguội chớ thật sự ra cũng phải thực hiện ở nhiệt độ 50 độ C- 60 độ C... Sau đó, dầu được lược lại và cho vô chai. Trái Olive cũng có thể được nghiền nhỏ, thêm nước rồi bỏ vô máy ly tâm quay để trích lấy dầu. Sau khi ép, xác bã còn chứa một ít dầu nên được gởi đi ép thêm một lần nữa. Cuối cùng thì xác bã đã hết dầu cũng được dùng để nuôi gia súc thí dụ như heo chẳng hạn.

2/ Cách nóng (*pression à chaud*), còn gọi là phương pháp kỹ nghệ:

Thực hiện ở nhiệt độ 250 độ C... Để đạt hiệu quả tối đa, người ta trộn thêm chất dung môi (solvant) để giúp cho dầu dễ tan hơn. Dầu có được còn rất bẩn nên phải được rút bỏ chất dung môi ra ngoài cũng như phải được khử mùi và màu sắc nữa. Kết quả sau cùng của cách ép nóng là chúng ta có được một loại dầu gọi là dầu tinh chế *(huile raffinée, refined oil)* rất ổn định ở nhiệt độ cao nhưng lại không có hương vị và màu sắc hấp dẫn. Bất lợi khác là nhiệt độ đã làm mất đi phần lớn vitamin E và các chất chống oxyt hoá!

https://tieulun.hopto.org

Cả một rừng danh từ

Tại Canada hiện có cả trăm loại dầu olive trên thị trường. Tiền nào của nấy!

Dầu tạm gọi là tốt về chất lượng, về mùi vị, và về màu sắc thì giá cả phải từ 20$/lít trở lên.

Các loại dầu đắt tiền chỉ được thấy bán trong các tiệm buôn đặc biệt *(épicerie spécialisée)* mà thôi. Còn dầu olive bán trong các chợ và siêu thị thường chỉ là những loại bình dân xoàng xoàng, giá cả cỡ 7-8$ /500ml...

So với các loại dầu phổ thông như dầu bắp, dầu đậu nành, và dầu Canola thì dầu olive phải đắt hơn gấp 5-6 lần.

Phần lớn, 85% các xứ sản xuất dầu olive đều nằm trong tổ chức IOOC *(The International Olive Oil Council)* mà trụ sở chính đặt tại Tây Ban Nha... IOOC là một tổ chức liên chính phủ có nhiệm vụ phát triển kỹ nghệ dầu olive, theo dõi việc sản xuất cũng như kiểm soát và ấn định tính chất của mỗi loại dầu olive. Có tất cả 23 nước là hội viên của IOOC... Tây Ban Nha đứng đầu với 40% dầu sản xuất trên thế giới, kế đến là Ý và Hy Lạp.

Riêng Hoa Kỳ và Canada đều đứng ngoài tổ chức IOOC. Bởi lý do trên mà tại hai quốc gia nầy các nhãn hiệu ghi trên chai dầu không có được một bảo đảm pháp lý nào cả! Bộ Canh Nông Hoa Kỳ USDA có nhiệm vụ kiểm soát bao bì nhãn hiệu và độ acid của dầu. Tại Hoa Kỳ, dầu olive được phân ra thành các loại Fancy, Choice, Standard và Substandard. Danh từ Extra Virgin có thể được áp dụng cho bất kỳ một nhóm nào nên nó cũng mất đi ý nghĩa đặc biệt tốt đẹp của nó.

- Pressé à froid / Première pression à froid / First cold pressed: Ngày xưa dầu được ép thẳng từ trái olive mà không cần hơi nóng. Phương pháp First cold pressed cho một loại dầu olive rất tốt, còn đầy đủ vitamin E và các chất chống oxyt hóa *antioxydants* như *bêta-sitosterol* là chất có khả năng ngăn chặn sự hấp thụ cholestérol... Sau đợt ép đầu tiên, người ta thường pha thêm nước nóng vào xác olive và ép thêm lần thứ nhì, và lẽ tất nhiên dầu có được chất lượng phải kém hơn loại dầu có được qua lần ép đầu tiên. Biết rằng nhiệt độ nóng làm mất vitamin E và các chất chống oxyt-hóa. Ngày nay, qua lối sản xuất công nghiệp phương pháp ép nguội (cold pressed) vừa kể ít còn được áp dụng nữa, nhưng các cụm từ Première Pression à Froid / First Cold Pressed vẫn được nhà sản xuất dầu olive duy trì sử dụng một cách vô tội vạ như là một công cụ khuyến mãi marketing mà thôi.

- ***Huile extraite par pression mécanique***: Dầu ép bằng máy không có sử dụng một chất dung môi *(solvant)* nào hết, nhưng họ có thể đun nóng dầu lúc ép.

- ***Huile d'olive / olive oil***: Chỉ là một loại dầu olive hỗn hợp có được qua sự pha trộn dầu olive vierge (virgin) với dầu olive tinh chế. Độ acid không được cao hơn 1,5%. Tuy không có mùi vị và màu sắc bằng dầu extra vigin, nhưng olive oil có rất nhiều acid béo không bão hòa đơn thể rất tốt. Có thể dùng để nấu nướng.

- ***Huile de grignon d'olive / olive pomace oil / aceite de orujo***: Khi ép dầu xong, bã xác olive còn lại sẽ được đem ép thêm một lần nữa. Dầu có được sẽ được pha thêm từ 5% đến 25% dầu olive vierge (virgin) để tạo ra dầu bã xác olive (*huile de grignon d'olive*). Dầu nầy thuộc loại hạ phẩm, và thường được kỹ nghệ thực phẩm sử dụng.

- ***Extra Vierge / Extra Virgin***: Đây là dầu có được trong lần ép đầu tiên. Dầu có hương vị và màu sắc tuyệt hảo và còn chứa rất nhiều vitamin E và các antioxydants. Giá đắt hơn các loại dầu khác, đặc biệt *là dầu extra virgin không được có độ acid trên 0,8%. Extra Virgin là loại tốt nhất trong các loại dầu olive. Dầu extra virgin không được quyền chứa các loại dầu tinh chế.*

- ***Vierge / Virgin***: Sau khi ép xong dầu Extra virgin, người ta chế thêm nước nóng vào bã xác và đem ép tất cả để có được dầu *virgin.* Nồng độ acid không được quá 2%. Độ acid càng thấp thì dầu càng tốt.

- ***Légère / Light***: Không có nghĩa là dầu chứa ít calorie hoặc chứa ít chất béo đâu... Tất cả các loại dầu hoặc chất béo đều chứa một số calorie bằng nhau: 1gr chất béo tạo ra 9 calories. Mỗi muỗng canh dầu có 124 calories.

- ***Extra Légère / Extra Light***: Luật cho phép nhà sản xuất được dùng các chữ như Extra Light, Ultra Light, Très Légère, Very Light nhưng bắt buộc phải ghi rõ Légère / Light về khía cạnh nào, thí dụ mùi vị, màu sắc, v.v...

- ***From hand picked olives***: Có nghĩa là được hái kỹ lưỡng bằng tay chớ không phải hái theo kiểu thông thường là bằng sào, hay bằng máy rung cây cho trái olive rụng xuống. Vấn đề này có lẽ là nhằm mục đích quảng cáo mà thôi.

Video: **hái trái olive tại Tây Ban Nha** - *Olive harvest Andalucia,Spain*
http://www.youtube.com/watch?v=5mTMi7OuG0M

- ***100% Pure***: Có nghĩa là dầu không có chứa thêm một chất phụ gia nào cả... 100% pure cũng được cho phép sử dụng để chỉ những loại dầu có được từ sự pha trộn của 2 loại dầu tinh chế với nhau.

- ***Sans sel***: Câu nầy chỉ để câu người tiêu thụ mà thôi chớ có dầu nào có chứa muối đâu mà cần phải nói.

- ***Sans Cholésterol***: Câu nầy cũng để câu người tiêu thụ. Cholestérol chỉ có trong mỡ động vật mà thôi. Dầu thực vật tự nó không thể có cholestérol được.

- ***Importé d'Italie / Imported from Italy***: Nhà sản xuất muốn người tiêu thụ lầm tưởng là olive được trồng tại Italy. Thật sự ra là olive được trồng bên Tây ban Nha, rồi xuất cảng sang Ý để ép lấy dầu và vô chai tại đây. Hoa kỳ bắt buộc trên nhãn hiệu phải có ghi rõ nguồn gốc của sản phẩm, nhưng Canada và Âu châu thì không đòi hỏi vấn đề này. Các nhà sản xuất quốc tế như

https://tieulun.hopto.org

Unilever hay Nestlé thường làm một nhãn hiệu cho chai dầu bán ở Hoa Kỳ (chẳng hạn như dầu đến từ Hy Lạp, Tây Ban Nha, Maroc...) và một nhãn hiệu khác ghi là "made in Italy" cho chai dầu đó nếu được bán tại Canada hoặc tại Italy.

Olive oil 100gr

+ Energy.....890kcal (3700kJ)
+ Carbohydrate.....0
+Fat.....100g (Saturated: 14g; Monounsaturated: 73g; Polyunsaturated: 11g)
+ Omega-3 fat.....0.8g
+ Omega-6 fat.....10g
+ Protein.....0g
+ Vitamin E 14mg (93%)

Tại sao giá cả chênh lệch nhau quá nhiều?

Nói chung thì dầu olive phải đắt giá hơn dầu thường vì phải cần đến 5kg trái olive mới ép được một lít dầu. Ngoài ra giá cả cũng rất thay đổi tùy theo cách ép, cách sản xuất, nơi nào sản xuất và cũng tùy theo nhãn hiệu của dầu nữa. Thường thì dầu olive sản xuất theo lối công nghiệp giá cả có vẻ nới hơn các loại dầu sản xuất trong những vùng nông trại hay *domaines* đã nổi tiếng từ lâu. Vì giá cả đắt nên dầu olive... dỏm cũng rất nhiều trên thị trường.

Nếu là dầu olive hữu cơ *(bio-organic)* thì giá phải đắt rồi. Tất cả dầu olive hữu cơ đều được ép nguội. Để bảo đảm tên tuổi của một nhãn hiệu, từ năm 1992 Pháp đã quy định 5 danh xưng có sự kiểm soát xuất xứ *(appellation d'origine contrôlée)* sau đây: Nyons, Aix en Provence, Haute Provence, Vallée des Baux, và Nice.

Sau đây là giá cả của một số dầu olive hiện thấy bán tại Canada:

* Loại thường: lối 7-8$ /500ml: Puget, Colavita, Bertolli, Le Choix du President "Splendido", Selection Mérite, Pastene, Nos Compliments "Authentico", Fragraza di Silicia và Il Frantonio.

* Loại thương đẳng: Domaine de Marquiliani 29,99$/500ml, Numez de Prado 22,99$/500ml và VEA 17,99$/500ml, v.v...

Canada, dầu olive dỏm khắp nơi

Joe Di Lecce, chuyên viên kiểm định dầu olive thuộc cơ quan Kiểm tra Thực Phẩm Canada CFIA tại Ottawa, cho biết từ năm 1997 đến 2000 ông ta đã kiểm định trên 100 thương hiệu dầu olive từ loại bèo giá 4$ cho đến loại xịn 40$/chai.

Kết quả là có khoảng 20% bị pha trộn dầu khác. Dầu rẻ tiền có thể được pha trộn vào loại dầu đắt tiền để có lời cao chẳng hạn. Bằng mắt thường nhìn chai không thể biết được. Phải cần đến sự trợ giúp của phòng thí nghiệm mới phát hiện ra được mánh mung của con buôn.

Các thương hiệu dầu olive sau đây đã bị vi phạm:

- Olivio (từ Hy Lạp)
- Terra Mia Extra Virgin
- Ricetta Antica extra Virgin
- San Paolo
- Andy's Pure olive oil
- Italico extra virgin

Năm 2007, cơ quan CFIA cho biết 15 trong số 45 mẫu dầu olive xét nghiệm tại Ottawa cho thấy đã bị pha trộn dầu rẻ tiền như dầu hướng dương *sunflower*, dầu đậu nành*soybean* hoặc dầu trích lấy lại từ bã live.*(huile de grignon, olivepomace oil)*. Sau khi olive được ép lấy dầu rồi, bã lại được trộn vào dung môi. Sau đó họ trích vớt vát thêm một loại dầu olive rẻ tiền cuối cùng.

Cũng theo CFIA, dầu mang nhãn hiệu extra-virgin phải là dầu được ép nguội từ trái olive thuộc giống Olea europea L đúng theo quy định của IOOC, trụ sở tại Tây Ban Nha.

Under the federal Food and Drugs Act, all food products sold in Canada are subject to labelling requirements. Products that are labelled and marketed as extra-virgin olive oil must be cold pressed and made wholly from "oil obtained from the fruit of the olive tree (Olea europea L)" in accordance with standards set by the International Olive Oil Council, the intergovernmental organization based in Madrid, Spain, that promotes olive oil, tracks production, defines quality standards and monitors authenticity.

Read more:
http://www.canada.com/Extra+virgin+olive/2684297/story.html#ixzz1ZMkz3L6z

Dầu olive trong bếp núc

Nhiệt độ cao lúc chiên hay nấu không làm thay đổi thành phần acid béo của dầu nhưng lại làm giảm các chất chống oxyt-hóa và vitamin E. Nên dùng lửa thấp cỡ 180 độ C. Vì giá cả đắt, để nấu ăn chúng ta chỉ nên sử dụng dầu olive tinh chế mà thôi và dành riêng loại dầu tốt như dầu extra vierge để trộn salade.

Nên đựng dầu trong chai xậm màu

Để tránh sự kiện ánh sáng có thể làm oxyt hoá dầu, làm mất đi các vitamin E và các chất antioxydants trong dầu nên dầu cần được chứa trong các chai sậm màu. Tuy nói vậy, nhưng tại các siêu thị lớn đôi khi dầu cũng được đựng trong các chai thủy tinh trong vắt để người mua dễ nhận thấy màu sắc vàng óng ánh hấp dẫn của dầu.

Cất giữ dầu olive ở đâu?

Không nên cất dầu olive trong tủ lạnh vì dầu sẽ bị kẹo hơn. Trong trường hợp này, chỉ cần đem chai dầu để bên ngoài một thời gian thì dầu sẽ lỏng trở lại bình thường... Tốt hơn hết là dầu nên được đựng trong chai sậm màu, đậy nút thật kỹ cho kín gió, tránh ánh sáng rồi đem cất trong tủ bếp. Dầu olive chỉ nên được sử dụng trong vòng hai năm là tối đa mà thôi.

Hãy cẩn thận đối với bất cứ loại dầu nào

Dầu mỡ dễ bị oxyt hóa, dễ hư và trở nên hôi. Kỹ nghệ đã sử dụng phương pháp ép nóng để trích lấy dầu, sau đó là giai đoạn khử mùi và khử màu. Trong các quá trình vừa kể thì một số vitamin E sẽ bị mất đi. Để tránh tình trạng này, nhà sản xuất có thể cho trộn vào dầu thực vật như dầu bắp, dầu phọng, v.v... những chất chống oxyt-hóa BHA (*butylated hydroxyanisole*) hoặc BHT (*butylated hydroxytoluene*). Có dư luận nói rằng hai chất vừa kể có thể gây cancer... Riêng đối với dầu olive, tác giả không thấy có bằng chứng là kỹ nghệ đã sử dụng BHA và BHT.

Tháng 5 năm 2005, trong một buổi hội thảo về hóa học, Giáo Sư A. Saari Csallany thuộc Đại Học Minnesota có báo cáo là dầu thực vật nhờ có chứa acide linoleique

https://tieulun.hopto.org

(omega-6) nên được xem là tốt cho tim mạch, nhưng nếu đem chiên trên chảo quá nóng và quá lâu (deep fried) trên 1/2 giờ thì acide linoleique sẽ tạo ra **chất HNE** rất độc... Chất độc nầy có thể liên hệ đến các bệnh về mạch máu, tai biến mạch máu não, bệnh Parkinson, bệnh Alzheimer, bệnh gan và bệnh Huntington (bệnh di truyền do xáo trộn chuỗi DNA, ảnh hưởng đến não bộ, đến chức năng vận động, suy tư và tình cảm). Và nếu giữ y một chảo dầu và xài đi xài lại suốt ngày thì nồng độ của chất độc HNE *(4-hydroxy-trans-2-nonenal)* cũng nhân đó mà tăng lên rất nhiều.

Hướng dẫn cách mua dầu olive tại Canada

1/ Cần phải biết xuất xứ (provenance): Có ghi trên nhãn hiệu, thí dụ: Produit et embouteillé parMoli del Torms... "Elstorms, 25614 Lleida, Espagne"

2/ Luôn luôn mua loại Extra vierge: Không nên nhầm lẫn *pures, classiques* et *légères* với *Extra vierges*

3/ Ngày sử dụng (date de consommation): Không mua nếu không có ghi ngày sử dụng trên nhãn. Dầu sắp hết hạn hay vừa mới hết hạn không lâu vẫn còn tốt để dùng. Nhưng người chủ có lương tâm phải bán giá hạ chút đỉnh... Coi chừng ngày bị ngụy tạo, hay bị sửa đổi. Chai dầu có thể không có ghi ngày sử dụng vì luật Canada không bắt buộc họ ghi. Đây là khe hở mà con buôn lợi dụng bán ra thị trường những sản phẩm không đúng tiêu chuẩn bắt buộc của IOOC

4/ AOC-DO: *Appelation d'origine contrôlée* hay *Denominación de origen*

5/ Giá quá rẻ: Coi chừng dầu giả, dầu kém chất lượng, bị pha trộn.

Kết luận

Không biết có phải nhờ quảng cáo quá khéo léo và quá tinh vi hay không mà lúc nào dầu olive cũng nhận được toàn là tiếng tốt không hà... Nên nhớ rằng bất luận một loại dầu nào kể cả dầu olive, dù tốt hay xấu chúng cũng đều là chất béo cả mà thôi. Vậy sử dụng dầu mỡ phải có chừng mực!

Theo khuyến cáo của American Heart Association, chúng ta cần phải hạn chế chất béo trong dinh dưỡng. Đối với tổng số chất béo (total fat) tốt lẫn xấu tiêu thụ trong một ngày phải được giữ ở mức thấp dưới 30% của nhu cầu năng lượng, trong số nầy chất béo không bão hòa đơn thể (monounsaturated) là ½, chất béo không bão hòa đa thể (polyunsaturated) là ¼ và chất béo bão hòa (saturated) là ¼ ...

Tạp chí FASEB journal (American Societies for Experimental Biology) số tháng Jan, 2007 có đăng bài khảo cứu về dầu olive của Giáo Sư Henrik E.Poulsen thuộc Đại học Copenhagen Đan Mạch... Khảo cứu được thực hiện trên số 182 người từ 20 đến 60 tuổi thuộc năm quốc gia Âu Châu khác nhau. Mỗi ngày, mỗi người phải dùng 5 muỗng café dầu olive tương đương 25ml dầu. Sau hai tuần, nồng độ chất **8oxodG** (*8-oxy-deoxyguanosine*) trong nước tiểu được đem đo và so sánh với nồng độ của chất nầy đã được ghi nhận ngày đầu tiên của cuộc khảo cứu, thì kết quả cho thấy nồng độ chất 8oxodG đã **giảm** xuống 13%... Được biết 8oxodG là chất được tạo ra trong quá trình oxyt hóa tế bào.

Do đó người ta nghĩ rằng dầu olive là dầu rất tốt để giúp làm giảm thiểu hiện tượng oxyt hóa, đặc biệt là phần DNA trong tế bào... Nhờ vậy ngừa được một số bệnh cancer như cancer vú, cancer ruột, cancer buồng trứng và cancer tiền liệt tuyến. Qua khảo cứu trên, nhóm của Giáo Sư Poulsen kết luận rằng là nhờ việc sử dụng thường xuyên dầu olive nên dân Nam Âu vùng Địa Trung Hải ít bị một số bệnh cancer hơn các dân sống ở phía Bắc Âu Châu.

Mặc dù các ích lợi của dầu olive đã quá hiển nhiên rồi nhưng các nhà khoa học cũng vẫn khuyên chúng ta cần phải có một nếp sống quân bình lành mạnh như giảm bớt việc ăn thịt nhất là thịt đỏ (heo, bò, cừu) cũng như các sản phẩm biến chế công nghiệp, thay thế bằng thịt trắng như thịt gà hay gà Tây, ăn cá hai lần một tuần, ăn nhiều rau quả tươi đa dạng, ngũ cốc, đậu, hạt nguyên vẹn và đồng thời cũng nên năng vận động, tập thể thao thể dục thường xuyên ./.

***Tài liệu tham khảo*:**

- Bien acheter pour mieux manger-*Collection Protégez vous.*
- Reheating vegetable oil releases toxin Study-*HealthDayReporter.*
- Tout baigne dans l'huile-*Philippe Mollé.*
- Prevent cancer, use olive oil-*Medical News Today Dec 27, 2006.*
- Janine Trotereau. Edition de Vecchi-*Les bienfaits de l'huile d'olive*
- Nicolas de Barry. Flammarion-*L'ABCdaire de l'huile d'Olive*
- *Guide pratique d'achat*

http://www.oliveolives.com/fr/savoirs/guide-pratique-achat.html

(Montreal, Nov.19, 2011)

Phân Ưu

Vô cùng xúc động nhận được hung tin:

Giáo Sư Nguyễn Thị Trí

Pháp danh: Thuần Trí Như

đã mệnh chung

ngày 26 tháng11 năm 2011

(nhằm ngày 02.11 năm Tân Mão)

tại Thành Phố Nellingen, Đức Quốc,

Hưởng Thọ 75 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng toàn thể tang quyến.

Nguyện cầu cho hương linh Thuần Trí Như sớm được tiêu diêu miền cực lạc.

Thành kính phân ưu

- Hội Phụ Nữ Việt Nam Tự Do Tại Đức
- Hội Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản tại Mönchengladbach e.V
- và bạn bè / thân hữu: Phạm thị Bích Thủy, Lê Nhất Hiền, Nguyễn Văn Rị, Phạm Thị Nga, Nguyễn Thị Phượng, Phương Phi Nga, Lê Ngọc Châu

https://tieulun.hopto.org

Giới Thiệu Sách

• Chuyện tình của Liên Hoa Hòa Thượng:
Hòa Thượng Thích Như Điển phóng tác

... Tôi mong rằng tác phẩm này không làm hạ uy tín của các bậc Tăng Cang Hòa Thượng thuở ấy, hay ngay cả ngày nay, mà ngược lại qua câu chuyện tình này, ta thấy Liên Hoa Hòa Thượng đã thoát tục như đóa hoa sen tinh khiết nhiệm mầu khi bị nghiệp trần duyên ràng buộc. Còn Hoàng Cô, cũng là một nhân vật lịch sử, tôi thăng hoa cho bà siêu thoát. Mặc dầu tất cả „những lá thư tình" của bà đều do tôi viết. Nếu bà có đầu thai đâu đó, sẽ bảo tôi rằng: „Tại sao ông Hòa Thượng này lắm chuyện thế...!". Vì lẽ khi yêu thầm nhớ trộm một người, người ta khó có thể chôn hết những ngôn từ vào lòng được, mà phải thổ lộ bằng giấy trắng mực đen thì mới có thể nói hết cõi lòng của mình. Nếu tôi có mạo phạm lời lẽ của một Công Chúa Hoàng Triều, thì mong tâm thức của bà đại xá cho...". (Lời tác giả).

- Chùa Viên Giác Đức quốc ấn hành năm 2011.
- Giá phát hành trong nước Đức kể cả cước phí 10€ ; ngoài nước Đức 17€.

• Chết an lạc, tái sanh hoan hỷ:
- Nguyên tác Anh ngữ (Peaceful Death & Joyful Rebirth)
- Việt dịch: HT. Thích Như Điển
TT. Thích Nguyên Tạng

...

Đức Phật A Di Đà, giáo chủ cõi Tây Phương Cực Lạc qua sự giới thiệu của đức Phật lịch sử Thích Ca Mâu Ni trong kinh Đại phẩm và Tiểu phẩm A Di Đà cũng như kinh Vô Lượng Thọ với nguyên thủy bằng tiếng Sanskrit, đức Phật A Di Đà khi còn là một Pháp Tạng Tỳ Kheo phát ra 46 lời nguyện. Nhưng khi Phật Giáo Đại Thừa Tịnh độ được truyền qua Trung Hoa vào thế kỷ thứ 3, Đại Hàn, Nhật Bản thế kỷ thứ 6; Việt Nam thế kỷ thứ 4 đã trở thành 48 lời nguyện, thay vì 46 như ở Ấn Độ. Đến thế kỷ thứ 9 khi Phật Giáo Tịnh độ được truyền sang Tây Tạng đã trở thành 51 lời nguyện. Như vậy cõi Tịnh độ thì nhiều; nhưng cõi Cực Lạc chỉ có một và giáo chủ chỉ có đức Phật A Di Đà với sự phụ tá của đức Quán Thế Âm Bồ Tát và đức Đại Thế Chí Bồ Tát. Thế mà các Ngài đã hiện thân qua nhiều cái nhìn khác qua các lời nguyện của các nước theo Phật Giáo ở vào thời điểm khác nhau. Cho nên việc vãng sanh về thế giới của Ngài cũng khác nhau, chứ không hẳn nhiên giống nhau hoàn toàn... (Lời cuối sách).

Sách do Chùa Viên Giác ấn tống năm 2011. Quý vị muốn có sách trên xin liên lạc về chùa Viên Giác (ĐT. 0511 – 87 96 310).

Thông Báo (Tiếp theo trang 122)

Tham dự khóa Huân Tu Thiền Tịnh & Hành Hương Đài Loan và Hongkong (11.04. 02.05.2012)

Thời hạn chót ghi danh: 15.01.2012

Lệ phí tổng cộng là 2.200 Euro (bao gồm vé máy bay khứ hồi Đức - Đài Loan – Hong Kong, chi phí hành hương, tham quan, khách sạn, ẩm thực).

Xin quý vị lưu ý:

- Chúng tôi chỉ nhận tối đa 40 vị ghi danh đầu tiên và sau thời điểm này chúng tôi sẽ không nhận đơn nữa.
- Quý vị không ở Đức xin liên lạc sớm về Chùa, hoặc tự mua vé đến Đài Loan để nhập với phái đoàn và vé khứ hồi từ Hong Kong.
- Những Vị mang quốc tịch Việt Nam hoặc Pass tỵ nạn đều phải cần xin Visa cho Đài Loan và Hong Kong.
- Quý vị nên đóng thêm tiền bảo hiểm 30 Euro nếu trường hợp không tham gia được chuyến hành hương thì hãng máy bay Cathay Pacific sẽ hoàn lại toàn bộ tiền vé cho quý vị. Quý vị nhớ đóng bảo hiểm du lịch.
- Khi ghi danh xin quý vị **chuyển trước 1.200 Euro** vào Konto của Chùa. Số tiền còn lại xin mang theo qua Đài Loan để đóng cho hãng du lịch.

Postbank Hannover
Congregation d. Vietn. Buddh. Kirche
BLZ 250 100 30 Konto 109594307
Mục đích / Verwendungszweck:
Hanh Huong Pilgerfahrt 2012

Phân Ưu

Vừa được tin bà
Giáo Sư NGUYỄN THỊ TRÍ
Pháp danh Thuần Trí Như
Đã mệnh chung ngày
26.11.2011-12-01
tức ngày 02. 11 năm Tân Mão
tại thành phố Nellingen,
Đức Quốc
Hưởng thọ 75 tuổi.

Xin Thành Kính Phân Ưu cùng gia đình
ông Giáo Sư Nguyễn Vân Chương
(cựu Chủ tịch Liên Hội NVTN tại CHLB Đức và Hội Trưởng Hội NVTN tại Karlshuhe)
và Tang Quyến.

Kính nguyện cầu Hương Linh của Bà Nguyễn Thị Trí sớm Tiêu Diêu nơi miền Cực Lạc

Nguyễn Hữu Dõng - Hội NVTNCS tại Köln
Liêu Tuấn Tú - Hội NVTNCS tại Köln
Đào Văn Bất - Hội NVTNCS tại Köln
Vương Diên Châu - Hội NVTNCS tại Köln
Đỗ Oanh – Cđ NVTN tại Reutlingen & vpc
Võ Hùng Sơn, Frankfurt/M.

Thành Kính Phân Ưu

https://tieulun.hopto.org

Câu Chuyện Y Học

CHỨNG LOÃNG VÀ THOÁI HÓA XƯƠNG
(Osteoporose)

*** Bs. Trương Ngọc Thanh - Ds. Trương Thị Mỹ Hà**

Trong một chuyến bay công tác thiện nguyện với hãng hàng không Etihad đi Thái Lan để đưa một bệnh nhân trở lại Đức, chúng tôi được dừng chân ở trạm chuyển tiếp – Phi trường quốc tế Abu Dhabi. Hình ảnh của những người phụ nữ Hồi giáo chính thống của Vương quốc Ả Rập và các xứ Châu Phi ở đây với bộ quốc phục đen tuyền, đầu tóc, mặt mũi của họ hoàn toàn được che kín, đã làm chạnh nhớ đến các cô gái Việt Nam của Sàigòn hôm nay. Để có được làn da trắng họ đã có những „trang phục thích nghi" bịt mặt, che tay trong cái nắng gay gắt, ngột ngạt bụi bặm và đầy ô nhiễm. „Có đến hơn 80% người Sàigòn đã theo đạo Hồi qua y phục" như lời một bình luận gia đã mô tả.

Khó mấy ai trong họ đã biết hoặc nghĩ đến ánh nắng mặt trời với những tia cực tím – Ultraviolet B (UVB) là yếu tố cần thiết để chuyển hóa sinh học chất 7 – 04 – Cholecalciferol có dưới da thành Vitamin D – Cholecalciferol - một tác tố cần thiết để chống lại sự suy, thoái hóa xương ở người lớn, nhất là ở các phụ nữ sau thời mãn kinh.

Osteoporose gây ra do biến dạng, thoái hóa về cấu trúc và thành phần cấu tạo của xương, khối lượng xương bị giảm thiểu và gây rối loạn về cấu trúc của mô xương dẫn đến nguy cơ dễ gây gãy xương.

Có đến 80% phụ nữ ở vào lứa tuổi 50, sau thời mãn kinh bị bệnh loãng và suy yếu xương.

Ở Cộng Hòa Liên Bang Đức, theo thống kê của Viện khảo cứu về Y tế và Xã hội, có đến hơn 7,8 triệu người bị loãng xương. Trong số này, hàng năm có hơn 300.000 bị gãy xương do loãng xương.

Xương của họ thường bị gãy ở đốt xương sống lưng, vùng cổ xương của xương đùi trên.

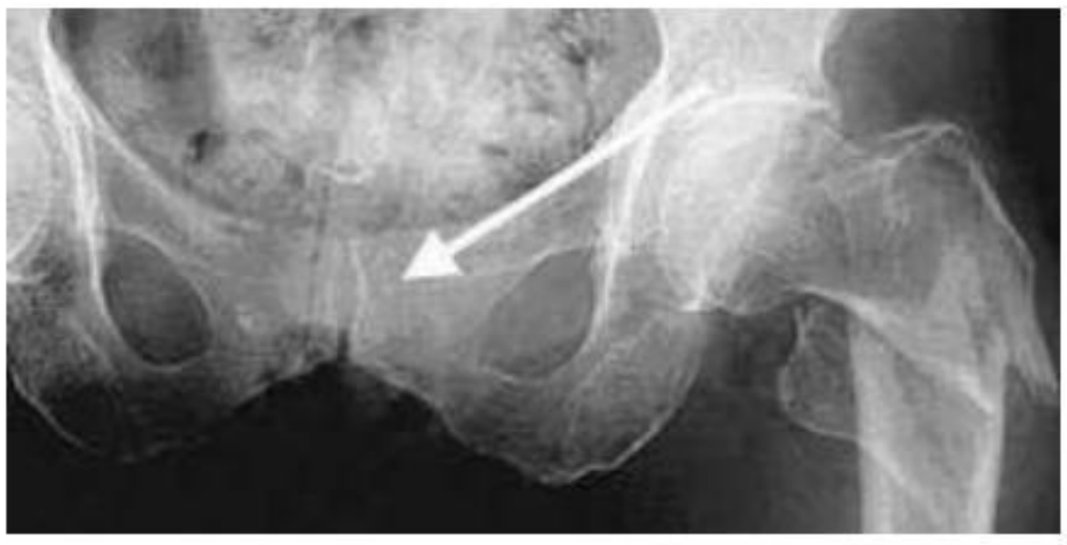

I. Nguyên nhân gây loãng xương, được kể đến:

1/ *Loãng xương với nguyên nhân sơ cấp*, chiếm đến 95% thường gặp ở phụ nữ sau thời mãn kinh do thiếu các kích thích tố sinh dục như Östrogen và các lão niên.

2/ *Loãng xương với nguyên nhân thứ cấp*, gây ra gián tiếp do các tác nhân bên ngoài với tỷ lệ 5% như:

- Rối loạn biến dưỡng nội tiết: Cushing – Syndrom (lượng Kortikoide cao), cường giáp trạng, cường tuyến cận giáp trạng, bệnh tiểu đường.
- Các dược phẩm như Tort Glucocorticoide „Cortisol", Heparine, H_2 – Hemmer (thuốc làm ức chế tổng hợp acid dạ dầy như Omeprazol, Pantoprazol...), Lithium, thuốc lợi tiểu.
- Các bệnh ung thư gây biến đổi cấu trúc của xương: Plasmozytom, ung thư tủy xương.
- Các biến đổi xương do ít hoạt động, bất động ở những bệnh nhân nằm liệt giường, bán thân bất toại.
- Các rối loạn về hấp thụ tiêu hóa (Malnutrion), Anorexia nervosa (gầy ốm do rối loạn tâm sinh lý).
- Các bệnh phong thấp.

II. Phương pháp định bệnh

* Hiện nay DXA (Dual-X-Ray – absorptiometry) là phương pháp tiêu chuẩn để xác định T-Score và đo độ dầy và tỷ trọng của xương (Knochendichtemessung) ở xương cột sống vùng chậu và vùng cổ xuông của xương đùi. Dựa vào đó để suy đoán nguy cơ dẫn đến gãy xương. Khi T-Score <-2,5 thì các biện pháp ngừa gãy xương phải được thực hiện.

* Các xét nghiệm máu với các thành phần như: Sinh tố D, Calcium, Phosphat, Osteocalcium, PTH, Homocystin, Alkalische Phosphatase, TSH, Kreatinin cũng là phương pháp chẩn đoán bổ túc bệnh loãng xương và nguy cơ gãy xương.

* Các triệu chứng như: đau lưng, giảm chiều cao đột ngột nhiều hơn 2 cm, suy thoái cơ là dấu hiệu gãy xương và biến thoái xương do loãng xương ở người cao niên.

* Ngoài ra các xét nghiệm bổ túc như xét nghiệm quang tuyến thông thường, CT (chụp cắt lớp điện toán) cũng thường được ứng dụng.

III. Biện pháp ngăn ngừa bệnh loãng xương

Ở vào lứa tuổi trên 50, đặc biệt là phụ nữ do những biến đổi thoái hóa, suy giảm các kích thích tố sinh dục trong thời kỳ mãn kinh thì các phương thức đơn giản cũng làm giảm nguy cơ thoái hóa và loãng xương:

1) Thể dục thể thao vận động cơ thể, bơi lội, đi bộ giúp tăng hoạt động của cơ thể và các kích thích tố tái tạo xương.

2) Tiếp xúc nhiều với ánh sáng mặt trời, tác nhân xúc tác tạo sinh tố D cần thiết cho sự tái tạo xương.

3) Dùng thực phẩm giàu Calcium có trong sữa, bơ, rau xanh.

4) Uống bổ túc Vitamin D và Calcium vào mùa đông, uống nước suối khoáng.

5) Tránh uống nhiều rượu và hút thuốc lá.

IV. Phương thức điều trị bằng dược phẩm

Cách đây hơn 15 năm nhờ các phương pháp di truyền học. Phân tử người ta đã giải mã được sự hoạt động tổng hợp và biến thoái của mô xương. Nhờ đó mà các dược chất đã được tổng hợp và đưa vào điều trị. Các dược chất chỉ có hiệu quả điều trị khi mô xương được cung cấp đầy đủ các thành phần cho cấu trúc của xương. Được kể đến:

1. Sinh tố D: Đã được biết đến từ những năm 1900. Ở trẻ sơ sinh khi thiếu sinh tố này sẽ dẫn đến bệnh còi xương (Rachitis). Ở lứa tuổi trung và cao niên sinh tố D được xem là „sinh tố bổ xương" và cần thiết cho hoạt động và sự hoạt hóa của bắp thịt. Sinh tố D có ở 2 dạng:

a) *Vitamin D3* (Cholecaloiferol, Calciol) có nguồn gốc tổng hợp từ Cholesterol, dưới tác dụng của tia cực tím UVB (ánh nắng mặt trời). Sinh tố này có ở dưới da, cung

https://tieulun.hopto.org

cấp đến 90% lượng sinh tố D cần thiết cho cơ thể. Trong thiên nhiên hầu như không bao giờ dẫn đến sự tổng hợp dư thừa và quá liều. Sinh tố D dễ bị hủy hoại ở nhiệt độ cao. Melanin (sắc tố đen) ở da sẽ chọn lọc không cho tia UVB tác dụng khi lượng sinh tố này thặng dư. Vào những tháng mùa đông, do thiếu ánh sáng mặt trời việc tổng hợp sinh tố này bị giới hạn. Sinh tố D cũng có tác dụng thuận lợi chống lại bệnh tiểu đường và huyết áp cao.

Trong những tháng mùa đông, do thiếu ánh sáng mặt trời đó là nguyên nhân dễ dẫn đến bệnh trầm cảm buồn nản (seasonal affective disorder). Ở đây có sự tương quan giữa ánh sáng mặt trời, sinh tố D và bệnh trầm cảm buồn nản. Ở xứ lạnh và có ẩm độ cao dễ đến các bệnh thấp khớp do hàm lượng tổng hợp sinh tố D giảm thiểu.

Nhu cầu hàng ngay dao động từ 800 – 2000 I.E.

b) *Sinh tố D2* (Egocalciferol, calciferol) là sinh tố D có nguồn gốc thực vật, tan trong dầu. Có nhiều trong mỡ, gan cá thu, cá hồi, cá mòi, lòng đỏ trứng, nấm, rau bắp cải, sữa và các sản phẩm từ sữa như bơ, käse, Yogurt.

2. Calcium (chất vôi): Nhu cầu dành cho tuổi cao niên từ 1000-1500 mg/mỗi ngày. Calcium là khoáng chất cơ bản của xương và răng. Calcium cần thiết cho các phản ứng sinh hóa học trong cơ thể, của cơ, thần kinh và là thành phần của các yếu tố đông máu. Ở phụ nữ trong thời kỳ thai nghén và ở sản phụ cho con bú lượng calcium cần thiết trong cơ thể cao gấp nhiều lần bình thường.

Calcium có trong sữa, sản phẩm từ sữa, rau xanh và nước suối khoáng.

3. Biphosphonate: Các dược phẩm này được hoạt hóa khi cơ thể được cung ứng đầy đủ calcium và sinh tố D. Tùy theo nguyên do dạng thể và giới tính của bệnh nhân thuốc được đưa vào sử dụng. Alendronsäure (Fosamax ®), Risedonat (Actonel ®).

Đối với phụ nữ trong thời hậu mãn kinh, và người xử dụng nhiều hơn 7,5 mg Glucocorticoid (Cortisol) một ngày thì các dược chất như Alendronsäure Risedonat, Tepiparatid, Zoledronat có tác dụng hiệu quả cao.

Biphosphonate có tác dụng chống loãng xương và tăng cường tái tạo Matrix xương.

- Trong thời tiền mãn kinh ở phụ nữ thì Teriparatid (Parathormon) có tác dụng điều trị cao, giúp tăng sự tổng hợp các tế bào tạo xương, điều hòa sự hấp thụ muối khoáng, tăng sự bền vững cấu trúc xương.

Được kể vào nhóm này các dược phẩm như Preotact (PTH 1-84), Forsten.

* Alendronat 70 mg, uống 1 viên mỗi tuần, vào buổi sáng trước lúc ăn điểm tâm, với nước lạnh và không được nằm khi uống thuốc trong vòng nửa tiếng. Thuốc không được dùng cho những người bị suy thận; phản ứng phụ nguy hiểm là gây hủy hoại xương hàm mặt ở những bệnh nhân có tiền sử ung thư.

* Bonviva®: Chích tĩnh mạch, cứ 3 tháng 1 lần, dành cho các bệnh nhân không nuốt được thuốc, và bị bệnh dạ dầy.

4. Prolia®: Một phương thuốc nhiệm mầu chống lại bệnh loãng xương?

Dược chất Denosumab đã được đưa vào điều trị từ tháng 6 năm 2010 tại Đức, dùng cho phụ nữ sau thời mãn kinh và nam giới bị ung thư tiền liệt tuyến (Prostatakarzinom) sau khi điều trị bằng kích thích tố.

Kháng thể Denosumab ức chế hoạt động của yếu tố gây hủy hoại khối u RANK và các tế bào phân hủy mô xương (Osteoklasten) có ở tủy xương. RANK (Receptor Activator of Nucclear factor-kappa B) là chất trung chuyển sơ khởi của hoạt động các tế bào phân hủy xương. Toàn cầu đã có hơn 100.000 bệnh nhân được điều trị với Prolia®. Bệnh nhân được uống bổ túc sinh tố D và Calcium. Các kiểu nghiệm cho thấy độ dầy và tỷ trọng xương gia tăng rõ rệt ở ngoại vi và trung tâm, tỷ lệ gãy xương cũng giảm thiểu.

Thuốc được chích 6 tháng 1 lần. Phản ứng phụ của thuốc dễ dẫn nhiễm trùng đường tiết niệu, viêm phế quản, đục thủy tinh thể của mắt; phản ứng dị ứng da và đau nhức khớp xương.

5. Dùng kích thích tố như Estradiol, Serm (Bazedoxifen = Evistar®), Calcitonin, Teriparatid được xem như điều trị bổ túc khi bệnh nhân không được điều trị với Biphosplonate do các phản ứng phụ gây ra. Các kích thích tố này làm nóng bừng mặt, gây co cứng cơ, đông máu tĩnh mạch và dễ gây ung thư vú.

6. Điều trị phụ trợ, giảm đau: Thường những bệnh nhân loãng xương và gãy xương hay bị đau đớn. Họ thường tránh cử động vì lầm tưởng đó là nguyên nhân gây đau nhức. Họ phải được điều trị bằng các loại thuốc làm giảm đau, bằng phương pháp vật lý trị liệu. Một số họ được mang các Orthese (Bandage) để giữ cho cột xương sống bền vững hơn.

V. Phương thức phẫu thuật: Khi bệnh nhân bị đau đớn và vùng đốt xương sống bị gãy là nguyên nhân đớn đau thì các phương thức sau được đưa vào điều trị:

a) Kyphoplastie: Đưa 1 bong bóng vào vùng xương bị gãy, bong bóng được bơm lên để đạt được độ cao tương ứng nơi đốt xương sống bị gãy, sụp.

b) Vertebroplastie: Đưa hợp chất có tác dụng như xi-măng vào vùng của đốt xương sống bị gãy

*

Hình ảnh những cụ già, lưng còng, tóc bạc, da mồi của một vùng quê nghèo miền Bắc xa xăm nào đó vào những ngày mưa phùn đông giá đã làm chạnh nghĩ tới số phận thiên nhiên nghiệt ngã dành cho họ, những bệnh nhân của bệnh loãng xương. Những yếu tố thiên nhiên, môi sinh, dinh dưỡng là tác nhân đưa đến số phận hẩm hiu đó của họ.

Nếu ý thức và được ngừa chống hữu hiệu thì căn bệnh loãng và thoái hóa xương không còn là mối suy tư nan giải cho những người cao niên của chúng ta.

(23.11.2011)

https://tieulun.hopto.org

Tin Việt Nam

• Tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ và cô Đỗ Thị Minh Hạnh được trao Giải Nhân Quyền VN 2011

Giải nhân quyền Việt Nam 2011 đã được chọn trao cho hai nhà đấu tranh nhân quyền là Tiến sĩ luật Cù Huy Hà Vũ và cô sinh viên Đỗ Thị Minh Hạnh. Cả hai hiện đang bị nhà cầm quyền CSVN giam cầm trong tù.

Theo tổ chức Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam (MLNQVN), tiến sĩ Cù Huy Hà Vũ, và cô Đỗ Thị Minh Hạnh được bầu chọn từ danh sách với hơn 10 được đề cử trong năm nay.

Quyết định này được công bố trong ngày khai mạc Đại Hội lần thứ 10 của tổ chức MLNQVN, diễn ra tối hôm qua, thứ Sáu 21.10.2011, tại Nam California, Hoa Kỳ. Mỗi người trúng giải sẽ được 3.000 Mỹ kim kèm theo giải thưởng trong buổi Lễ phát giải Nhân Quyền Việt Nam 2011 dự trù sẽ diễn ra vào Ngày Quốc Tế Nhân Quyền 12.12.2011, tại Úc Châu.

- Tiến sĩ luật Cù Huy Hà Vũ, sinh năm 1957, là một trí thức bất đồng chính kiến với nhà nước Việt Nam, dám tranh đấu nói lên tiếng nói vì nhân quyền, vì quyền tự do ngôn luận của người dân trong nước. Ông bị nhà cầm quyền Hà Nội bắt vào ngày 5.11.2010 tại Sài Gòn. Ông đã bị khởi tố ngày 15.11 về tội tuyên truyền chống nhà nước CSVN. Ông bị Hà Nội tuyên án 7 năm tù trong phiên xử sơ thẩm ngày 4.4.2011, và tại phiên tòa phúc thẩm sau đó, diễn ra ngày 2.8 vừa qua, nhà cầm quyền Hà Nội đã giữ nguyên bản án.

- Cô Đỗ Thị Minh Hạnh, sinh năm 1985, trong gia đình cán bộ ở Di Linh, Lâm Đồng. Là sinh viên đang học tại trường đại học Cao Đẳng Sài Gòn, cô bị bắt vì dám đứng lên đấu tranh cho quyền lợi người lao động tại Việt Nam, thành phần hiện đang bị đàn áp nhiều nhất trong xã hội Việt Nam. Khi ở lứa tuổi 25, cô bị nhà cầm quyền Hà Nội bắt cùng với hai người bạn khác. Trong phiên xử sơ thẩm ngày vào tháng 2.2010, tòa án chế độ ở tỉnh Trà Vinh đã tuyên án 7 năm tù giam cho thiếu nữ trẻ hoạt động cho nhân quyền này. Ngày 18.3.2011 vừa qua, tòa phúc thẩm trong phiên xử cũng tại tỉnh Trà Vinh, đã giữ y án cho cả ba người trẻ tuổi dám đứng lên đấu tranh cho quyền lợi người lao động tại Việt Nam.

Được biết, Giải Nhân Quyền Việt Nam do MLNQVN thành lập từ năm 2002 đến nay, và liên tục được tổ chức trao giải hàng năm nhằm tuyên dương thành tích của những người tranh đấu cho tự do dân chủ VN, qua hình thức "đấu tranh bất bạo động, chấp nhận hy sinh, kể cả mạng sống của chính mình, cho lý tưởng nhân quyền và dân quyền của nhân dân Việt Nam". Song song, theo ban tổ chức, Giải Nhân Quyền Việt Nam còn nhằm bày tỏ sự liên đới, hậu thuẫn và quyết tâm của người Việt khắp nơi trong nỗ lực đấu tranh giành lại quyền làm người cho mọi người dân Việt Nam.

Theo chương trình, sau lễ khai mạc, đại hội lần thứ 10 MLNQVN sẽ tiếp tục diễn ra vào ngày hôm nay, thứ Bảy 22.10 và ngày mai, Chủ nhật 23.10 tại nam California để thảo luận đường hướng và phương thức hoạt động của MLNQVN trong tình hình hiện nay, cũng như sẽ bầu lại cơ chế của tổ chức trong nhiệm kỳ 2011-2013.

(DienDanCTM, 21-10-2011)

• Hà Nội: Bảng Điện Tử Chạy Chữ Tố CSVN Cướp Đất Tu Viện

VRNs (27.10.2011) - Theo nguồn tin riêng của VRNs, trong một ngày gần đây, nhà cầm quyền Hà Nội sẽ tiến

hành thi công "Trạm xử lý nước thải" tại Tu viện Dòng Chúa Cứu Thế Hà Nội hiện nhà cầm quyền đang mượn làm bệnh viện Đống Đa. Thời gian thi công khoảng từ 23 giờ đêm đến 4 giờ sáng ngày hôm sau.

Toàn thể tu sĩ DCCT Hà Nội và giáo dân Giáo xứ Thái Hà cực lực phản đối hành động đen tối này của nhà cầm quyền Hà Nội và quyết tâm sẽ bảo vệ Tu viện bằng mọi giá.

Tu viện DCCT Hà Nội đã lắp đặt bảng đèn điện tử với nội dung "Yêu cầu nhà cầm quyền Hà Nội trả lại Tu viện đang mượn làm bệnh viện Đống Đa cho Dòng Chúa Cứu Thế Hà Nội và trả lại Hồ Ba Giang cho Giáo xứ Thái Hà". Bảng này được đặt ở nơi cao nhất trong khuôn viên Tu viện hiện nay cho mọi người đọc thấy mỗi khi đêm về.

Thế nhưng, thay vì xem xét yêu cầu chính đáng này để trả lại Tu viện cho DCCT Hà Nội và Giáo xứ Thái Hà, khắc phục sai lầm trong quá khứ của mình, nhà cầm quyền Hà Nội lại "xua quân" đến hòng triệt hạ tinh thần bất khuất, kiên cường đi tìm công lý của Tu sĩ và giáo dân Thái Hà. Chiều ngày 26.10.2011 một phái đoàn hùng hậu của thanh tra Sở Văn hóa và Du lịch Hà Nội cùng với công an chìm nổi với máy quay phim, chụp hình đã kéo đến Tu viện DCCT Hà Nội mà không thông báo trước. Không có ai tiếp đón, họ đã đơn phương làm biên bản không có sự chứng giám của chủ nhà và để lại biên bản...

Với cái gọi là biên bản này, nhà cầm quyền Hà Nội đã nhanh chóng ra lệnh cho cấp dưới là UBND phường Quang Trung mời linh mục Giuse Nguyễn Văn Phượng, Chính xứ Thái Hà ra làm việc "về việc nhà thờ Thái Hà lắp đặt và sử dụng bảng điện tử, pa-nô không đúng quy định" và "Đưa nội dung tuyên truyền trái pháp luật".

https://tieulun.hopto.org

Ở đây, chính nhà cầm quyền Hà Nội đang vi phạm pháp luật khi chiếm dụng một cơ sở tôn giáo để sử dụng sai mục đích, không hợp lòng dân. Khi được yêu cầu trả lại thì làm ngơ và ra lệnh cho các cấp thực hiện hành vi "chuyền bóng" với mục đích muốn cướp vĩnh viễn cơ sở tôn giáo.

Phải chăng đây là cách hành xử của một nhà nước pháp quyền: sử dụng bạo lực để cướp tài sản tôn giáo? Sử dụng bạo lực để bóp nghẹt mọi tiếng kêu đòi công lý?

(Bản tin từ trang nhà Dòng Chúa Cứu Thế)

• Đồng bằng Cửu Long trăn trở vụ đông xuân

Nước lũ vẫn còn mênh mông ở đồng bằng sông Cửu Long nhưng nếu vụ đông xuân không xuống giống đúng thời vụ thì tương lai sản xuất lúa gạo năm tới khá bấp bênh.

Đông xuân, vụ lúa lớn nhất trong năm ở đồng bằng sông Cửu Long, nơi cung cấp 90% tổng lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam được cho là quyết định sự thành bại của các vụ lúa tiếp theo như hè thu, thu đông và vụ mùa. Năm nay Bộ NN-PTNT lên kế hoạch canh tác vụ đông xuân trên diện tích 1.650.000 héc-ta, tuy nhiên chi phí cho bơm tát nước, gia cố bờ bao trên diện tích ưu tiên 400.000 héc-ta sẽ tốn hàng trăm tỷ đồng.

Lịch thời vụ cho vụ đông xuân năm nay cũng chia làm hai đợt như các năm trước là tháng 11 và tháng 12, cần xuống giống đồng loạt đúng lịch để né rầy và tránh sâu bệnh bắc cầu. Tuy nhiên kinh nghiệm của nông dân cho thấy xuống giống lúa đông xuân trong tháng 11 sẽ cho năng suất cao hơn, ngặt nỗi nước lũ vẫn còn cao ở các tỉnh đầu nguồn, còn nếu ở hạ lưu xuống giống trễ có thể bị xâm nhập mặn và khô hạn vào cuối vụ.

• Đời sống nông dân vùng lũ

Tại hội nghị lúa gạo vùng Nam Bộ tổ chức vào cuối tháng 10 ở tỉnh Hậu Giang, Bộ NN-PTNT cho biết lũ lụt gây thiệt hại thấp cho vụ lúa thu đông, trên tổng diện tích 644.000 ha ghi nhận mất trắng khoảng 8.400 ha do vỡ đê bao. Được biết đã có 250.000 ha lúa thu đông được thu hoạch, còn lại gần 400.000 ha lúa đang chín trong vùng đê bao khép kín và đến cuối tháng 12 mới gặt hết.

Từ những kết quả này, cụ thể là vụ thu đông cung cấp thêm 1,3 triệu tấn lúa nâng sản lượng lúa cả năm 2011 ở các tỉnh tây Nam bộ lên gần 23 triệu tấn, Thứ trưởng Bộ NN-PTNT xác định với hội nghị sẽ tiếp tục sản xuất lúa vụ ba trong mùa lũ ở đồng bằng sông Cửu Long bên trong hệ thống đê bao khổng lồ...

Năm nay Việt Nam dự kiến xuất khẩu hơn 7 triệu tấn gạo và đến hết tháng 10 đã thực xuất hơn 6 triệu 300 ngàn tấn trị giá khoảng hơn 3 tỷ USD. Hiện nay giá lúa khô loại thường ở đồng bằng sông Cửu Long đạt 7.500đ /kg, cao nhất từ trước tới nay. Những nông dân nào không bị thiệt hại vụ ba trong tổng số 8.400 ha mất trắng vì vỡ đê thì có thể có lợi nhuận 50%-60% so với chi phí canh tác.

(Nam Nguyên, phóng viên RFA, 07.11.2011)

• Miền Trung chìm trong lũ dữ

(Việt Nam, tháng 10.2011) - Mưa lũ lớn ở miền Trung đã làm hơn 70.000 ngôi nhà bị ngập sâu trong biển nước, hơn 1.000 ha lúa và hàng ngàn héc-ta hoa màu bị ngập úng, 390 ha nuôi trồng thủy sản bị nước cuốn trôi.

- Hà Tĩnh: Gần 2.900 hộ dân bị cô lập

Mực nước các sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố dâng cao. Tại các huyện miền núi như Hương Khê, Vũ Quang, nhiều tuyến đường bị chia cắt, hàng ngàn hộ dân bị cô lập. Tại huyện Vũ Quang có 6 xã: Đức Lĩnh, Đức Bồng, Đức Hương, Hương Thọ, Ân Phú, Đức Giang, với gần 2.900 hộ dân bị cô lập, nhiều tuyến đường huyết mạch của huyện bị ngập như tuyến đường liên huyện Ân Phú - Cửa Rào, nước lũ cũng chia cắt khiến nhiều đoạn đường liên xã ngập sâu hơn 1m.

- Quảng Bình: Gần 46.000 nhà bị ngập

Toàn tỉnh có 45.900 nhà dân và gần 100% trường học trên địa bàn hai huyện Lệ Thủy và Quảng Ninh bị ngập, trong đó nhiều trường ngập sâu từ 1,2 đến 1,8 m nên học sinh phải nghỉ học. Tại Minh Hóa vẫn còn nhiều xã bị ngập sâu trên 3 m và bị chia cắt hoàn toàn. QL1A qua địa bàn tỉnh bị ngập hàng chục điểm, gây ách tắc nhiều giờ liền. Ban Phòng Chống Lũ Bão (PCLB) các địa phương đã phối hợp cùng lực lượng cảnh sát giao thông cắm chốt tại các điểm ngập lụt để phân luồng giao thông. Hiện tại, mưa đã tạm ngớt nhưng nước lũ rút rất chậm, đặc biệt là tại địa bàn các huyện Lệ Thủy, Quảng Ninh và Minh Hóa.

Đến cuối ngày 17.10, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã có 4 người chết và mất tích.

- Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế: Khách đi tàu mắc kẹt

Sáng 17.10, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trời vẫn tiếp tục mưa to, nước sông Hiếu, Bến Hải, Ô Lâu và Thạch Hãn lên nhanh, làm ngập lụt hơn 14.000 nhà dân ở các huyện Triệu Phong, Hải Lăng, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Đakrông, thị xã Quảng Trị và TP Đông Hà, trong đó nhiều nhà ngập sâu từ 1,5 đến 2,5 m; hơn 1.000 ha lúa và hàng ngàn héc-ta hoa màu bị hư hỏng.

Một số công trình như đường giao thông nông thôn, kênh mương bị xói, sạt lở, nhiều thôn bản thuộc huyện Đakrông và Hướng Hóa bị chia cắt. Hệ thống đường sắt bị ngập ở hai đoạn (Mỹ Chánh - Phò Trạch và TP Đông Hà - thị xã Quảng Trị) làm 309 khách đi trên tàu SE7, 486 khách trên tàu Thống Nhất phải ở lại ga Đông Hà; 430 khách trên tàu DH4 ở lại ga thị xã Quảng Trị; 301 khách trên tàu SE1 ở lại ga Tiên An; 509 khách trên tàu SE5 ở lại ga Hà Thanh... Đến trưa 17.10, mưa lớn không

https://tieulun.hopto.org

còn xảy ra, nước lũ xuống chậm. Quốc lộ 1A đoạn qua xã Triệu Giang nối với thị trấn Ái Tử (huyện Triệu Phong) đã thông xe; đã có 2 người chết do mưa lũ.

Tại Thừa Thiên - Huế có 10.141 nhà bị ngập (Phong Điền: 1.240 nhà, Hương Trà: 850 nhà, Quảng Điền: 3.425 nhà; thành phố Huế 2.820 nhà; thị xã Hương Thủy 1.806 nhà). Trong đêm 16 và ngày 17.10, toàn tỉnh đã di dời 1.157 hộ với 3.766 khẩu. Mưa lũ cũng đã làm 1 người thiệt mạng và 2 người bị thương.

Nước lũ đã gây sạt lở bờ sông Bồ (thuộc thôn Phò Ninh, xã Phong An, huyện Phong Điền) đe dọa gần 100 ngôi nhà của người dân. Đặc biệt, mưa lớn cũng đã làm dung tích nước hồ Thọ Sơn (xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, Thừa Thiên - Huế) đang trong thời gian thi công, không còn khả năng điều tiết lũ.

- Quảng Nam: 4 người thoát chết

Rạng sáng 17.10, tại khu vực cầu Ông Sẵn, xã Tam Mỹ Tây (huyện Núi Thành), người dân địa phương phát hiện 3 người bị lũ cuốn trôi từ thượng nguồn sông Rai, đang chới với trên bụi cây giữa dòng sông. Đội xung kích và người dân đã huy động phương tiện, dùng dây thừng buộc trên cây cao để làm dây an toàn đã cứu thoát cả 3 người bị nạn.

Nhiều ngôi làng thuộc thôn Thạnh Mỹ và Trung Lương (xã Tam Mỹ Tây, H.Núi Thành) bị nước lũ nhấn chìm từ sáng sớm 17.10, hàng trăm ngôi nhà bị ngập. Chiều 17.10, Sư đoàn 315 đã tăng cường lực lượng về rà soát, kiểm tra toàn bộ số hộ ngập. Có thêm 1 học sinh lớp 9 bị nước cuốn trôi đã được người dân cứu kịp thời.

- Đà Nẵng: 23.000 học sinh nghỉ học

Những cơn mưa lớn kéo dài trong hai ngày 16 và 17.10 khiến nhiều khu vực ở Đà Nẵng ngập nặng. Tại các thôn Quang Nam 2, 5, 6 của xã Hòa Liên (huyện Hòa Vang), các khu dân cư đều bị ngập sâu bình quân 1,5 đến 2 m. UBND huyện đã chỉ đạo lực lượng, di dời hơn 100 hộ dân lên trú tạm tại UBND xã. Số còn lại di dời lên các nhà cao tầng để tránh lũ. Đặc biệt, khu vực hồ Đồng Xanh - Đồng Nghệ (Hòa Vang). Để đảm bảo an toàn cho toàn bộ học sinh trên địa bàn huyện, huyện Hòa Vang quyết định cho 23.000 học sinh nghỉ học ngày 17.10.

Các khu vực tổ 31 phường Hòa Minh và 3 khu dân cư từ tổ 10 đến tổ 23 phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu bắt buộc phải sơ tán hơn 200 hộ dân cùng 800 nhân khẩu vì nước ngập hơn 1 mét. Ngày 17.10, theo tin từ XN Đường sắt Hải Vân, sự cố sạt lở, sụt đất tại 3 điểm dọc tuyến đường sắt Bắc - Nam đoạn qua đèo Hải Vân đã được khắc phục xong, 4 đoàn tàu với hơn 1.000 hành khách bị mắc kẹt tại các ga Lăng Cô, Kim Liên, Đà Nẵng đã được thông tuyến.

- Quảng Ngãi: Sơ tán, cứu sống nhiều người dân

Tại Quảng Ngãi, mưa lớn trong đêm 16 và ngày 17.10 khiến nhiều địa phương bị chia cắt, cô lập hoàn toàn, một số trường phải cho học sinh nghỉ học. Đèo Thọ An - tuyến giao thông huyết mạch nối liền trung tâm xã Bình An (huyện Bình Sơn) với thôn Thọ An vừa hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng 6.2011 với kinh phí hơn 12 tỷ đồng bị sạt lở. Hơn 1 km đường bị nước lũ cuốn trôi hoàn toàn nền đường. Trên tuyến tỉnh lộ 624B Quán Lát - Đá Chát, nước lũ làm sạt lở 2/3 mố cầu Thiên Xuân, gây ách tắc giao thông hoàn toàn.

Theo báo cáo của Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão huyện Mộ Đức, tính đến chiều 17.10, mưa lớn đã làm ngập 3.300 nhà dân ở các xã Đức Hòa, Đức Phú, Đức Tân, thị trấn Mộ Đức đồng thời làm ngập ướt 350 tấn lúa của dân đang dự trữ trong nhà và hư hại 400 ha hoa màu. Trong ngày, huyện Mộ Đức đã di dời khẩn cấp 200 hộ dân ở vùng rốn lũ xã Đức Hòa đến nơi an toàn, 4 người dân bị lũ cuốn trôi đã được cứu sống.

- Phú Yên: Mưa lớn, nhiều tuyến đường bị ngập

Ngày 20.10, Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão Phú Yên cho biết, do ảnh hưởng của lưỡi cao áp lạnh lục địa, kết hợp với nhiễu động trong đó gió đông trên cao, Phú Yên có mưa rất to, lượng mưa đo được từ 69,2 - 170,8 mm.

Mực nước trên sông Ba tại trạm Củng Sơn là 0,15 m; sông Kỳ Lộ tại trạm Hà Bằng là 0,25m.

Đến 11 giờ 30 cùng ngày, hồ Thủy Điện Sông Ba Hạ đã xả lũ và vận hành với lưu lượng 2.600 m^3/s. Dự báo trong 12 giờ đến 24 giờ tới, lũ trên sông Ba 2, sông Kỳ Lộ đạt cấp 2 - 3.

Do lũ lên nhanh nên nhiều tuyến đường ở Phú Yên bị ngập. QL25 có 3 điểm ngập sâu 0,1 m; cầu La Hai trên tuyến đường đi huyện Đồng Xuân ngập 1,3 m; trên tuyến đường cầu Sông Cô ngập hơn 3 m; nhiều tuyến đường ngập sâu từ 0,5 – 2 m nên ách tắc giao thông hoàn toàn, nhiều xã bị cô lập.

Tuyến đường giao thông, đoạn qua khu vực cầu Cây Cam, xã An Định và thị trấn Chí Thạnh đi An Thạch (huyện Tuy An) đoạn qua khu vực cầu Lò Gốm đã bị nước lớn gây chia cắt, khiến người và các loại phương tiện tham gia giao thông không thể lưu thông.

Tại một số vùng trũng thấp ở các xã An Định, An Thạch, An Nghiệp và An Cư nước lớn đã tràn vào một số nhà dân, ruộng sản xuất vùng trũng thấp. Một số phụ huynh học sinh tiểu học tại các xã An Định, An Nghiệp, An Thạch đã phải cho con em của mình nghỉ học.

Mưa lớn đã gây ngập tuyến đường nội TP Tuy Hòa.

• Lũ lụt gây thiệt hại hơn 245 tỷ đồng tại Tiền Giang

Lũ lụt và triều cường trong những ngày qua đã gây ngập trên diện rộng tại 4 huyện đầu nguồn Tiền Giang là Cai Lậy, Cái Bè, Châu Thành, Tân Phước.

Đến ngày 8.11, ước tính tổng thiệt hại cho cây trái, hoa màu, sản xuất đời sống và cơ sở hạ tầng lên đến trên 245,4 tỷ đồng. Đã có 6 trường hợp chết đuối (5 trường hợp ở Cai Lậy và 1 còn lại thuộc huyện Châu Thành) trong đó có 2 trẻ em.

https://tieulun.hopto.org

Theo báo cáo của Văn phòng Ủy ban Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Tiền Giang, lũ lụt và triều cường đã làm ngập trên 600 ha dứa, trên 13.400 ha vườn cây ăn trái, trên 258 ha mặt nước nuôi thủy sản, 8.487 căn nhà, trên 178 km đường giao thông, 36 cây cầu bị hư hỏng, 85 điểm trường bị ngập.

Trước mắt, tỉnh Tiền Giang đã chi 2,4 tỷ đồng cứu trợ và giúp bà con khắc phục hậu quả lũ lụt, sớm khôi phục sản xuất và đời sống, vượt qua khó khăn.

Hiện nay, tỉnh Tiền Giang còn phải đối phó với hai đợt lũ lụt và triều cường giữa tháng 10 và cuối tháng 10 âm lịch tới.

Tỉnh yêu cầu các địa phương củng cố và đặt Ban Chỉ huy Phòng chống lụt bão và Tìm kiếm cứu nạn các cấp trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu cao, chuẩn bị vật tư, nhân lực để khi cần thiết chủ động ứng cứu kịp thời đê điều đồng thời với khuyến cáo nhân dân đề cao cảnh giác khi qua đò, qua sông, khi mưu sinh trên đồng nước, bảo vệ trẻ nhỏ không để tai nạn chết người xảy ra.

(Minh Trí, TTXVN, 11.10.2011)

• Tập đoàn Việt Nam Vinashin bị Hòa Lan khởi kiện đòi nợ

(Việt Nam - Hòa Lan) - Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam Vinashin cùng hơn 20 tổng công ty con tại Việt Nam vừa bị công ty tài chính Elliott của Hòa Lan, một trong số các chủ nợ của Vinashin khởi kiện tại tòa án Luân Đôn. Đơn kiện liên quan tới khoản 600 triệu đô la Mỹ mà Vinashin vay các chủ nợ nước ngoài qua trái phiếu, trong đó khoản trả lần đầu 60 triệu đô la đã đáo hạn hồi tháng 12 nhưng Vinashin chưa thể thanh toán.

Tập đoàn tàu thủy Việt Nam Vinashin hiện mắc nợ khoảng 4 tỷ đô la. Nhiều khoản nợ của tập đoàn đã đến hạn trả nợ, hiện tại chính phủ đang cố gắng tìm giải pháp khắc phục hậu quả mà trước mắt là giãn nợ và tiếp đó là tiến hành tái cơ cấu tập đoàn.

Việc công ty Elliott đưa Vinashin và các công ty con ra tòa án ở nước ngoài phân xử nợ nần có thể trở thành tiền lệ để các chủ nợ khác của Vinashin làm theo. Những vụ kiện như vậy có thể sẽ làm ảnh hưởng tới kế hoạch tái cơ cấu nhằm vực dậy một tập đoàn nhà nước đã gần như phá sản. Từ Luân Đôn thông tín viên Lê Hải tóm lược lại sự việc:

Cuối cùng tập đoàn tài chính Elliott của Hòa Lan đã quyết định đưa vụ việc ra tòa án Anh quốc và đánh động dư luận quốc tế. Hiện tại, theo nguyên tắc thì tòa không thể thông báo gì nhiều hơn là chuyện xác nhận đã nhận đơn và thông báo số hồ sơ, mà trong trường hợp này là 11.1296. Vụ việc được nộp lên tòa cao (High Court) của nước Anh, và được phân việc cho một trong ba cơ quan của tòa này tên là Queen's Bench, nơi có trách nhiệm phân xử các tranh chấp quốc tế trong đó có công ước La-Hay về thương mại và dân sự.

Về mặt nguyên tắc thì bên đơn là công ty ở Hòa Lan và bị đơn là công ty ở Việt Nam có thể dàn xếp tại tòa hay trọng tài kinh tế ở một trong hai nước đó. Tuy nhiên đa số các hợp đồng kinh tế tại Việt Nam đều lấy mẫu nội dung có một điều khoản qui định là trong điều kiện tranh chấp thì sẽ sử dụng văn bản tiếng Anh và theo các qui định quốc tế, cho nên bên đơn có thể đã dùng quyền lợi đó để nộp hồ sơ ra tòa án nước Anh.

Vụ việc này chắc chắn có lợi thế cho Elliott vì họ có chi nhánh ở Anh và thủ tục kiện tụng ở đây không phải là điều lạ lẫm, trong khi phía Việt Nam và đặc biệt là chính phủ Việt Nam hầu như không có kinh nghiệm về định chế tài phán kinh tế ở Anh hay của Anh đối với các tranh chấp quốc tế. Trước mắt là các công ty Việt Nam sẽ phải tốn nhiều tiền cho hệ thống luật sư và chi phí tòa án tại Luân Đôn, mà mức giá khởi đầu có thể là vài chục ngàn USD, lên đến vài trăm ngàn USD cho một vụ trung bình, tính ra là một khoản tiền vô cùng lớn tại Việt Nam, nơi những người dân nghèo đóng thuế vào ngân sách không chỉ để cho các tập đoàn như Vinashin vỡ nợ, mà cả chi phí trả nợ như trong vụ việc này nữa. Việc tòa Thượng thẩm của Anh nhận hồ sơ này sẽ mở đường cho nhiều công ty khác trên thế giới cân nhắc đến phương án này khi đòi nợ Việt Nam.

Riêng tổng số nợ của Vinashin đã lên đến gần 4 tỷ USD. Tin từ tòa cho biết vụ kiện do tập đoàn luật quốc tế Bingham McCutchen đảm trách, và giới thạo tin nói rằng ban đầu Elliott rủ các chủ nợ khác cùng kiện nhưng sau lại không cho các chủ nợ khác cùng đứng tên bên đơn, có thể là sợ nếu số tiền lên cao quá thì lại càng khó đòi. Theo qui định phân nhánh Queen's Bench của tòa Thượng thẩm ở Anh phân xử các vụ tranh chấp tiền bạc có trị giá từ 15.000 bảng Anh trở lên. Giới thạo tin trên trang Debwire nói các chủ nợ khác của Vinashin nay quay sang nghiên cứu trường hợp nếu Elliott đòi được số tiền nợ 600 triệu USD Mỹ hoặc một phần số tiền đó thì họ có thể khởi kiện luôn ở tòa này để yêu cầu Elliott chia bớt một ít tiền đòi được hay không. Nếu như vậy thì vụ án Vinashin ở London sẽ còn tiếp tục kéo dài.

Trước mắt, nội dung hồ sơ chưa được các bên công bố. Tòa giữ kín, tập đoàn Elliott chưa bình luận, và 22 công ty Việt Nam bị kiện mà đứng đầu là Vinashin và trên đó là chính phủ Việt Nam chưa tỏ thái độ gì. Thế nhưng Elliott có vẻ như đã đi trước một bước và có lợi thế cả trên báo chí quốc tế lẫn báo chí tiếng Việt ở London. Gần một tháng trước họ đã có tin trên tờ nhật báo tài chính thuộc loại lớn nhất thế giới là tờ Financial Times, với nội dung chi tiết do hãng tin chuyên về nợ là Debwire.com cung cấp. Nay tiếp tục là bản tin tiếng Việt của đài BBC vào ngày hôm qua, nhưng thông tin hầu hết là lược lại từ bài báo vừa kể trên Financial Times.

Khu vực tòa Thượng thẩm ở Luân Đôn cũng là nơi chuyên xử các vụ việc nổi tiếng và luôn tập trung nhiều báo chí quốc tế, cho nên câu chuyện này ít nhiều sẽ được các phóng viên từ đủ mọi nước trên thế giới quan tâm đặc biệt. Món nợ 600 triệu USD của Vinashin không phải là số tiền lớn đối với ngân sách và quỹ kinh doanh của chính phủ Việt Nam, nhưng kể cả nếu vụ việc được dàn xếp ngoài tòa thì trước mắt tiếng xấu về các tập đoàn nhà nước tại Việt Nam và bê bối trong quản lý doanh nghiệp nhà nước đã sang đến Luân Đôn, một trong những trung tâm tài chính lớn của toàn châu Âu và thế giới.

Có vẻ như Hà Nội muốn đi theo hướng này vì bài báo từ tháng trước trên tờ Financial Times nói rằng họ nhận được tin về ý định kiện tụng của Elliott từ các nguồn tin ở ngay tại Hà Nội. Nhận định của giới chuyên gia tài chính cũng cho rằng quyết định khởi kiện của Elliott sẽ làm tiêu tan kế hoạch tái cơ cấu để giãn nợ của chính phủ Việt Nam mà Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng mới đưa ra gần đây.

(Anh Vũ / Lê Hải - RFI, 9.11.2011)

https://tieulun.hopto.org

in sinh hoạt cộng đồng

• Thiền sư Thích Nhất Hạnh được tạc tượng trong Tượng đài Remember Them: Champions for Humanity

Tượng đài "Remember Them: Champions for Humanity" vinh danh những người tranh đấu cho dân quyền và nhân bản trên thế giới đã được khánh thành tại Fox Square Park ở thành phố Oakland, California.

Lễ khánh thành đã diễn ra vào trưa ngày thứ Ba 6.9.2011 với sự tham dự của đại diện chính quyền liên bang, thành phố và các tổ chức bảo trợ. Bà dân biểu liên bang Barbara Lee đang giới thiệu điêu khắc gia Mario Chiodo sau khi tượng đài được mở ra.

Trên tượng đài là 25 nhân vật, còn sống và đã qua đời, đã tranh đấu cho những lý tưởng nhân bản trong đó có Mục sư Martin Luther King Jr. (thứ hai từ bên phải) và phu nhân là bà Coretta Scott King luôn ở bên cùng nhiều người khác như Frederick Douglass, Cesar Chavez, Maya Angelou, Rosa Park, Elie Wiesel, Oskar Schindler...

Tổng thống Franklin Deleno Roosevelt (bên trái), Mẹ Teresa, Thiền sư Nhất Hạnh và Tộc trưởng da đỏ Joseph

Thiền sư Nhất Hạnh được vinh danh là người vận động cho những giải pháp hòa bình trong chiến tranh Việt Nam và sau biến cố 11.9.2001 đã thỉnh cầu Hoa Kỳ dùng ngoại giao thay vũ khí ở Afghanistan và Iraq.

Trên 500 quan khách và cư dân thuộc đủ mọi sắc dân đã đến dự lễ khánh thành có trình tấu của giàn nhạc giao hưởng Oakland Symphony, ban hợp ca học sinh và phần đọc thơ của các thi sĩ. Điêu khắc gia Chiodo có ý tưởng thực hiện tượng đài sau khi chứng kiến biến cố 11.9. *(Bùi Văn Phú, 9.9.2011)*

Ghi chú thêm: Tượng đài, với chi phí $8 triệu, được dựng phía Tây của Henry J. Kaiser Memorial Park, ngay trung tâm thành phố Oakland.

Ba trong số bốn khu vực tượng đài rộng 1,000 square feet được đặt tên "Remember Them: Champions for Humanity," có tượng của 25 nhân vật nổi tiếng đấu tranh cho nhân quyền trên thế giới, từ Martin Luther King, Jr. tới Franklin Delano Roosevelt tới Maya Angelou, Cesar Chavez và Mahatma Gandhi.

Người Việt Nam duy nhất có tượng trong tượng đài này là Thiền Sư Thích Nhất Hạnh.

Ngoài ra, có sáu nhà hoạt động địa phương cũng được tạc tượng phía sau tượng đài, trong đó có ông Henry J. Kaiser, cư dân Oakland, sáng lập viên công ty bảo hiểm Kaiser Permanente.

Chi phí hoàn thành bức tượng này có được qua sự đóng góp của Phòng Thương Mại Oakland cùng với các công ty Kaiser Permanente, AT&T và Clorox, và một số cá nhân địa phương.

Thành phố Oakland cũng đóng góp vào tượng đài $100,000, theo ông John Ellis, phát ngôn viên thành phố.

Tượng đài cao 21 feet, rộng 52 feet, nặng 50,000 pound này do nghệ sĩ Mario Chiodo thực hiện.

(Theo Đ.D. trong đoạn tin "Thiền sư Thích Nhất Hạnh được tạc tượng tại Oakland, ngày 09.09.2011).

THƯ MỜI
Tham dự Hội Xuân Nhâm Thìn 2012 tại Mönchengladbach

Kính gởi: Quí vị chức sắc các Tôn giáo
Quí Tổ chức, Hội Đoàn và Quí Đồng Hương

Kính thưa Quí vị,

Tết đến quê người buồn xa xứ,
Xuân về đất khách vọng cố hương

Trong chu kỳ tuần hoàn của vũ trụ, mùa xuân là mùa đánh dấu sự nảy mầm, phát triển sự sống mới của muôn loài, muôn vật.

Qua dòng lịch sử truyền thống của dân tộc, mùa xuân cũng là mùa nhắc nhở đồng hương chúng ta hướng về quê cha, đất mẹ *để nguyện cầu cho quốc thái, dân an, mong sao cho quê hương Việt Nam sớm thực sự được tự do, no ấm, xã hội công bằng.*

Mùa xuân còn gợi lại cho chúng ta như *„Một ngày Sinh nhật chung của tất cả mọi người"* từ già, trẻ, để cùng chúc mừng tuổi nhau với nụ cười tươi thắm trên môi; *Tết quả thật là Ngày Hội lớn!*

Để giữ lại truyền thống tốt đẹp của Ngày Hội Xuân dân tộc cho mai hậu và cùng nhau nối tiếp được nếp sống Việt với bản sắc văn hóa, phong tục cổ truyền cho thế hệ mai sau, *Hội Người Việt TNCS tại Mönchengladbach – Niederrhein* tổ chức Tết với sự hỗ

https://tieulun.hopto.org

trợ của nhiều hội đoàn tại Đức và lân bang Pháp, Bỉ, Hòa Lan.

Trân trọng kính mời quý vị bớt chút thì giờ đến tham dự ngày Hội Xuân xa xứ đầy ấm cúng và tình tự dân tộc, tại:

Hội trường Mehrzweckhalle, Neuwerk
Gathersweg 55
41066 Mönchengladbach, Neuwerk
Ngày Thứ bảy 28.01.2012 (nhằm ngày mồng 6 Tết Âm lịch) ***từ 16 giờ đến 24 giờ.***

Sự hiện diện của quý vị sẽ là niềm hân hạnh chung cho Cộng đồng người Việt chúng ta và để nói lên tình đoàn kết, giúp đỡ và thương yêu, đồng thời cùng nhau bày tỏ lòng tri ân của người Việt tỵ nạn đối ***với Chính phủ và nhân dân Đức.***

Ban tổ chức xin chân thành gởi đến Quý quyến, Quý vị lời ***chúc mừng Năm Mới Nhâm Thìn 2012 Phúc Lộc, An Khang, và vạn sự như ý.***

Trân trọng kính mời,
Trưởng Ban Tổ Chức
Nguyễn Văn Rị
Hội Trưởng Hội Người Việt TNCS Mönchengladbach

• Đôi lời ghi vội và cảm nghĩ về cuộc Biểu tình tại Stuttgart ngày 15.10.2011

Là một cá nhân tham dự trong cuộc biểu tình, với lòng cảm kích tinh thần hướng về quê hương và dấn thân cho Cộng Đồng Người Việt Tỵ Nạn "NVTN" tại Đức của nhóm Anh Chị Em NVTN tại vùng Stuttgart-Reutlingen tôi xin phép ghi vội vài cảm nghĩ về cuộc biểu tình từ 10,00 đến 12,00 giờ ngày thứ bảy 15.10.2011 dưới bầu trời thật đẹp tại Stuttgart vừa qua.

Sau khi vượt qua mọi trở ngại khó khăn trong việc tổ chức (vì là lần đầu tiên), đồng hương và nhóm thanh niên, thiếu nữ người Việt trong Cộng Đồng NVTN tại Stuttgart-Reutlingen đã lên tiếng và được sự hỗ trợ của hầu hết những tổ chức, đảng phái, Hội đoàn quanh vùng, họ mạnh dạn đứng ra tổ chức cuộc biểu tình ngày 15.10.2011 vừa qua đạt được sự thành công ngoài dự đoán của những người bàng quan, mặc dù có những phần tử phá hoại loan tin thất thiệt nhưng Ban tổ chức đã rất khéo léo và chu đáo, thực hiện cuộc biểu tình đạt được kết quả thành công tốt đẹp, từ phẩm cho đến lượng không ai có thể chê được!

Để thể hiện tinh thần yêu nước của tuổi trẻ đứng trước vấn nạn bành trướng của Tàu Cộng cũng như trước hiểm họa vong quốc của quê hương, anh chị em tuổi trẻ thanh niên NVTN tại Stuttgart, Tübingen, là thế hệ thứ hai trong CĐ NVTN tại Đức, họ cùng nhau dấn thân vào cuộc, tổ chức một cuộc biểu tình với rừng cờ vàng của tổ quốc, đầy những biểu tượng chống xâm lăng và tố cáo tội bán nước của phường vong bản Cộng sản Việt Nam.

Nhận thấy trong cuộc biểu tình có sự tích cực hỗ trợ và tham gia của Đại diện CĐNVTN Stuttgart-Reutlingen, Hội NVTN tại Nürnberg, CĐ.NVTD tại Bayern-München, Hội NVTN tại Mönchengladbach, CĐ NVTN tại Frankfurt, Hội NVTN tại Köln, Hội NVTN tại Dortmund, NVQG tại Hessen, Nhóm Vinh danh Cờ Vàng tại Hòa Lan, Tổ chức VNTD, Hội Tây Tạng tại Stuttgart, ĐĐ Thích Ấn Tâm đại diện phía Phật giáo, Đồng bào đến từ Reutlingen, Sigmaringen, Vaihingen, München, Augsburg... đặc biệt có sự hiện diện đông đảo của những thân hào, nhân sĩ và đồng hương NVTN tại Stuttgart; Pforzheim... Số lượng tham dự lên đến hơn 300 người.

Mặc dù bận rộn, nhưng Ban tổ chức cũng vẫn thể hiện tinh thần đoàn kết gắn bó với nhau, mỗi người mỗi việc, tiếp đón đồng hương từ nhiều nơi rất xa đến tham dự, ban báo chí cũng chia nhau đi phân phát truyền đơn và giải thích cho từng người ngoại quốc biết được hiểm họa của một đế quốc Trung Cộng tham tàn đầy tham vọng để thống trị toàn cầu, với mớ lý thuyết cộng sản vô thần, cái mà cả thế giới hiện nay đang lên án và tìm cách xóa bỏ. Cũng với cái chủ thuyết vô thần này, chúng muốn biến Việt Nam (giống như Tây Tạng, Tân Cương...) thành chư hầu và lệ thuộc vào hệ thống cai trị của chúng trong vùng.

Được biết, Ban tổ chức cũng đã gióng lên tiếng nói qua những mạng lưới thông tin toàn cầu, kêu gọi đoàn kết đến toàn dân nổi dậy „chống xâm lăng và diệt nội thù"; tố cáo tội thông đồng bán nước của bè lũ Việt gian cộng sản, với màn trình diễn đặc sắc về „Hội Nghị Diên Hồng" do nhóm Thanh Niên tại Stuttgart-Reutlingen đảm trách.

Đây là cái gương sáng ngời, do anh chị em thanh niên của Cộng Đồng NVTN chúng ta tại Stuttgart-Reutlingen tạo được. CĐ chúng ta có thể hãnh diện và tự hào vì có được những người tuổi trẻ dám hiên ngang đứng ra tiếp nối nhận lãnh trách nhiệm trong Cộng Đồng...

Cuối cùng, xin chân thành cúi đầu ngưỡng phục những tinh thần dấn thân của anh chị em và đồng hương NVTN chúng ta tại Stuttgart-Reutlingen đã tạo được một tiếng vang trong cộng đồng NVTN tại Đức Quốc này.

(Võ Hùng Sơn - Frankfurt/M)

• Người Việt Tỵ Nạn mít-ting, biểu tình chống Trung Cộng và Việt Cộng tại Bá Linh/Đức Quốc

(Berlin, 01.10.2011) - Từ lúc 11 giờ đồng hương từ khắp nơi trên nước Đức đã lần lượt về Bá Linh, tập trung ở Alexanderplatz để tham dự buổi meeting do Ủy Ban Điều Hợp Công Tác Đấu Tranh tại Đức và Liên Hội Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản (LHNVTNCS) tại Cộng Hòa Liên Bang Đức tổ chức. Chương trình: tuần hành đến biểu tình trước Tòa Đại Sứ Trung Cộng (TC) và Tòa Đại Sứ Việt Cộng (VC).

Những lá cờ vàng (cờ VNCH), cờ Đức tung bay trong gió; các biểu ngữ với nội dung phản đối Trung Cộng, tố cáo VC bán nước, "**Hèn với Giặc và Ác với Dân**", lên án sự vi phạm nhân quyền, tự do tôn giáo... tại Việt Nam đã tạo nhiều chú ý cho người dân bản xứ và du khách qua lại tại trung tâm du lịch và thương mại Bá Linh. Những tờ truyền đơn bằng tiếng Đức cũng đã được phân phối đến những người bản xứ có mặt tại địa điểm và du khách qua lại. Cảnh sát Đức cũng hiện diện lo giữ gìn an

https://tieulun.hopto.org

ninh trật tự cho tất cả những sinh hoạt trong ngày hôm nay: Meeting, biểu tình chống TC và VC tại Thủ Đô Đức Quốc.

Đúng 12g00, nghi thức khai mạc bắt đầu, đồng hương đã cùng nghiêm trang hướng về quốc kỳ, hát quốc ca và phút mặc niệm tưởng nhớ đến những chiến sĩ đã hy sinh trong công cuộc cứu nước và giữ gìn sự toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Ông Trịnh Đổ Tôn Vinh thay mặt Ban Tổ Chức và Ban Chấp Hành Liên Hội Người Việt Tỵ Nạn Công Sản tại Đức Quốc khai mạc cuộc mít-tinh bằng hai ngôn ngữ Việt và Đức. Ông tuyên bố lý do buổi sinh hoạt kéo dài gần 6 tiếng đồng hồ tại ba địa điểm, nhắc nhở hiểm họa mất nước với sự toa rập của tập đoàn lãnh đạo đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), cũng như nhấn mạnh sự cương quyết của tập thể người Việt Hải Ngoại là sẽ không bao giờ làm ngơ để cho ĐCSVN bán đất đai tổ tiên để lại hiến dâng cho quân xâm lăng phương Bắc là "quan thầy" Trung Cộng.

Tất cả tham dự viên đã cùng ông TĐT Vinh hô vang những khẩu hiệu như "Đả đảo TC", "Đả đảo tay sai CSVN", "TC cút khỏi lãnh thổ Việt Nam", "Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam", "Tự Do và Nhân Quyền cho Việt Nam". Ngoài ra còn có rất nhiều biểu ngữ bằng 3 thứ tiếng Việt- Anh - Đức, điển hình như "CSVN hèn với giặc, ác với dân", "Tàu cộng: hiểm họa cho hòa bình thế giới, Việt cộng: phản quốc hèn hạ", „Tẩy chay hàng hóa TC", „Hủy bỏ công hàm bán nước Phạm Văn Đồng ký ngày 14.09.1958 " v.v...

Buổi mít-tinh kết thúc vào lúc 13g00, sau đó tuần hành đến địa điểm biểu tình thứ hai là Tòa Đại Sứ TC.

Gần 300 đồng hương đã được cảnh sát Đức hướng dẫn đi bộ tuần hành khoảng gần một cây số để đến địa điểm biểu tình.

Ngay trước Tòa Đại Sứ TC, đoàn người biểu tình sắp hàng dài dọc theo cây cầu và những tiếng thét phẫn nộ của đồng hương lên án TC và tố cáo VC, trái ngược với những luận điệu tuyên truyền láo khoét của chúng tại Việt Nam lại được tiếp nối... Cuộc biểu tình diễn ra đầy khí thế từ lúc bắt đầu cho đến 15g00 như đã ấn định.

BTC cũng đã thu thập chữ ký và gởi bản Kiến Nghị cho đương kim Thủ tướng Merkel, đại diện chính quyền Đức.

Đúng 16.00 giờ, đồng hương lại tập trung trước Tòa Đại Sứ VC và cuộc biểu tình cuối cùng trong ngày bắt đầu. Đại diện BTC, Ông Nguyễn Thanh Văn đọc diễn văn lên án VC bán nước, nhượng lãnh hải cho TC qua công hàm của Phạm Văn Đồng và đồng thời tố cáo sự đàn áp dã man của công an và CSVN đối với những người tham dự biểu tình chống TC tại VN. Xen kẽ là những khẩu hiệu chống TC và VC đã được đoàn biểu tình hô thật to. Đặc biệt là những lời tâm sự của cụ Nguyễn Đình Tâm, năm nay 87 tuổi nhưng hầu như không bao giờ thiếu mặt trong những cuộc biểu tình chống VC từ hơn hai thập niên qua. Cụ Tâm đã lên án VC rất tàn ác đi từ kinh nghiệm bản thân nhưng lại hèn với TC...

Buổi biểu tình kết thúc lúc 17h00 cùng ngày. Mọi người thân mật chia tay và hẹn ngày tái ngộ!

(Ngọc Châu tóm lược - 03.10.2011)

• Dân biểu Mỹ can thiệp về nhân quyền VN

Hôm 12 tháng 10 vừa rồi, một nhóm nhà lập pháp Hoa Kỳ, kể cả những dân biểu nổi tiếng tranh đấu cho dân chủ, nhân quyền VN như Ed Royce, Loretta Sanchez, Christopher Smith..., đã cùng ký tên trong một văn thư gởi Thủ tướng VN Nguyễn Tấn Dũng, yêu cầu phóng thích ngay tức khắc và vô điều kiện 13 nhà đấu tranh cho nhân quyền tại VN.

Qua bức thư, nhóm dân biểu này bày tỏ thất vọng và quan ngại sâu xa về tình cảnh bị biệt giam của số thanh niên đấu tranh cho nhân quyền vừa nói – gồm các bloggers nổi tiếng, những giáo dân thuần thành, phần lớn từ Giáo phận Vinh.

Dân biểu Loretta Sanchez, nhân vật lâu nay đấu tranh mạnh mẽ cho nhân quyền VN, lên tiếng lưu ý rằng điều quan trọng là chúng ta phải chú trọng tới vấn đề quyền con người để VN thấy là họ phải cam kết với Điều 69 trong Hiến Pháp và Điều 19 trong Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị.

Trở lại nhóm dân biểu Mỹ vừa nói, qua văn thư, họ cũng lưu ý Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng rằng hành động giam giữ những người đấu tranh cho nhân quyền, tôn giáo là vi phạm Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị, giữa lúc tình trạng đàn áp nhân quyền, dân chủ tại VN tiếp diễn thường xuyên với những vụ bắt bớ, hành hung tùy tiện của công an VN.

Yêu cầu đưa VN vào CPC

Theo nhóm dân biểu Hoa Kỳ vừa nói thì hành động Hà Nội tiếp tục vi phạm tự do tôn giáo, tiếp tục giam giữ những người hoạt động chỉ vì Đức Tin chứng tỏ rằng VN phải bị đưa trở lại danh sách những nước cần quan tâm đặc biệt vì đàn áp tôn giáo, gọi tắt là danh sách CPC.

Liên quan vấn đề đưa VN trở lại CPC, thì Uỷ ban Vận động CPC gồm đại diện của nhiều tiểu bang ở Hoa Kỳ tranh đấu cho nhân quyền, tôn giáo tại VN hiện đang có mặt tại vùng Thủ đô Washington. Lên tiếng với đài Á Châu Tự Do (RFA) hôm thứ Năm 13 tháng 10 này, một thành viên của Uỷ ban, ông Trần Văn Minh, Tổng Thư Ký Uỷ Ban, cho biết:

"Chúng tôi đã đi vận động rất nhiều, nhất là phía Quốc Hội, Bộ Ngoại Giao. Có thể nói là vấn đề còn tùy theo áp lực của người Việt hải ngoại vận động từ địa phương nữa. Nhưng về phía Quốc Hội thì chúng tôi đã vận động rất nhiều trong số các vị Nghị sĩ và Dân biểu".

Một thành viên khác của Uỷ ban Vận động CPC, bà Đặng Kim Trang, Phó Chủ tịch Cộng đồng VN tại San Diego, Carlifornia, Hoa Kỳ, cho biết thêm:

"Hết cả ngày hôm qua chúng tôi đã tới Quốc Hội, vào các văn phòng của những Thượng nghị sĩ, trình bày

https://tieulun.hopto.org

tất cả tài liệu, bằng chứng về tình trạng đàn áp nhân quyền, tôn giáo tại VN.

Hôm sau chúng tôi có cuộc họp báo với những vị dân biểu nữa. Chúng tôi rất tin tưởng và hy vọng rằng công việc này của chúng tôi sẽ thành công. Và, ngoài sự hỗ trợ của người Mỹ - những vị dân cử, chúng tôi hy vọng cũng có được sự hỗ trợ của tất cả người Việt tỵ nạn cộng sản tại hải ngoại này. Đây là lần đầu tiên tất cả cộng đồng VN, các đảng phái phối hợp. Với sức mạnh như vậy, chúng tôi tin tưởng sẽ có được sự thành công trong tương lai".

Diễn biến này xảy ra trong bối cảnh giới cầm quyền VN và công an xem chừng như ngày càng nặng tay đáng ngại với những nhà bất đồng chính kiến, kể cả nỗ lực ngăn chận người dân thể hiện lòng yêu nước trước hiểm họa xâm lược từ phương Bắc.

(Thanh Quang, phóng viên RFA – 13.10.2011)

• Hamburg - Thánh lễ dành cho 15 thanh niên Công Giáo yêu nước đang bị bắt

(Cờ Vàng 3 sọc đỏ trước sân thánh đường Maria Himmelsfahrt)

(Hamburg, 30.10.2011) - Trong làn sóng bắt bớ tùy tiện những người yêu nước trong thời gian qua, 13 thanh niên Công Giáo, 1 Tin Lành trong vùng Nghệ An và blogger Tạ Phong Tần đã không tránh khỏi sự đàn áp dã man của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam. Từ đó, từ trong nước ra đến hải ngoại, nhiều nơi đã tổ chức cầu nguyện cho 15 người này được bình an.

Do sự vận động của một số giáo dân tại thành phố cảng Hamburg, cha xứ của giáo xứ Maria Himmelfahrt đã hoan hỉ tổ chức một thánh lễ cầu nguyện cho 15 thanh niên vô tội này trong khuôn khổ thánh lễ Chủ nhật ngày 30.10.2011. Đó là các anh: Chu Mạnh Sơn, Đặng Xuân Diệu, Đậu Văn Dương, Hồ Đức Hòa, Hồ Văn Oanh, Nguyễn Văn Duyệt, Nguyễn Văn Oai, Nguyễn Xuân Anh, Nông Hùng Anh, Lê Văn Sơn, Trần Vũ Anh Bình, Thái Văn Dung, Trần Hữu Đức, Trần Minh Nhật và blogger Tạ Phong Tần.

Đúng 10 giờ rưỡi sáng, cùng tiếng chuông ngân vang trong một ngày thu mát rượi bất thường, gần 400 giáo dân, trong đó non 100 người Việt trong quận Hamburg-Rahlstedt đã đáp lời mời của bà Vũ Thị Khiếu đến tham dự thánh lễ đặc biệt này.

Thánh lễ do chính cha phó Roman Fries và cha xứ Joachim Winkens làm chủ lễ. Mở đầu, cha Winkens đã nhấn mạnh rằng thánh lễ hôm nay đặc biệt cầu nguyện cho những thanh niên Công giáo đã bị bắt trong thời gian gần đây. Cha chào mừng những người Việt Nam cùng đến tham dự thánh lễ và cầu xin Chúa cho những người thanh niên này sớm có tự do.

Cha Fries giảng bài phúc âm nói về lời Chúa dạy chúng ta nên làm từ tấm lòng đừng vì lấy tiếng. Nói về lòng can đảm và sự tự do, cha nhấn mạnh hai lần câu: „**Nếu chúng ta đứng lên thì sẽ không bị người ta đè đầu xuống**".

Đặc biệt, một em gái giúp lễ đã đại diện người Việt Nam dâng lời cầu nguyện cho 15 thanh niên này. Tham dự buổi lễ còn có ca đoàn Thánh Linh Hamburg và Ban Cao Niên của Hội Người Việt Tỵ Nạn Cộng Sản tại Hamburg. Một người khách đã lái xe gần 300 km đến tham dự, lại còn góp 50 € vào quỹ giúp đỡ các nhà dân chủ trong nước.

11 giờ rưỡi, thánh lễ chấm dứt, các giáo dân đã ra sân, nơi đặt sẵn bàn thông tin với hình ảnh của 15 nạn nhân chế độ cộng sản. Bản tin về nội vụ của Front Line đã được dịch ra Đức ngữ, được phóng lớn và dán quanh bàn thông tin để mọi giáo dân có thể biết thêm chi tiết. Rất đông người đứng lại hàn huyên, trao đổi thông tin về những vụ bắt bớ vô cớ và tùy tiện của ĐCSVN cùng hỏi thăm tình hình Việt Nam.

Rất nhiều giáo dân Việt Nam trước khi ra về đã vui vẻ „rút thăm" một tấm hình trong 15 người bị bắt đem về nhà cầu nguyện thêm, một sáng kiến của nhóm vận động tổ chức thánh lễ.

(nguồn: ngovanminh)

• Tết Trung Thu tại Ý

Sáng chủ nhật, 18.9.2011, tại Magenta di Milano có buổi hội ngộ cho đồng hương trong dịp Tết Trung Thu. Ròng rã hơn ba tháng trời để lo cho ngày lễ quan trọng này: Tết Trung Thu thể hiện việc bảo tồn văn hóa, phong tục Việt Nam hay giới thiệu những tinh hoa dân tộc của mình đến người dân bản xứ...

Từ xa đã thấy cờ vàng phất phới bay trong gió song song với quốc kỳ Ý trước cổng vào "ngôi nhà làng" với biểu ngữ ***"Benvenuti, Tết Trung Thu"*** trên nền cờ vàng ba sọc đỏ được treo bên ngoài. Biểu ngữ và những hàng cờ giấy treo hai bên góc căn phòng lớn làm tăng thêm sinh khí và nét long trọng của buổi lễ. Bàn thờ Tổ Quốc được trưng bày lư hương và hoa quả thật trang nghiêm.

Với sự hiện diện của gần 200 đồng hương gồm: cụ già, cô bác, các cháu thiếu nhi và quan khách Ý đã làm căn phòng này dường như nhỏ lại!.

Vào lúc 11 giờ rưỡi, anh Huỳnh Công Danh bắt đầu khai mạc buổi lễ với nghi thức chào quốc kỳ và phút mặc niệm tưởng nhớ đến các anh hùng vị quốc vong thân cũng như các đồng hương đã bỏ mình vì lý tưởng tự do.

Sau phần giới thiệu và trình bày ý nghĩa ngày Tết Trung Thu, chúng tôi cũng vinh dự mời một Ủy viên văn hóa thị trấn Magenta phát biểu cảm tưởng. Ông đã bày tỏ sự trân trọng và khen ngợi tinh thần yêu chuộng tự do của chúng ta, những người Việt Nam gốc thuyền nhân tỵ nạn tại Ý từ năm 1979 vẫn không quên xuất xứ của mình và luôn cố gắng duy trì nền văn hoá dân tộc, bảo tồn nguồn gốc mặc dù đã chọn xứ người làm quê hương thứ hai từ hơn một phần tư thế kỷ.

https://tieulun.hopto.org

Tiếp theo là phần phát lồng đèn và bánh kẹo cho các cháu nhỏ. Dễ thương làm sao những cặp mắt ngơ ngác đang nhìn ngắm những chiếc lồng đèn và những gì đang diễn ra trước mắt.

Đến 13 giờ, tạm ngưng chương trình Trung Thu để nghỉ giải lao và dùng cơm trưa. Các món ăn đầy hương vị quê hương được trưng bày trông thật hấp dẫn. Tất cả cùng nhau vừa thưởng thức vừa hàn huyên tâm sự trong bầu không khí thân mật và ấm áp tình dân tộc.

Sau phần nghỉ giải lao, chương trình tiếp nối với màn thi Áo Dài Việt Nam, Ban Tổ Chức giới thiệu ý nghĩa, lịch sử chiếc áo dài cùng các kiểu mẫu được minh họa bằng video và hình ảnh do người viết thực hiện. Đồng thời anh Huỳnh Công Danh cũng giải thích cho người Ý am hiểu ý nghĩa quốc phục độc đáo của chúng ta bằng tiếng Ý. Các cháu với nét mặt hân hoan trong bộ áo dài lả lướt theo tiếng nhạc rất lôi cuốn khán giả với những tràng pháo tay vang dội cả hội trường làm ấm lòng kẻ tha hương!

Sau cùng là màn văn nghệ bỏ túi với các bài hợp ca thật hào hùng như Việt Nam Việt Nam, Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ, cùng những bài hát quê hương đượm tình dân tộc.

Đến 17 giờ chiều, Tết Trung Thu được kết thúc với niềm vui lớn vì đã thành công mỹ mãn.

Ban tổ chức xin cảm ơn sự hưởng ứng nhiệt tình của quý đồng hương đã ủng hộ và đóng góp rất nhiều công sức cũng như tài chánh cho ngày lễ này. Đặc biệt quý Mạnh Thường Quân ngoài việc ủng hộ còn góp ý xây dựng để chương trình càng thêm phong phú. Một sự kết hợp hài hòa trong tinh thần đoàn kết đáng để chúng ta cảm nhận và tán thán. Phải nói đây là điểm son và niềm hãnh diện cho Cộng Đồng Người Việt Tự Do tại Ý.

(Tô Cẩm Hoa, Treviso, 23.9.2011)

• Thông Báo tìm được hài cốt:

Chúng tôi có tìm thấy một hài cốt của một quân nhân đã hy sinh tại chiến trường Chi Khu Kiến Đức thuộc tỉnh Daklak (cũ) có Thẻ Bài ghi rõ:

Họ tên: Nguyễn An Khang
Số Quân: 681144681.
Loại Máu B.RH

Vậy, nếu ai là thân nhân của quân nhân đã hy sinh nói trên xin vui lòng liên lạc Tel: 0903698807 (gặp Long) hoặc 0903716345 (gặp Nhung) để nhận lại hài cốt.

(xem tiếp trang 162)

Tin Phật sự

• Nhựt Trọng phụ trách

Thư Mời tham dự bữa cơm Từ Thiện

Giáo Hội Phật Giáo VNTN Âu Châu
Đại diện Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội của Giáo Hội
Chùa Phật Quang Nedre Hjallbo Gardet 12,
42434 Angerd (Goteborg) Thụy Điển
Tel: 0046 31435408

Thụy Điển ngày 15 tháng 11 năm 2011

Kính gởi : Quý đạo hữu và Phật tử xa gần
Trích yếu: Kính mời quý vị tham gia bữa cơm từ thiện gây quỹ giúp đỡ bệnh nhân người già, đui mù, nghèo khổ, trẻ em mồ côi, tàn tật và những gia đình bị thiên tai bão lụt, tổ chức tại Neuss Đức quốc vào ngày 15 tháng 01 năm 2012.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch chư Tôn Đức
Kính thưa quý vị,

Nhờ Hồng Ân Tam Bảo gia hộ và nhờ sự đỡ đầu của GHPGVNTN Âu Châu, dưới sự điều hành của Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm, Viện chủ chùa Bảo Quang Hamburg và là Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội của Giáo Hội, trong thời gian qua Tổng Vụ đã thực hiện được nhiều công việc từ thiện tại quê nhà và ngoại quốc như Nhật Bản, Haiti, Thái Lan.

Nay có một số đạo hữu Phật tử hữu tâm đang sinh sống tại vùng Ruhrgebiet thuộc Tiểu Bang Nordrheim Westfallen sẵn sàng hỗ trợ tổ chức một buổi cơm từ thiện vào:

Ngày 15 tháng 01 năm 2012,
từ 10:00 đến 17:30 giờ
tại Mehrzweckhalle Grefrath,
Stephanus Str. 39 – 40 . 41472 Neuss.

Sự phát tâm giúp đỡ trực tiếp và gián tiếp của quý vị dưới danh nghĩa tình thương, vì những người bất hạnh, hiện vẫn còn đang đau khổ trên quê hương Việt Nam cũng như trên Thế Giới là một sự khích lệ lớn lao cho Ban Từ Thiện Xã Hội của GHPGVNTN Âu Châu. Vậy kính mong quý ngài, quý vị nhín chút ít thì giờ để đến tham gia buổi cơm gây quỹ trên. Công đức thật vô lượng vô biên.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát
TM. Sư Bà Thích Nữ Diệu Tâm
Trưởng Ban Từ Thiện Xã Hội

Đại Đức Thích Tịnh Phước
Phó Ban Từ Thiện Xã Hội

Địa chỉ liên lạc:
- Quảng Lộc Nguyễn Gia Phước

https://tieulun.hopto.org

Suitbertusweg 27 - 41472 Neuss
Tel: 02131- 6652968 - Mobil 0173 2595934
Email: giaphuoc@yahoo.de

- Nguyên Trí - Markt 47, 26382 Wilhelmshaven
Tel 04421 28279 - Mobil: 015788919232
e-mail: vantamtp@yahoo.de

*** Khóa tu tại Trung Tâm Tu Học Viên Giác, Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ:**

Tiếp theo những ngày của khóa tu, Hòa thượng Phương Trượng và chư Tăng, Ni du học tại Ấn Độ đã có những buổi tụng kinh Pháp Hoa, những buổi thuyết trình và thảo luận sôi nổi. Vào ngày 20 tháng 10, sau thời Công phu khuya, Hòa thượng và chư Tăng Ni đã chứng minh lễ thế phát gieo duyên của một vị Ưu Bà Di dưới cội Bồ Đề, nơi đức Phật thành đạo. Thật là một duyên lành không sao nói hết. Kế đó, vào lúc 8 giờ sáng cùng ngày, dưới sự hướng dẫn của Hòa thượng Phương Trượng, chư Tăng, Ni cùng gia đình Phật tử đã đem tro cốt của thân mẫu mình rải trên dòng sông Ni Liên, nơi đức Phật đã tắm. Cùng ngày, cũng đã diễn ra lễ Trai Tăng cúng dường. Hơn 100 vị Tăng, quốc tịch các nơi như Thái Lan, Tây Tạng, Việt Nam, Bangladesh v.v...

Vào ngày 21.10 đoàn lên núi Linh Thứu, lễ Tam Bộ Nhất Bái. Khí trời mát mẻ đã tạo thuận duyên cho đoàn con Phật lên chiêm bái Hương thất của Ngài. Từ núi lên đến đỉnh, lễ Tam Bộ Nhất Bái mất khoảng thời gian 2 tiếng đồng hồ. Lên tới đỉnh, tuy mệt nhưng ai nấy đều phấn khởi, vì sở nguyện đã thành. Tại Hương thất của đức Phật, Hòa thượng Phương Trượng đã giảng một bài pháp cho quý thầy, quý sư cô và Phật tử.

Vào tối cùng ngày, trong buổi lễ liên hoan bế mạc khóa tu, chư Tăng, Ni và Phật tử đã đóng góp nhiều tiết mục ca nhạc, ngâm thơ và nói lên cảm tưởng của mình trong mấy ngày tham gia khóa tu học. Chư Tăng, Ni du học đảnh lễ tri ân đến Hòa thượng Phương Trượng Viên Giác - Đức quốc, không quản ngại đường sá xa xôi, tuổi cao sức yếu đã mở khóa tu để đàn hậu học có cơ hội được thực tập tu và học dưới sự dìu dắt của Ngài; ngỏ lời cám ơn đến thầy Tri Sự Trung Tâm Tu Học Viên Giác đã nhiệt tình giúp đỡ về nơi ăn chốn ở mấy ngày qua để khóa tu được hoàn mãn tốt đẹp.

(Huệ Pháp, nguồn: www.viengiac.de)

*** Khóa tu niệm Phật và thuyết giảng tại Cực Lạc Cảnh Giới Tự, Chiangmai, Thái Lan:**

Từ ngày mùng 7 đến 11 tháng 10 năm 2011 vừa qua, Hòa thượng Phương Trượng chùa Viên Giác - Đức quốc đã mở khóa tu niệm Phật và thuyết giảng cho khoảng 30 Phật tử đến từ Đức và Việt Nam tại Cực Lạc Cảnh Giới Tự, Chiang Mai, Thái Lan. Theo lời Hòa thượng dạy, hằng năm trong chuyến hoằng pháp cuối năm, Hòa Thượng sẽ đến Cực Lạc Cảnh Giới Tự để giảng dạy cho Phật tử. Hầu hết quý Phật tử tham dự các khóa tu học này đến từ Việt Nam. Sau 5 ngày tu học cùng Hòa Thượng, quý Phật tử đã có được sự an lạc trong tâm từ những lời pháp nhủ của Hòa Thượng. Khung cảnh thiên nhiên cực kỳ thanh tịnh tại Cực Lạc Cảnh Giới Tự cũng góp phần đem lại thành công cho khóa tu học nầy.

Năm sau, khóa tu cũng sẽ tiếp tục từ ngày 23 đến 27 tháng 10, vì vậy quý Phật tử xa gần nào muốn tham dự thì sắp xếp cho mình lịch trình để cùng về Cực Lạc Cảnh Giới Tự nơi trần thế này để thúc liễm thân tâm, trau giồi phước quả

(Nguồn: www.viengiac.de)

*** Khóa Huân Tu Tịnh Độ tại Tu Viện Viên Đức, Ravensburg:**

Tu Viện Viên Đức vừa tổ chức khóa Huân Tu Tịnh Độ, từ ngày Thứ sáu, 21.10.11 đến ngày Chủ Nhựt 23.10.11 dưới sự chủ trì của ĐĐ Thích Hạnh Giới, Trụ Trì chùa Viên Giác Hannover và sự hiện diện của ĐĐ Thích Hạnh Tâm cùng quý Sư Cô Tuệ Đàm Hương, Tuệ Âm và Thông Chiếu.

Chương trình tu học mỗi ngày cũng giống những khóa tu trước đây; nhưng riêng tối ngày thứ bảy, 22.10.11, ĐĐ Hạnh Giới cùng quý Thầy, Cô đã hướng dẫn Phật Tử đêm Hoa Đăng vô cùng an lạc. Cung đối Phật tiền, ĐĐ đã chí tâm dâng lời phát nguyện, hướng dẫn Phật Tử lễ lạy hồng danh Chư Phật và đi kinh hành thật trang nghiêm. Một chiếc đèn Hoa Sen trên tay và từng bước chân chánh niệm, hòa trong tiếng niệm Phật vang vang trong Bửu điện đã tạo cho mọi người những giờ phút thanh tịnh.

Ngày Chủ Nhựt được bắt đầu với thời khóa Công phu vào lúc 5 giờ 45 như thường lệ. Sau đó, ăn sáng và chấp tác. Từ lúc 9 giờ, có buổi giải đáp thắc mắc Phật pháp rất bổ ích. Tiếp theo, ĐĐ Hạnh Giới đã chủ trì lễ Quy Y Tam Bảo với sự trợ lực của ĐĐ Thích Hạnh Tâm. Đã có 18 Thiện Nam và Tín Nữ phát tâm thọ trì Tam Quy Ngũ Giới; Trong số nầy có 3 trẻ em và hai người Đức, một Nam một Nữ. Buổi lễ viên thành; mỗi Giới Tử nhận được một Phái Quy Y Tam Bảo cùng với Pháp Danh của mình và từ hôm nay đã chánh thức là Phật Tử, là con của Phật. Sau hết là phần chụp hình lưu niệm.

Trên 40 người đến từ Áo, Thụy Sĩ cũng như Đức quốc đã hoan hỷ tham dự và 3 ngày Huân Tu Tịnh Độ tại Tu Viện Viên Đức lần nầy đã viên mãn thật tốt đẹp.

(Tin: THT)

*** Tân Ban Chấp Hành Chi Hội Phật Tử VNTN tại Wilhelmshaven**

Theo biên bản kỳ họp thường niên nhân ngày Thọ Bát Quan Trai tại Chi Hội PTVNTN tại Wilhelmshaven ngày 03.09.2011, dưới sự chứng minh của Hòa Thượng Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover.

Trân trọng thông báo Tân Ban Chấp Hành Chi Hội PTVNTN tại Wilhelmshaven nhiệm kỳ 2 từ 05.09.2011 đến 05.09.2016:

- ĐH. Nguyễn Thìn, PD Đồng Thời, Chi Hội Trưởng phụ trách chung.
- ĐH. Lâm Phúc Toàn, PD Đồng Viên, Chi Hội Phó phụ trách Nội Vụ.
- ĐH. Cao Văn Thắng, PD Đồng Pháp, Chi Hội Phó phụ trách Ngoại Vụ.
- ĐH. Trần Thu Thủy, PD Diệu Thinh, Thư Ký.
- ĐH. Hoàng Thị Tài, PD Ngọc Lượng, Thủ Quỹ.
- ĐH. Nguyễn Ngọc Tuấn, PD Đồng Anh, Ủy Viên phụ tá Nội Vụ.
- ĐH. Đỗ Thị Xuân Hương, PD Đồng Giới, Ủy Viên phụ tá Ngoại Vụ.
- ĐH. Thiện Hội (Cao Văn Biền) và ĐH Nguyên Trí (Nguyễn Văn Tâm): Cố vấn.

(Tin: Thiện Hội Cao Văn Biền)

https://tieulun.hopto.org

Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng

(tiếp theo trang 160)

• TIN HỘI CỨU TRỢ TPB/QLVNCH-ĐỨC QUỐC

Hội Cứu Trợ TPB/QLVNCH vẫn được sự ủng hộ của đồng hương khắp nơi. Trong thời gian chuẩn bị cho đêm Văn Nghệ cứu trợ, hội đã nhận được các Ân Nhân gởi đến từ tháng sáu đến ngày 15 tháng 10 như sau:- Danh sách thu tháng 6: Hoàng ngọc Đức (Früth) 30€. Thị Bích Quyên Nguyễn (tháng6&7) 30€. Hồ thị Nguyệt 50€. Ô thị Hai (Meppen) 55€ (cho TPB LongAn). Trương văn Mạnh (Pháp) 20€ (TPB Long An). Tháng 8: Bà Trần Bùi (Schramberg) 20€. Sư cô Thích Nữ Hạnh Bình (chùa VG) 50€. GĐ. Trần thị Hiền (Laatzen) 25€. GĐ Nguyễn thành Đê (Springe) 20€. Thị Bích Quyên Nguyễn (tháng 8&9&10) 60€. Nhóm trẻ Tübingen (c/o Đỗ Thị Oanh) giúp 10 hồ sơ 550€. Bà Huyền Thị Biểu (Danmark) 100 US (đã đăng báo kỳ rồi nhưng nhập sổ tháng 10.2011). Tổng cộng: 910€. (Đã xuất để gởi cho 10 hồ sơ nầy 550€ còn lại = 360€ + 100US).

Tổng cộng đợt nầy: 360€ + Tồn quỹ tháng 6: 1085€ = Tồn quỹ đến 15 tháng 10 = **1.445€ + 100US.**

Ngày 15.10.2011 với sự góp sức của các Hội đoàn Quốc gia tại Frankfurt như: Hội Phụ nữ Tự do Đức Quốc, Hội Người Việt Frankfurt, Liên đoàn Hướng Đạo Hùng Vương cùng với những nhà hảo tâm đến từ Pháp, Hòa Lan, cũng như các thành phố lớn ở Đức. Hội Cứu Trợ TPB đã tổ chức một buổi Văn Nghệ để quyên góp cho quỹ cứu trợ với những tấm lòng vàng đã đóng góp trong đêm Văn Nghệ ngày 15.10.2011 tại Frankfurt như sau: Ô.bà Nguyễn văn Chấn (USA) 300US. Hội Người Việt tỵ nạn tại Frankfurt 100€. Đoàn Thanh Niên Tự Do Đức 50€. Đảng Dân Tộc 50€. Bà Trần duy Hoành (Bodensee) 50€. GĐ Ngô Thành Cát (Wiesbaden) 50€. Ô. Nguyễn Lung (Frankfurt) 40€. Bà Phạm thị Sương (Ffm) 25€. Nguyễn ngọc Tuấn (Sindelfingen) 150€. Nguyễn thanh Tài (Grosszimmer) 50€. Lê Quang Thành (München) 50€. Nguyễn ngọc Báu (Germering) 20€. Lê Phi Bằng (München) 20€. Vũ thị Khoan (Gründau) 20€. Trần tú Trinh (München) 50€. Ngô đình Hiếu (Rogau) 20€. Phạm công Hoàng 20€. Trần văn Cát 30€. Trần văn Chương karben 10€. Đại Đức Thích Ấn Tâm 50€. Lê thị Hồng Yến 20€. Hồ văn Thuận 20€. Huỳnh quốc Thanh Tùng 20€. Nguyễn song Nga 50€. Đỗ ngọc Tâm 50€. Nguyễn văn Bông 20€. Hà văn Thành 10€. Huỳnh Thanh Hà 50€. Đặng Thanh Hoa (Thụy Sĩ) 75€. Bà Phạm Ngọc Đảnh 100€ (50€ cho TPB Lê văn Lực, 50€ cho hội cứu trợ). Nguyễn văn Chương 20. Nguyễn thị Trí và các con 150€. Liên Hội Võ Bị Âu Châu 780€ & 100US. Cộng đồng Người Việt Tự Do Bayern 100€. Trong Phương & Bonn 20€. Trang Thuấn (Hanau) 20€. Lê văn Thanh 40€. Võ Văn Hương 20€. Võ thị Hồng 10€. Hội Cao Niên München 100€. Nguyễn thanh Hùng 10€. Phạm minh Tín 20€. Nguyễn văn Bắc 20€. Võ thị Sáu (Viersen) 15€. Nguyễn kim Nga 10€. Võ kim Phượng 20€. Đặng vĩnh Hồng & Thanh 50€. Thanh Hoa Nguyễn 50€. Nguyễn ngọc Điệp 20€. Trần kim Loan 50€. Phạm đình Chánh (Hòa Lan) 50€. Hội NVTV Mönchenglabach 100€. Phan văn Lợi (M'G) 50€. Lê Thành 20€. Nguyễn khắc Giang 20€. Nguyễn Lan 20€. Nguyễn Hanh 50€. Trần Quang Trung 30€. Hồng Hùng 30€. Phạm văn Nhân 20€. Lê Hồng Đức 30€. Trần thị Thanh (Leiweistadt) 20€. Radio Viet nam Hải Ngoại 100€. Trương văn Xuân 100€. Nguyễn ngọc Huyền 50€. Afel Harmann 20€. Peter Luu 20€. Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu Âu Châu 100€. Hoàng Khai Trí (Aurich) 20€. Ô. Trương tấn Hưng (Canada) 200$ canada. Dr. Ngô ngọc Hiếu (Berlin) 50€. Ô. Bà Nguyễn hữu Tình (Hannover) 50€. Lương quốc Định (A'b) 50€. Hội Cao Niên Frankfurt 100€. Ẩn danh 340€. Lý Quốc Lương (Hannover) 40€. GĐ Hoàng Ngọc Tín (Frieberg) 50€. GĐ. Việt Bình (Neu Anbach) 20€. Tiền phòng còn lại 145€. Đổi 100 Thụy sĩ =77€. Lê Hoàng Đệ (Asbach) 30€. Phạm thị Nga (Th. Sĩ) 100€.

Tổng cộng : 4.592 € + 400 USA + 200 Can.

Chuyển nhà băng Đinh Ngọc Huy (Hamburg) 100€. Nguyễn Nhựt Châu (Pháp) 50€. Bà Lương thành Lập (Trebur) 50€. Lý Trực & ân nhân Göttingen 105€. Nhóm ẩn danh Friedrichshafen 200€. Nguyễn ngọc Tuấn 50€. Tổng cộng 555€.

Tiền quầy hàng cô Long 840€, Hội Phụ Nữ Tự Do Đức Quốc 400€, Tiền Tombola 520€, tiền bức tranh 250€, tiền nước uống 660€. Tổng cộng 2670€.

Tổng thu đêm VN: 4.592 + 555 + 2670 **= 7.817 € + 400 USA + 200 Can.**

Chi: In quảng cáo 110€, tem thư 36€, ban văn nghệ 350€, tiền trinkgeld Hausmeiter 40€ (2 người), tiền nước 310,50€ + chuyên chở 20€.

Tổng chi: 110 + 36 + 350 + 40 + 310,5 + 20 = 866,50€ + tiền phòng 650€ = **1.516,50€**

Tiền còn lại trong đêm Văn Nghệ: Thu: 7.817€ – Chi: 1.516,50€ = **6.300,50€**

Tồn quỹ đến 15-10-2011: **1.445€ + 100 USA.** Thu trong đêm Văn Nghệ: **6.200,50 € + 400 USA + 200Can =**

Tồn quỹ hiện tại: (1.445€ + 6.300,50€ = **7.745,50€ + 500 USA + 200 Can.**

Tháng 10 vừa qua Hội đã gởi 10 hồ sơ của Nhóm Trẻ Tübingen về giúp TPB. Đã có 8 người nhận quà và có hồi báo như sau: Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu: Đinh Văn Tiệp, Tạ Văn Đối. Nguyễn Ngọc Đức. Lê Thành Bá. Nguyễn Thanh Mai. Tỉnh Tiền Giang: Nguyễn Văn Danh. Võ Văn Ưu. Phan Văn Lạc. Và hai hồ sơ không có người nhận, Công ty gởi tiền yêu cầu thay thế hai người khác, và Hội đã bổ túc gởi đi.

Ngoài ra Hội đã duyệt xét xong **110 hồ sơ** và sẽ gởi về trong nay mai để kịp làm quà Tết cho anh em Thương Phế Binh tại quê nhà. Số tiền còn thặng dư Hội sẽ tiếp tục duyệt xét và gởi tiếp.

Xin thay mặt cho tất cả những Anh Chị Em TPB tại quê nhà, chân thành cám ơn toàn thể quý Đồng Hương đã tích cực đóng góp cho công việc gây quỹ cứu trợ những Chiến Sĩ VNCH, những người đã hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam trong một thời đất nước đao binh.

TM. Hội Cứu Trợ TPB. QL VNCH ĐỨC QUỐC
Hoàng Tôn Long (Hội Trưởng)
Ben Gurion Ring 70. 60437 Frankfurt am Main
TL. 0179. 6492181

(Xem tiếp trang 166)

https://tieulun.hopto.org

Tin nước Đức

• **Lê Ngọc Châu phụ trách**

*** Vettel vô địch đua xe Formel I năm 2011**

(Sebastian Vettel vui mừng chiến thắng tại Suzuka/Nhật)

09.10.2011: Sebastian Vettel (Đức), lần đầu tiên đoạt giải vô địch đua xe hơi Fomel 1 năm 2010 đã bảo vệ được chức vô địch năm 2011. Tay đua cho hãng Red-Bull chỉ cần 1 điểm trong vòng đua thứ 77 này nhưng Vettel đã chiếm hạng ba trong cuộc đua xe hôm 09.10.2011 tại Suzuka/Nhật và đây là lần thứ hai chiếm chức vô địch Formel 1, mặc dầu còn 4 vòng đua nữa. Về nhất là Jenson Buton, đối thủ của Vettel đang đứng hạng hai trong bản điểm tranh giải Formel I. Sebastian Vettel đồng thời cũng là tay đua vô địch trẻ tuổi nhất từ trước đến nay trong lịch sử đua xe hơi, chỉ mới 24 tuổi và là người thay thế tay đua Alonso qua hai lần liên tiếp chiếm chức vua đua xe Formel I.

Vettel còn chiếm thêm kỷ lục khác nữa là tay đua đạt được 14 vị trí hàng đầu (Pole Position) trong tất cả các vòng đua chính thức của 2011.

*** DAK và BKK đã kết hợp lại thành hãng bảo hiểm lớn (Mega-Kasse)**

Hamburg, 11.10.2011: Hãng bảo hiểm cho nhân viên Đức (DAK) và hãng bảo hiểm của các xí nghiệp (BKK) đã kết hợp với nhau thành một hãng bảo hiểm khổng lồ theo luật định (gesetzliche Mega-Kasse). Từ lâu các chuyên gia Đức đã bàn tán nhưng bây giờ được cụ thể hóa vì theo tin của DAK và BKK loan đi thì Hội đồng quản trị DAK và BKK đã chuẩn y sự kết hợp (Fusion) của hai hãng vào đầu năm 2012. Qua đó, hãng bảo hiểm mới này trở thành hãng bảo hiểm lớn nhất tại Đức với 5,1 triệu thành viên. Nếu tính thêm vợ chồng con cái thì lên đến 6,6 triệu. Trụ sở chính vẫn đặt tại thành phố Hamburg/Bắc Đức.

Cũng nói thêm, BKK (Betriebskrankenkasse) là hãng bảo hiểm xí nghiệp lớn nhất và DAK là hãng bảo hiểm sức khỏe cho các công nhân viên lớn vào hạng thứ ba tại Đức. DAK trong năm 2010 vừa qua mất rất nhiều thành viên và qua sự kết hợp nói trên thành viên không phải tốn kém thêm gì cả. Thẻ bảo hiểm và tất cả những sự điều trị vẫn có giá trị như từ trước đến nay.

*** 78% Dân Đức tin rằng Khu Vực Âu Châu Không Rã Vì Khủng Hoảng Nợ**

Berlin 12.11.2011 : Thăm dò dư luận của đài truyền hình ZDF ghi nhận: 78% dân Đức tin rằng khu vực Euro (Eurozone) sẽ được duy trì và trên 50% nghĩ rằng Thủ Tướng Angela Merkel đã làm đúng trong nỗ lực giải quyết khủng hoảng nợ của Liên Âu. Ngược lại có 18% thì cho rằng Eurozone tan rã. Hồi đầu Tháng 10, chỉ 45% cử tri Đức tán đồng các hành động của nữ Thủ Tướng Merkel, và 46% không ủng hộ.

Kết quả này gần giống cuộc thăm dò vào năm ngoái, mặc dầu sự khủng hoảng hiện đã lan qua nước Ý, một quốc gia có nền kinh tế lớn hạng 3 của Khối Liên Hiệp Âu Châu (EU). Liên Âu đã ra tay cứu nguy Hy Lạp, Bồ Đào Nha và Ireland.

Tiềm năng tài chính của nước Đức được đánh giá là vững chắc, sự thu nhập từ thuế tăng thêm tốt vì sức phát triển kinh tế đang mạnh.

*** Hình sự liên bang điều tra**

11.11+14 + 16.11.2011: Cơ quan hình sự liên bang cho biết sẽ đảm nhận việc điều tra liên quan đến sự mưu sát nữ cảnh sát Đức tại thành phố Heilbronn năm 2007, một trường hợp mà theo giới hữu trách dính líu đến vụ án mạng được mệnh danh là "Dörner-Morde".

Cảnh sát Đức đã tìm thấy trong thi hài của hai tên ăn cướp nhà băng tại Eisennach khẩu súng lục của nữ cảnh sát bị giết chết trước đây. Một người đàn bà thuộc băng đảng của nhóm giết người nói trên đã tự ý ra đầu thú cảnh sát Jena.

Tại nhà của một trong hai kẻ cướp ngân hàng điều tra viên đã tìm thấy khẩu súng đã giết chết tất cả 9 người ngoại quốc và người có quốc tịch Đức gốc Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp trong thời gian từ 2000 đến năm 2006.

Liên quan đến án mạng kể trên, cơ quan hình sự liên bang Đức đã bắt thêm một nghi can khác cư ngụ tại Hannover/Niedersachsen là Holger G. và được cho biết y đã gia nhập nhóm NSU năm 2007 và theo tin của giới hữu trách loan đi thì họ cũng đã tìm thấy thẻ thành viên của NSU cấp cho G. Hôm 14.11.2011 đã ra lệnh bắt giam nghi can Beate Z., lý do bà ta là thành viên của nhóm khủng bố hữu khuynh.

Thêm vào đó, cũng theo giới hữu trách thì đương sự Z. còn bị tình nghi đã cùng với hai người bị chết sau vụ cướp nhà băng Uwe B. và Uwe M. thành lập nhóm cực hữu mang tên "NSU" vào năm 1998 cũng như bị điều tra rằng Z. có dính líu đến vụ "Dörner-Morde".

Cơ quan hình sự liên bang Đức còn mở thêm cuộc điều tra khác vì cho rằng bà Z. muốn thiêu hủy căn nhà

https://tieulun.hopto.org

mà trước đó Z. đã cùng ở chung với 2 thành viên bị chết tại Eisennach, mục đích muốn thiêu hủy những "chứng cớ" và "các vết tích" liên quan đến tổ chức NSU.

Trong khuôn khổ vụ Zwickau, nhân viên điều tra hình sự đã tìm thấy một danh sách, có thể là những người chúng dự định mưu sát và sẽ là nạn nhân của nhóm cực hữu NSU. Trong danh sách có thấy tên của nhà chính trị gia Jerzy Montag (Xanh) và Hans Peter Uhl (CSU), như nhật báo Tagesspiegel cho biết, dựa theo tin tức của cơ quan an ninh. Qua đó, chính phủ Đức dự tính tổ chức một cuộc họp khẩn giữa tiểu bang và liên bang tại Bá Linh vào ngày 18.11.2011.

Ngoài ra Spiegel Online còn cho biết thêm là trong danh sách tìm được còn thấy có tên của những người đại diện của các tổ chức Thổ Nhĩ Kỳ và Hồi Giáo. Cho đến thời điểm này, nhân viên điều tra vẫn chưa rõ tại sao "bộ ba Zwickauer" lại lập ra danh sách tìm được. Người ta cũng chưa hiểu hay phân biệt được đây có thể là danh sách những nạn nhân mà nhóm NSU lưu ý đến hay chỉ là danh sách của những đối thủ chính trị?

*** Liên minh cầm quyền đồng ý giảm thuế**

Berlin 06.11.2011/ Mainz 13.11.2011: Liên minh cầm quyền Đen+Vàng (gồm CDU/CSU và FDP) đã thỏa thuận với nhau sau nhiều tuần tranh cãi trong việc giảm thuế cho dân Đức hôm 06.11.2011.

Qua đó, mức giảm thuế chung trị giá là 6 tỷ Euro sẽ đạt được trong năm 2013 và 2014.

Ngoài ra, liên minh cầm quyền cũng đã thông qua đạo luật mang tên " tiền chăm sóc" (Betreuungsgeld), có hiệu lực từ đầu năm 2013 cũng như nâng cao tài chánh liên quan đến bảo hiểm chăm sóc (Pflegeversicherung).

Dầu vậy, cử tri Đức vẫn hoài nghi biện pháp giảm thuế nói trên của chính phủ Đức. Kết quả cuộc thăm dò ý kiến cử tri do ZDF thực hiện hôm 11.11.2011 cho biết 50% đánh giá biện pháp giảm thuế của liên minh Đen+Vàng là đúng. Có 45% xem việc giảm thuế không giá trị nào cả. Mặc dầu phân nửa cử tri Đức đồng ý với biện pháp giảm thuế nhưng chỉ có 4% nghĩ rằng cá nhân họ được hưởng lợi ích từ sự giảm thuế. Và 44% nói rằng họ không chờ đợi gì từ biện pháp nói trên và 50% cho biết hoàn toàn không đem lại gì cho túi tiền của họ.

Đạo Luật "tiền trông nom" trẻ con dưới 3 tuổi, một sản phẩm do sáng kiến của CSU chỉ được 43% cử tri ủng hộ. Thậm chí có đến 50% cảm tình viên của đảng CSU không bằng lòng với luật này, trong khi 44% tín hữu Thiên Chúa Giáo thì bày tỏ sự đồng lòng!

*** SDP và CDU phân quyền tại Bá Linh**

Berlin, 16.11.2011: Như chúng ta biết, sự thương thảo giữa SPD và Xanh thất bại sau cuộc bầu cử nghị viện Bá Linh vừa qua nên cuối cùng SPD đành phải thương lượng với CDU. Sau nhiều tuần lễ hội đàm, hai bên đã thỏa thuận và hôm 16.11.2011 SDP và CDU loan báo cho biết là sẽ cùng nhau liên minh thành lập chính quyền tại đây trong nhiệm kỳ tới.

Sau một đêm dài thương thảo không nghỉ để đả thông vài sự khác biệt còn sót lại, Wowereit cho biết liên minh chính quyền giữa SDP+CDU đã thành hình. Đương kim Đô Trưởng Klaus Wowereit (SPD) sẽ được tái nhiệm trong chức vụ là tân đô trưởng. Ngoài ra hai bên cũng đã thỏa thuận là mỗi đảng sẽ cầm đầu bốn bộ. SPD giữ chức Tổng trưởng các bộ sau đây: Tài chánh, Giáo dục, Kỹ Thuật và Lao Động. Bốn bộ khác vào tay đảng CDU, gồm: Nội Vụ, Y Tế và Xã Hội, Tư Pháp và Nghiên Cứu.

(Đô Trưởng Berlin Klaus Wowereit, SPD, (trái) và Tỉnh Bộ trưởng Frank Henkel, CDU)

Tân chính quyền sẽ chú trọng đường lối chính trị liên quan đến xã hội nhiều hơn, điều mà Tỉnh bộ trưởng Frank Henkel (CDU/Berlin) cũng đã hứa và đồng ý.

Wowereit còn nói thêm: "Chúng tôi muốn rằng Bá Linh sẽ giàu hơn, sexy hơn"! Riêng Henkel cho biết đây là kết quả tốt cho đôi bên, cả SPD lẫn CDU!

*** Thông báo làm lính Đức ngạc nhiên**

Tin được công bố hôm 10.11.2011 là số binh lính Đức đang trú đóng tại A Phú Hãn sẽ giảm từ 5350 xuống chỉ còn 4400 vào đầu năm 2013 đã làm ngạc nhiên binh sĩ Đức! Lính Đức, kể cả các cấp chỉ huy cho rằng biện pháp nói trên xảy ra quá sớm. Hôm sau, 12.11.2011, giới quân nhân Đức đã than phiền rằng Bộ trưởng Quốc phòng, ông Thomas de Maizière (CDU) đã không chống lại mãnh liệt áp lực từ phía Ngoại trưởng Westerwelle (FDP). Họ còn cho rằng chính bà Thủ Tướng Đức cũng không quan tâm cho lắm đến sự việc đã được tranh cãi lâu nay về chuyện khi nào quân đội Đức rút khỏi A Phú Hãn.

Qua quyết định trên, Đức sẽ rút 450 binh sĩ ra khỏi A Phú Hãn cho đến cuối tháng Giêng năm 2012. Số còn lại gồm 500 binh sĩ Đức sẽ được thực hiện vào đầu năm 2013.

*** Cử tri Đức ủng hộ SPD+Xanh, đạt kỷ lục**

16.11.2011: Gần hai năm sau kỳ bầu cử Quốc Hội Đức vào cuối tháng 9.2009, sự ủng hộ đảng FDP hầu như không còn nữa, hiện tại bị sút giảm một cách khủng khiếp. Theo kết quả cuộc thăm dò ý kiến cử tri Đức của "Stern-RTL-Wahltrend" liên quan đến triển vọng bầu cử thì FDP chỉ còn đạt được 2%, trong khi muốn được tham chính ít nhất đảng phái Đức phải đạt được mức tối thiểu là 5%. Lần đầu tiên 2% ủng hộ cho FDP xảy ra vào tháng 09.2011. Sau đó tăng lên gần 4% nhưng bây giờ giảm thấp một cách thậm tệ. Cũng xin nhắc lại, trong kỳ bầu cử quốc hội tháng 09.2009 FDP, khi Westerwelle đang là chủ tịch đảng FDP đã chiếm kỷ lục 14,6%. Cử tri Đức cho biết hoài nghi nhiều về khả năng của FDP. Qua câu hỏi đảng nào có thể giải quyết khó khăn của nước Đức thì FDP được đánh giá 0%, vị chi chẳng có chút khả năng nào để giải quyết vấn đề khó khăn của Đức!

Ngay cả những cử tri có cảm tình với FDP đã đánh giá biện pháp giảm thuế của FDP (*một trong những đề tài cốt cán thuộc chương trình tranh cử của FDP*) vừa đả

https://tieulun.hopto.org

thông được với liên minh cầm quyền CDU+CSU gần đây là vô lý.

Cũng theo kết quả nói trên, CDU hiện được 34% cử tri Đức ủng hộ. Ngược lại SPD giảm đi hai điểm, đạt 26%. Xanh không thay đổi với 15%. Hai đảng Tả Khuynh (die Linke) và đảng mang tên Cướp Biển (Piratenpartei) chiếm được 9% tăng +1% so với tuần trước.

Theo ông Güllner, Xếp của viện nghiên cứu Emnid cho biết thì cử tri đánh giá đương kim thủ tướng Merkel cao hơn (*tăng thêm 2 điểm lên 34%)* qua đường lối và vai trò của bà ta nhằm mục đích giải quyết sự khủng hoảng của Liên Hiệp Âu Châu (EU) liên quan đến sự phá sản của Hy Lạp. Ngay cả khả năng của liên đảng cũng tăng theo. Hiện tại có 22% cử tri Đức cho biết là CDU có thể giải quyết khó khăn quốc gia, trong khi đảng đối lập SPD chỉ đạt được 12% trên lãnh vực này.

Nếu bây giờ bầu cử lại thì FDP không được lọt vào quốc hội Đức. SPD và Xanh cũng không chiếm được đa số tuyện đối vì Piratenpartei được 9%. Muốn cầm quyền CDU hay SPD phải tìm thêm đồng minh.

*** Dân chúng Đức cân nhắc việc ăn uống**

08.10.2011: Dựa theo kết quả thăm dò ý kiến của 30 ngàn gia đình liên quan đến hội chợ dinh dưỡng (Ernährungsmesse) Aguna tại Köln được liên hiệp hội nghiên cứu kỹ nghệ thực phẩm dinh dưỡng liên bang BVE và công ty nghiên cứu về tiêu thụ GfK công bố thì giới tiêu thụ Đức đầu tiên để ý đến giá cả.

Có 51% cho biết giá tiền đối với họ quan trọng nhất, trong khi đó 49% thì chú trọng về phẩm khi mua đồ ăn.

Mặc dầu từ vài năm qua sự lưu ý về phẩm tăng thêm nhưng hiện nay dân chúng Đức vẫn xem trọng giá tiền hơn là phẩm. Riêng về vấn đề phẩm thì đồng lương kiếm được ảnh hưởng nhiều đến chuyện này. 60% gia đình lưu ý đến phẩm khi họ có mức lương hơn hai ngàn Euro (2.000€) mỗi tháng sau khi trừ thuế xong.

Cũng theo viện nghiên cứu có 90% đánh giá tiêu chuẩn khẩu vị quan trọng bậc nhất, kế đến là an toàn và sức khỏe (93%).

50% thấy thiếu phẩm và sản phẩm của Đức, trước hết tại những khu vực, tỉnh lỵ. 20% tiêu thụ sản phẩm Bio. 41% cho biết phẩm của đồ ăn tốt hơn trong thời gian qua và 20% ngược lại đánh giá kém đi. 33% thì nghĩ rằng những hãng sản xuất và thương mại thiếu thông tin về phẩm của thức ăn. Ngoài ra có 75% Haushalte đòi hỏi là phẩm của thức ăn cần được kiểm soát gắt gao hơn. Và chỉ có 18% tin là các hãng kỹ nghệ sản xuất lưu ý đến phẩm (Qualität).

*** Dân Đức về hưu sớm hơn vì bệnh tâm lý**

Càng ngày càng có nhiều người Đức xin về hưu sớm vì bệnh tâm thần. Trong năm 2010 vừa qua, theo như Hội Bảo Hiểm hưu trí Đức (DRV) cho biết thì có 71 ngàn công nhân viên nghỉ làm và về hưu trước tuổi như luật Đức ấn định trước đây là 65 tuổi vì khủng hoảng nội tâm, so với năm 2009 chỉ có 64 ngàn vụ.

Bệnh tâm lý vì chán nản (Depression) hay sợ hãi theo DRV là nguyên nhân chính làm cho công nhân viên Đức phải nghỉ việc sớm. Kế đến là họ gặp trở ngại, đau đớn về xương và bắp thịt cũng như bị bệnh tim hay rối loạn về tuần hoàn (Kreislaufstörung). Tuổi về hưu sớm từ đó ngày càng trẻ hơn. Năm 1980, những người không làm việc tiếp trung bình là 56 tuổi thì bây giờ là 50 tuổi. Những người bị khủng hoảng tâm lý nghỉ việc còn trẻ hơn nữa, trung bình hiện nay là 48,3 tuổi.

*** Quốc hội Đức chuẩn y hạ nguyệt liễm hưu trí 3%**

Berlin, 16.11.2011: Công nhân viên cũng như giới chủ nhân sẽ bớt đi gánh nặng trả nguyệt liễm hưu trí. Quốc hội Đức đã chuẩn y nguyệt liễm hưu từ 19,9% hạ xuống còn 19,6% và có hiệu lực kể từ tháng 01.2012.

Theo tin tức của Bộ lao động liên bang loan tải đi thì nguyệt liễm hưu trí giảm đi 0,3% làm giảm gánh nặng của giới chủ nhân và công nhân viên mỗi bên là 1,3 tỷ Euro.

Ngoài ra những người đã về hưu có hy vọng là mức hưu trí sẽ được tăng thêm trong năm 2012.

Bà Bộ trưởng Lao động liên bang Ursula von der Leyen (CDU) giải thích rằng nguồn tài chánh hưu trí Đức hiện rất vững, điều này chứng tỏ nền kinh tế và thị trường nhân dụng Đức rất tốt giữa lúc tình trạng thế giới đang bị khủng hoảng.

Bộ trưởng Kinh tế liên bang Đức, Philipp Rösler (FDP) đánh dấu sự cắt giảm nguyệt liễm hưu trí là thêm một bước tiến nữa để đẩy mạnh sự tăng trưởng kinh tế Đức, lý do tiền lương phụ trội qua đó giảm thì khả năng cạnh tranh của những hãng xưởng Đức sẽ tăng và chỗ làm việc được bảo đảm.

Ngược lại, khối dân biểu quốc hội đảng Tả Khuynh thì cho rằng biện pháp giảm nguyệt liễm hưu trí của liên minh đang cầm quyền là phi lý: liên quan đến nạn nghèo đói đang đe dọa thì đó lại càng vô lý và không bền bỉ được. Phát ngôn viên về hưu trí của khối dân biểu, ông Matthias Birkwald giải thích: "Chúng ta cần từng Cent để chống lại nạn nghèo khi về già, không phải đợi đến ngày mai mới bắt nguồn".

Ngay cả Cộng Đoàn Đức (DGB) cũng lên tiếng chỉ trích việc giảm nguyệt liễm hưu trí nói trên. Thành viên của Hội đồng quản trị DGB, bà Annelie Buntenbach đòi hỏi liên minh cầm quyền hãy chấm dứt biệp pháp nói trên và giữ vững chỉ số nguyệt liễm hưu trí. Ngân khoản thặng dư tốt nhất nên dành lại đó, sử dụng để chống nạn nghèo đói một cách cụ thể hơn.

*** Giải Túc Cầu Thế Giới 2014, Đức gặp đội Färöer trong vòng đầu tại sân nhà**

https://tieulun.hopto.org

16.11.2011: Đội tuyển quốc gia Đức sẽ mở màn vòng loại giải túc cầu thế giới tổ chức tại Ba Tây năm 2014 vào ngày 07.12.2012 tại sân nhà, đối thủ là đội tuyển Färöer. Đây là kết quả sau cuộc gặp gỡ giữa đại diện của các nước Thụy Điển, Irland, Kasachstan, Áo, Färöer và Đức tại thành phố Frankfurt am Main. Qua đó Hiệp Hội Túc Cầu Đức (DFB) đã thông báo thời điểm giao đấu tại Trung tâm DFB.

Đội tuyển quốc gia Đức sẽ sang Áo đấu vào ngày 11.09.2012. Ngoài ra Đức sẽ tranh tài với các đội tuyển trong nhóm: ngày 12.10.2012 đấu với Irland và đụng với Thụy Điển tại sân nhà vào ngày 16.01.2012. Trận đấu cuối cùng vòng loại của đội tuyển Đức trong nhóm C là ngày 15.10.2013 tại Thụy Điển

*** Đức đơn giản hóa việc di dân cho những người ngoại quốc có tay nghề chuyên môn**

19.11.2011: Bộ trưởng Kinh tế Đức, Philipp Rösler (FDP) muốn đơn giản hơn nữa việc di dân của những tay nghề chuyên môn từ nước ngoài để đến Đức làm việc. Theo Rösler, trong tương lai ngay cả những người có nghề chuyên môn không tốt nghiệp Đại Học - trên căn bản - vẫn có thể được cấp giấy cư trú ngay lập tức, không cần phải rườm rà thủ tục hành chánh theo tin do báo Focus loan đi dựa vào nguồn tin từ Bộ kinh tế.

Nếu trong trường hợp sau hai tuần lễ chưa có một quyết định nào hết thì xem như đã được cấp giấy phép cư trú. Và để có thể cạnh tranh với thế giới trên phương diện "tìm người chuyên ngành" nước Đức sẽ thực hiện một phương thức cho điểm, trong đó tiêu chuẩn quan trọng được lưu ý là nhu cầu, sự chuyên môn và khả năng hội nhập (Integrationsfaehigkeit).

Theo Focus thì nước Đức cần gấp một đường lối chính trị di dân rõ ràng và cởi mở đối với những chuyên gia. Cho đến đầu năm 2012 các bộ liên hệ phải soạn thảo chiến lược di dân. Cũng nhắc lại, đầu tháng 11.2011 vừa qua, đảng FDP trong liên minh đang cầm quyền đã đả thông được với CDU+CSU mức lương ấn định dành cho những tay nghề chuyên môn để được cấp ngay giấy phép cư trú từ 66 ngàn Euro mỗi năm xuống chỉ còn 48 ngàn Euro/năm.

• **LNC** *(Munich, Tháng 10+11.2011)*

Sưu tầm và phiên dịch từ các báo der Spiegel, SZ, AZ, FAZ, Google Nachricten, Yahoo Nachrichte, die Welt,, Handelsblatt, Focus, N -TV,....

TIN SINH HOẠT CỘNG ĐỒNG

(tiếp theo trang 162)

*** Thánh Lễ cầu nguyện cho Cha Nguyễn Văn Lý do AI cùng tổ chức với Giáo Xứ Đức**

Giáo xứ Allerheiligen tại München-Nord/Đức đã cùng với Tổ Chúc Ân Xá Quốc Tế AI (Amnesty International) đã tổ chức hai thánh lễ cầu nguyện cho linh Mục Nguyễn Văn Lý cũng như lên tiếng kêu gọi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam phải trả tự do tức khắc cho Cha Lý. Thánh Lễ hôm chiều thứ bảy 19.11.2011 lúc 18 giờ 30 đã được nhiều tín hữu và đồng hương hưởng ứng tham dự nhờ sự kêu gọi của Ban Chấp Hành Cộng Đoàn Công Giáo München được chuyển đi per E-Mail ngày 16.11.2011 và sau đó qua điện thoại. Khoảng hơn 70% số người tham dự là người Việt. Sáng chủ nhật 20.11.2011 có thêm một thánh lễ nữa với cùng mục đích tại đây. Cả hai đều do Cha Xứ Oberbauer chủ lễ. Riêng Giáo Xứ Nữ Vương Hòa Bình, sáng chủ nhật ngày 20.11.2011 trong Thánh Lễ kính Các Thánh Tử Đạo, cha xứ Lê Thanh Liêm và cộng đoàn cũng đã hiệp thông cầu nguyện cho Cha Lý và những người đang bị bắt cầm tù tại Việt Nam. Đại diện AI, ông Veit (nói tiếng Đức và Cha Liêm đứng bên cạnh chuyển ngữ) sau thánh lễ tại Allerheiligen cũng đến tham dự. Ông đã nhấn mạnh lý do AI thực hiện chiến dịch gởi thư đến nhà cầm quyền cộng sản được AI phát động trên toàn nước Đức đòi hỏi nhà cầm quyền Việt Nam trả Tự Do cho Cha Lý, đồng thời kêu gọi đồng hương tiếp tay gởi lá thư đã được AI soạn sẵn đến Bộ ngoại giao Việt Nam. Cuối cùng Cha Liêm thay mặt cộng đoàn cám ơn và chúc AI, ông Veit cùng các cộng sự viên AI gặt hái được kết quả tốt.

(Lê Ngọc Châu)

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc, báo tin buồn cùng thân bằng, quyến thuộc, thân hữu gần xa:

Ông KHÚC TONY (THẾ HIẾU)
Sinh ngày 06.04.1963 tại Sàigòn
Đã tạ thế ngày 07.10.2011
Hưởng dương 49 tuổi

Chúng tôi chân thành tri ân và cảm tạ:
- Ni Sư Thích Nữ Như Viên và Sư Cô Thích Nữ Hạnh Trang, Niệm Phật Đường Tam Bảo, Reutlingen.
- Anh Chị Xinh, Chi Hội Trưởng Chi Hội Phật Tử VNTN Karlsruhe.
- Cùng tất cả quý Bác, Cô, Chú, Anh Chị Em, bạn bè thân hữu đã đến dự lễ Cầu Siêu, tụng kinh, hộ niệm, chia buồn, phúng điếu cũng như tiễn đưa Linh cữu của Chồng, Cha, Anh chúng tôi về nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc tang gia bối rối có điều chi sơ sót, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái:
- Vợ: Khúc Chi Uyên và các con.
- Các em: Khúc Bích Hiền, Khúc Thế Hòa và Khúc Ngọc Lan.

https://tieulun.hopto.org

Tin hế giới

• Phan Ngọc

*** Libye - Lịch trình đi đến hòa bình**

Xác Khadafi bị kéo lê trên đường phố, kết thúc cuộc đời của một kẻ độc tài.

Sự nghiệp đẫm máu của Mouammar Khadafi chấm dứt ngày 20.10.2011 cách không xa nơi ông ra đời trước đây 69 năm tại sa mạc Syrte. Lúc lực lượng Hội đồng Quốc gia chuyển tiếp đánh bật các chiến quân cuối cùng trung thành với chế độ cũ ra khỏi cứ điểm thành phố Syrte, Khadafi bị thương trước khi ngã gục trong những điều kiện mờ ám. Cái chết của Khadafi là giây phút lịch sử cho Libye và cho phong trào nổi dậy chống bạo tàn khắp thế giới Ả Rập. Ngoài Libye, ngày chết của Khadafi là một ngày trọng đại. Tại Phi Châu, Bắc Phi và Cận Đông, Khadafi là vẻ mặt hoàn chỉnh nhất của nhà chuyên chế hung bạo, tham nhũng, sẵn sàng làm mọi việc để lung lạc các nước láng giềng và những ai chống lại ý đồ ngông cuồng của ông.

Chủ tịch Hội đồng chuyển tiếp Mahmoud Jibril long trọng tuyên bố đất nước hoàn toàn tự do. Libye mở sang một trang sử khác, trang sử tranh đấu chính trị cũng ác liệt như một chiến tranh. Trước đại Hội đồng Liên Hiệp Quốc, Mustapha Abdejalil và Mahmoud Jibril long trọng cam kết họ sẽ biến đổi Libye thành một nước dân chủ, hiện đại, cởi mở, tôn trọng bản Tuyên ngôn Nhân quyền.

Nhiệm vụ cấp bách đầu tiên là phục hồi an ninh trên toàn lãnh thổ. Nếu không, Libye sẽ mất lòng quý mến kính trọng của Tây phương và Liên đoàn Ả Rập. Hội đồng chuyển tiếp có bổn phận chấm dứt việc làm độc đoán của nhiều nhóm nổi dậy, bảo vệ kiều dân da đen, ngăn cản thanh trừng đẫm máu, có nghĩa là nêu cao tinh thần hòa giải. Phải đưa nhóm nổi dậy vào quân đội và cảnh sát. Sa thải khung lãnh đạo chế độ cũ là một sai lầm tai hại.

Nhiệm vụ thứ hai không kém quan trọng là thu hồi vũ khí để vũ khí không sa vào tay Al Quaida Bắc Phi Hồi Giáo, để ngăn chận các vụ cãi cọ giữa các bộ lạc hầu tránh khỏi cuộc tấm máu. Cùng lúc đặt để cơ quan hành chánh dân sự và công ty dầu hỏa quốc gia kiến hiệu và liêm chính. Sự chuyên chở dầu hỏa lần cuối cùng dẫn đến các vụ trả huê hồng hết sức mờ ám.

Sau cùng, Hội đồng chuyển tiếp hứa hẹn tổ chức trong 8 tháng sắp tới cuộc tổng tuyển cử, bầu ra một Quốc Hội có nhiệm vụ soạn thảo Hiến Pháp. Chủ nghĩa Hồi giáo sẽ thắng thế? Chủ tịch Hội đồng vừa tuyên bố: „Libye sẽ theo luật Hồi Giáo, như luật cốt yếu". Bằng chứng là Hội đồng phục hồi chế độ đa thê và bãi bỏ ly dị.

Phi cơ dội bom, săn giặc đã trở về căn cứ. Bây giờ đến lượt các nhà ngoại giao khéo léo, nhẫn nại và tích cực.

*** Khi thế giới Ả Rập thông sang Nhà nước pháp quyền**

Sau khi chế độ Khadafi sụp đổ và tương lai chính trị của Libye còn bấp bênh, có thể đưa ra vài nhận xét về các biến cố vừa xảy đến.

1/- Trước nhất đây là khúc quanh đáng kể nhất của cuộc cách mạng Ả Rập theo nghĩa xác định sự bại trận về mặt quân sự của một chế độ độc tài giữa các chế độ độc tài, một chế độ độc tài vui nhộn nhất, nhưng dã man nhất. Kể từ đây các ông bạo chúa con biết rằng họ phải tùy thuộc vào điều may rủi bấp bênh sau cuộc cách mạng toàn diện. Dĩ nhiên chế độ Bachar Assad chưa gặp nguy như chế độ Khadafi vì một lý do đơn giản là Tổng Thống Syrie có một tấm nệm ủng hộ tuy ngập ngừng, nhưng dù sao cũng lo ngại trước thái độ bảo thủ cực đoan có thể có của cánh nổi dậy hơn là trước điều quá đà của chính quyền hiện hữu.

2/- Tinh thần bài ngoại vắng mặt: Liên đoàn Ả Rập làm ngơ lúc Anh, Pháp vượt qua làm mức ủy nhiệm do Liên Hiệp Quốc vạch ra để cấm cố chế độ Libye. Thình lình thế giới Ả Rập không còn e dè trước sự can thiệp nhân đạo, bỏ qua một bên chủ quyền tối thượng.

3/- Sự mở thông của thế giới Ả Rập đến Nhà nước pháp quyền, mối đoàn kết xuyên quốc gia, quyền xen vào nội bộ trên bình diện ngoại giao đưa đến hậu quả trước mắt là sự cô lập về ngoại giao của Do Thái. Có lẽ đây là hậu quả địa dư chiến lược trực tiếp nhất của tự do chiến thắng tại Libye.

4/-Vấn đề cuối cùng, có lẽ then chốt hơn hết. Libye sẽ mau chóng trở thành dân chủ? Có thể ghi nhận sự không cân đối giữa một Tunisie đang vươn lên và một Ai Cập với tình hình chính trị tồi tệ. Với biên giới, địa lý và lịch sử của mình, Libye có thể nghiêng về phía bên này cũng như bên kia.

Gần Ai Cập, đặc biệt tại Cyrenaique, Do Thái hết sức lo ngại trước phong trào Hồi giáo bảo thủ và giáo phái Sernoussie từng sanh ra chế độ quân chủ 1947 và hiện nay đang tiến đến cực đoan tôn giáo kiểu Saudi Ả Rập. Rồi đây có lẽ Libye sẽ trở thành bãi chiến trường kín giữa dân chủ, cuồng tín tôn giáo và đầu óc bè phái, cả 3 yếu tố này đều có mặt trong cuộc chiến thắng.

*** Trục CAIRO – ANKARA**

https://tieulun.hopto.org

Một trục chiến lược mới có thể ra đời tại Trung Đông. Ai Cập và Thổ Nhĩ Kỳ, 2 trong 3 nước tại địa phương (Jordanie là nước thứ 3) từng nối quan hệ ngoại giao với Do Thái, xích lại gần sau khi triệu hồi Đại sứ của mình tại Tel Aviv. Điều này gây không ít lo ngại cho Mỹ và Do Thái, cả 2 đang lúng túng vì cơn chấn động mùa Xuân Ả Rập. Dù tỏ ra tiêu cực trước sự đập phá Tòa Đại Sứ Do Thái tại Cairo, các chủ nhân mới của Ai Cập chưa bãi bỏ Hiệp ước Hòa bình ký kết năm 1979 với Do Thái, bất chấp yêu sách xét lại của phe Hồi giáo. Nhưng các nhà lãnh đạo Thổ Nhĩ Kỳ, nhất là Bộ trưởng Ngoại giao xông xáo Ahmet Davutoglu mơ ước vai trò hàng đầu của Thổ trên một thế giới Hồi giáo Sunnite. Họ không che giấu vượt qua cuộc giao thương và trui rèn quan hệ có thể thay thế liên minh của Thổ với Syrie và Do Thái trước kia. Thổ trách chế độ Syrie tiếp tục đàn áp đối lập trong khi Tổng Thống Al-Assad cam kết thương lượng với đối lập, Thủ Tướng Erdogan tự xem như nhà bảo hộ dân Palestine trách Do Thái mở cuộc hành quân chống Gaza (2008) và giết chết 9 công dân Thổ trên tàu Mavi Marmapa, tàu này toan tính bẻ gãy cuộc phong tỏa ngoài khơi Gaza (2010).

Trục Cairo-Ankara ra đời lúc Erdogan viếng thăm Tunisie, Libye và Ai Cập. Ngoại trưởng Thổ gợi đến tương quan thân thiện giữa Thổ và thế giới Ả Rập có từ 4 thế kỷ dưới sự dẫn dắt của đế quốc Thổ. Ông cũng lưu ý Thổ và Ai Cập là 2 nước mạnh nhất về mặt quân sự tại địa phương. Do Thái, Iran, Saudi Ả Rập nghi kỵ liên minh 2 nước khổng lồ này. Và để trấn an Tây phương, Ankara chấp thuận cho NATO đặt trên lãnh thổ Thổ gần biên giới Iran một rada thuộc hệ thống chống hỏa tiễn Iran đang hướng về Âu Châu, Do Thái.

*** Cuộc leo thang của IRAN**

Áp lực chống Iran tăng lên sau khi Mỹ khám phá 2 công dân Iran âm mưu ám sát Đại sứ Saudi Ả Rập tại một nhà hàng tại Hoa Thịnh Đốn. Dù lầu 5 góc loại bỏ biện pháp trả đũa quân sự, Mỹ cũng như Saudi Ả Rập cảnh cáo Iran phải tính sổ về vụ này.

Trước mắt, Hoa Thịnh Đốn nỗ lực huy động công luận để tiếp tục cô lập Iran. Ngoài sự buộc tội 2 công dân Iran, trong ngắn hạn, Mỹ sẽ tăng cường áp lực ngoại giao và tài chánh chống chế độ Teheran che đậy hoạt động nguyên tử quân sự.

Iran từ lâu quan hệ chặt chẽ với khủng bố. Dự mưu ám sát nêu trên là một việc làm vụng về đối với 1 cơ quan tình báo thiện chiến. Nhưng nó chứng tỏ một cuộc leo thang trầm trọng trong một chiến dịch tai hại của một chế độ hiếu chiến vì suy yếu bên trong và gặp giới hạn bên ngoài.

Iran bắt đầu hung hăng từ 2009 khi giới lãnh đạo Tăng lữ đã đàn áp sắt máu khát vọng của dân, trước khi mùa Xuân Ả Rập đến. Từ đó đến nay, „lực lượng bảo vệ cách mạng" lợi dụng hỗn độn nội bộ, áp đặt các biện pháp hà khắc đối với dân.

Cuộc nổi dậy trên thế giới Ả Rập đã gây lợi thế cho Iran. Iran đốt lửa tại Bahrein, thổi lên cơn giận Chiite; buộc Saudi Ả Rập bước ra sân khấu, từ đây công khai xung đột với Cộng Hòa Hồi Giáo tại vùng Vịnh cũng như tại Syrie. Tại đây, đồng minh trung thành nhất của Iran đang bị đe dọa. Do đó chiến tranh tiềm tàng kịch phát tại các chiến trường khác như Irak, A Phú Hãn, Liban, Palestine.

Các âm mưu trên bị Mỹ lột trần như báo trước một giai đoạn căng thẳng mới, nhất là sau khi Cơ quan năng lượng hạt nhân quốc tế đưa ra bằng chứng Iran sắp sửa có bom nguyên tử. Tổng Thống Obama từng chịu lời chỉ trích nặng nề vì vô ích bắt tay với Iran năm 2009, không thể tỏ ra yếu hèn trước Teheran nếu muốn tái đắc cử năm 2012. Trong một Trung Đông dưới luồng bất ổn, một Iran trong tay các thành phần cực đoan triệt để có thể leo thang.

*** Obama sa vào cái bẫy căng thẳng Do Thái – Iran**

Và cuộc dội bom Iran sẽ bắt đầu vào ngày N... Như không có khá nhiều chuyện đau đầu để giải quyết, thì vấn đề hạt nhân Iran trở lại ám ảnh Tổng Thống Mỹ. Sau khi toan tính chận đứng chế độ Tăng lữ thực hiện cuộc chạy đua đến hạt nhân quân sự, bằng biện pháp trừng phạt, Obama phải công nhận ông bất lực. Theo báo áo của Cơ quan năng lượng hạt nhân quốc tế, Tổng thống Mỹ không thành công đưa Iran đến bàn thương lượng cũng như trừng phạt, siết chặt nền kinh tế Iran không đạt kết quả. Do đó, các nhà lãnh đạo Do Thái báo cho biết tự cho mình tự do đánh phá cơ sở hạt nhân Iran trước khi quá muộn, đặt Obama kẹt giữa 2 chọn lựa cực kỳ khó chịu: 1 hành động quân sự đầy nguy hiểm và tiềm tàng thảm hại hoặc phải sống với quả bom Iran, quả bom có thể vẽ lại cân bằng quyền lực tại Trung Đông một cách nguy kịch. Cho dù cuộc hành quân chống Iran có thể mang về 3 lợi ích: Trấn an Saudi Ả Rập, bắn một tín hiệu đến Tổng thống Syrie, đồng minh cuối cùng của Iran tại vùng, đẩy lui vấn đề Palestine trong thời hạn vài tháng hoặc vài năm.

Chính thức tại Hoa Thịnh Đốn, tất cả chọn lựa đều nằm trên bàn. Mỹ e sợ một Iran hạt nhân hóa có khả năng bắt Do Thái và Trung Đông làm con tin. Nhưng các chuyên viên ghi nhận việc cuối cùng mà chính quyền Obama cần hiện nay là Do Thái đến đánh phá cơ sở hạt nhân Iran. Iran có thể phong tỏa eo biển Ormuz, như thể tăng 10 lần giá dầu hỏa và tác động mạnh đến nền kinh tế Mỹ. Teheran cũng có thể sử dụng „cánh tay dài" của mình làm cho Irak bất ổn trong khi GI rời khỏi Irak hoặc tung ra phong trào khủng bố qua trung gian tổ chức Hamas. Một cuộc đánh phá sẽ bào chữa cho Iran tại Trung Đông và „không giải quyết được điều gì" bởi „như cắt cỏ và cỏ sẽ mọc lại. Trong ngắn hạn, cuộc tấn công làm cho cánh đối lập yếu thế, bắt buộc cánh đối lập phải ủng hộ chế độ trước ngoại xâm, theo một lãnh tụ Iran lưu vong tại Hoa Thịnh Đốn. Ông nhận định một sơ đồ như thế sẽ gây tai hại bởi „trừng phạt mang lại kết quả khả quan, chế độ suy yếu vì nền kinh tế suy thoái, vì tranh đấu nội bộ, vì 92% dân Iran không muốn chế độ này nữa". Đó là lý do tại sao „Mỹ làm mọi cách để đưa ra trừng phạt mới tại Liên Hiệp Quốc, cùng với Anh Pháp". Điều này có thể chạy tốt vì „bầu không khí chiến tranh và tiếng đồn đánh phá đe dọa; mọi người đều thủ lợi nếu tăng thêm áp lực đối với Iran".

Điều gì sẽ xảy đến nếu trừng phạt lần này thất bại? Mỹ có thể thuyết phục đồng minh Do Thái chờ thêm nữa? Các chuyên viên nhận xét Tổng Thống Obama có thể „cản trở Do Thái ngày hôm nay", bằng cách đưa ra kế hoạch trừng phạt mới chống ngân hàng trung ương hoặc liên hiệp công nghiệp dầu hỏa. „Nhưng trong 8 tháng hoặc 1 năm, người ta không nghĩ một Tổng Thống

https://tieulun.hopto.org

Mỹ có thể nói KHÔNG với Thủ Tướng Do Thái lúc vị này đến giải thích đã đến lúc phải đánh. Có lẽ Obama chấp nhận, một lời chấp thuận lo âu, nhưng dù sao cũng là lời chấp thuận... Mỹ có thể dự định sống với quả bom Iran, Do Thái thì không".

Từ đây đến mùa Xuân 2012, Hoa Thịnh Đốn có thời giờ quyết định đánh hay không đánh. Và theo báo Guardian, Anh, Luân Đôn sẵn sàng trợ giúp trong trường hợp chiến tranh xảy ra.

*** Do Thái - Palestine quay lưng tại LHQ**

Palestine chưa trở thành một nước thứ 194 của Liên Hiệp Quốc trong những ngày tháng, thậm chí những năm sắp tới. Mahmoud Abbas không thành công thu về cho đất nước ông một ghế ngồi tại Manhattan, nhưng được hoan nghênh nhiệt liệt tại Đại hội đồng LHQ, dù ông không có tài hùng biện và không có sức lôi cuốn. Trong vòng 1 giờ, Chủ tịch Palestine thường hay do dự, mệt mỏi, trở nên nhà yêu nước nồng nhiệt, một nhà ngoại giao không nhân nhượng dám đương đầu với Tổng Thống Obama.

Bài diễn văn dành cho thế giới thường thờ ơ hoặc hay lảng quên. Do đó, Abbas nêu lên những sự kiện lịch sử, điều nhục nhã của dân Palestine dưới chế độ chiếm đóng và di dân Do Thái, nhưng cũng hướng về dân Palestine quay quần trước TV. Sau khi cảnh báo họ không có việc gì dễ dàng và dù quyết định của LHQ thế nào đi chăng nữa, sự công nhận của quốc tế mà họ hy vọng từ lâu là điều gì hết sức phù du.

Giây phút trọng thể này không dẫn đến việc nối lại cuộc thương lượng. Ngoài ra cái bắt tay, một cử chỉ ngoại giao và một đề nghị nhấp nhá mở ngay cuộc thương lượng tại LHQ, không có gì trong bài diễn văn của Thủ tướng Do Thái, Netanyahu cho thấy ánh sáng leo lét mà ông khẳng định rình rập trong bóng tối. Nhắc lại lời bông đùa của Golda Meir (cựu Thủ Tướng) khi bà biết Menachem Begin (cựu Thủ Tướng) trúng giải Nobel Hòa Bình, một nhà bình luận Do Thái nhận định Netanyahu xứng đáng đạt giải Oscar hơn là Nobel vì kỳ công của ông tại Nữu Ước. Thủ Tướng Do Thái theo gương của cha ông luôn chủ trương xây dựng một Đại Do Thái và xem mọi nhượng bộ lãnh thổ là một trọng tội đối với dân tộc Do Thái.

„Hòa bình là thành quả của một công việc nặng nhọc. Nó không đến từ lời nói hoặc một nghị quyết của LHQ", Obama cảnh báo trong bài diễn văn có tiêu dùng nội bộ, lời nói làm cho Do Thái hân hoan và Palestine thất vọng. Vấn đề là hòa bình không thoát ra từ 20 năm thương lượng song phương dưới sự bảo trợ của Mỹ hoặc dưới sự trợ giúp của bộ tứ (Mỹ, LHQ, Nga, Liên Âu) và Hiệp ước OSLO 1993, kế hoạch hòa bình của Ả Rập 2002, sáng kiến Genève 2003, những quyển ghi chép kết luận các cuộc nói chuyện, giấy tờ ngoại giao dính bụi trên các kệ sách của các nhà thương lượng.

Hiện nay, trong giờ phút này, Do Thái trải qua giai đoạn quyết định trong lịch sử của mình. Tất cả các khúc quanh lịch sử của Do Thái đều tương liên với các giây phút trọng đại của lịch sử thế giới: Khúc quanh trận chiến tranh 1947-1948 lúc Do Thái vừa mới chào đời, cân bằng thế giới bấp bênh năm 1967 mở sang giai đoạn hỗn độn những năm 1970, tiến trình hòa bình Do Thái Palestine bế tắc năm 2000 như báo trước biến cố 11.9.2001, và hiện nay, Palestine được quốc tế công nhận nằm trong tiến trình cách mạng Ả Rập khởi đầu từ 12.2010 và cơn khủng hoảng chưa từng có tại Tây Phương, Mỹ, Âu Châu. Do Thái tiến vào cơn thử thách này trong những điều kiện không tốt bằng năm 1947 với Ben Gourion và năm 1967 với tập đoàn lãnh đạo gồm nhiều nhân vật lỗi lạc.

Bây giờ, nhóm người lãnh đạo thiếu kinh nghiệm. Do Thái không còn có Mỹ như một hậu cứ vững chắc bởi Obama không tỏ ra thân thiện dù ông cố gắng che đậy, nhất là vì Mỹ quyết định giảm bớt sự có mặt tại vùng. Cuối cùng, Do Thái phải đối phó phong trào phản kháng mị dân làm hại đến đồng thuận chiến lược trước kia vững chắc.

Vì những lý do trên, có lẽ Do Thái nên xem quốc tế công nhận Palestine là lá bài chủ hơn là điều xúc phạm. Nhưng trong hiện tại, Do Thái không muốn một hiệp ước, cũng không muốn một Palestine quốc gia, không muốn hòa bình. Do Thái và Palestine có lẽ hẹn gặp nhau tại chiến trường trong chiến tranh sắp tới.

*** Sau Irak có lẽ Mỹ sẽ dàn quân tại vùng Vịnh**

Quân nhân Mỹ cuối cùng sẽ rời khỏi Irak cuối năm 2011, nhưng không vì thế mà Mỹ rảnh nợ với vùng này. Sau cuộc hành quân tốn kém kéo dài 8 năm. Vì không đi đến một hiệp ước với chính quyền Irak liên quan đến quyền miễn trừ bảo đảm cho quân Mỹ đóng tại căn cứ ở Irak sau 2011, Tổng Tổng Obama loan báo quyết định rút hết 40.000 quân còn tại chỗ dù nhiệm vụ tác chiến chấm dứt chính thức năm 2010. Sự triệt thoái của quân Mỹ một khi hoàn tất cũng không thể miễn cho Mỹ bỏ lỡ cam kết về quốc phòng đối với các nước địa phương, các nước này quay về phía Mỹ, Anh, Pháp sau chiến tranh vùng Vịnh. 20 năm sau cuộc hành quân „Bão Tố tại Sa Mạc" nhằm đánh đuổi S. Hussein khỏi Kuweit, chính cũng nước này mà Ngũ Giác Đài nghĩ đến để đưa quân Mỹ đến (theo Nữu Ước Thời Báo 29.10). Đây là vụ xếp đặt bề thế thứ 3 tại khu vực sau Qatar (với chi nhánh Centcom, Bộ chỉ huy quân sự Mỹ) và Bahrein, bến đỗ của Đệ Ngũ Hạm Đội Mỹ. Mỹ duy trì sự có mặt là vì chính quyền Irak yếu kém, các thiết chế ra đời từ 2003 có thể suy sụp, Iran là kẻ thù số 1 của các nền quân chủ Riyad, Manama, Abu Dhabi. Mặt khác, Pháp đã mở căn cứ hải quân tại Abu, nước mạnh nhất thuộc Liên bang Vương quốc thống nhất vùng Vịnh.

Mỹ tăng cường lực lượng cũng vì các nhóm khủng bố thuộc quĩ đạo Al-Quaida rút lui về Yemen và thoát khỏi tầm tay của chính quyền Saleh. Cướp biển dai dẳng tại Vịnh Eden do hỗn loạn Somalie nuôi dưỡng cũng là một yếu tố bất ổn.

Các chế độ quân chủ yếu kém về mặt quân sự trông cậy vào Tây Phương về an ninh làm cho sự có mặt của Mỹ cần thiết hơn. Trên lý thuyết, nước mạnh nhất tại bán đảo, Saudi Ả Rập gặp nhiều khó khăn để ngăn chận du kích chống chính quyền Yemen hoạt động tại biên giới phía Nam. Cũng tại nước này, phi cơ không người lái của Mỹ thường đánh những cú mãnh liệt vào nhóm Thánh chiến.

*** Mùa Xuân Miến Điện ?**

Một trong những nước đóng cửa kín nhất đang hé mở. Chế độ độc tài ác độc cai trị Miến Điện từ 1962 hình như khởi sự chuyển tiếp.

https://tieulun.hopto.org

4 năm sau cuộc nổi dậy của các nhà tu hành chìm đắm trong biển máu, hy vọng rất to lớn.

Chế độ loan báo phóng thích 206/2000 tù nhân chính trị. Liên đoàn quốc gia cho dân chủ, tỏ ý rất lấy làm thất vọng vì nhiều nhà đối lập chính trị còn ở trong tù, trong số có họa sĩ hài hước Zarganar bị bắt năm 2008 và lãnh án 53 năm tù. Chế độ thành lập Ủy ban Nhân quyền và lần đầu tiên thú nhận sự có mặt của tù nhân lương tâm tại Miến Điện.

Tháng 11 vừa qua, nhân cuộc bầu cử hình thức bề ngoài, Tổng Thống cựu Tướng lãnh Thein Sein đứng đầu một ê-kíp dân sự, quân sự, gần ½ thế kỷ sau vụ đảo chánh đưa nhóm Tướng lãnh thô bạo, ngốc nghếch và tham nhũng tiến đến quyền hành. Chế độ có lẽ phải bảo đảm bước chuyển tiếp khó khăn tiến đến một chế độ dân sự và dân chủ.

(TT Hoa Kỳ Obama và TT Miến Điện Thein Sein, ngày 19. 11.2011 Hội nghị Thượng Đỉnh tại Bali)

Tổng Thống là người chủ xướng cuộc ân xá dẫn đến sự phóng thích 6.000 tù nhân, đa số thuộc công luật. Nhưng biện pháp này kèm theo một loạt sáng kiến khác có thể giải thích tại sao người ta hy vọng mùa Xuân Miến Điện sẽ đến tại Đông Nam Á.

Mọi việc xảy ra như vị nguyên thủ quốc gia quyết định hành động đúng theo lời nói sau khi đọc bài diễn văn với nội dung và giọng điệu diễn tả điều tương phản với lập luận hoang tưởng của các vị tiền nhiệm.

Người ta thán phục giải Nobel Hòa Bình Aung San Suu Kyi bị quản thúc 13 năm, đã chấp nhận cuộc đối thoại với chế độ. Bà đã đến thủ đô Naypyidaw gặp Thủ Tướng và sau đó đàm luận thường xuyên với thành viên chính phủ. Bà là biểu tượng dễ thấy nhất của cánh đối lập chia rẽ và suy yếu vì bị đàn áp. Nhiệm vụ của bà rất to lớn và khó khăn bởi còn nhiều việc cần phải làm để xác nhận lòng thành thật của chế độ trong công việc trả tự do cho tù nhân. Các nhà bảo vệ nhân quyền cho biết hơn 2.000 tù nhân chính trị ứ đọng trong nhà tù.

*** Bắc Hàn: Kim Chánh Nhật chơi lá bài cởi mở kinh tế**

Sau 70 năm biệt lập, Bắc Hàn vừa hé mở cửa. Kim Chánh Nhật xoay xở đặt đất nước ngay trung tâm giao dịch miền Đông Bắc Á Châu. Người ca ngợi ý thức hệ tự túc tự cường sử dụng lá bài quốc tế hóa để bảo đảm sự sống còn của chế độ với nền kinh tế suy sụp. Lãnh tụ Bắc Hàn mở cuộc tấn công quyến rũ Trung Quốc, Nga để tìm tiền bạc và hạ tầng cơ sở. Trong tay áo của Kim, 3 kế hoạch kinh tế xuyên biên giới có thể làm thay đổi ván bài địa phương. Với tiền đặt: bảo đảm sự nối ngôi của người con thứ ba Kim Jong-Un.

Ván bài tố thứ 1: Thực hiện kế hoạch xưa 20 năm, xây cất ống dẫn hơi đốt dài 1.700 Km nối liền miền Đông Nga với Nam Hàn, xuyên qua lãnh thổ Bắc Hàn. Công ty Garprom sẽ bán 10 tỷ thước khối hơi đốt/năm cho công ty năng lượng khổng lồ Nam Hàn Kogas. Nam Hàn là nước mua hơi đốt nhiều nhất trên thế giới. Tại Hán Thành, Tổng Thống Lee Myung – Bak. và qua khe hở, hy vọng chấm dứt nhiệm kỳ một cách tốt đẹp.

Ống dẫn hơi đốt này sẽ giảm 30% giá hơi đốt cho Nam Hàn và giúp Nam Hàn khỏi lệ thuộc vào Trung Đông. Một luồng dưỡng khí cho Nam Hàn hiện giờ phải nhập 97% nhu cầu năng lượng. Nó cũng mang lợi đến cho Mạc Tư Khoa xuất cảng hơi đốt đến Á Châu Thái Bình Dương. Nhưng Hán Thành có thể gặp nguy hiểm chiến lược: Nguồn tiếp tế của Nam Hàn phải tùy thuộc vào Bắc Hàn. Bình Nhưỡng có thể khóa vòi hơi đốt bất cứ lúc nào. Cho nên, Nam Hàn muốn Nga đứng ra bảo đảm.

Hiện giờ, Bình Nhưỡng không muốn giao chủ quyền cho công ty Garprom. Chế độ Bắc Hàn luôn chủ trương kinh tế xã hội chủ nghĩa và nghi kỵ mọi ảnh hưởng của ngoại quốc. Điều tấn thối lưỡng nan cho Kim bởi kế hoạch Garprom mang đến cho Bắc Hàn 100 triệu đô-la/năm trong lúc sự trừng phạt của quốc tế sẽ gây rối loạn cho sự buôn bán vũ khí và ma túy, nguồn tiền mặt của Bắc Hàn.

Mặt khác, nhu cầu tiền bạc thúc đẩy Bắc Hàn thành lập 2 vùng kinh tế đặc biệt Rajin – Son Bong (cực Đông Bắc giáp giới với Trung Quốc và Nga) và tại cửa sông Yalu, Hoàng Hải. Một lợi thế chiến lược cho Bắc Kinh tìm được một cửa sổ đến Thái Bình Dương, nhằm giúp các tỉnh lạc hậu miền Đông Bắc Trung Quốc mở thông ra ngoài. Để đáp ứng, Bắc Kinh xây đường sắt nối liền Rajin với Trung Quốc và Mạc Tư Khoa hiện đại hóa hệ thống đường sắt Bắc Hàn. Tuy nhiên, mục tiêu biến Rajin thành một vùng phồn thịnh còn xa bởi Kim chưa muốn cải cách nền kinh tế Bắc Hàn.

*** Nếu như động cơ Trung Quốc tắt máy**

Báo chí Trung Quốc gọi nó là „Thị trấn BMW". Chỉ trong vài tháng, Shiji, tỉnh Jiansu nhìn thấy đường phố đầy xe du lịch BMW. Một nhà thầu địa phương có sáng kiến vĩ đại mượn sổ tiết kiệm của dân làng và đề nghị trả lời cho họ lên đến 10%/tháng. Sau đó ông ta cho các nhà thầu bất động sản vay với lãi suất 30%/tháng. Các nhà thầu đầu tư vào các mảnh đất để xây dựng cao ốc, lấp đầy két bạc của chính quyền địa phương.

Sau đó, khối tháp sụp đổ để lại trên đống rơm 2.000 làng xã Shiji và cao ốc không người ở. Trò chơi hụi này nặng lãi xuất hiện khi dây xích đứt đoạn. Vụ rắc rối là đầu đề cho những cuộc lý sự liên quan đến cá nhân, cơ sở kinh doanh và toàn thể thành phố. Bởi bong bóng tài chánh (bất động sản, nghệ thuật, ngà voi, ngọc) phình to sắp vỡ tung.

Thật sự, mắc xích yếu nhất nằm ở cuối dây xích, ở „miền Nam Âu Châu kiểu Trung Quốc". Phương trình nối liền người tiết kiệm, bất động sản, đất đai do chính quyền địa phương sử dụng, nhà cho vay, có nghĩa là ngân hàng, quân bình hết sức khó khăn. Lý do là nợ của

https://tieulun.hopto.org

tập đoàn địa phương rất cao; từ 2 năm nay, địa phương cuồng nhiệt đầu thư theo chỉ thị của Bắc Kinh.

Theo nguồn tin chính thức, nợ của cơ quan tài chánh được Nhà nước bảo đảm lên đến 1250 tỷ Euro và có thể tăng gấp đôi, theo North Weston University Chicago. Theo tài liệu của ngân hàng Standard Chartered Thượng Hải bảng tổng kết các ngân hàng cho thấy có ít nhất 9.000 tỷ Yan nợ tiêu tan ngang bằng 22% tổng sản lượng nội địa Trung Quốc.

Tình hình thật nghiêm trọng: Năm 2011, số nợ đạt 2.600 tỷ Yan, tiền lời phải thanh toán lên đến 50-60 tỷ Yan/tháng, ít hơn tiền lời việc buôn bán đất đai, nguồn tài chánh chủ yếu của ngân sách địa phương; đa số thuế thu được chuyển về Bắc Kinh. Trung Quốc đang nắm trong tay một bong bóng có thể gây hậu quả tai hại nếu Trung Quốc để cho địa phương tự do vay nợ.

Chính quyền đang nghiên cứu nhiều giải pháp: Tái cân bằng cơ cấu thuế vụ, cho phép chính quyền địa phương tiếp cận thị trường tài chánh và gia nhập thị trường. Nhưng trước tiên phải rửa sạch số nợ có sẵn, và theo Standard Chartered, chính sách cứu trợ ngân hàng rất phức tạp, thường có khuynh hướng tưởng thưởng người vô trách nhiệm, tránh chỉ đích danh kẻ mang tội.

Một năm trước khi Trung Quốc thay đổi tập đoàn lãnh đạo, hiện trường như một bãi mìn. Bởi phải thanh toán một hóa đơn khó nuốt đối với người tiết kiệm.

*** Tham vọng của Nga tại Á Châu**

Kể từ khi Putin loan báo sẽ trở lại điện Cẩm Linh, Bắc Kinh là thủ đô đầu tiên mà Thủ tướng Nga, với tư cách Quốc Trưởng đến viếng thăm. Lý do: Kể từ năm 2010, Trung Quốc là nước hợp tác số 1 của Nga.

Giao thương không ngớt gia tăng: 59 tỷ đô-la năm 2010, 70 tỷ năm 2011. Hai nước xáp gần là điều tự nhiên. Nga là nước sản xuất năng lượng số 1, Trung Quốc là nước tiêu dùng số 1 và Công ty Garprom mà chi nhánh tại Âu Châu đang gặp nguy vì vi phạm thể thức cạnh tranh, hơn bao giờ hết muốn tìm thêm thị trường hơi đốt.

Thoạt nhìn, không có điều gì mới qua cuộc viếng thăm lần 16 của người hùng Nga. Tuy nhiên, tại Bắc Kinh, Putin không những cổ xúy một „trật tự tài chánh mới trên thế giới" mà còn đặt nền móng cho cuộc hợp tác chính trị mới với Trung Quốc.

Putin tuyên bố „Nga và Trung Quốc là 2 diễn viên, có nhiều ảnh hưởng trên diễn đàn quốc tế, biết điều hợp nỗ lực nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của 2 nước".

Thủ tướng Ôn Gia Bảo cùng phụ họa: „Tình bạn 2 nước phải được tăng cường để phục vụ ổn định hòa bình trên thế giới", lời bóng gió đến việc 2 nước gây bế tắt tại Hội đồng Bảo an LHQ về sự trừng phạt Syrie. Có thể trục Bắc Kinh - Mạc Tư Khoa ra đời ?

Nga cần cung cấp năng lượng cho Trung Quốc. Điện Cẩm Linh thừa biết sự đầu tư của Trung Quốc là cỗ máy duy nhất giúp Nga mở mang vùng Tây Bá Lợi Á và miền viễn đông Nga, tại đây, mức mở mang thấp hơn tại các tỉnh Trung Quốc sát biên giới. Nhân khẩu suy tàn, hạ tầng cơ sở cũ kỹ, thiếu đầu tư, Nga xem Trung Quốc như một lối thoát, đồng thời là mối đe dọa. Phía Nga, 7,5 triệu dân cho một lãnh thổ từ Vladivostok trên Thái Bình Dương đến tận Mông Cổ. Phía Trung Quốc, 148 triệu dân. Những năm gần đây, 2 nước hợp tác qua tổ chức hợp tác Thượng Hải.

Sắp sửa giữ nhiệm kỳ 3 tại điện Cẩm Linh, Putin mong muốn kiến tạo một liên minh mạnh như 1 cực quyền lực kiến hiệu trước Âu Châu và vùng Á Châu Thái Bình Dương. Một Liên minh Âu Á, một Liên bang hậu Liên Xô có thể cạnh tranh với Mỹ, Liên Âu, một thị trường khổng lồ gồm 165 triệu người tiêu dùng.

Nga mang ý đồ lãnh đạo Liên minh này, một loại Liên Xô thời hiện đại. Dưới mắt Putin, phục hồi Đại Nga là nhiệm vụ bậc nhất. Từ 20 năm nay, Nga nhìn về Âu Châu và bỏ rơi Á Châu. Bây giờ, Nga muốn phóng mình đến Á Châu. Nga và Trung Quốc chắc chắn sẽ cần lẫn nhau bởi sự mở mang các vùng Viễn Đông, Nga và Trung Quốc rất khác thường.

*** Putin đến năm 2024**

Đây là sự trở lại của một người chưa bao giờ ra đi. Putin hiện nay là Thủ Tướng (sau 2 nhiệm kỳ Tổng Thống 2000-2008) sẽ trở về điện Cẩm Linh. Do Tổng Thống Medvedew „chỉ định" là ứng cử viên của đảng cầm quyền, Nga thống nhất, người hùng Nga khiêm nhường chấp nhận „nghĩa vụ tối cao" dưới một tràng pháo tay kiểu Liên Xô.

Putin đang được lòng dân sẽ đắc cử vào tháng 3/2012 cho một nhiệm kỳ 6 năm mà không cần tổ chức bầu cử gian lận. Sau cuộc „cách mạng hiến pháp" cho phép kéo dài nhiệm kỳ Tổng Thống thêm 2 năm, Putin 58 tuổi có thể tái ứng cử năm 2018 và tiếp tục nắm quyền đến 2024. Nhiệm kỳ Putin ngắn hơn nhiệm kỳ Staline (30 năm), nhưng dài hơn nhiệm kỳ Brejnev (18 năm).

Theo giới kinh doanh, Putin là hiện thân của ổn định. Putin là người lực sĩ của Nga, nếu ông không gật đầu thì không có kế hoạch năng lượng nào được ký kết. Nhưng giữa ổn định và đình trệ, Putin phải chọn lựa.

Theo cơ quan cho điểm Standard and Poor, Putin trở lại điện Cẩm Linh là cái thắng hãm lại sự phát triển. Hiện nay, điểm của Nga là BBB (ổn định); nhưng cơ quan cho điểm cảnh báo về khả năng yếu kém cải thiện bầu không khí kinh doanh của Putin, cũng như khả năng khuyến khích cạnh tranh và hiện đại hóa hạ tầng cơ sở.

Hơn nữa, Bộ trưởng Tài chánh Alexei Koudrine được giới đầu tư kính nể, công khai chỉ trích chính sách mị dân của điện Cẩm Linh. Trong giai đoạn tiền bầu cử, Putin hứa hẹn sẽ tăng lương, hưu bổng và tăng ngân sách quốc phòng. Ngân sách Nga với 2 sườn quan trọng xã hội và quân sự giống như đúc ngân sách Liên Xô. Liên Xô tan vỡ vì chi phí quân sự làm cho tài chánh quốc gia mất cân bằng.

Nhưng Medvedew nhận định „Nga không phải là một Cộng Hòa Chuối Nam Mỹ, nhưng là một nước lớn, Hội viên thường trực Hội đồng Bảo an, có vũ khí nguyên tử". Cho nên „phải nhấn mạnh đến chi phí quân sự và an ninh, dù điều này có vẻ như một gánh nặng cho ngân sách".

Trong hiện tại, phát triển tốt 4%, không có thâm thủng ngân sách. Nhưng tài chánh lỏng lẻo vì lệ thuộc vào giá cả nguyên liệu, đặc biệt là dầu hỏa. Trong tương lai, Nga sẽ gặp khó khăn, hạ tầng cơ sở tồi tệ, 30% quốc lộ tráng nhựa, lò điện cũ kỹ, phi cơ quá già, hệ thống hưu bổng thâm thủng 31 tỷ đô-la, dân số giảm, từ đây đến 2025, dân trong tuổi lao động giảm 10 triệu.

Để đối phí khó khăn, Nga cần đầu tư ngoại quốc trực tiếp, hiện nay đạt 20% tổng sản lượng nội địa, so với

https://tieulun.hopto.org

50% tại Trung Quốc. Và giới đầu tư ngoại quốc rất e ngại khi Putin trở lại nắm quyền.

*** Hy Lạp: Sau khủng hoảng chính trị, khủng hoảng địa dư chính trị**

(Hàng chục ngàn người biểu tình tại Athen chống chính sách thắt lưng buộc bụng)

Chính phủ Hy Lạp chấm dứt nhiệm kỳ như đã khởi đầu 2 năm trước. Đứng trước tương phản giữa chính sách khắc khổ không thể tránh né và lời hứa hẹn tiền bầu cử, Thủ Tướng Georges Papandreou kết tội vị tiền nhiệm che đậy tình hình kinh tế suy sụp và điều xác nhận đã gây nên cơn khủng hoảng tại vùng Euro. Bây giờ, dân Hy Lạp đặt vấn đề xét lại tài quản lý của ông. Ông thông báo tổ chức cuộc trưng cầu dân ý về kế hoạch cứu trợ đất nước, do đó gây nên sự mất trật tự ổn định tài chánh.

Đối với Hy Lạp, sự kiện này đánh dấu nhiều chu kỳ đã chấm dứt: Chu kỳ I mở đầu năm 2009 với sự thắng cử của G. Papandreou và chu kỳ khởi đầu năm 1991 với sự gia nhập Cộng đồng Kinh tế Âu Châu theo sau chiến thắng bầu cử của đảng Xã Hội Pasok. Từ 2 chu kỳ này, giờ đây chỉ còn sót lại tình hình kinh tế và xã hội không mấy chi tốt đẹp. Suy thoái, nợ, nhà nước bất lực, dân chúng chán nản, tất cả xảy đến như Hy Lạp không phải là hội viên NATO và Liên Âu. Đây là kết quả quản lý của gia đình Papandreou mà dân Hy Lạp xem như có trách nhiệm trước tình hình đất nước hiện nay ?

Những gì làm Hy Lạp và Âu Châu lo nghĩ là tương lai không sáng sủa. Một loạt khủng hoảng - kinh tế ngày hôm qua, chính trị ngày hôm nay và có lẽ địa lý chính trị ngày mai - nảy sinh vì một chính phủ thời cơ quản lý khủng hoảng kinh tế và một Âu Châu quá bận tâm đến việc nội bộ.

Từ vài tháng nay, người ta nhận thấy hố sâu phân chia Hy Lạp và Âu Châu. Báo chí Hy Lạp gợi nhắc đến một nước Đức Quốc Xã tái hiện thân qua Âu Châu. Tinh thần chống Âu Châu và thái độ chống Tây Phương phát triển nhanh chóng. Ý tưởng nhục nhã bởi những lời bình luận ác ý của báo chí và các lãnh tụ Âu Châu, tuyên truyền của chính phủ cho rằng Âu Châu cưỡng ép Hy Lạp phải thực thi chánh sách khắc khổ, tất cả là những phần tử nuôi dưỡng tinh thần không thân thiện với Tây phương.

Chỉ cần nhìn bối cảnh địa dư chính trị của Hy Lạp để thấu hiểu các mối nguy. Các nước vùng Tây Balkan chưa ổn định, Thổ Nhĩ Kỳ xa cách Tây phương, khủng hoảng kinh tế làm cho Mỹ mất phần nào ảnh hưởng. Cùng lúc, Nga, Trung Quốc nối lại các mạng lưới kinh tế chính trị mới.

Hy Lạp vẫn là bến đỗ chủ yếu của Tây phương tại vùng. Đây có lẽ là lý do tại sao Âu Châu khoan nhượng sự trệch đường của Hy Lạp đối chiếu với thể thức kinh tế chung. Sự rời khỏi Liên Âu, thậm chí vùng Euro, sẽ biến đổi Hy Lạp thành đấu trường va chạm quyền lợi của Anh, Đức, Pháp, Mỹ, Nga và Trung Quốc. Ngoại hậu quả cho sự ổn định địa phương còn có mối nhục của một Liên Âu tự ví như 1 kiểu mẫu hòa bình, nhưng thất bại „Liên Âu hóa" Hy Lạp, một hội viên từ 30 năm nay, và là „cái nôi của nền dân chủ".

Khủng hoảng kinh tế không được săn sóc tốt sẽ dẫn đến khủng hoảng chính trị. Rút tỉa mau chóng bài học là phương sách duy nhất để cho khủng hoảng chính trị không biến đổi thành khủng hoảng địa dư chính trị.

*** Đại hội liên hoan các cường quốc mới**

Cô đơn và nhục nhã, đây là những gì mà vùng Euro trải qua tại cuộc họp thượng đỉnh G20 tại Cannes, Pháp. Thủ tướng Hy Lạp G. Papandreou dự định xét lại thỏa ước Bruxelles 27.10 nhằm cứu vớt nước của ông, như thế Thủ tướng phá vỡ trật tự tốt đẹp của G20. Đại diện các nền kinh tế mạnh của thế giới theo dõi cuộc tranh luận tại Quốc hội Hy Lạp như vận mệnh của phát triển thế giới tùy thuộc vào một nước vùng Địa Trung Hải với dân số dưới 22 triệu. Cuộc họp G20 mà hội viên đại diện cho 90% của cải thế giới tạm ngưng hoạt động trước một trong những chương thống thiết của quyền tiểu thuyết Hy Lạp.

Sự việc siêu thực này cho thấy 2 điều quan trọng: Âu Châu chưa bao giờ yếu kém như lúc này, chưa bao giờ Âu Châu bắt buộc phải thủ vai trò con bệnh nặng như thế.

Từ 2 năm nay, vùng Euro không đủ khả năng giải quyết nợ của Hy Lạp. Âu Châu không biết tránh né hậu quả lây lang, hiện giờ lan rộng đến Ý Đại Lợi. Âu Châu bất lực ngăn cản không khí ngờ vực lan tỏa và đè nặng lên khung cảnh kinh tế. Tất cả điều này minh họa liên hiệp tiền tệ hoạt động rối loạn.

Việc quản lý cuộc khủng hoảng dai dẳng này thuộc quyền cặp Angela Merkel – Nicolas Sarkozy. Đôi Đức-Pháp là trung tâm của mọi việc. Nhưng không có một cơ quan quyết định nào của Liên Âu tồn tại. Không thể tránh khỏi điều này và ê-kíp MerKozy làm việc rất tốt. Nhưng một liên hiệp tiền tệ gồm 17 hội viên không thể hoạt động như thế.

Đây là những gì mà đại diện các cực sức mạnh kinh tế khác nói với Âu Châu tại Cannes, đôi lúc với thái độ „ban ơn". Đại thể, Âu Châu phải giữ gìn trật tự nhà mình. Nhưng lời chỉ trích mang cân lượng khác nhau tùy trường hợp lời chỉ trích đến từ Bắc hoặc Nam bán cầu. Đây là điều quan trọng thứ hai. Cuộc họp thượng đỉnh G20 đã thừa nhận hơn bao giờ hết lá bài địa dư kinh tế mới trên thế giới.

Barack Obama đại diện tại Cannes cho một nước không hơn gì Âu Châu. Ông đến với túi rỗng, ông cũng mang nợ và khó cứu trợ đồng minh Âu Châu của ông. Và tại Hoa Thịnh Đốn, ông cũng không đủ khả năng thuyết phục Quốc Hội thông qua kế hoạch tái tạo việc làm.

Ngôi sao tại Cannes là những nền kinh tế lớn nổi lên, trước nhất là Trung Quốc. Phong cảnh mới của thế giới: nợ nần ở Bác bán cầu, tài nguyên nằm ở Nam bán cầu.

https://tieulun.hopto.org

Chủ ngân hàng của G20 là Chủ tịch Hồ Cẩm Đào, người mà Âu Châu nài nỉ cứu trợ đồng Euro.

Trung Quốc có lẽ sẽ thỏa mãn Âu Châu vào tháng 2 qua trung gian Ủy tiền tệ quốc tế mà Trung Quốc là cổ đông hàng thứ ba; và Trung Quốc có thể lên hạng 2 sau Hoa Thịnh Đốn. Và sẽ bảo tồn vị thế của mình trên nền kinh tế thế giới.

*** Tranh chấp hơi đốt tại Địa Trung Hải**

Tàu nghiên cứu địa chấn của Thổ ra khơi như thông báo biển sẽ động. Năm 1987, tàu Piri Reis này đã gây nên căng thẳng quân sự tại biển Egee, giữa Athenes và Ankara liên quan đến vụ tranh chấp lãnh thổ.

Lần này, Thổ đưa tàu đến vùng biển Bắc Chypre (mà Thổ chiếm đóng từ 1974) để nghiên cứu dầu hơi đốt, với mục tiêu hăm dọa Nicosie vừa bắt đầu khoan dầu hơi đốt ngoài khơi. Dự trữ hơi đốt khổng lồ tại miền Đông Địa Trung Hải gợi lên nhiều thèm muốn cho Thổ rất nghèo nàn về năng lượng. Sau khi so gươm với Do Thái, Thổ tạo nên khủng hoảng với Chypre, xác nhận tham vọng bá quyền tại phía Đông xem như ao nhà thuở xưa thời thống trị của đế quốc Thổ.

Chuyến ra khơi của tàu Piri Reis là cuộc thao diễn cuối cùng kể từ khi vụ gây hấn mở mang Công ty Noble Energy, Mỹ được Nicosie giao nhiệm vụ nghiên cứu „Khối 12", nơi đặt để giàn khoan dầu hơi đốt Aphrodite. Chypre hy vọng thu về 283 tỷ thước khối hơi đốt. Dự trữ có lẽ to lớn hơn Công ty Mỹ vừa khám phá nhiều túi hơi đốt to lớn tại vùng lãnh hải Do Thái kề cận. Nhưng Ankara đặt vấn đề quyền hạn khai thác, viện lý do cuộc xung đột giữa Chypre-Thổ và Chypre-HyLạp chưa được giải quyết và Ankara quyết định biểu dương sức mạnh.

Thổ đưa lên bàn cân cuộc thương lượng thống nhất Chypre đang diễn tiến. Tham vọng năng lượng của Chypre nếu không chấm dứt, sẽ làm đổ vỡ cuộc đàm phán. Nhưng Thổ ở vào thế kẹt vì không nắm được cơ sở pháp lý vững chắc để chống lại công việc nghiên cứu của Chypre. Và nếu Thổ khư khư, Thổ sẽ gây khủng hoảng trầm trọng với Liên Âu mà Chypre là hội viên.

Cuộc đánh giặc miệng về Chypre vang lên như nốt nhạc lạc điệu trong bản hợp xướng ngoại giao của Thổ. Vừa mới gần đây, Thủ tướng Recep Erdogan khoa trương quảng cáo kiểu mẫu Thổ như một kiểu mẫu liên hiệp dân chủ và nhân quyền thành công. Bây giờ Thổ đóng khung Soft power của mình, thực thi sức mạnh. Chính sách hiếu chiến cho thấy ý đồ thống trị của Thổ.

Khủng hoảng với Chypre tiếp theo khủng hoảng với Do Thái sau khi Thủ tướng Benyamin Netanyahou từ chối xin lỗi Thổ về cái chết của 9 công dân Thổ trong vụ Do Thái tấn công tàu thiện nguyện đến Gaza. Ankara giơ cao lá bài quân sự để ngăn cản Do Thái đơn phương khai thác tài nguyên thiên nhiên. Giọng điệu hiếu chiến đã lấn át nền ngoại giao „không vấn đề" với các nước lân cận.

*** Cạnh tranh Mỹ Trung Quốc nằm trên thực đơn cuộc họp Á Châu**

Tầm quan trọng chiến lược của vùng Thái Bình Dương thúc đẩy B. Obama tự mình đến dự 2 cuộc họp thượng đỉnh Á Châu. Obama sinh tại Hawai và lớn lên tại Nam Dương. Sự gần gũi cá nhân và ưu tiên chiến lược của Mỹ bắt buộc Mỹ phải cạnh tranh với Trung Quốc tại địa phương.

Tại vùng Á Châu - Thái Bình Dương, có 2 khuôn khổ thảo luận kinh tế chính trị ngày càng quan trọng. Diễn đàn hợp tác kinh tế Á Châu – Thái Bình Dương tập hợp 21 nước ven biển ngày 12-13/11 tại Honolulu. Tổ chức này ra đời năm 1989 theo sáng kiến của Thủ tướng Úc thời ấy, Bob Hawke. 12 nước tham dự công việc sáng tạo diễn đàn và đại diện cho 54,1% thương mại thế giới, 40% dân số thế giới. APEC thiên về giảm bớt thuế quan, tạo thuận lợi cho giao thương và hợp tác y tế và từ năm 2001, chống khủng bố. Năm 1994, qua cuộc họp thượng đỉnh tại Bogor Nam Dương, các nước hội viên đưa ra một loạt mục tiêu để bãi bỏ thuế quan năm 2010. Hai năm sau tại Nhật, APEC đồng ý tiến tới sự hội nhập kinh tế và an ninh toàn bộ hơn, phóng ra khái niệm Yokohama, đặt nền tảng cho kế hoạch thành lập vùng tự do giao thương Á Châu – Thái Bình Dương.

Khuôn khổ thảo luận thứ 2: ASEAN ra đời năm 1967 tại Vọng Các giữa lúc chiến tranh lạnh, nhằm mục tiêu tạo thuận lợi cho sự phát triển, khuyến khích sự hợp tác và chống Cộng.

Họp tại Bali 14-19/11, ASEAN gồm 10 hội viên (5 hội viên lúc đầu), Đông Timor có thể gia nhập năm 2015. Sự gia nhập của Miến Điện năm 1997 đã gợi lên nhiều thắc mắc về giá trị dân chủ của tổ chức. Cuối cùng năm 2003, ASEAN thông qua tại Bali bản Tuyên Ngôn CONCORD II khẳng định tầm quan trọng của dân chủ cho hòa bình ổn định. ASEAN còn dự định tạo ra Cộng Đồng ASEAN từ đây đến 2015 và theo mục tiêu này, ASEAN đã ký kết hiệp ước tự do giao thương với Trung Quốc, Nhật, Nam Hàn. ASEAN giữ một ghế quan sát tại Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc.

ASEAN là một diễn viên không thể bỏ qua trong cuộc đối thoại địa phương. ASEAN đã ký kết hiệp ước tự do giao thương với Trung Quốc, Nhật, Nam Hàn (ASEAN+3) tại Chang Mai năm 2000 và ASEAN+3 ký hiệp ước với Úc, Ấn, Tây Tân Lan (ASEAN+6). Cuối cùng ASEAN là trung tâm tổ chức kinh tế Đông Nam Á gồm 18 nước, trong số có Nga, Mỹ, tổ chức này thảo luận về thương mại, môi trường và năng lượng.

Hai tổ chức APEC và ASEAN có tầm quan trọng ngày càng cao tại địa phương về mặt kinh tế cũng như chính trị và trong những năm gần đây là vũ đài cạnh tranh giữa Trung Quốc và Mỹ.

Năm 2009, Barack Obama đã xác định ý đồ Mỹ không thể đứng xa Á Châu „bởi những gì xảy ra tại đó đều có ảnh hưởng đến Mỹ". Ưu tiên của Mỹ từ Đại Tây Dương lượt đến Thái Bình Dương. Nhưng tại vùng này, ảnh hưởng của Mỹ chạm phải ảnh hưởng của Trung Quốc mà sự khai triển công cụ quân sự theo sau yêu sách lãnh thổ rõ ràng.

Tại Đông Hải, va chạm xảy ra giữa Việt Nam, Phi Luật Tân, Trung Quốc xung quanh Hoàng Sa Trường Sa. Các quần đảo này nắm giữ dự trữ cá to lớn và các giếng dầu hơi đốt khổng lồ. Mặt khác, vùng kinh tế đặc biệt Trung Quốc quá rộng gợi lên nhiều câu hỏi tại vùng quan trọng này, đường thủy và thương mại then chốt. Những câu hỏi này là vấn đề thời sự mỗi lần APEC và ASEAN hội họp.

Chính sách không thân thiện tích cực của Trung Quốc là mối lợi cho Mỹ. Mỹ lợi dụng thời cơ, tăng cường các liên minh sẵn có với các nước địa phương như Nhật, Nam Hàn, Phi Luật Tân. Mỹ cũng thân thiện đến gần Việt Nam, hai bên đã thao diễn hải quân chung.

https://tieulun.hopto.org

Vấn đề an ninh giành một chỗ đứng đáng kể tại cuộc họp thượng đỉnh ASEAN. Các nước tham dự nhắc lại quyết tâm bảo đảm tự do đi lại trên Đông Hải và tôn trọng thể thức quốc tế quy định chủ quyền. ASEAN nỗ lực thúc đẩy cuộc đối thoại ASEAN – Trung Quốc với sự ủng hộ của Mỹ.

Về kinh tế, ASEAN sẽ tiếp tục thảo luận về các vùng tự do mậu dịch với các nước thuộc ASEAN+3 (ưu tiên của Trung Quốc) và ASEAN+6 (ưu tiên của Nhật) Nhật hợp tác với Ấn cân bằng với Trung Quốc.

APEC tập trung xung quanh kế hoạch hội cùng chơi xuyên Thái Bình Dương (PTP). Theo Mỹ, kế hoạch này là một bước tiến tới vùng tự do mậu dịch Á Châu – Thái Bình Dương (FTAAP). Nếu vùng này được cụ thể hóa, thì đó là sự thành công của Hoa Thịnh Đốn và cũng là phương sách chống Bắc Kinh.

Nhưng một số hội viên APEC chưa đồng ý về FTAAP và một số khác gợi ý nên xuất phát từ khuôn khổ ASEAN.

*** Nhu cầu khẩn cấp của địa cầu trước hiểm họa môi sinh**

Quả đất hư hại vì con người và con người đòi hỏi quả đất cung cấp ngày càng nhiều tài nguyên để sống còn và thỏa mãn khát vọng tiêu dùng. Cho nên người ta nêu lên câu hỏi tiến bộ khoa học kỹ thuật có thể giúp địa cầu khỏi kiệt sức ?

- *Ăn uống*: Theo tổ chức lương nông LHQ, nhân khẩu tăng thêm bắt buộc nông nghiệp tăng sản xuất 50% từ đây đến 2030 và 70% đến 2050. Địa cầu có khả năng thỏa mãn mục tiêu trên và nuôi sống 9 tỷ người năm 2050. Nhưng với giá nào? Có 2 trường hợp:

1. Khuynh hướng hiện đại kéo dài đến 2050 và ưu tiên dành cho phát triển kinh tế và phúc lợi trước mắt của con người.

2. Ưu tiên cho tính lâu bền của hệ thống nông nghiệp và thực phẩm.

- *Nhà ở*: Một người/trên 2 sống nơi đô thị. Mỗi năm dân đô thị tăng hơn 60 triệu. Trước đây 2 thế kỷ, chỉ có 2 thành phố (Luân Đôn và Bắc Kinh) có hơn 1 triệu dân.

Năm 1950, 75 thành phố. Năm 2008, 431 thành phố và từ đây có 21 thành phố hơn 10 triệu dân, Đông Kinh có 36 triệu dân.

Diện mạo địa cầu thay đổi. Tại các nước đang mở mang, dân đô thị tăng 2 lần từ đây đến 2050. Trong khi đó, dân đô thị giảm tại các nước mở mang. Trong một thế kỷ dân New Delhi từ 238.000 lên đến 22 triệu.

Theo LHQ, thành phố khổng lồ tăng thêm bất bình đẳng xã hội. Gần 1 tỷ người sống trong nhà ổ chuột. Trung Quốc, Ấn Độ tập trung 40% nhà ổ chuột thế giới.

- *Cung cấp, tiếp tế*: Dân số phát triển đè nặng lên tài nguyên thiên nhiên, đi tìm tài nguyên là nguồn xung đột, tàn phá. Mỗi ngày, đời sống mang theo hậu quả: phá rừng, khai thác tài nguyên dưới biển quá độ, tích tụ CO_2 trong khí quyển, thiếu nước dùng; 13 triệu mẫu rừng biến mất/năm = 1 sân vận động/2 giây, nhà cũ. 2,6 triệu người không có vòi nước máy, 2,6 triệu không có nước dùng tinh khiết. Mở mang đô thị xén bớt diện tích đất trồng trọt, đất trồng trọt phục vụ sản xuất xăng Bio.

- *Chữa bệnh*: Chữa bệnh, tăng cường hệ thống y tế và khai triển phòng ngừa cho 7 tỷ người là một thách đố quan trọng. AIDS, lao, sốt rét gây 5 triệu người chết/năm, các bệnh không truyền nhiễm giết 36 triệu người năm 2008.

Tiến bộ về tuổi thọ: 52,5 tuổi năm 1950; 69,2 tuổi năm 2009. Không thể cân bằng tỷ lệ tử vong trẻ con, các bệnh truyền nhiễm và không truyền nhiễm tại các nước đang mở mang. Dịch béo phì và tiểu đường là những yếu tố nguy hiểm nuôi dưỡng bệnh tim mạch và ung thư. Bệnh tim mạch là nguyên nhân tử vong số 1: 17,3 triệu chết năm 2008, và theo Tổ chức Y tế Thế giới, 30% nguyên nhân tử vong. Bệnh ung thư gây 7,6 triệu chết/năm (13% tử vong), 11 triệu năm 2050.

- *Học hành*: Đây là quả bom nổ chậm. Địa cầu có 1,85 tỷ trẻ con dưới 15 tuổi (26% dân số). Năm 2050, đa số nhân loại sống tại các vùng với tỷ lệ trẻ con không đến trường rất cao. Hiện nay: 30 triệu trẻ con không đến trường sống tại Phi Châu dưới sa mạc, 16,3 triệu tại Đông Nam Á. Năm 2008, tỷ lệ trẻ con đi học tại Phi Châu đạt 73%, tại Bắc Mỹ 95%. Chiến tranh cũng là nguyên nhân thất học: 2/3 trẻ con không đến trường sống tại các nước có xung đột. Theo UNESCO, 10% ngân sách quân sự của các nước đang mở mang (Pakistan, Angola, Tchad, A Phú Hãn v.v..) giúp 9,5 triệu trẻ con đến trường.

*** Báo động về kháng sinh**

Tại cuộc họp về nhiễm trùng học thường niên ở Chicago, Jean-Paul Stahl, Trưởng khoa nhiễm trùng học Đại học Grenoble, Pháp, lên tiếng báo động: „Tình hình trở nên nguy kịch. Trong những năm sắp tới, chúng ta khó cứu mạng sống vì lý do duy nhất là chúng ta tự mình làm cho kháng sinh mất công hiệu". Một thế giới không kháng sinh có nghĩa là các bệnh viêm phổi, viêm màng não và những bệnh truyền nhiễm khác sẽ gây chết chóc như thời thượng cổ. Làm thế nào mà 83 năm sau khi Penicilline ra đời (cha đẻ là người Tô Cách Lan Alexander Fleming), người ta đứng trước điều nêu trên ? Hiện tượng đáng lo ngại này có nguyên nhân bác sĩ lạm dụng sử dụng kháng sinh, bệnh nhân và giới chăn nuôi luôn muốn mau chóng thắng vi trùng, tên gọi các sinh vật khác nhau, vi khuẩn hoặc siêu vi khuẩn.

Nhưng kháng sinh không có công hiệu trước siêu vi khuẩn, nguyên nhân 50% nhiễm trùng mà bác sĩ đối phó bằng kháng sinh trong một thời gian dài. Vi khuẩn không phải là một sinh vật ngu dốt, trơ trơ. Ruột con người chứa đầy vi khuẩn nằm yên, không gây hấn. Nếu bị tấn công, nó sẽ biến đổi để kháng cự kẻ địch. Cơ chế bảo vệ này được truyền từ thế hệ này sang thế hệ kế tiếp và qua năm tháng sinh ra vi khuẩn mới mà đa số kháng sinh sẵn có tỏ ra vô hiệu.

Ruột cũng như bệnh viện là kho chứa vi khuẩn, vì lý do là vi khuẩn theo bệnh nhân tập trung nhiều nơi đây. Với hậu quả là sự nhiễm trùng tại bệnh viện gây nhiều chết chóc hơn tai nạn giao thông.

Giới chăn nuôi cũng có phần trách nhiệm. 1.000 tấn kháng sinh được sử dụng năm 2010. Kháng sinh giúp bò, bê, thỏ, heo lớn mau giả tạo, biến thành liều thuốc cho con người. 1.000 tấn kháng sinh trở thành 140 triệu liều thuốc điều trị/năm. Làm thế nào để tránh khỏi tình trạng này ?

Bác sĩ sẵn có vũ khí trong tay, nhưng không được sử dụng. Dùng kháng sinh không phải là một cử chỉ tự động. Nhà chức trách quảng bá thông điệp cảnh báo trên hệ thống thông tin đại chúng; các thực phẩm „ô

https://tieulun.hopto.org

nhiễm" vì kháng sinh phải mang nhãn hiệu chỉ rõ để người tiêu dùng chọn lựa đứng xa. Thao tác này lúc đầu có ích lợi, nhưng về sau đụng vào túi tiền vì đây là kiểu chăn nuôi kỹ nghệ, sản phẩm giá rẻ.

Vi trùng kháng thuốc là một thách đố lớn lao cho bệnh viện. Mặt khác, 2 công trình nghiên cứu công bố tại buổi họp Chicago gây lo ngại không ít. Cuộc lấy bệnh phẩm cho biết 5% vi khuẩn hiện diện trong thân thể người lớn, 7% nơi trẻ con. Trước kia vi khuẩn không có mặt. Không biết bao nhiêu kẻ địch khó quản lý.

*** Châu Mỹ, lục địa dầu hỏa mới**

Ba Tây khởi sự đóng tàu ngầm nguyên tử đầu tiên để bảo vệ những giếng dầu hỏa to lớn ngoài khơi vừa mới được khám phá. Tại Colombia, sản xuất dầu hỏa tăng theo nhịp độ có thể bắt kịp Libye trong vài năm sắp tới. Tại Cuba, trên một giàn khoan do Trung Quốc xây, chuyên viên chuẩn bị khoan dầu dưới đáy biển. Và tại Mỹ, nhờ vào đá phiến, Bắc Dakota sản xuất 400.000 thùng/ngày, phong trào tìm vàng đen đang thịnh hành.

Lần đầu tiên từ hàng chục năm, vùng đất hứa năng lượng thế giới có thể nằm tại Mỹ Châu. Theo chuyên viên dầu hỏa, sự việc đang chuyển biến đồng thời nhắc lại giai đoạn tiền Thế Chiến II khi Mỹ và các nước lân cận là những nước hàng đầu cung cấp dầu hỏa cho thế giới. Ở mức độ nào đó, một cân bằng mới lộ ra, lục địa Mỹ trở lại giai đoạn tự túc. Phồn vinh dầu hỏa thật đáng kể, Venezuela nắm dự trữ có thể lớn hơn dự trữ Saudi Ả Rập, theo bảng xếp hạng của OPEC. Nếu Venezuela nhờ cậy vào đầu tư ngoại quốc thì cán cân sẽ nghiêng về Châu Mỹ.

Thật sự, người ta chưa biết đích xác ảnh hưởng ngày càng lớn của Châu Mỹ có thể làm ván cờ địa lý thay đổi, xét dưới khía cạnh năng lượng. Trung Đông còn duy trì ảnh hưởng to lớn qua giá cả và việc khai thác dầu với giá rẻ; hơn nữa một vài nước Trung Đông có dự trữ đáng kể.

Nhưng kỳ công dầu hỏa của Mỹ cho thấy kỹ thuật có thể thắng địa chất. Kết cấu núi đá vùng Texas và Bắc Dakota có lẽ như không cho phép khai thác cho đến khi Mỹ tìm ra kỹ thuật phá vỡ bằng thủy lực: đưa dưới áp suất cực cao nước, chất hóa học và cát vào tảng đá để đẩy ra dầu hỏa. Kỹ thuật chấm dứt thời kỳ yếu thế của Mỹ. Trong tương lai, Mỹ có thể sản xuất hơn 2 triệu thùng/ngày từ đây đến 2020. Hiện nay, Mỹ tự thỏa mãn ½ nhu cầu và dựa vào dầu hỏa thoát từ núi đá, Mỹ ít phụ thuộc vào ngoại quốc hơn.

Sự khai thác các giếng dầu ngoài khơi Ba Tây 1,8 Km dưới đáy biển, dưới các lớp nước và muối hợp thành sau khi biển cũ bốc hơi, trở nên phức tạp hơn. Công ty Petrobas đã dành 200 tỷ đô-la cho mục tiêu này. Ba Tây sẽ thành một cường quốc dầu hỏa vào cuối thập niên, gần như to ngang bằng Iran về mặt sản xuất (5,5 triệu thùng/ngày). Nỗ lực chiến lược đóng tàu ngầm nguyên tử cho thấy ý đồ đặt sức mạnh trên tài nguyên năng lượng.

Canada trở thành nước xuất cảng dầu số 1 sang Mỹ, tiếp theo là Mễ Tây Cơ. Từ đây đến 2020, Canada sẽ sản xuất 3 triệu thùng/ngày. Hình dáng năng lượng Mỹ Châu sẽ làm cho ảnh hưởng của OPEC kém vững chắc. Từ đây, lục địa Mỹ cạnh tranh với các nước khác như Irak, Libye. Tại Trung Đông, việc sản xuất dầu hỏa tùy thuộc vào tình hình chính trị, thường khi hỗn độn •

Hộp Thư Viên Giác

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC nhận được những thư từ, tin tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và các Văn Thi Hữu khắp các nơi gửi đến.

- THƯ TÍN

* **Đức**: Phan Hưng Nhơn, Lương Nguyên Hiền, Nguyên Hạnh HTD, Tùy Anh, Hoa Lan, Trần Thị Hương Cau, Thi Thi Hồng Ngọc, Trần Đan Hà, Nhựt Trọng Trần Văn Minh, Phan Ngọc, Lê Ngọc Châu, Ngô Văn Phát, Tường Lam, Từ Hùng Trần Phong Lưu, Trần Thế Thi, Nguyễn Quý Đại, Bs Trương Ngọc Thanh & Ds Trương Thị Mỹ Hà, HT. Thích Như Điển.

* **Pháp:** Hoang Phong, An Tiêm Mai Lý Cang, Vũ Đức Trung, Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ, Tiểu Tử.

* **Thụy Sĩ:** Song Thư (TTH).

* **Ý Đại Lợi:** Huỳnh Ngọc Nga.

* **Na Uy:** Phạm Tín An Ninh, Song Chi.

* **Hoa Kỳ:** Đoàn Văn Thông, Nguyễn Tiến Văn, Nguyễn Thị Thanh Dương, Cư sĩ Liễu Pháp, Trương Phú Thứ, Hạnh Dương, Vũ Anh, Giao Chỉ-San Jose.

* **Canada:** Trần Gia Phụng, Thái Công Tụng, Nguyễn Thượng Chánh, Nguyễn Đông Nhật, Ý Nga, Thích Nữ Chân Liễu.

***Úc Đại Lợi:** Bùi Thế Trường, Ts Lâm Như Tạng, Áo Lục Nguyễn Long.

* **Anh** : Hoàng Quốc Hùng

- KINH SÁCH & BÁO CHÍ

* **Đức:** Buddhismus Aktuell Nr.4/11; Tibet und Buddhismus Nr.4/11; Dân Chúa Âu Châu số 348, 349 & 350 Đặc san Giáng Sinh. E+Z Nr.10, 11 & 12/2011; D+C Nr.10, 11 & 12/2011; Wissen und Wandel 11/12; Thông Tin số 57 & 58/2011; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 264 & 265; Kamalashila Institut 2011 Halbjahresprogramm; Buddha-Haus – Mittteilungsblatt 2011/2012 und Programm 2012; Nhịp Cầu số 190 tháng 11 & 12/2011.

* **Pháp:** Bản tin Khánh Anh tháng 10/2011; Tiếng Nói Người Việt Quốc Gia số 62.

***Thụy Sĩ:** Mục Vụ số 300 & 301.

* **Hoa Kỳ:** Bồ Đề Hải số 82.

* **Canada:** Sách „Để lại cho vui" của Lê Thị Bạch Nga.

* **Đài Loan:** Chan Fo Shan Magazine Nr.260 & 261.

https://tieulun.hopto.org

Phương danh cúng dường

(*Tính đến ngày 01.12.2011*)

Trong thời gian gần đây, Chùa Viên Giác có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bổ Chùa, Ấn Tống Kinh, Pháp Bảo hoặc trả tiền bánh trái v.v...

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày?... tháng?.... để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì Một Tháng ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Tu Viện Viên Đức cũng đã có số Konto (xin xem phía sau). Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cám ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCD của quý Đạo Hữu & Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ **ĐH** (Đạo Hữu) ở bên trên.

• TAM BẢO

ĐH. Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 10€. Bành Văn Phong („) 20€. Kim A. Trần & Hiếu Trần 10€. Đặng Ngân Hà 20€. Đoàn Văn Oder 50€. Quang & Fuxiang Phan 100€. Phan Teo 40€. Aladin Eixeres 25€. Tô Quang Vinh 10€. Đỗ Thị Thu Hương 10€. Phạm Quỳnh Nga & Nguyễn Trọng Long 20€. Trần Thị Kim Phượng 5€. Ẩn Thanh 20€. Aranya Chuanwiwat 10€. Aladin Eixeres 15€. Gđ. Trần Quang Cường 20€. Hùng & Linh Quách 20€. Đồng Độ & Đồng Nhã 10€. Diệu Tú Nguyễn Mai Phương 20€ HHHL Nguyễn Văn Kiến. Nguyễn Ngọc Anh & Nguyễn Thị Lan và Nguyễn Ngọc Tố Uyên 20€. Vũ Thị Bình 5€. Man Thị Hương 30€. Gđ. Hoàn Di 10€. Nguyễn Cúc Mai 10€. Ẩn danh 10€. Gđ. Sài Thị Hương Hoa & Đinh Văn Khánh 10€. Gđ. Tạ Thanh Hằng & Đinh Đức Hoàn 20€. Lương Hà Nữ 50€. Lương Huỳnh Tố Nữ 20€. Fam. Chan Swee Chinh, Chan, Oai, Chau 20€. Ẩn danh 100€. Fam. Le & Can 50€. Gđ. Nguyễn Thị Bích Liên 10€. Cam Phát 10€. Vũ Quốc Huy 100€, Mai Phương Linh (4 tuổi) 10€. HL Nguyễn Thị Thiệt 20€. Lê Minh Tuấn & Nguyễn Thị Thanh Hương 20€. Gđ. Hùng Vân & Các cháu 40€. Phạm Thị Phương 10€. Vũ Hồng Minh & Nguyễn Thị Hoàng Giang và Vũ Minh Quang 10€. Nguyễn Thị Quỳnh Chi, Hà Quỳnh Anh & Vũ Quốc Huy 20€. Vương Văn Mạnh 20€. Đỗ Thị Tuyết 5€. Cô Dượng Trần Thị Giỏi & Trần Trường Tôn 30€. Gđ. Toàn & Hiền 10€. Hans Gierschik 46€. Đặng Ngân Hà 20€. Nguyễn Linh 50€. Thiện Khánh 10€. Nguyễn Thị Thu Thủy 10€. Trần Thị Thúy 200€ HHHL Nguyễn Thị Xuân. Edwin 5€. Bé Thiện Diệu 15€. Gđ. Ẩn Viên Đồng Quang 10€. Nguyễn Trọng Long & Phạm Quỳnh Nga 10€. Nguyễn Quốc Ninh 10€. Ẩn danh 20€. Ẩn danh 20€. Ẩn danh 10€. Gđ. Thái Dũng 50€. Tâm Tuyên Hứa Thị Dục Tú & Trần Trung Hiếu 50€. (Belgique): Nguyễn Thị Nguyệt 20€. Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên 20€. Đỗ Thị Lan (Wien/Österreich) 50€. (Hannover): Gđ. Lương Xuân Quỳnh & Đồng Liên Hoàng Minh Đức 10€. Đồng Chiếu Nguyễn Thị Minh 80€ HHHL Trần Huyên Pd Nguyên Thiện. Đồng Hạnh Bùi Thị Thu Dung 50€ HHHL Nguyễn Diệu Linh Pd Diệu Quang & Nguyễn Công Sáng cùng tất cả chúng sanh đồng sanh Cực Lạc Quốc. Trần Hoàng Việt 21€. Gđ. Nguy Nhật Thử 10€ HHHL Đặng Phước Long. Trực & Hiền 10€. Thiện Nhật Trần Thị Nga 20€. Đinh Thị Lộc 10€. Nguyễn Kim Phượng 10€. Gđ. Lê Văn Sung 5€. Lâm Thị Huệ 20€. Vũ Thị Hồng Vân & Nguyễn Quang Hưng 20€. Diệu Ngọc Nguyễn Thị Thụ 20€. Ẩn danh 1000€. Minh Thảo Pd Thiện Luận 20€. Nguyen Langkabel 5€. Thiện Ý 10€. Trực & Hiền 10€. Gđ. Diệu Phẩm Ngụy Nhật Thử 30€ cầu an cho Thiện Cường Ngụy Sơn Hùng. Trần Thụy Kim Ngân 5€. Gđ. Trần Xuân Tứ & Nguyễn Thị Thu 35€. Tâm Thảo & Thiện Tuệ 100€. Đại Đức Thích Hạnh Giả (Chùa Viên Giác) 50€. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ngộ („) 50€. Trần Thị Thảo (Lahnstein) 5€. (Bremen): Đồng Liên Nguyễn Thị Huệ 20€. Fam. Minh Duyên 50€. Nguyễn Hữu Phú 5€. Đồng Liên Nguyễn Thị Kim Hoa 20€. Chi Hội & GĐPT Chánh Giác Bremen 200€. Nguyễn Văn Đô (Heidelberg) 50€. Lui Chong Seng (Frankfurt) 20€. Thiện Lực Nguyễn Thế Hùng & Nguyễn Thế Hưng (Bremen & Hamburg) 10€. Albert Reuters (Sehnde) 50€ HHHL Edith Reuters. Ô.Bà Chu Khải Rực & Đặng Thị Bình (Sàigòn/VN) 50€. (Thailand): Ketsaraporn Traisirichok 10€. Amporn Huber 20€. Nguyễn Thị Thu Hà & Hoàng Thu Oanh (Ronnenberg) 20€. Nguyễn Thị Loan (Garbsen) 10€. HL Nguyễn Thị Xuân (Opfingen) 10€. (Helmstedt): Tri Tai Van & Tran Van 20€. Lưu Thu Hương 50€ HHHL Tăng Thị, Khưu Tân Thí & Khưu Tân Hiếu. Gđ. Chung, Cam Hung (Ennep.) 100€. Hoàng Văn Chiến (Suhl) 500€. Nguyễn Bích Ngọc, Dương Đức Thinh & Dương Oúa Anna (Praha / CH. Séc) 400€. Fam. Trương Triệu Bắc (Albstadt) 30€ Rằm tháng Mười. Phan Hoàng Dinh (France) 50€. Nguyễn Thị Thế Phượng (Hof) 40€ HHHL Thân phụ Nguyễn Văn Thuận & Phu quân Huỳnh Văn Nam. Nguyễn Thị Tuyết Mai (Weinbach-Blessenbach) 30€. (Laatzen): Viên Tuyết & Phan Thị Hoa 100€. Hồ Robin Pd Thiện Nhựt 20€ HH tất cả chư HL vãng sanh Cực Lạc Quốc. Trương Mỹ Phương 20€ HHHL Diệu Huệ Huỳnh Thị Rạng. Gđ. Nguyễn Văn Phúc (Dortmund) 160€. Hà Thị Điểm (Garrel) 20€. Đoàn Thị Thu Hà (Langenhagen) 20€. (Hildesheim): Lân & Lý 10€. Đỗ Thị Lệ Minh 10€. Ngô Thị Ngọc Oanh 10€. (Cloppenburg): Trần Thúy Hương 10€. Diệp Liến Hảo 10€. (Düsseldorf): Nguyễn Minh Khoa 10€ Rằm tháng Mười. Julia Nguyễn 20€. Thái Thị Au (Künzelsau) 20€ HHHL Nguyễn Văn Phú. (München): Nguyễn Lai 30€. Huỳnh Thị Bích Thanh (Bạch Y Thần Chú) 50€. Thu Thảo Rohmann (Osnabrück) 50€. Đỗ Việt Hùng (Halten am See) 20€. Đào Thúy Lan (Rottenburg a.N.) 20€. Vũ Anh Dũng (Heiligenstadt) 10€. Đào Đức Minh (Hamburg) 15€. Nguyễn Trân (Bielefeld) 20€. Mai Đỗ Quyên Nguyên (Rastede) 5€. Gđ. Trần Thị Tuyết (Isernhagen) 10€. Pt. Trần Thị Nhuần (Esens) 40€. Thiện Hảo (Münster) 10€. Nguyễn Khánh Anh (Waiblingen) 25€. Hà Phước Mai (Isselberg) 20€. Trần Văn Hiếu & Trần Kim Anh (Buxtehude) 10€. Nguyễn Quốc Dân & Phan Thị Như Hoa (Zwingenberg) 20€. Phan Thị Cúc (Phan Lạc Giản) (Ile de la Réunio / France) 50€. Chi Hội Phật Tử VNTN Koblenz (Koblenz) 70€. Dr. Ngô Ngọc Hiếu (Berlin) 100€. Nguyễn Thị Sinh (Spanien) 20€. Hường An Hahn (Mainz) 20€. Nguyễn Thị Diễm Thúy (USA) 37,31€. Chi Hội Phật Tử VNTN Aurich 300€. Ludwig Thị Thanh (Wittlich Regenrohr) 30€. Trần Thị Duyên (Erftstadt-Liblar) 20€. (Torgau): Vi Thị Minh 10€. Đặng Hồng Việt 5€. Đỗ Anh Tuấn (Bispingen) 5€. Nguyễn Công Chung & Đỗ Thị Tuyết Lan (Dresden) 20€. Nguyễn Hồng Tư (Bad Salzungen) 20€. Trịnh Thị Mai (Seehausen/Altmarkt) 20€. Lâm Thị Yến Asia Snacks Lotus (Rhauderfehn) 80€. Phạm Thành Trung (Walsrode) 20€. Trịnh Văn Đỉnh (Wittenberge) 20€. Trần Thanh Lý (Braunschweig) 50€. Fam. Trần & Lê 30€. Hue Wollenberg (Moers) 30€. Nguyễn Đào (Wuppertal) 10€. Trương Thị Bích Nga (Waltershausen) 20€. Dr. Ngô Ngọc Hiếu (Berlin) 100€. Nguyễn Ngọc Bích 400€.

Cúng dường nhang và bánh cho chùa Viên Giác

Gđ. Trần Văn An (Flensburg) 11 vòng nhang lớn. Lê Thị Tâm & Nguyễn Thị Liễu (Aschaffenburg) 3 thùng bánh. Thân mẫu của Đh Diễm & Nhung (Reutlingen) 200 bánh ú.

• BÁO VIÊN GIÁC

Khương Bá Nhạ (Essen) 30€. Nguyễn Thị Kim Anh (Quakenbrück) 60€. Quan Huệ Phương (Göttingen) 20€. (München): Nguyễn Mau Đặng Khôi 30€. Đoàn Văn Hoan 20€. Nguyễn Lai 40€. Nguyễn Sanh Thanh 20€. Nguyễn Quốc Dũng 20€. Đinh Thị Thắng (Neuwied) 50€. Hoàng Hương Nhân (Viersen) 20€. Huỳnh Quốc Thanh Tùng (Bad König) 20€. Phạm Đình Kha (Herne) 20€. Lâm Minh (Landau) 20€. (Belgique): Nguyễn Thị Nguyệt 30€. Đào Hữu Đức 30€. Trương Tuyết Anh 30€. Huỳnh Văn Mạnh 30€. Lý Giang Châu (Griesheim) 20€. Nguyễn Đôn Đoan 20€. Võ Thị My 20€. Nguyễn Văn Lộc 30€. Một số PT Bad Iburg & VPC 120€. Hoàng Phương Quỳnh (Bonn) 30€. Nguyễn Văn Banh (Wörth) 30€. Dương Thanh Nhã (Canada) 60€. Mạc Sau Căn (Speyer) 50€. Khúc Chi Uyên (Rastatt) 50€. Lê Thọ Hạng & Tôn Nữ Thị Gái (Reutlingen) 20€. Nguyễn Việt Nga (Nürnberg) 35€. (Berlin): Nguyễn Ngọc Anh 60€. Mỹ Lệ Trần 20€. Đặng Thi 20€. Lâm Kim Ngân (Hildesheim) 50€. (France): Nguyễn Thị Xuân Lan 40€. Phan Hoàng Dinh 50€. Trương Ngươn Amédée 45€. Lý Thị Kim Huê 30€. Vương Chấn Quới 20€. Phạm Ngọc Diệp 30€. Ngọc Tuyết Seidler (Norden) 20€. Trần Văn Thời (Ingelfingen) 20€. Nguyễn Văn Dinh (Ronnenberg) 20€. (Italia): Nguyễn Tấn Huệ 30€. Nguyễn Thị Vân 30€. Trần Trinh Hiếu (Österreich) 30€. (Hannover): Bùi Quang Hiển 20€. Lý Quốc Lương 20€. Hà Phước & Tôn Nữ 20€. Lê Hoàng Dế (Asbach) 20€. (Schweiz): Đỗ Khắc Hùng 39,09€. Phạm Thị Thời 73,63€. Trần Thị Ngọc Thi 33,05€. Trần Văn Tùng (Münnchen) 20€. Bành Văn Phong (Wiesbaden) 30€. Huỳnh Văn Phùng (France/Strasbourg) 20€. (Holland): TSANG 30€. Nguyễn Văn Dũng 50€. Lâm Thị Kiều Nga (Karlsruhe) 25€. (Eisenberg): Trần Quốc Công 30€. Lê Bắc 30€. Nguyễn Thị Hồng Điệp (Maintal) 20€. Lê Văn Lộc (Dingolfing) 20€. Nguyễn Bá Thọ (Monheim am Rhein) 25€. Đặng Thị Hằng Teickner (Langenhagen) 20€. (Laatzen): Vũ Đình Hải 20€. Phan Công Độ 20€. Diệp Liên Hảo (Cloppenburg) 20€. Hồ Ngọc Yến (Krefeld) 40€. (Freiburg): Chấn Vương (Vương Oan Nga) 10€. Đinh Thị Kim Thu 30€. (Oberhausen): Trịnh Thị Hoài Thu 20€. Nguyễn Thế Hiển 20€. Hoàng Văn Thức (Ellwangen) 20€. Đoàn Lê (Winterbach) 20€. (Hamburg): Nguyễn Hoàng Liệt 20€. Nguyễn Thị Kim Thanh 20€. Trần Ngọc Thạch 20€. Nguyễn Trí Hiếu (Osnabrück) 100€. Trần Duy Thao (Dachau) 65€. (Heilbronn): Trần Quốc Hào 20€. Nguyễn Ngọc Lâm 50€. Lư Vĩnh Ngọc (Münster) 20€. Lưu Thanh Tâm (Besingheim) 20€. Nguyễn Thị Nhi (Gifhorn) 20€. Nguyễn Thu Lan (Goch) 25€. Nguyễn Khánh Anh (Waiblingen) 25€. Phạm Thị Thuận (Grenzach Wyhlen) 20€. Châu Bảo Chương (Bayreuth) 20€. Nguyễn Thị An & Nguyễn Hữu Kiêm (Sindelfingen) 20€. Nguyễn Quốc Dân & Phan Thị Như Hoa (Zwingenberg) 20€. Lê Duyên (Bergkamen) 20€. Nguyễn Văn Hải (Aschaffenburg) 60€. Trương Hồng Hiếu (Wahlstedt) 20€. Phan Kim Liên (Bremen) 20€. Lan Blüml (Straubing) 10€. Trần Thị Nguyệt (Magstadt) 20€. Nguyễn Thanh Danh (Schweinfurt) 20€. (USA): Margret Hoàng 37,31€. Nguyễn Thị Diễm Thúy 37,31€. Nguyễn Văn Học 70,42€. Ludwig Thị Thanh (Wittlich Regenrohr) 20€. Thanh Nguyên (Pforzheim) 20,5€. Đỗ Chiêu Cang (Herford) 20€. (Düsseldorf): Nguyễn Thiên Lộc 20€. Vương Tấn Phong 20€. Trương B. Kiêm 20€. Huỳnh Thị Bích Ngọc (Würzburg) 20€. Phạm Thúy Nga (Saarbrücken) 20€. Lê Thị Thảo (Kolbermoor) 20€. Hồ Ngọc Hiếu (Gomaringen) 20€. Nguyễn Hồng Tư (Bad Salzungen) 10€. Hue Wollenberg (Moers) 20€. Phan Công Tân (Braunschweig) 20€. Võ Thị Hoa (Hannover) 30€. Phạm Thị Bích Vân (Bremerhaven) 20€. Chim Thị Ghết (Finland) 30€. Đinh Anh Tuấn (Heppenheim) 25€. Nguyễn Kim Phụng (France) 30€. Nguyễn Ngọc Cẩm (München) 30€. Nguyễn Thanh Trúc (Schweiz) 16,66€. Huỳnh Thị Liên Hoa (Leverkusen) 5€. Thái Khai (Bordeaux/France) 100€. Ngoan Nguyễn (USA) 30€. Cao Đức Tài (Hamburg) 20€. Huỳnh Thoảng („) 20€. Huỳnh Khương Ninh („) 25€. Jeannie Khuê Nguyễn (Köln) 20€.

• ẤN TỐNG

Nguyễn Thị Toàn (Schorndorf) 33,10€. Lê Anh Nguyễn (France) 30€. Trần Thị Nở (Ulm) 50€. Phan Teo 20€. Võ Thị Ngọc Thanh (Essen-Steele) 30€. Hồ Đấu (Australia) 34,61€. Vũ Văn Hào („) 34,61€. Ngu Anh Vinh (Kaufbeuren) 50€. Trần Văn Tư (Künzelsau) 150€. Sư Cô Huệ Ngọc (Saarbrücken) 156€ Ấn tống Kinh sách.

- Chết An Lạc, Tái Sanh Hoan Hỷ

(USA): Thanh Hiền & Thiện Đạt 367,64€. Kim Bảo 29,41€. Thanh Việt 14,70€. Huấn La 14,70€. Bác Diệu Thuận & gia đình 36,76€. Phạm Đức Mậu 36,76€. Diệu Khai 36,76€. Trường Thọ 14,70€. Tịnh Châu 18,38€. Kim Anh 29,41€. Pháp Đạo 36,76€. Diệu Hoa 7,35€. Thiện Giác 14,70€. Diệu Thành 14,70€. Ẩn danh 36,76€. Cô Hòa 14,70€. Quảng Ý 36,76€. Phạm Thị Thu 44,11€. Thanh Hương & Bé Hồng

https://tieulun.hopto.org

29,41€. Quảng Ân 36,76€. Chơn Trang & gia đình 147,05€. Cô Nga 73,52€. Ẩn danh 3,67€. Ẩn danh 3,67€. Đinh Hạnh 3,67€. Nga Nguyễn 22,05€. Amy Trần 147,05€. Phổ Hạnh 73,52€. Tâm Viên 3,67€. Diệu Liên 7,35€. Phương Thảo 36,76€. Ngọc Hải 14,70€. Diệu Thanh 3,67€. Diệu Tín 18,38€. Diệu Phước 14,70€. Diệu Kiến 14,70€. Tâm Tố 7,35€. Hoa Tâm 7,35€. Tâm Giới 14,70€. Nhung 7,35€. Diệu Đức 14,70€. Diệu Xuân 7,35€. Nguyên Tú 11,02€. Huệ Thật 7,35€. Diệu Kim 22,05€. Phan Thị Dung 7,35€. Tuyết & Bảy 7,35€. Từ Hạnh 14,70€. Diệu Vân 36,76€. Tuyên 14,70€. Phạm Kim Oanh 14,70.€. Liêu Thị Thà (Braunschweig) 5€.

- Kinh Lương Hoàng Sám

Thiện Luận Nguyễn Thanh Hùng & Thiện Du Lâm Thị Vân (Remscheid) 50€.

• TƯỢNG PHẬT

- Di Đà

(Berlin): Gđ. PT. Ân Thanh 60€. Diệu Hằng (Chùa Linh Thứu) 50€. (Bremen): Đồng Liên Nguyễn Thị Kim Hoa 100€. Đồng Bạch Nguyễn Thị Liên (Salzgitter Bad)) 60€.

- Quan Âm

Lâm Kim Khánh (Mönchengladbach) 300€. Đồng Hạnh Bùi Thị Thu Dung (Hannover) 10€ HHHL Nguyễn Diệu Linh Pd Diệu Quang & Nguyễn Công Sảng cùng tất cả chúng sanh đồng sanh Cực Lạc Quốc. Võ Thị Lang (Heidenheim-Brenz) 30€. Đồng Liên Nguyễn Thị Hoa 20€. Hồ Đẩu (Australia) 34,61€. Vũ Văn Hào („) 34,61€.

- Thiên Thủ Thiên Nhãn

Võ Thị Lang (Heidenheim-Brenz) 30€.

- Địa Tạng

Thiện Phúc (Laatzen) 20€ HH pháp giới chúng sanh đồng sanh cực lạc quốc.

• Sửa Chùa

(Berlin): Ngô Phú Hải 280€. Sinco Deko 350€. Nguyễn Thị Út Annam Reisen 285€. Ludwigs-Willi 280€. Hoa Lê Finanztransfer GmbH 530€. Nguyễn Thúy Hồng (Göttingen) 300€. Nguyễn Thị Mỹ Phương (Weissbach) 115€. Hồ Thị Ngọc Mai (Hannover) 94€. Nguyễn Hạnh Trinh (Künzelsau Gaisbach) 250€. Ngu Anh Vinh (Kaufbeuren) 50€. Đặng Ngọc Anh (Schramberg) 120€.

• Đèn Dược Sư

Đồng Hạnh Bùi Thị Thu Dung (Hannover) 10€ HHHL Nguyễn Diệu Linh Pd Diệu Quang & Nguyễn Công Sảng cùng tất cả chúng sanh đồng sanh Cực Lạc Quốc.

• TỪ THIỆN

- Cô Nhi Viện, Cùi, Mù, Dưỡng Lão : Dr. Nguyễn Thị Ngọc Minh (France) 40€. Nguyễn Minh Diệu (Karlsruhe) 30€. Nguyễn Thị Tuyết Mai (Weinbach-Blessenbach) 20€. Nguyễn Thị Kim Anh 20€. Manuel Ruhnau (Leverkusen) 10€.

- *Giúp người nghèo*: Lê Thị Thảo (Kolbermoor) 30€ giúp đói Phi Châu.

- Giúp người nghèo Ấn Độ: (Hannover): Quảng Ngộ & Diệu Hiền 100€. Tâm Thảo & Thiện Tuệ 50€. Đại Đức Thích Hạnh Giả (Chùa Viên Giác) 50€. Sư Cô Thích Nữ Hạnh Ngộ („) 50€.

- Nồi Cháo Tình Thương : Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 20€. Margret Hoàng (USA) 37,31€. Manuel Ruhnau (Leverkusen) 10€.

- Mổ mắt tìm lại ánh sáng : Nguyễn Minh Diệu (Karlsruhe) 20€.

- Giúp nạn nhân Bão Lụt : Lê Thị Ngọc Hân (Buchholz) 20€.

• Hương Linh Ký Tự

(Hannover): Đồng Chiếu Nguyễn Thị Minh 75€ HL Trần Huyên Pd Nguyên Thiện. Đồng Vũ Nguyễn Hồng Điệp 150€ HL: Nguyễn Văn Bồi & Cao Thị Nhị tự Thanh. Chị Năm Hùng 75€ HL Đặng Phước Long. Lưu Thu Hương (Helmmstedt) 225€ HL: Tăng Thị, Khưu Tấn Thí và Khưu Tân Hiếu. Nguyễn Văn Bình (Garbsen) 150€ HL Nguyễn Văn Hòa và Nguyễn Thị Cho.

• Trung Tâm Nghiên Cứu & Tu Học Viên Giác Hannover

Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 20€. Trần Trung Độ (Hamburg) 440€. Gđ. Lương Xuân Quỳnh & Đồng Liên Hoàng Minh Đức (Hannover) 121,73€. Beautynails (Celle) Heo cđ 60,38€. Thái Giang (Mannheim) 200€. Ẩn danh (Heo cđ số 1732) 10,51€.

• HỌC BỔNG TĂNG NI

-Đức Quốc : Chung Giang (Künzelsau/Gaisbach) 100€. (Hỗ trợ Đồng Ninh).

-Việt Nam : Bành Tâm Sơn (Wiesbaden) 20€.

TU VIỆN VIÊN ĐỨC

• Tam Bảo

ĐH. Tâm Huệ Nguyễn Thị Duyên (Belgique) 20€. Gđ. Trần Văn Huyền & Trần Thị Lệ Hương và các con (Reutlingen) 50€. Pháp Khải Trương Văn Nho (Boston/USA) 100€. Lê Thị Ngọc Anh (Weingarten) 10€. Trần Đài Trang 30€. An Linh Kha Tiên 70€. Nguyễn Thiên Bình 20€. Anne Vincent 5€. Ẩn danh 10€. Gđ. Hùng & Mỹ, Vinh Hào 50€. Thiện Giới Mạch Thị Phương 20€ Phóng sanh, HH cụ ông Kha Tiên. Quý Phật Tử ở Stuttgart & VPC (bán hàng Chợ Phiderhausen) 450€. Fam. Trần Hồng (Diệu Hòa) 20€. T-Dung 50€. Tiền phát hành đĩa thuyết pháp... 150€. Quách Văn Khánh & Phương 30€. Gđ. Phiaphokdy 20€. Diệu Trang 20€. Quảng Phương Hứa Bích Lan 30€. (Ulm): Nguyễn Hữu Tài 20€. Vũ Thanh Hương 100€. Đồng Huệ Trần Thị Nở 50€. Fr. C.Mayer & Dieter Mayer (Tettnang) 50€. Hùng Thủy (Nonnenhorn) 50€. Lô Thị Phương (Blaustein) 10€. Bùi Quốc Tuấn (Oberreuter) 50€. Gđ. Đồng Hải, Đồng Vân & Đồng Đà (Ravensburg) 200 Cổng Tam Quan và Đại Hồng Chung. (Villingen-Schwenningen): Phan Thị Hoàng Ngọc 50€. Nguyễn Ngọc Quang 10€. Gđ. Đỗ Văn Vinh & Phùng Thị Hằng (Günzburg) 5€ & cúng dường 20 tấm nệm.

• Tượng Quan Âm

Gđ. Trần Văn Huyền & Trần Thị Lệ Hương và các con (Reutlingen) 100€ tượng Quan Âm lộ thiên. Gđ. Kha Hồng Ô Doan 50€. Lưu Phước Lai 50€. Phước Ngọc Trần Thị Phước 50€. Pháp Khải Trương Văn Nho (Boston/USA) 50€. Gđ. Bà Ngô Thị Tốt & các con (") (VN/Sàigòn/Q.10) 150€. Gđ. Ông Trần Cơ Hùng & các con (") (VN/Sàigòn/Q.8) 150€. Gđ. Đồng Hải, Đồng Vân & Đồng Đà (Ravensburg) 200€.

Danh sách quý Đạo Hữu & Phật tử cúng dường định kỳ hàng tháng cho chùa Viên Giác tính đến năm 2011 chuyển qua trương mục ngân hàng

Đỗ thị Hồng Hạnh	(Augsburg)	10€.
Nguyễn thị Nam Dương	(Ulm)	5€.
Lâm thị San	(Freiburg)	5,11€.
Trần văn Dần	(Konstanz)	5,11€.
Trần Thiên Thảo	(Paderborn)	5,11€.
Đặng Quốc Minh	(M´Gladbach)	5,11€.
Trần Trung Độ	(Hamburg)	5€ đến 20€.
Nguyễn thị Hồng Quyên	(München)	10€.
Nguyễn thị Ngọc Anh	(Münster)	10€.
Phùng văn Châm	(Regensburg)	10€.
Nguyễn thị Bích Lan		10€.
Nguyễn thị Tường Nhân	(Nürnberg)	10,23€.
Nguyễn Quốc Định	(Neuss)	10,23€.
Nguyễn thị Viễn Phương	(Kruft)	20€.
Lý Thanh Hương	(Pforzheim)	20€.
Sabine Phan Trương Trần Vũ	(Krefeld)	20€.
Phùng văn Thành	(Stuttgart)	5€.
Erren Patrick		5€.
Đặng Tú Bình	(Paderborn)	5€.
Nguyễn Danh Thắng	(Mannheim)	10,23€.
Phạm Công Hoàng	(Tostedt)	25,56€.
Đỗ văn Hoan	(Cuxhaven)	2€.
Đồng Lê Trần thị Kim Lê		5€.
Lê văn Đức		5,11€.
Nguyễn thị Liên Hương	(Berlin)	10€.
Hoàng thị Giòng	(Hannover)	10€.
Hà Ngọc Kim		10€.
Uông Minh Trung	(Hannover)	10€.
Nguyễn Ngọc Diệp	(Darmstadt)	10,23€.
Lê Chín & Lê Thị Tâm	(Erlangen)	10,23€.
Hồ Vinh Giang	(Rethen)	20€.
Phạm Đăng	(Kassel)	25,56€.
Nguyễn V Hiếu & Nguyễn thị Bích Hợp	(Köln)	5€.
Trương Chánh	(Friesoythe)	15,34€.
Nguyễn Phan Hoàng Tùng		20€.
Dieter Maier	(Neu-Ulm)	10€/2 tháng.
Nguyễn Tấn Tài	(Burgwedel)	5€.
Nguyễn Ngọc Đường	(Hamburg)	5,11€.
Thái Kim Sơn	(Südbrookmerland)	40€.
Nguyễn thị Nhung	(Regensburg)	5€.
Young thị Thanh	(Ansbach)	10€.
Nguyễn Hữu Mừng Chi	(Wuppertal)	10€.
Nguyễn văn Chín	(Spaichingen)	10,23€.
Ngô thị Thắng	(Frankfurt)	10,23€.
Lê Huế	(Ravensburg)	15€/2 tháng.
Lý Kiến Cường	(Saarbrücken)	15,34€.
Văn Lực	(Kleinrinderfeld)	15,34€.
Thái Quang Minh	(Erlangen)	51,13€.
Nguyễn Thanh Hải	(Berlin)	10€.
Lê thị Ngọc Hân	(Buchholz)	15€.
Lý Lăng Mai & Lý Kiến Hoàng	(Saarbrücken)	15€.
Văn Công Trâm	(Iserlohn)	25€.
Lê Thị Tuyết	(Stuttgart)	20€.
Nguyễn Ngọc Hà		5,11€.
Trần Bạch Hùng		5,11€.
Phạm văn Dung		6€.
Nguyễn văn Phương	(Delmenhorst)	10,23€.
Lê Minh Sang	(Bremen)	15€.
Hà văn Tư	(Wesel)	15€.

https://tieulun.hopto.org

Phạm thị Mai & Trương Minh	(Hildesheim)	16€.
Nguyễn Hòa	(Hamburg)	15€.
Trần văn Khánh		10,23€.
Lâm Thành	(Lingen/Ems)	50€/6 tháng.
Võ thị Mỹ	(Nürnberg)	5€.
Lâm Vinh Phong	(Schweinfurt)	5,11€.
Huế Wollenberg	(Moers)	10€.
Võ văn Hùng	(Tüttlingen)	10,23€.
Liêu Thái Hòa	(Weingarten)	10,23€.
Huỳnh thị Chăng	(Hamburg)	15€.
Thái Vân Anh	(Aurich)	20€.
Nguyễn Thanh Ty	(Recklinghausen)	25,56€.
Đỗ Ngọc Oanh	(Garbsen)	6€.
Tôn Thúy		10€.
Vương Khắc Vũ	(Borkum)	10€.
Hứa Thiện Cao		10€.
Nguyễn Thúy Hồng	(Göttingen)	20€.
Wiriya Trần văn Sang		20€.
Phan Hồng Nghiệp & Huỳnh Trâm		5€.
Trần Thúy	(Karlsbach)	50€.
Trần Tân Tiếng	(München)	10,23€.
Hugo Cardenas	(Hannover)	16€.
Vũ Quang Tú	(Seelze)	25€.
Thiện Hiếu Michael Lê	(M´Gladbach)	5€.
Nguyễn thị Ngọc Thảo	(Ebersbach)	15€.
Trần Thanh Pháp	(Hannover)	20€.
Trịnh Trương Minh Hà	(Mannheim)	20,45€.

Ngày..... tháng ..... năm 2012 .....

Phiếu ủng hộ báo Viên Giác

Số hiệu độc giả (SH) (1) .....

Họ và tên : .....

Địa chỉ : .....

.....

.....

Điện thoại : .....

Số tiền : .....

Giấy chứng nhận khai thuế : Có ☐ Không ☐

Độc giả mới ☐ Độc giả cũ ☐

Nếu thay đổi địa chỉ nhận báo, xin ghi rõ địa chỉ cũ dưới đây :

.....

.....

.....

Chú ý : Khi chuyển tiền ủng hộ xin quý độc giả ghi rõ tên người nhận báo và Số hiệu độc giả (SH: ...) để chúng tôi dễ dàng điều chỉnh và đối chiếu với danh sách nhận báo.

Congr. d. Ver. Vietn. Buddh. Kirche e.V. (C.V.B.D.)
Konto Nr. : 870 1633 - BLZ 250 70024
Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

Huỳnh Thiện Khiêm		5€.
Nguyễn thị Thu		10,23€.
Nguyễn thị Thu Hương	(Emden)	5€.
Cao Minh Miễn	(Berlin)	5€.
Võ thị My	(Denkelheim)	10,23€.
Lai Khánh Vân	(München)	10,23€.
Nguyễn thị Diệu Hạnh		15€.
Phan thị Đương	(Mannheim)	25,56€/3 tháng.
Hiếu Trần & Hương Trần		5€.
Vũ thị Minh Hằng	(Karlsruhe)	30,68€/6 tháng.-

Định kỳ hàng tháng xây chùa Viên Giác

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi nào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về chùa. Xin thành thật cám ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Dường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào Konto như sau:

1. Congr.d.Verein Vietn.Buddh. Kirche e.V.
Konto Nr. 870 1633. BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac
Konto Nr. 870 3449 . BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover
(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Quý vị ở ngoài nước Đức xin chuyển vào Konto như sau:

3. Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche e.V
BIC: DEUTDEDBHAN
IBAN: DE 22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover – Germany

Ngoài ra Tu Viện Viên Đức ở Ravensburg có số Konto như sau:

4. Tu Viện Viên Đức
Konto Nr. 111 30 20 68 . BLZ 650 501 10
Kreissparkasse Ravensburg

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

https://tieulun.hopto.org

VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO
VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỴ NẠN
TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland

CHỦ TRƯƠNG (HERAUSGEBER)

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e. V.
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover - Deutschland

SÁNG LẬP CHỦ NHIỆM

Hòa Thượng Thích Như Điển

CHỦ BÚT

Phù Vân Nguyễn Hòa

QUẢN LÝ TÒA SOẠN

Thị Tâm Ngô Văn Phát

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

HT.Thích Như Điển - Đan Hà - Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Phan Ngọc - Hồng Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm - Phù Vân - Trương Ngọc Thanh - Lê Ngọc Châu. Dr. Tôn Thất Hứa.

❁

Tùy Anh (Đức) - Người Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý Cang (Pháp) - Trần Thị Hương Cau (Đức) - Trần Thị Nhật Hưng (Thụy Sĩ) - Lê Doãn Kim (Mỹ). Vi Vi Võ Hùng Kiệt (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada) - Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phan Hưng Nhơn (Đức) – Sư Huynh Hà Đậu Đồng (Đức) - Nhựt Trọng Tần Văn Minh (Đức) – Nguyên Hạnh HTD (Đức) – Hoa Lan (Đức) - Vân Nương LNC (Pháp) - TS. Lâm Như Tạng (Úc) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) - Nguyễn Thùy (Pháp) - Trần Thế Thi (Đức) - Nguyễn Quý Đại (Đức) - Huỳnh Ngọc Nga (Ý) – Thi Thi Hồng Ngọc (Đức) – Cư sĩ Liễu Pháp (Hoa Kỳ)

KỸ THUẬT ẤN LOÁT (Layout)

Trung Tâm VHXHPGVNTN tại CHLB Đức

CÙNG SỰ CỘNG TÁC CỦA (Mitwirkung von)

Hội Phật Tử VNTN tại Cộng Hòa Liên Bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TÒA SOẠN

Trung Tâm VHXHPGVNTN tại CHLB Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác
Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover
Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963
Homepage: http://www.viengiac.de
E-mail : viengiactu@viengiac.de
E-mail : baoviengiac@viengiac.de
E-mail : phuvan@viengiac.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ủng hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm.
- Những tư tưởng của tác giả được đăng và trích đăng trên báo Viên Giác không nhất thiết là lập trường của tờ báo và Ban Biên Tập. Tác giả chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung bài viết của mình.

Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V
Konto Nr. 870 16 33 - BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

Ngoài nước Đức gửi qua trương mục
Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.
Bic : DEUTDEDBHAN
IBAN : DE 22 2507 0024 0870 1633 00
Deutsche Bank Hannover

Mục lục

	Trang
- Chúc Mừng Năm Mới	1
- Thư tòa soạn	2
• Tôn giáo	
- Bản lên tiếng của Giáo Hội.PGVNTN Liên Châu	4
- Tự tánh Tam Bảo Viên Ngọc Minh Châu (TN. Chân Liễu	5
- Tìm hiểu Tánh Không (Hoang Phong)	8
- Cái Ta lăng xăng gây ra đau khổ (Đoàn Văn Thông)	13
- Bản Giác (TS.Lâm Như Tạng)	16
- Ý niệm và thực tại - Chân Đế và Tục Đế (Cư sĩ Liễu Pháp)	19
- Vua Milinda vấn đạo (Cư sĩ Liễu Pháp)	23
- Đạo Phật và tôi – Con đường đi tìm trí huệ (Bùi Thế Trường)	28
• Chủ đề - Văn Học - Nghệ Thuật	
- Sớ Táo Quân (Trần Thế Thi)	32
- Năm Thìn muốn biết ... (Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ)	35
- Ngày Tết nói chuyện Phúc-Lộc Thọ (Nguyễn Tiến Văn)	38
- Năm Thìn nói chuyện Rồng chuyện Tết (Thị Tâm Ngô Văn Phát)	41
- Con Rồng cháu Tiên (Nhựt Trọng)	43
- Rồng và những mẩu chuyện Rồng ở Việt Nam (Võ Đức Trung)	46
- Con Rồng trong dân gian (Nguyễn Quý Đại)	55
- Năm Thìn phiếm luận về Rồng (Phan Hưng Nhơn)	59
- Năm Thìn nói chuyện Rồng (Trần Văn Giang)	62
- Di tích Thăng Long (Trần Phong Lưu)	65
- Chuyện phiếm Ngày Xuân (Hoa Lan)	70
- Ngày Tết nhớ Mẹ (Trương Phú Thứ)	74
- Cô con gái quá giang đêm mồng Một Tết (Phạm Tín An Ninh)	76
- Chỉ là áng phù vân (Song Thư TTH)	81
- Thung lũng hồng (Trần Ngọc Nguyên Vũ)	87
- Tha La một địa danh lịch sử (An Tiêm Mai Lý Cang)	92
- 10 điều hạnh phúc của tôi (Thích Như Điển)	97
- Tình yêu và 7 sắc cầu vồng (Hạnh Dương)	102
- Hẻm nhỏ (Huỳnh Ngọc Nga)	106
- Cà phê Trúc Lâm (Thi Thi Hồng Ngọc)	113
- Nhật Quỳnh (Trần Thị Hương Cau)	120
- Thông báo huân tu & hành hương Đài Loan + Hongkong	122
- Những cánh én mang mùa Xuân muộn (Nguyên Hạnh HTD)	123
- Nhớ bạn Phong Hưng Lưu Nhơn Nghĩa (Áo Lục Nguyễn Long)	124
- Tôi học khí công (Lương Nguyên Hiền)	126
- Ngày ấy đã đến rồi... (Giao Chỉ - San Jose)	130
- Nói ngược, nói xuôi (Biếm văn của Tiểu Tử)	132
- Đâu chỉ là cái danh hảo! (Song Chi)	131
- Như một bông tuyết trở về (Nguyễn Đông Nhật)	136
- Rừng và tâm linh (Thái Công Tụng)	137
- Franz Listz (Tường Lam)	139
- Dầu Olive và chế độ dinh dưỡng Địa Trung Hải (Nguyễn Thượng Chánh; DVM & Dược sĩ Nguyễn Ngọc Lan	144
• Giới thiệu kinh sách mới	149
• Câu chuyện Y học	
- Chứng loãng và thoái hóa xương (Osteoporose)	150
• Tin Việt Nam (Viên Giác)	152
• Tin Sinh Hoạt Cộng Đồng (Viên Giác)	156
- Thông báo- Nhắn tin - Tìm thân nhân	
• Tin Phật sự (Nhựt Trọng)	160
• Tin tức nước Đức (Lê Ngọc Châu)	163
• Tin thế giới (Phan Ngọc)	167
• Hộp thư Viên Giác	175
• Chúc mừng - Phân ưu, Cáo phó, Cảm tạ	29+31+148+149+160+166
• Phương danh cúng dường	176
• Thông báo Quảng cáo + **Phát hành** lịch năm 2012 (Nhâm Thìn)	180

• **Thơ :** 7.- *Chiều cuối năm nhớ bạn* (Trần Trung Đạo). 22.- *Không* (Hoàng Quốc Hùng). 27.- *Em mãi là Xuân* (Tùy Anh); 37.- *Hãy cứu sơn hà* (Ý Nga). 42.- *Em đi tìm công lý ở nơi nao?* (Lê Diễn Đức). 75.- *Cơn bão mùa Xuân* (Nguyễn Phan Ngọc An). 80.- *Ray rức bến xưa* (thylanthao). 86.- *Mùa Xuân nào con sẽ về thăm Má* (Nghiêu Minh). 70.- *Biết đến bao giờ* (Nguyễn Phan Ngọc An). 122

• **Hình bìa :** "Con Rồng cháu Tiên" tranh của họa sĩ Cát Đơn Sa (USA)

• **Cáo lỗi** : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến và mục phương danh cúng dường không thể đăng hết trong kỳ nầy được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị. **- Báo Viên Giác -**

https://tieulun.hopto.org

THÔNG BÁO

Lịch Nhâm Thìn năm 2012

Trân trọng thông báo đến quý Phật Tử & Đạo Hữu giá phát hành Lịch Tử Vi & Lịch Treo Tường năm Nhâm Thìn (2012) như sau:

	Lịch tử vi	Treo tường
• Tại Chùa Viên Giác	**17€**	**11€**
• Gởi trong nước Đức	**19€**	**16€**
• Gởi ngoài nước Đức	**22€**	**17€**

Đề nghị quý vị nên gửi tiền mặt về Chùa, tiền để trong bao thư gói kỹ dán kín, tùy theo số tiền ít hay nhiều gởi thường hay bảo đảm hoặc chuyển vào Konto như sau:

1. *Trong nước Đức*

Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche
Konto Nr. 109594-307 - BLZ 250 100 30
Postbank Hannover

2. *Ngoài nước Đức*

Congr.d.Verein Vietn.Buddh.Kirche
IBAN DE 15 2501 0030 0109 5943 07
BIC PBNKDEFF
Postbank Hannover

Trong thư hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền Chùa sẽ gửi lịch ngay đến quý vị.

Không nhận gửi Nachnahme (Chuyển hóa giao ngân) vì tiền cước quá đắt, và
không nhận Check vì mỗi một tờ Check chùa phải mất 12,55€ đó là tiền dịch vụ ngân hàng.
Kính mong quý Đạo Hữu & Phật Tử xa gần ủng hộ.

Sang Restaurant – Imbiss

Cách trung tâm Hannover độ 1,5 km
Cạnh trạm xe Bus và Tàu điện

- Có 60 chỗ ngồi
- Có Kegelbahn
- Có chỗ đậu xe rộng rãi.
- Có Terrasse 20 chỗ ngồi.

Muốn biết thên chi tiết xin liên lạc :

Tel : 0511-53 94 406
(từ 10giờ - 21 giờ)

8358-186188 no

https://tieulun.hopto.org